KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

(Báo cáo Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ V)

Bao gồm:

1. **Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 số 40/BC-KTNN ngày 17 tháng 5 năm 2023.**
2. **Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 (9 phụ lục).**

Hà Nội, tháng 5 năm 2023

DANH MỤC VIẾT TẮT BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

STT	Tên đầy đủ	Tên viết tắt
1	Tập đoàn	TĐ
2	Tổng công ty	TCT
3	Cổ phần	CP
4	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	HUD
5	Tổng công ty Viễn thông Mobifone	Mobifone
6	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	PVCFC
7	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	PVFCCo
8	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	PVGAS
9	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Vinachem
10	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	VNPT
11	Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP	VNS
12	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Petrolimex
13	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	TCT Điện lực TKV
14	Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Sonadezi
15	Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Dofico
16	Ngân hàng Chính sách xã hội	NHCSXH
17	Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam	Vietlott
18	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	PGB
19	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	NHHTX
20	Công ty Cổ phần PVI	PVI
21	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	PJICO
22	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	NHCT
23	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	NHNN
24	Kết cấu hạ tầng đường sắt	KCHTĐS
25	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	TCTĐSVN
26	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	NN&PTNT
27	Ủy ban nhân dân	UBND

STT	Tên đầy đủ	Tên viết tắt
28	Hội đồng nhân dân	HĐND
29	Bảo vệ môi trường	BVMT
30	Khu công nghiệp	KCN
31	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
32	Tài nguyên nước	TNN
33	Ngân sách Nhà nước	NSNN
34	Ngân sách Trung ương	NSTW
35	Ngân hàng Nhà nước	NHNN
36	Nhà ở xã hội	NOXH
37	Công nghệ thông tin	CNTT
38	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT
39	Đại học Quốc gia	ĐHQG
40	Đài Truyền hình Việt Nam	Đài THVN
41	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ KH&ĐT
42	Bộ Giao thông vận tải	Bộ GTVT
43	Cục Đường sắt Việt Nam	Cục ĐSVN
44	Thành phố Hồ Chí Minh	TPHCM
45	Thuế Giá trị gia tăng	Thuế GTGT
46	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Thuế TNDN
47	Thuế Thu nhập cá nhân	Thuế TNCN
48	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Viện HLKH&CN
49	Kế hoạch đầu tư công trung hạn	KH ĐTCTH
50	Kế hoạch vốn	KHV
51	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ TN&MT
52	Ngân sách địa phương	NSĐP
53	Tổng mức đầu tư	TMĐT

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/BC-KTNN

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

Tổng hợp kết quả chính từ 360 BCKT của 190 nhiệm vụ kiểm toán[1] tổ chức trong năm 2022 đối với niên độ ngân sách năm 2021 (Chi tiết tại Phụ lục 01), KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội các kết quả kiểm toán năm 2022 như sau:

A. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

I. VỀ KIỂM TOÁN NSNN NĂM 2021

1. Về lập và giao dự toán

1.1. Dự toán thu NSNN

Dự toán thu được Quốc hội quyết nghị và Chính phủ giao 1.358.084 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 1.133.500 tỷ đồng; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu 178.500 tỷ đồng (trong đó hoàn thuế GTGT 136.500 tỷ đồng); thu từ dầu thô 23.200 tỷ đồng; thu viện trợ 22.884 tỷ đồng. Qua kiểm toán cho thấy:

(1) Tại thời điểm lập dự toán tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, chưa dự báo được, dịch bệnh đã có những tác động nặng nề đến nền kinh tế, các địa phương đánh giá tiêu cực, Chính phủ dự báo thận trọng, chưa lường hết được các yếu tố ảnh hưởng đến thu, chi ngân sách của cả năm 2020 và 2021[2], dẫn đến ước thực hiện thu năm 2020 làm cơ sở dự toán năm 2021 thấp hơn[3] thực hiện[4].

---

[1] Bao gồm kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT; 18 nhiệm vụ kiểm toán tại 24 bộ, cơ quan trung ương; 51 nhiệm vụ kiểm toán tại 60 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 11 chủ đề kiểm toán hoạt động; 30 chuyên đề; 37 nhiệm vụ kiểm toán dự án đầu tư; 17 nhiệm vụ kiểm toán Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các DNNN, tổ chức TCNH và 24 nhiệm vụ kiểm toán lĩnh vực quốc phòng, an ninh, các cơ quan đảng.

[2] Tại thời điểm Chính phủ trình Quốc hội (tháng 10/2020), đã đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid 19: (i) thu nội địa trừ dầu năm 2020 bằng 88,3% so với dự toán giao (1.115.600/1.264.100 tỷ đồng), thu nội địa không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT, thu bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, chênh lệch thu chi ngân hàng nhà nước chỉ đạt 82% so với với dự toán giao; (ii) thu xuất nhập khẩu ước thực hiện năm 2020 đạt 88,8% dự toán giao (300.000/338.000 tỷ đồng); (iii) Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh tăng bội chi NSNN năm 2020 từ 3,4% (dự toán giao đầu năm) lên 5%.

[3] Ước thực hiện thu nội địa (trừ dầu thô) năm 2020 Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 36/BC-CP ngày 15/10/2020 là 1.115.600 tỷ đồng, bằng 88,3% dự toán năm 2020 (1.115.600/1.264.100 tỷ đồng) và bằng 86,2% thực tế thực hiện năm 2020 (1.115.600/1.293.728 tỷ đồng); ước thực hiện thu xuất nhập khẩu năm 2020 là 300.000 tỷ đồng, bằng 88,8% so với dự toán năm 2020 (300.000/338.000 tỷ đồng), bằng 95,4% thực tế thực hiện năm 2020 (300.000/314.468,8 tỷ đồng). Trong đó: 62/63 địa phương ước thực hiện thu nội địa năm 2020 không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT, thu bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm cơ sở xây dựng dự toán năm 2021 thấp hơn so với thực hiện năm 2020, trong đó có 16 địa phương ước thực hiện thấp dưới 80% so với thực hiện.

[4] Thực tế 3 tháng cuối năm 2020 tình hình kinh tế có nhiều khởi sắc, thực hiện thu nội địa trừ dầu năm 2020 vượt dự toán giao đầu năm 0,3% (1.268.105/1.264.100 tỷ đồng) tăng 13,6% so với ước thực hiện tại thời điểm lập dự toán; thu XNK bằng 93% so với dự toán giao (314.468,8/338.000 tỷ đồng) tăng 4,8% so với ước thực hiện tại thời điểm lập dự toán.

(2) Lập dự toán một số chỉ tiêu chưa phù hợp thực tế và khả năng thu[5]. Một số địa phương lập dự toán chưa đầy đủ, chưa bao quát hết nguồn thu[6]; dự toán thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu năm 2021 chưa đảm bảo mức phấn đấu tăng tối thiểu 4-6%[7] so với đánh giá ước thực hiện năm 2020 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(3) Dự toán hoàn thuế GTGT năm 2021 các địa phương lập 153.886 tỷ đồng, Bộ Tài chính xây dựng là 136.500 tỷ đồng[8], số thực hiện hoàn thuế GTGT là 160.798 tỷ đồng[9]. Dự toán hoàn thuế GTGT phải bổ sung trong năm lớn (17,8% so với dự toán giao), là năm thứ 4 liên tiếp Bộ Tài chính bổ sung so với dự toán được Quốc hội giao đầu năm[10].

1.2. Dự toán chi NSNN

Dự toán chi cân đối NSNN được Quốc hội quyết nghị và Chính phủ giao 1.701.713 tỷ đồng[11], cụ thể:

1.2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển

Dự toán 479.568 tỷ đồng[12], trong đó dự toán được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12/11/2020 là 477,3 nghìn tỷ đồng[13], Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021[14] cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương với tổng số vốn 461,3 nghìn tỷ đồng (đạt 96,6% Kế hoạch Quốc hội quyết định); còn 16 nghìn tỷ đồng vốn của các Chương trình MTQG chưa giao do chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của 03 CTMTQG chậm

---

[5] (i) Thu bán vốn DNNN chưa có kế hoạch cổ phần hóa giai đoạn 2021-2025 nhưng vẫn lập dự toán thu năm 2021 là 40.000 tỷ đồng, dẫn đến khi thực hiện chỉ đạt 1.302 tỷ đồng (trong đó Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp nộp 1.000 tỷ đồng) bằng 3,2% dự toán giao (năm 2020 khoản thu này cũng không đạt dự toán giao); (ii) khoản thu tiền sử dụng đất nộp NSTW được lập và giao 5.000 tỷ đồng nhưng không thuyết minh cơ sở lập dự toán, thực hiện không đạt dự toán giao (năm 2019, 2020 cũng đều không đạt); (iii) thu tiền sử dụng đất do các địa phương lập thấp hơn khả năng thu, thực hiện năm 2021 vượt 74% dự toán (185.199/106.400 tỷ đồng).

[6] Thành phố Hải Phòng (các quận Dương Kinh, Kiến An; huyện Thủy Nguyên); tỉnh Ninh Thuận, Cao Bằng, Bình Định, Sóc Trăng, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Bạc Liêu, Hà Giang, Sơn La, Gia Lai, Nghệ An, Quảng Trị (huyện Gio Linh, Hướng Hóa), Bắc Giang (TP. Bắc Giang), Điện Biên (TP. Điện Biên Phủ), Khánh Hòa (TP. Nha Trang).

[7] Tỉnh Vĩnh Phúc, Lâm Đồng, Quảng Trị.

[8] Tại Báo cáo số 36/BC-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ: Dự toán năm 2021 xây dựng trên cơ sở ước thực hiện hoàn thuế GTGT năm 2020 là 130.000 tỷ đồng, thực tế thực hiện năm 2020 là 137.019 tỷ đồng.

[9] Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 148/BC-CP ngày 26/4/2022 về đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2021, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

[10] Năm 2018 bổ sung 7.783 tỷ đồng, năm 2019 bổ sung 21.743 tỷ đồng, năm 2020 bổ sung 7.019 tỷ đồng, năm 2021 bổ sung 24.298 tỷ đồng.

[11] Tại các Nghị quyết số 128/2020/QH14 (1.687.000 tỷ đồng), Nghị quyết số 82/2023/QH15 (14.713,362 tỷ đồng). Trong năm điều chỉnh tăng, giảm giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo Nghị quyết số 410/NQ-UBTVQH15 ngày 01/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (3.280,964 tỷ đồng).

[12] Đã bao gồm kế hoạch vốn điều chỉnh theo Nghị quyết số 410/NQ-UBTVQH15 điều chỉnh tăng dự toán chi đầu tư của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan là 2.268,3 tỷ đồng của Bộ Tài chính theo Nghị quyết số 82/2023/QH15.

[13] Trong đó: Chi ĐTPT của các bộ, cơ quan trung ương là 105.941,356 tỷ đồng; chi cho các ban quản lý khu công nghệ, làng văn hóa do NSTW đảm bảo 645,374 tỷ đồng; chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp 645,004 tỷ đồng; chi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao cho các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng 654,8 tỷ đồng; chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP 98.113,166 tỷ đồng; chi chương trình MTQG 16.000 tỷ đồng.

[14] Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

được phê duyệt[15], đã được Quốc hội cho phép chuyển nguồn sang năm 2022[16]. Qua kiểm toán còn một số hạn chế:

(1) Bộ KH&ĐT ban hành hướng dẫn[17] về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 chậm so với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Đầu tư công (trước 15/6 hàng năm)[18]; KHV đầu tư công nguồn NSTW giao chậm so với quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật Đầu tư công (trước ngày 30/11 hàng năm) và khoản 5 Điều 44 Luật NSNN (trước ngày 20/11 hàng năm).

(2) Theo báo cáo của Bộ KH&ĐT[19], đến hết ngày 31/12/2021 còn 09 bộ, cơ quan trung ương[20] và 21 địa phương[21] chưa phân bổ chi tiết cho các dự án với tổng số vốn 9.027,33 tỷ đồng.

Quy định về thẩm quyền, thời gian kiểm tra phân bổ KHV hàng năm giữa quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP còn có sự chồng chéo, không thống nhất[22].

---

[15] Cuối năm 2021, đầu năm 2022 các Chương trình mới được phê duyệt (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 10/10/2021; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022).

[16] Tại Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 về dự toán NSNN năm 2022.

[17] Công văn số 5006/BKHĐT-TH ngày 04/8/2020.

[18] Chỉ thị xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021 chậm được ban hành: Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020, trong khi Luật quy định trước ngày 15/5 hàng năm (khoản 1 Điều 44 Luật NSNN; khoản 1 Điều 56 Luật Đầu tư công).

[19] Báo cáo số 2156/BC-BKHĐT ngày 01/4/2022 về kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022.

[20] Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học công nghệ Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

[21] Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Bạc Liêu.

[22] Khoản 3 Điều 65 Luật Đầu tư công quy định "*3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm việc giao, chấp hành kế hoạch đầu tư công theo quyết định của cấp có thẩm quyền.*"; khoản 2 Điều 44 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định "*2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện rà soát báo cáo phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư vốn NSNN đã được giao; không bảo đảm các yêu cầu theo quy định về pháp luật đầu tư công, có ý kiến bằng văn bản cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi*".

Trong khi đó, khoản 2 Điều 49 Luật NSNN năm 2015 quy định "*2. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách*."; khoản 4 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định "*4. Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại*".

(3) Về thực hiện KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025

Đến thời điểm tháng 02/2023, số vốn kế hoạch ĐTCTH còn lại chưa được cấp có thẩm quyền phân bổ, giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương là 180.420,011 tỷ đồng (NSTW 43.420,011 tỷ đồng, NSĐP 137.000 tỷ đồng). Qua kiểm toán cho thấy: (i) KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025[23] của Chính phủ trình Quốc hội khi một số địa phương[24] chưa có ý kiến của HĐND theo quy định tại khoản 5, khoản 10 Điều 55 Luật Đầu tư công; (ii) Giao KH ĐTCTH chậm, giao nhiều đợt; đến tháng 02/2023, đã hết 02 năm thực hiện KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025, Bộ KH&ĐT chưa tham mưu để Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao hết KH ĐTCTH đã được Quốc hội thông qua[25]. (iii) Kết quả kiểm toán tại các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cho thấy còn hạn chế, việc lập KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025 chưa đảm bảo quy định[26]; thẩm định[27], phê duyệt và điều chỉnh KHV ĐTCTH chưa đủ điều kiện[28], chưa sát thực tế[29], chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên[30], chưa bố trí đủ vốn đối ứng[31]; không đủ khả năng cân đối KHV ĐTCTH nguồn NSĐP để hoàn thành dự án[32], không bố trí KHV ĐTCTH để

---

[23] Báo cáo số 243/BC-CP của Chính phủ ngày 16/7/2021.

[24] 35 địa phương trình HĐND xin ý kiến sau khi gửi Bộ KH&ĐT thẩm định.

[25] Tại khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022, Quốc hội đã giao Chính phủ xây dựng phương án phân bổ số vốn còn lại của kế hoạch ĐTCTH để bố trí cho các dự án khi đủ điều kiện theo quy định, báo cáo UBTVQH xem xét, cho ý kiến trước ngày 31/3/2023.

[26] (i) TW Hội LHPNVN: Mức vốn đề xuất mới chỉ đạt 85,8% TMĐT (404,496 tỷ đồng/ 471,167 tỷ đồng); (ii) Bộ GD&ĐT: Chưa lập danh mục về KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án tăng cường trang thiết bị, dự án cải tạo, nâng cấp có cấu phần xây dựng theo quy định; (iii) Bộ Ngoại giao: Lập KHV ĐTC năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 bao gồm cả các dự án đầu tư dở dang từ nguồn vốn 70% phí lãnh sự được để lại chi đầu tư dẫn đến giá trị tăng cao; (iv) Viện HLKHCN: Không lập danh mục, trình cấp có thẩm quyền để trình Thủ tướng Chính phủ về KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025 đối với các dự án tăng cường trang thiết bị, dự án cải tạo, nâng cấp có cấu phần xây dựng mà đưa vào dự toán chi thường xuyên hàng năm.

[27] Tỉnh An Giang, Tiền Giang, Trà Vinh (chưa tổ chức thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý ĐTC cấp tỉnh thẩm định KHV ĐTCTH).

[28] Tỉnh Thái Bình (bố trí cho nhiều dự án chưa được cấp có thẩm quyền quyết định CTĐT), Thanh Hóa (một số dự án nhóm B và nhóm C dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được bố trí đủ vốn; bố trí vốn khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định CTĐT), Đắk Nông (huyện Đắk R'lấp bố trí KHV trung hạn cho 06 dự án khi chưa phê duyệt CTĐT).

[29] Tỉnh Ninh Thuận (KHĐTCTH nguồn NSTW có 06 dự án thừa 130,55 tỷ đồng so với TMĐT điều chỉnh).

[30] Tỉnh Hà Giang (03 cụm công nghiệp đã có quy hoạch được phê duyệt), Cao Bằng (04 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành giai đoạn 2021-2025 chưa bố trí 1.172,11 tỷ đồng so với TMĐT), Thái Bình (chưa bố trí vốn hoặc bố trí vốn chưa đủ phần ngân sách tỉnh; không bố trí đủ nhu cầu vốn cho 12 dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2021-2025), Thanh Hóa (bố trí không đủ vốn cho dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán và một số dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán; một số dự án chuyển tiếp sử dụng vốn NSTW và địa phương nhưng chưa bố trí vốn địa phương).

[31] Tỉnh Thái Bình bố trí 105/153,886 tỷ đồng vốn đối ứng dự án ODA.

[32] Tỉnh Nam Định 04 dự án.

trả nợ đọng XDCB[33]; bố trí KHV ĐTCTH vượt TMĐT[34], xác định nguồn vốn chưa phù hợp kế hoạch tài chính 05 năm[35].

(4) Kết quả kiểm toán công tác lập, thẩm định, phân bổ vốn đầu tư dự án còn cho thấy: Lập kế hoạch đầu tư công năm 2021 chưa tuân thủ đầy đủ quy định[36]; đăng ký nhu cầu vốn cho dự án ngoài danh mục KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025[37], thiếu so với nhu cầu[38] hoặc chưa dự kiến đúng nhu cầu phải điều chỉnh[39]. Giao KHV vượt nhu cầu[40], vượt KH ĐTCTH[41] và TMĐT[42], chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên[43], ngoài hạn mức KH ĐTCTH[44], thậm chí không có trong KH ĐTCTH[45], không phân bổ hết KHV[46] hoặc chưa sát với thực tế[47]; bố trí

---

[33] Thành phố Hải Phòng 385 tỷ đồng; tỉnh Quảng Ngãi 92,3 tỷ đồng.

[34] Tỉnh Lâm Đồng: 02 dự án vượt 2,57 tỷ đồng.

[35] Tỉnh Cao Bằng.

[36] Trung ương Đoàn TNCS HCM, TW Hội LHPNVN: Chưa hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập lập KHĐTC hằng năm; không tổng hợp phương án phân bổ chi tiết, KHĐTC hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

[37] Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh Hội LHPNVN 10 tỷ đồng.

[38] Dự án thành phần ĐTXD đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án ĐTXD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020: Bộ GTVT tổng hợp thiếu nhu cầu KHV năm 2022 là 268,979 tỷ đồng.

[39] Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp.

[40] Dự án Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Dự án xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng, tỉnh Đắk Lắk; Dự án Nhà máy nước Hòa Liên, thành phố Đà Nẵng; Bộ GTVT: Giao KHV năm 2022 cho dự án vượt nhu cầu vốn Ban QLDA6 đăng ký 44,02 tỷ đồng; DA nâng cấp QL30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, Đồng Tháp được giao KHV đợt 1 là 300 tỷ đồng, trong khi nhu cầu đăng ký 100 tỷ đồng (trong năm phải điều chỉnh giảm 204,968 tỷ đồng); tỉnh Lâm Đồng 16,35 tỷ đồng, Bình Định 253 tỷ đồng.

[41] Thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng; tỉnh Thừa Thiên Huế, Bình Định, Phú Yên, Bến Tre.

[42] Tỉnh Lâm Đồng, An Giang; Dự án Nhà máy nước Hòa Liên, thành phố Đà Nẵng; Dự án đường cặp kênh Thanh Hải, tỉnh Long An.

[43] Bộ TN&MT, NN&PTNT; tỉnh Hà Nam, Quảng Ngãi, Bắc Giang, Điện Biên, Lai Châu, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Hà Giang, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Đắk Nông, Kon Tum, Đắk Lắk, Quảng Nam, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Sơn La, Yên Bái, TPHCM.

[44] Bộ GD&ĐT: Phân bổ và thực hiện KHV ngoài hạn mức KHĐTCTH giai đoạn 2016-2020 (Dự án ĐTXD mới Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao TP. HCM 238,2 tỷ đồng).

[45] Tỉnh Nghệ An 06 dự án, Bình Định 09 dự án, Lâm Đồng 22 dự án, Khánh Hòa 09 dự án, Đồng Tháp 12 dự án, Tiền Giang 36 dự án, Trà Vinh 27 dự án, Vĩnh Long 06 dự án.

[46] Bộ GD&ĐT: 887,376/955,151 tỷ đồng vốn nước ngoài được giao (tương đương 93%); Liên Minh HTX VN: 48,4 tỷ đồng.

[47] Tỉnh Kon Tum, Hà Giang (huyện Yên Minh 05 dự án), Đắk Lắk (TP Buôn Ma Thuột 12 dự án).

KHV không thuộc đối tượng[48], chưa đúng dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ[49] hoặc bố trí cho một số dự án chưa phù hợp nhu cầu và khả năng thực hiện phải điều chỉnh[50], điều chuyển cho dự án khác[51] hoặc giảm KHV[52]; chưa bố trí đủ vốn đối ứng[53]; bố trí vốn chưa đủ điều kiện[54], sai nội dung nguồn kinh phí[55]; bố trí khi chưa hoàn thành thủ tục đầu tư[56]; bố trí vốn dự án quá thời gian quy định[57], chưa đảm bảo cơ cấu theo TMĐT[58]; chưa bố trí thu hồi vốn ứng trước[59], ứng trước chưa đúng quy

---

[48] Thành phố Đà Nẵng 21,7 tỷ đồng cho 03 dự án thuộc chợ hạng 2; tỉnh Bình Định 7,3 tỷ đồng để mua sắm xe ô tô, mua sắm trang thiết bị; An Giang phân bổ vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để xây dựng trụ sở cơ quan; Thanh Hóa có 03 dự án được phân bổ 24,344 tỷ đồng (dự phòng ngân sách tỉnh) không phải dự án khẩn cấp; Đắk Lắk phân bổ 37 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019 cho 04 dự án và 32 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020 cho 01 dự án không đúng đối tượng; Bạc Liêu (dự án Khu Công nghiệp Trà Kha, Khu NN Tôm Bạc Liêu).

[49] Bộ GTVT: Dự án nâng cấp QL15 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Thanh Hoá - Tiểu dự án 3 (Km53-Km109) dự kiến giao KHV để hoàn thành trong năm 2022 là 300 tỷ đồng, thực tế giao 180 tỷ đồng; Dự án ĐTXD công trình luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu (thực hiện giai đoạn 2) dự kiến giao KHV năm 2021 là 200 tỷ đồng, thực tế giao 32,34 tỷ đồng; Dự án cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km8-Km29 và Km40-Km66 trên QL4A tỉnh Lạng Sơn dự kiến 162,5 tỷ đồng, thực tế giao 82,5 tỷ đồng; Dự án ĐTXDCT nâng cấp QL32C đoạn Hiền Lương -TP Yên Bái (Km79+00 - Km96+500) có nhu cầu do chủ đầu tư lập 150 tỷ đồng, dự kiến 170 tỷ đồng, thực tế giao 100 tỷ đồng; Dự án ĐTXDCT cải tạo NC QL4E Km0-Km44+600 Lào Cai có nhu cầu do chủ đầu tư lập 109,91 tỷ đồng để thanh toán nợ XDCB, dự kiến 100 tỷ đồng, thực tế giao 180,057 tỷ đồng, trong đó 80,057 tỷ đồng thanh toán nợ XDCB; Dự án ĐT nâng cấp QL37 đoạn từ Km280-Km340 - Yên Bái có nhu cầu do chủ đầu tư lập 200 tỷ đồng (trong đó thanh toán nợ XDCB 42,31 tỷ đồng), dự kiến 200 tỷ đồng, thực tế giao 119,441 tỷ đồng (trong đó 19,441 tỷ đồng để thanh toán nợ XDCB); Dự án đường nối cao tốc HN - HP với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình GĐ2 thiếu đăng ký nhu cầu của chủ đầu tư, dự kiến 500 tỷ đồng, thực tế giao 979 tỷ đồng.

[50] Bộ TN&MT: 02 lần điều chỉnh cho 04 dự án.

[51] Một số dự án của: (i) Trung ương Đoàn TNCS HCM; (ii) Bộ Xây dựng.

[52] (i) Bộ GTVT: Hủy KHV 2.707,681 tỷ đồng; (ii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Dự án Trung tâm hoạt động TTN Cà Mau giảm 0,8 tỷ đồng; Dự án xây dựng cầu giao thông nông thôn khu vực khó khăn giai đoạn 2021-2025 là 13,5 tỷ đồng; Tỉnh Bạc Liêu giảm KHV 05 dự án 68,1 tỷ đồng.

[53] Tỉnh An Giang, Ninh Thuận, Tiền Giang, Trà Vinh, Đắk Nông.

[54] Tỉnh Bình Định, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Hà Giang, Nam Định, Thái Bình, Kon Tum, Bạc Liêu và thành phố Hải Phòng. Dự án đầu tư giai đoạn 2 Trường trung cấp nghề và đào tạo cán bộ hợp tác xã miền Nam (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam): Theo báo cáo của Cục kinh tế hợp tác - Bộ KH&ĐT (ngày 06/3/2023), dự án chưa đủ điều kiện để giao vốn thực hiện đầu tư và Bộ KH&ĐT đã có ý kiến tại Văn bản số 507/BKHĐT-HTX ngày 29/01/2021, số 3124/BKHĐT ngày 25/5/2021, tuy nhiên qua kiểm tra cho thấy trong năm 2021 dự án đã được giao 38,227 tỷ đồng để thực hiện dự án.

[55] Tỉnh Điện Biên, Kon Tum, Vĩnh Long.

[56] Tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang.

[57] Thanh tra Chính phủ: Dự án Trụ sở tiếp công dân tại Hà Nội quá 6 năm; Dự án nhà làm việc Miền Trung - Tây Nguyên quá 13 năm; TPHCM 1.307 dự án; dự án nhóm B quá 04 năm (tỉnh An Giang, Bến Tre, Hà Giang, Cao Bằng, Nam Định, Bạc Liêu, Sơn La); dự án nhóm C quá 03 năm (tỉnh Hà Nam, TT Huế, Nghệ An, Quảng Ngãi, Long An, Bạc Liêu, Cà Mau, Sơn La, Quảng Bình, Lâm Đồng, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Hà Giang, Nam Định, Thái Bình, Đắk Nông, Đắk Lắk và TPHCM).

[58] Tỉnh Lâm Đồng 12 dự án, Bạc Liêu 03 dự án; Dự án ĐTXD tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

định[60]; chưa nộp trả nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu[61], nguồn vốn CTMTQG chưa giải ngân hết[62]; tạm ứng sai quy định[63]; điều chuyển, điều chỉnh KHV chậm so quy định[64] nên không giải ngân được theo kế hoạch[65], phải hủy KHV[66]; điều chỉnh, bổ sung KHV chưa đúng nguyên tắc[67].

1.2.2. Dự toán chi thường xuyên

Dự toán được Quốc hội quyết nghị và Chính phủ giao 1.049.175 tỷ đồng, bằng 61,65% tổng dự toán chi NSNN. Kết quả kiểm toán cho thấy:

(1) Giao dự toán đầu năm[68] chậm so với quy định tại Điều 44 Luật NSNN (giao trước ngày 20/11/2020); giao bổ sung dự toán vào thời điểm cuối năm, dẫn đến có đơn vị không thực hiện được phải chuyển nguồn, có đơn vị phải hủy dự toán[69].

(2) Ngoài ra, qua kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn hạn chế:

---

[59] Tỉnh Hà Nam 584 tỷ đồng, Bắc Ninh 44,5 tỷ đồng, Quảng Trị 16,8 tỷ đồng, Quảng Ngãi 255,8 tỷ đồng, Sơn La 44,7 tỷ đồng, Lai Châu 46,49 tỷ đồng, Phú Yên 30 tỷ đồng, Ninh Thuận 6,96 tỷ đồng, Đồng Tháp 33,84 tỷ đồng, Tiền Giang 88,77 tỷ đồng, Bến Tre 251,82 tỷ đồng, Trà Vinh 73,50 tỷ đồng, Hà Giang 562,48 tỷ đồng, Cao Bằng 18,186 tỷ đồng, Nam Định 419,469 tỷ đồng, Thanh Hóa 8,357 tỷ đồng, Gia Lai 90,826 tỷ đồng, Kon Tum 106,7 tỷ đồng, Đắk Lắk 70,5 tỷ đồng, Lâm Đồng 121,07 tỷ đồng, Hà Giang 22,67 tỷ đồng, Lào Cai (NSĐP 65,9 tỷ đồng, NSTW 589 tỷ đồng), Hòa Bình 110,6 tỷ đồng và thành phố Hà Nội 186 tỷ đồng, Hải Phòng 462 tỷ đồng.

[60] Tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre.

[61] Tỉnh Lai Châu 77,49 tỷ đồng, Bến Tre 91,875 tỷ đồng, Đắk Nông 8,5 tỷ đồng, Bình Thuận 242,29 tỷ đồng, Bình Phước 3,71 tỷ đồng.

[62] Tỉnh Nghệ An 30,2 tỷ đồng, Quảng Trị 26,8 tỷ đồng, Cà Mau 18,4 tỷ đồng, Điện Biên 39,37 tỷ đồng, Khánh Hòa 2,4 tỷ đồng, Kon Tum 1,68 tỷ đồng.

[63] Tỉnh Bến Tre 137 tỷ đồng (sử dụng tạm ứng ngân quỹ nhà nước để chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong dự toán chi đầu tư năm 2021).

[64] Tỉnh Lai Châu, Phú Yên, Tiền Giang, Nam Định, Đắk Nông, Đắk Lắk.

[65] Tỉnh Hà Nam, Quảng Trị, Bạc Liêu, Lai Châu, Thái Nguyên, Ninh Bình.

[66] Tỉnh Bắc Ninh hủy KHV 137 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 4,6 tỷ đồng, Cà Mau 134,8 tỷ đồng, Sơn La 155 tỷ đồng, Bắc Giang 26,5 tỷ đồng, Lâm Đồng 753,89 tỷ đồng, Thái Nguyên 518,08 tỷ đồng (NS tỉnh), Hà Giang 700,8 tỷ đồng, Thanh Hóa 3,82 tỷ đồng (Dự phòng NSTW), Vĩnh Phúc 344,5 tỷ đồng, Bắc Kạn 254,6 tỷ đồng, Lạng Sơn 478 tỷ đồng, Thành phố HCM 8.787 tỷ đồng, Hải Phòng 149,3 tỷ đồng, Cần Thơ 1.149 tỷ đồng.

[67] Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Tiền Giang.

[68] Quyết định 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

[69] Theo báo cáo của Bộ Tài chính tại văn bản ngày 10/2/2023: Dự toán bổ sung để thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động cho 09 bộ, cơ quan trung ương là 111 tỷ đồng; quyết toán 0 tỷ đồng; hủy dự toán 6 tỷ đồng (100% kinh phí bổ sung cho Bộ Giao thông vận tải); chuyển nguồn 105 tỷ đồng. Dự toán bổ sung để thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững cho 07 bộ, cơ quan trung ương (bao gồm số của Bộ Quốc phòng) là 19,3 tỷ đồng; quyết toán (chưa bao gồm số của Bộ Quốc phòng) là 7,411 tỷ đồng; chuyển nguồn dự toán (chưa bao gồm số của Bộ Quốc phòng) là 9,889 tỷ đồng.

- Một số bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chưa phù hợp quy định[70]; cơ sở lập chưa đảm bảo[71]; lập chậm[72]; chưa lập hoặc lập chưa theo quy định Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (2021-2023) gửi Bộ Tài chính[73]. Một số địa phương chưa

---

[70] (i) Bộ TN&MT: Lập dự toán lương gồm dự kiến nâng lương, phụ cấp công vụ cho biên chế chưa tuyển và 100 biên chế đề nghị bổ sung 6,963 tỷ đồng; lập dự toán chi thường xuyên chưa tính đến số phải tinh giản theo lộ trình; lập dự toán một số nhiệm vụ KHCN mở mới khi chưa có quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (ii) Bộ NN&PTNT: Lập dự toán chi quản lý hành chính chưa trừ số biên chế phải tinh giản năm 2021; không lập dự toán CTMT, CTMTQG theo quy định; lập dự toán chi quản lý hành chính cho các khoản chi đặc thù ngoài định mức chưa phù hợp quy định (Văn phòng Bộ 16,049 tỷ đồng); chưa lập dự toán kinh phí tự chủ để chi hoạt động bộ máy (Trung tâm Khuyến nông Quốc gia); (iii) Bộ Ngoại giao: Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương chưa trừ số biên chế phải tinh giản năm 2021 tương ứng với số tiền 1,92 tỷ đồng; lập dự toán chi phí tiền lương, các khoản đóng góp theo lương vượt 02 chỉ tiêu so với Quyết định giao biên chế (Ủy ban Biên giới Quốc gia); lập dự toán chi thường xuyên vượt 1,894 tỷ đồng so với quy định; lập dự toán chi phí vận hành tòa nhà, chi phí bảo trì, bảo dưỡng trụ sở và các chi phí khác 25,34 tỷ đồng ngoài định mức phân bổ NSNN theo quy định (Khối Văn phòng Bộ Ngoại giao); lập và giao dự toán một số nhiệm vụ chi sự nghiệp KHCN chưa chi tiết tên nhiệm vụ (Học viện Ngoại giao); chưa xây dựng định mức phân bổ dự toán kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ áp dụng cho từng CQĐD Việt Nam ở nước ngoài theo quy định; (iv) Bộ GTVT: Lập dự toán chi theo định mức 63trđ/biên chế không phù hợp định mức phân bổ 47,2trđ/biên chế theo quy định (Văn phòng Bộ); (v) Bộ TT&TT: Lập dự toán một số nhiệm vụ chi vượt định mức quy định (chi cho lao động Hợp đồng 68 và Hợp đồng khác để thực hiện các nhiệm vụ của Văn phòng Bộ) số tiền 8,229 tỷ đồng.

[71] (i) Bộ TN&MT: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam lập, được giao dự toán tiền ăn định lượng, tiền nước sinh hoạt căn cứ trên văn bản hết hiệu lực (Quyết định số 43/2012/QĐ-TTg ngày 12/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ); (ii) Bộ GD&ĐT: Lập dự toán kinh phí thường xuyên sự nghiệp giáo dục đào tạo chưa có thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán của từng đơn vị; lập dự toán kinh phí hỗ trợ cải tạo cơ sở vật chất không có thuyết minh chi tiết từng dự án; (iii) Bộ Ngoại giao: Không thuyết minh cơ sở lập dự toán theo Thông tư số 71/2020/TT-BTC, như: Lập dự toán chi nhiệm vụ đặc thù khác của Bộ Ngoại giao đã có trong định mức phân bổ NSNN theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg; dự toán chi nhiệm vụ đặc thù ngoài định mức; chi hỗ trợ công tác quản lý lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài; chi niên liễm; hội nghị hội thảo quốc tế; Khối CQĐD Việt Nam ở nước ngoài lập dự toán không có căn cứ thuyết minh, hồ sơ chứng minh điều kiện được hưởng hỗ trợ học phí tại những địa bàn mà các trường công lập sở tại không có chính sách miễn học phí cho con thành viên CQĐD Việt Nam ở nước ngoài hoặc những địa bàn mà con của thành viên CQĐD Việt Nam ở nước ngoài phải học trường ngoài công lập theo quy định khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23/01/2019 của Chính phủ; (iv) Viện HLKHXH: Lập dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thiếu thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo nâng cấp mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện...; (v) Viện HLKHCN: Chưa đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 theo quy định; thuyết minh và dự toán thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng chưa đúng mẫu biểu theo quy định; kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất chưa thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, cải tạo, khối lượng công việc thực hiện dự kiến... kèm theo dự toán theo quy định; (vi) Bộ NN&PTNT: Lập dự toán một số lĩnh vực thiếu thuyết minh diễn giải chi tiết; lập dự toán sự nghiệp giáo dục đào tạo có nhiệm vụ hỗ trợ sửa chữa lớn các công trình xây dựng nhỏ, dở dang 180,96 tỷ đồng nhưng chưa kèm theo hồ sơ tài liệu theo quy định; (vii) Bộ GTVT: Lập dự toán chi thường xuyên chưa đánh giá đầy đủ nội dung theo quy định; lập dự toán chi CTMTQG giáo dục nghề nghiệp việc làm và an toàn lao động chưa đánh giá, tổng kết đầy đủ, toàn diện tình hình bố trí kinh phí, triển khai thực hiện giai đoạn 2016-2020; (viii) Bộ TT&TT: Lập dự toán nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất chưa có hồ sơ tài liệu theo quy định.

[72] (i) Bộ TN&MT: Cục Viễn thám, Trung tâm Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước quốc gia; (ii) Bộ Xây dựng: Lập dự toán thu chi NSNN năm 2021 gửi Bộ Tài chính chậm 28 ngày và một số đơn vị lập dự toán gửi Bộ chậm so với quy định; (iii) Bộ TT&TT: Học viện Công nghệ Bưu chính, Viễn thông; Cục Bưu điện Trung ương; Cục Viễn thông; Văn phòng Bộ; Cục Phát thanh truyền hình thông tin điện tử.

[73] (i) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Chưa lập số liệu Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (2021-2023) gửi Bộ tài chính; (ii) Liên minh HTX VN: Trung tâm KHCN và Môi trường, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam chưa xây dựng Kế hoạch tài chính 03 năm 2021-2023 đối với nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí sự nghiệp kinh tế khác; Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Trung ương chưa xây dựng phương án và kế hoạch, dự toán chi từ nguồn thu học phí để lại; (iii) Bộ GTVT: Lập Kế hoạch tài chính chưa đánh giá đầy đủ một số nội dung theo quy định.

lập dự toán chi tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa[74]; chưa lập dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn thu do sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính[75].

- Một số bộ, cơ quan trung ương phân bổ, giao dự toán chậm[76], chưa đảm bảo quy định[77]; điều chỉnh nhiều lần[78]; điều chỉnh sau ngày 15/11/2021 không đúng quy định Luật NSNN[79].

---

[74] Thành phố Hải Phòng; tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình.

[75] Tỉnh Bình Định.

[76] Bộ TN&MT, NN&PTNT, Xây dựng, GTVT; Trung ương Đoàn TNCS HCM, Tổng LĐLĐVN, Liên minh HTX VN, Ủy ban Dân tộc.

[77] (i) Bộ TN&MT: Phân bổ dự toán lương gồm tăng lương cơ học và phụ cấp công vụ chưa được quy định 2,436 tỷ đồng; phân bổ kinh phí nhiệm vụ "Sửa chữa phòng tiếp dân" 0,5 tỷ đồng cho Thanh tra Bộ sau ngày 30/6/2021 chưa đúng quy định tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ; không phân bổ dự toán cho nhiệm vụ "*Đề án xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường*" được Bộ Tài chính giao thực hiện; phân bổ dự toán một số hạng mục công việc có đơn giá, định mức vào nguồn không thường xuyên, phân bổ dự toán một số hạng mục chưa có đơn giá, định mức vào nguồn thường xuyên chưa phù hợp quy định tại Điều 3, Điều 19 Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; (ii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Phân bổ dự toán kinh phí sửa chữa Khu vệ sinh giảng đường nhà C và mua sắm tài sản cho Học viện TTNVN khi chưa có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật 1,8 tỷ đồng; phân bổ, giao dự toán một số nội dung về lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương vào kinh phí không thực hiện tự chủ 8,516 tỷ đồng; Viện Nghiên cứu Thanh niên (Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam) chưa được giao tự chủ tài chính nhưng được giao quỹ lương, các khoản tính chất lương vào kinh phí thường xuyên 3,04 tỷ đồng; (iii) Viện HLKHXH: Phân bổ kinh phí sửa chữa tại Bảo tàng dân tộc học Việt Nam 1,5 tỷ đồng khi chưa đủ cơ sở dẫn đến Bộ Tài chính phải yêu cầu phân bổ lại; phân bổ kinh phí hoạt động không thường xuyên chi mua sắm tài sản nhỏ (máy tính, máy in...) thuộc định mức chi thường xuyên theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Chính phủ 0,795 tỷ đồng; (iv) TW Hội LHPNVN: Giao dự toán sự nghiệp văn hóa thông tin không đúng chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển nên phải điều chuyển cho đơn vị khác 0,12 tỷ đồng; (v) Viện HLKHCN: Giao dự toán 100% quỹ tiền lương cho các cán bộ đi học nước ngoài trên 3 tháng cho một số đơn vị chưa đúng quy định tại Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP (Viện Sinh Thái và Tài nguyên Sinh vật 0,062 tỷ đồng; Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Nha Trang 0,078 tỷ đồng; Viện Địa lý 0,15 tỷ đồng); phân bổ, giao dự toán kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp KHCN thực hiện dự án tăng cường năng lực nghiên cứu và công trình cải tạo, sửa chữa khi dự án chưa được phê duyệt; (vi) Tổng LĐLĐVN: Không giao rõ nội dung quỹ lương và chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý theo phương án trình Bộ Tài chính dẫn đến còn một số đơn vị sử dụng quỹ lương 239,6 trđ để chi hoạt động chuyên môn, hành chính (Trường Trung cấp Công nghệ số 10, Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh); (vii) Bộ GD&ĐT: Phân bổ dự toán cho 02 dự án nâng cấp của Đề án Ngoại ngữ chưa bảo đảm đủ hồ sơ theo quy định; thay đổi cơ cấu kinh phí của dự án chưa phù hợp với phương án gửi Bộ Tài chính và Quyết định phê duyệt của Bộ GDĐT; (viii) Bộ NN&PTNT: Không giao số kiểm tra dự toán thu chi NSNN năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc theo quy định; giao dự toán kinh phí không tự chủ (Loại 340-341) đối với các nội dung chi thuộc kinh phí thực hiện tự chủ 13,396 tỷ đồng; giao dự toán chi tinh giản biên chế nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo 7,125 tỷ đồng cao hơn 1,125 tỷ đồng so với kinh phí giao đầu năm khi chưa có ý kiến của Bộ Tài chính; giao dự toán cho Tổng cục Thuỷ lợi về nội dung mua sắm, sửa chữa tài sản 1,512 tỷ đồng nhưng tại thời điểm giao chưa có đầy đủ hồ sơ; giao dự toán kinh phí sự nghiệp KHCN qua Văn phòng Bộ khi chưa xác định nhiệm vụ KHCN 14,650 tỷ đồng; giao dự toán khi chưa phê duyệt nhiệm vụ cụ thể 2,135 tỷ đồng (Cục CB&PTTTNS); (ix) Liên minh HTX VN: Giao dự toán kinh phí sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học cho một số đơn vị khi dự toán đơn vị lập không thuyết minh cơ sở tính toán và căn cứ xác định tỷ lệ hỗ trợ của NSNN (Trung tâm các Chương trình KTXH, Viện Phát triển kinh tế hợp tác, Trung tâm KHCN&MT); (x) Bộ TT&TT: Phân bổ dự toán chi thường xuyên vượt định mức tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ 8,229 tỷ đồng; điều chỉnh dự toán cho các đơn vị trong khi các đơn vị không xây dựng dự toán thực hiện (Cục Báo chí 2,5 tỷ đồng, Báo điện tử Vietnamnet 11 tỷ đồng); (xi) Ủy ban Dân tộc: Phân bổ khi chưa đủ cơ sở dẫn đến Bộ Tài chính phải yêu cầu làm rõ và phân bổ lại (Kinh phí sự nghiệp văn hoá thông tin 110 tỷ đồng; Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường 1,2 tỷ đồng; Kinh phí sự nghiệp KHCN 7,8 tỷ đồng); (xii) Bộ LĐTB&XH: Phân bổ kinh phí không thực hiện tự chủ cho các nhiệm vụ đặc thù 8,076 tỷ đồng chưa đúng quy định.

[78] (i) Viện HLKHXH điều chỉnh 19 lần; (ii) Bộ Xây dựng 19 lần; (iii) Viện HLKHCN 14 lần; (iv) Bộ NN&PTNT 28 lần; (v) Bộ TT&TT 17 lần; (vi) Ủy ban Dân tộc 10 lần.

[79] (i) Bộ TN&MT; (ii) Tổng LĐLĐVN; (iii) Các địa phương: TPHCM, Đà Nẵng; tỉnh Cao Bằng, Bắc Ninh, Bình Định, Quảng Nam, Điện Biên, Khánh Hòa, Tiền Giang, Thái Nguyên (Sở Giáo dục và Đào tạo, huyện Đồng Hỷ), Thái Bình (Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Bình), Hà Giang, Sơn La (thành phố Sơn La, huyện Sốp Cộp), Gia Lai (huyện Chư Pưh), Vĩnh Long.

- Một số đơn vị tại các địa phương giao dự toán chậm cho các đơn vị trực thuộc[80]; điều chỉnh dự toán cuối năm chưa có văn bản trình Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất theo quy định Luật NSNN[81]. Có 26/60 địa phương chưa phân bổ và giao dự toán hết cho đơn vị ngay từ đầu năm 10.497 tỷ đồng[82]; một số địa phương, ngân sách tỉnh hoặc ngân sách huyện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc chưa giữ lại[83] hoặc giữ lại chưa đủ[84] 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định; giao dự toán chi sự nghiệp KHCN[85], sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề[86] thấp hơn dự toán Trung ương giao; giao kinh phí chi thường xuyên để thực hiện một số dự án đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp chưa phù hợp quy định[87]; giao dự toán nhưng không có nhiệm vụ chi cụ thể[88]; giao dự toán không có trong tiêu chí, định mức phân bổ dự toán hoặc vượt định mức chi thường xuyên của HĐND tỉnh[89]; giao dự toán chi cho đơn vị thụ hưởng không tuân thủ dự toán đã được HĐND tỉnh quyết nghị[90]; giao dự toán hỗ trợ hoạt động cho các hội

---

[80] Tỉnh Tiền Giang (Sở GTVT và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch), Lâm Đồng (huyện Đạ Tẻh), Hà Giang (Sở Giao thông Vận tải), Sơn La (huyện Sông Mã, Quỳnh Nhai, Mai Sơn, Sốp Cộp), Cao Bằng (Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng UBND tỉnh, huyện Hà Quảng, huyện Nguyên Bình), Đắk Nông (huyện Đắk R'Lấp), Trà Vinh, Lai Châu.

[81] Tỉnh Tuyên Quang.

[82] Tỉnh Bình Thuận 1.823,9 tỷ đồng, Hà Tĩnh 1.528,63 tỷ đồng, Thanh Hóa 1.444,87 tỷ đồng, Nghệ An 1.307,09 tỷ đồng, Ninh Bình 945,89 tỷ đồng, Đồng Nai 765,1 tỷ đồng, Bến Tre 695,48 tỷ đồng, Trà Vinh 640,81 tỷ đồng, Quảng Bình 525,76 tỷ đồng, Đồng Tháp 447,73 tỷ đồng, Tiền Giang 398,25 tỷ đồng, Quảng Trị 328,59 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 279,37 tỷ đồng, Hải Dương 218,53 tỷ đồng, Lai Châu 178,17 tỷ đồng, Đắk Lắk 162 tỷ đồng, Lâm Đồng 155,42 tỷ đồng, An Giang 103,45 tỷ đồng,Tây Ninh 55,03 tỷ đồng, Sóc Trăng 51,42 tỷ đồng, Đắk Nông 51,14 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 20,84 tỷ đồng, Hòa Bình 20 tỷ đồng...

[83] TPHCM, Đà Nẵng 415,9 tỷ đồng, Cần Thơ 19 tỷ đồng; tỉnh Quảng Ngãi (huyện Ba Tơ 2,47 tỷ đồng), Quảng Nam (huyện Thăng Bình 0,43 tỷ đồng), Bình Định (Thành phố Quy Nhơn 5,7 tỷ đồng, huyện Phù Cát 4,43 tỷ đồng, huyện An Lão 3,06 tỷ đồng).

[84] Tỉnh Đắk Lắk 0,247 tỷ đồng, Hà Tĩnh 0,056 tỷ đồng.

[85] Thành phố Hải Phòng.

[86] Tỉnh Quảng Ninh, Nghệ An.

[87] Tỉnh Lâm Đồng (Thành phố Đà Lạt 19,47 tỷ đồng), Đắk Lắk 1,8 tỷ đồng, Long An (UBND tỉnh phê duyệt các công trình, hạng mục công trình xây dựng mới sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa cho Sở NN&PTNT; thị xã Kiến Tường, huyện Tân Hưng), Hà Giang 11,56 tỷ đồng, Tây Ninh 57 tỷ đồng.

[88] Một số đơn vị thuộc tỉnh Hà Giang, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Ninh, Cao Bằng, Đắk Nông, Bình Thuận, Hải Dương, Hòa Bình, thành phố Đà Nẵng.

[89] Tỉnh Tiền Giang (thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè), Gia Lai (02 huyện giao dự toán chưa phù hợp với nhiệm vụ chi phân cấp 1,57 tỷ đồng), Bình Định (thành phố Quy Nhơn giao dự toán chi QLHC, Đảng, Đoàn thể cấp xã vượt định mức số tiền 1,24 tỷ đồng), Sóc Trăng (UBND huyện Trần Đề giao kinh phí cho 10 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP với định mức 30 trđ/người/năm không có trong định mức quy định theo Nghị quyết số 76/2016/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh).

[90] Tỉnh Thái Bình (TP Thái Bình giao dự toán chi bổ sung cho ngân sách xã, phường 58,96 tỷ đồng, giảm 1,41 tỷ đồng so với dự toán tỉnh giao), Đồng Tháp (Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh giao dự toán chi các sự nghiệp của ngân sách cấp tỉnh cao hơn dự toán HĐND tỉnh quyết định), Hà Tĩnh (Huyện Thạch Hà giao dự toán 4,5 tỷ đồng chi sự nghiệp môi trường cấp xã là chưa đảm bảo theo quy định tại nghị quyết của HĐND tỉnh), Quảng Ninh (huyện Hải Hà phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên năm 2021 chưa khớp về chi tiết từng lĩnh vực chi so với dự toán Tỉnh giao).

chưa gắn với nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền giao[91] theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; giao dự toán nguồn kinh phí không tự chủ để chi các nhiệm vụ thuộc nguồn kinh phí tự chủ[92]; giao dự toán kinh phí chi tăng thu nhập chưa theo thứ tự ưu tiên nguồn kinh phí thực hiện theo quy định[93]; phân bổ vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư cho một số dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2021 không phù hợp quy định (UBND huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên 43 tỷ đồng); chưa lập dự toán[94], chưa bố trí đủ tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định[95]; chưa bố trí dự toán để hoàn trả đầy đủ các khoản nợ vay đến hạn[96], thu hồi các khoản ứng trước dự toán từ NSĐP[97]; cấp kinh phí chênh lệch tăng lương (mức lương cơ sở từ 1,21 trđ lên 1,49 trđ) cho các đơn vị cấp dưới nhưng chưa cân đối từ nguồn CCTL tại các đơn vị trước khi giao dự toán[98].

- Một số địa phương bố trí dự toán chưa xem xét đến việc cắt giảm chỉ tiêu biên chế, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW[99]; bố trí thêm định suất lao động tại các đơn vị ngoài chỉ tiêu biên chế được Bộ Nội vụ giao[100]; giao kinh phí ngoài chỉ tiêu biên chế được duyệt[101]; giao

---

[91] Tỉnh Tiền Giang (UBND Tỉnh, huyện Tân Phú Đông, thành phố Mỹ Tho), Quảng Ngãi (huyện Ba Tơ), An Giang (huyện An Phú, huyện Châu Thành), Bình Định (huyện Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn), Đắk Nông (huyện Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk R'Lấp), Thái Bình, Bến Tre.

[92] Thành phố Hà Nội (Quận Cầu Giấy 0,6 tỷ đồng, huyện Chương Mỹ 0,9 tỷ đồng, quận Thanh Xuân 0,5 tỷ đồng, huyện Phú Xuyên 0,1 tỷ đồng, huyện Quốc Oai 0,1 tỷ đồng).

[93] TPHCM giao dự toán kinh phí chi tăng thu nhập theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND của HĐND Thành phố chưa theo thứ tự ưu tiên nguồn kinh phí thực hiện theo quy định, xem xét đến nguồn thu tại đơn vị, nên một số đơn vị dự toán và quận, huyện khi chi thu nhập tăng thêm sử dụng nguồn NSNN cấp, trong khi nguồn CCTL của các đơn vị cấp Thành phố và quận, huyện còn thừa chuyển năm sau 7.256 tỷ đồng.

[94] Thành phố Hải Phòng (quận Hải An); tỉnh Ninh Thuận (Không bố trí dự toán từ đầu năm cho nhiệm vụ này, mà trong năm sử dụng nguồn XSKT để bổ sung cho nhiệm vụ).

[95] Thành phố Hải Phòng (huyện Thủy Nguyên 2,5%); tỉnh Sơn La (6,3%), Quảng Nam (02 huyện chưa trích 1,91 tỷ đồng), Khánh Hòa (Thành phố Cam Ranh, huyện Cam Lâm), Bình Định (trích thiếu 123 tỷ đồng); Đắk Nông (thành phố Gia Nghĩa 4,7 tỷ đồng), Bắc Giang (9%), Hải Dương (Ngân sách tỉnh, thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh, huyện Gia Lộc), Quảng Trị (trích thiếu 13,64 tỷ đồng), Phú Thọ (3,3%).

[96] Tỉnh Bạc Liêu 3,76 tỷ đồng, Đắk Nông 2,52 tỷ đồng.

[97] Hải Phòng 62,18 tỷ đồng.

[98] Thành phố Đà Nẵng 10,58 tỷ đồng; tỉnh Long An 70,4 tỷ đồng, Lâm Đồng 24,4 tỷ đồng.

[99] TPHCM (Các cấp ngân sách khi giao dự toán chưa giảm trừ dự toán chi hoạt động đối với số lượng biên chế giảm theo quy định); Tỉnh Tiền Giang (ngân sách cấp tỉnh), Quảng Bình (một số huyện), Vĩnh Phúc (một số thành phố và huyện), Quảng Trị (một số huyện), Lào Cai.

[100] Tỉnh Bình Thuận (giao bổ sung thêm biên chế trong các tổ chức Hội là 148 người, biên chế quản lý rừng phòng hộ năm 2021 là 480 người, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP vượt định mức Bộ Nội vụ giao 04 người).

[101] Tỉnh Tiền Giang (Tp Mỹ Tho), Lâm Đồng (phân bổ kinh phí 0,166 tỷ đồng cho 02 người vượt so với chỉ tiêu biên chế được giao năm 2021 cho khối đơn vị sự nghiệp giáo dục), Quảng Nam (Huyện Phước Sơn giao 0,1 tỷ đồng tương ứng 02 người), Khánh Hòa (Thành phố Nha Trang giao kinh phí 11,5 tỷ đồng tương ứng 129 người), Bình Định (Thành phố Quy Nhơn giao 0,4 tỷ đồng tương ứng 10 người), Đắk Lắk (giao kinh phí cho các hội chi trả tiền lương nhân viên hợp đồng 0,77 tỷ đồng ngoài chỉ tiêu số lượng người làm việc được UBND Tỉnh giao).

biên chế, kinh phí cho đơn vị không được giao chỉ tiêu hợp đồng, số lượng biên chế hoặc không có quy định[102]; giao dự toán đối với số lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ không phù hợp quy định[103]; giao dự toán bao gồm cả phụ cấp công vụ đối với số biên chế chưa tuyển đủ không phù hợp quy định[104]. Một số đơn vị trực thuộc một số tỉnh, thành phố giao dự toán quỹ lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo quy định[105]; phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập chưa phù hợp thực tế[106]. Ngoài ra, tại một số bộ, cơ quan trung ương còn hạn chế trong việc xây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm[107] và triển khai thực hiện[108] theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Về chấp hành ngân sách

2.1. Thu ngân sách nhà nước

(1) Về thực hiện dự toán thu NSNN

---

[102] Tỉnh Đắk Lắk (giao 12 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các Hội đặc thù không phù hợp quy định; cấp kinh phí chi lương 0,64 tỷ đồng cho 04 tổ chức không phải Hội đặc thù theo quy định của Tỉnh và không được giao số lượng người làm việc; Sở Tài chính giao kinh phí quỹ lương dựa trên chỉ tiêu định suất lao động được UBND tỉnh giao từ năm 2011, việc giao định suất lao động của UBND tỉnh không có trong quy định), Tiền Giang (huyện Cái Bè giao kinh phí hoạt động cho chỉ tiêu người làm việc cho cơ quan hành chính không có chế độ quy định), Bến Tre (Sở Tài chính tham mưu xác định cách tính kinh phí chi hỗ trợ các hội thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao theo tiêu chí biên chế để chi lương, phụ cấp cho 04 hội số tiền 0,62 tỷ đồng), Trà Vinh (Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ được cấp lương và các khoản đóng góp cho 07 công nhân từ nguồn kinh phí không tự chủ nhưng không có Quyết định giao biên chế của UBND tỉnh (đến năm 2022, đơn vị đã chấm dứt hợp đồng), Đắk Nông (Giao 0,14 tỷ đồng kinh phí cho Hội Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật).

[103] Tỉnh Đắk Lắk (5 huyện giao kinh phí chi lương và phụ cấp đối với giáo viên hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế số tiền 6,36 tỷ đồng; một số đơn vị tại 04 huyện ký 235 hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ trong cơ quan hành chính, sự nghiệp số tiền 14,7 tỷ đồng), Kon Tum (Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở LĐTBXH 22 hợp đồng, huyện Đắk Hà 23 hợp đồng), Bình Định (Trường Cao đẳng Bình Định 28 hợp đồng số tiền 0,6 tỷ đồng; Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn, các huyện Phù Cát, Tây Sơn 164 chỉ tiêu số tiền là 6,2 tỷ đồng; Sở Giáo dục và Đào tạo 15 hợp đồng số tiền 0,4 tỷ đồng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 52 hợp đồng với số tiền 3,5 tỷ đồng; VP HĐND và UBND Thành phố ký 01 hợp đồng lao động làm công tác văn thư không đúng quy định).

[104] Tỉnh Trà Vinh (Sở TN&MT giao dự toán cho các biên chế chưa tuyển đủ bao gồm phụ cấp công vụ 25%).

[105] Thành phố Hà Nội (Huyện Phú Xuyên 0,8 tỷ đồng, huyện Chương Mỹ 0,7 tỷ đồng); tỉnh Đắk Lắk 38 tỷ đồng, Quảng Ngãi 0,6 tỷ đồng, Hà Nam (Thành phố Phủ Lý 0,5 tỷ đồng).

[106] TPHCM.

[107] (i) Viện HLKHXH: Đã xây dựng đề án xác định vị trí việc làm trình Bộ Nội vụ nhưng chưa được phê duyệt; (ii) Bộ GD&ĐT: Một số đơn vị chưa xây dựng đề án hoặc chưa có kế hoạch thực hiện chính sách tinh giản biên chế trong giai đoạn 2021-2025 (Đại học Huế, Trường ĐH Mỏ - Địa chất, Trường CĐ Sư phạm TW - Nha Trang, Trường ĐH Nha Trang).

[108] (i) Viện HLKHXH: Chủ tịch Viện HLKHXH chưa thực hiện giao số người làm việc và hợp đồng lao động đối với từng đơn vị sự nghiệp theo đề nghị của Bộ Nội vụ làm cơ sở lập và phân bổ dự toán hàng năm; (ii) Bộ LĐ TB&XH: Một số đơn vị sự nghiệp công lập còn ký lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức có mặt tại thời điểm ngày 30/6/2022 là 754 người thực hiện hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ chưa đúng quy định; (iii) TW Hội LHPNVN: Không có báo cáo về tinh giản biên chế.

Quyết toán 1.591.411 tỷ đồng, bằng 117,2% (tương ứng vượt 233.327 tỷ đồng) dự toán giao[109]; bằng 105,3% so với thực hiện năm 2020 (1.591.411/1.510.579 tỷ đồng).

Trong đó: (i) Thu nội địa vượt 15,9% dự toán giao, trong đó một số khoản thu vượt cao[110] như thu từ DNNN vượt 10,5%, thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh vượt 22%, thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vượt 9,1%, thu sử dụng đất vượt 66,2% so với dự toán TW giao, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế vượt 13,1%; bên cạnh đó, thu từ bán vốn DNNN chỉ đạt 3,2% dự toán giao[111]; (ii) thu xuất nhập khẩu vượt 19,7% do kim ngạch hàng xuất nhập khẩu có thuế tăng cao so với dự toán giao; (iii) thu dầu thô vượt 92,4% dự toán giao, bên cạnh nguyên nhân do sản lượng thực tế đạt 8,86 triệu tấn, vượt 10,75% (0,86 triệu tấn) so với dự toán năm 2021[112], thì chủ yếu do giá thanh toán bình quân đạt 68,8 USD/thùng, tăng 52,89% (khoảng 23,8 USD/thùng) so với giá dự toán, tăng 50,55% so với giá dầu năm 2020 (45,7 USD/thùng).

(2) Tình trạng hạch toán và kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu các loại thuế, phí lệ phí, các khoản thu khác… vẫn diễn ra tại các đơn vị được kiểm toán, đối chiếu. KTNN xác định số phải nộp NSNN tăng thêm 4.641,3 tỷ đồng.

(3) Chọn mẫu đối chiếu danh sách các quyết định hoàn thuế của một số Cục thuế địa phương và sổ nợ thuế Hải quan do Tổng cục Hải quan cung cấp tại thời điểm 31/12/2021 nhận thấy tại thời điểm ban hành quyết định hoàn thuế GTGT người nộp thuế vẫn còn nợ thuế tại cơ quan hải quan[113], không đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 14 Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016.

---

[109] Trong đó: Thu nội địa 1.313.281 tỷ đồng, tăng 15,9% dự toán giao (1.313.281/1.133.500 tỷ đồng), thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu 216.307 tỷ đồng bằng 121,2% dự toán giao (216.307/178.500 tỷ đồng), thu từ dầu thô 44.638 tỷ đồng bằng 192,4% dự toán giao (44.638/23.200 tỷ đồng), thu viện trợ 17.185 tỷ đồng bằng 75,1% (17.185/22.884 tỷ đồng) dự toán giao.

[110] Theo báo cáo của Tổng cục Thuế tại Công văn số 1351/TCT-DT ngày 17/4/2023, nguyên nhân tăng thu chủ yếu: một số ngành, lĩnh vực tăng trưởng cao do hưởng lợi từ các gói hỗ trợ, kích cầu, đẩy mạnh đầu tư công của nhà nước cuối năm 2020 và 2021: Các ngành bất động sản tăng 28,8% so với năm 2020 (tương đương tăng khoảng 22.438 tỷ đồng), ngân hàng tăng 43,8% so với năm 2020 (tương đương tăng khoảng 13.900 tỷ đồng), chứng khoán tăng gấp 2,6 lần so với năm 2020 (tương đương tăng 7.745 tỷ đồng); các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu, khí do giá dầu thế giới biến động tăng (tăng 55% so với năm 2020), các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sắt thép do giá thép trên thị trường thế giới tăng cao đột biến so thời điểm lập dự toán (tăng 38,8% so với năm 2020) tương đương tăng 15.651 tỷ đồng... dẫn đến thu từ các khu vực SXKD, thu sử dụng đất và thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng.

[111] Nguyên nhân chủ yếu do lập dự toán chưa sát với khả năng thu. Tuy nhiên, nếu tính cả số thu bán vốn DNNN nộp NSĐP (không giao dự toán) thì năm 2021 đạt 9,8% dự toán giao.

[112] Mặc dù sản lượng thực tế vượt so với dự toán giao nhưng sản lượng về dầu thô hàng năm giảm dần qua các năm (năm 2019 sản lượng thực tế đạt 11,27 triệu tấn; năm 2020 sản lượng thực tế đạt 9,56 triệu tấn; năm 2021 sản lượng thực tế đạt 8,86 triệu tấn).

[113] (i) Cục Thuế tỉnh Bình Dương: Công ty CP THOMAS CAREY - MST 3702346974 nợ 5,6 triệu đồng; Công ty TNHH PUNGKOOK SAI GON II - MST 3700379491 nợ 2.055,7 triệu đồng; (ii) Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh: Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn nợ 1 triệu đồng; Công ty CP Cơ điện Hoàn Hưng- MST 0301883447 nợ 0,206 triệu đồng. Đến thời điểm tháng 4/2023, theo báo cáo của Tổng cục Thuế, người nộp thuế đã nộp đủ số tiền vào NSNN.

(4) Công tác quản lý thu, chống thất thu thuế

- Công tác quản lý thu tại một số cơ quan thuế còn tình trạng: Một số cuộc thanh tra, kiểm tra xử lý kết quả thanh, kiểm tra không phù hợp quy định[114]; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế qua một số kết quả thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ[115], chưa kịp thời[116]; chậm lập biên bản kiểm tra, thanh tra[117] hoặc lập chưa đúng mẫu[118]; thời gian thanh tra, kiểm tra vượt quy định[119]; thực hiện kiểm tra, thanh tra ngoài phạm vi quyết định[120]; chưa thực hiện kiểm tra 100% hồ sơ kê khai theo quy định[121]; cơ quan thuế chưa phối hợp với các cơ quan có liên quan để quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử của các hộ, cá nhân có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm[122].

- Miễn tiền thuê đất không đúng thời gian được miễn[123]; miễn tiền thuê đất cho cả thời gian chậm nộp hồ sơ xin miễn[124]; miễn tiền sử dụng đất khi chưa đầy đủ hồ sơ theo quy định[125]; miễn tiền thuê đất cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính về chi đầu tư và chi thường xuyên[126]. Ngoài ra, nhiều trường hợp doanh nghiệp kê khai ưu đãi thuế TNDN không đúng quy định[127].

(5) Việc quản lý tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

- Đơn vị sử dụng đất nhưng chưa có quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất[128]; chưa điều chỉnh lại đơn giá thuê đất khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê[129]; chậm

---

[114] Tỉnh Nam Định, Bến Tre, Bình Phước, Tiền Giang, Đồng Tháp, Quảng Ngãi, Bình Dương, Ninh Bình (Cục Thuế), Gia Lai (Chi cục Thuế khu vực Ia Grai - Chư Păh, Chi cục Thuế huyện Chư Prông).

[115] Tỉnh Bến Tre, Khánh Hòa (Chi cục Thuế khu vực Nam Khánh Hòa); Đồng Tháp (Cục Thuế), Đắk Lắk, An Giang, Trà Vinh.

[116] TPHCM (Cục Thuế; Chi cục Thuế Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, quận Tân Bình, quận Gò Vấp, quận Bình Tân, khu vực Quận 12 - Hóc Môn, khu vực Quận 7 - Nhà Bè, TP. Thủ Đức).

[117] Tỉnh Bến Tre, Thái Bình.

[118] Tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Thái Bình, Tây Ninh, Nghệ An, Bắc Giang.

[119] Thành phố Hà Nội; tỉnh Quảng Ngãi, Bình Phước (Chi cục Thuế Đồng Xoài, Đồng Phú).

[120] Tỉnh An Giang.

[121] Tỉnh Cao Bằng (Chi cục Thuế khu vực Hòa An - Hà Quảng), Gia Lai (Chi cục Thuế khu vực Chư Sê - Chư Pưh), Tây Ninh (Cục Thuế).

[122] Tỉnh Sóc Trăng.

[123] Tỉnh Đồng Nai (01 trường hợp), Gia Lai (04 trường hợp), Quảng Trị (01 trường hợp).

[124] Tỉnh Lai Châu (02 trường hợp), Cà Mau (01 trường hợp), Điện Biên (01 trường hợp), Sóc Trăng (01 trường hợp).

[125] Tỉnh Đồng Nai (Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình).

[126] Tỉnh Thái Bình (Ban quản lý nhà ở sinh viên thành phố Thái Bình).

[127] TPHCM (352 doanh nghiệp), Cần Thơ (226 doanh nghiệp), tỉnh Đồng Nai (45 doanh nghiệp), Cao Bằng (03 doanh nghiệp), Cà Mau (95 doanh nghiệp), Tiền Giang (02 doanh nghiệp), Hà Nam (01 doanh nghiệp), Lâm Đồng (62 doanh nghiệp), Bạc Liêu (09 doanh nghiệp), Đồng Tháp (02 doanh nghiệp), Đắk Lắk (04 doanh nghiệp), Kon Tum (02 doanh nghiệp), Gia Lai (07 doanh nghiệp), An Giang (99 doanh nghiệp), Quảng Nam (18 doanh nghiệp), Trà Vinh (51 doanh nghiệp), Nam Định (55 doanh nghiệp), Vĩnh Phúc (02 doanh nghiệp), Tây Ninh (71 doanh nghiệp), Hòa Bình (22 doanh nghiệp).

[128] TPHCM (270 trường hợp), Hà Nội (115 trường hợp), Hải Phòng (323 trường hợp); tỉnh Thanh Hóa (01 trường hợp), Quảng Ninh (34 trường hợp), Đắk Nông (05 trường hợp), Khánh Hòa (01 trường hợp), Sơn La (21 trường hợp), Gia Lai (01 trường hợp), An Giang (11 trường hợp), Vĩnh Phúc (01 trường hợp), Bắc Giang (16 trường hợp), Thái Nguyên (02 trường hợp).

[129] Thành phố Hải Phòng (11 trường hợp); tỉnh Đồng Nai (298 trường hợp), Thanh Hóa (12 trường hợp), Quảng Ninh (133 trường hợp), Bắc Ninh (02 trường hợp), Đắk Nông (21 trường hợp), Cà Mau (19 trường hợp), Lâm Đồng (20 trường hợp), Đồng Tháp (24 trường hợp), Đắk Lắk (13 trường hợp), Bình Dương (31 trường hợp), Hải Dương (06 trường hợp).

lập bộ thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp[130]; chưa kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở xã hội hóa[131]; các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tính tiền thuê đất đối với diện tích sử dụng kinh doanh và cho thuê[132]; xác định tiền thuê đất chưa đúng quy định[133]; chưa quản lý thu tiền thuê đất có mặt nước[134]; chậm chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính sang cơ quan thuế[135]; chưa xác định và thông báo tiền chậm nộp đối với người trúng đấu giá chậm nộp tiền sử dụng đất[136].

- Hết thời hạn thuê đất nhưng chưa làm thủ tục gia hạn[137]; chưa thực hiện cho thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính[138]; chưa thu hồi đất theo quy định[139].

(6) Khai thác khoáng sản nhưng chưa có hợp đồng thuê đất[140]; khai thác khi chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền[141]; chưa gia hạn đối với giấy phép hết thời hạn khai thác[142]; không đấu thầu khai thác cấp nước nông thôn[143]; xác định tiền cấp quyền khai thác chưa đúng quy định[144].

(7) Về quản lý nợ thuế

- Nợ thuế do cơ quan thuế quản lý: Tổng số nợ đến 31/12/2021 là 116.961,7 tỷ đồng[145], tăng 18% so với năm 2020 (số tuyệt đối tăng17.887,5 tỷ đồng[146]), trong

---

[130] Tỉnh Gia Lai (Chi cục Thuế khu vực Ia Grai - Chư Păh).

[131] Tỉnh Thái Bình, Nghệ An.

[132] Thành phố Cần Thơ (Bảo tàng; Trung tâm Thể dục Thể thao); tỉnh Bến Tre (Nhà khách UBND).

[133] Tỉnh Điện Biên (Viễn thông Điện Biên; Công TNHH Xây dựng và Thương mại Duy Hồng tỉnh Điện Biên và Công ty Cổ phần XD&TM Ngọc Ánh).

[134] Tỉnh Trà Vinh (53 trường hợp).

[135] Tỉnh Thái Nguyên (03 trường hợp), Quảng Ngãi (02 trường hợp).

[136] Tỉnh Bình Định (18 trường hợp).

[137] Tỉnh Sóc Trăng (10 trường hợp), Thái Bình (05 trường hợp), (Sơn La (02 trường hợp).

[138] TPHCM (các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính), tỉnh Kon Tum (11 đơn vị), Hà Giang (08 đơn vị), Thái Nguyên (tất cả đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính), Lai Châu (14 đơn vị), Quảng Ninh (05 trường hợp).

[139] Tỉnh Quảng Nam (09 trường hợp).

[140] Tỉnh Ninh Bình (01 tổ chức), Bến Tre (01 tổ chức).

[141] Tỉnh Nghệ An (45 tổ chức), Trà Vinh (một số tổ chức khai thác nước).

[142] Tỉnh Long An (04 Trạm khai thác nước của Công ty CP Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức).

[143] Tỉnh Long An (02 Trạm khai thác nước của Công ty CP Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức).

[144] Tỉnh Điện Biên (Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Thành).

[145] Số nợ này chưa bao gồm số nợ thuế đã khoanh nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14.

[146] Theo báo cáo của Tổng cục Thuế, nguyên nhân do: (i) Ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhiều địa phương phải giãn cách xã hội, dẫn đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng thua lỗ, mất khả năng thanh toán; tài sản đã thế chấp tại ngân hàng dẫn đến chưa nộp ngay, nộp kịp thời tiền thuế phát sinh vào NSNN; (ii) Các khoản nợ về đất tăng khoảng 12.000 tỷ đồng trong đó có một số đơn vị đang khiếu nại cơ quan có thẩm quyền như Dự án đất tại Thủ Thiêm...; (iii) Một số khoản tiền thuế, tiền thuê đất đã hết thời gian gia hạn nộp thuế theo quy định, cơ quan thuế đã thực hiện biện pháp đôn đốc thu nhưng người nộp thuế vẫn còn khó khăn, chưa nộp được; (iv) Nợ khó thu giảm trong đó nguyên nhân chủ yếu do xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 và Luật Quản lý thuế.

đó, nợ có khả năng thu tăng 36,7% (22.467,5 tỷ đồng); nợ khó thu giảm 16,3% (4.485,9 tỷ đồng); nợ đang xử lý giảm 01% (94,3 tỷ đồng). Qua kiểm toán cho thấy, có 46/63 địa phương có mức dư nợ có khả năng thu năm 2021 tăng so với năm 2020, một số địa phương có mức tăng lớn[147]; 07/63 địa phương có mức dư nợ khó thu tăng so với năm 2020[148] và 56/63 địa phương có mức dư nợ khó thu giảm so với năm 2020 trong đó có một số địa phương giảm lớn[149]; 40/63 địa phương không đạt chỉ tiêu nợ tại ngày 31/12/2021 do Tổng cục Thuế giao[150]; một số cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế chưa đầy đủ, kịp thời[151], 27 cơ quan thuế chưa tổng hợp đầy đủ nợ đọng thuế 1.593,167 tỷ đồng[152]; phân loại nợ chưa đúng quy định[153].

- Nợ thuế do cơ quan hải quan quản lý: Nợ quá hạn đến 31/12/2021 là 7.028 tỷ đồng[154], giảm 87 tỷ đồng so với năm 2020[155], cụ thể: (i) Nợ quá hạn về thuế chuyên thu 5.577 tỷ đồng, giảm 1,5% (83 tỷ đồng)[156]; (ii) Nợ quá hạn về thuế tạm

---

[147] Thành phố Hồ Chí Minh tăng 61,4% (số tuyệt đối tăng 14.301,8 tỷ đồng); thành phố Cần Thơ tăng 63,3% (số tuyệt đối tăng 919,2 tỷ đồng); tỉnh Bình Dương tăng 64% (số tuyệt đối tăng 1.000,9 tỷ đồng); Bình Định tăng 73,9% (số tuyệt đối tăng 765,3 tỷ đồng); Hậu Giang tăng 92,8% (số tuyệt đối tăng 591,6 tỷ đồng)...

[148] Thành phố Hồ Chí Minh tăng 4% (số tuyệt đối tăng 431 tỷ đồng); tỉnh Hà Tĩnh tăng 151% (số tuyệt đối tăng 183,5 tỷ đồng); Bình Định tăng 40% (số tuyệt đối tăng 112,4 tỷ đồng); Long An tăng 104% (số tuyệt đối tăng 71,6 tỷ đồng); Tây Ninh tăng 19,8% (số tuyệt đối tăng 31 tỷ đồng)...

[149] Tỉnh Bình Phước giảm 69% (số tuyệt đối giảm 555 tỷ đồng); thành phố Hà Nội giảm 23% (số tuyệt đối giảm 616,9 tỷ đồng); tỉnh Thái Bình giảm 60% (số tuyệt đối giảm 186,5 tỷ đồng); tỉnh An Giang giảm 38% (số tuyệt đối giảm 203 tỷ đồng).

[150] Thanh Hóa số nợ thuế tại ngày 31/12/2021 vượt 106% chỉ tiêu giao, Yên Bái vượt 219%, Lâm Đồng vượt 84%...

[151] Cục Thuế Thành phố Cần Thơ, Đà Nẵng; tỉnh Thanh Hóa, Bình Thuận, Bình Phước, Phú Yên, Đắk Nông, Cà Mau, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Kon Tum, Thái Bình, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, Quảng Nam, Nam Định, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Ninh Bình (Chi cục Thuế khu vực Kim Sơn - Yên Khánh), Bến Tre (Cục Thuế và các Chi cục Thuế huyện Mỏ Cày Bắc, Ba Tri, Giồng Trôm, Bình Đại), Đồng Nai (Chi cục Thuế khu vực Trảng Bom - Thống Nhất, Chi cục Thuế huyện Xuân Lộc), Bình Định (Chi cục Thuế huyện Tây Sơn), Sóc Trăng (các Chi cục Thuế thành phố Sóc Trăng, Châu Thành, Kế Sách), Tiền Giang (Chi cục Thuế huyện Cái Bè), Quảng Ngãi (Cục Thuế và các Chi cục Thuế huyện Mộ Đức, khu vực Đức Phổ - Ba Tơ), Hà Giang (Cục Thuế và Chi cục Thuế khu vực Quản Bạ - Yên Minh).

[152] Thành phố Đà Nẵng 290,7 tỷ đồng; tỉnh Bình Định 164,7 tỷ đồng, Quảng Nam 125,8 tỷ đồng, Lạng Sơn 74,1 tỷ đồng, Cao Bằng 63,6 tỷ đồng, Quảng Bình 62,2 tỷ đồng, Tuyên Quang 49,9 tỷ đồng, Thanh Hóa 4,1 tỷ đồng, Cà Mau 4,8 tỷ đồng, Lâm Đồng 3,8 tỷ đồng, Khánh Hòa 3,6 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 2 tỷ đồng, Hà Giang 2,6 tỷ đồng, Bạc Liêu 1,1 tỷ đồng…

[153] Tỉnh Gia Lai, Thanh Hóa (nợ chờ điều chỉnh phân loại còn sai sót).

[154] Số nợ Tổng cục Hải quan cung cấp cho Đoàn kiểm toán Quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tăng 2,63 tỷ đồng so với số nợ thuế đã cung cấp cho KTNN chuyên ngành II tại "Báo cáo kiểm toán công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021".

[155] Nguyên nhân theo báo cáo của Tổng cục Hải quan: Do các Cục Hải quan đã thu hồi, xóa nợ và điều chỉnh các quyết định ấn định thuế trong năm 2021 của các Cục Hải quan: Bắc Ninh giảm 76,5 tỷ đồng; Thành phố Hồ Chí Minh 42,7 tỷ đồng của 300 doanh nghiệp; Hải Phòng 35 tỷ đồng của 524 doanh nghiệp, Khánh Hòa giảm 18,9 tỷ đồng.

[156] Nợ khó thu tăng 1,5% (tương ứng tăng 59,8 tỷ đồng); nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, được giãn, khoanh, gia hạn giảm 30,2% (tương ứng giảm 28 tỷ đồng); nợ có khả năng thu giảm 6,9% (tương ứng giảm 112,2 tỷ đồng).

thu 1.451 tỷ đồng, giảm 0,3% (3,9 tỷ đồng)[157]. Việc theo dõi nợ thuế chuyên thu tại Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh, Bình Dương đối với một số người nộp thuế còn chưa đúng với thực tế của đơn vị[158].

(8) Tình hình khoanh nợ tiền thuế, xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp năm 2020 và 2021 theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội

Theo báo cáo của cơ quan thuế[159] và cơ quan hải quan[160] tổng số khoanh nợ, xóa tiền phạt, tiền chậm nộp lũy kế đến 31/12/2021 như sau: Khoanh nợ 637.369 người nộp thuế (NNT) với số nợ 27.410,9 tỷ đồng, xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp 226.661 NNT với số tiền 5.292,2 tỷ đồng. Qua kiểm toán cho thấy:

- Tại cơ quan thuế:

(i) Số khoanh nợ[161] đến hết năm 2021 là 27.186 tỷ đồng, vượt 5.145 tỷ đồng so với số dự kiến khoanh nợ[162] khi Chính phủ xây dựng đề án báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 94/2019/QH14[163], trong khi đến tháng 6/2023 Nghị quyết số 94/2019/QH14 mới hết hiệu lực; qua chọn mẫu kiểm toán có 03/07 địa phương[164] có số nợ thuế được khoanh vượt số nợ thuế dự kiến[165].

(ii) Chọn mẫu danh sách NNT được khoanh, xóa đến ngày 31/12/2021 của 07 Cục Thuế để đối chiếu cho thấy:

---

[157] Trong đó: nợ khó thu giảm 2,6 tỷ đồng, tương đương giảm 0,2%; nợ chờ xóa, xét miễn giảm 1,1 tỷ đồng, tương đương 83,2% và nợ có khả năng thu giảm 0,1 tỷ đồng, tương đương mức giảm 0,1%.

[158] Qua đối chiếu người nộp thuế được hoàn thuế GTGT và số nợ tại cơ quan hải quan cho thấy, còn trường hợp của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đến 31/12/2021 còn theo dõi Công ty TNHH MTV Đông Quản còn nợ 43,138 triệu đồng và Công ty TNHH thuộc da Đặng Tư ký nợ 8,65 triệu đồng; Cục Hải quan Bình Dương, Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Hoa Nét còn nợ 3.305 triệu đồng. Song sau khi cơ quan hải quan rà soát lại cho thấy các doanh nghiệp đã nộp đầy đủ số tiền trên vào NSNN trước thời điểm 31/12/2021.

[159] Tại Báo cáo số 125/BC-CP ngày 15/4/2022 của Chính phủ trình Quốc hội về tình hình thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14: khoanh nợ 637.139 người nộp thuế với số nợ là 27.186 tỷ đồng; đã xóa cho 226.606 người nộp thuế với số nợ 5.285 tỷ đồng

[160] Đối với số liệu khoanh xóa, Tổng cục Hải quan mới có Báo cáo số 183/TCHQ-TXNK-NB ngày 05/8/2022 gửi Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính về kết quả tự kiểm tra tình hình xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14, nhưng chưa có số liệu về số lượng người nộp thuế được khoanh nợ, xóa tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp; đồng thời tại Báo cáo số 125/BC-CP ngày 15/4/2022 của Chính phủ trình Quốc hội chưa có số liệu khoanh, xóa của ngành hải quan đến ngày 31/12/2021. Theo số liệu do Tổng cục Hải quan báo cáo cho KTNN tại thời điểm kiểm toán, số khoanh, xóa lũy kế đến 31/12/2021 là: số nợ thuế được khoanh là 257 NNT với số nợ 224,9 tỷ đồng; số tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa của 55 NNT với số nợ là 7,2 tỷ đồng.

[161] Theo thống kê tại Báo cáo số 125/BC-CP ngày 15/4/2022 của Chính phủ.

[162] Tại Tờ trình số 501/TTr-CP ngày 16/10/2019 của Chính phủ (22.041 tỷ đồng).

[163] Theo báo cáo của Tổng cục Thuế tại Công văn số 1351/TCT-DT ngày 17/4/2023, Tờ trình số 501/TTr-CP trên cơ sở số liệu thống kê đến thời điểm 31/8/2019, nhưng Nghị quyết số 94/2019/QH14 khi ban hành có đối tượng được xử lý nợ là người nộp thuế nợ tiền thuế, nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh trước ngày 01/7/2020.

[164] Tỉnh Bình Dương, Bình Phước; Thành phố Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

[165] Tỉnh Bình Dương vượt 540 tỷ đồng, thành phố Hải Phòng 146 tỷ đồng, TP. Hà Nội 3.021 tỷ đồng.

+ Có trường hợp các chi nhánh ở tình trạng "không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh" trong khi Công ty của các chi nhánh này thuộc tình trạng "đang hoạt động" hoặc "tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn" tại website tracuunnt.gdt.gov.vn nhưng được khoanh, xóa nợ tiền thuế là chưa phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 67 Luật Quản lý thuế năm 2019 (hiệu lực 1/7/2020)[166].

+ Có tình trạng NNT "ngừng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" có ngày thay đổi thông tin trên website tracuunnt.gdt.gov.vn của Tổng cục Thuế phát sinh sau ngày các chi nhánh được khoanh nợ thuế, xóa nợ tiền chậm nộp.

+ Có tình trạng tại website tracuunnt.gdt.gov.vn của Tổng cục Thuế NNT thuộc diện "ngừng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" nhưng tại web: https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn của Bộ KH&ĐT thì NNT đang có trạng thái "đang hoạt động"[167]; nguyên nhân theo giải thích của Tổng cục Thuế là do cơ quan kế hoạch và đầu tư chưa cập nhật đúng trạng thái của NNT trên cơ sở hồ sơ cơ quan thuế gửi sang.

- Tại cơ quan hải quan: Qua rà soát danh sách khoanh nợ tiền thuế, xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp do Tổng cục Hải quan cung cấp cho thấy: (i) Còn 04[168] trường hợp được khoanh nợ thuế, 01[169] trường hợp xóa tiền phạt, tiền chậm nộp nhưng qua tra cứu tại website: tracuunnt.gdt.gov.vn của Tổng cục Thuế cho thấy không thuộc các trường hợp được khoanh nợ, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14; (ii) Có 24 NNT có số nợ được khoanh 9,7 tỷ đồng nhưng không có thông tin nợ thuế tại sổ nợ thuế chuyên thu/tạm thu ngày 31/12/2021 của Cục Hải quan địa phương; (iii) Có 54 NNT có số nợ được khoanh 75,2 tỷ đồng cao hơn 28,5 tỷ đồng so với số nợ tồn trên

---

[166] (i) Thành phố Hà Nội (Chọn mẫu chi nhánh khoanh nợ năm 2021 có số nợ từ 10 triệu đồng trở lên; khoanh năm 2020 có số nợ từ 3 triệu đồng trở lên): xóa nợ thuế của 12 chi nhánh với số nợ 0,47 tỷ đồng, khoanh nợ thuế năm 2020, 2021 số tiền 27,797 tỷ đồng của 40 người nộp thuế đang hoạt động. Kết thúc kiểm toán đến ngày 13/3/2023, Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1482/QĐ-UBND hủy xóa nợ đối với các trường hợp này; (ii) Bình Dương (Chọn mẫu chi nhánh có số nợ từ 100 triệu đồng trở lên) khoanh nợ 08 chi nhánh với số nợ 16,712 tỷ đồng; (iii) Thành phố Hồ Chí Minh (Chọn mẫu chi nhánh có nợ thuế năm 2020 từ 5 triệu đồng trở lên, năm 2021 từ 2 triệu đồng trở lên) khoanh nợ cho 108 chi nhánh trong năm 2020, 2021 có thông tin Công ty đang hoạt động với số nợ 8,673 tỷ đồng; (iv) Hải Phòng (Chọn mẫu chi nhánh có số nợ từ 10 triệu đồng trở lên) khoanh nợ cho 42 chi nhánh với số nợ 8,4 tỷ đồng.

[167] Thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng.

[168] Theo thông tin tại website: tracuunnt.gdt.gov.vn của Tổng cục Thuế cho thấy: (i) Có 2 NNT với số nợ được khoanh 0,434 tỷ đồng có tình trạng "đang hoạt động": Tại Cục HQ Hà Nội, Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Chiến Thắng (MST: 0101497236) với số nợ 0,278 tỷ đồng; Tại Cục HQ An Giang, Công ty TNHH XNK Hùng Hưng 0,155 tỷ đồng (MST: 2900489644); (ii) có 02 người nộp thuế được khoanh nợ với số nợ được khoanh 2,182 tỷ đồng có tình trạng "tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn": Cục Hải quan Lạng Sơn, CN Công ty TNHH Hưng Hà (0100509376-004) số nợ 0,034 tỷ đồng; Cục Hải quan Bình Dương, Công ty TNHH một thành viên May mặc Sơn Sơn (MST 3702277061) số nợ thuế 2,147 tỷ đồng.

[169] Cục hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty TNHH T & H (MST: 4300338703): Theo thông tin tại website tracuunnt.gdt.gov.vn của Tổng cục Thuế cho thấy người nộp thuế đang hoạt động.

sổ nợ của các cơ quan hải quan, trong đó 24 NNT có số nợ thuế khoanh bao gồm cả nợ tiền chậm nộp và tiền phạt chậm nộp với số nợ là 4,76 tỷ đồng không phù hợp quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14; (iv) Có 31 NNT có ngày thay đổi thông tin gần nhất tại website tracuunnt.gdt.gov.vn sau ngày Cục Hải quan ban hành quyết định khoanh nợ với số nợ khoanh 27 tỷ đồng và số nợ xóa 1,7 tỷ đồng; (v) Có 25 NNT với số nợ thuế được khoanh thấp hơn 17,7 tỷ đồng so với số nợ thuế trên sổ nợ; (vi) Có 23 NNT có tình trạng "Ngừng hoạt động và đã đóng MST" nhưng còn phát sinh số nợ theo dõi tại cơ quan hải quan 4,4 tỷ đồng đã được khoanh nợ 4,03 tỷ đồng và xóa nợ 0,199 tỷ đồng khi chưa làm rõ nghĩa vụ của NNT khi đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế là chưa phù hợp quy định tại tiết a4 khoản 1 Điều 16 Thông tư số 105/2020/TT-BTC[170].

- Ngoài ra, tiêu thức tổng hợp nợ thuế đã khoanh giữa ngành Thuế và ngành Hải quan chưa nhất quán khi tổng hợp số nợ thuế tại thời điểm 31/12/2021. Cụ thể: Tổng nợ thuế đến ngày 31/12/2021 do Tổng cục Hải quan (TCHQ) quản lý đã bao gồm cả số nợ đã được khoanh theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 trong khi Tổng cục Thuế không tổng hợp số nợ thuế được khoanh tại Báo cáo nợ thuế ngày 31/12/2021.

(9) Về quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu: TCHQ chưa xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn về thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quy định bảng mã thống kê, công tác thống kê đối với các cục hải quan (CHQ) tỉnh, thành phố; dữ liệu thống kê hải quan chưa được đánh giá và báo cáo chất lượng dữ liệu; số liệu thống kê ghi nhận tại TCHQ và dữ liệu tờ khai chia sẻ cho các CHQ còn chưa đồng nhất, chưa phản ánh tính hợp lý của số liệu; chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, phát hiện các dấu hiệu bất thường, nghi ngờ[171]; chưa lấy mẫu phân tích, giám định để phân loại hàng hóa[172]; CHQ TPHCM tham mưu xoá nợ thuế khi chưa đủ các bước, chưa xử lý dứt điểm truy thu số tiền nợ thuế, khoản tạm giữ phát sinh, phế liệu tồn đọng tại các cảng biển, cấp danh mục hàng hoá miễn thuế nhập khẩu chưa phù hợp, phạm vi kiểm tra sau thông quan chưa phù hợp, thời gian kiểm tra kéo dài; một số CHQ áp mã hàng hóa cho một số tờ khai chưa chính xác[173].

---

[170] Đề nghị cơ quan Hải quan thực hiện xác nhận việc người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư của Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

[171] Tổng cục Hải quan.

[172] CHQ tỉnh Đồng Nai.

[173] CHQ TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, TP.HCM.

(10) Chưa thực hiện thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa[174]; một số địa phương chưa hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị kê khai, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định[175]; một số dự án đầu tư bằng nguồn NSNN chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp nhưng TMĐT chưa bố trí kinh phí để nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa[176].

2.2. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán 1.701.713 tỷ đồng, quyết toán 1.708.088 tỷ đồng, bằng 100,4% dự toán (tăng 6.375 tỷ đồng). Tình hình thực hiện như sau:

2.2.1. Chi đầu tư phát triển

Quyết toán 540.046 tỷ đồng (trong đó: NSTW 107.421 tỷ đồng; NSĐP 432.625 tỷ đồng) bằng 112,6% dự toán (479.568 tỷ đồng[177]), bằng 21,8% tổng chi cân đối NSNN (2.484.439 tỷ đồng) và bằng 31,6% chi NSNN (1.708.088 tỷ đồng).

(1) Về tình hình thực hiện vốn ngoài nước

Tổng số vốn đã giải ngân, thanh toán năm 2021[178] là 19.555,44/53.536,99 tỷ đồng, bằng 36,53% kế hoạch, trong đó một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân rất thấp[179], thậm chí không giải ngân[180]. Số vốn nước ngoài năm 2021 hủy khá lớn (trên 20 nghìn tỷ đồng vốn ODA các bộ, địa phương đề nghị trả lại[181]), điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay trong bối cảnh nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài đang thu hẹp lại.

Ngoài ra, theo báo cáo của Bộ Tài chính, các khoản giải ngân vốn đầu tư XDCB từ năm 2019 trở về trước đối với nguồn vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi

---

[174] Tỉnh Cà Mau (các huyện, thành phố).

[175] Tỉnh Quảng Ninh (huyện Tiên Yên gồm: Công ty TNHH Thành Dương diện tích 829,6m^2; Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Vân Đồn diện tích 22.545,2m^2).

[176] Tỉnh Quảng Ninh (thành phố Móng Cái); Bình Định (thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Tây Sơn).

[177] Đã bao gồm KHV điều chỉnh theo Nghị quyết số 410/NQ-UBTVQH15 ngày 01/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021, điều chỉnh tăng dự toán chi đầu tư của Tổng cục Thuế và TCHQ là 2.268,3 tỷ đồng của Bộ Tài chính theo Nghị quyết số 82/2023/QH15.

[178] Báo cáo số 2156/BC-BKHĐT ngày 01/4/2022 của Bộ KH&ĐT về kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022.

[179] Viện Hàn lâm KH & CN VN giải ngân 9%; Thành phố Hà Nội 11%, TP. Hồ Chí Minh 16%; tỉnh Bến Tre 14%, Phú Thọ 15%, Quảng Trị 19%, Quảng Ninh 4%.

[180] Bộ Công Thương; tỉnh Hải Dương, Hưng Yên.

[181] Số vốn đề nghị điều chỉnh giảm là 22.001,572 tỷ đồng, được điều hòa 268,756 tỷ đồng cho 03 bộ, cơ quan trung ương và địa phương (Bộ Khoa học & Công nghệ, tỉnh Quảng Ngãi và Kiên Giang đã được UBTVQH đồng ý bổ sung vốn tại Nghị quyết số 410/NQ-UBTVQH15 ngày 01/11/2021), còn lại 21.732,816 tỷ đồng của 12 bộ, cơ quan trung ương và 43 địa phương có văn bản đề xuất giảm nhưng không có bộ, cơ quan trung ương và địa phương nào có nhu cầu (Báo cáo số 483/BC-CP ngày 26/10/2021 của Chính phủ về việc điều chỉnh KHV NSTW năm 2021 cho các bộ, ngành và địa phương).

chưa được hạch toán vào NSNN 3.465,904 tỷ đồng[182] (các bộ, cơ quan trung ương 2.254,960 tỷ đồng, các địa phương 1.210,944 tỷ đồng).

(2) Còn tình trạng một số dự án[183] được giao bổ sung KHV nhưng không giải ngân hết trong năm, phải kéo dài sang năm 2022. Tỷ lệ giải ngân KHV thấp[184], kéo dài thời hạn giải ngân sang năm 2022 chưa đảm bảo quy định[185], không đúng thẩm quyền[186].

(3) Đối với KHV năm trước kéo dài sang năm 2021 (*Theo báo cáo của Bộ Tài chính[187]*): Số KHV năm trước kéo dài sang năm 2021 là 37.585,746 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 31/12/2021 là 23.035,232 tỷ đồng, đạt 61,29%. Trong đó, một số bộ, cơ quan trung ương không giải ngân hết, không được phép kéo dài, phải hủy dự toán 11.815,465 tỷ đồng[188] (KHV năm trước kéo dài sang năm 2021 là 4.948,184 tỷ đồng; KHV năm 2021 là 6.867,280 tỷ đồng). Ngoài ra, Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 được kéo dài sang năm 2021 nhưng không giải ngân được phải hủy 339,025 tỷ đồng.

---

[182] Giảm 1.020,168 tỷ đồng so với số liệu Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 12428/BTC-QLN ngày 29/10/2021, trong đó: các bộ, cơ quan trung ương giảm 20,153 tỷ đồng và các địa phương giảm 1.000,015 tỷ đồng. Theo Văn bản số 11568/BTC-QLN ngày 08/11/2022, số 1129/BTC-QLN ngày 08/02/2023 của Bộ Tài chính: Số liệu điều chỉnh giảm chủ yếu do các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đã bố trí KHV để ghi thu, ghi chi 574,508 tỷ đồng và do không đúng tính chất nguồn vốn đầu tư XDCB 202,887 tỷ đồng. Ngoài ra, do một số nguyên nhân khác 257,34 tỷ đồng, gồm: (i) do không đủ hồ sơ chứng minh 231,828 tỷ đồng; (ii) do đã quyết toán dự án hoàn thành 5,331 tỷ đồng; (iii) do nhà tài trợ không giải ngân vì hết hạn 0.028 tỷ đồng; (iv) đưa ra khỏi danh mục do đã bố trí đủ nguồn để ghi thu, ghi chi hoặc do Nhà tài trợ chưa giải ngân (12,211 tỷ đồng); (v) các bộ, cơ quan trung ương đề nghị điều chỉnh sau rà soát 7,942 tỷ đồng. Ngoài ra, sau rà soát có 6,736 tỷ đồng tăng lên do các tỉnh điều chỉnh lại số tiền ghi thu, ghi chi do chênh lệch tỷ giá.

[183] Các dự án của tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Bình Định, Vĩnh Long.

[184] Tỉnh Quảng Trị 76,7%, Bạc Liêu dưới 40%, Bình Dương 61,6%, Hải Dương 30,5%, Điện Biên 77,61%, Hà Giang 78,6%, Vĩnh Phúc 77,1%, Sơn La 26% (vốn ODA), Quảng Nam có 319 dự án có tỷ lệ giải ngân 0% và 205 dự án có tỷ lệ giải ngân dưới 50%; thành phố Hà Nội 57,3%, Hồ Chí Minh 62%, Cần Thơ 68,1%; Dự án ĐTXD cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội (Vốn NSTW 62%; NSĐP 0%), Dự án ĐTXD tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá 67,976%, Dự án đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 18,322%, Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc 4,0%, Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp 23,63%, Dự án XD tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845 58%, Dự án ĐTXD tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau 70,5%, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy) tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng 65%, Dự án XD tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp 15,267%, Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, TĐC, XD kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng 6,5%...

[185] Tỉnh Điện Biên, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Bến Tre, Thái Bình, Vĩnh Long.

[186] Tỉnh Trà Vinh.

[187] Công văn số 4577/BTC-ĐT ngày 23/5/2022 của Bộ Tài chính về việc báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021.

[188] Báo cáo số 3475/BC-KBNN ngày 14/7/2022 của KBNN thuyết minh quyết toán tình hình nhận và sử dụng vốn đầu tư XDCB thuộc NSTW năm 2021: Bộ Y tế 4.188 tỷ đồng; Bộ Giao thông vận tải 2.846 tỷ đồng; Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ 2.027 tỷ đồng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 875 tỷ đồng; Bộ Ngoại giao 307 tỷ đồng; Đại học QG HCM 567 tỷ đồng;…

(4) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

- Theo Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/7/2021 của Chính phủ, kế hoạch ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 đã bố trí cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thanh toán nợ đọng XDCB thuộc nghĩa vụ của NSTW 7.481,3 tỷ đồng[189]. Tuy nhiên, theo Báo cáo số 7269/BKHĐT-GSTĐT ngày 12/10/2022 của Bộ KH&ĐT về tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021, năm 2021 đã bố trí KHV để thanh toán số nợ đọng 6.817 tỷ đồng, số nợ đọng XDCB còn lại 4.465 tỷ đồng[190] (NSTW 878 tỷ đồng, NSĐP 2.114 tỷ đồng, TPCP 1.307 tỷ đồng, ODA 33 tỷ đồng, vốn nhà nước ngoài đầu tư công 132 tỷ đồng).

- Kết quả kiểm toán năm 2021 cho thấy: Số nợ đọng XDCB nguồn NSNN tính đến cuối năm 2021 còn lớn[191]; trong năm 2021 còn để phát sinh nợ đọng XDCB[192]; số liệu theo dõi nợ XDCB chưa thống nhất, chưa kiên quyết thực hiện các giải pháp xử lý nợ đọng[193]; chưa thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB[194]; số liệu tổng hợp nợ đọng XDCB đến hết năm 2021 của Bộ KH&ĐT[195] trên Hệ thống thông tin giám sát về đầu tư công (4.465 tỷ đồng) còn chênh lệch so với số liệu tổng hợp của KTNN tại 05 bộ, cơ quan trung ương và 43 địa phương (23.608,9 tỷ đồng).

---

[189] Tổng số kế hoạch ĐTCTH bố trí thanh toán nợ đọng XDCB (không bao gồm nợ đọng XDCB của Chương trình MTQG) là 7.738,9 tỷ đồng. Nếu tính cả số nợ đọng XDCB bố trí cho Chương trình MTQG là 1.066,024 tỷ đồng thì tổng số nợ đọng XDCB phải thanh toán trong giai đoạn 2016-2020 là 8.804,924 tỷ đồng. Đã bố trí vốn hàng năm là 8.547,324 tỷ đồng (trong đó 7.481,3 tỷ đồng cho dự án không thuộc Chương trình MTQG) phần còn lại không bố trí kế hoạch hằng năm để thanh toán nợ đọng XDCB là 257,7 tỷ đồng do các dự án đã được bố trí từ nguồn vốn hợp pháp của địa phương để trả nợ hoặc giá trị nợ đọng XDCB giảm sau khi dự án được quyết toán.

[190] Bộ Giao thông vận tải 773 tỷ đồng, Tập đoàn dầu khí Việt Nam 132 tỷ đồng, Ninh Bình 2.273 tỷ đồng, Phú Thọ 558 tỷ đồng, Lạng Sơn 263 tỷ đồng, Quảng Ninh 152 tỷ đồng, Bắc Giang 50 tỷ đồng, Hoà Bình 11 tỷ đồng, Sơn La 84 tỷ đồng, Hà Tĩnh 46 tỷ đồng, Quảng Bình 37 tỷ đồng, Quảng Trị 49 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 35 tỷ đồng, Kon Tum 2 tỷ đồng. Ngoài ra, theo Văn bản số 2003/BGTVT-KHĐT ngày 02/3/2022 của Bộ Giao thông vận tải về báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2021, số tiền 773 tỷ đồng nợ đọng XDCB phát sinh sau ngày 31/12/2014.

[191] Tỉnh Hà Nam 5.258,46 tỷ đồng; Ninh Bình 4.344,68 tỷ đồng; Hà Tĩnh 565 tỷ đồng; Hà Giang 523,57 tỷ đồng; Nghệ An 595,94 tỷ đồng; Bình Định 689,8 tỷ đồng; Thanh Hóa 857,2 tỷ đồng; Quảng Ngãi 336,86 tỷ đồng;…

[192] Tỉnh Hà Tĩnh 100,3 tỷ đồng; TT Huế 5,2 tỷ đồng; Nghệ An 52,3 tỷ đồng; Quảng Trị 1,5 tỷ đồng; Bình Định 271,5 tỷ đồng; Quảng Ngãi 244,4 tỷ đồng; Hải Phòng 14,2 tỷ đồng; Quảng Ninh 20,7 tỷ đồng; Sơn La 51,9 tỷ đồng; Quảng Bình 63,5 tỷ đồng; Bắc Giang 35,1 tỷ đồng; Hải Dương 25,3 tỷ đồng; Lào Cai 15,1 tỷ đồng; Quảng Nam 244,8 tỷ đồng;…

[193] Tỉnh Hà Nam, Hải Dương, Khánh Hòa, Vĩnh Phúc.

[194] Bộ Xây dựng 15 tỷ đồng; Bộ Ngoại giao 341.976,09 USD (tương đương 7,476 tỷ đồng); Trung ương Đoàn TNCS HCM 22,139 tỷ đồng; Thành phố Hải Phòng 692,9 tỷ đồng, Cần Thơ 1,1 tỷ đồng; tỉnh Hà Tĩnh 335 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 6,6 tỷ đồng, Nghệ An 2,4 tỷ đồng, Quảng Trị 40,7 tỷ đồng, Quảng Ninh 181,1 tỷ đồng, Sơn La 97 tỷ đồng, Quảng Bình 103,9 tỷ đồng, Phú Thọ 755,4 tỷ đồng, Bắc Giang 46,6 tỷ đồng, Hải Dương 148,5 tỷ đồng, Cao Bằng 19,49 tỷ đồng, Quảng Nam 485,9 tỷ đồng.

[195] Báo cáo số 7269/BKHĐT-GSTĐT ngày 12/10/2022.

(5) Về dự án đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

- Các bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, thành phố chưa tổng hợp KHV năm 2021 gửi Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính. Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính chưa tổng hợp KHV năm 2021 của nguồn vốn này báo cáo Chính phủ, Quốc hội theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Đầu tư công, Điều 37 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

- Quy định tại khoản 1[196] Điều 36 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP chưa phù hợp với quy định tại khoản 4[197] Điều 59 Luật Đầu tư công. Ngoài ra, một số nội dung yêu cầu quản lý như báo cáo tình hình giải ngân[198], quyết toán theo niên độ[199] của các dự án sử dụng nguồn vốn này chưa được quy định để tổ chức triển khai thực hiện.

(6) Kết quả kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý vốn đầu tư cho thấy:

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư (CTĐT): Phê duyệt CTĐT chưa đầy đủ nội dung[200], trước khi có quy hoạch[201], không phù hợp quy hoạch ngành, vùng[202]; chưa đúng thẩm quyền[203], quy định[204] và còn

---

[196] "1. *Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 55 của Luật Đầu tư công, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn, báo cáo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính <u>để theo dõi</u>*".

[197] "*4. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính <u>để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội</u>*".

[198] Theo quy định tại khoản 5, Điều 81, Luật Đầu tư công quy định nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Tài chính "5. Báo cáo Chính phủ tình hình giải ngân, quyết toán kế hoạch, chương trình, dự án". Tuy nhiên, cơ chế báo cáo tình hình giải ngân, quyết toán đối với kế hoạch, chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập chưa được hướng dẫn tổ chức thực hiện.

[199] Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP về quyết toán theo niên độ quy định "*2. Đối với vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân nguồn vốn này báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.".* Tuy nhiên, hiện nay Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn quy định về báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán đối với vốn đầu tư của nguồn vốn này.

[200] Thanh tra Chính phủ: Dự án Trụ sở tiếp công dân tại Hà Nội; Dự án Trường cán bộ Thanh tra; Dự án Bệnh viện Đa khoa Củ Chi; Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

[201] Tỉnh Long An (Dự án Mở rộng cụm dân cư Khu phố 5, Phường 2, tỉnh Long An).

[202] Tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa, Đồng Tháp.

[203] Tỉnh Quảng Ngãi 01 dự án, Nam Định 02 dự án, Thanh Hóa 03 dự án, Đắk Lắk 06 dự án; Dự án Khu dân cư Thôm Dầy, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn.

[204] Nam Định 02 dự án, Thái Bình 10 dự án, Thanh Hóa 02 dự án.

thiếu sót[205]; chưa xác định rõ nguồn vốn, mức vốn và khả năng cân đối[206] hoặc xác định nguồn vốn không phù hợp quy định[207]; điều chỉnh CTĐT chưa đảm bảo điều kiện[208]; chuyển đổi hình thức đầu tư từ BOT sang đầu tư công khi chưa có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền[209]. Ngoài ra, một số bộ, cơ quan trung ương chưa thực hiện đầy đủ quy hoạch[210].

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án: Phê duyệt dự án và khởi công mới khi chưa được phê duyệt CTĐT[211], không có trong danh mục kế

---

[205] (i) TW Hội LHPNVN: Đề xuất tên Dự án chưa phù hợp với nội dung đầu tư, lập nhu cầu diện tích sử dụng cao hơn so với quy định; (ii) Tổng LĐLĐVN: CTĐT trong đó có mục tiêu đầu tư cho thuê văn phòng chưa đúng quy định (dự án Trụ sở Công đoàn Thông tin); CTĐT không có giá trị nguồn vốn đầu tư mà ghi chung chung là quy mô vừa phải, không có thời gian thực hiện dự án, phê duyệt dự án khi không thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (Dự án TTVHCN Quảng Ngãi); không tổ chức thực hiện thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (Dự án Trụ sở Công đoàn Y tế, Dự án TTVHCN Quảng Ngãi); (iii) Bộ LĐTB&XH: Phê duyệt CTĐT 08 dự án chưa xác định được thời gian thực hiện; phê duyệt CTĐT Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Hà Nội vượt quy mô 60 giường so với quyết định thành lập; (iv) Bộ GD&ĐT: Dự án ĐTXD Đại học Đà Nẵng giai đoạn III; (v) Bộ NN&PTNT: Còn một số dự án chưa nêu được sự phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác theo Luật Đầu tư công; Quyết định CTĐT khi chưa có chiến lược phát triển (phê duyệt sau khi phê duyệt CTĐT); (vi) Tỉnh Đồng Tháp: Thời gian thực hiện dự án nhóm C vượt quá 03 năm (Dự án Đường DH 64, hhyện Lấp Vò); (vii) Tỉnh Tiền Giang 04 dự án; (viii) Tỉnh Thái Bình 01 dự án; (ix) Tỉnh Quảng Nam 05 dự án.

[206] TPHCM; tỉnh Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Điện Biên, Tiền Giang, Trà Vinh, Hà Giang, Cao Bằng, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Ninh Bình, Gia Lai, Đắk Lắk; Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Dự án nhà làm việc Miền Trung - Tây Nguyên thuộc Dự án xây dựng trụ sở TTCP; Các Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

[207] Dự án Đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; Dự án Nhà làm việc Miền Trung - Tây Nguyên thuộc Dự án xây dựng trụ sở TTCP; Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông Tây và cầu Gành Hào, tỉnh Cà Mau.

[208] Tỉnh Bến Tre 04 dự án; Dự án nhà làm việc Miền Trung - Tây Nguyên thuộc Dự án xây dựng trụ sở TTCP; Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1), TP Đà Nẵng; Dự án Cải tạo nút giao thông phía tây Cầu Trần Thị Lý, thành phố Đà Nẵng.

[209] Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp: HĐND tỉnh An Giang quyết định CTĐT chuyển đổi hình thức đầu tư BOT sang đầu tư công trước khi có ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

[210] (i) TW Hội LHPNVN: Đến hết năm 2021 TW Hội chưa thực hiện công tác lập, phê duyệt, thực hiện quy hoạch phát triển và quy hoạch xây dựng tổng thể, dẫn đến không có cơ sở để quản lý, theo dõi và đánh giá mức độ phù hợp của các dự án được đầu tư xây dựng; (ii) Bộ GD&ĐT: Việc thực hiện Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 điều chỉnh theo Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2021 chưa hoàn thành mục tiêu ở nhiều chỉ tiêu, nhiều chỉ tiêu có mức độ hoàn thành rất thấp.

[211] Tỉnh Quảng Ngãi, Long An, Cao Bằng, Nam Định, Đắk Lắk, Quảng Nam.

hoạch ĐTCTH[212], thiếu nội dung[213], chưa phù hợp với CTĐT[214] và quy mô đầu tư[215], xác định nguồn vốn, nội dung đầu tư chưa phù hợp[216]; chưa phù hợp quy hoạch được duyệt[217], không đúng Đề án được duyệt[218] hoặc trước khi phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường[219]; chưa dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ[220]; điều chỉnh vượt TMĐT[221], không đúng quy định[222], khi chưa xác định rõ

---

[212] Tỉnh Long An, Ninh Bình.

[213] Dự án giải quyết ngập do thủy triều khu vực TP. Hồ Chí Minh; Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp; Một số dự án thành phần thuộc Dự án Xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kệ và Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông Tây và cầu Gành Hào; Dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18) tỉnh Lạng Sơn; Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; Dự án Kè chống sạt lở thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

[214] Thành phố Hải Phòng; tỉnh Khánh Hòa, An Giang, Đắk Lắk; Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Dự án Kè xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn; Dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn tỉnh Bình Định; Dự án Kè chống xói lở bờ sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bờ Nam); Dự án Củng cố, nâng cấp và bổ sung khép kín tuyến đê biển huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (đoạn từ cống Bến Đình đến cống Bà Nhật; 03 Dự án thành phố Đà Nẵng (Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án Cải thiện môi trường nước phía đông Quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601).

[215] Thành phố Hà Nội; tỉnh Bình Thuận (02 dự án quy mô chưa phù hợp với TCVN).

[216] Tỉnh Hà Nam, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Trà Vinh, Vĩnh Phúc, Bình Thuận; Khánh Hòa, Ninh Bình; Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên; Dự án Xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; Dự án nhà làm việc Miền Trung - Tây Nguyên thuộc Dự án xây dựng trụ sở TTCP; Dự án Khu công viên phần mềm số 02 (giai đoạn 1); Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam; Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[217] (i) Bộ GD&ĐT: Dự án ĐTXD Nhà làm việc và Nhà thư viện các Trường thuộc Đại học Huế và Dự án ĐTXD nâng cấp Khu thể thao Trường Đại học Tây Nguyên; (ii) Bộ LĐTB&XH: Phê duyệt đầu tư dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nghệ An - giai đoạn 2 vượt 60 giường so với quy hoạch năm 2020; (iii) Dự án Đường Trung Thành - Tân Minh - Đấu nối đường tuần tra biên giới huyện Tràng Định đầu tư là một đoạn tuyến thuộc ĐT.229 (Lũng Vài - Bình Độ - Tân Minh): Theo Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 thì tuyến ĐT.229 được quy hoạch với quy mô đường cấp IV, V, theo hồ sơ dự án đầu tư được lập với quy mô đường cấp VI miền núi.

[218] Trung ương Đoàn TNCS HCM: Lập, thẩm định, phê duyệt danh mục 03 cầu Quảng Ngãi không thuộc danh mục, không đúng với Đề án Cầu giao thông nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

[219] Tỉnh Nam Định 01 dự án, Thanh Hóa 07 dự án, Quảng Nam 06 dự án.

[220] Dự án Sửa chữa, cải tạo nhà C tại Trung tâm Hội nghị 37 Hùng Vương; Dự án Sửa chữa, mua sắm thay thế, bổ sung tài sản cho các phòng nghỉ nhà 7 tầng tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế; Dự án cải tạo, sửa chữa một số hệ thống kỹ thuật và xây lắp tòa nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia; Dự án Xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

[221] Tỉnh Phú Yên: Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch điều chỉnh Dự án Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hoá Diên Hồng và Nhà tưởng niệm Luật sư Nguyễn Hữu Thọ vượt TMĐT ban đầu 2,3 tỷ đồng khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

[222] Tỉnh Hà Giang (điều chỉnh "dự án Mở rộng, nâng cấp Quảng trường 26/3 thành phố Hà Giang" không thuộc 05 trường hợp điều chỉnh dự án), Thanh Hóa (Dự án đầu tư xây mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn phê duyệt cấp công trình chưa đúng quy định).

nguồn vốn và khả năng cân đối vốn[223]; thay đổi quy mô GPMB với diện tích đất sử dụng vượt so với CTĐT[224]; thiết kế chưa phù hợp với tiêu chuẩn[225], mục tiêu[226] và thực tế[227] của dự án; tính toán, điều chỉnh TMĐT thiếu cơ sở[228], chưa chính xác[229]; điều chỉnh nhiều lần[230], chưa kịp thời[231]; phê duyệt thời gian thực hiện không khả thi[232]; điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn chưa đúng quy trình[233].

- Công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán: Khảo sát chưa đầy đủ nội dung[234]; chưa hợp lý phải điều chỉnh bổ sung[235]; thiết kế chưa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, không đúng quy định[236], thiếu cơ sở[237] và còn sai

---

[223] Tỉnh Lâm Đồng 01 dự án, Bến Tre 12 dự án, Trà Vinh 12 dự án, Thanh Hóa 15 dự án, Kon Tum 01 dự án; Dự án tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

[224] Bộ GTVT chưa báo cáo Chính phủ, dẫn đến Chính phủ chưa báo cáo UBTVQH việc tăng diện tích sử dụng đất tại 11 dự án thành phần thuộc dự án ĐTXD đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.

[225] (i) Dự án Đường liên tuyến kết nối vùng N8 - 787B - 789: Thiết kế cơ sở sử dụng vật liệu đá 4x6 chèn đá dăm làm lớp móng chưa phù hợp với tiêu chuẩn và quy định của Bộ GTVT; (ii) Bộ NN&PTNT: Lập, thẩm định và phê duyệt một số dự án, diện tích một số phòng làm việc lãnh đạo không phù hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 và Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 và Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

[226] Một số công trình thoát nước thuộc các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

[227] Dự án cao tốc Bắc - Nam đoạn Cam Lộ - La Sơn.

[228] Dự án Đường liên tuyến kết nối vùng N8 - 787B - 789; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP. Hồ Chí Minh.

[229] Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông Tây và cầu Gành Hào; Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1); Dự án Cải tạo Nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án ĐTXD đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Dự án ĐTXD tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy) tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[230] Dự án Trụ sở tiếp công dân tại Hà Nội của TTCP; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TPHCM; Một số dự án của Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp TPHCM; Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam.

[231] Dự án Nhà máy nước Hòa Liên, thành phố Đà Nẵng.

[232] Dự án xây dựng công trình HTKT Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam; Dự án thành phần ĐTXD các khu TĐC và tái lập HTKT thuộc Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, TĐC Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

[233] Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp (điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn khi chưa có nghị quyết của HĐND); Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam (phê duyệt điều chỉnh TMĐT nhưng không lấy ý kiến tham gia của Bộ Xây dựng).

[234] Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

[235] Tỉnh Hà Nam 07 dự án, Hà Tĩnh 20 dự án, Bắc Ninh 08 dự án, Nghệ An 17 dự án, Quảng Trị 15 dự án, Long An 07 dự án, Tây Ninh 02 dự án, Sơn La 14 dự án, Hải Dương 11 dự án, Điện Biên 04 dự án, Đồng Tháp 01 dự án, Thái Nguyên 01 dự án, Hà Giang 03 dự án, Cao Bằng 20 dự án, Kon Tum 16 dự án, Bình Thuận 02 dự án và thành phố Hà Nội 06 dự án, Hải Phòng 03 dự án, TPHCM 06 dự án.

[236] Tỉnh Lai Châu 01 dự án, Gia Lai 03 dự án, Kom Tum 02 dự án, Bình Phước 03 dự án, Đồng Nai 01 dự án; Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, TĐC, xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng; Dự án ĐTXD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; Dự án sửa chữa, mua sắm thay thế, bổ sung tài sản cho các phòng nghỉ nhà 7 tầng tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế (Văn phòng Chính phủ).

[237] Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

sót[238]; dự toán còn sai khối lượng, định mức, đơn giá tại nhiều dự án được kiểm toán, chưa đủ căn cứ, cơ sở[239]; điều chỉnh thiết kế khi chưa có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền[240], điều chỉnh thiết kế, dự toán không đúng quy trình[241]; điều chỉnh thiết kế Bản vẽ thi công không phù hợp thiết kế cơ sở[242]; chưa đánh giá, tính toán phương án tận dụng vật tư thu hồi[243].

- Công tác lựa chọn nhà thầu: Không thực hiện lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu[244]; phê duyệt hình thức hợp đồng EPC[245], hợp đồng trọn gói[246] chưa phù hợp; phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (HSMT) chưa đúng trình tự, thủ tục[247]; kế hoạch lựa chọn nhà thầu còn nội dung chưa phù hợp, đầy đủ[248]; phân

---

[238] (i) Liên minh HTX VN: Một số bản vẽ thiết kế còn thiếu thông tin, thông tin chưa chính xác về tỷ lệ bản vẽ theo quy định; Hồ sơ thiết kế một số gói thầu còn chưa thống nhất giữa các bản vẽ, hoặc giữa bản vẽ và thuyết minh thiết kế (dự án Trường trung cấp nghề và đào tạo cán bộ Hợp tác xã Miền Nam giai đoạn 1); (ii) Tổng LĐLĐVN: Dự án Trụ sở Công đoàn Thông tin và Dự án Trụ sở Công đoàn Y tế còn thiết kế tầng hầm không phù hợp (khi chưa tính toán đúng, đủ về lượng mưa tại địa điểm xây dựng dự án) dẫn đến ngập lụt khi lượng mưa lớn làm ngập đường phố, tràn vào tầng hầm công trình; thiết kế vị trí đặt trạm biến áp, máy phát điện trong tầng hầm không đảm bảo an toàn, phải điều chuyển ra ngoài công trình.

[239] Dự án Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp; Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[240] Khu đô thị mới Thủ Thiêm; Dự án Cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà.

[241] Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Dự án cao tốc Bắc - Nam đoạn Phan Thiết - Dầu Giây.

[242] Tỉnh Bình Định (Dự án Đường ven biển (ĐT. 639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi), Ninh Bình (Dự án Khu trung tâm thể dục thể thao huyện Kim Sơn).

[243] Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc, Dự án ĐTXD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn.

[244] (i) Tổng LĐLĐVN: Dự án Trụ sở Công đoàn Thông tin (Dự án Trụ sở công đoàn Thông tin; Dự án Trụ sở Công đoàn Y tế - Gói thầu Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán); (ii) Bộ GD&ĐT: Một số dự án không thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư; (iii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Dự án Bể bơi Bình Định (gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT); Dự án Bể bơi Ninh Thuận (gói thầu thẩm định giá thiết bị công trình, tư vấn khảo sát, lập BCKTKT); Dự án Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Vũng Tàu (thẩm định giá thiết bị phần bổ sung); Dự án 02 bể bơi Bạc Liêu và Đồng Tháp (Khảo sát địa chất, Lập Báo cáo KTKT, Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán, Thẩm định giá thiết bị); Dự án Bể bơi Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Yên Bái (gói thầu tư vấn khảo sát, lập BCKTKT; gói thầu tư vấn kiểm toán quyết toán; chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán).

[245] TPHCM.

[246] Thành phố Hà Nội; tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa.

[247] Tỉnh Lâm Đồng, Tiền Giang, Hà Giang, Cao Bằng, Nam Định; Dự án Trường cán bộ Thanh tra; Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

[248] Dự án Xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kệ; các dự án thuộc tỉnh Khánh Hòa (Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh; Dự án Kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang; Dự án Kè chắn sóng bờ biển bảo vệ Khu dân cư Phú Hội 2, xã Vạn Thắng; Dự án Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú, huyện Diên Khánh); Dự án Kè chống sạt lở thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; Dự án Đập dâng nước và kè chống sạt lở bờ, bảo vệ dân cư bờ phải sông Bằng, thành phố Cao Bằng; Dự án Kè Hổ Cứ, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; dự án của Văn phòng Chính phủ (Dự án sửa chữa, cải tạo nhà C tại Trung tâm Hội nghị 37 Hùng Vương; Dự án cải tạo, sửa chữa một số hệ thống kỹ thuật và xây lắp tòa nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia); Dự án Khu dân cư Thôm Dầy phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn; Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

chia gói thầu chưa phù hợp[249]; không đăng tải thông tin đấu thầu[250]; lựa chọn nhà thầu chậm so với kế hoạch[251], chưa đảm bảo nguyên tắc[252]; chỉ định thầu không đúng quy định[253]; HSMT, hồ sơ yêu cầu chưa đầy đủ nội dung[254], đưa ra tiêu chí làm hạn chế sự tham gia của một số nhà thầu[255], chưa phù hợp với hồ sơ thiết kế[256]; HSMT xác định hình thức hợp đồng trọn gói chưa phù hợp quy định[257]; tiên lượng

---

[249] Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông Tây và cầu Gành Hào, tỉnh Cà Mau: DATP2 có 15 gói thầu TVGS và 09 gói thầu đảm bảo giao thông thủy trong đó 22 gói thầu có quy mô nhỏ với giá dự toán được duyệt nhỏ hơn 500 triệu đồng, được phê duyệt theo hình thức chỉ định thầu rút gọn.

[250] Tỉnh Khánh Hòa, Đồng Tháp.

[251] Một số gói thầu của các dự án: Kè biển Xuân Hải, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (gói thầu xây lắp đoạn từ K1+122-K1+580); Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845; ĐTXD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, TĐC Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

[252] Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án Cải thiện môi trường nước phía đông Quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601, Dự án Nhà máy nước Hòa Liên thành phố Đà Nẵng và Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1).

[253] Tỉnh Bình Định, Long An, Ninh Bình, Điện Biên, Phú Yên, Đắk Lắk; Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845; Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845.

[254] (i) Không quy định cụ thể mức tạm ứng: Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp; Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông Tây và cầu Gành Hào; Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Cải thiện môi trường nước phía đông Quận Sơn Trà; Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601; Nhà máy nước Hòa Liên thành phố Đà Nẵng và Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1); (ii) Không quy định số lần tạm ứng: Dự án Kè chống sạt lở thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành; Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; Dự án Kè thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; Dự án Kè chống xói lở bờ sông Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (bờ Nam); Dự án Củng cố, nâng cấp và bổ sung khép kín tuyến đê biển huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (đoạn từ cống Bến Đình đến cống Bà Nhật); Dự án xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng; (iii) Viện HLKHCN: HSMT chưa có nội dung yêu cầu năng lực chỉ huy trưởng công trình theo quy định (Gói thầu 13 Thi công xây dựng tuyến đường vào khu trung tâm dự án Đường Giao thông kết nối; gói thầu 43 Thi công hệ thống cấp nước sạch và hệ thống xử lý nước thải dự án Trung tâm bảo tồn); (iv) Tổng LĐLĐVN: HSMT một số gói thầu tư vấn tại một số dự án còn điều khoản về năng lực, kinh nghiệm chưa phù hợp; (v) LM HTX VN: Không quy định chi tiết giá trị tạm ứng hợp đồng; HSMT một số gói thầu còn thiếu biểu mẫu, chưa quy định chi tiết yêu cầu về năng lực nhà thầu hoặc đưa yêu cầu chưa phù hợp với nội dung công việc của gói thầu (dự án Trường trung cấp nghề và đào tạo cán bộ Hợp tác xã Miền Nam giai đoạn 1); (vi) Trung ương Đoàn TNCS HCM: HSMT nêu rõ chủng loại, hãng thiết bị nhưng không ghi cụm từ "tương đương" theo quy định của Bộ KH&ĐT (Gói thầu Cung cấp và lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa - Dự án trụ sở làm việc Nhà xuất bản Kim Đồng; Gói thầu Trang thiết bị - Dự án Khu di tích lịch sử Nà Tu, Bắc Kạn và Gói thầu Xây lắp và cung cấp thiết bị Bể bơi Kon Tum).

[255] Dự án ĐTXD một số đoạn Đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu.

[256] Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm công tác chuyển mục đích sử dụng đất, rừng các loại; trồng rừng thay thế); Dự án xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng (Gói thầu xây lắp kênh Bắc đoạn từ K10+760 ÷ K21+354).

[257] Dự án xây dựng tuyến đường vành đai 3,5 (các đoạn Km0+600 - Km1+700; Km2+050 -Km2+550; Km3+340 - Km5+500) huyện Hoài Đức (Gói thầu số 18, 19); Dự án ĐTXD tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Gói thầu xây lắp).

mời thầu sai so với thiết kế[258]. Tỷ lệ tổ chức đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng chưa đảm bảo quy định[259].

- Công tác ký kết hợp đồng xây dựng: Hợp đồng thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ, chưa thống nhất về nội dung[260]; điều chỉnh hợp đồng xây dựng không có trong quy định[261], chưa kịp thời ký phụ lục hợp đồng[262] và cập nhật giá trị hợp đồng theo TMĐT điều chỉnh[263] hoặc ký hợp đồng điều chỉnh vượt giá gói thầu[264]; hết thời gian thực hiện hợp đồng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền điều chỉnh[265]; chưa gia hạn bảo lãnh tạm ứng hợp đồng hết hạn[266]; tiến độ thực hiện hợp đồng chậm[267]; xác định giá hợp đồng tổng thầu EPC tạm tính chưa đủ cơ sở kê khai và nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài[268]; công tác bảo hiểm trong thời gian xây dựng còn hạn chế[269]. Ngoài ra, một số hợp đồng tư vấn chưa quy định trách nhiệm đền bù đối với việc tính toán sai khối lượng, số lượng công việc theo quy định[270].

---

[258] Dự án ĐTXD đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Gói thầu số 18, 26).

[259] Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao, Bộ LĐTB&XH; các tỉnh An Giang, Tiền Giang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Đắk Lắk.

[260] Một số dự án thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ LĐTB&XH; tỉnh Hà Tĩnh, Đắk Nông; Dự án ĐTXD cơ sở 2 của bệnh viện Ung bướu TPHCM; Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Dự án Kè chống sạt lở bờ biển, bảo vệ dân cư khu vực xã Nhơn Hải đến xã Thanh Hải; Dự án Đê cửa sông Phú Thọ (gói thầu tư vấn thiết kế); Dự án Đê cửa sông Phú Thọ; Dự án Khắc phục sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Cù Lao Dung; Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; Dự án Kè thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; Dự án Kè Hổ Cứ, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh; Dự án Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Ninh, tỉnh Long An; Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam; Dự án Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (một số gói thầu mua sắm thiết bị).

[261] Dự án Xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

[262] Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án Cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP. Hồ Chí Minh; Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Tháp.

[263] Dự án xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở tái định cư số 3 thuộc Khu 30ha tái định cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2, TPHCM.

[264] TPHCM; tỉnh Đắk Lắk.

[265] Tỉnh Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Đắk Nông, Kon Tum, Đắk Lắk.

[266] Dự án xây dựng mới bệnh viện Nhi đồng TPHCM; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TPHCM.

[267] Một số dự án của tỉnh Hà Nam, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Nghệ An, Bình Định, Quảng Ngãi, Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Quảng Ninh, Sơn La, Quảng Bình, Bình Dương, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Dương, Điện Biên, Lai Châu, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận, Tiền Giang, Thái Nguyên, Hà Giang, Cao Bằng, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Quảng Nam; thành phố Hà Nội, Hải Phòng, TPHCM, Cần Thơ.

[268] Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng TPHCM.

[269] Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TPHCM; Dự án ĐTXD tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I).

[270] (i) Bộ TN&MT: Một số hợp đồng gói thầu tư vấn; (ii) Bộ NN&PTNT: Ký kết hợp đồng gói thầu tư vấn thiết kế lập dự toán, tư vấn lập HSMT đối với một số gói thầu có hình thức hợp đồng trọn gói không quy định về trách nhiệm của các bên trong việc xử lý đền bù đối với việc tính toán sai số lượng, khối lượng công việc theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 62 Luật Đấu thầu; (iii) Bộ TT&TT: Dự án Cải tạo, nâng cấp và đầu tư trang thiết bị tại trụ sở Bộ TT&TT - 18 Nguyễn Du, thành phố Hà Nội; Dự án trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực IV - Cần Thơ.

- Công tác quản lý chất lượng: Hồ sơ quản lý chất lượng chưa đầy đủ[271]; nhật ký tại hầu hết các gói thầu ghi chép chưa đầy đủ; thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chậm[272]; chưa lập[273] và chậm[274] bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì thiết bị; chưa kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu so với hợp đồng xây dựng[275]; không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư[276]; Bộ Xây dựng ban hành văn bản thống nhất với đề xuất của chủ đầu tư một số nội dung không đúng quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ[277].

- Công tác quản lý tiến độ: Nhiều dự án chậm tiến độ, đặc biệt có trường hợp chậm trên 10 năm[278], phải điều chỉnh gia hạn nhiều lần[279]. Nguyên nhân chủ yếu do vướng mắc GPMB, ảnh hưởng của dịch COVID-19 hoặc do không cân đối, bố trí đủ vốn[280], khan hiếm nguồn vật liệu[281], nhà thầu chưa huy động nguồn lực theo cam kết[282], điều chỉnh hình thức đầu tư[283].

---

[271] Một số dự án thuộc Bộ GTVT, TN&MT, GD&ĐT, NN&PTNT, Viện HLKHCN, LM HTX VN, Trung ương Đoàn TNCS HCM, Hội LHPNVN; thành phố Hà Nội; tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Bình Định, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Phú Thọ, Hải Dương, Tiền Giang, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Đắk Nông, Kon Tum, Bà Rịa-Vũng Tàu; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP. Hồ Chí Minh; tỉnh Vĩnh Long: Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

[272] Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

[273] Dự án ĐTXD cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội (Gói thầu TB2).

[274] Dự án cải tạo, sửa chữa một số hệ thống kỹ thuật và xây lắp tòa nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia.

[275] Bộ TN&MT; Bộ NN&PTNT; tỉnh Sơn La.

[276] (i) Bộ TN&MT: 14 chủ đầu tư chưa báo cáo (báo cáo quý, 6 tháng) theo thời gian quy định; (ii) Bộ Xây dựng: Trường Cao đẳng nghề Lilama 1; Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh; (iii) Tổng LĐLĐVN: Liên đoàn LĐ tỉnh Khánh Hòa; Báo Lao động; Trường Đại học Công đoàn; Trường Trung cấp Công nghệ số 10; LĐLĐ tỉnh Bắc Kạn; LĐLĐ TP. Hồ Chí Minh; Trường Trung cấp Kỹ thuật Du lịch Ninh Bình; Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật số 1 Nghệ An; Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên; Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 1 Nghệ An; Chủ đầu tư Dự án Trụ sở Công đoàn Thông tin; (iv) Bộ GTVT: Tư vấn giám sát chưa kiểm soát về tiến độ, chưa lập đầy đủ Báo cáo định kỳ, giai đoạn theo quy định tại mục đ điểm 3 Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (Gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - NT, tuyến đường sắt HN - TPHCM).

[277] Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng TPHCM; Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TPHCM.

[278] Dự án Trường cán bộ Thanh tra tiến độ thực hiện dự án chậm 10 năm; Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam chậm 12 năm.

[279] Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - Giai đoạn I (lần 9); Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam.

[280] Dự án Kè thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam; Dự án xây dựng hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3.

[281] Dự án ĐTXD tuyến đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dự án ĐTXD tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Gói thầu số 5); Dự án ĐTXD một số đoạn Đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông (đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45): Gói thầu số 10-XL.

[282] Dự án ĐTXD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn Phan Thiết - Dầu Giây; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố Ngã Bảy) tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[283] Dự án ĐTXD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn (từ PPP sang đầu tư công).

- Công tác nghiệm thu, giải ngân, thanh toán, quyết toán: Tạm ứng[284], thu hồi tạm ứng chưa đúng quy định[285], chưa thu hồi tạm ứng quá hạn, dư tạm ứng chưa thu hồi[286]; nghiệm thu đưa vào sử dụng khi chưa nghiệm thu về PCCC[287]; nghiệm thu thanh toán chưa đảm bảo điều kiện[288]; chưa làm việc với địa phương về việc xây dựng và công bố giá đất đối với các mỏ doanh nghiệp được quyền khai thác[289]; không điều chỉnh giá theo quy định của hợp đồng[290]; không giải ngân hết, phải hủy KHV[291]; nghiệm thu, thanh toán sai khối lượng, đơn giá, định mức, sai khác; lập[292], thẩm tra, phê duyệt[293] báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chậm và chưa lập thủ tục tất toán tài khoản với KBNN[294].

---

[284] 05 dự án (Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án Cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601; Dự án Nhà máy nước Hòa Liên thành phố Đà Nẵng và Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)): Tạm ứng bổ sung ngoài hợp đồng vượt mức tạm ứng đã quy định trong HSMT và điều khoản hợp đồng đã ký kết.

[285] Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TPHCM.

[286] Các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2021: Đến 15/3/2022 số tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi 12,5 tỷ đồng; Dự án Nhà máy nước Hòa Liên tạm ứng quá hạn chưa thu hồi 11 tỷ đồng; Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1) 16,1 tỷ đồng; một số dự án thuộc Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông Đà Nẵng: Dự án Đông Sơn Trà 116 tỷ đồng, Dự án ĐT 601 là 92,2 tỷ đồng; Các công trình giao thông, dân dụng giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội: Đến 30/6/2022, tổng số vốn tạm ứng chưa thu hồi tại các dự án là 1.115,352 tỷ đồng; Tỉnh Bạc Liêu: Dự án ĐTXD Nâng cấp tuyến đường Ninh Quới-Ngan Dừa, huyện Hồng Dân dư tạm ứng chưa thu hồi 46,9 tỷ đồng. Các địa phương: Tỉnh Hà Nam 18,4 tỷ đồng, Bắc Ninh 24 tỷ đồng, Bình Định 6,9 tỷ đồng, Long An 192,2 tỷ đồng, Cà Mau 40,8 tỷ đồng, Bình Dương 2,6 tỷ đồng, Điện Biên 10,58 tỷ đồng, Lai Châu 18,39 tỷ đồng, Lâm Đồng 95,31 tỷ đồng, Phú Yên 1,64 tỷ đồng, Ninh Thuận 9,63 tỷ đồng, An Giang 229,64 tỷ đồng, Đồng Tháp 4,22 tỷ đồng, Bến Tre 66,39 tỷ đồng, Trà Vinh 148,86 tỷ đồng, Thanh Hóa 13,163 tỷ đồng, Ninh Bình 98,88 tỷ đồng, Nam Định 8,14 tỷ đồng, Đắk Lắk 79,82 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 387 tỷ đồng, Đắk Nông 12,29 tỷ đồng, Gia Lai 34,30 tỷ đồng, Bình Thuận 47,382 tỷ đồng, Bình Phước 181,85 tỷ đồng, Đồng Nai 25,91 tỷ đồng, Quảng Nam 425,7 tỷ đồng, Vĩnh Long 26,8 tỷ đồng; thành phố Hà Nội 174 tỷ đồng, Đà Nẵng 255 tỷ đồng, TP. Hồ Chí Minh 1.754 tỷ đồng, Cần Thơ 240,8 tỷ đồng.

[287] Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

[288] Dự án Đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông (đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45): Việc xác nhận nghiệm thu thanh toán tạm thời chưa đảm bảo đủ điều kiện 114,304 tỷ đồng.

[289] Dự án Đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc - Nam phía Đông (đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu, Quốc lộ 45 - Nghi Sơn).

[290] Dự án Xây dựng Trường THPT Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm.

[291] Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng TPHCM và Dự án ĐTXD cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu TPHCM.

[292] Tỉnh Phú Thọ; Điện Biên; Dự án Kè chống sạt lở thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành; Dự án ĐTXD khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2; Dự án thành phần Hạ tầng kỹ thuật toàn khu 38,4ha Bình Khánh thuộc dự án xây dựng 2.220 căn hộ TĐC và hạ tầng kỹ thuật toàn khu 38,4ha Bình Khánh, Quận 2 thuộc Khu đô thị mới Thủ Thiêm; Dự án Sửa chữa khu tạm cư An Lợi Đông...

[293] Bộ TN&MT, Xây dựng, NN&PTNT, Ngoại giao, GTVT, TT&TT, GD&ĐT; LM HTX VN; Trung ương Đoàn TNCS HCM; thành phố Hà Nội, TPHCM, Cần Thơ; tỉnh Hà Nam, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Quảng Trị, Bình Định, Long An, Cà Mau, Sóc Trăng, Quảng Ninh, Sơn La, Bình Dương, Phú Thọ, Hải Dương, Điện Biên, Lai Châu, Phú Yên, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng, An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Thái Nguyên, Nam Định, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Quảng Nam, Yên Bái, Vĩnh Long.

[294] Trà Vinh, Vĩnh Long.

(7) Kết quả kiểm toán các dự án ODA

Ngoài các hạn chế, sai sót chung trong việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng, công tác quản lý các dự án ODA còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Đàm phán, ký hiệp định vay kéo dài[295]; phải dừng triển khai, dừng vay vốn do vướng mắc trong thực hiện[296]; ký kết thỏa thuận vay lại giữa Bộ Tài chính và các địa phương chưa xem xét đầy đủ các yếu tố[297], điều chỉnh nhiều lần[298]; ký hợp đồng vay lại chậm[299]; phê duyệt, điều chỉnh nội dung Văn kiện dự án chưa đủ căn cứ[300]; chưa thực hiện đúng cam kết Hiệp định và các quy định khác liên quan đến Chương trình[301].

- KHV lập chưa sát thực tế phải hủy KHV, tỷ lệ giải ngân thấp[302]; giao KHV chưa đúng quy định[303]; đăng ký kế hoạch và rút tiền từ nguồn vốn vay không đồng bộ ảnh hưởng chi phí lãi vay[304]; bố trí vốn đối ứng chưa kịp thời, đảm bảo nhu cầu thực tế[305];

---

[295] Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1; Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long.

[296] Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1: Vướng mắc về vấn đề ô nhiễm Dioxin và công nghệ xử lý nước thải không còn phù hợp với thực tế.

[297] Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh (xử lý nước thải).

[298] Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh điều chỉnh 3 lần.

[299] Một số tiểu dự án thuộc Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam.

[300] Dự án ĐTXD trường Đại học KH&CN Hà Nội: Chưa có thiết kế cơ sở, chưa có ý kiến về TKCS của Bộ Xây dựng và ý kiến của các cơ quan liên quan.

[301] Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2021: Một số tỉnh chưa thực hiện đúng cam kết theo Thỏa thuận vay lại giữa tỉnh và Bộ Tài chính như trả thiếu lãi vay, thanh toán nợ gốc và nợ lãi không kịp thời...

[302] Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện: tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình; Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố Hải Phòng, giai đoạn I; Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1; Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long; Một số Tiểu dự án thuộc Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực: Tiểu dự án thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL); Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2021; Chuyên đề Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải và Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền trung - tỉnh Ninh Thuận (Dự án Khắc phục thiên tai, dự án Môi trường bền vững).

[303] Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long được giao KHV nhưng chưa có trong danh mục KH ĐTCTH; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực: Tiểu dự án thành phố Hải Dương giao KHV trung hạn thiếu so với TMĐT dự án 111,241 tỷ đồng.

[304] Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Nha Trang; Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020 (tỉnh Hà Giang); Chương trình phát triển các đô thị loại II (tỉnh Hà Giang); Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu vay vốn ADB: TP. Hội An, TP. Đồng Hới.

[305] Chương trình ETEP (một số trường chưa bố trí đủ vốn đối ứng); Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc, Dự án cầu Đầm Vạc; Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang; Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020 (tỉnh Tuyên Quang, Thanh Hóa, Kon Tum, Phú Thọ; Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam); Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2021 (tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Yên Bái).

KHV trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn thiếu so với nhu cầu[306]; chưa[307] hoặc chậm[308] phê duyệt kế hoạch tổng thể, hàng năm theo quy định.

- Một số yêu cầu của nhà tài trợ gây bất lợi cho Việt Nam trong mua sắm, đấu thầu[309], phần nào hạn chế sự tham gia của các nhà thầu trong nước và quốc tế; lựa chọn nhà thầu theo quy chế đấu thầu của nhà tài trợ kéo dài so với quy định của Luật Đấu thầu, làm tăng chi phí[310]; công tác đàm phán, ký kết hợp đồng, phân chia tiến độ chưa phù hợp với điều kiện của HSMT[311].

- Tiến độ nhiều dự án chậm; ghi thu, ghi chi chưa đầy đủ, kịp thời[312]; giải ngân chậm[313]. Ban QLDA còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm, xử lý vướng mắc không kịp thời[314].

(8) Kết quả kiểm toán dự án thuộc tập đoàn, tổng công ty nhà nước

- Phê duyệt dự án khi chưa nằm trong quy hoạch ngành được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[315], không phù hợp quy hoạch[316], chưa được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng[317], chưa phê duyệt chủ trương đầu tư[318], chưa được tổ

---

[306] Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố Hải Phòng, giai đoạn I thiếu 1.097 tỷ đồng.

[307] Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện: tỉnh Nghệ An; Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1; Dự án ICRSL.

[308] Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện: Tỉnh Quảng Bình.

[309] Dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Mơ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM.1): Khoản 4 phụ lục 04 của Hiệp định số VNM-51 quy định, Bên Việt Nam phải tổ chức mua sắm, đấu thầu các hàng hóa và dịch vụ thông qua đấu thầu cạnh tranh giữa các Nhà thầu cung cấp Hàn Quốc.

[310] Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực: Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tăng chi phí TVGS 11,471 tỷ đồng; Tiểu dự án thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tăng 14,676 tỷ đồng.

[311] Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh (gói thầu số 62, 63, 64, 66, 67, 68, 84); Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2021 (tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hòa Bình).

[312] Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố Hải Phòng, giai đoạn I; Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam: Tiểu dự án thành phố Bến Tre và Tiểu dự án thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[313] Dự án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP).

[314] Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố Hải Phòng, giai đoạn I; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực: Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[315] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Núi Béo thẩm định, phê duyệt đầu tư khi dự án không có trong quy hoạch ngành Than được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; sau đó, Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quy hoạch phát triển ngành Than đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030.

[316] Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh: Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh có thời hạn khai thác mỏ đến năm 2028 vượt 03 năm so với Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

[317] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo: quyết định đầu tư Dự án khi chưa được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch xây dựng mặt bằng sân công nghiệp; sau đó, UBND tỉnh Quảng Ninh có Quyết định chấp thuận, UBND thành phố Hạ Long đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

[318] Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh.

chức cho vay vốn thẩm định phương án tài chính[319], phương án trả nợ[320]; cấp phép khai thác mỏ chưa phù hợp với thời gian quy định[321]; phương án tài chính không cập nhật đầy đủ các chi phí[322].

- Chủ đầu tư ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu không thuộc một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu khi chưa báo cáo xin chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ[323]; áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu[324], phê duyệt kế hoạch đấu thầu, HSMT chưa phù hợp quy định[325]. Chưa kịp thời ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh[326]; điều chỉnh vượt giá gói thầu[327]; miễn các hình thức bảo lãnh khi thực hiện các gói thầu không phù hợp quy định[328]; chưa nộp thuế tài nguyên[329].

- Nhiều dự án chậm tiến độ, có dự án chậm tiến độ 9 năm so với quyết định phê duyệt[330], phê duyệt tiến độ không phù hợp với quy hoạch điện VII[331]. Dự án hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu[332]; không mua bảo hiểm công trình[333].

2.2.2. Chi thường xuyên

(1) Số quyết toán 1.061.316 tỷ đồng, bằng 101,2% dự toán (tăng 12.141 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 42,72% tổng chi cân đối NSNN (2.484.439 tỷ đồng) và 62,13% chi NSNN (1.708.088 tỷ đồng), cao hơn năm 2020[334], đảm bảo tỷ trọng

---

[319] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

[320] Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I.

[321] Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh: Giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin khai thác với diện tích 291,5 ha, có thời gian khai thác đến năm 2028 là chưa phù hợp với Quy hoạch số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020 (dự kiến đóng cửa mỏ năm 2025).

[322] Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh.

[323] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

[324] Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (Gói số thầu số 01-(DNE-A1)).

[325] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

[326] Dự án Trung tâm giao dịch Than - Khoáng sản Việt Nam; Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh.

[327] Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (gói thầu số 12-(DNE-C1)).

[328] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo: Văn bản số 4512/TKV-TC ngày 18/9/2015 của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam đề nghị Công ty Núi Béo xem xét miễn cho các nhà thầu trong ngành không phải thực hiện các hình thức bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng là chưa phù hợp quy định của Luật Đấu thầu.

[329] (i) Dự án Thủy điện tích năng Bác Ái: Gói thầu số 19.1-XD; (ii) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.

[330] Dự án ĐTXD Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

[331] Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim; Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh chậm 11 tháng;

[332] Dự án Mở rộng, nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.

[333] Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh.

[334] Theo số liệu ghi nhận tại Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán NSNN năm 2020, năm 2020 chỉ chiếm 59,3%.

bình quân nhưng chưa đảm bảo mức phấn đấu theo định hướng tại Nghị quyết số 23/2021/QH14 của Quốc hội[335]. Một số khoản chi sự nghiệp nguồn NSTW có tỷ lệ thực hiện khá thấp so với dự toán[336]. Riêng đối với chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; chi sự nghiệp khoa học công nghệ[337] (bao gồm cả NSTW và NSĐP) các năm gần đây đều thực hiện không đạt dự toán. Kết quả kiểm toán cho thấy, một số khoản chi NSTW thực hiện không đạt dự toán do đề xuất nhu cầu, tổng hợp, tham mưu phân bổ kinh phí chậm (cuối năm ngân sách)[338].

(2) Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy:

- Việc xây dựng đơn giá, định mức tại một số đơn vị còn chậm, chưa đầy đủ[339].

- Việc quản lý nhiệm vụ, dự án KH&CN: Công tác đề xuất, tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ, dự án KH&CN còn thiếu sót[340]; việc thực hiện đề tài khoa học còn

---

[335] "… trong đó tỷ trọng chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 28%, tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 62-63% tổng chi ngân sách nhà nước. Trong tổ chức thực hiện, phấn đấu tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt khoảng 29%, giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%".

[336] Chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề chỉ đạt 59,2% dự toán (17.667/29.825 tỷ đồng), lĩnh vực khoa học và công nghệ chỉ đạt 71% dự toán (8.571/12.063 tỷ đồng), lĩnh vực bảo vệ môi trường đạt 75% (1.911/2.547 tỷ đồng).

[337] (i) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Năm 2021 đạt 94,9% (237.339/249.971 tỷ đồng), trong đó NSTW chỉ đạt 57,8% (13.433/23.254 tỷ đồng), NSĐP đạt 98,8% (223.906/226.717 tỷ đồng); năm 2020 đạt 81,9%; (ii) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Năm 2021 đạt 95% (10.295/10.838 tỷ đồng), trong đó NSTW đạt 99,1% (7.627/7.697 tỷ đồng), NSĐP đạt 84,9% (2.668/3.141 tỷ đồng); năm 2020 đạt 96,1%.

[338] Do việc đề xuất nhu cầu, tổng hợp, tham mưu chậm nên ngày 08/12/2021, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 2068/QĐ-TTg về việc bổ sung dự toán năm 2021 để thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMT Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020 tiếp tục triển khai thực hiện năm 2021; ngày 29/12/2021, Bộ Tài chính mới ban hành Công văn số 14964/BTC-HCSN bổ sung kinh phí cho Bộ Công Thương để thực hiện chính sách, chế độ hỗ trợ học sinh, sinh viên; ngày 29/11/2021, Bộ Tài chính mới ban hành Công văn số 13523/BTC-HCSN bổ sung kinh phí cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, chế độ học bổng, chính sách hỗ trợ đào tạo…

[339] (i) Bộ TN&MT: Năm 2021, ban hành 02 định mức (02/13) đạt 15% kế hoạch; không đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với các Thông tư ban hành định mức; một số định mức được kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh tại BCKT của KTNN năm 2018 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện; chưa rà soát các bộ đơn giá lĩnh vực tài nguyên môi trường để loại bỏ định mức công cụ, dụng cụ (5%) và mức hao phí đối với các vật liệu (8%) có giá trị thấp không có trong quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27/9/2021; (ii) Bộ NN&PTNT: Chưa xây dựng, ban hành định mức về vật tư, hóa chất sử dụng cho công tác phân tích thuốc bảo vệ thực vật, phân tích phân bón; việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo thực thi quy định của Luật Trồng trọt vẫn còn chậm; một số nhiệm vụ về xây dựng văn bản pháp luật được giao tại Kế hoạch số 1321/QĐ-BNN-KH ngày 03/4/2020 chưa thực hiện đúng tiến độ, như: Nghị định về đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp trình Chính phủ; Đề án phát triển vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và tiêu thụ nông, lâm sản giai đoạn 2021-2025.

[340] (i) Viện HLKHXH: Không thực hiện xét tuyển chọn đề tài thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN; một số đề tài, giữa danh mục đề xuất, ý kiến của Phó Chủ tịch duyệt và thực tế thực hiện không trùng khớp nhau; Học viện Khoa học xã hội chưa tổ chức họp Hội đồng khoa học xét duyệt đề xuất đề tài cấp Bộ theo quy định; (ii) Bộ NN&PTNT: Công tác tổng hợp các đề xuất đặt hàng đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành gửi các Tổng cục, Cục ngày 09/6/2020 chậm so với quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT.

hạn chế[341]; thời gian thực hiện chưa đảm bảo quy định[342]; chưa thực hiện xử lý đối với trường hợp nhiệm vụ KHCN không hoàn thành theo quy định[343]; hồ sơ quyết

---

[341] (i) Bộ TN&MT: Bộ phê duyệt mở mới đề tài "Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất nội dung quy định về quản lý hoạt động lấn biển, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam" phục vụ cho việc xây dựng Nghị định quy định về lấn biển, tuy nhiên đề tài thực hiện sau thời điểm Bộ hoàn thành dự thảo Nghị định; (ii) Bộ NN&PTNT: Có 10 nhiệm vụ KHCN kết thúc năm 2021 chưa thực hiện việc giao nộp sản phẩm và lưu giữ hồ sơ; 14 nhiệm vụ KHCN chưa được cơ quan quản lý khoa học trình Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT; chưa theo dõi, tổng hợp số liệu tài sản trang thiết bị sau khi kết thúc nhiệm vụ KHCN; (iii) Viện HLKHXH: Một số đề tài không thực hiện theo ý kiến Hội đồng; một số đề tài được ấn định kinh phí trước khi trình ra tổ thẩm định kinh phí.

[342] (i) Bộ TN&MT: Đề tài mã số NMT.2018.10.06, TNMT.2018.03.04 do Văn phòng Bộ thực hiện gia hạn không đúng quy định; gửi hồ sơ đăng ký kết quả quá thời hạn (Đề tài TNMT.2018.05.28 quá thời hạn 79 ngày; Đề tài TNMT.2018.05.29 quá thời hạn 65 ngày; Đề tài TNMT.2018.05.16 quá thời hạn 119 ngày; Đề tài TNMT.2018.05.18 quá thời hạn 141 ngày; Đề tài TNMT.2018.05.15 quá thời hạn 79 ngày); dự án "Tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm, phân tích tài nguyên đất của Viện nghiên cứu quản lý đất đai" chậm, đã gia hạn thời gian thực hiện 02 lần nhưng đến nay dự án vẫn chưa nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng; (ii) Bộ Xây dựng: Thời gian nghiệm thu đề tài chậm so với thời gian kết thúc (Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia: đề tài Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá đô thị thông minh tại Việt Nam, thời gian thực hiện 2020-2021, nghiệm thu cơ sở trong năm 2021 đến tháng 4/2022 mới được nghiệm thu cấp Bộ; đề tài Nghiên cứu nguồn lực tài chính phát triển đô thị, trọng tâm là cơ sở hạ tầng và nhà ở; kết thúc thời gian gia hạn 30/09/2021, đến 24/8/2022 mới được nghiệm thu cấp Bộ); đơn vị nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Bộ chậm quy định tại Điều 7 Thông tư 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 (Viện kiến trúc quốc gia 02 nhiệm vụ gửi hồ sơ chậm 7 tháng, 01 nhiệm vụ gửi hồ sơ chậm 8 tháng); Bộ tổ chức nghiệm thu chậm hơn quy định tại Điều 10 Thông tư 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 (Văn phòng Bộ Xây dựng 04 nhiệm vụ nghiệm thu chậm 3 tháng, 01 nhiệm vụ nghiệm thu chậm 4 tháng); (iii) Viện HLKHCN: Có 59/115 đề tài đến hạn nghiệm thu trong năm 2021 xin gia hạn (chiếm tỷ lệ 52%), theo báo cáo do ảnh hưởng của dịch Covid-19 hoặc chưa có sản phẩm công bố theo thuyết minh được phê duyệt; (iv) Bộ GD&ĐT: Nhiều đề tài, nhiệm vụ thuộc Bộ chưa tuân thủ thời gian gia hạn do Bộ quy định; (v) Bộ NN&PTNT: Có 13 nhiệm vụ KHCN thực hiện chậm tiến độ, phải gia hạn thời gian thực hiện (từ 06 tháng đến 12 tháng). Đến thời điểm kiểm toán có 03 nhiệm vụ KHCN chưa được nghiệm thu, chậm so với quy định; (vi) Bộ GTVT: có 02 đề tài gia hạn chưa phù hợp quy định quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Bộ của Bộ GTVT (Đề tài "NC thực nghiệm, đánh giá chất lượng kết cấu tầng trên Đường sắt và đề xuất dự thảo kiểm định trạng thái hoạt động kết cấu tầng trên cho đường sắt VN" (thời gian thực hiện 18 tháng), xin gia hạn 9 tháng; Đề tài chuyển tiếp "NC, thiết kế, chế tạo và lắp đặt thử nghiệm ghi đơn phổ thông (loại TG1/9 và TG1/10) đặt trên tà vẹt bê tông dự ứng lực cho đường sắt VN" (thực hiện 24 tháng), gia hạn 02 lần (mỗi lần gia hạn 12 tháng)); (vii) Viện HLKHXH: Có 17 đề tài, nhiệm vụ phải xin gia hạn, đặc biệt chương trình cấp quốc gia "Nghiên cứu khu di tích khảo cổ học Óc Eo-Ba Thê-Nền chùa" phải gia hạn 03 lần (thời gian gia hạn 03 năm); ngoài ra còn một số đề tài, một số nhiệm vụ bị chậm so với kế hoạch đề ra (tổ chức toạ đàm, hội thảo, khảo sát); (viii) Ủy ban Dân tộc: Hàng năm phân bổ kinh phí cho các đề tài thấp hơn so với thuyết minh được duyệt ban đầu dẫn đến tiến độ thực hiện đề tài bị chậm, UBDT phải điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện từ 4 - 6 tháng của 08 đề tài; (ix) Bộ LĐTB&XH: Phần lớn đề tài phải gia hạn.

[343] (i) Bộ TN&MT: Đề tài mã số "TNMT.2018.05.07. Nghiên cứu giải pháp KHCN phòng chống sạt lở để phục hồi, phát triển rừng ngập mặn vùng Đất Mũi Cà Mau" do Trường Đại học TN&MT TP. Hồ Chí Minh chủ trì; (ii) Viện HLKHXH: Năm 2021, có 01 chương trình trọng điểm cấp Bộ và 01 đề tài cấp Bộ dừng thực hiện, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, đơn vị chưa cung cấp được hồ sơ liên quan đến việc dừng thực hiện; (iii) Ủy ban Dân tộc: 01 đề tài chuyển tiếp đang bị đề nghị dừng do không thực hiện thanh quyết toán số kinh phí đã tạm ứng lần 1 theo đúng cam kết trong hợp đồng KH&CN, đến thời điểm kiểm toán chưa có quyết định dừng (tại Văn phòng).

toán chưa đầy đủ, chưa đúng quy định[344]; còn một số tồn tại, hạn chế trong việc ứng dụng, chuyển giao các đề tài nghiên cứu khoa học sau khi hoàn thành[345].

- Một số địa phương ngân sách tỉnh hụt thu lớn nhưng chưa kịp thời điều chỉnh giảm chi tương ứng[346]; chưa xây dựng[347] hoặc chưa trình Thường trực HĐND[348] để xử lý hụt thu theo quy định hoặc chậm tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng phương án trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định[349]; có 11/60 địa phương được kiểm toán hỗ trợ không đúng nhiệm vụ chi theo phân cấp với tổng số tiền 57,5 tỷ đồng[350]; 26/60 địa phương sử dụng sai nguồn 1.421,5 tỷ đồng[351]. Tại một số

---

[344] (i) Bộ Xây dựng: Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; Văn phòng Bộ Xây dựng; Viện Kiến trúc quốc gia; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia; Viện Vật liệu Xây dựng; Viện KHCN Xây dựng; (ii) Viện HLKHCN: Không có các tài liệu chứng minh năng lực doanh nghiệp/tổ chức KH&CN tham gia phối hợp thực hiện dự án theo quy định tại Điều 9, Quyết định số 2408/QĐ-VHL; (iii) Viện HLKHXH: Chi trả tiền công lao động trực tiếp cho các cá nhân thực hiện nhiệm vụ không chuyển vào quỹ tiền lương, tiền công theo quy định; chi phí quản lý chung (5% kinh phí đề tài) chi cho một số cá nhân thực hiện quản lý đề tài, chưa sử dụng kinh phí quản lý chung chi cho điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh theo quy định; (iv) Bộ GD&ĐT: Một số đề tài, nhiệm vụ quyết toán khi chưa đủ điều kiện thanh toán; (v) Bộ LĐTB&XH: Một số đề tài chưa có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước nhưng Hội đồng nghiệm thu vẫn chấm đạt và cho nghiệm thu quyết toán đề tài.

[345] (i) Viện HLKHCN: Giai đoạn 2019-2021 không có đề tài được ứng dụng chuyển giao công nghệ trong tổng số 133 đề tài nghiên cứu; (ii) Bộ GD&ĐT: Trường ĐH Kiên Giang có đề tài B2019-TKG-05 được NSNN cấp kinh phí, ký hợp đồng chuyển giao nghiên cứu KHCN với Công ty TNHH Nông, lâm nghiệp Kiên Giang nhưng chưa báo cáo cơ quan có thẩm quyền; (iii) LM HTX VN: 03/09 đề tài chưa có báo cáo ứng dụng trong thực tiễn theo quy định.

[346] Tỉnh Đồng Tháp (Nguồn thu XSKT hụt 216,74 tỷ đồng, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa phối hợp để tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh giảm KHV đầu tư từ nguồn thu XSKT năm 2021, dẫn đến tổng số giải ngân năm 2021 và số đã chuyển KHV kéo dài sang năm 2022 (là 1.475,67 tỷ đồng), vượt số thực thu năm 2021 là 192,41 tỷ đồng; Quảng Ngãi (Thị xã Đức Phổ: ngân sách huyện hụt thu, các nguồn lực (kết dư chỉ còn 0,034 tỷ đồng, thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang chỉ còn 0,32 tỷ đồng, ứng trước ngân sách năm 2021 trở về trước 4,79 tỷ đồng không có nguồn để thu hồi tạm ứng), tuy nhiên UBND thị xã Đức Phổ không cắt giảm một số nhiệm vụ chi thường xuyên chưa thật sự cấp thiết để bù hụt thu, dẫn đến mất cân đối ngân sách, đồng thời sử dụng nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu 10,74 tỷ đồng để bổ sung chi cân đối, sai mục tiêu của tỉnh); Bến Tre (Sở Tài chính chưa kịp thời rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán NSĐP và báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh giảm một số khoản chi trong điều kiện nguồn thu XSKT không đạt dự toán giao, dẫn đến số giải ngân vượt số thực thu năm 2021 là 6,5 tỷ đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán giao, tuy nhiên do số giải ngân 9,51 tỷ đồng thấp hơn số thực thu); Trà Vinh (hụt thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh 115,6 tỷ đồng, song KBNN Trà Vinh, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa phối hợp tham mưu UBND Tỉnh trình Thường trực HĐND Tỉnh xem xét, điều chỉnh giảm dự toán chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất đã phân bổ ngay đầu năm 2021 theo quy định).

[347] Đắk Lắk (Thị xã Buôn Hồ);

[348] Tỉnh Kon Tum (Ngân sách cấp tỉnh); An Giang (Ngân sách cấp tỉnh và huyện An Phú); Cần Thơ (Ngân sách cấp thành phố); Sóc Trăng (Huyện Mỹ Xuyên).

[349] Tỉnh Trà Vinh: Đến ngày 26/10/2022, Sở Tài chính chưa tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án xử lý hụt thu ngân sách năm 2021 trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo HĐND tỉnh trong kỳ họp gần nhất theo quy định điểm a khoản 3 Điều 52 Luật NSNN.

[350] Tỉnh Quảng Nam 16,7 tỷ đồng, Thanh Hóa 14,3 tỷ đồng, Đắk Lắk (Thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện) 1,2 tỷ đồng, Hà Tĩnh 6,23 tỷ đồng, Ninh Bình 6,5 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 1,3 tỷ đồng, Đồng Nai 1,3 tỷ đồng...

[351] Thành phố Hà Nội 228,7 tỷ đồng; tỉnh Thanh Hóa 427,7 tỷ đồng, Đồng Tháp 374,1 tỷ đồng, Đắk Lắk 65,3 tỷ đồng, Bắc Ninh 64 tỷ đồng, Khánh Hòa 44 tỷ đồng, Cà Mau 14 tỷ đồng, Quảng Nam 37 tỷ đồng, Bình Định 8,7 tỷ đồng, Phú Thọ 19,78 tỷ đồng, An Giang 19 tỷ đồng, Bến Tre 17,87 tỷ đồng...

địa phương, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản gắn với nhiệm vụ chi công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, tuy nhiên UBND các huyện cân đối chung vào dự toán chi thường xuyên chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật NSNN[352] hoặc số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đã được tỉnh hòa chung vào thu NSĐP để thực hiện các nhiệm vụ chi[353].

Còn tình trạng bố trí dự toán kinh phí thanh toán chi phí vận chuyển rác thải sinh hoạt cho các chủ nguồn thải là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng chi từ nguồn ngân sách[354]; bố trí dự toán kinh phí thực hiện công tác vệ sinh môi trường để làm căn cứ đặt hàng khi chưa xây dựng dự toán số thu dịch vụ vệ sinh môi trường để đối trừ phần ngân sách cấp[355]. Chưa xác định giảm số bổ sung cân đối cho ngân sách cấp huyện đối với phần giảm chi NSNN do sáp nhập thôn, làng, tổ dân phố theo Nghị quyết của HĐND tỉnh[356]; chưa nộp NSNN kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên theo Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính[357]; cấp phát bằng lệnh chi tiền cho một số đơn vị nhưng chưa được cơ quan tài chính các cấp kiểm soát chi theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính[358].

(3) Về thực hiện cải cách tiền lương

- Trong năm NSTW bổ sung có mục tiêu 178,7 tỷ đồng cho 04 địa phương để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020[359], bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho các địa phương 1.424,9 tỷ đồng[360]. Qua kiểm toán cho thấy, đến ngày 03/3/2023, còn 06 địa phương chưa có báo cáo về nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2020[361], 04 địa phương chưa có báo cáo

---

[352] Tỉnh Gia Lai 2,2 tỷ đồng; Đắk Lắk 1,9 tỷ đồng...

[353] Hòa Bình (34,9 tỷ đồng).

[354] Tỉnh Tây Ninh.

[355] Tỉnh Lai Châu.

[356] Tỉnh Đắk Lắk.

[357] Tỉnh Đồng Nai 4,3 tỷ đồng.

[358] Tỉnh Nghệ An.

[359] Tỉnh Hòa Bình 47,377 tỷ đồng tại Văn bản số 3855/BTC-NSNN ngày 13/4/2021; tỉnh Sơn La 85,300 tỷ đồng tại Văn bản số 2756/BTC-NSNN ngày 18/3/2021; tỉnh Hậu Giang 30,153 tỷ đồng tại Văn bản số 7319/BTC-NSNN ngày 06/7/2021; tỉnh An Giang 15,899 tỷ đồng tại Văn bản số 8954/BTC-NSNN ngày 10/8/2021 và Văn bản số 12270/BTC-NSNN ngày 26/10/2021.

[360] Hà Giang 240 tỷ đồng; Yên Bái 60 tỷ đồng; Bắc Kạn 63 tỷ đồng; Hòa Bình 83,5 tỷ đồng; Sơn La 177,6 tỷ đồng; Điện Biên 173,2 tỷ đồng; Nam Định 0,29 tỷ đồng; Thái Bình 0,62 tỷ đồng; Thành Hóa 0,76 tỷ đồng; Quảng Ngãi 567,6 tỷ đồng; Bình Phước 21,4 tỷ đồng; Đồng Nai 0,054 tỷ đồng; Tiền Giang 10,2 tỷ đồng; Trà Vinh 0,23 tỷ đồng; Vĩnh Long 0,02 tỷ đồng; An Giang 5,35 tỷ đồng; Cà Mau 20,86 tỷ đồng.

[361] Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước, Long An.

kết quả thực hiện từng chính sách an sinh xã hội năm 2020[362] làm cơ sở để Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm 2021 hỗ trợ NSĐP (phần kinh phí NSTW phải hỗ trợ) theo quy định[363].

- Ngoài ra, kết quả kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương cho thấy: (i) Một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa trích lập nguồn CCTL, không lập dự toán chi thực hiện CCTL theo quy định[364]; sử dụng nguồn CCTL không đúng quy định[365]; (ii) 13/60 địa phương báo cáo chưa đầy đủ nguồn CCTL được để lại từ nguồn thu học phí, viện phí, thu sự nghiệp khác và nguồn năm trước chuyển sang hoặc xác định vượt nhu cầu CCTL số tiền 1.737 tỷ đồng[366]; trong đó KTNN đã kiến nghị Bộ Tài chính giảm dự toán năm sau 440,7 tỷ đồng[367]; một số đơn vị của 47/60 địa phương chưa trích lập đủ hoặc xác định nguồn CCTL chưa đúng quy định 8.714 tỷ đồng[368].

(4) Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn vay, vốn viện trợ: Một số dự án vốn viện trợ, vốn vay hết thời gian thực hiện nhưng chưa được gia hạn[369]; chưa ghi thu - ghi chi theo quy định[370].

---

[362] Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[363] Theo quy định tại tiết c khoản 3 Điều 2 Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020.

[364] (i) Bộ TN&MT: Cục Biến đổi khí hậu, Tổng cục Khí tượng thuỷ văn; (ii) Bộ Xây dựng: Trường ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh 38,43 tỷ đồng; Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị 0,306 tỷ đồng; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia 4,8 tỷ đồng; (iii) Bộ GD&ĐT: Kinh phí phải trích lập của các đơn vị là 282,8 tỷ đồng; (iv) Bộ GTVT: Không lập dự toán nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm 7 Điều 12 Thông tư số 71/2020/TT-BTC; (v) Bộ TT&TT: Cục An toàn thông tin, TT chứng thực điện tử quốc gia, TT Internet Việt Nam; (vi) Hội LHPNVN: Kinh phí CCTL từ 40% nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị còn dư đến 31/12/2022 là 25,893 tỷ đồng nhưng chưa đưa vào cân đối kinh phí CCTL trong năm; (vii) Viện HLKHXH: Bảo tàng dân tộc học Việt Nam chưa trích lập tạo nguồn CCTL 0,275 tỷ đồng; (viii) Bộ LĐTB&XH: Một số đơn vị thực hiện trích lập thiếu nguồn CCTL theo quy định.

[365] (i) Viện HLKHCN: Trung tâm Phát triển công nghệ cao còn sử dụng nguồn kinh phí CCTL từ nguồn thu được để lại để chi lương cho cán bộ hợp đồng 0,108 tỷ đồng chưa đúng quy định; (ii) Bộ LĐTB&XH: Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất sử dụng nguồn CCTL để chi lương và các khoản đóng góp theo lương.

[366] Tỉnh Ninh Bình 845 tỷ đồng; Lâm Đồng 320 tỷ đồng; Đắk Lắk 150,1 tỷ đồng; Đắk Nông 109,3 tỷ đồng; Bình Định 98,7 tỷ đồng; Quảng Ngãi 79 tỷ đồng; Lào Cai 39 tỷ đồng; Thái Bình 39 tỷ đồng; Kon Tum 21,1 tỷ đồng; Sơn La 13,5 tỷ đồng; Gia Lai 9 tỷ đồng...

[367] Tỉnh Đắk Lắk 150,1 tỷ đồng; Đắk Nông 109,3 tỷ đồng; Gia Lai 9 tỷ đồng; Bình Định 98,7 tỷ đồng; Lào Cai 39 tỷ đồng; Kon Tum 21,1 tỷ đồng; Sơn La 13,5 tỷ đồng.

[368] TPHCM 2.447 tỷ đồng; tỉnh Quảng Ninh 2.070 tỷ đồng, Quảng Nam 1.812 tỷ đồng, Đồng Nai 381 tỷ đồng, Quảng Trị 286 tỷ đồng, Bình Thuận 240 tỷ đồng, Đắk Lắk 321,1 tỷ đồng, Bắc Ninh 229 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 172 tỷ đồng, Gia Lai 133 tỷ đồng, Đắk Nông 127 tỷ đồng...

[369] Bộ TN&MT: 03 dự án vốn ODA; 02 dự án vốn vay đã hết thời gian thực hiện nhưng chưa được gia hạn thời gian thực hiện.

[370] (i) Bộ TN&MT: 0,286 tỷ đồng; (ii) Bộ GD&ĐT: ghi thu - ghi chi sau khi dự án đã kết thúc; (iii) Bộ NN&PTNT: 1,235 tỷ đồng (Cục Chăn nuôi: Dự án Xác nhận viện trợ số 926/05 ngày 31/12/2019 là 1,118 tỷ đồng; Dự án Xác nhận viện trợ số 832/05 ngày 29/12/2018 là 0,117 tỷ đồng); (iv) Hội LHPNVN: Đã thực hiện làm thủ tục gửi Bộ Tài chính xin hoàn tạm ứng 20,644 tỷ đồng nhưng chưa có thông báo kết quả ghi thu - ghi chi; (v) Viện HLKHXH: 3,498 tỷ đồng; (vi) Bộ LĐTB&XH: Ghi chi hoàn tạm ứng đối với một số dự án chưa đủ điều kiện quyết toán; ghi thu - ghi chi tạm ứng, thông báo hoàn tạm ứng trùng 2,7 tỷ đồng dẫn đến phải điều chỉnh giảm.

(5) Về thực hiện cơ chế tự chủ: Chưa thực hiện sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định[371]; quy chế chi tiêu nội bộ chưa đảm bảo quy định[372]; việc thực hiện tự chủ còn hạn chế[373]. Một số đơn vị xác định chưa đúng doanh thu, chi phí[374], chưa kê khai, nộp thuế đầy đủ[375]; thu, chi học phí chưa phù hợp[376].

---

[371] (i) Bộ TN&MT: Đài khí tượng Cao không; (ii) Bộ Xây dựng: 37 đơn vị sự nghiệp công lập (29 đơn vị dự toán cấp III thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 (01 Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, 04 Trường đại học, 11 Trường cao đẳng, 04 Trường trung cấp, 02 Bệnh viện, 04 Trung tâm phục hồi chức năng, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng, Nhà xuất bản Xây dựng); 02 đơn vị dự toán cấp III thực hiện Nghị định số 141/NĐ-CP ngày 10/10/2016 (Cung Triển lãm kiến trúc quy hoạch xây dựng quốc gia, Trung tâm Thông tin); 06 đơn vị dự toán cấp III thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 (gồm các Viện nghiên cứu)).

[372] (i) Bộ NN&PTNT: Quy định mức trích lập Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi theo tỷ lệ trên chênh lệch thu chi hàng năm là không đúng quy định điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP (Vườn quốc gia Ba Vì thuộc Tổng cục Lâm nghiệp); chưa quy định cụ thể mức chi từ nguồn phí tại Quy chế chi tiêu nội bộ (Văn phòng Tổng cục PCTT); xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn viện dẫn một số văn bản hết hiệu lực chưa được cập nhật bổ sung (Cục CB&PTTTNS); quy định về khoán chi hoạt động SXKD dịch vụ không bao quát đầy đủ các nội dung được giao khoán; chưa thực hiện khoán doanh thu theo quy định tại Điều 4 mục II Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp); trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, cụ thể: Tỷ lệ đã trích 24,7% (tối thiểu 25%), trích lập các quỹ vượt số thặng dư/thâm hụt trong năm 0,033 tỷ đồng (Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản); (ii) Bộ TT&TT: Quy chế chi tiêu nội bộ chưa quy định chi tiết một số nội dung chi, chưa xây dựng phương án tiền lương, tiền công đối với đối tượng lao động kỹ thuật cao.

[373] Viện HLKHXH: hầu hết các đơn vị trực thuộc vẫn chủ yếu từ nguồn NSNN hỗ trợ, nguồn thu khai thác bên ngoài thấp và không ổn định đặc biệt trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu dịch vụ của các đơn vị (Bảo tàng dân tộc học, Học viện KHXHVN...) vì vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến mức độ tự chủ của các đơn vị.

[374] Một số đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT, Trung ương Đoàn TNCS HCM, Hội LHPNVN, Bộ LĐTB&XH.

[375] (i) Bộ TN&MT: 1,329 tỷ đồng (Thuế TNCN 0,2 tỷ đồng; thuế TNDN 0,994 tỷ đồng; thuế GTGT 0,135 tỷ đồng); (ii) Bộ Xây dựng: 2,487 tỷ đồng (Thuế GTGT 1,467 tỷ đồng; thuế TNDN 0,954 tỷ đồng; thuế TNCN 0,065 tỷ đồng); (iii) Viện HLKHCN: 0,494 tỷ đồng (Thuế GTGT 0,136 tỷ đồng; TNDN 0,28 tỷ đồng; thuế TNCN 0,045 tỷ đồng; thuế nhà thầu 0,033 tỷ đồng); (iv) Bộ NN&PTNT: 0,678 tỷ đồng (Thuế TNCN 0,031 tỷ đồng; thuế TNDN 0,547 tỷ đồng; thuế GTGT 0,099 tỷ đồng); (v) LM HTX VN: 0,188 tỷ đồng (Thuế GTGT 0,087 tỷ đồng; thuế TNDN 0,101 tỷ đồng); (vi) Bộ Ngoại giao: 0,782 tỷ đồng (Thuế TNDN 0,729 tỷ đồng; tiền chậm nộp thuê đất 0,053 tỷ đồng); (vii) Bộ TT&TT: 2,285 tỷ đồng; (viii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: 3,507 tỷ đồng (Thuế GTGT 0,666 tỷ đồng; thuế TNDN 2,725 tỷ đồng; thuế TNCN 0,116 tỷ đồng); (ix) Hội LHPNVN: 2,490 tỷ đồng (Thuế GTGT 0,104 tỷ đồng; thuế TNDN 2,386 tỷ đồng)…

[376] (i) Bộ Xây dựng: Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội chi học bổng khuyến khích học sinh, sinh viên bằng 80,6% số trích quỹ; Trường ĐH Kiến trúc TPHCM chi cho nghiên cứu khoa học 18,8% tổng số thu học phí hệ chính quy trong năm, thấp hơn so với quy định tại Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014; kinh phí cho sinh viên và người học hoạt động NCKH là 0,02%; (ii) Tổng LĐLĐVN: Trường Đại học Công đoàn thu học phí đại học hệ chính quy vượt định mức 1,67 tỷ đồng; (iii) Bộ GD&ĐT: Một số trường thu học phí vượt quy định; (iv) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Học viện Thanh thiếu niên thu một số khoản thu chưa có trong quy định số tiền 0,996 tỷ đồng, thu học phí đào tạo thạc sĩ cao hơn mức thu quy định 0,796 tỷ đồng; chi vượt giờ giảng 5.740,3 giờ (tương đương số tiền thanh toán 0,443 tỷ đồng), chi học bổng cho sinh viên chưa đảm bảo tỷ lệ 8% theo quy định, quỹ học bổng còn trích thiếu 0,319 tỷ đồng; một số khoản chi thực hiện theo quyết định riêng của Thủ trưởng đơn vị nhưng chưa được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ (Chi chỉ đạo, điều hành thanh toán, tổ chức lớp học cho một số bộ phận 0,303 tỷ đồng; chi chỉ đạo toàn khóa, điều hành kế hoạch giảng dạy, theo dõi quản lý giảng viên, bồi dưỡng thanh toán giảng viên số tiền 0,396 tỷ đồng; chi đàm phán duyệt hồ sơ 0,08 tỷ đồng); (v) Viện HLKHXH: Học viện KHXH còn thu vượt học phí đào tạo tiến sĩ, chưa thực hiện miễn giảm học phí đầy đủ theo quy định; (vi) Bộ LĐTB&XH: Trường đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định thu vượt học phí học lại so với mức quy định 0,312 tỷ đồng.

2.2.3. Chi chuyển nguồn

(1) Tổng số chi chuyển nguồn theo Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 là 776.351 tỷ đồng (NSTW 206.012 tỷ đồng; NSĐP 570.339 tỷ đồng) bằng 31,2% tổng chi cân đối NSNN (2.484.439 tỷ đồng), và bằng 45,5% số thực chi, số chuyển nguồn tiếp tục tăng cao cả về số tương đối và số tuyệt đối so với những năm gần đây[377]. Qua kiểm toán cho thấy:

Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 chưa thuyết minh chi tiết từng nội dung, số liệu chuyển nguồn theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN. Theo số liệu hạch toán của KBNN tại thời điểm kết thúc kiểm toán (ngày 07/3/2023), trong số chi chuyển nguồn của NSĐP có nội dung chuyển nguồn *"kinh phí khác"* 24.259 tỷ đồng, kết quả kiểm toán tổng hợp tại Bộ Tài chính cho thấy một số địa phương có những khoản chi chuyển nguồn chưa được phân tích, thuyết minh chi tiết từng nội dung tương ứng với các mục chi theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 64 Luật NSNN[378] nên KTNN không xác định được tính đúng đắn đối với nội dung chuyển nguồn "*kinh phí khác"* này.

(2) Về chuyển nguồn kinh phí phòng chống dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 82/2023/QH15

- Nghị quyết số 82/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội cho phép *"chuyển 5.016,674 tỷ đồng nguồn ngân sách địa phương đã bố trí cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 còn dư của 24 địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022 để chi cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo đúng quy định, không sử dụng cho mục đích khác; hủy dự toán số chuyển nguồn không sử dụng hết trong niên độ ngân sách nhà nước năm 2022 theo quy định của pháp luật"*.

---

[377] (i) Số chi chuyển nguồn theo Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 sang năm 2021 là 643.406 tỷ đồng bằng 27,3% tổng chi NSNN (2.352.929 tỷ đồng) và bằng 37,6% so với số thực chi NSNN (1.709.523 tỷ đồng); (ii) Số chi chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 là 592.649 tỷ đồng, bằng 27,9% (592.649/2.119.541 tỷ đồng) so với tổng chi NSNN, chiếm tới 38,8% (592.649/1.526.893 tỷ đồng) so với tổng số thực chi ngân sách.

[378] (i) Tỉnh Sóc Trăng: trong chuyển nguồn "Kinh phí khác" có 3,212 tỷ đồng là kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi, kinh phí phòng, chống Covid-19 chưa sử dụng hết 1,735 tỷ đồng;(ii) Cà Mau có kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 chưa sử dụng 22,256 tỷ đồng; (iii) Bắc Ninh có một số nguồn kinh phí cấp huyện xác định nộp trả ngân sách cấp tỉnh (Huyện Tiên Du: kinh phí sự nghiệp môi trường 29,779 tỷ đồng; kinh phí kiến thiết thị chính 1,449 tỷ đồng; kinh phí mua sắm sự nghiệp giáo dục 65,607 tỷ đồng. Huyện Yên Phong: kinh phí sự nghiệp môi trường 0,204 tỷ đồng); (iv) Thành phố Hà Nội có các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho các quận, huyện, thị xã chuyển nguồn để nộp trả ngân sách cấp trên 167,216 tỷ đồng; (v) An Giang có nộp trả ngân sách trung ương các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu còn thừa 104,129 tỷ đồng; (vi) Ninh Bình có kinh phí phòng, chống Covid-19 số tiền 19,612 tỷ đồng; các khoản hết nhiệm vụ chi để hoàn trả NSTW 106,232 tỷ đồng; kinh phí tạm cấp cho Công ty TNHH Thành Nam chưa thu hồi 19,853 tỷ đồng; (vii) Đồng Tháp có kinh phí chuyển nguồn nộp trả NSTW 16,164 tỷ đồng; (viii)Thái Bình có kinh phí hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 số tiền 8,745 tỷ đồng, kinh phí mục tiêu nông nghiệp còn dư 5,916 tỷ đồng; (ix) Sơn La có kinh phí hết nhiệm vụ chi của các đơn vị dự toán, các dự án đầu tư, các huyện, thành phố 70,69 tỷ đồng;…

- Kết quả kiểm toán cho thấy, quá trình Bộ Tài chính phối hợp với các địa phương tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội chậm, kéo dài[379], dẫn đến ngày 09/01/2023 Quốc hội mới ban hành Nghị quyết số 82/2023/QH15, sau thời điểm HĐND cấp tỉnh phê chuẩn quyết toán NSĐP theo quy định tại khoản 5 Điều 69 Luật NSNN 2015. Thực tế, trong số 24 địa phương có trường hợp địa phương không còn nhu cầu chuyển nguồn, số liệu quyết toán NSĐP đã được HĐND quyết nghị của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không bao gồm số chuyển nguồn kinh phí này[380], trong khi đó một số địa phương đã được HĐND quyết nghị chuyển nguồn[381] (trước thời điểm ban hành Nghị quyết số 82/2023/QH15). Mặt khác kết quả kiểm toán cho thấy, ngoài 24 địa phương được chuyển nguồn theo Nghị quyết số 82/2023/QH15, có một số địa phương HĐND đã quyết nghị chuyển nguồn kinh phí này[382] (hạch toán trong nội dung chi chuyển nguồn "kinh phí khác").

- Sau kiểm toán, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi 24 địa phương được Quốc hội cho phép chuyển nguồn kinh phí này để rà soát, xác định lại nhu cầu. Theo báo cáo[383]: (i) 07 địa phương không có nhu cầu chuyển nguồn và 01 địa phương (tỉnh Hậu Giang) chỉ có nhu cầu chuyển một phần nguồn đã được Quốc hội cho phép, tổng số kinh phí 2.079,481 tỷ đồng; (ii) 17 địa phương có nhu cầu chuyển nguồn toàn bộ hoặc một phần (tỉnh Hậu Giang), với tổng số tiền 2.937,193 tỷ đồng[384] và được Chính phủ trình Quốc hội cho phép tổng hợp vào báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 đối với 17 địa phương này.

---

[379] Thông tin tại Tờ trình số 236/TTr-BTC ngày 07/10/2022, các địa phương báo cáo muộn nhất là ngày 29/7/2022, tuy nhiên đến ngày 7/10/2022 Bộ Tài chính mới có Tờ trình báo cáo Chính phủ; sau đó phải xin ý kiến của các Bộ có liên quan, đến ngày 30/11/2022, Bộ Tài chính có Tờ trình tiếp theo số 291/TTr-BTC báo cáo Chính phủ; và đến ngày 30/12/2022 Chính phủ mới có Tờ trình số 530/TTr-CP gửi UBTVQH. Tuy nhiên Nghị quyết số 30/2021/QH15 của Quốc hội chỉ cho phép UBTVQH quyết định việc chuyển nguồn kinh phí cho công tác phòng chống Covid-19 đến hết ngày 31/12/2022, do đó Ủy ban TCNS của Quốc hội đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ hoàn thiện Tờ trình gửi Quốc hội về việc chuyển nguồn kinh phí cho công tác phòng chống Covid-19 của các địa phương năm 2021 sang niên độ năm 2022, do đó đến ngày 07/01/2023, Chính phủ mới có Tờ trình số 14/TTr-CP gửi Quốc hội.

[380] Thông tin theo các văn bản rà soát báo cáo quyết toán Bộ Tài chính gửi các địa phương: Thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, tỉnh Hưng Yên, Bạc Liêu, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hoà Bình, Quảng Ninh, Gia Lai, Đắk Lắk.

[381] Thông tin theo các văn bản rà soát báo cáo quyết toán Bộ Tài chính gửi các địa phương: Tỉnh Long An 33,351 tỷ đồng; Kiên Giang 655,892/1.046,762 tỷ đồng; Tây Ninh 2,498/2,563 tỷ đồng; Quảng Ngãi 22,673 tỷ đồng; Ninh Thuận 154,924 tỷ đồng; Hậu Giang 43,502 tỷ đồng.

[382] Tỉnh Sóc Trăng 1,735 tỷ đồng; Cà Mau 22,256 tỷ đồng; Ninh Bình 19,612 tỷ đồng; Thái Bình, 8,745 tỷ đồng; Lâm Đồng 22,631 tỷ đồng;…

[383] Báo cáo số 152/BC-CP ngày 27/4/2023 về Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021.

[384] Trong đó: 14 địa phương đã có ý kiến của HĐND/Thường trực HĐND phê chuẩn số chi chuyển nguồn để chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong quyết toán ngân sách năm 2021 là 1.509,94 tỷ đồng; và 03 địa phương, UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp số chuyển nguồn kinh phí chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 vào quyết toán ngân sách năm 2021, số tiền 1.427,253 tỷ đồng (Đắk Lắk là 91,706 tỷ đồng, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 944,677 tỷ đồng, tỉnh Kiên Giang là 390,870 tỷ đồng).

(3) Kết quả kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương cho thấy: Một số bộ, cơ quan trung ương chuyển nguồn kinh phí khi không còn nhiệm vụ chi[385]; 32/60 địa phương được kiểm toán chi chuyển nguồn cao hơn năm trước; chuyển nguồn kinh phí không phù hợp quy định 13.230,6 tỷ đồng[386].

2.2.4. Chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương

Tổng số chi bổ sung từ NSTW cho các địa phương quyết toán năm 2021 là 346.796 tỷ đồng, bằng 94,1% so với dự toán (368.449 tỷ đồng). Trong năm, NSTW cấp bổ sung có mục tiêu từ dự toán năm 2021 (ngoài dự toán đầu năm) 19.333,7 tỷ đồng[387]. Qua kiểm toán cho thấy, một số nguồn kinh phí bổ sung cho các bộ, địa phương đến hết năm 2021 không sử dụng hết trong niên độ ngân sách năm 2021 và đang xác định chuyển nguồn sang năm 2022 như kinh phí thực hiện chính sách thủy sản[388] chưa đúng quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 128/2020/QH14, kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho các bộ, địa phương để thực hiện một số nội dung có tính chất đầu tư[389] chưa đúng yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1431/QĐ-TTg ngày 25/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, đến hết năm 2021, số kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu và các CTMTQG tại 48/60 địa phương còn tồn chưa hoàn trả NSTW theo quy định 4.223,6 tỷ đồng[390].

2.2.5. Chương trình mục tiêu quốc gia

Quyết toán 1.090,4 tỷ đồng, chỉ đạt 6,3% dự toán (17.211,8 tỷ đồng), cụ thể: *(1) Chi đầu tư phát triển:* không giải ngân toàn bộ số dự toán Quốc hội giao 16.000

---

[385] (i) Bộ TN&MT: Số dư nguồn phí Tổng cục Môi trường chuyển qua các năm không có nhu cầu sử dụng, không có kế hoạch chi 16,411 tỷ đồng; (ii) Viện HLKHXH: Thực hiện chuyển số dư đối với kinh phí tổ chức diễn đàn khoa học phản biện xã hội trong lĩnh vực KHXH 0,388 tỷ đồng đã hết nhiệm vụ chi; (iii) Bộ Xây dựng: Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo chương trình 1659/QĐ-TTg hết nhiệm vụ chi 2,32 tỷ đồng.

[386] Tỉnh Hà Nam 308,7 tỷ đồng, Bạc Liêu 107,7 tỷ đồng, Đồng Tháp 568,7 tỷ đồng, Kon Tum 136,8 tỷ đồng, Quảng Ngãi 109,3 tỷ đồng, An Giang 1.310,3 tỷ đồng, Quảng Nam 632,2 tỷ đồng, Cà Mau 112,2 tỷ đồng, Bình Định 360 tỷ đồng, Đồng Nai 4.665,1 tỷ đồng, Bình Thuận 2.712,6 tỷ đồng, Quảng Bình 848,1 tỷ đồng, Nghệ An 320,7 tỷ đồng, Lai Châu 144,9 tỷ đồng…

[387] Để bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách tiền lương, các CTMT, CTMTQG; kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV; kinh phí sự nghiệp môi trường theo Quyết định số 1431/QĐ-TTg ngày 25/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ, kinh phí khắc phục thiên tai năm 2021, kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất;…

[388] Một số địa phương được bổ sung kinh phí không sử dụng hết trong niên độ ngân sách năm 2021 và đang xác định chuyển nguồn sang năm 2022 như: Tỉnh Nam Định 3,065 tỷ đồng; Ninh Bình 1,129 tỷ đồng, Thái Bình 0,098 tỷ đồng, Thanh Hóa 0,246 tỷ đồng; Bình Định 0,795 tỷ đồng. Theo báo cáo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 4103/BC-KBNN ngày 27/4/2023 Bộ Tài chính đã có văn bản gửi các đơn vị rà soát để thu hồi hoàn trả NSTW.

[389] Theo báo cáo của Bộ Tài chính tại Văn bản ngày 10/2/2023 về việc cung cấp hồ sơ theo đề nghị tại Văn bản số 11/TKT03 của Đoàn KTNN (lần 2): Bộ Tài nguyên và Môi trường số chuyển sang năm 2022 là 166,369 tỷ đồng. Theo kết quả rà soát: tỉnh Thái Nguyên chuyển nguồn 24,406 tỷ đồng; Trà Vinh 21,61 tỷ đồng; Gia Lai 26,113 tỷ đồng; Đắk Nông 27 tỷ đồng. Ngoài ra, có tỉnh Bắc Kạn không sử dụng đã hủy dự toán 21,342 tỷ đồng (100% dự toán được giao).

[390] Thành phố Cần Thơ 137,7 tỷ đồng; tỉnh Bình Thuận 1.067,7 tỷ đồng, An Giang 517,6 tỷ đồng, Hà Nam 302,7 tỷ đồng, Nghệ An 285,1 tỷ đồng, Đồng Tháp 228,4 tỷ đồng, Quảng Ngãi 166,4 tỷ đồng, Bến Tre 156,1 tỷ đồng, Cà Mau 102,8 tỷ đồng...

tỷ đồng (Quốc hội đã cho phép chuyển nguồn sang năm 2022 tại Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021); *(2) Chi thường xuyên:* số quyết toán 1.090,4 tỷ đồng[391] đạt 89% dự toán (1.211,8 tỷ đồng), trong đó một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương tỷ lệ thực hiện rất thấp[392], không sử dụng[393]. Kinh phí quyết toán thấp, theo báo cáo của Bộ Tài chính[394] là do kết thúc thời gian thực hiện, các nhiệm vụ không triển khai thực hiện được theo kế hoạch do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (đối với các bộ, cơ quan trung ương); kết quả kiểm toán cho thấy, một phần nguyên nhân là do việc tổng hợp, tham mưu phân bổ kinh phí còn chậm.

2.2.6. Thu, chi viện trợ

- Một số đơn vị chưa tổng hợp, báo cáo kịp thời để trình bổ sung dự toán và quyết toán kinh phí viện trợ hàng năm đối với một số khoản kinh phí viện trợ đã tiếp nhận, sử dụng trong năm 2021 và các năm trước[395].

- Nghị quyết số 82/2023/QH15 bổ sung dự toán NSNN năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài số tiền 14.713 tỷ đồng cho một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Kết quả kiểm toán cho thấy: Một số đơn vị không thực hiện quyết toán năm 2021[396] trong đó, có đơn vị đề nghị hủy dự toán (do tổng hợp trùng)[397], có đơn vị đã đề nghị hủy bổ sung dự toán nhưng vẫn được tổng hợp trình Chính phủ để trình Quốc hội bổ sung dự toán[398]; một số đơn vị thực hiện quyết toán nhưng số kinh phí hủy dự toán khá cao so với dự toán được giao bổ sung[399]; 05 địa phương được bổ sung dự toán chưa thực hiện quyết toán[400].

---

[391] Bao gồm: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 121,3 tỷ đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 969,1 tỷ đồng.

[392] Bộ Tài nguyên và Môi trường: đạt 13% (quyết toán 0,3 tỷ đồng/dự toán giao 2,25 tỷ đồng); Bộ Công Thương: 25% (0,5/2 tỷ đồng); TW Hội LHPN Việt Nam 29% (0,5/1,75 tỷ đồng,); tỉnh Thanh Hóa 36% (39,8/110,8 tỷ đồng); Long An 28% (11,2/40 tỷ đồng); An Giang 17% (4,8/28,1 tỷ đồng); Kiên Giang 39% (8,8/22,6 tỷ đồng).

[393] Bộ Y tế, dự toán giao 0,25 tỷ đồng; tỉnh Bến Tre, dự toán giao 41,5 tỷ đồng; quyết toán 0 ….

[394] Theo thuyết minh quyết toán năm 2021 bổ sung theo Quyết định 1379/QĐ-TTg về bổ sung kinh phí chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Vụ Hành chính sự nghiệp - Bộ Tài chính gửi KTNN.

[395] Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung dự toán thu chi NSNN năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài số tiền 14.713 tỷ đồng tại Tờ trình số 465/TTr-CP ngày 24/11/2022 và được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 82/2023/QH15 ngày 09/01/2023 đối với 20 bộ, cơ quan trung ương và 05 địa phương.

[396] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 63,2 tỷ đồng; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam 12,2 tỷ đồng; Bộ Công an 9,3 tỷ đồng; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh 0,8 tỷ đồng.

[397] Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam đề nghị hủy dự toán 12,2 tỷ đồng theo Văn bản số 238a/KHXH-KHTC ngày 17/02/2023 do tổng hợp trùng.

[398] Bộ NN&PTNT đã có văn bản đề nghị hủy bổ sung dự toán 62,2 tỷ đồng theo Văn bản số 6800/BNN-TC ngày 11/10/2022 (trước khi Quốc hội thông qua dự toán bổ sung).

[399] Bộ LĐTB&XH (486,2/545,9 tỷ đồng); Bộ GD&ĐT (23,9/63,2 tỷ đồng); Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (4,9 /23,4 tỷ đồng)…

[400] Tỉnh Bắc Kạn, Gia Lai, Sóc Trăng, Kon Tum, Thanh Hóa. Trong đó tỉnh Bắc Kạn đã có Văn bản số 881/UBND-TH ngày 17/02/2023 báo cáo về việc chưa kịp phê chuẩn bổ sung quyết toán NSĐP năm 2021 trước thời điểm 16/02/2023, UBND Tỉnh sẽ trình HĐND phê chuẩn bổ sung quyết toán vào kỳ họp HĐND tại kỳ họp sớm nhất (năm 2023, dự kiến có 05 kỳ họp HĐND tỉnh vào tháng 3, 4, 7, 9, 12).

2.2.7. Việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách

(1) Về dự phòng NSTW năm 2019 kéo dài sang 2021

Thực hiện khoản 2[401] Điều 4 Nghị quyết số 53/2022/QH15 ngày 15/06/2022 của Quốc hội về việc giao KTNN tổ chức kiểm toán khoản 1.150,195 tỷ đồng dự phòng NSTW năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2021, kết quả kiểm toán cho thấy: (i) Số KHV dự phòng NSTW năm 2019 được kéo dài sang năm 2021 là 1.150,212 tỷ đồng; số vốn đã giải ngân, thanh toán 871,485 tỷ đồng; số KHV phải hủy dự toán sau 31/12/2021 là 278,725 tỷ đồng (KTNN đã kiến nghị thu hồi, nộp trả NSTW); (ii) Có dự án đến 31/12/2021 không giải ngân (Sơn La) đã hủy KHV, phải nộp trả NSTW; (iii) Tỉnh Đắk Lắk bố trí vốn cho các dự án đầu tư công đã được xác định rõ nguồn vốn, thời gian cấp vốn từ những năm trước chưa phù hợp với tính chất của nguồn vốn[402]; (iv) Ngoài danh mục dự án kéo dài KHV 1.150,2 tỷ đồng, có dự án (Điện Biên) được phân bổ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019 kéo dài sang năm 2021 nhưng chưa được tổng hợp, theo dõi; có địa phương[403] hủy KHV từ năm 2020, hết niên độ 2021 chưa nộp trả NSTW.

(2) Về dự phòng NSTW năm 2021

- Một số địa phương[404] đề nghị hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2021 chưa báo cáo cụ thể về tình hình sử dụng dự phòng NSĐP theo yêu cầu[405]; một số khoản dự phòng NSTW cấp bổ sung cho NSĐP[406] khi chưa làm rõ tình hình sử dụng dự phòng NSĐP của địa phương được hỗ trợ, chưa làm rõ số vốn dự phòng NSĐP còn lại dự kiến bố trí cho nội dung hỗ trợ chưa đáp ứng được nhu cầu là chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật NSNN. Có địa phương giao KHV chậm[407] hoặc chậm triển khai thi công[408].

---

[401] 2. Tổ chức kiểm toán khoản 1.150.195 triệu đồng dự phòng NSTW năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2021 để kịp thời xử lý, thu hồi về ngân sách nhà nước các khoản không đúng quy định hoặc đã hết thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định.

[402] Tỉnh Đắk Lắk bố trí 37 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019 cho 04 dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020.

[403] Tỉnh Quảng Trị, Quảng Ngãi.

[404] Theo Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021: Tỉnh Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Nghệ An,…;

[405] Văn bản số 133/QGPCTT ngày 15/12/2021 của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai.

[406] Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 08/3/2021; Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 30/3/2021, số 487/QĐ-TTg ngày 30/3/2021, số 119/QĐ-TTg ngày 30/12/2020, số 19/QĐ-TTg ngày 09/3/2021.

[407] Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 08/3/2021 nhưng tỉnh Bắc Giang giao ngày 30/12/2021, Hà Nam giao ngày 10/12/2021; Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 nhưng Tỉnh Kon Tum giao tại Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 04/5/2022; Quảng Trị giao tại Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 14/6/2022, số 1918/QĐ-UBND ngày 22/7/2022, số 2473/QĐ-UBND ngày 23/9/2022.

[408] Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 nhưng Tỉnh Nghệ An: Đến thời điểm 03/11/2022 nhiều dự án được giao KHV đều chưa thi công.

- Một số khoản hỗ trợ[409] để khắc phục hậu quả thiên tai yêu cầu hoàn thành trong năm 2021 nhưng địa phương chậm giao vốn, triển khai đầu tư; đến hết năm 2021 chưa giải ngân hết phải đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ gia hạn giải ngân.

- Một số cơ quan chủ trì[410] tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ dự phòng chưa đúng đơn vị chủ trì theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016; quy định về đơn vị chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng dự phòng NSTW cho phòng, chống thiên tai thiếu thống nhất với quy định chung về quản lý NSNN[411]. Cơ quan chủ trì[412] trình Thủ tướng Chính phủ nhưng không lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2[413] Điều 36 Luật Biên giới quốc gia và khoản 7[414] Điều 26 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

- Mức hỗ trợ đối với từng địa phương chưa đầy đủ tiêu chí mang tính định lượng để xác định[415].

- Một số địa phương được hỗ trợ dự phòng NSTW năm 2021 tại Quyết định số 2266/QĐ-TTg để khắc phục hậu quả thiên tai chậm phân bổ chi tiết hoặc chậm

---

[409] Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 08/3/2021 cho tỉnh Bắc Giang, Hà Nam.

[410] Bộ Tài chính tại Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 01/4/2021; Bộ Ngoại giao tại Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 30/12/2020; Bộ Tài chính tham mưu tại Văn bản số 3325/BTC-NSNN ngày 31/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 về việc hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch di tích quốc gia đặc biệt cho tỉnh Bắc Kạn.

[411] Điểm c khoản 3 Điều 9 Luật Phòng chống thiên tai quy định "*Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai tổng hợp tình hình thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ của địa phương và đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định*."; điểm b Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định "*Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ*" trong khi khoản 3 Điều 7 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định "*Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng NSTW: a) Đối với các khoản chi trên 03 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, Bộ KH&ĐT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các khoản chi đầu tư phát triển và các khoản chi thuộc chức năng quản lý của Bộ KH&ĐT. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các khoản chi còn lại. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mức chi không quá 03 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, định kỳ hằng quý tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ*."

[412] Bộ Ngoại giao khi đề xuất Thủ tướng Chính phủ sử dụng dự phòng NSTW năm 2020 tại Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 và Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 09/3/2021.

[413] *"2. Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia".*

[414] Điều 26. Trách nhiệm Bộ Quốc phòng "*7. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; đề xuất Chính phủ chỉ đạo xây dựng các công trình để cố định biên giới quốc gia, công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; đầu tư kinh phí, trang bị phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;*"

[415] Tại Quyết định số 2266/QĐ-TTg ngày 31/12/2021: Tỉnh Quảng Bình thiệt hại 68,13 tỷ đồng, đề xuất hỗ trợ 209,8 tỷ đồng, được giao 60 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế thiệt hại 85,34 tỷ đồng, đề xuất hỗ trợ 100 tỷ đồng, được giao 60 tỷ đồng; Quảng Nam thiệt hại 501 tỷ đồng, đề xuất hỗ trợ 1.301,5 tỷ đồng, được giao 120 tỷ đồng; Khánh Hòa thiệt hại 248 tỷ đồng, đề xuất hỗ trợ 1.200 tỷ đồng, được giao 100 tỷ đồng;..

báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại tiết c[416] khoản 3 Điều 17 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021[417] (thời điểm 31/12/2022 nhiều địa phương không giải ngân hết số vốn dự phòng NSTW được giao với số vốn dư 213,474 tỷ đồng); có địa phương phân bổ KHV cho dự án xây dựng mới chưa phù hợp tiết e khoản 1 Điều 30 Luật Phòng chống thiên tai[418]; phân bổ cho dự án đã có quyết định đầu tư từ những năm trước[419] chưa phù hợp khoản 2 Điều 10 Luật NSNN[420]. Ngoài ra, còn phân bổ cho các dự án khi chưa có trong báo cáo tình hình thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ khắc phục hậu quả bão, mưa lũ năm 2021 tại một số địa phương[421] gửi Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai[422].

(3) Kết quả kiểm toán cho thấy, có địa phương chưa phân bổ kịp thời nguồn dự phòng NSTW bổ sung có mục tiêu[423]; chưa nộp trả nguồn dự phòng NSTW chưa giải ngân hết[424]. Đối với nguồn dự phòng NSĐP: còn 14/60 địa phương sử dụng nguồn dự phòng chi cho một số nhiệm vụ chưa thực sự cấp bách[425] chưa phù hợp Điều 10 Luật NSNN số tiền 85,9 tỷ đồng; tỉnh Đắk Lắk bố trí nguồn dự phòng ngân sách để cấp kinh phí cho ngân sách cấp dưới khi chưa xem xét nguồn dự

---

[416] c) Căn cứ Quyết định hỗ trợ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai của Thủ tướng Chính phủ,... Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kịp thời để triển khai thực hiện, thời hạn ***chậm nhất 30 ngày kể từ ngày có quyết định của Thủ tướng Chính phủ***; định kỳ hàng quý báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai ***trước ngày 25 tháng cuối quý*** để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

[417] Theo báo cáo, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai đã có các Văn bản số 81/QGPCTT ngày 10/10/2021 và số 579/VPTT ngày 14/11/2022 gửi UBND các tỉnh đề nghị rà soát, báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai từ nguồn dự phòng NSTW, tuy nhiên một số tỉnh chậm báo cáo nên Ban chỉ đạo chưa hoàn thành việc tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

[418] Dự án Kênh tiêu 3 huyện: huyện Phù Cát, Tuy Phước, TX An Nhơn, tỉnh Bình Định (KHV 20 tỷ đồng).

[419] Kè chống sạt lở khẩn cấp đoạn Thuận An-Tư Hiền (KHV 30 tỷ đồng) và Dự án Xử lý khẩn cấp khắc phục xói lở bờ biển Hải Dương (KHV 20 tỷ đồng) tỉnh Thừa Thiên Huế; Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai Kè chống sạt lở Thế Thạnh - Phú Văn, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định (KHV 2 tỷ đồng); Kè chống sạt lở, bồi lắp cửa biển Đà Diễn, tỉnh Phú Yên (KHV 74,4 tỷ đồng).

[420] Dự án đã có quyết định đầu tư từ những năm trước là những dự án đã phải được thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để thực hiện; do vậy việc phân bổ cho các dự án này là chưa phù hợp quy định về sử dụng dự phòng: "Dự phòng ngân sách nhà nước sử dụng để: Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình <u>mà chưa được dự toán</u>".

[421] Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định,…

[422] Đến thời điểm cuối năm 2022, các địa phương đã rà soát, báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng nguồn dự phòng NSTW năm 2018-2021 về Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai theo Văn bản số 81/QGPCTT ngày 10/10/2022.

[423] Tỉnh Hà Nam.

[424] Tỉnh Nghệ An 23,9 tỷ đồng, Quảng Trị 30 tỷ đồng, Sóc Trăng 4,7 tỷ đồng, Sơn La 103,56 tỷ đồng, Phú Thọ 13,3 tỷ đồng, Điện Biên 14,17 tỷ đồng, An Giang 41,86 tỷ đồng, Phú Yên 5,63 tỷ đồng, Bến Tre 63,179 tỷ đồng, Đồng Tháp 22,65 tỷ đồng, Trà Vinh 0,948 tỷ đồng, Đắk Nông 2,33 tỷ đồng, Kon Tum 7,51 tỷ đồng, Đắk Lắk 34,137 tỷ đồng và thành phố Cần Thơ 137,7 tỷ đồng.

[425] Tỉnh Thừa Thiên Huế 12,6 tỷ đồng, Bến Tre 9,7 tỷ đồng, Ninh Bình 9,2 tỷ đồng, Bắc Ninh 5,8 tỷ đồng, Gia Lai 4,4 tỷ đồng, Nghệ An 3,9 tỷ đồng, Quảng Bình 1,4 tỷ đồng...

phòng còn tồn tại ngân sách cấp dưới[426]; 31/60 địa phương bố trí dự phòng ngân sách tại cấp tỉnh hoặc cấp huyện chưa đảm bảo tỷ lệ quy định[427].

2.2.8. Về sử dụng nguồn tiết kiệm chi

(1) Tổng số tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ tại các Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021 của 70[428] đơn vị dự toán cấp I là 2.433,7 tỷ đồng cao hơn khoảng 10,823 tỷ đồng so với số Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội[429] (2.422,9 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do chưa tổng hợp số tiết kiệm đối với một số nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao sau thời điểm Nghị quyết số 58/NQ-CP có hiệu lực[430], số chênh lệch này đã được hủy dự toán.

(2) Kết quả kiểm toán cho thấy: Một số đơn vị chưa cắt giảm và tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên năm 2021[431] hoặc cắt giảm thiếu 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước hoặc 10% tiết kiệm chi thường xuyên còn lại năm 2021[432] theo Nghị quyết số 58/NQ-CP.

2.3. Tạm ứng và ứng trước dự toán

- Niên độ ngân sách năm 2021, không có bộ, cơ quan trung ương và địa phương phát sinh ứng trước. Năm 2021 đã bố trí 14.363,19 tỷ đồng KHV để thu hồi ứng trước *(bộ, cơ quan trung ương 5.638,294 tỷ đồng, địa phương 8.724,896 tỷ đồng)*. Theo số liệu Bộ Tài chính cung cấp[433], số dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2021 chưa bố trí KHV để thu hồi 32.715,489 tỷ đồng (*bộ, cơ quan trung ương 16.865,719 tỷ đồng; địa phương 15.849,770 tỷ đồng*), trong đó, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương còn số vốn ứng trước chưa thu hồi lớn[434]. Kết quả kiểm

---

[426] Tỉnh bổ sung cho huyện Ea H'leo 1,1 tỷ đồng, huyện Krông Ana 0,2 tỷ đồng; huyện Ea Kar bổ sung cho xã 2,7 tỷ đồng.

[427] Thành phố Đà Nẵng; tỉnh Tiền Giang, Thái Bình, Hải Phòng, Đồng Tháp, Kon Tum, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam, Điện Biên, Khánh Hòa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Bắc Ninh, Bình Định, Đắk Nông, Bến Tre, Thanh Hóa, Bình Thuận, Quảng Ninh, Nam Định, Quảng Bình, Hải Dương, Nghệ An, Quảng Trị, Phú Thọ; Lai Châu, Lào Cai, Hòa Bình, Vĩnh Long...

[428] Không bao gồm số tiết kiệm của Bộ Y tế (chưa có Thông báo thẩm định quyết toán năm 2021).

[429] Tại Tờ trình số 331/TTr-CP ngày 16/9/2021.

[430] Đài truyền hình Việt Nam 03 tỷ đồng; Bộ Giao thông vận tải 2,5 tỷ đồng; Ủy ban Dân tộc 0,5 tỷ đồng; Bộ Tài chính 4,1 tỷ đồng; Bộ Giáo dục và Đào tạo 0,1 tỷ đồng.

[431] (i) Trung ương Đoàn TNCS HCM: 0,636 tỷ đồng; (ii) Viện HLKHCN: 1,594 tỷ đồng; (iii) Tổng LĐLĐVN: 0,203 tỷ đồng; (iv) Bộ GD&ĐT: 3,8 tỷ đồng; (v) Bộ NN&PTNT: Chưa xác định số kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2021 (từ nguồn thu phí được để lại) để bổ sung nguồn phòng, chống dịch Covid-19, tăng đầu tư phát triển và nhiệm vụ an ninh, quốc phòng cần thiết theo Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính về tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP của Chính phủ (Cục Thú y); (vi) Bộ Ngoại giao: 0,065 tỷ đồng; (vii) Bộ GTVT: 1,133 tỷ đồng; (viii) Ủy ban Dân tộc: 0,406 tỷ đồng; (ix) Bộ LĐTB&XH: 0,466 tỷ đồng.

[432] Tỉnh Tuyên Quang 3,45 tỷ đồng, Đắk Lắk 0,9 tỷ đồng, Kon Tum 0,6 tỷ đồng, Sóc Trăng (ngân sách cấp tỉnh; huyện Châu Thành và Kế Sách chưa điều chỉnh giảm).

[433] Văn bản cung cấp tài liệu khảo sát của Bộ Tài chính.

[434] Bộ Giao thông vận tải 8.293,925 tỷ đồng; Bộ Quốc phòng 4.389,736 tỷ đồng; Ngân hàng Phát triển Việt Nam 4.100 tỷ đồng; tỉnh Phú Thọ 1.032,801 tỷ đồng, Ninh Bình 1.145,055 tỷ đồng, Hà Tĩnh 3.094,582 tỷ đồng, Bình Thuận 1.716,404 tỷ đồng, Lâm Đồng 1.457,061 tỷ đồng,...

toán cho thấy, trong năm 2021 vẫn còn 10 bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa được bố trí vốn thu hồi vốn ứng trước[435], trong đó có 5 bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa xây dựng kế hoạch thu hồi vốn ứng trước vào kế hoạch ĐTCTH giai đoạn 2021-2025[436] hoặc bố trí thu hồi tỷ lệ thấp[437] trong khi số dư ứng còn lớn là chưa phù hợp quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 8 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của UBTVQH.

- Việc thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW trong kế hoạch ĐTCTH giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, qua đối chiếu với số liệu do Bộ Tài chính cung cấp còn chênh lệch với giá trị 15.706 tỷ đồng, gồm chênh lệch tăng là 13.607 tỷ đồng (trong đó, chưa bao gồm số liệu của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an) và chênh lệch giảm là 2.099 tỷ đồng của 6 địa phương.

Qua rà soát số dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2021 chưa bố trí KHV để thu hồi theo kết quả của KTNN tại một số địa phương niên độ 2021 còn chênh lệch so với số liệu do Bộ Tài chính cung cấp, gồm chênh lệch tăng 350,129 tỷ đồng, chênh lệch giảm 451,616 tỷ đồng. Ngoài ra, 23/60 địa phương còn tình trạng cho tạm ứng kéo dài quá thời hạn chưa thu hồi đến 31/12/2021 số tiền 25.648,5 tỷ đồng[438]; 14/60 địa phương ứng trước dự toán NSTW nhưng chưa được TW bố trí để thu hồi 3.994,4 tỷ đồng[439]; 15/60 địa phương tạm ứng từ NSTW đến 31/12/2021 chưa thu hồi 1.808,1 tỷ đồng[440]; còn địa phương tồn đọng số dư tạm ứng ngoài dự toán bằng lệnh chi tiền chưa thu hồi[441].

---

[435] Gồm: Bộ Công Thương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, tỉnh Lạng Sơn; Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, Kiên Giang; trong đó, năm 2022, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được bố trí vốn để thu hồi hết vốn ứng trước tại Văn bản số 2988/VPCP-KTTH ngày 13/5/2022.

[436] Gồm: Bộ Công Thương 4,938 tỷ đồng; tỉnh Khánh Hòa 15,503 tỷ đồng; Trà Vinh 39,075 tỷ đồng; thành phố Cần Thơ 2,494 tỷ đồng và tỉnh Kiên Giang 1,5 tỷ đồng.

[437] Hà Giang bố trí 91,255/760,945 tỷ đồng, đạt 11,9%; Phú Thọ bố trí 34,65/1.067,451 tỷ đồng, đạt 3,2%; Bắc Giang bố trí 20,848/847,935 tỷ đồng, đạt 2,5%; Hải Phòng bố trí 178,519/968,83 tỷ đồng, đạt 18,42%,…

[438] TP.HCM 22.698,3 tỷ đồng, Đà Nẵng 276,2 tỷ đồng; tỉnh Sóc Trăng 367,8 tỷ đồng, Bạc Liêu 320,7 tỷ đồng, Quảng Ninh 313,5 tỷ đồng, Tiền Giang 265,6 tỷ đồng, Cà Mau 251,8 tỷ đồng, Thái Nguyên 241,3 tỷ đồng, Nghệ An 218,6 tỷ đồng, Lâm Đồng 186,3 tỷ đồng, Gia Lai 184,8 tỷ đồng, Đắk Lắk 163,1 tỷ đồng,…

[439] Tỉnh Hà Tĩnh 2.939,3 tỷ đồng; Bình Định 397,9 tỷ đồng; Đắk Lắk 274,9 tỷ đồng; Lạng Sơn 66,5 tỷ đồng, Thái Nguyên 51,5 tỷ đồng; Quảng Ngãi 49,8 tỷ đồng; Kon Tum 40 tỷ đồng; Cao Bằng 35 tỷ đồng; Cà Mau 22,5 tỷ đồng…

[440] Tỉnh Bình Thuận 1.479,1 tỷ đồng, Cà Mau 102,3 tỷ đồng, Quảng Ngãi 68,6 tỷ đồng, Sơn La 37,7 tỷ đồng, Bình Định 45,5 tỷ đồng, Đắk Lắk 25,1 tỷ đồng, Tiền Giang 18,1 tỷ đồng…

[441] Tỉnh Bình Dương: Ngân sách cấp tỉnh và huyện còn tồn đọng số dư tạm ứng ngoài dự toán bằng lệnh chi tiền chưa thu hồi đến ngày 31/12/2021 là 2.778,7 tỷ đồng không đúng quy định. Trong đó, có khoản tạm ứng cho Ngân hàng chính sách xã hội 1.676,9 tỷ đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính, nguồn vốn NSĐP ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, do đó, việc hạch toán dưới hình thức tạm ứng ngân sách là chưa phù hợp. UBND Tỉnh đã có Công văn số 1232/UBND-VX ngày 21/3/2022 gửi Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn việc hạch toán số vốn đã tạm ứng cho Ngân hàng chính sách xã hội nhưng chưa được trả lời.

2.4. Về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản

- Quản lý, sử dụng xe ô tô: Tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương, số lượng xe ô tô vượt quy định[442]; chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức đối với xe ô tô theo quy định[443]; chưa hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô đến thời điểm ngày 31/12/2021[444].

- Quản lý, sử dụng tài sản là nhà, đất: Chưa thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định[445]; một số cơ sở nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền

---

[442] Bộ TN&MT 11 xe; Bộ Xây dựng 07 xe; Bộ GD&ĐT 04 xe chuyên dùng trên 16 chỗ; Bộ NN&PTNT 22 xe chuyên dùng và 19 xe dùng chung; LM HTX VN 01 xe; Bộ Ngoại giao 08 xe phục vụ công tác chung và 25 xe chuyên dùng, 10 xe phục vụ lễ tân nhà nước; Bộ TT&TT 28 xe; Trung ương Đoàn TNCS HCM 07 xe; Bộ GTVT: Số xe dôi dư đang xử lý 45 xe; Viện HLKHXH: Một số đơn vị (Bảo tàng Dân tộc học, Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Xã hội học) chưa đủ điều kiện tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô dùng chung theo quy định nhưng vẫn được trang bị; Viện HLKHCN: Viện công nghệ sinh học (01 xe dùng chung); Học viện Công nghệ (01 xe dùng chung); Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật biển (01 xe dùng chung); Viện Cơ học (02 xe chuyên dùng); Viện Hóa sinh biển (02 xe dùng chung); Trung tâm Phát triển công nghệ cao (01 xe dùng chung); Viện Công nghệ môi trường (02 xe); Văn phòng Hàn lâm (03 xe); Tỉnh Thái Bình 04 xe (Đài PT&TH Thái Bình 01 xe; Văn phòng UBND Tỉnh 03 xe); Đồng Tháp 07 xe (Sở NN&PTNT 5 xe, Sở TN&MT 01 xe ô tô, Sở VHTT&DL 01 xe); TP. Hà Nội 14 xe (Huyện Phúc Thọ 01 xe, Huyện Quốc Oai 03 xe, Sở KH&CN 05 xe, Sở TT&TT 04 xe, Sở KH&ĐT 01 xe); An Giang 80 xe; Bắc Ninh 96 xe; Cao Bằng 02 xe (huyện Quảng Hòa); Ninh Bình 03 xe (Sở NN&PTNT 01 xe; Sở GTVT 01 xe; Sở VH&TT 01 xe); Bến Tre 04 xe (Sở NN&PTNT 01 xe, Sở GTVT 01 xe, Đài PT&TH 01 xe, Sở TN&MT 01 xe); Thanh Hóa 05 xe (Văn phòng UBND Tỉnh 02 xe; Sở Tài nguyên và Môi trường 01 xe; huyện Hà Trung 01 xe; huyện Thạch Thành 01 xe); Bình Thuận 26 xe (Sở LĐ - TB&XH 01 xe, 18 đơn vị đang sử dụng 25 xe chuyên dùng vượt định mức); Quảng Bình 07 xe (Đài PT&TH 01 xe, Văn phòng UBND Tỉnh 06 xe); Vĩnh Phúc 02 xe (Sở KH&ĐT 01 xe, Sở TN&MT 01 xe).

[443] Bộ Xây dựng; Tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Phúc.

[444] Viện HLKHCN; Tỉnh Bến Tre (Sở Giao thông Vận tải, Đài Phát thanh và Truyền hình, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa xây dựng phương án, đề xuất xử lý đối với các xe ô tô sử dụng vượt định mức); Quảng Ninh (Huyện Hải Hà chưa có phương án xử lý đối với tài sản là 02 xe ép rác không có nhu cầu sử dụng từ năm 2018).

[445] (i) Bộ Xây dựng: Khối hành chính sự nghiệp; (ii) Viện HLKHCN: Nhiều cơ sở nhà, đất được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng nhưng chưa hoàn thành phương án và chưa thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 4170/BTC-QLCS ngày 08/4/2020 (Cơ sở nhà đất 264 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình của Viện Cơ học; Cơ sở nhà đất Đường Chợ Tó, xã Tả Thanh Oai của Viện Vật liệu; Cơ sở làm việc tại tầng 1 nhà B khu tập thể Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội của Trung tâm Phát triển công nghệ cao); (iii) Tổng LĐLĐVN: đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng không đề xuất phương án sắp xếp lại 62 cơ sở nhà, đất đã phê duyệt; (iv) Bộ GTVT: Chưa thực hiện sắp xếp 29 cơ sở nhà, đất theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; 114 cơ sở nhà, đất chưa có phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định; (v) Bộ GD&ĐT: 63 cơ sở nhà đất, trong đó 43 cơ sở nhà đất đã được Bộ kiểm tra hiện trạng, 20 cơ sở chưa được kiểm tra hiện trạng Bộ đã có kế hoạch sắp xếp năm 2022; (vi) Bộ TT&TT: Văn phòng Bộ 01 cơ sở; Cục Bưu điện Trung ương 02 cơ sở; Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông 02 cơ sở; Cục Tần số vô tuyến điện - Trung tâm tần số VTĐ KV5 01 cơ sở; Cục Viễn thông 01 cơ sở; Cục thông tin đối ngoại (Trung tâm Báo chí và Hợp tác truyền thông quốc tế) 01 cơ sở; Viện Chiến lược TTTT 01 cơ sở; (vii) Hội LHPNVN: 04 cơ sở nhà đất (Trung tâm Vì sự phát triển phụ nữ khu vực Bắc Bộ; Trung tâm Vì sự Phát triển Phụ nữ khu vực Bắc Trung Bộ; Trung tâm Vì sự Phát triển Phụ nữ Đồng bằng sông Cửu Long; Trung tâm giới thiệu việc làm phụ nữ Đắk Nông); (viii) Viện HLKHXH: Chưa thực hiện rà soát, sắp xếp lại tài sản theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; (ix) Bộ TN&MT: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam; (x) Tổng LĐLĐVN: LĐLĐ tỉnh Hà Nam; LĐLĐ TP. Hải Phòng; CĐ Ngân hàng Việt Nam; LĐLĐ tỉnh Nghệ An; trường Cao đẳng công nghệ Hà Tĩnh - LĐLĐ tỉnh Hà Tĩnh; LĐLĐ TP. Hà Nội; LĐLĐ tỉnh Bắc Giang; LĐLĐ tỉnh Đắk Lắk; LĐLĐ tỉnh Gia Lai; LĐLĐ tỉnh Lạng Sơn; LĐLĐ tỉnh Hòa Bình; LĐLĐ tỉnh Hưng Yên; trường ĐH Công đoàn; Nhà khách Tổng LĐ; Văn phòng B Nhà khách Tổng LĐ; (xi) Bộ NN&PTNT: Cục BVTV 11 cơ sở đất, Văn phòng Bộ 10 cơ sở, Cục Thú y 14 cơ sở.

sử dụng đất[446]; chưa thực hiện các trình tự, thủ tục liên quan về thu tiền thuê đất theo quy định[447]; chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá

[446] (i) Bộ TN&MT: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Trung tâm Quy hoạch và điều tra TNN Quốc gia, Tổng cục Khí tượng thủy văn quốc gia; (ii) Viện HLKHCN: Còn 31 cơ sở; (iii) Bộ GTVT: Một số cơ sở thuộc Cục Đường thủy nội địa, Ban quản lý Dự án 6, Ban quản lý Dự án Hàng hải, Ban quản lý Dự án 85, Các Cảng vụ hàng hải: Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nha Trang, Cần Thơ, Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I, Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II, Trường Cao đẳng VMU, Trụ sở Viện chiến lược và phát triển GTVT, Báo Giao thông, Viện KH và CN GTVT, Trung tâm kỹ thuật đường bộ 3, Cục đăng kiểm VN; (iv) Bộ TT&TT: 09 cơ sở nhà, đất: Văn phòng Bộ 02 cơ sở tại số 27 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1; Số 8A đường D2 phường 25 quận Bình Thạnh, TPHCM; Học viện Công nghệ Bưu chính, Viễn thông 06 cơ sở tại Khu đất 03 - 122 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Khu đất 01 thôn Ngọc Trục, xã Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Khu đất 04 - Số 271/10 đường An Dương Vương, phường 3, Q5, TPHCM; Khu đất 05 - Số 5C, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Q1, TPHCM; Khu đất 07 - Man Thiện, phường Hiệp Phú, Q9, TPHCM (nay là số 97 đường Man Thiện, thành phố Thủ Đức, TPHCM); Khu đất 09 - Số 9 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Q1, TPHCM; Trường Cao đẳng Công nghiệp In 01 cơ sở tại Phú Diễn - Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội; (v) Ủy ban dân tộc: Cơ sở nhà đất tại 135 Lê Thánh Tông, phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk; cơ sở nhà đất tại 18 Nguyễn Đình Chiểu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; (vi) Trung ương Đoàn TNCS HCM: 10 cơ sở; (vii) Hội LHPNVN: 06 cơ sở nhà, đất (bao gồm: Hà Nội: 2 căn nhà công vụ tại khu tập thể CBPNTW, Trụ sở Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam; Tại TP. Hồ Chí Minh: Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam, Chi nhánh NXB PNVN, 60 Võ Văn Tần; Tại TP. Cần Thơ: Trung tâm Vì sự Phát triển Phụ nữ khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long); (viii) Bộ NN&PTNT: Cục BVTV 06 cơ sở, Cục QLCL NLS&TS 01 cơ sở, Văn phòng Bộ 06 cơ sở, Tổng cục Thủy sản 01 cơ sở; Cục Thú y 14 cơ sở.

[447] (i) Bộ TN&MT: Một số đơn vị sự nghiệp công tự chủ tài chính; (ii) Bộ TT&TT: Học viện Công nghệ Bưu chính, viễn thông; (iii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: 10/10 đơn vị sự nghiệp sử dụng diện tích nhà cho thuê chưa báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xác định tiền thuê đất tương ứng với thời gian sử dụng, tỷ lệ diện tích nhà cho thuê theo quy định; (iv) Hội LHPNVN: 05 đơn vị có hoạt động kinh doanh dịch vụ nhưng chưa nộp tiền thuê đất theo quy định; (v) Tổng LĐLĐVN: LĐLĐ thành phố Hà Nội; LĐLĐ tỉnh Bắc Giang; LĐLĐ tỉnh Đắk Lắk; LĐLĐ tỉnh Hòa Bình; Công đoàn Ngân hàng Việt Nam (cơ sở số 56-58 Hòa Bình, P1, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng); (vi) LM HTX VN: Chưa kịp thời phối hợp với UBND thành phố Hà Nội và các sở, ban, ngành trên địa bàn Thành phố để xác định diện tích và đơn giá tiền thuê đất theo quy định đối với cơ sở 149 Giảng Võ; Dự án *"Trung tâm giới thiệu sản phẩm ngành nghề truyền thống và dịch vụ kinh tế hợp tác"* - Số 9 Phạm Hùng, Chi cục Thuế Quận Nam Từ Liêm đã có Thông báo số 152943/TB-CCTNTL ngày 16/05/2022 về việc nộp NSNN tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp đến thời điểm 30/04/2022, số tiền 56,933 tỷ đồng; (vii) Bộ Ngoại giao: Chưa làm việc với Sở TN&MT hoàn thiện thủ tục hồ sơ chuyển sang thuê đất, nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất đến cơ quan thuế theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP, chưa làm việc với cơ quan thuế về việc thực hiện kê khai, nộp tiền thuê đất theo hướng dẫn tại Công văn số 3643.74/CCT-TBTK ngày 22/7/2022 của Chi cục thuế quận Đống Đa trả lời Học viện Ngoại giao về việc kê khai và nộp tiền thuê đất (Học viện Ngoại giao); (viii) Bộ NN&PTNT: Có 53 cơ sở đất của 16 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư chưa thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định.

trị tài sản của đơn vị[448]; còn tình trạng bị lấn chiếm[449]. Tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn tồn tại trong công tác cho thuê tài sản, liên doanh[450], một số

[448] (i) Bộ TT&TT: Văn phòng Bộ 03 cơ sở, Cục Viễn thông 01 cơ sở, Cục BĐ Trung ương 01 cơ sở, Viện Chiến lược TTTT 01 cơ sở; (ii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Báo Thanh niên đã xác định giá trị quyền sử dụng đất 5/9 cơ sở để tính vào giá trị tài sản, còn lại các đơn vị cơ sở chưa xác định; (iii) Bộ NN&PTNT: Cục BVTV 05 cơ sở, Cục QLCL NLS&TS 03 cơ sở, Văn phòng Bộ 07 cơ sở, Cục Thú y 13 cơ sở.

[449] (i) Tổng LĐLĐVN: Chưa thực hiện di dời các hộ dân (diện tích khu dân cư là 2.753m^2 tại cơ sở nhà đất 98 Tô Ngọc Vân, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội); tại Đại học Công đoàn (02 tòa nhà (nhà 5A, 4B) một số phòng bị lấn chiếm trái quy định, tại tòa nhà 5A diện tích bị các hộ dân được giao nhà tại tầng 1 lấn chiếm đất ra phía sau (diện tích lưu không của tòa nhà) tổng diện tích 423m^2); diện tích công nhân nhà máy xe Thống Nhất ở từ năm 1969 đến nay (08 phòng ở tầng 1 nhà 4B tổng diện tích 144,4m^2); Văn phòng B - Nhà khách Tổng liên Đoàn (Khu đất 85-87 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh còn 02 hộ dân chưa thực hiện di dời); Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ người lao động tại LĐLĐ tỉnh Hòa Bình; (ii) Bộ GTVT: Còn 08 cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, gồm: 07 cơ sở chưa được Bộ GTVT và các đơn vị xử lý dứt điểm theo quy định (trong đó có 01 cơ sở nhà, đất tại địa chỉ quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, diện tích 1.160,07 m^2 địa phương chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng do đó chưa bàn giao cho Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 15V - Cục ĐKVN); 01 cơ sở đất (Trung tâm thử nghiệm khí thải phát thải giao thông cơ giới đường bộ thuộc Cục ĐKVN) đơn vị đang phối hợp với UBND TP. Hà Nội để hoàn tất thủ tục bàn giao phần diện tích 43,8 m^2 bị lấn chiếm (diện tích đất bị lấn chiếm trước khi bàn giao về Cục). Ngoài ra có 04 DN đã cổ phần hoá đang sử dụng nhà đất tại toà nhà B, Bộ Tài chính đã yêu cầu chấm dứt nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện xong (Văn phòng Bộ); Bộ GTVT chưa thực hiện việc thu hồi 9.075,8m^2 đất tại địa chỉ số 200/10/2 Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội của Cục HKVN; (iii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: 02 đơn vị đang bị lấn chiếm đất (Phân viện miền Nam thuộc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Trung tâm hướng dẫn hoạt động thiếu nhi Trung ương), trong đó, Phân viện miền Nam thuộc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cho thuê đất từ năm 2010, theo biên bản kiểm tra hiện trạng của Văn phòng Trung ương Đoàn ngày 25/10/2018 ghi nhận 5.502m^2 đất bị lấn chiếm ngoài diện tích đất cho thuê; đồng thời đối với các diện tích đất cho thuê theo hợp đồng, hết thời hạn cho thuê, một số đơn vị thuê chưa trả lại mặt bằng đất theo quy định; (iv) Hội LHPNVN: Có 02 cơ sở nhà đất bị lấn chiếm nhiều năm nay chưa được giải quyết (Trung tâm PNPT tại Đồ Sơn, Hải Phòng bị lấn chiếm 2.381,6 m^2; Chi nhánh Nhà xuất bản Phụ nữ số 16 Alexande De Rhodes: 01 gia đình lấn chiếm sử dụng 142m^2 để làm nhà ở); (v) Viện HLKHXH: Lộ đất khu vệ sinh Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội (tổng diện tích 100m^2, tuy nhiên qua đo đạc diện tích còn lại 47m^2); lô đất tại Đại Lải tỉnh Vĩnh Phúc tổng diện tích 6.850m^2; việc quản lý và sử dụng đất tại Viện Khảo cổ học vẫn còn tình trạng lấn chiếm lâu ngày chưa được giải quyết dứt điểm; (vi) Bộ NN&PTNT: Tổng diện tích đất bị lấn chiếm 2.366.991,7m^2, diện tích nhà bị lấn chiếm 5.024,2m^2 của 19 cơ sở.

[450] (i) LM HTX VN: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ chưa xây dựng đề án sử dụng tài sản công trình Liên minh phê duyệt theo quy định; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam chưa thực hiện thủ tục cho thuê trực tiếp; Công ty TNHH đầu tư thương mại và du lịch Thắng Lợi dùng 410m^2 đất trị giá 223.040 USD (tương đương tiền thuê đất phải nộp 40 năm) để góp vốn vào Liên doanh khách sạn Hà Nội Fortuna trong khi chưa kê khai và nộp NSNN tiền thuê đất hàng năm là không đúng quy định; Thường trực Liên minh HTX VN ban hành Nghị quyết số 270/NQ-LMHTXVN ngày 28/6/2019, trong đó tạm giao cho Trung tâm Công nghệ sinh học sử dụng tầng 5, tòa nhà 5 tầng tại Cơ quan Thường trực khu vực miền Trung-Tây Nguyên để đầu tư thí điểm nuôi chim yến, không đúng với mục tiêu và chức năng hoạt động của Trung tâm theo Đề án thành lập Trung tâm; (ii) Bộ Ngoại giao: Sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh nhưng chưa lập Đề án sử dụng tài sản công trình Bộ phê duyệt (Nhà khách Chính phủ); cho thuê cơ sở nhà đất trước khi Bộ Ngoại giao phê duyệt Đề án (Trung tâm Vận tải đối ngoại V75) là chưa phù hợp theo quy định; Sở Ngoại vụ giao 03 cơ sở cho 02 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê nhưng vẫn đang đứng tên Sở Ngoại vụ, chưa làm thủ tục bàn giao đất và quyền sử dụng đất cho các đơn vị; Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn đang cho thuê các cơ sở nhà đất theo Quyết định số 56/2014/QĐ-TTg ngày 06/10/2014 và Công văn số 439/TTg-KTN ngày 17/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên 02 văn bản này đều không đề cập đến việc phải lập Đề án khi cho thuê cơ sở nhà đất phục vụ hoạt động đối ngoại, Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Quyết định số 56/2014/QĐ-TTg để phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; (iii) Bộ GTVT: 02 cơ sở nhà, đất cho thuê nhưng không lập Đề án (Trường Cao đẳng GTVT Trung ương VI cho thuê 20 phòng học, diện tích 3.385m^2; Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh cho thuê Căng tin); 01 cơ sở đất cho thuê đã xây dựng Đề án nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt do chưa đảm bảo các thông tin, biểu mẫu theo quy định (Trường Cao đẳng GTVT Trung ương III, diện tích 568m^2); (iv) Bộ GD&ĐT: Trường ĐH Nha Trang sử dụng đất tại số 2 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa để hợp tác đầu tư và đào tạo không bảo đảm mục đích, chủ trương xây dựng Cơ sở thực hành du lịch; cho thuê cơ sở vật chất khi đề án cho thuê chưa được phê duyệt hoặc cho thuê ngoài đề án cho thuê được duyệt; (v) Trung ương Đoàn TNCS HCM: 02/10 đơn vị sự nghiệp (Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng; Báo Tiền phong) cho thuê đã có đề án nhưng chưa được Trung ương Đoàn phê duyệt, ngoài ra một số diện tích của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cho thuê ngắn hạn chưa có trong đề án được phê duyệt; Công ty Cổ phần Vạn Xuân hoạt động cho thuê văn phòng tại tòa nhà 60^A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội chưa đúng quy định; Công ty Cổ phần Phát triển Kinh tế Kỹ thuật Việt Nam (Detesco) dùng tài sản trên đất tại cơ sở số 125 Vân Cao, phường Liễu Giai, quận Ba Đình cùng với 02 đơn vị khác thành lập công ty Cao ốc Thanh niên kinh doanh bất động sản, tuy nhiên Điều lệ và Giấy phép kinh doanh công ty Detesco Việt Nam không có ngành nghề kinh doanh bất động sản; (vi) Viện HLKHXH: 01 điểm thuê chưa thực hiện lập đề án cho thuê tài sản theo quy định của Luật Quản lý tài sản công (Đơn vị còn cho Công ty TNHH MTV Thủ công Trúc Lâm thuê quầy bán đồ thủ công mỹ nghệ có diện tích 45,5m^2); (vii) Bộ Xây dựng: Chưa công khai giá cho thuê tài sản trên Cổng thông tin điện tử; (viii) Tổng LĐLĐVN: LĐLĐ TP. Hải Phòng, LĐLĐ tỉnh Hà Giang, LĐLĐ tỉnh Gia Lai ký hợp đồng cho thuê, giao khoán cho cá nhân ngoài đơn vị, liên doanh liên kết chưa phù hợp với chức năng nhiệm vụ; (ix) Bộ LĐTB&XH: Một số đơn vị cho thuê, liên doanh, liên kết cơ sở vật chất đã lập và gửi Đề án sử dụng tài sản công, nhưng chưa được phê duyệt.

đơn vị sự nghiệp cho thuê tài sản nhưng chưa xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định[451].

- Quản lý tài sản khác: Một số đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương mua sắm tài sản không có trong danh mục được phê duyệt[452]; chưa thực hiện thủ tục thanh lý tài sản theo quy định[453]; chưa thực hiện công khai tài sản theo quy định[454]; chưa xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công[455].

2.5. Quản lý, sử dụng các quỹ ngoài ngân sách

(1) Số dư đầu kỳ 2.397,75 tỷ đồng, số dư cuối kỳ 2.414,92 tỷ đồng, phát sinh tăng là các khoản lãi phát sinh. Trong năm phát sinh khoản tạm ứng 300 tỷ đồng từ Quỹ dự trữ tài chính trung ương cho tỉnh Hải Dương (theo đề nghị của địa phương) để xử lý quỹ ngân sách thiếu hụt tạm thời, đến ngày 31/12/2021 địa phương đã chuyển hoàn trả.

Qua kiểm toán cho thấy, một số địa phương còn trích lập Quỹ dự trữ tài chính chưa đảm bảo 50% kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định[456].

(2) Quỹ Phát triển đất tại một số địa phương tạm ứng quá hạn thanh toán nhưng chưa nộp trả Quỹ[457]; tạm ứng cho dự án không đúng quy định[458]; số dư Quỹ gửi tại ngân hàng thương mại, không gửi vào KBNN theo quy định[459].

(3) Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy, một số quỹ tài chính ngoài ngân sách còn tồn tại trong việc dừng hoạt động nhưng chưa xử lý dứt điểm nguồn vốn quỹ[460]; chưa có cơ sở pháp lý hoàn chỉnh, rõ ràng, chưa có khung chế tài, văn bản

---

[451] TPHCM, Hà Nội, Hải Phòng; tỉnh Bình Dương, Quảng Nam, Bình Định, Bến Tre, Trà Vinh.

[452] Bộ TN&MT: Viện Nghiên cứu biển và Hải đảo, Trung tâm Hải văn; Trung tâm trắc địa và bản đồ biển.

[453] Bộ TN&MT: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước.

[454] (i) Bộ TN&MT: Cục Biến đổi khí hậu; (ii) Bộ NN&PTNT: Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản; Cục Thú y.

[455] (i) Viện HLKHCN: Trạm đa dạng sinh học Mê Linh thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật biển chưa xây dựng quy chế quản lý, bảo tồn, khai thác tài sản tại Trạm; chưa theo dõi biến động tài sản; (ii) Viện HLKHXH: Một số đơn vị chưa xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

[456] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Đồng Nai.

[457] Tỉnh Hà Nam 185,1 tỷ đồng; Sơn La 7,9 tỷ đồng; Cà Mau 29,2 tỷ đồng.

[458] Tỉnh Quảng Bình: Ban quản lý quỹ Phát triển đất cho tạm ứng vốn cho một số dự án không thuộc nhiệm vụ của quỹ số tiền 14,2 tỷ đồng.

[459] Tỉnh Bình Dương, Hà Giang, Cao Bằng, Hà Tĩnh.

[460] (i) Quỹ Bảo hiểm Vi mô phải dừng hoạt động từ 15/7/2021 (theo Điều 1 Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ thì Hội LHPNVN dừng hoàn toàn việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô mới kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực (ngày 15/7/2021)). Tuy nhiên, đến ngày 01/4/2022 TW Hội LHPNVN mới ký Quyết định dừng hoạt động. Từ ngày 15/7/2021 đến ngày 01/4/2022 vẫn tiếp tục hoạt động bán bảo hiểm vốn vay cho khách hàng và thu phí bảo hiểm 13,193 tỷ đồng (Tính từ thời điểm phải dừng đến hết tháng 3/2022 có 81.948 hợp đồng mới, trong đó có 13.363 hợp đồng lần đầu tiên tham gia bảo hiểm). Từ năm 2017 đến năm 2021, Quỹ Bảo hiểm Vi mô chưa thực hiện đăng ký với cơ quan thuế, kê khai và nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định; (ii) Quỹ tương trợ đã dừng thu phí từ năm 2017 theo kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước nhưng đến nay chưa xử lý số dư của quỹ đến 31/12/2021 là 4,752 tỷ đồng; (iii) Quỹ Hỗ trợ tín dụng đã dừng hoạt động thí điểm năm 2016, toàn bộ số tiền gốc và lãi thu được đến 31/12/2017 là 50,791 tỷ đồng; tổng số tiền cả gốc và lãi Quỹ còn dư đến 31/12/2021 là 60,836 tỷ đồng.

pháp lý thống nhất có tính quy định chung để điều chỉnh hoạt động của quỹ[461]. Còn trường hợp quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách chưa lập Kế hoạch tài chính năm và báo cáo tình hình thực hiện theo quy định[462]; chưa ban hành[463] hoặc ban hành sửa đổi hoặc thay thế[464] Quy chế quản lý, sử dụng quỹ do văn bản căn cứ ban hành đã hết hiệu lực.

3. Bội chi

Dự toán bội chi NSNN Quốc hội quyết nghị đầu năm 343.670 tỷ đồng, bằng 4% GDP (GDP dự toán: 8.600.000 tỷ đồng). Quyết toán 214.053 tỷ đồng, bằng 2,49% GDP dự toán (bằng 2,52% GDP thực hiện theo Niên giám thống kê 2021 là 8.479.700 tỷ đồng), giảm 129.617 tỷ đồng (37,7%) so với dự toán. Trong đó, bội chi NSTW quyết toán 211.650 tỷ đồng, giảm 107.220 tỷ đồng (33,6%) so với dự toán (318.870 tỷ đồng), bội chi NSĐP quyết toán 2.403 tỷ đồng, giảm 22.397 tỷ đồng (90,3%) so với dự toán (24.800 tỷ đồng).

4. Nợ công

Tính đến 31/12/2021, tổng số nợ công 3.616.484 tỷ đồng[465] tăng 2,72% so với năm 2020 (3.520.601 tỷ đồng), bằng 42,65% so với GDP[466], trong đó: Nợ Chính phủ 3.284.107 tỷ đồng, tăng 4,64% so với năm 2020 (3.138.621 tỷ đồng), bằng 38,73% GDP; Nợ được Chính phủ bảo lãnh 320.343 tỷ đồng, giảm 12,91% so với năm 2020 (367.824 tỷ đồng), bằng 3,78% GDP; Nợ Chính quyền địa phương 47.314 tỷ đồng[467], tăng 0,81% so với năm 2020 (46.936 tỷ đồng), bằng 0,56% GDP. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN là 21,47%[468]. Các

---

[461] (i) Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nghèo trùng lặp về mục tiêu nhiệm vụ, đối tượng với Tổ chức Tài chính vi mô TNHH Một thành viên Tình Thương (TYM); đối tượng cho vay của Quỹ là phụ nữ nghèo thuộc các hộ nghèo nhưng thực tế đối tượng phụ nữ nghèo được vay trong năm 2021 chỉ chiếm 0,22%, còn lại là đối tượng khác không đúng quy định của quỹ; còn tình trạng để nguồn vốn nhàn rỗi tăng qua các năm để gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng (năm 2019 là 60,739 tỷ đồng; năm 2020 là 65,08 tỷ đồng; năm 2021 là 71,16 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ là 47,8% (71,16/148,774 tỷ đồng) so với vốn chủ sở hữu và 156,3% (71,16/45,515 tỷ đồng) so với vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm); (ii) Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam chưa ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ HTX trung ương; (iii) Quản lý Quỹ Phát triển KHCN có số dư nợ phải thu các đơn vị 8,550 tỷ đồng là các khoản cho vay đã quá hạn nhiều năm nay (trước năm 2011), tuy nhiên đến nay vẫn chưa thu hồi được số nợ trên; các khoản nợ hiện nay khó có khả năng thu hồi do các doanh nghiệp không thực hiện cam kết khi vay.

[462] Tỉnh Đồng Tháp: Quỹ Trợ giúp nhân đạo, Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam; Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ phát triển kinh tế.

[463] Tỉnh Hà Giang: Quỹ phát triển đất.

[464] Tỉnh Đồng Tháp: Quỹ phát triển đất, Quỹ phòng chống thiên tai; Trà Vinh: Quỹ phòng chống thiên tai.

[465] Đã bao gồm số liệu điều chỉnh theo kết quả kiểm toán tăng dư nợ nước ngoài của Chính phủ 715 tỷ đồng do Bộ Tài chính tổng hợp, thống kê chưa chính xác.

[466] Số liệu GDP là 8.479.700 tỷ đồng theo Niên giám thống kê năm 2021.

[467] Đã bao gồm số liệu điều chỉnh theo kết quả kiểm toán giảm dư nợ của chính quyền địa phương (vốn vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ) 3.795 tỷ đồng do Bộ Tài chính tổng hợp, thống kê chưa chính xác.

[468] Thu NSNN là 1.591.411 tỷ đồng.

chỉ tiêu nợ công năm 2021 trong giới hạn cho phép của Quốc hội[469]. Nợ công bình quân đầu người là 36,71 triệu đồng/người[470] (năm 2018 là 31,69 triệu đồng/người; năm 2019 là 33,62 triệu đồng/người; năm 2020 là 35,10 triệu đồng/người).

Trong năm 2021 có 03 khoản vay ngân quỹ nhà nước của NSTW đến hạn trả nợ nhưng phải gia hạn nợ 198.864 tỷ đồng[471]; việc lập kế hoạch vay và báo cáo tình hình vay nợ của các địa phương chưa kịp thời theo quy định[472]; một số chỉ tiêu nợ công phản ánh trên các báo cáo tại Kho bạc nhà nước và Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) còn chưa thống nhất[473].

Kết quả kiểm toán tại các địa phương cho thấy: Chưa báo cáo Bộ Tài chính về vay, nợ của Chính quyền địa phương[474]; giao dự toán chi trả nợ vay[475], thực hiện chi trả lãi vay[476] chưa phù hợp; lập, giao dự toán bội chi NSĐP để xác định vay bù đắp bội chi chưa phù hợp[477].

5. Về quyết toán NSNN

Qua kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 của Chính phủ, cho thấy: Biểu mẫu quyết toán đã đảm bảo theo các quy định về hệ thống mẫu biểu, chỉ tiêu kế toán và quyết toán ngân sách phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán

---

[469] Theo Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021: Trần nợ công không quá 60% GDP; nợ Chính phủ không quá 50% GDP, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ không quá 25% tổng thu NSNN.

[470] Dân số trung bình năm 2021 là 98,51 triệu người theo Niên giám thống kê năm 2021.

[471] 50.000 tỷ đồng đến hạn tháng 7/2021; 12.461,2 tỷ đồng đến hạn tháng 10,11/2021; 136.403,24 tỷ đồng đến hạn tháng 12/2021.

[472] 42/63 địa phương lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương năm 2021 chậm so với quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP, trong đó, một số địa phương chậm hơn 30 ngày; 47/63 địa phương báo cáo tình hình vay, trả nợ chính quyền địa phương năm 2021 chậm so với quy định tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP, trong đó, một số địa phương chậm hơn 60 ngày.

[473] Chỉ tiêu dư nợ nước ngoài của NSTW, dư nợ vay lại của chính quyền địa phương.

[474] Tỉnh Hải Dương.

[475] Tỉnh Nghệ An: Giao dự toán chi trả nợ vay chưa phù hợp với Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 03/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2032/QĐ-BTC của Bộ Tài chính (Dự toán Bộ Tài chính giao bội chi 43 tỷ đồng, thu vay 96,6 tỷ đồng); thực tế địa phương giao bội thu 114,9 tỷ đồng, trả nợ vay 254,5 tỷ đồng. Nguyên nhân theo địa phương bố trí từ phần bội thu để hoàn trả hàng năm số nợ xi măng hỗ trợ Nông thôn mới theo Nghị quyết của HĐND Tỉnh.

[476] Tỉnh Cà Mau: Địa phương vay của Chi nhánh ngân hàng phát triển Cà Mau để đầu tư Dự án năng lượng điện nông thôn. Hàng năm Công ty Điện lực Cà Mau trả nợ gốc trong năm 3,8 tỷ đồng; ngân sách tỉnh trả lãi, phí trong năm 0,3 tỷ đồng. Qua kiểm tra nhận thấy khoản vay này phát sinh từ năm 2007, do Sở Tài chính Cà Mau ký hợp đồng với Chi nhánh ngân hàng phát triển Cà Mau để đầu tư Dự án năng lượng điện nông thôn, khi dự án hoàn thành địa phương đã bàn giao cho Công ty điện lực Cà Mau khai thác sử dụng để bán điện thu tiền từ năm 2007. Việc ngân sách hàng năm phải trả khoản lãi vay thay cho Công ty điện lực Cà Mau đối với dự án này là không phù hợp (Hợp đồng không thể hiện NSĐP phải trả lãi tiền vay).

[477] Tỉnh Hải Dương: Đến thời điểm lập dự toán và giao dự toán năm 2021, tỉnh Hải Dương còn nợ quá hạn 2,583 tỷ đồng trên 90 ngày chưa đáp ứng đủ các điều kiện được phép bội chi, điều kiện được vay lại; tuy nhiên địa phương vẫn lập, giao dự toán bội chi NSĐP để xác định vay bù đắp bội chi.

NSNN, phê chuẩn quyết toán NSNN. Tuy nhiên còn một số tồn tại, vướng mắc, cụ thể như sau:

- Việc lập, gửi Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 của Bộ Tài chính[478] chậm so với quy định tại khoản 4 Điều 70 Luật NSNN.

- Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 của Chính phủ chưa làm rõ số liệu một số khoản chi chuyển nguồn đã được HĐND các địa phương phê chuẩn, cụ thể: Số liệu chi chuyển nguồn hạch toán tại tiểu mục "Kinh phí khác" có những khoản chi chuyển nguồn chưa được phân tích, thuyết minh chi tiết từng nội dung tương ứng với các mục chi theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 64 Luật NSNN (bao gồm chi chuyển nguồn kinh phí phòng chống dịch Covid -19 ngoài danh sách 24 địa phương đã được Quốc hội cho phép chuyển nguồn theo Nghị quyết số 82/2023/QH15).

- Một số đơn vị[479] chậm gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách về Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật NSNN[480], cá biệt, Bộ Y tế chậm gửi Báo cáo quyết toán 03 tháng (đến ngày 06/4/2023 Bộ Y tế mới hoàn thành Thông báo xét duyệt/thẩm định đối với các đơn vị trực thuộc) làm ảnh hưởng đến tiến độ thẩm định, tổng hợp, lập Báo cáo quyết toán NSNN năm; Bộ Tài chính chậm thẩm định, thông báo thẩm định quyết toán ngân sách[481], quyết toán theo niên độ vốn đầu tư nguồn NSTW của một số bộ, cơ quan trung ương[482] theo quy định.

- Ngoài ra, kết quả kiểm toán cho thấy: (i) Một số bộ, cơ quan trung ương lập BCQT chậm[483]; tổng hợp một số chỉ tiêu chưa chính xác[484]; chưa lập thuyết minh

---

[478] Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021 Bộ Tài chính gửi KTNN tại Công văn số 2953/BTC-NSNN ngày 31/3/2023.

[479] Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày gửi 01/11/2022; Đài Tiếng nói Việt Nam ngày gửi 20/12/2022; Bộ Khoa học và Công nghệ ngày gửi 12/12/2022; Bộ Ngoại giao ngày 04/11/2022; Bộ Nội vụ ngày 21/11/2022; Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 25/11/2022; Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ngày 11/11/2022; Bộ Xây dựng ngày 27/10/2022; Tòa án nhân dân tối cao ngày 25/10/2022; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam ngày 18/11/2022; Trung ương Hội nông dân Việt Nam ngày 28/10/2022; Ủy ban Dân tộc ngày 25/10/2022; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ngày 21/10/2022; Bộ Giao thông vận tải ngày 07/10/2022; Văn phòng Chủ tịch nước ngày 01/11/2022.

[480] Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước trước ngày 01 tháng 10 năm sau.

[481] Bộ Tài chính chậm 60 ngày; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm 12 ngày; Thông tấn xã Việt Nam chậm 35 ngày; Trung ương Hội nông dân Việt Nam chậm 16 ngày; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chậm 09 ngày; Văn phòng Chủ tịch nước chậm 11 ngày; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chậm 15 ngày.

[482] Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Học viện Chính trị - Hành chính QG HCM; Toà án nhân dân tối cao; Viện KSND tối cao; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Ngân hàng nhà nước; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thanh tra Chính phủ; Kiểm toán nhà nước;…

[483] Bộ KH&CN, Tư pháp; Viện HLKHXH.

[484] (i) Bộ KH&CN: Tổng hợp số dự toán giao trong năm thấp hơn số giao của Bộ Tài chính 98 triệu đồng; (ii) Viện HLKHCN: Nguồn viện trợ chênh lệch so với Biên bản thẩm định số liệu quyết toán năm 2021 của Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính 2,499 tỷ đồng; (iii) Viện HLKHXH: Chưa tổng hợp đầy đủ dự toán nguồn ngân sách được giao 59,519 tỷ đồng; dự toán nguồn vốn viện trợ 7,4 tỷ đồng, kinh phí huỷ 1,303 tỷ đồng; (iv) ĐHQGHN: Tổng hợp BCQTNS chưa khớp đúng với BCQTNS của các đơn vị trực thuộc; (v) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Phản ánh thu, chi nguồn kinh phí khác là nguồn huy động, ủng hộ của các đơn vị vào Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động (Biểu B01/BCQT), Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại (Biểu F01-01/BCQT) BCQTNS năm chưa đúng quy định; (vi) Bộ Công Thương: Số liệu tại BCQT của một số đơn vị trực thuộc chưa phù hợp với số liệu tại BCQT do Bộ tổng hợp.

BCQT (*Trung ương Đoàn TNCS HCM*) hoặc lập nhưng chưa đánh giá đầy đủ nội dung theo mẫu biểu[485]; thẩm định, xét duyệt quyết toán chậm[486], thiếu nội dung[487], xét duyệt một số khoản kinh phí được phép chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 chưa phù hợp quy định[488]; công khai dự toán ngân sách chậm[489], công khai chưa đầy đủ nội dung[490]; chưa gửi BCQT ngân sách năm 2021 về KTNN trước ngày 01/10/2022 theo quy định[491]; (ii) Một số địa phương hạch toán các khoản thu chưa đúng mục lục hoặc niên độ ngân sách[492]; một số đơn vị hoặc cấp ngân sách lập BCQT chậm[493], thiếu mẫu biểu[494]; gửi BCQT cho cơ quan tài chính cấp trên khi chưa hoàn thành công tác khóa sổ[495]; thẩm định quyết toán của cơ quan tài chính các cấp chậm[496], thẩm định khi BCQT chưa được HĐND cấp xã phê chuẩn[497].

---

[485] Bộ NN&PTNT, Công Thương, KH&ĐT, TN&MT, Tư pháp, Tài chính, GD&ĐT; Viện HLKHCN; Viện HLKHXH; ĐHQGHN.

[486] Bộ KH&CN; Bộ Công Thương.

[487] Bộ NN&PTNT, Công Thương, KH&ĐT, TN&MT, Tư pháp, Tài chính; Viện HLKHCN; Trung ương Đoàn TNCS HCM.

[488] (i) Bộ GD&ĐT: Một số đơn vị xét duyệt thực hiện chuyển số dư đối với các khoản chi chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên giao dự toán sau 30/9 nhưng đã hết nhiệm vụ chi 9,775 tỷ đồng; (ii) Bộ KH&CN: 156 đề tài dùng nguồn vốn Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia đã kết thúc thời gian nghiên cứu và nghiệm thu năm 2021, tuy nhiên vẫn có quyết định gia hạn để chuyển nguồn và giao kinh phí năm 2022.

[489] Bộ NN&PTNT, KH&CN, GD&ĐT, Tài chính; Liên minh HTX VN; Trung ương Đoàn TNCS HCM.

[490] Bộ NN&PTNT, KH&ĐT, TN&MT, GD&ĐT, Công Thương, Tư pháp, Tài chính; Viện HLKHXH; Viện HLKHXH.

[491] Viện HLKHCN; Viện HLKHXH; ĐHQGHN; Trung ương Đoàn TNCS HCM.

[492] Thành phố Đà Nẵng: (i) Điều chỉnh khoản nộp của Công ty CP Trung Nam 300 tỷ đồng từ thu khác ngân sách (Tiểu mục 4944) sang thu tiền sử dụng đất (Tiểu mục 1401) không đúng mục lục NSNN, làm tăng quyết toán về số thu tiền sử dụng đất và làm giảm thu khác ngân sách tương ứng; (ii) Chưa phản ánh số thu về thuế hoạt động xuất nhập khẩu tại Cục Hải quan 192 tỷ đồng (đã thực hiện nộp ngân sách trước 31/12/2021, thuộc niên độ ngân sách năm 2021, nhưng cơ quan hải quan đề nghị KBNN điều chỉnh sang số thu của năm 2022); (iii) Quyết toán thu NSNN đối với số tạm nộp về tiền thuê đất của Công ty TNHH Công viên Châu Á 122 tỷ đồng (chứng từ nộp NSNN ngày 15/01/2021), trong khi chưa có thông tin về diện tích thuê đất, hợp đồng thuê đất và chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành giá đất làm căn cứ để xác định số tiền thuê đất phải nộp là không đúng quy định Luật NSNN; Tỉnh Bến Tre: UBND các xã thuộc 05 huyện (Châu Thành, Mỏ Cày Bắc, Giồng Trôm, Chợ Lách, Ba Tri) nộp "phí chợ" 2,6 tỷ đồng vào tiểu mục 4949 (các khoản thu khác) chưa đúng quy định Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

[493] Tỉnh Bến Tre, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Long An, Tây Ninh, Trà Vinh.

[494] Tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Đồng Tháp (thành phố Cao Lãnh).

[495] Tỉnh Đồng Tháp, Trà Vinh, Bến Tre (huyện Giồng Trôm, Châu Thành).

[496] Tỉnh Lào Cai, Đồng Tháp, Long An, Trà Vinh.

[497] Tỉnh Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CÁC CHUYÊN ĐỀ

1. Chuyên đề Công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021[498] và một số cuộc kiểm toán có liên quan[499]

- Việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế[500]; chậm phê duyệt quy hoạch sử dụng đất dẫn tới việc lập các kế hoạch sử dụng đất những năm đầu kỳ chưa đảm bảo cơ sở pháp lý[501]; bản đồ kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp với bản đồ quy hoạch sử dụng đất tại một số vị trí, tuyến đường[502].

- Còn phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất trước khi có kế hoạch sử dụng đất[503]; phê duyệt bổ sung dự án thu hồi đất khi chưa được HĐND tỉnh thông qua[504]; một số dự án chậm đưa đất vào sử dụng[505]; chuyển mục đích sử dụng đất chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất[506]; còn tình trạng làm nhà, xây dựng kiến trúc trên đất nông nghiệp hoặc không phải đất ở[507].

- Bảng giá đất nông nghiệp được xác định chung trên toàn tỉnh với cùng một mức giá cho các loại là chưa phù hợp quy định, đặc biệt là tại những vị trí trong khu dân cư hoặc giáp ranh với các đô thị, giáp ranh với thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên[508]; giá đất ở tại một số vị trí đường trục chính ở đô thị, khu vực nông thôn tiếp giáp khu công nghiệp được xây dựng chưa đáp ứng nguyên tắc phù hợp với giá thị trường theo quy định[509]; sử dụng giá đất đang rao bán, chưa được giao dịch thành công để khảo sát, so sánh làm cơ sở xác định giá đất cụ thể là chưa phù hợp quy định[510]; tính toán chi phí phát triển, lợi nhuận khi xác định giá đất khởi điểm để đấu giá chưa phù hợp[511].

---

[498] Kiểm toán tại các tỉnh Lào Cai, Bắc Ninh và Cà Mau.

[499] Chuyên đề việc thực hiện các dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2021; việc xác định phương án giá đất của Dự án Khu đô thị Đại An tại huyện Văn Giang và Dự án Khu đô thị sinh thái Dream City, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

[500] Tỉnh Lào Cai: Huyện Bảo Thắng chưa công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

[501] Tỉnh Bắc Ninh; Cà Mau.

[502] Tỉnh Cà Mau (cấp tỉnh; huyện Năm Căn, Trần Văn Thời).

[503] Tỉnh Bắc Ninh.

[504] Tỉnh Lào Cai.

[505] Tỉnh Bắc Ninh.

[506] Tỉnh Cà Mau.

[507] Tỉnh Lào Cai (TP. Lào Cai).

[508] Tỉnh Bắc Ninh.

[509] Tỉnh Bắc Ninh.

[510] Tỉnh Lào Cai (Dự án Nhà ở thương mại Trần Đăng Ninh, phường Cốc Lếu).

[511] Tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, qua kiểm toán chuyên đề việc thực hiện các dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2021 cho thấy: Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án lựa chọn nhà đầu tư chưa đảm bảo căn cứ[512]; lập quy hoạch chi tiết và phê duyệt dự án[513] có ranh giới trùng lấn phạm vi đã GPMB[514]; thẩm định, phê duyệt CTĐT[515], điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh dự án[516] chậm; bổ sung TMĐT chưa phù hợp[517]; thiết kế chưa phù hợp phải điều chỉnh, bổ sung[518]; dự toán còn sai sót[519]; Hồ sơ quản lý chất lượng chưa đảm bảo[520]; 06 dự án[521] chậm tiến độ, nguyên nhân chủ yếu do vướng mắc trong đền bù GPMB và dịch Covid-19; điều chỉnh quy hoạch, dự án chậm[522]. Các Sở[523] chưa thực hiện tốt công tác kiểm tra. UBND Tỉnh ban hành một số quy định chưa phù hợp với quy định chung của nhà nước và điều kiện thực tế địa phương như Điều 8[524] và điểm 4.3.1 khoản 4 Điều 9[525] Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 02/10/2013; Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND[526]. Mặt

---

[512] 08/11 dự án được kiểm toán chi tiết được phê duyệt danh mục trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất được duyệt, trước khi HĐND tỉnh Hà Nam thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; 02/11 dự án được duyệt danh mục trước khi HĐND tỉnh Hà Nam thông qua Nghị quyết về danh mục các dự án cần thu hồi đất và trước khi Kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt (Đến thời điểm kiểm toán, các dự án được kiểm toán chi tiết đã được HĐND tỉnh Hà Nam phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất).

[513] Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm.

[514] Hành lang an toàn đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

[515] Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Khu đô thị mới Tây Phù Vân, thành phố Phủ Lý; hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị thương mại Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

[516] Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

[517] Hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1, khu đô thị thương mại Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên 3,136 tỷ đồng.

[518] Khu nhà ở Hano Park 1 tại xã Đại Cương và xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[519] Sai khối lượng 4,696 tỷ đồng, sai định mức 2.905 tỷ đồng.

[520] Khu nhà ở phía Đông thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân (giai đoạn 2); Khu dân cư thương mại nông thôn tại xã Nhân Chính; hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm.

[521] Khu nhà ở tại xã Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên; Khu nhà ở Hano Park 2 tại phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên; HTKT giai đoạn 1 thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị thương mại Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên; Khu nhà ở phía Đông thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân (giai đoạn 2); Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm; Khu nhà ở Hano Park 1 tại Kim Bảng.

[522] Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm.

[523] Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

[524] Điều 8 Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của UBND tỉnh Hà Nam quy định vật liệu san lấp mặt bằng sử dụng cát (trừ những địa bàn gần núi đất, núi đá thuộc địa bàn huyện Thanh Liêm, Kim Bảng hoặc nơi đường vận chuyển cát khó khăn). Tuy nhiên, qua kiểm toán cho thấy, thiết kế san nền tại một số dự án (không thuộc địa bàn huyện Kim Bảng, Thanh Liêm) không sử dụng cát nền do thực hiện theo quy định tại Văn bản số 1421/BXD-VLXD ngày 22/6/2017 của Bộ Xây dựng.

[525] Điểm 4.3.1 khoản 4 Điều 9 Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của UBND tỉnh Hà Nam quy định kết cấu hè đường có lớp lót móng bằng cát vàng nhưng đa số các dự án được kiểm toán đều thiết kế lót móng lát gạch hè đường bằng cát đen do giá vật liệu cát vàng theo các thông báo giá trên địa bàn thường cao hơn khoảng 3 lần so với cát đen hoặc cát nền.

[526] Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND quy định bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội chưa phù hợp với Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; quy định về thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán công trình đối với các dự án chưa phù hợp Luật Xây dựng 2014. Đến năm 2020, Sở Xây dựng tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND sửa đổi các nội dung trên. Đến nay, quy định của Chính phủ về bố trí quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội đã được sửa đổi (Nghị định số 49/2021/NĐ-CP) nhưng tỉnh Hà Nam chưa sửa đổi quy định tương ứng.

khác, qua kiểm toán việc xác định phương án giá đất của Dự án Khu đô thị Đại An tại huyện Văn Giang và Dự án Khu đô thị sinh thái Dream City huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên cho thấy còn chưa có quy định điều chỉnh nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư với NSNN khi có sự thay đổi của các yếu tố ước tính tổng doanh thu phát triển.

2. Chuyên đề Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021[527]

Kết quả kiểm toán cho thấy:

- Một số địa phương chưa ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, dạy nghề[528]; chưa xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa (XHH)[529]; chưa ban hành danh mục, mức ưu đãi theo lĩnh vực, địa bàn đối với dự án XHH[530]; chưa ban hành các chế độ ưu đãi cụ thể đối với cơ sở XHH[531]; cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trong lĩnh vực XHH giáo dục, dạy nghề chủ yếu tập trung vào chính sách ưu đãi về đất đai, chưa xây dựng chính sách ưu đãi về thuế[532]; không có danh mục các dự án XHH[533] hoặc chưa công bố rộng rãi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia danh mục các dự án kêu gọi XHH[534].

- Cấp phép thành lập các cơ sở XHH giáo dục, dạy nghề chưa phù hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, dạy nghề[535]; chưa ban hành quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án XHH theo quy định[536].

- Cho thuê đất đầu tư dự án khi chưa hoàn thành GPMB[537]; giao đất, cho thuê đất đối với các cơ sở giáo dục, dạy nghề khi chưa lập quy hoạch quỹ đất dành cho

---

[527] Kiểm toán tại TPHCM; tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Quảng Trị, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Dương, Long An, Tây Ninh.

[528] Tỉnh Bắc Ninh, Nam Định, Quảng Trị, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Bình (Chưa xây dựng quy hoạch, kế hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề đối với giai đoạn sau năm 2020).

[529] TPHCM; tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Thanh Hóa, Quảng Trị.

[530] Tỉnh Quảng Trị.

[531] Tỉnh Quảng Trị, Lâm Đồng.

[532] Tỉnh Ninh Bình.

[533] TPHCM.

[534] Tỉnh Bình Dương, Long An

[535] Tỉnh Thái Bình (10 cơ sở), Quảng Trị (11 cơ sở), Bắc Ninh (06 cơ sở), Lâm Đồng (02 cơ sở), Thanh Hóa (26 cơ sở).

[536] TPHCM.

[537] Tỉnh Thanh Hóa: Dự án của Công ty CP Dịch vụ Thương mại và Du lịch Tân Hoàng Hà.

hoạt động XHH, không phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, dạy nghề tại địa phương[538]; vị trí thực hiện dự án không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất[539]; xác định giá đất thuê trả tiền hàng năm để thực hiện dự án có rủi ro chưa phù hợp quy định pháp luật[540]; miễn, giảm tiền thuê đất cho các dự án XHH không thuộc quy hoạch[541]; sử dụng đất để đầu tư xây dựng cơ sở XHH chưa đúng mục đích sử dụng[542].

- Các cơ quan chức năng của địa phương: Chưa kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư tiếp tục thực hiện dự án hoặc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư đối với những dự án XHH quá thời hạn thực hiện[543]; chưa chủ trì thực hiện kiểm tra[544], thực hiện kiểm tra chưa đầy đủ[545] việc đáp ứng các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở XHH.

- Doanh nghiệp không thực hiện dự án[546], chậm thực hiện dự án[547]; thực hiện đầu tư dự án không phù hợp với chủ trương đầu tư[548]; triển khai xây dựng khi chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư[549].

---

[538] Tỉnh Thanh Hóa, Thái Bình.

[539] Tỉnh Lâm Đồng: Trung tâm GDNN Ngàn Hoa; Tỉnh Nam Định: Trường Mầm non Hạnh Phúc.

[540] Tỉnh Vĩnh Phúc: Dự án trường mầm non Quốc tế tại Khu đô thị Chùa Hà Tiên do Công ty TNHH MTV Vân Hà làm chủ đầu tư.

[541] Tỉnh Thanh Hóa (Trường mầm non Hoa Anh Đào); Thái Bình (Trường mầm non chất lượng cao Kỳ Bá; Trường mầm non Tâm Việt Thái Bình).

[542] Tỉnh Quảng Trị (Trường mầm non Baby, Trường mầm non An Trường Sanh, Trường mầm non Hiệp Đức: Sử dụng đất ở thuộc sở hữu cá nhân để xây dựng trường mầm non); Lâm Đồng (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Tư thục Thiên Phúc Đức: Đất rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan 52.526m^2, đất cơ sở sản xuất kinh doanh 34.474m^2; Trung tâm GDNN Ngàn Hoa: 759m^2 đất ở và 727m^2 đất nông nghiệp; Trung tâm GDNN Hoa Ép Việt Nam: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh); Thái Bình (Trường Mầm non tư thục Mai Anh Academy sử dụng đất ở thuộc sở hữu của cá nhân để sử dụng xây dựng trường mầm non).

[543] Tỉnh Long An.

[544] TPHCM; tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, Lâm Đồng, Bình Dương, Thái Bình, Tây Ninh.

[545] Tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Trị.

[546] Tỉnh Tây Ninh: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Bách Khoa không triển khai thực hiện dự án Trường mầm non Hoàng Anh.

[547] Tỉnh Long An: 05/06 dự án chọn mẫu kiểm toán hồ sơ chậm triển khai thực hiện dự án quá 12 tháng.

[548] Tỉnh Thanh Hóa: UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư cho Công ty TNHH Kỹ thuật thiết bị y tế Thanh Hóa đầu tư Trường Trung cấp nghề Đức Thiện nhưng Công ty lại thực hiện đầu tư Trường Mầm non 20/10 (UBND TP. Thanh Hóa cấp phép thành lập Trường Mầm non 20/10 chưa phù hợp chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt).

[549] Tỉnh Thanh Hóa: Dự án Trường Mầm non 20/10 (nay là Trường mầm non Golden Wall).

3. Chuyên đề Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021[550] và chuyên đề có liên quan[551]

KTNN thực hiện kiểm toán chuyên đề với 04 loại dịch vụ công/công ích[552]. Kết quả kiểm toán cho thấy còn một số tồn tại chủ yếu:

- Một số địa phương chưa ban hành quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đối với các dịch vụ công ích theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP[553]; chưa kịp thời ban hành, điều chỉnh các quy định về định mức[554], đơn giá[555] dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành của TW; chưa ban hành các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường trong quản lý, thực hiện dịch vụ công ích theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); chưa kịp thời xây dựng và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ xử lý chất thải[556], dẫn đến chi phí xử lý rác thải hàng năm phát sinh lớn nhưng chưa đạt được hiệu quả về bảo vệ môi trường (Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

- Một số đơn vị tại địa phương chưa thực hiện việc đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ công/công ích theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP[557]; UBND tỉnh[558] phê duyệt kết quả đặt hàng thực hiện các gói thầu dịch vụ công ích chưa phù hợp quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; chưa tuân thủ đầy đủ quy định tổ chức đấu thầu theo Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP[559].

---

[550] Kiểm toán tại các tỉnh Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Nam Định, Bà Rịa - Vũng Tàu.

[551] Chuyên đề quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của TPHCM.

[552] (1) Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; (2) Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng; (3) Dịch vụ vận tải công cộng tại các đô thị; (4) Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

[553] Tỉnh Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Nam Định, Bà Rịa - Vũng Tàu.

[554] Tỉnh An Giang, Khánh Hòa.

[555] Tỉnh An Giang, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Trà Vinh.

[556] Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, giảm tỷ lệ rác thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp, tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020.

[557] Tỉnh Hà Tĩnh, Ninh Bình, Thừa Thiên Huế, Thái Bình.

[558] Tỉnh Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Bến Tre.

[559] Tỉnh An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Một số địa phương chưa tổ chức thu[560], tổ chức thu không đầy đủ giá dịch vụ thu, gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo lộ trình đề ra[561] dẫn đến NSNN vẫn phải chi trả phần lớn hoặc toàn bộ chi phí thu, gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Chưa thực hiện phân loại chất thải nguy hại từ chất thải sinh hoạt để chuyển sang quản lý[562], chưa thực hiện phân loại rác thải rắn sinh hoạt tại nguồn[563] theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP; việc thực hiện quy định về thử nghiệm bùn thải của nhà máy xử lý nước thải và quan trắc[564], đánh giá tác động môi trường tại bãi chôn lấp chưa thực hiện đúng quy định và đảm bảo chất lượng[565]; chôn lấp rác không đúng địa điểm quy hoạch[566].

- Công tác lập, phân bổ dự toán, nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng dịch vụ công/công ích còn sai sót, qua kiểm toán chọn mẫu kinh phí sử dụng 4.355 tỷ đồng xác định chênh lệch 101 tỷ đồng do sai khối lượng, đơn giá, định mức và sai khác khi lập dự toán, nghiệm thu, quyết toán kinh phí.

Ngoài ra, qua kiểm toán chuyên đề quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của TPHCM cho thấy: (i) UBND TPHCM chưa ban hành quy hoạch chiếu sáng đô thị và quy hoạch bãi chứa chất nạo vét đối với hoạt động nạo vét đường thủy nội địa; các cơ quan tham mưu chưa kịp thời rà soát, sửa đổi một số định mức, đơn giá theo yêu cầu thực tế và phù hợp với hiệu lực các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ xây dựng hoặc ban hành thiếu nội dung công việc,

---

[560] Tỉnh Ninh Bình, Thái Bình, Tiền Giang (một số huyện, xã được kiểm toán).

[561] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: (1) Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND Tỉnh quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Tỉnh, trong đó, lộ trình thực hiện từ năm 2020-2023 tổng số tiền thu phải đạt trên 80% - 100% tổng số tiền chi. Tuy nhiên, hầu hết các địa phương trên địa bàn Tỉnh đều chưa thực hiện đúng lộ trình đề ra. Số thu phát sinh trong năm rất thấp, hiện nay NSNN phải chi trả toàn bộ kinh phí vận chuyển rác từ trạm trung chuyển đến bãi xử lý hoặc chi trả trên 70% chi phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi xử lý; (2) Văn bản số 4971/UBND-VP ngày 10/8/2012 của UBND Tỉnh quy định "*Từ quý III năm 2012, NSNN chỉ bố trí để thanh toán chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của nhà nước, các chợ, trường học, bệnh viện, các hộ gia đình, cá nhân. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quy mô từ doanh nghiệp trở lên ... có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh...*", tuy nhiên, theo báo cáo, đến hết năm 2020 số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện nộp tiền xử lý rác trên địa bàn Tỉnh là rất thấp so với số lượng các cơ sở sản xuất kinh doanh đăng ký hoạt động trên địa bàn. Tháng 6/2020, Tỉnh ban hành Quyết định số 1573/QĐ-UBND, trong đó chuyển giao nhiệm vụ thu giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các tổ chức trên địa bàn Tỉnh cho các huyện, tuy nhiên, các huyện chưa triển khai thực hiện.

[562] Tỉnh Thừa Thiên Huế (thị xã Hương Thủy; huyện Quảng Điền).

[563] Tỉnh Thái Bình (một số đơn vị được kiểm toán).

[564] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

[565] Tỉnh Thái Bình (xã Hồng).

[566] Tỉnh Thái Bình (một số đơn vị được kiểm toán).

hướng dẫn áp dụng chưa thống nhất; Sở Giao thông vận tải (trước năm 2019), Sở Xây dựng (từ năm 2019 đến nay) chưa phân cấp quản lý đối với một số nhiệm vụ thuộc hoạt động duy tu thoát nước và quản lý công viên, cây xanh; (ii) Việc xây dựng và phê duyệt dự toán còn chưa đủ cơ sở; áp dụng định mức, đơn giá cao hơn quy định; ký hợp đồng thiếu chặt chẽ; thanh quyết toán trùng lắp, chưa đúng quy định; nghiệm thu thiếu hồ sơ; (iii) Công tác lập dự toán các nhiệm vụ duy tu thoát nước, duy tu giao thông, quản lý chăm sóc công viên cây xanh, điện chiếu sáng dân lập, tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công còn nhiều hạn chế, trong đó công tác duy tu, bảo quản công viên cầu Sài Gòn và duy tu phà Bình Khánh, bến phà Cát Lái giao dự toán kinh phí cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong chưa phù hợp quy định[567].

4. Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021[568]

Kết quả kiểm toán cho thấy: (i) Một số mục tiêu của Chiến lược khoáng sản đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 chưa đạt theo tiến độ đề ra[569]; (ii) Một số địa phương[570] không ban hành, chậm ban hành hoặc bổ sung, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản chưa phù hợp; (iii) Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa thực hiện công tác khoanh định các khu vực có khoáng sản độc hại; một số địa phương[571] chưa thực hiện hoặc chưa kịp thời điều chỉnh khoanh định và phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; chưa ban hành, chậm phê duyệt hoặc khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (KTKS) thiếu cơ sở, chưa phù hợp[572]; (iv) Phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền thăm dò và KTKS từ nhiều năm nhưng không tổ chức đấu giá[573], diện tích khu vực đấu giá không phù hợp với kế hoạch được duyệt[574], phê duyệt kế hoạch đấu giá không

---

[567] Khoản 1 Điều 49 Luật NSNN và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

[568] Kiểm toán tại các tỉnh Hà Nam, Hòa Bình, Quảng Ngãi, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Quảng Ninh, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước và thành phố Hải Phòng.

[569] Mục tiêu điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; khai thác, chế biến khoáng sản; hình thành các KCN chế biến khoáng sản tập trung với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản; khuyến khích hợp tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài, ưu tiên các khoáng sản ở Việt Nam có nhu cầu sử dụng nhưng thiếu hoặc không có.

[570] Tỉnh Bắc Kạn, Bình Phước, Hòa Bình, Tây Ninh, Bình Dương, Đắk Lắk, Lai Châu, Ninh Thuận.

[571] Tỉnh Bạc Liêu, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Điện Biên, Nam Định, Khánh Hòa.

[572] Tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Hà Nam, Quảng Ngãi, Bình Phước, Bình Định, Lào Cai, Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế.

[573] Tỉnh Quảng Ngãi, Hà Giang.

[574] Tỉnh Quảng Ngãi.

có trong quy hoạch được duyệt[575]; (v) Cấp phép KTKS không đúng quy định[576], cấp phép không thuộc quy hoạch được duyệt[577] hoặc không phù hợp vùng khoanh định[578], chồng lấn quy hoạch[579]; chưa hoàn chỉnh thủ tục thuê đất và tính tiền thuê đất nhưng vẫn được phê duyệt tiền cấp quyền KTKS hoặc đã thực hiện KTKS[580]; khai thác khi không có giấy phép[581], vượt công suất[582], cho các đơn vị khác không có tên trong giấy phép mang máy móc thiết bị vào khai thác (TP. Hải Phòng), sử dụng khoáng sản sau khai thác sai mục đích[583]; cho phép thu hồi than phát lộ trong quá trình thi công không thuộc trường hợp khai thác tận thu than theo quy định[584], cá biệt TP. Hải Phòng có các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản đã được KTNN gửi hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra theo quy định; (vi) Xác định không đúng trữ lượng[585], giá tính tiền cấp quyền KTKS[586], không căn cứ vào trữ lượng địa chất[587], còn tình trạng nợ thuế tài nguyên, phí BVMT, tiền ký quỹ Cải tạo phục hồi môi trường; (vii) Đưa dự án vào vận hành nhưng chưa có giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT hoặc chưa được phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường[588]; (viii) Bộ Công Thương chưa sửa đổi Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016[589]; Bộ Tài chính chưa rà soát để thống nhất giữa Thông tư số 152/2015/TT-BTC và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP[590]; Bộ Tài nguyên và Môi

---

[575] Tỉnh Đắk Lắk, Bình Định.

[576] Tỉnh Quảng Ngãi, Long An, Đắk Lắk, Hà Nam, Thái Bình, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Bình Định.

[577] Tỉnh Đắk Lắk, Bình Định.

[578] Tỉnh Lai Châu.

[579] Tỉnh Hòa Bình, Quảng Ninh.

[580] Tỉnh Thái Nguyên, Tây Ninh, Bình Dương, Cao Bằng, Bình Định, Thừa Thiên Huế, Phú Thọ, Hà Giang, Yên Bái, Bình Phước, Tuyên Quang, Hà Nam, Hòa Bình, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang và thành phố Hải Phòng.

[581] Tỉnh Long An; Đắk Nông.

[582] 16 đơn vị với 17 giấy phép do Bộ TN&MT cấp; Tỉnh Ninh Thuận, Lào Cai, Quảng Ngãi, Long An, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Thái Bình, Hải Phòng.

[583] Tỉnh Khánh Hòa, Quảng Ngãi.

[584] Tỉnh Quảng Ninh.

[585] Tỉnh Bình Phước, Phú Thọ, Bắc Kạn.

[586] Tỉnh Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Bình Dương.

[587] Tỉnh Hà Nam, Hòa Bình, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Đắk Nông, Long An.

[588] Tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang, Bình Định, Hòa Bình, Gia Lai, Kon Tum, Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Phú Thọ.

[589] Quy định về nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án ĐTXD, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản để phù hợp với Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

[590] Về cách xác định chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp được trừ khi xác định giá tính thuế tài nguyên.

trường chưa tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2019/NĐ-CP[591], Nghị định số 158/2016[592], Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT[593] và Thông tư số 05/2020/TT-BTC[594].

5. Chuyên đề Đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050[595]

Qua kết quả kiểm toán cho thấy: (i) Bộ Công Thương tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành một số văn bản[596] chưa phù hợp với Luật Giá năm 2012, chưa hướng dẫn quy định tỷ lệ lượng điện dư đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) để bán cho bên mua điện; ban hành Văn bản số 7088/BCT-ĐL ngày 22/9/2020 không phù hợp với Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg dẫn đến việc các nhà đầu tư vận dụng để chia nhỏ dự án thành nhiều dự án có công suất dưới 01MW để tránh làm thủ tục phê duyệt quy hoạch và miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực; (ii) Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành Hướng dẫn số 6948/EVN-KD ngày 19/10/2020 chỉ đạo các công ty điện lực không được yêu cầu các thủ tục, giấy tờ không thuộc thẩm quyền, chưa phù hợp trách nhiệm được giao tại Hướng dẫn số 7088/BCT-ĐL; (iii) Công tác lập, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch của Bộ Công Thương và các địa phương còn hạn chế[597]; ranh giới một số dự án trùng quy hoạch

---

[591] Về hướng dẫn việc tính, thu tiền cấp quyền KTKS đối với các loại khoáng sản đi kèm; việc xử lý số tiền cấp quyền KTKS với những trường hợp chưa tiến hành khai thác mà giấy phép đã hết hạn hoặc bị thu hồi; việc xác định mức thu, trữ lượng tính tiền cấp quyền KTKS đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND tỉnh; hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác.

[592] Về thành phần, hình thức văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép KTKS ở khu vực có dự án xây dựng công trình, thống nhất về thời điểm xác định và nộp tiền cấp quyền KTKS giữa Nghị định 158/2016/NĐ-CP và Nghị định 67/2019/NĐ-CP.

[593] Về phương pháp, cách tính trữ lượng cát, sỏi bồi lắng gia tăng trong diện tích mỏ hàng năm, phương pháp xác định về bán kính ảnh hưởng có thể dẫn đến sạt lở bờ sông.

[594] Về giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động cao hơn mức giá tối đa của Bộ Tài chính nhưng không vượt 20% thì phân cấp cho UBND cấp tỉnh ban hành để chủ động, kịp thời với thị trường biến động.

[595] Kiểm toán tại các tỉnh Đắk Lắk, Bình Thuận, Bình Định, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Phú Yên.

[596] Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg; Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg; Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg; Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg; Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg.

[597] Bổ sung riêng lẻ nhiều dự án làm vượt công suất quy hoạch 5,73 lần so với tổng công suất vận hành được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; bổ sung quy hoạch 01 dự án làm vượt quy mô công suất ưu đãi tại Nghị quyết số 115/NQ-CP, vượt diện tích đất, phê duyệt quy mô công suất tăng so với đề xuất của Tỉnh Ninh Thuận; bổ sung quy hoạch một số dự án điện NLTT vào quy hoạch phát triển điện lực địa phương khi chưa có quy hoạch phát triển cho các dự án NLTT (Tỉnh Bình Thuận, An Giang); bổ sung quy hoạch vượt công suất được phê duyệt theo thẩm quyền (Tỉnh Bình Định); phê duyệt quy hoạch trùng quy hoạch, dự án khác (Tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa); không tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch phát triển các nguồn NLTT cấp Tỉnh (Lâm Đồng, Khánh Hòa); lập, trình phê duyệt đề án quy hoạch điện gió khi chưa có phương án khắc phục tình trạng quá tải các trạm biến áp hoặc lại kiến nghị thay đổi Tổng sơ đồ điện VII điều chỉnh (Tỉnh Đắk Lắk); chất lượng công tác lập quy hoạch các dự án thủy điện nhỏ còn hạn chế (Tỉnh Lâm Đồng).

khác, không đúng ranh giới được phê duyệt[598]; (iv) Công tác xây dựng, vận hành dự án năng lượng tái tạo (NLTT) tại một số địa phương chưa phù hợp[599]; chậm tiến độ so với quyết định chủ trương đầu tư[600]; ký hợp đồng khi chưa đủ thủ tục[601]; (v) Giao đất, cho thuê đất một số dự án vượt quy định[602], không phù hợp quy hoạch sử dụng đất[603], chưa thực hiện các thủ tục về đất đai nhưng đã thi công, xây dựng[604], 10 dự án nằm trong vùng quy hoạch khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia nhưng chưa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận[605], có dự án sử dụng diện tích đất nằm ngoài phạm vi được giao[606]; (vi) Bộ Công Thương chưa triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chính được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015[607].

III. KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG

1. Kiểm toán môi trường[608]

Công tác ban hành văn bản liên quan đến hoạt động quản lý môi trường chưa đầy đủ, kịp thời và phù hợp[609]; công tác quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch

---

[598] Tỉnh Ninh Thuận, Phú Yên.

[599] 44 dự án NLTT thi công, vận hành trước khi được bàn giao đất; 66 dự án NLTT đã thực hiện vận hành, nối lưới nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu dự án; có dự án thuộc trường hợp phải thu hồi CTĐT nhưng địa phương chưa xử lý theo quy định; chưa đảm bảo tỷ lệ vốn chủ sở hữu (Tỉnh Tây Ninh); quyết định CTĐT khi chưa được bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực hay Sở KH&ĐT không lấy ý kiến các Sở, ngành và UBND huyện về đề xuất CTĐT (Tỉnh Ninh Thuận); ghi nhận sản lượng điện của 02 nhà máy khi chưa có giấy phép hoạt động (Tỉnh Đắk Lắk).

[600] Tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Lâm Đồng.

[601] Chưa có chứng nhận PCCC, giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền (Tỉnh Long An, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Phú Yên), chưa hoàn tất các thủ tục liên quan đến đất đai của các trang trại (Tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Phú Yên), chưa thực hiện các thủ tục cấp giấy phép xây dựng/văn bản xác nhận kết cấu công trình và an toàn chịu lực đối với hạng mục ĐMTMN trên các công trình (Tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên).

[602] Tỉnh Long An, Tây Ninh, Bình Thuận, Bình Định, Khánh Hòa.

[603] Tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận.

[604] Tỉnh Tây Ninh, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Bình Thuận, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

[605] 09 dự án tại tỉnh Bình Thuận và 01 dự án tại tỉnh Bình Định.

[606] Tỉnh Tây Ninh: 05 dự án sử dụng diện tích đất vượt ra ngoài mốc tọa độ của dự án tuy nhiên chưa đủ cơ sở để xác định phần diện tích vượt; Tỉnh Bình Định: Thực hiện GPMB 5,26 ha rừng phòng hộ không thuộc phạm vi đất được giao (Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch).

[607] Thực hiện các nghiên cứu, các dự án thí điểm về công nghệ NLTT; đánh giá tính khả thi và tác động đến môi trường của các dự án được cấp phép và lựa chọn đô thị, các xã đặc trưng của các vùng sinh thái để xây dựng đề án thí điểm phát triển khu vực đô thị, nông thôn xanh; đánh giá tính khả thi và tác động đến môi trường của các vùng được quy hoạch…

[608] (i) Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) tại các cụm công nghiệp (CCN) làng nghề và làng nghề trên địa bàn thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2021; (ii) Hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2021; (iii) Hoạt động quản lý môi trường đối với các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2020-2021; (iv) Kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các khu kinh tế và khu công nghiệp (KCN) giai đoạn 2017-2021 của thành phố Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Hà Nam, Hải Dương, Quảng Ninh.

[609] (i) UBND thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Bắc Ninh chưa ban hành, chậm ban hành đối với môt số văn bản liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại các CCN làng nghề và làng nghề trên địa bàn; (ii) UBND thành phố Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Hà Nam, Hải Dương, Quảng Ninh chưa ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động quản lý môi trường tại các khu kinh tế và KCN giai đoạn 2017-2021.

chưa đảm bảo về hệ thống công trình hạ tầng bảo vệ môi trường[610]; nhiều cơ sở vi phạm quy định về bảo vệ môi trường nhưng chưa được giám sát, thanh kiểm tra kịp thời để phát hiện, khắc phục[611]; một số dự án về môi trường không hiệu quả hoặc không đạt yêu cầu về quy chuẩn đối với nước thải sau xử lý[612].

2. Kiểm toán hoạt động các Chương trình, Đề án[613]

- Tỉnh Bình Định có 12 dự án đầu tư phát triển khu đô thị, dự án phát triển nhà ở thương mại không bố trí 20% quỹ đất để xây dựng NOXH, 06 dự án NOXH bố trí diện tích đất kinh doanh thương mại vượt quy định và nhiều trường hợp mua NOXH không đảm bảo điều kiện về đối tượng, thủ tục, hồ sơ, cơ sở xác định.

- Tại TPHCM, ban hành các quy định triển khai thực hiện Chương trình kích cầu thông qua đầu tư còn trường hợp không đúng thẩm quyền, không có hiệu lực pháp lý, chưa rõ ràng, chi tiết[614]; công tác thẩm định xét duyệt dự án tham gia

---

[610] Tỉnh Bắc Ninh: Phê duyệt quy hoạch chi tiết một số CCN làng nghề không bố trí diện tích quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung, mặt bằng tập kết rác thải; TP. Hà Nội: 05/05 KCN được kiểm toán chưa đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh tối thiểu trong phạm vi KCN khi lập quy hoạch xây dựng KCN theo quy định.

[611] (i) Tỉnh Bắc Ninh, TP. Hà Nội: Các CCN làng nghề đã đi vào hoạt động nhưng không có ĐTM hoặc chưa thực hiện đầy đủ nội dung về BVMT theo ĐTM được duyệt; không đảm bảo đầy đủ hạ tầng BVMT; không có hoặc chưa hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung, xả nước thải vào công trình thủy lợi không có giấy phép; chưa xây dựng điểm tập kết chất thải rắn (CTR) hợp vệ sinh, không thu gom, phân loại CTR, không kí hợp đồng xử lý CTR công nghiệp, chất thải nguy hại theo quy định; (ii) Tp. Cần Thơ: Một số cơ sở xả thải vượt tải nhưng chưa có biện pháp xử lý, Công ty TNHH Nước giải khát SUNTORY PEPSICO Việt Nam ký hợp đồng đấu nối từ năm 2016 nhưng vẫn xả nước thải trực tiếp về cống thoát nước không qua đồng hồ đo lưu lượng đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải hoặc nhiều cơ sở chưa đấu nối hệ thống xử lý nước thải tập trung; (iii) TP. Hà Nội và các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nam, Hải Dương: Các cơ sở SXKD, dịch vụ hoạt động trong các KCN chưa chấp hành đầy đủ các quy định về hồ sơ, giấy phép môi trường và các quy định về quản lý, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn và khí thải theo các quy chuẩn, quy hoạch, hồ sơ, giấy phép môi trường được duyệt.

[612] (i) Tp. Cần Thơ: Dự án Thoát nước và xử lý nước thải TP Cần Thơ chỉ xử lý được 5 thông số đạt cột B khi ĐTM yêu cầu 17 thông số cột A và Giấy phép xả thải yêu cầu 20 thông số cột A; Dự án Quản lý chất thải lỏng y tế Bệnh viện Phụ sản Tp. Cần Thơ đầu tư hệ thống xử lý nước thải cột B nhưng kết quả thử nghiệm và được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT đạt cột A; Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Hưng Phú 1 - Cụm A nghiệm thu thiết bị từ tháng 9/2019 nhưng chưa lắp đặt; (ii) Tỉnh Hòa Bình: Khu xử lý, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn Hòa Bình của Công ty Cổ phần năng lượng môi trường Bắc Việt đã ngừng hoạt động từ năm 2020; Dự án Nhà máy xử lý rác thải của Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hoàng Long tại tỉnh Hòa Bình xử lý rác thải cho huyện Lương Sơn và thành phố Hòa Bình, cả 2 hệ thống lò đốt bị hư hỏng dừng hoạt động từ tháng 3 năm 2021.

[613] Chương trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định; Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của TPHCM; Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Các Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình, Sơn La).

[614] Từ năm 1999 đến nay HĐND TPHCM không có nghị quyết triển khai Chương trình theo chủ trương của Thành ủy TPHCM tại Thông báo số 857-TB/TU ngày 20/8/1999. Do đó, các quyết định do UBND TPHCM ban hành không có nội dung căn cứ vào nghị quyết của HĐND để thực hiện Chương trình, không đúng thẩm quyền theo các quy định; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND của UBND TPHCM quy định danh mục dự án được tham gia Chương trình chưa cụ thể nên còn trường hợp phê duyệt dự án có sản xuất túi ni lông đa lớp, đa phức hợp là ngành nghề cần hạn chế phát triển sản xuất, không phù hợp với quy định về BVMT; Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND TPHCM quy định về "mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay" không rõ ràng gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết và công tác kiểm tra, kiểm soát.

Chương trình chưa đảm bảo chất lượng[615]; công tác giải ngân, quyết toán, sử dụng vốn hỗ trợ lãi suất chưa đảm bảo thủ tục, trình tự, hồ sơ, có trường hợp không phù hợp quy định[616], qua kiểm toán kiến nghị thu hồi nộp NSNN 168,68 tỷ đồng do các sai sót trong quá trình giải ngân thực hiện Chương trình.

- Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư được xây dựng với nhu cầu nguồn lực lớn, chưa có phương án huy động và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công dẫn đến số vốn được bố trí không đáp ứng được nhu cầu, Báo cáo nghiên cứu khả thi chưa đề xuất cụ thể một số nội dung theo quy định, việc bố trí, giải ngân vốn chưa phù hợp[617]; còn trường hợp thu hồi dư nợ tạm ứng, ký kết hợp đồng thiếu tính pháp lý, thiếu thống nhất giữa chủ đầu tư và nhà thầu, ảnh hưởng đến tiến độ dự án[618].

- Mục tiêu của Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng thủy điện Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình, Sơn La) đạt thấp do khó khăn về vốn[619]; tỉnh Hòa Bình giao KHV không phù hợp quy định, bố trí vốn sự nghiệp cho một số dự án ĐTXD mới[620], bố trí vốn vượt thời gian quy định, chưa huy động đủ vốn lồng ghép; tỉnh Sơn La lập KHV không sát nhu cầu, chưa bố trí hoàn trả vốn theo đúng nguồn NSNN. Ngoài ra, công tác thiết kế, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu thanh toán chưa đảm bảo; hầu hết các dự án không hoàn thành đúng tiến độ.

---

[615] Trình, phê duyệt dự án tham gia Chương trình không phù hợp mục tiêu của Chương trình, không thuộc ngành nghề được hỗ trợ; còn trường hợp phê duyệt không tách riêng chi phí xây lắp và chi phí thiết bị do đó không có căn cứ kiểm soát tỷ lệ hỗ trợ; có trường hợp không ghi rõ danh mục thiết bị theo hồ sơ đăng ký tham gia dự án; xác định tổng vốn đầu tư chưa phù hợp; xác nhận thực địa không đúng với thực tế triển khai dự án của CĐT; phê duyệt phần vốn vay không đảm bảo quy định.

[616] Chưa áp dụng phương pháp và nguyên tắc tính lãi theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN đối với các trường hợp giải ngân tiền hỗ trợ lãi suất cho CĐT từ ngày 01/01/2018... số tiền ngân sách đã hỗ trợ không đúng 10,76 tỷ đồng.

[617] 43 dự án được giao vốn trung hạn 691,839 tỷ đồng để trả nợ và thu hồi vốn ứng trước chưa phù hợp với danh mục dự án được phê duyệt kèm theo Báo cáo NCKT của Chương trình; tổng hợp, giải ngân vốn ODA cho dự án VNSAT vào hợp phần hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp của Chương trình chưa phù hợp với Quyết định số 923/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

[618] Gói thầu số 07: Xây dựng công trình hồ chứa nước Bãi Cây Mến.

[619] Tỉnh Hòa Bình: Giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ thực hiện các mục tiêu của Đề án chỉ đạt dưới 10%; Tỉnh Sơn La: Giai đoạn 2011-2015, mục tiêu (i) Hoàn thành việc thống kê, bồi thường đất đai, hoa màu tại 25 điểm TĐC xen ghép 02 điểm TĐC tập trung và chi trả 42,118 tỷ đồng, đạt 43,9% so với nhu cầu Đề án; (ii) Đầu tư phát triển sản xuất: Hỗ trợ hộ nghèo kinh phí sửa chữa chuồng trại, phát triển chăn nuôi đại gia súc cho 7.530/25.327 hộ, đạt 29,7% mục tiêu của Đề án; (iii) Hỗ trợ đào tạo nghề và tập huấn chuyển giao công nghệ: Đã tổ chức 17 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chăn nuôi, thú y cho 599/20.000 lao động nông thôn, đạt 2,99% mục tiêu của Đề án; (iv) Xây dựng hệ thống hạ tầng: Đầu tư xây dựng mới 86/415 dự án kết cấu hạ tầng thiết yếu, đạt 20,7% mục tiêu của Đề án.

[620] Tỉnh Hòa Bình: 15,16 tỷ đồng.

IV. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. Kiểm toán doanh nghiệp

Năm 2022, KTNN đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021[621] và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước của 219 đơn vị thuộc 20 TĐ, TCT và công ty. Kết quả kiểm toán cho thấy 19/20 TĐ, TCT, công ty sản xuất kinh doanh có lãi[622]; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tại một số đơn vị đạt tương đối cao[623]. Bên cạnh đó, việc quản lý sử dụng vốn, tài sản của các doanh nghiệp còn một số hạn chế sau:

(1) Phần lớn các đơn vị còn sai sót trong việc hạch toán kế toán, kê khai nghĩa vụ với NSNN nên qua kiểm toán điều chỉnh tài sản, nguồn vốn[624], doanh thu, chi phí[625], kiến nghị tăng thu NSNN 1.411,12 tỷ đồng, giảm thuế GTGT được khấu trừ 8,78 tỷ đồng.

(2) Một số đơn vị chưa xây dựng quy chế quản lý tiền[626], định mức tồn quỹ tiền mặt/tiền gửi ngân hàng[627], quản lý dòng tiền chưa hiệu quả[628]; quản lý nợ chưa

---

[621] Ngoại trừ Vinafor (kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020) và Công ty mẹ -HFIC (kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2018-2021).

[622] Lợi nhuận sau thuế năm 2021: EVN 15.647,10 tỷ đồng; VNPT 5.064,18 tỷ đồng; TKV 4.719,28 tỷ đồng; VIMC 3.327,29 tỷ đồng; Satra 2.877,06 tỷ đồng; Sonadezi 1.507,17 tỷ đồng; Vicem 1.287,87 tỷ đồng; Vinataba 1.224,24 tỷ đồng; Sawaco 1.064,68 tỷ đồng; VNPost 588,39 tỷ đồng; Vinafood1 là 294,16 tỷ đồng; Liksin 121,58 tỷ đồng...

[623] VIMC 28,73%; Sonadezi 16,2%; Sawaco 13,41%; Vinataba 11,43%; TKV 10,63%; Liksin 9,11%...

[624] Tổng tài sản/Tổng nguồn vốn tăng 2.216,31 tỷ đồng, giảm 0,036 tỷ đồng.

[625] Tổng doanh thu, thu nhập tăng 1.297,54 tỷ đồng; tổng chi phí tăng 41,83 tỷ đồng, giảm 1.121,61 tỷ đồng.

[626] Vinataba: Công ty CP Hòa Việt; Vinafood1: Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh; VIMC: Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông; EVN: Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa thuộc TCT Phát điện 3 - CTCP, TCT Điện lực miền Nam.

[627] Vinafood1: Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh; VNPost: Bưu điện tỉnh Lâm Đồng; VIMC: Công ty mẹ - VIMC, Văn phòng Công ty CP Cảng Sài Gòn, Công ty CP VIMC Logistics, Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam.

[628] (i) Công ty mẹ - SCPC phát sinh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng đến 01 năm (số dư tại 31/12/2021 là 10 tỷ đồng), lãi suất từ 5,5% đến 6%/năm, trong khi đó phải đi vay để bù đắp thiếu hụt vốn lưu động (vay ngắn hạn 53,96 tỷ đồng, các khoản vay kỳ hạn 01 năm, lãi suất từ 7% đến 8%/năm); (ii) VIMC: Chưa lập kế hoạch dòng tiền hàng tháng (Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam, Công ty CP Cảng Sài Gòn); số dư tiền gửi và tiền mặt một số thời điểm vượt hạn mức quy định (Công ty mẹ - Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam, Cảng Tân Thuận - Công ty CP Cảng Sài Gòn); (iii) EVN: Chưa có quy định về hạn mức số dư tiền gửi nhằm linh hoạt chuyển tiền gửi không kỳ hạn thành tiền gửi có kỳ hạn (Công ty mẹ - EVN); việc cân đối dòng tiền năm và hàng tháng tại một số đơn vị chưa cân đối giữa nguồn tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, trong đó: Một số thời gian còn duy trì một lượng tiền gửi không kỳ hạn, ít giao dịch nhưng chưa cân đối để gửi có kỳ hạn (Công ty mẹ - EVN, TCT Điện lực TPHCM, TCT Điện lực miền Nam); hoặc một số hợp đồng tiền gửi với kỳ hạn ngắn hơn thời gian ổn định của số dư tiền gửi trong năm (TCT Phát điện 3 - CTCP, Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa thuộc TCT Phát điện 3 - CTCP); (iv) VNPost: Vượt hạn mức lưu quỹ (Bưu điện Hà Nội, TPHCM, Đắk Lắk, Đồng Nai, Lâm Đồng, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Dương, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, Thái Nguyên, Bình Định, Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Nam, Công ty Phát hành Báo chí Trung ương).

chặt chẽ, còn để phát sinh nợ phải thu quá hạn[629], khó đòi lớn[630]; nợ tạm ứng tồn đọng nhiều năm chưa được thu hồi[631]; bán hàng, đặt cọc cho nhà cung cấp không có bảo lãnh, tài sản đảm bảo hoặc vượt giá trị tài sản thế chấp, bảo lãnh hoặc ký hợp đồng với khách hàng chưa chặt chẽ[632]; trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi[633], xóa nợ[634] không đúng quy định; còn tình trạng vật tư tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển[635]; chưa đánh giá giá trị vật tư thu hồi sau sửa chữa tài sản[636]; chưa kiểm kê

---

[629] VIMC: Công ty mẹ 268,76 tỷ đồng, Công ty CP Cảng Sài Gòn 164,04 tỷ đồng, Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam 111,10 tỷ đồng, Công ty CP Cảng Hải Phòng 38,36 tỷ đồng, Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông 27,02 tỷ đồng, Công ty CP Vận tải Biển Vinaship 2,68 tỷ đồng; HFIC: Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh Nhà TPHCM 67,29 tỷ đồng, Công ty CP Chiếu sáng Công cộng TPHCM 12,10 tỷ đồng; VNPost 16,65 tỷ đồng; Công ty mẹ - Vinafor 86,78 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam 4,21 tỷ đồng; Công ty mẹ - SCPC 42,3 tỷ đồng.

[630] (i) Vinafood1: Văn phòng Công ty mẹ 2.537,98 tỷ đồng, Công ty TNHH Lương thực Phương Đông 28,26 tỷ đồng, Công ty CP Lương thực Lương Yên 21,02 tỷ đồng, Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh 11,48 tỷ đồng, Công ty CP Lương thực Thanh Hóa 5,03 tỷ đồng, Công ty CP Lương thực Đông Bắc 3,50 tỷ đồng, Công ty CP Lương thực Yên Bái 1,69 tỷ đồng; (ii) Satra: Công ty mẹ 430,71 tỷ đồng; Công ty CP Vật tư tổng hợp TPHCM 10,41 tỷ đồng; (iii) TKV 279,15 tỷ đồng; (iv) Vicem: Vicem Bỉm Sơn 95,43 tỷ đồng, Vicem Tam Điệp 14,97 tỷ đồng, Vicem Hoàng Thạch 14,63 tỷ đồng, Vicem Sông Thao 12,91 tỷ đồng, Vicem Hoàng Mai 9,29 tỷ đồng, Vicem Hải Vân 7,55 tỷ đồng, Vicem Hạ Long 5,49 tỷ đồng, Vicem Bút Sơn 2,58 tỷ đồng, Vicem Hải Phòng 2,36 tỷ đồng; (v) Sawaco: Công ty mẹ 38,30 tỷ đồng; Công ty CP Cấp nước Chợ Lớn 7,77 tỷ đồng; Công ty CP Cấp nước Bến Thành 08 tỷ đồng; Công ty CP Cấp nước Gia Định 3,30 tỷ đồng; Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân 2,01 tỷ đồng; (vi) Vinataba: Công ty CP Hòa Việt 15,99 tỷ đồng; Văn phòng TCT 5,86 tỷ đồng; Công ty CP Ngân Sơn 1,58 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long 0,7 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn 0,22 tỷ đồng; Công ty TNHH Hải Hà - Kotobuki 0,19 tỷ đồng; (vii) Liksin 22,73 tỷ đồng; (viii) Một số đơn vị phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi: VNPT 509,12 tỷ đồng; EVN 367,86 tỷ đồng.

[631] Vinafood1: Công ty CP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà (bà Nguyễn Kim Thanh 3,49 tỷ đồng từ năm 2006), Công ty CP Muối Việt Nam (Hồ Thị Thanh Thủy 0,52 tỷ đồng, Hồ Văn Lợi 0,22 tỷ đồng, Hồ Quốc Khánh 0,1 tỷ đồng…); Công ty mẹ -VIMC (Nguyễn Lê Anh Tuấn 0,87 tỷ đồng); Công ty mẹ - EVN.

[632] Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa, Công ty Thương mại miền Nam, Công ty Thương mại Thuốc lá; Vinafood1: Công ty CP Lương thực Yên Bái, Công ty CP Lương thực Đông Bắc, Công ty CP Lương thực Thanh Hóa, Công ty CP Bột mỳ Vinafood1; VIMC: Công ty CP Phát triển Hàng hải - Chi nhánh Vũng Tàu (hợp đồng bán dầu DO của 05 khách hàng); Vicem: Vicem Hoàng Mai, Vicem Hạ Long, Vicem Sông Thao; EVN: TCT Điện lực miền Trung (Điện lực Quảng Trị); TKV: Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh thuộc TCT Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin (02 khách hàng).

[633] (i) Trích thừa: Vicem: Vicem Hoàng Thạch 1,89 tỷ đồng; VIMC 27,87 tỷ đồng; Vinafood1 là 18,89 tỷ đồng; Satra 4,69 tỷ đồng; TKV 2,23 tỷ đồng; Vinataba 2,11 tỷ đồng; SCPC 2,09 tỷ đồng; EVN 1,81 tỷ đồng; VNPost 1,30 tỷ đồng; Vinafor 0,66 tỷ đồng... (ii) Trích thiếu: Vicem: Vicem Hạ Long 1,48 tỷ đồng...

[634] VIMC xóa khoản nợ chưa đủ điều kiện xác định là khoản nợ không có khả năng thu hồi 23,30 tỷ đồng.

[635] (i) Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long 119,63 tỷ đồng, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa 31,79 tỷ đồng, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn 7.146 tấn nguyên liệu thuốc lá tồn kho trên 3 năm; (ii) HFIC: Công ty CP Chiếu sáng Công cộng TPHCM 4,70 tỷ đồng; (iii) Vicem: Vicem Hạ Long 56,48 tỷ đồng, Vicem Bỉm Sơn 42,65 tỷ đồng, Vicem Hoàng Mai 19,41 tỷ đồng, Vicem Sông Thao 15,86 tỷ đồng, Vicem Hải Vân 11,72 tỷ đồng; (iv) EVN: TCT Điện lực TPHCM 194,27 tỷ đồng, TCT Phát điện 3 - CTCP 141,88 tỷ đồng, TCT Truyền tải Điện Quốc gia 27,01 tỷ đồng, TCT Điện lực miền Trung 9,51 tỷ đồng; (v) Sawaco: Công ty mẹ 11,15 tỷ đồng, Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân 0,67 tỷ đồng; (vi) VIMC 2,01 tỷ đồng; (vii) VNPost: Bưu điện Bình Dương 0,58 tỷ đồng, Bưu điện Hải Dương 0,45 tỷ đồng.

[636] Vicem: Vicem Hạ Long, Vicem Sông Thao; EVN: TCT Phát điện 3 - CTCP; VNPT: VNPT Thái Bình; TKV: Công ty Than Uông Bí - TKV.

đầy đủ vật tư, hàng hóa[637]; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho[638], khấu hao TSCĐ[639] không đúng quy định; sử dụng TSCĐ chưa hiệu quả[640]; một số công trình hoàn thành nhiều năm chưa được nghiệm thu, quyết toán[641]; một số dự án dừng, giãn tiến độ[642], chậm tiến độ[643], dừng thi công còn tồn đọng chi phí dở dang lớn[644].

(3) Một số đơn vị có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao[645], hoạt động cho vay chưa phù hợp quy định[646]; chưa được góp đủ vốn điều lệ[647] hoặc có vốn

---

[637] (i) Vinataba: Công ty TNHH Vinataba - Philip Moris, Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT chưa kiểm kê vật phẩm trưng bày; (ii) VNPost: Bưu điện tỉnh Quảng Ninh, Bưu điện tỉnh Tây Ninh chưa kiểm kê đối với các vật tư xuất dùng thời điểm cuối năm chưa dùng hết tại các điểm bán, bưu cục, bưu điện văn hoá xã; TCT Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP chưa kiểm kê vật liệu, ấn phẩm tại các bưu cục trực thuộc các chi nhánh; (iii) Satra: Chưa kiểm kê mặt hàng mỡ cá, giá trị trên sổ kế toán là 580,53 tỷ đồng.

[638] Trích thừa: EVN 9,28 tỷ đồng; Vicem: Vicem Hải Phòng 6,86 tỷ đồng; TKV: Công ty Chế biến than Quảng Ninh -TKV 3,14 tỷ đồng; Vinataba 2,91 tỷ đồng; SCPC 2,03 tỷ đồng; Satra 1,93 tỷ đồng; Vinafood1 0,76 tỷ đồng; VNPost 0,40 tỷ đồng...

[639] (i) Trích thừa: EVN 388,96 tỷ đồng; VNPost 15,03 tỷ đồng; TKV 10,14 tỷ đồng; Vicem 10,01 tỷ đồng; Sonadezi 10,28 tỷ đồng; VNPT 9,37 tỷ đồng; Satra 2,43 tỷ đồng; Vinafood1 là 1,0 tỷ đồng...; (ii) Trích thiếu: VIMC 3,29 tỷ đồng...

[640] (i) TKV: TCT Khoáng sản TKV - CTCP: Cụm máy tuyển đa trọng lực không sử dụng, Cụm máy tuyển nổi - tuyển tách lưu huỳnh tại Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai - Vimico chưa sử dụng cho sản xuất kinh doanh; Công ty Than Hòn Gai - TKV: Dây chuyền sàng tuyển than bằng công nghệ huyền phù tự sinh chưa sử dụng từ tháng 7/2020; Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV: 03 máy xúc lật hoạt động đạt 78% so với định mức kế hoạch, Thiết bị sàng 350 T/giờ đạt 37%; (ii) VNPost: Bưu điện tỉnh Bình Định chưa sử dụng hết tầng 02 và 04 của tòa nhà (1.010 m^2); (iii) VIMC: Dự án Cảng nội địa Lào Cai bắt đầu thực hiện từ quý I năm 2009 và phát sinh doanh thu từ năm 2010. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến năm 2021, hiệu quả dự án bị giảm sút mạnh và hoạt động SXKD liên tục thua lỗ (năm 2017 lỗ 5,21 tỷ đồng, năm 2018 lỗ 6,10 tỷ đồng, năm 2019 lỗ 6,26 tỷ đồng).

[641] VIMC: Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam chậm quyết toán đối với 03 tàu (Tàu Lucky Star, Tàu Blue Star, Tàu Vosco Sunerine); EVN: Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Dự án của Ban quản lý điện hạt nhân Ninh Thuận; Dự án của BQLDA FMIS.

[642] (i) Vicem: Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM, Dự án Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy, Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung và Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi với chi phí xây dựng dở dang tại 31/12/2021 lần lượt là 773,95 tỷ đồng; 60,06 tỷ đồng; 45,75 tỷ đồng và 2,44 tỷ đồng; (ii) VNPT: VNPT Thanh Hóa (Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng di dời trạm BTS Vinaphone Hậu Lộc 2 và BTS Vinaphone Vĩnh Thành).

[643] (i) EVN: BQLDA Lưới điện TPHCM 10,87 tỷ đồng, BQLDA Lưới điện phân phối TPHCM 71,27 tỷ đồng; (ii) TKV: Dự án Suối Lại chậm so với yêu cầu phê duyệt ban đầu 02 năm 02 tháng, Dự án Vận chuyển xít ngược chậm 4 năm so với mục tiêu ban đầu, Dự án Vi Kẽm phải xem xét, phê duyệt điều chỉnh thời gian hoàn thành đầu tư từ quý III/2017 thành quý IV/2022; (iii) VNPost: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Bưu điện trung tâm thành phố Hải Phòng; Cải tạo, nâng cấp Bưu điện huyện Sóc Sơn, Bưu điện huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; Xây dựng, cải tạo nhà khai thác Bưu điện huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

[644] TKV: Công ty Than Nam Mẫu - TKV (Dự án Nhà máy tuyển than Khe Thần 20,54 tỷ đồng), Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin (Dự án Cụm cảng và luồng tàu vào cụm Cảng Mông Dương - Khe Dây 1,72 tỷ đồng, Dự án đầu tư xây dựng bến Tổng hợp - Cảng Cẩm Phả 1,37 tỷ đồng); Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn (Dự án đầu tư hệ thống tin học, phần mềm 5,18 tỷ đồng, phát sinh năm 2011 và tạm dừng từ năm 2021; Dự án di dời, lắp đặt dây chuyền sợi COMAS 0,30 tỷ đồng đang làm thủ tục hủy).

[645] Vicem: Vicem Tam Điệp 8,24 lần; Vinafood1: Công ty CP Lương thực Yên Bái 6,22 lần, Công ty CP Lương thực Cao Lạng 5,66 lần, Công ty CP XNK Lương thực - TP Hà Nội 3,91 lần.

[646] EVN: Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (công ty đại chúng trực thuộc TCT Phát điện 1) cho Công ty mẹ - TCT Phát điện 1 vay 799,9 tỷ đồng từ năm 2014 - 2015; Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (công ty đại chúng trực thuộc TCT Phát điện 2 - CTCP) cho EVN vay 350 tỷ đồng từ năm 2010 (đến 28/12/2021 EVN đã hoàn thành trả nợ vay).

[647] Công ty mẹ - VNPT 5.815 tỷ đồng; TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VII 0,4 tỷ đồng.

chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ được phê duyệt nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định[648]; số dư Quỹ đầu tư phát triển lớn nhưng chưa xây dựng kế hoạch, phương án sử dụng[649]; trích Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp không đúng quy định[650] hoặc chưa nộp về Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, thành phố số tiền đã trích nhưng sử dụng không hết[651], chưa hạch toán tăng TSCĐ hình thành từ nguồn Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp [652]; có dấu hiệu mất an toàn về tài chính[653] hoặc bị đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt[654] theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ. EVN ban hành Quyết định giao vốn điều lệ cho các TCT[655] khi chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt chủ trương.

(4) Một số đơn vị đầu tư không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp[656], thua lỗ[657]; một số khoản đầu tư của TĐ, TCT vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác

---

[648] Công ty mẹ - EVN 15.892,64 tỷ đồng; Vicem: Công ty mẹ 4.350,97 tỷ đồng, Vicem Tam Điệp 382 tỷ đồng; Công ty mẹ - TKV 2.030 tỷ đồng; Công ty mẹ - Vinataba 1.836,29 tỷ đồng; Công ty mẹ - HFIC 339,74 tỷ đồng; Công ty mẹ - VNPost 212,39 tỷ đồng.

[649] EVN: Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa thuộc TCT Phát điện 3 - CTCP 222,69 tỷ đồng; Công ty mẹ - Vinafor 32,41 tỷ đồng.

[650] TKV: TCT Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin 6,89 tỷ đồng.

[651] Liksin 3,63 tỷ đồng; Sawaco 1,51 tỷ đồng.

[652] EVN: TCT Truyền tải Điện Quốc gia 2,78 tỷ đồng.

[653] Vicem: Vicem Tam Điệp, Vicem Hạ Long, Vicem Sông Thao; Vinafood1: Công ty CP Lương thực Hà Bắc, Công ty CP Lương thực Nam Định, Công ty CP Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh, Công ty CP Lương thực Bình Trị Thiên, Công ty CP Lương thực Lương Yên, Công ty Liên doanh sản xuất chế biến và xuất khẩu gạo.

[654] EVN: Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1.

[655] TCT Điện lực TPHCM, TCT Điện lực thành phố Hà Nội, TCT Điện lực miền Nam, TCT Điện lực miền Trung, TCT Điện lực miền Bắc, TCT Truyền tải Điện Quốc gia.

[656] (i) Công ty mẹ - Vinafood1: 07 công ty con và 02 khoản đầu tư khác không chia cổ tức trong năm 2021 do lợi nhuận thấp và 08 công ty con chia cổ tức với tỷ lệ 0,69%/tổng giá trị đầu tư; (ii) EVN: TCT Điện lực miền Bắc không được chia cổ tức từ khi đầu tư (năm 2005) vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 3; (iii) TKV: Công ty mẹ - TKV: 03 công ty con và 03 công ty liên doanh, liên kết chưa chia cổ tức do lợi nhuận không đủ để chia cổ tức hoặc còn lỗ lũy kế; TCT Khoáng sản TKV - CTCP: 07 khoản đầu tư chưa chia cổ tức (trong đó có 01 công ty đang trong quá trình giải thể, 01 công ty chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh); (iv) Công ty mẹ - SCPC: 08/18 công ty không chia cổ tức do kết quả kinh doanh kém.

[657] (i) Công ty mẹ - VIMC: 10 công ty con lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 1.677,01 tỷ đồng; (ii) Công ty mẹ - Vinafood1: 09/24 công ty con lỗ lũy kế 381,86 tỷ đồng; (iii) Công ty mẹ - Vicem: 05/17 công ty con lỗ lũy kế 4.958 tỷ đồng; (iv) Công ty mẹ - TKV: 03 công ty con lỗ lũy kế 386,84 tỷ đồng (trong đó 02 công ty con năm 2021 không hoạt động) và 01 công ty thành lập để thực hiện dự án đầu tư nhưng đang tạm dừng đầu tư dự án; (v) Công ty mẹ - SCPC: 01 công ty con lỗ lũy kế 5,24 tỷ đồng (tương đương 108,2% vốn đầu tư); (vi) Công ty mẹ - Satra: 02 công ty con âm vốn chủ sở hữu, 01 công ty con lỗ lũy kế 2,64 tỷ đồng; (vii) Công ty mẹ - VNPT: 04/24 công ty con lỗ lũy kế 177,4 tỷ đồng; (viii) Công ty mẹ - Vinafor: 05/21 công ty con lỗ lũy kế (đến 31/12/2020) là 21,54 tỷ đồng và 02 công ty con khác lỗ lũy kế (Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang, Công ty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất).

bị thua lỗ hoặc có khả năng mất vốn[658]; tình trạng sở hữu chéo trong cùng TĐ, TCT chưa được khắc phục[659].

(5) Một số đơn vị quản lý chi phí, giá thành sản phẩm chưa chặt chẽ, định mức sản xuất kinh doanh chưa phù hợp thực tế[660]; chưa xây dựng định biên lao động hoặc định mức lao động[661], định mức kinh tế kỹ thuật[662]; chi vượt quỹ lương được duyệt[663], chưa được phê duyệt quỹ tiền lương[664]; chưa đăng ký chương trình khuyến mại, khuyến mại vượt thời gian[665] hoặc chưa kê khai giá bán theo quy định[666] trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

---

[658] (i) Sonadezi: Công ty mẹ: 04/22 công ty lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 111,61 tỷ đồng; Công ty CP Cấp nước Đồng Nai: 01 khoản đầu tư lỗ lũy kế 51,40 tỷ đồng; (ii)Vinataba: 02 khoản đầu tư lỗ lũy kế 158,67 tỷ đồng; (iii) VIMC: Công ty mẹ: 09 công ty và 02 khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 15.345,27 tỷ đồng; Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam: 01 công ty lỗ lũy kế 22,13 tỷ đồng; Công ty CP Cảng Sài Gòn: 02 công ty lỗ lũy kế 5.494,16 tỷ đồng trong đó 01 công ty âm vốn chủ sở hữu 2.222,43 tỷ đồng; Công ty CP VIMC Logistics: 01 công ty đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 10/4/2014; (iv) Công ty mẹ - HFIC: 10 khoản đầu tư lỗ lũy kế 1.111,12 tỷ đồng; (v) Công ty mẹ - SCPC: 04/17 công ty lỗ lũy kế 68,98 tỷ đồng; (vi) Liksin: 09/20 đơn vị có kết quả kinh doanh năm 2021 lỗ, trích lập dự phòng 46,21 tỷ đồng, chiếm 65% vốn đầu tư, trong đó 03 công ty dừng hoạt động; (vii) Công ty mẹ - Vicem: 03/14 công ty và khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 1.038,16 tỷ đồng; (viii) Công ty mẹ - VNPT: 08/35 công ty và khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 870,5 tỷ đồng, 05/35 công ty/khoản đầu tư không có thông tin do đang trong quá trình giải thể (Công ty CP Xây lắp Bưu điện Hải Phòng) hoặc đóng quỹ (Quỹ đầu tư chứng khoán Sài Gòn A2) hoặc chưa gửi BCTC về Công ty mẹ (Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn, Công ty ATH - Malaysia, Công ty ACASIA - Malaysia); (ix) Vinafor: 05/21 công ty lỗ lũy kế 115,06 tỷ đồng; (x) Công ty mẹ - Satra: 04 công ty âm vốn chủ sở hữu, 02 công ty và 04 khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 332,41 tỷ đồng và 02 khoản đầu tư có khả năng mất vốn 44,44 tỷ đồng; (xi) EVN: TCT Điện lực TPHCM: 01 công ty phải trích lập dự phòng 10,22 tỷ đồng; TCT Điện lực miền Bắc: 03 công ty phải trích lập dự phòng 46,61 tỷ đồng; TCT Phát điện 3 - CTCP: 01 công ty phải trích lập dự phòng 10,17 tỷ đồng; (xii) TCT Bến Thành - TNHH MTV: 14/32 công ty lỗ lũy kế 764,20 tỷ đồng.

[659] (i) Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long và Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn cùng đầu tư vào Công ty CP Hòa Việt, Công ty CP Cát Lợi; Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn và Viện Thuốc lá cùng đầu tư vào Công ty CP Ngân Sơn; (ii) TKV: TCT Điện lực TKV và TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc cùng đầu tư vào Công ty CP Than điện Nông Sơn; TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc, TCT Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin và TCT Khoáng sản TKV - CTCP cùng đầu tư vào Công ty CP Xi măng Tân Quang.

[660] (i) Công ty mẹ - Vinafood1: Định mức kinh tế kỹ thuật trong bảo quản, chế biến, vận chuyển gạo và nông sản không còn phù hợp, thiếu một số quy trình sản xuất như: Lau bóng, tách hạt…; (ii) Vicem: Vicem Bút Sơn (định mức tiêu hao dầu DO bốc xúc, vận chuyển là 0,55 lít/tấn đá sét, thực hiện bình quân 03 năm liền kề xấp xỉ 0,44 lít/tấn; định mức tiêu hao nguyên vật liệu điều chỉnh dây chuyền 1 & 2 ở công đoạn bột liệu là 0,092 tấn/tấn bột liệu, thực hiện bình quân 03 năm liền kề xấp xỉ 0,06 tấn/tấn bột liệu).

[661] Vicem: Vicem Hoàng Mai; VNPost: TCT Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP.

[662] (i) EVN: TCT Phát điện 3 - CTCP chưa ban hành bộ định mức sửa chữa lớn của các Tổ máy và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với nhiên liệu chính (dầu, khí) cho Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, bộ định mức sửa chữa lớn thiết bị Cơ - Thủy lực cho các nhà máy thủy điện của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp; (ii) TKV: TCT Khoáng sản TKV- CTCP chưa ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác bằng phương pháp hầm lò mỏ Vi Kẽm và tại Nhà máy Luyện đồng số 02 - Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico; (iii) Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long, Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn chưa xây dựng định mức tiêu hao công đoạn chế biến sợi từ lá thuốc.

[663] VIMC 1,58 tỷ đồng; VNPost: Bưu điện tỉnh Bình Dương 33,24 tỷ đồng.

[664] Satra: Quỹ tiền lương năm 2020, 2021; HFIC: Quỹ tiền lương của Công ty mẹ từ năm 2018 đến 2021.

[665] Vinataba; Vinafood1: Công ty CP Bột mỳ Vinafood1; Vicem: Vicem Hà Tiên; VNPT: VNPT Vinaphone; VNPost: Bưu điện tỉnh Bắc Giang.

[666] TKV: Công ty CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomin, Công ty CP Kinh doanh than miền Bắc - Vinacomin; Vicem: Vicem Hà Tiên.

(6) Về quản lý sử dụng đất: Một số đơn vị còn nhiều diện tích đất chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả[667], bị lấn chiếm, tranh chấp[668], chưa đủ hồ sơ pháp lý[669], chưa làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng[670], chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN[671], qua kiểm toán xác định tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phải nộp tăng thêm[672].

(7) Một số TĐ, TCT, công ty chưa thoái vốn đầu tư theo kế hoạch được duyệt[673]; chưa được phê duyệt quyết toán vốn nhà nước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần[674]; người đại diện phần vốn Nhà nước tại một số đơn vị[675] chưa báo cáo kịp thời và đầy đủ để có các giải pháp khắc phục đối với các công ty hoạt động kinh doanh thua lỗ theo quy định.

Ngoài ra, kết quả kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng công ty Lương thực miền Nam cho thấy: Một số đơn vị thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu[676], phải trả[677] chưa đầy đủ; Công ty mẹ - Tổng công ty chưa xác định khoản tiền phạt chậm nộp liên quan đến tiền thu về cổ phần hóa các đơn vị thành viên 17,75 tỷ đồng; chưa nộp số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại

---

[667] Vinafood1 là 2,04 ha; Sonadezi: Công ty CP Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai 1,29 ha; Liksin 0,49 ha; SCPC 0,17 ha; HFIC: Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Nhà TPHCM 66 mặt bằng và 61 căn hộ trống toàn bộ, 18 mặt bằng trống một phần; Vicem: Vicem Hải Vân 1,21 ha, Vicem Hoàng Mai chưa xây dựng phương án sử dụng đất đối với khu đất thuê tại Quyết định số 2204/QĐ-UB ngày 26/5/1997 của tỉnh Nghệ An; Công ty mẹ - Satra: 07 khu đất đang để trống.

[668] Vinafood1: Công ty CP Xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà 0,49 ha; SCPC 0,105 ha; VNPost: Bưu điện Tây Ninh 0,016 ha.

[669] Vicem 161,06 ha; Vinafood1 là 139,66 ha; Satra 58,44 ha; TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam 15,56 ha; Sawaco: Công ty mẹ 11,15 ha, Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn 3,68 ha; HFIC: Công ty CP Chiếu sáng công cộng TPHCM 0,72 ha; VNPT: VNPT Hưng Yên, VNPT Phú Thọ, VNPT Ninh Bình, VNPT Đắk Lắk, VNPT Thái Bình, VNPT Hải Dương, VNPT Thanh Hóa, Văn phòng Tập đoàn; SCPC 14 thửa đất; Liksin 02 cơ sở nhà đất; VNPost: 28 công ty, bưu điện tỉnh.

[670] Sonadezi: Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai 17 ha.

[671] Công ty mẹ - Satra 31,26 ha; Sawaco: Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn 19/33 khu đất (1,89 ha), Công ty CP Cấp nước Bến Thành 03 khu đất.

[672] Sonadezi 7,32 tỷ đồng; Vicem: Vicem Hải Phòng 5,41 tỷ đồng, Vicem Bỉm Sơn 0,3 tỷ đồng; Vinafood1: Công ty CP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà 0,18 tỷ đồng.

[673] Công ty mẹ - Sonadezi chưa thoái vốn tại 03/09 công ty; Vinafood1: Chưa hoàn thành giảm tỷ lệ vốn Nhà nước tại 06 công ty con và chuyển nhượng 100% vốn nhà nước tại 11 công ty con và công ty liên kết; Vinafor: Chưa hoàn thành thoái vốn theo tiến độ, phương án được phê duyệt tại 10/13 đơn vị.

[674] VIMC: Công ty mẹ - VIMC, Công ty CP Cảng Sài Gòn, Công ty CP Cảng Hải Phòng; HFIC: Công ty CP Chiếu sáng công cộng TPHCM, Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn, Công ty CP Công trình Cầu phà TPHCM.

[675] Satra: Công ty CP Đầu tư y tế Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư Satra Thái Sơn, Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng; HFIC: Công ty CP Sài Gòn Kim Cương, Công ty CP Cơ điện Thạch Anh, Công ty CP Him Lam Phát triển Trí tuệ Trẻ em Việt, Công ty CP Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia, Công ty CP Dệt may Gia Định, Công ty CP Du lịch Dịch vụ Thương mại Phú Thọ, Công ty CP Cao su Hồ Chí Minh, Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn, Công ty CP phát triển nông nghiệp Thanh niên Xung phong, Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân.

[676] Nợ phải thu chưa đối chiếu tại Văn phòng Tổng công ty là 726,93 tỷ đồng (chiếm 20,68% nợ phải thu). Tỷ lệ đối chiếu: (i) Phải thu khách hàng ngắn hạn: Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang 45,85% (8,85 tỷ đồng/19,31 tỷ đồng); Công ty Lương thực Trà Vinh 76,69% (10,5/13,69 tỷ đồng); Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang 17,05% (2,57/15,1 tỷ đồng); Công ty Bột mì Bình Đông 75,43% (20,95/27,78 tỷ đồng); (ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn: Công ty Lương thực Trà Vinh 0,85% (0,02 tỷ đồng/2,68 tỷ đồng); Công ty Lương thực Tiền Giang: 10,61% (0,37/3,49 tỷ đồng); Công ty Lương thực Long An: 83,44% (1,22/1,47 tỷ đồng)...

[677] Nợ phải trả chưa đối chiếu tại Văn phòng Tổng công ty là 641,44 tỷ đồng; tỷ lệ đối chiếu phải trả người bán tại Công ty Lương thực Trà Vinh 71,7% (8,71/12,14 tỷ đồng)…

31/12/2017 và xác định lãi chậm nộp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định lãi chậm nộp theo quy định. UBND một số tỉnh, thành phố chưa có ý kiến về phương án sử dụng đất đối với 25 cơ sở nhà, đất của Công ty mẹ - Tổng công ty. 01 cơ sở nhà, đất và 01 thửa đất tại tỉnh Long An[678] chưa được Công ty mẹ - Tổng công ty lập, trình cơ quan có thẩm quyền phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa. Công ty mẹ - Tổng công ty xác định kết quả kinh doanh giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần chưa chính xác, qua kiểm toán điều chỉnh giảm Lợi nhuận sau thuế TNDN 4,72 tỷ đồng. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần giảm so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tuy nhiên Công ty mẹ - Tổng công ty chưa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định[679]. Kết quả kiểm toán xác định tăng giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần 32,6 tỷ đồng và kiến nghị tăng thu NSNN 21,92 tỷ đồng.

2. Kiểm toán các tổ chức tài chính ngân hàng

Năm 2022, KTNN đã kiểm toán BCTC, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của NHNN và 05 tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Kết quả cho thấy:

Năm 2021, NHNN đã thực hiện nhiều giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, góp phần kiểm soát lạm phát ở mức 1,84%[680], ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Các ngân hàng được kiểm toán đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động[681], kinh doanh có lãi[682], tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3%[683]. Song:

---

[678] Cơ sở nhà, đất thửa số 10, đường tỉnh 825, ấp Sò Đo, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 4.769 m^2 và Thửa đất số 2 tại số 06 đường Cử Luyện, Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, diện tích 3.262 m^2.

[679] Theo Báo cáo quyết toán vốn nhà nước số 150722.001/BCTV.KT, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần giảm so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 162,47 tỷ đồng.

[680] Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ: Kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân dưới 4%.

[681] Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và hợp nhất lần lượt: Tại NHNo 9,9% và 10,1%; tại NHNT 8,97% và 9,31%; tại MB 11,02% và 11,28% (quy định tối thiểu 9%).

[682] Lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu của NHNo lần lượt là 15.342,78 tỷ đồng và 16,2%; NHNT 27.485,84 tỷ đồng và 21,66%; MB 16.603,69 tỷ đồng và 22,21%; chênh lệch thu chi của NHCS 1.361,29 tỷ đồng.

[683] NHNo 1,94%; NHNT 0,63%; MB 0,72%; (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ: Phấn đấu đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 3%); NHCS: Tỷ lệ nợ quá hạn 0,7%.

- Với mức tăng tưởng tín dụng chung của nền kinh tế là 13,61%[684], tăng trưởng tín dụng đối với hầu hết các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro đều cao hơn mức tăng trưởng chung[685], tỷ lệ dư nợ tín dụng nền kinh tế so với GDP ở mức cao (năm 2020 là 114,3%; năm 2021 là 113,2%)[686]; chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc điều hành, kiểm soát chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng chung và chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với từng tổ chức tín dụng (TCTD); một số TCTD tăng trưởng tín dụng vượt mức tối đa cho phép của NHNN[687].

- Một số đơn vị đầu tư tài chính không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp[688]; còn nợ tồn đọng chưa được xử lý dứt điểm[689]; hạch toán doanh thu, thu nhập[690], chi phí[691] chưa đúng quy định; chưa kê khai nộp thuế đối với thu nhập từ hoạt động cung ứng

---

[684] Theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 của NHNN tăng trưởng tín dụng năm 2021 "khoảng 12%", Thông báo số 43/TB-NHNN ngày 19/11/2021 của NHNN thông báo kết luận của Thống đốc NHNN về thống nhất chủ trương điều chỉnh mức phân bổ tăng trưởng tín dụng lên 14%.

[685] Lĩnh vực bất động sản 15,37%, lĩnh vực chứng khoán 23,85%, lĩnh vực trái phiếu doanh nghiệp 17,65%.

[686] Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ của Việt Nam thuộc nhóm cao nhất thế giới, tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc kiểm soát dòng tiền tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro.

[687] (i) Vượt mức tăng trưởng tín dụng tối đa được giao trong năm: Ngân hàng TMCP Bản Việt (được giao 13,48%, thực hiện 15,67%), Ngân hàng TMCP Bảo Việt (được giao 5,5%, thực hiện 31,82%); (ii) Vượt mức tăng trưởng tín dụng tối đa tại các thời điểm trong năm: Ngân hàng TMCP Phương Đông (tại 31/7/2021, 31/8/2021, 30/9/2021, 31/10/2021).

[688] (i) NHNT: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đầu tư 23,19 tỷ đồng từ năm 2011 vào Công ty CP Dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn và 17,5 tỷ đồng từ năm 2014 vào Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP nhưng chưa được chia cổ tức, đồng thời chưa thoái được vốn tại các công ty này theo phương án được phê duyệt; (ii) MB: Số dư khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy đến 31/12/2021 là 50 tỷ đồng, trích lập dự phòng 100%; đầu tư 33,96 tỷ đồng vào Công ty CP Bảo hiểm AAA từ năm 2005 (chiếm 3,52% vốn góp), Công ty hoạt động không hiệu quả từ năm 2009 và lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 776 tỷ đồng.

[689] (i) NHNT: Khoản tạm ứng 6,99 tỷ đồng mua sinh phẩm kit test của Công ty CP Công nghệ Việt Á để tài trợ bằng hiện vật cho Bộ Y tế trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 phát sinh năm 2020; (ii) NHNo: Công ty CP Bảo hiểm NHNo chưa thu hồi 4,28 tỷ đồng công nợ phí bảo hiểm phát sinh từ trước năm 2010, đã trích lập dự phòng 100%.

[690] (i) NHNT: Chưa ghi nhận kịp thời thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần 24,09 tỷ đồng, phân bổ thu nhập từ hoạt động bảo lãnh, thư tín dụng chưa đúng niên độ 125,25 tỷ đồng; Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ghi nhận doanh thu từ việc đánh giá lại các tài sản tài chính chưa phù hợp 33,55 tỷ đồng; (ii) NHNo: Hạch toán lãi dự thu đối với các khách hàng cơ cấu nợ 85,53 tỷ đồng, đối với các khách hàng không có bằng chứng chứng minh khả năng thu hồi nợ 84,72 tỷ đồng, đối với các khách hàng chưa điều chỉnh nhóm nợ theo CIC 18,11 tỷ đồng; (iii) MB: Hạch toán lãi dự thu đối với các khách hàng cơ cấu nợ 78,13 tỷ đồng, hạch toán thiếu lãi dự thu đối với hoạt động đầu tư trái phiếu 9,68 tỷ đồng, phân bổ thu nhập từ hoạt động bảo lãnh chưa đúng niên độ 49,56 tỷ đồng; Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội hạch toán thiếu doanh thu hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực năm 2021 số tiền 27,63 tỷ đồng, lãi dự thu đối với hoạt động ủy thác đầu tư 8,62 tỷ đồng.

[691] (i) Hạch toán chi phí một số khoản chi đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ: NHNT 3,82 tỷ đồng; MB 9,02 tỷ đồng; NHNo 2,17 tỷ đồng; (ii) Trích thiếu dự phòng: Dự phòng nợ phải thu khó đòi 31,90 tỷ đồng (NHNo); dự phòng phí bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm 25,36 tỷ đồng (Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội MB); (iii) Trích thừa dự phòng bồi thường 5,10 tỷ đồng (Công ty CP Bảo hiểm NHNo); (iv) Hạch toán thiếu chi phí chuyển lợi nhuận năm 2019, 2020, 2021 của Chi nhánh Campuchia 8,96 tỷ đồng (NHNo).

dịch vụ thư tín dụng theo quy định[692]. NHCS chậm làm hồ sơ, thủ tục đề nghị miễn tiền thuê đất dẫn đến phát sinh số tiền thuê đất phải nộp 31,1 tỷ đồng.

- Một số ngân hàng phân loại nợ chưa phù hợp[693], trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chưa chính xác[694], còn sai sót về trình tự, thủ tục cho vay[695]. NHCS còn nhiều trường hợp cho vay vượt hạn mức[696], cho vay đối tượng không phù hợp với tiêu chí của chương trình[697]... dẫn đến xác định số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý từ NSNN tăng thêm 0,97 tỷ đồng; có 478 khách hàng còn dư nợ chương trình cho vay NOXH nhưng chưa gửi đủ tiền tiết kiệm hàng tháng tại hệ thống NHCS theo quy định.

- Về hoạt động của BHXH Việt Nam: Còn nhiều trường hợp thu[698], chi[699] bảo hiểm không đúng quy định; nợ đọng, chậm đóng các quỹ bảo hiểm đến 31/12/2021

---

[692] KTNN kiến nghị tăng thu NSNN tại: (i) NHNT: Thuế GTGT 83,76 tỷ đồng, thuế nhà thầu 13,07 tỷ đồng; (ii) MB: Thuế GTGT 64,36 tỷ đồng.

[693]Ngoại trừ các trường hợp năm 2022 các ngân hàng đã phân loại vào nhóm nợ cao hơn hoặc đã tất toán nợ vay nên KTNN không điều chỉnh nhóm nợ (tại NHNT: Không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 43,45 tỷ đồng, dư nợ nhóm 2 là 49,70 tỷ đồng, dư nợ nhóm 4 là 73,41 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 3 là 60,34 tỷ đồng, nhóm 5 là 106,22 tỷ đồng; tại NHNo: Không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 291,16 tỷ đồng, nhóm 2 là 371,52 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 3 là 166,35 tỷ đồng, nhóm 4 là 26,9 tỷ đồng, nhóm 5 là 469,43 tỷ đồng), kết quả kiểm toán còn điều chỉnh nhóm nợ tại: (i) NHNT: Giảm dư nợ nhóm 3, tăng dư nợ nhóm 5 là 6,18 tỷ đồng; (ii) NHNo: Giảm dư nợ nhóm 1 là 2.992,10 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 2.035,48 tỷ đồng, nhóm 3 là 407,50 tỷ đồng, nhóm 4 là 73,47 tỷ đồng, nhóm 5 là 475,65 tỷ đồng; (iii) MB: Giảm dư nợ nhóm 1 là 206,38 tỷ đồng, nhóm 3 là 3,93 tỷ đồng, nhóm 4 là 95,03 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 79,69 tỷ đồng, nhóm 5 là 225,65 tỷ đồng.

[694] Ngoại trừ các trường hợp năm 2022 các ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng hoặc đã tất toán nợ vay nên KTNN không điều chỉnh tăng trích dự phòng rủi ro tín dụng (tại NHNT 73,28 tỷ đồng, NHNo 174,02 tỷ đồng), kết quả kiểm toán còn điều chỉnh giảm chi phí dự phòng tại NHNT 235,38 tỷ đồng, tại NHNo 396,46 tỷ đồng, tại MB 241,61 tỷ đồng.

[695] Thẩm định sơ sài; định kỳ chưa đánh giá lại tài sản bảo đảm; thiếu chứng từ giải ngân/tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn; kiểm tra, giám sát sau cho vay còn sơ sài; gia hạn nợ vượt quá thời gian... Qua kiểm toán kiến nghị rà soát để thu hồi nợ trước hạn tại MB 159,57 tỷ đồng của 03 khách hàng; NHNo: 113,42 tỷ đồng của 16 khách hàng...

[696] Cùng một hộ gia đình nhưng có 02 người đứng tên vay vốn của cùng một chương trình: Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường 8,08 tỷ đồng, cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn 5,11 tỷ đồng, hộ mới thoát nghèo 1,67 tỷ đồng…

[697] Chương trình cho vay giải quyết việc làm 114,72 tỷ đồng (đến thời điểm tháng 4/2022 đã thu hồi được 111,63 tỷ đồng).

[698] (i) Thu bảo hiểm đối với một số trường hợp không thuộc đối tượng thu BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT: 220 trường hợp là chủ hộ kinh doanh với số tiền 4,4 tỷ đồng; 78 trường hợp đã nghỉ hưu với số tiền 0,46 tỷ đồng; (ii) Thu BHXH, BHYT, BHTN trùng của 4.815 trường hợp đóng BHXH bắt buộc 37,54 tỷ đồng; thu BHYT đối với 100.099 trường hợp trùng giữa NSNN đóng, hỗ trợ đóng với các đối tượng khác đóng 39,15 tỷ đồng; (iii) Thu BHYT trùng đối tượng do cấp trùng 8.027 thẻ BHYT với số tiền 6,4 tỷ đồng.

[699] (i) Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT 17,11 tỷ đồng (thanh toán tiền giường không đúng quy định 5,65 tỷ đồng; chi chăm sóc sức khỏe ban đầu chưa đủ điều kiện 2,34 tỷ đồng; bác sỹ chỉ định khám, chữa bệnh từ 02 cơ sở y tế trở lên trong cùng một ngày 2,08 tỷ đồng; thanh toán dịch vụ kỹ thuật không đúng điều kiện 1,37 tỷ đồng, chỉ định dịch vụ kỹ thuật không phù hợp quy trình chuyên môn nghiệp vụ 0,87 tỷ đồng;...); (ii) Chi trợ cấp BHXH một lần không đúng đối tượng 3,63 tỷ đồng; (iii) Quyết toán chi khám, chữa bệnh BHYT vượt dự toán các năm trước tại BHXH tỉnh Yên Bái chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 18,56 tỷ đồng.

là 16.350 tỷ đồng[700], trong đó số nợ đọng của các doanh nghiệp phá sản, giải thể, chủ doanh nghiệp là người nước ngoài bỏ trốn là 3.083 tỷ đồng[701] nhưng chưa có quy định xử lý; chính sách bảo hiểm còn một số vướng mắc[702].

3. Kết quả kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020

Kết quả thực hiện Đề án đến hết năm 2020 cho thấy hoạt động của hệ thống ngân hàng cơ bản được kiểm soát an toàn; năng lực tài chính, quản trị điều hành của các TCTD được nâng cao, tiệm cận thông lệ quốc tế; từng bước xử lý và xóa bỏ tình trạng đầu tư, sở hữu chéo và sở hữu có tính chất thao túng, chi phối trong các TCTD có liên quan; mô hình kinh doanh chuyển dịch dần từ lệ thuộc hoạt động tín dụng sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ... Song còn một số tồn tại, khó khăn trong tổ chức thực hiện ảnh hưởng đến mục tiêu, kết quả Đề án: Việc phê duyệt, ban hành Đề án, phương án cơ cấu lại còn chậm[703], một số TCTD chưa có giải pháp, lộ trình cụ thể[704] để thực hiện một số mục tiêu đề ra tại phương án cơ cấu lại. NHNN chưa thực hiện thanh tra chuyên đề việc thực hiện phương án cơ cấu lại đối với các TCTD; một số bộ, ngành chưa hoàn thành một số nhiệm vụ được giao tại Đề án[705]. Nhiều TCTD xác định tỷ lệ nợ xấu không đúng hướng dẫn

---

[700] Trong đó: Nợ gốc 12.757 tỷ đồng, nợ lãi 3.593 tỷ đồng, chiếm lần lượt là 3,09% và 0,87% số thu bảo hiểm năm 2021.

[701] Trong đó: Nợ gốc 2.148 tỷ đồng, nợ lãi 935 tỷ đồng.

[702] (i) Điểm 2 khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật BHYT quy định *tổ chức bảo hiểm xã hội* đóng BHYT cho người đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, song khoản 17 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối tượng đóng là *ngân sách nhà nước*; (ii) Chưa có quy định đóng BHYT đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam, trẻ em có mẹ là người Việt Nam nhưng quốc tịch nước ngoài, học sinh, sinh viên là người nước ngoài; (iii) Chưa có quy định cụ thể việc thu hồi tiền trợ cấp thất nghiệp dẫn đến khó khăn trong công tác thu hồi về Quỹ BHTN (số tiền trợ cấp thất nghiệp còn phải thu hồi tại 31/12/2021 là 25,34 tỷ đồng)…

[703] Tháng 7/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án. Thời gian NHNN phê duyệt phương án cơ cấu lại của các TCTD kể từ khi nhận hồ sơ: NHCT 14 tháng; Ngân hàng Liên doanh Việt Nga 13 tháng; hầu hết các đơn vị còn lại thời gian phê duyệt kéo dài từ 06 tháng đến gần 01 năm.

[704] Ngân hàng TMCP Bắc Á, Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Lộ trình xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; NHNT, Ngân hàng TMCP Bắc Á, Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Một số giải pháp, lộ trình về nâng cao năng lực tài chính; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: Giải pháp, lộ trình về tăng vốn điều lệ; NHNT, NHNo, Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM: Lộ trình về nâng cao năng lực quản trị, nguồn nhân lực...

[705] (i) Bộ Tư pháp: Chưa làm rõ các khó khăn, vướng mắc phát sinh và đề ra các giải pháp để đẩy nhanh công tác thi hành án tồn đọng có liên quan; công tác đôn đốc thi hành các bản án có hiệu lực pháp luật vẫn còn chậm...; (ii) Bộ Công an: Đến thời điểm báo cáo mới chỉ có 09/63 đơn vị công an địa phương (chiếm tỷ lệ 14%) phối hợp với TCTD để tổ chức 205 vụ thu giữ TSBĐ; (iii) Bộ Tài chính: Chưa bố trí đủ nguồn để tăng vốn điều lệ cho các NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đến năm 2020; chưa hoàn thành khuôn khổ pháp lý về hoạt động mua, bán nợ của các doanh nghiệp và xây dựng khuôn khổ pháp lý cho hoạt động chứng khoán hóa các khoản nợ; chưa xây dựng cơ chế tài chính đối với các TCTD yếu kém; chưa xử lý dứt điểm các vướng mắc về nghĩa vụ thuế phát sinh từ việc xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; (iv) Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chưa hoàn thành việc sửa đổi quy định tại Luật Đất đai để tháo gỡ khó khăn vướng mắc về nhận thế chấp là quyền sử dụng đất của các tổ chức không phải là các TCTD, việc phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tập trung ưu tiên nguồn lực xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia.

của NHNN[706]; nếu tính toán, xác định lại, một số TCTD không đạt được mục tiêu về kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 3%[707], trong đó tỷ lệ nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tại 31/12/2020 là 13,4%. Kết thúc giai đoạn thực hiện Đề án, còn một số mục tiêu, giải pháp chưa hoàn thành[708].

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

1. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với niên độ ngân sách năm 2021

(1) Về xử lý tài chính, xử lý khác: Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2021 về niên độ NSNN năm 2020 của KTNN trong năm 2022 cho thấy về cơ bản các đơn vị được kiểm toán đã chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của KTNN về xử lý tài chính, kiến nghị khác, đến 31/12/2022 số kiến nghị xử lý tài chính, kiến nghị khác đã thực hiện là 55.776,8 tỷ đồng/66.959,9 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 83,3%, tăng 13% so năm 2021 (năm 2021 là 70,3%), trong đó: (i) Kiến nghị tăng thu, giảm chi đã thực hiện 22.492,1 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 88,57%; (ii) Kiến nghị xử lý khác đã thực hiện 33.284,7 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 80,08 %. Cụ thể:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Số kiến nghị	Số thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5
1	Tăng thu, giảm chi NSNN	25.396,39	22.492,08	88,57
-	Tăng thu NSNN	8.803,25	8.205,59	93,22
-	Giảm chi thường xuyên	12.776,11	11.316,60	88,57
-	Giảm chi đầu tư	3.817,04	2.969,9	77,84
2	Kiến nghị khác	41.567,35	33.284,71	80,08

(2) Về hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách: Có 50/198 văn bản đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện hủy bỏ, sửa

---

[706] Không tính toán đầy đủ các khoản nợ tiềm ẩn thành nợ xấu (nợ cơ cấu, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn nợ xấu, các khoản phải thu khó đòi, lãi dự thu phải thoái nhưng chưa thoái…).

[707] Tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo tại Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM: 3,7%; Ngân hàng TMCP Nam Á: 8,96%; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 8,41%; Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội: 8,5%...

[708] (i) Chưa đưa được tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn, bền vững theo mục tiêu của Đề án là phấn đấu đạt dưới 3% (đến 31/12/2020, tỉ lệ nợ xấu toàn hệ thống 3,81%, nếu tính cả nợ cơ cấu theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN, thì tỷ lệ nợ xấu 7,43%); chưa đẩy mạnh hoạt động xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường...; (ii) Chưa hoàn thành việc xử lý cơ bản các TCTD yếu kém; (iii) Công tác thanh tra, giám sát chưa đảm bảo trên cơ sở tập trung theo trọng yếu, rủi ro; (iv) Tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập đã tăng nhưng chưa đáng kể, không đạt mục tiêu; (v) Mạng lưới các TCTD phân bố chưa đồng đều, chưa bám sát theo mục tiêu định hướng của Chính phủ; (vi) Kết quả thoái vốn không đạt kế hoạch; (vii) Hành lang pháp lý hỗ trợ hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tài chính vi mô chưa hoàn thiện và đầy đủ…

đổi, bổ sung theo kiến nghị của KTNN[709], các kiến nghị khác đang được các đơn vị nghiên cứu sửa đổi theo quy định ban hành văn bản.

(3) Về kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: Có 57/95 Báo cáo kiểm toán có kiến nghị kiểm điểm đã được các đơn vị thực hiện.

2. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với niên độ ngân sách năm 2019 trở về trước

Trong năm 2022, các đơn vị được kiểm toán đã tiếp tục thực hiện các kiến nghị về xử lý tài chính đối với niên độ NSNN năm 2019 trở về trước, trong đó đã thực hiện thêm được 18.248,3 tỷ đồng[710] (tăng thu, giảm chi NSNN 6.957,21 tỷ đồng), bằng 21,4% tổng số kiến nghị chưa thực hiện tính đến 31/12/2021. Đến 31/12/2022, tổng số kiến nghị tăng thu, giảm chi đối với niên độ NSNN năm 2019 trở về trước chưa thực hiện 25.496,7 tỷ đồng; số kiến nghị xử lý khác chưa thực hiện là 42.705,2 tỷ đồng.

3. Về nguyên nhân chưa thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

Qua lượng hóa, phân tích, tổng hợp nguyên nhân chưa thực hiện đối với các kiến nghị xử lý tài chính, xử lý khác 79.385,1 tỷ đồng chưa thực hiện tính đến 31/12/2022 như sau: (i) Nhóm nguyên nhân thuộc về đơn vị được kiểm toán 44.972,7 tỷ đồng, chiếm 56,65%[711]; (ii) Nhóm nguyên nhân thuộc về trách nhiệm của KTNN 2.369,9 tỷ đồng, chiếm 3%[712]; (iii) Nhóm nguyên nhân thuộc về bên thứ ba là 18.763,8 tỷ đồng, chiếm 23,6 %[713]; (iv) Nhóm nguyên nhân khác chiếm 15,86%[714]; (v) Chưa nêu rõ nguyên nhân 698,7 tỷ đồng, chiếm 0,87%.

---

[709] 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 06 Thông tư, 43 văn bản khác.

[710] Niên độ 2019: 3.872,3 tỷ đồng; Niên độ: 2018: 2.713,3 tỷ đồng; 2017: 5.151,2 tỷ đồng; 2016: 1.276,8 tỷ đồng; 2015: 4.654,15 tỷ đồng; 2014: 296,8 tỷ đồng; 2013: 43,5 tỷ đồng; 2012: 183,7 tỷ đồng; 2011: 26 tỷ đồng; 2010: 3,1 tỷ đồng; 2009: 2,9 tỷ đồng: 2008: 6,16 tỷ đồng; 2007: 15,6 tỷ đồng; 2005: 2,74 tỷ đồng; 2002: 0,091 tỷ đồng.

[711] Gồm: (i) Đơn vị chưa thực hiện các thủ tục liên quan để thực hiện kiến nghị của KTNN là 20.472,3 tỷ đồng, chiếm 25,8%; (ii) Đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện kiến nghị của KTNN số tiền 12.843,4 tỷ đồng, chiếm 16,2%; (iii) Đơn vị được kiểm toán gặp khó khăn về tài chính: 3.381,8 tỷ đồng, chiếm 4,3%; (iv) Đơn vị được kiểm toán không còn hoạt động hoặc dừng hoạt động: 1.265,8 tỷ đồng, chiếm 1,6%; (v) Đơn vị báo cáo đã thực hiện nhưng chưa cung cấp đủ tài liệu, hồ sơ để KTNN xác nhận đã thực hiện: 5.635,1 tỷ đồng, chiếm 7,1%; (vi) Chứng từ, tài liệu hồ sơ thực hiện kiến nghị chưa đảm bảo theo quy định: 1.374,2 tỷ đồng, chiếm 1,7%.

[712] Gồm: (i) Đơn vị chưa thống nhất với kết luận, kiến nghị của KTNN và KTNN chưa xem xét xử lý 1.250,45 tỷ đồng, chiếm 1,6%; (ii) KTNN chưa kiểm tra thực hiện kiến nghị: 1.119,5 tỷ đồng, chiếm 1,4%.

[713] Gồm: (i) Chờ phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền số tiền 13.255,7 tỷ đồng, chiếm 16,7%; (ii) Vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện kiến nghị của KTNN: 1.151,3 tỷ đồng, chiếm 1,5%; (iii) Do nhà thầu không hợp tác, phối hợp thực hiện kiến nghị của KTNN, còn có tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu: 1.468,1 tỷ đồng, chiếm 1,8%; (iv) Chưa được bố trí vốn thanh toán, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán để thực hiện kiến nghị của KTNN 1.642,1 tỷ đồng, chiếm 2,1 %; (v) Chưa được phê duyệt quyết toán, thanh toán gói thầu, dự án làm cơ sở để thực hiện kiến nghị của KTNN 1.246,5 tỷ đồng, chiếm 1,6% tổng số kiến nghị chưa thực hiện.

[714] Gồm: (i) Chưa đến thời điểm KTNN tổ chức kiểm tra thực hiện kiến nghị của KTNN: 415,1 tỷ đồng, chiếm 0,52%; (ii) Nhóm nguyên nhân khác 12.173,9 tỷ đồng, chiếm 15,34%.

C. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Với những kết quả kiểm toán nêu trên, KTNN đã kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN 34.595 tỷ đồng; kiến nghị khác 37.010 tỷ đồng; KTNN đã chuyển 08 vụ việc[715] có dấu hiệu tội phạm được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán sang cơ quan điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; cung cấp 832 báo cáo kiểm toán và tài liệu có liên quan cho các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban kiểm tra Trung ương, cơ quan điều tra và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền để phục vụ công tác điều tra, kiểm tra, giám sát[716]. Đồng thời, KTNN đã kiến nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 270 văn bản[717] không phù hợp với quy định pháp luật hoặc chưa phù hợp với thực tiễn; 183 BCKT có kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân.

D. KIẾN NGHỊ

1. Kiểm toán nhà nước kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

(1) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán, trong đó: Kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN của KTNN đối với niên độ ngân sách 2021 là 34.595 tỷ đồng, gồm các khoản tăng thu 4.641,3 tỷ đồng (Thuế, phí, lệ phí 2.444,9 tỷ đồng; thu khác 2.196,4 tỷ đồng); giảm chi NSNN 29.953,7 tỷ đồng (chi thường xuyên 24.066,9 tỷ đồng; chi đầu tư 5.886,8 tỷ đồng); kiến nghị khác 37.010 tỷ đồng (chưa đủ thủ tục, chưa được quản lý, theo dõi, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản ngoài ngân sách...) (*Chi tiết tại Phụ lục số 02, 03, 04, 05, 06 kèm theo*).

(2) Chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan thực hiện kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2021.

(3) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xử lý các vấn đề về cơ chế, chính sách, các tồn tại trong công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản

---

[715] Chuyển CQCSĐT - Công an tỉnh Tây Ninh để điều tra, xử lý hành vi trốn thuế của Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp; Chuyển CQCSĐT - Công an TP Hải Phòng để điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu vi phạm về công tác khai thác khoáng sản (cát) của *07 Công ty*: (1) Công ty Cổ phần khai thác cát phục vụ Khu kinh tế; (2) Công ty CP Thương mại Duy Linh; (3) Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thái Việt; (4) Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nam; (5) Công ty TNHH Đầu tư Công trình và Thương mại Hoàng Phát; (6) Công ty TNHH Đầu tư Đầu tư quốc tế Duyên Hải; (7) Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ và Thương mại Tín Thành.

[716] Ủy ban Kiểm tra Trung ương: 159 tài liệu, báo cáo kiểm toán; Ban Nội chính Trung ương: 05 tài liệu, báo cáo kiểm toán; Cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội: 03 tài liệu, báo cáo kiểm toán; Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp: 97 tài liệu, BCKT; Thanh tra Chính phủ: 02 tài liệu; cơ quan khác: 30 tài liệu, BCKT; Đoàn kiểm tra số 1, 4, 8 của Ban Chỉ đạo TW về PCTN, TC: 418 tài liệu, BCKT; Đoàn giám sát Chuyên đề thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Quốc hội: 118 Báo cáo kiểm toán của 30 bộ ngành, địa phương giai đoạn 2016-2021.

[717] 10 luật; 14 nghị định; 04 nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 15 thông tư và 227 văn bản khác.

công đã nêu tại từng báo cáo kiểm toán của KTNN thực hiện trong năm 2022 (*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

(4) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát để hủy bỏ hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 270 văn bản, gồm: 10 luật; 14 nghị định; 04 nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 15 thông tư và 227 văn bản khác không phù hợp với quy định pháp luật hoặc chưa phù hợp với thực tiễn *(Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo)*. Chỉ đạo Bộ Tư pháp làm đầu mối đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách.

(5) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị được kiểm toán kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với các khuyết điểm và sai phạm đã nêu trong báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán thực hiện trong năm 2022 (*Chi tiết tại Phụ lục số 09 kèm theo*).

2. KTNN kính đề nghị Quốc hội ban hành nghị quyết chỉ đạo các đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022, KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:
- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch HĐDT và Chủ nhiệm các UB của QH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

(đã ký)

Ngô Văn Tuấn

PHỤ LỤC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC **Phụ lục số 01**

DANH MỤC ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2022

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
A	**KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**
I	**Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước và Báo cáo nợ công năm 2021**
II	**Đối với các bộ, cơ quan trung ương**
Mục 1	***Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021:*** Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thanh tra Chính phủ
Mục 2	***Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021***
1	Bộ Giao thông vận tải
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	Bộ Xây dựng
5	Bộ Thông tin và truyền thông
6	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
7	Bộ Ngoại giao
8	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
11	Ủy ban Dân tộc
12	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
13	Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam
14	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
15	Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
16	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Mục 3	***Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của KTNN***
III	**Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**
Mục 1	***Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021:*** Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Phú Yên, Ninh Thuận, Vĩnh Long, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Hòa Bình
Mục 2	***Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021***
1	Thành phố Hà Nội
2	Tỉnh Bắc Ninh
3	Tỉnh Thừa Thiên Huế
4	Tỉnh Hà Tĩnh
5	Tỉnh Quảng Trị
6	Tỉnh Quảng Ngãi
7	Tỉnh Bình Định
8	Tỉnh Quảng Ninh
9	Thành phố Hải Phòng
10	Tỉnh Phú Thọ
11	Tỉnh Lai Châu
12	Tỉnh Điện Biên
13	Tỉnh Khánh Hòa
14	Tỉnh Lâm Đồng
15	Tỉnh Tiền Giang
16	Tỉnh Hà Giang
17	Tỉnh Thái Nguyên
18	Tỉnh Cao Bằng
19	Tỉnh Thái Bình
20	Tỉnh Ninh Bình
21	Tỉnh Đồng Nai
22	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Mục 3	***Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021***
1	Tỉnh Hà Nam
2	Tỉnh Vĩnh Phúc
3	Tỉnh Nghệ An
4	Tỉnh Quảng Bình
5	Tỉnh Quảng Nam
6	Thành phố Hồ Chí Minh
7	Tỉnh Bình Dương
8	Tỉnh Long An
9	Tỉnh Tây Ninh
10	Thành phố Cần Thơ
11	Tỉnh Cà Mau
12	Tỉnh Bạc Liêu
13	Tỉnh Sóc Trăng
14	Tỉnh Hải Dương
15	Tỉnh Bắc Giang
16	Tỉnh Sơn La
17	Tỉnh An Giang
18	Tỉnh Bến Tre
19	Tỉnh Đồng Tháp
20	Tỉnh Trà Vinh
21	Tỉnh Thanh Hóa
22	Tỉnh Nam Định
23	Tỉnh Đắk Lắk
24	Tỉnh Gia Lai
25	Tỉnh Kon Tum
26	Tỉnh Đắk Nông
27	Tỉnh Bình Phước
28	Tỉnh Bình Thuận

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
IV	**Trình ý kiến của KTNN về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2023**
B	**KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG**
1	Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021
2	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư
3	Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) và Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu vay vốn ADB
4	Các đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng Thủy điện Hòa Bình (tỉnh Hòa Bình, Sơn La)
5	Việc thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ
6	Hoạt động đầu tư xây dựng, việc quản lý và thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2021
7	Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017 - 2021
8	Chương trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định
9	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
10	Việc thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư giai đoạn 2018 - 2021 tại Khu kinh tế Vân Đồn
11	Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư Thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu
C	**KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ**
1	Việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ
2	Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các tỉnh: Hà Nam, Hòa Bình, Quảng Ngãi, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Quảng Ninh, Hải Phòng, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
3	Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Quảng Trị, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Dương, Long An, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, Bến Tre, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Lâm Đồng
5	Công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Bắc Ninh, Cà Mau, Lào Cai
6	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp làng nghề và làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 - 2021
7	Hoạt động quản lý môi trường tại các khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017 - 2021 của thành phố Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Hà Nam, Hải Dương, Quảng Ninh
8	Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2021 tại các tỉnh Đồng Nai, Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng
9	Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại các dự án: Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực; Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam
10	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ
11	Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016 - 2020
12	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2021
13	Chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2021
14	Hệ thống/dự án công nghệ thông tin liên quan đến việc lập báo cáo tài chính của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
15	Việc quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm Y tế năm 2021
16	Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai giai đoạn 2020 - 2021; thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2021

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
17	Việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018 - 2021
18	Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị
19	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019 - 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
20	Công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh
21	Hoạt động quản lý môi trường đối với các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2020 - 2021
22	Việc quản lý, sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên
23	Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông của tỉnh Yên Bái
24	Đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
25	Việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2016 - 2020
26	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/8/2022 tại các Nhà khách Quốc hội
27	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải và Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung, tỉnh Ninh Thuận
28	Việc giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất của một số dự án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
29	Việc xác định phương án giá đất của Dự án Khu đô thị sinh thái Dream City và Dự án Khu đô thị Đại An, tỉnh Hưng Yên
30	Dự án các công trình hạ tầng được Chính phủ Ai-len tài trợ thuộc Chương trình 135 năm 2019 của 05 tỉnh, gồm: Hà Giang, Hòa Bình, Quảng Trị, Kom Tum và Trà Vinh

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
D	**KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ**
1	Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn, đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45, đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu, đoạn Nha Trang - Cam Lâm, đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo, đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết, đoạn Phan Thiết - Dầu Giây)
2	Các dự án được phân bổ theo Nghị quyết số 797/NQ-UBTVQH ngày 24/10/2019 của UBTVQH về phương án phân bổ 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng Quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
3	Các dự án trọng điểm giao thông vận tải giai đoạn 2016-2021: Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6); Dự án ĐTXD công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2); Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Dự án đầu tư xây dựng tuyến nối Quốc lộ 91 và tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án thành phần 1A của Dự án đầu tư xây dựng đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh
4	Các dự án trọng điểm, kết nối liên vùng khu vực miền núi phía Bắc: Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang; Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hình thức BOT
5	Các dự án trọng điểm, kết nối liên vùng khu vực đồng bằng sông Hồng: Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên; Dự án tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình
6	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
7	Các dự án trọng điểm, có tác động liên vùng Đông Nam Bộ: Dự án đường liên tuyến kết nối vùng N8 - ĐT.787B - ĐT.789; Dự án đường 991B từ Quốc lộ 51 đến hạ lưu cảng Cái Mép
8	Các dự án trọng điểm, có tác động liên vùng đồng bằng sông Cửu Long: Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845; Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục chính Đông Tây và cầu Gành Hào

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
9	Các dự án đường ven biển khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 04 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
10	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn 1
11	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ
12	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam
13	Dự án nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP); Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Dự án xây dựng cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội; Dự án ĐTXD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tối cao số 43 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
14	Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp
15	Dự án đường dây 500kV Sông Hậu - Đức Hòa; đường dây 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa; trạm biến áp 500kV Tân Uyên và đấu nối; trạm biến áp 500kV Đức Hoà và đấu nối; trạm biến áp 500kV Long Thành; đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng; sân phân phối 500kV Trung tâm điện lực Quảng Trạch; đường dây 500kV đấu nối Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia; trạm biến áp 500kV Chơn Thành và đấu nối; trạm biến áp 500kV Việt Trì và đấu nối
16	Dự án Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng; Dự án thủy điện tích năng Bắc Ái
17	Dự án Trung tâm giao dịch Than - Khoáng sản Việt Nam; Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh; Dự án mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (giai đoạn 1: 3 vạn t/n)
18	Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Mơ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM1); Dự án khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An (JICA2)
19	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8
20	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL)
21	Dự án giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (Giai đoạn 1)

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
22	Dự án cơ sở hạ tầng (CSHT) thuộc Trung tâm điện lực (TTĐL) Quảng Trạch; Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch
23	Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)
24	Dự án cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà; Dự án nâng cấp cải tạo đường ĐT.601; Dự án Nhà máy nước Hòa Liên, thành phố Đà Nẵng và Dự án khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)
25	Dự án xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn; Dự án xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi; Dự án xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Thủ Đức và các dự án nhóm B tại Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
26	Dự án đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ), thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
27	Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh
28	Dự án xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình
29	Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm công tác chuyển mục đích sử dụng đất, rừng các loại; trồng rừng thay thế); xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng và các chi khác có liên quan
30	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành
31	03 dự án đầu tư tại Văn phòng Chính phủ: Dự án sửa chữa, cải tạo Nhà C tại Trung tâm Hội nghị 37 - Hùng Vương; Dự án sửa chữa, mua sắm thay thế, bổ sung tài sản cho các phòng nghỉ nhà 7 tầng tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế; Dự án cải tạo, sửa chữa một số hệ thống kỹ thuật và xây lắp tòa nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia
32	Dự án sửa chữa Trụ sở cơ quan KTNN khu vực XI
33	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam
34	BCQT dự án hoàn thành Dự án đầu tư Nhà máy nước mặt Sông Đuống
35	Kiểm toán chi phí đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
36	BCQT Dự án Khu đô thị mới Hoàng Phát, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
37	Dự án đầu tư xây dựng công trình môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang
E	**KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2021 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**
F	**KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**
I	**Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021**
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
3	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
4	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
5	Tổng công ty Lương thực miền Bắc
6	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
7	Tổng công ty Xi măng Việt Nam
8	Ngân hàng Chính sách xã hội
9	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
10	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
11	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
12	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam
13	Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
14	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (thí điểm kiểm toán từ xa)
II	**Kiểm toán Ngân hàng TMCP Quân đội năm 2021**
III	**Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và kiểm toán các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần**
IV	**Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam**
H	**LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**
I	**Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Quốc phòng**

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
II	**Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021**
1	Bộ Tổng tham mưu QĐND Việt Nam
2	Tổng cục Kỹ thuật
3	Quân chủng Hải quân
4	Quân chủng Phòng không - Không quân
5	Quân khu 4
6	Quân khu 2
7	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội
8	Các học viện, nhà trường thuộc Bộ Quốc phòng: Học viện Quốc phòng, Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự, Trường Sỹ quan Lục quân 1, Trường Sỹ quan Lục quân 2, Trường Sỹ quan Chính trị
9	Binh chủng Đặc công
III	**Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021**
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn - Quân chủng Hải quân
2	Tổng công ty 319 - Bộ Quốc phòng
3	Tổng công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng
K	**LĨNH VỰC AN NINH, KHỐI CƠ QUAN ĐẢNG**
I	**Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021**
1	Bộ Công an
1.1	Cục Kế hoạch và Tài chính và 05 đơn vị sử dụng ngân sách trực tiếp quyết toán với Cục Kế hoạch và Tài chính: Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Viện Khoa học hình sự; Cục Công tác Đảng và công tác chính trị
1.2	08 đơn vị dự toán: Cục An ninh đối ngoại; Cục An ninh nội địa; Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Kỹ thuật nghiệp vụ; Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Cục Xử lý tin và hỗ trợ tình báo; Cục Truyền thông Công an nhân dân; Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra
1.3	04 Bệnh viện: Bệnh viện 19-8; Bệnh viện 30-4; Bệnh viện 19-9; Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công an

STT	TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN
1.4	28 Công an tỉnh, thành phố: Hà Nội, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hòa Bình, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Cần Thơ, Tiền Giang, Long An, Vĩnh Long, Trà Vinh
2	Văn phòng Trung ương Đảng, một số Ban Đảng, Báo Nhân dân, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Tạp chí Cộng sản
3	22 tỉnh ủy, thành ủy: Thành ủy Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh ủy Hà Giang, Điện Biên, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị
II	**Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư**
1	Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách địa phương xây dựng cho Công an thành phố Hà Nội
2	Dự án hiện đại hóa công tác kỹ thuật hình sự trong lực lượng Công an nhân dân (DA258)
3	Dự án "Hệ thống Trung tâm thông tin chỉ huy lực lượng Công an nhân dân, mã hiệu 4T-CH05 phần kinh phí do Văn phòng Bộ Công an làm Chủ đầu tư"; Dự án "Nâng cao năng lực, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm ma túy"; Dự án "Mua sắm, trang bị phương tiện chuyên dùng phòng, chống tội phạm ma túy cho lực lượng Công an nhân dân"; Dự án "Hiện đại hóa trang thiết bị phương tiện, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ và công cụ hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát 113 mã số: DA113/2014"; Dự án "mã số: MSNH1"; Dự án "mã số: MSNH2"; Dự án "mã số: MSNH3"
4	Dự án trang bị phương tiện giao thông, thiết bị kỹ thuật vũ khí, công cụ hỗ trợ cho lực lượng cảnh sát trật tự làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát giao thông công cộng (DA1/C13); Dự án đầu tư trang thiết bị phương tiện công cụ hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát khu vực; Dự án cơ sở dữ liệu quản lý con dấu; Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Dự án Sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân và các hạng mục liên quan
III	**Kiểm toán chuyên đề**
1	Việc quản lý, sử dụng kinh phí mua sắm hàng dự trữ quốc gia giai đoạn 2020 - 2021 tại Tổng cục Dự trữ - Bộ Tài chính

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Phụ lục số 02

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tổng cộng	Đơn vị sử dụng NS và cấp NS					DN và TCTC, tín dụng
		Tổng số	NSNN	CD, CT, KTHD	ĐTXD	QP-AN	
B	1=2+7	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
TỔNG	**71.605.214.319.205**	**69.602.175.081.753**	**62.214.638.216.416**	**5.860.777.378.785**	**1.526.759.486.552**		**2.003.039.237.452**
A. Các khoản tăng thu ngân sách	**4.641.317.051.391**	**3.127.264.780.269**	**2.769.521.189.701**	**327.761.930.900**	**29.981.659.668**		**1.514.052.271.122**
1. Thuế GTGT	363.049.878.614	173.436.613.590	143.630.115.422	1.556.093.301	28.250.404.867		189.613.265.024
2. Thuế TNDN	1.416.578.679.050	1.084.683.004.558	1.014.723.907.022	69.959.097.536			331.895.674.492
3. Thuế XNK							
4. Thuế TTĐB	170.181.818	170.181.818	170.181.818				
5. Thuế nhà, đất	49.031.312.151	37.643.543.282	31.703.371.338	5.940.171.944			11.387.768.869
6. Thuế TNCN	31.731.430.995	21.508.510.048	21.471.475.359	20.873.619	16.161.070		10.222.920.947
7. Thuế tài nguyên	87.274.378.943	33.040.277.974	14.315.041.796	18.725.236.178			54.234.100.969
8. BVMT	30.086.628.136	29.957.166.056	1.693.976.688	28.263.189.368			129.462.080
9. Thuế khác	29.726.633.187	13.524.693.499	13.448.742.753	75.950.746			16.201.939.688
10. Phí, lệ phí	86.220.593.690	61.576.914.169	59.270.664.895	1.460.389.525	845.859.749		24.643.679.521
11. Thu khác	2.196.419.739.885	1.328.611.893.937	1.135.247.867.224	193.364.026.713			867.807.845.948
12. Giảm phải thu NSNN về thuế	16.921.896.460	16.921.896.460	15.555.274.281	1.366.622.179			
13. Giảm thuế GTGT được khấu trừ	332.575.327.397	324.659.713.813	316.760.200.040	7.030.279.791	869.233.982		7.915.613.584
14. Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	1.530.371.065	1.530.371.065	1.530.371.065				

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tổng cộng	Đơn vị sử dụng NS và cấp NS					DN và TCTC, tín dụng
		Tổng số	NSNN	CD, CT, KTHD	ĐTXD	QP-AN	
B	1=2+7	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
B. Các khoản giảm chi NSNN	**29.953.798.363.114**	**29.952.140.271.407**	**27.011.951.483.153**	**2.331.873.523.124**	**608.315.265.130**		**1.658.091.707**
I. Giảm chi thường xuyên	**24.066.974.159.263**	**24.066.001.859.263**	**22.018.765.352.882**	**2.047.236.506.381**			**972.300.000**
1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	163.118.519.573	163.118.519.573	140.096.501.113	23.022.018.460			
2. Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định	171.975.123.628	171.975.123.628	171.656.373.628	318.750.000			
3. Thu hồi kinh phí thừa	9.662.670.383.714	9.662.670.383.714	8.931.762.786.865	730.907.596.849			
4. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	4.398.281.777.670	4.398.281.777.670	3.309.349.767.199	1.088.932.010.471			
5. Chuyển quyết toán năm sau							
6. Kiến nghị xử lý tài chính khác	9.670.928.354.678	9.669.956.054.678	9.465.899.924.077	204.056.130.601			972.300.000
II. Giảm chi đầu tư xây dựng	**5.886.824.203.851**	**5.886.138.412.144**	**4.993.186.130.271**	**284.637.016.743**	**608.315.265.130**		**685.791.707**
1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	181.996.070.671	181.310.278.964	159.609.999.307	16.382.457.892	5.317.821.765		685.791.707
2. Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định	6.246.333.000	6.246.333.000	6.246.333.000				
3. Thu hồi kinh phí thừa	2.505.854.361.798	2.505.854.361.798	2.490.702.248.793	14.006.186.005	1.145.927.000		
4. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	672.998.835.447	672.998.835.447	425.798.355.070	32.481.889.384	214.718.590.993		
5. Chuyển quyết toán năm sau	19.784.493	19.784.493		19.784.493			
6. Kiến nghị xử lý tài chính khác	2.519.708.818.442	2.519.708.818.442	1.910.829.194.101	221.746.698.969	387.132.925.372		
C. Kiến nghị khác	**37.010.098.904.700**	**36.522.770.030.077**	**32.433.165.543.562**	**3.201.141.924.761**	**888.462.561.754**		**487.328.874.623**
Kiến nghị khác	37.010.098.904.700	36.522.770.030.077	32.433.165.543.562	3.201.141.924.761	888.462.561.754		487.328.874.623

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Phụ lục số 03

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ TĂNG THU NSNN NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
Tổng hợp kiến nghị tăng thu NSNN năm 2022		**4.641.317.051.391**	**363.049.878.611**	**1.416.578.679.053**		**170.181.818**	**49.031.312.151**	**31.731.430.995**	**87.274.378.943**	**30.086.628.136**	**29.726.633.187**	**86.220.593.690**	**16.921.896.460**	**332.575.327.397**	**1.530.371.065**	**2.196.419.739.885**
1.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành Ia***	***834.196.591.451***	***10.376.790.058***	***50.106.831.390***			***1.212.221.169***	***3.539.429.666***	***353.367.518***	***363.521.952***	***1.000.000***	**179.960.000**		**750.125.709**		**767.313.343.989**
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ia	834.196.591.451	10.376.790.058	50.106.831.390			1.212.221.169	3.539.429.666	353.367.518	363.521.952	1.000.000	179.960.000		750.125.709		767.313.343.989
2.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành Ib***	***10.926.283.772***	***520.937.674***	***2.566.012.381***				***64.284.105***				**976.182.500**				**6.798.867.112**
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ib	10.926.283.772	520.937.674	2.566.012.381				64.284.105				976.182.500				6.798.867.112
3.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II***	***71.587.066.794***	***1.909.834.782***	***4.961.575.906***				***473.366.954***		***355.021.458***		**52.220.609.244**				**11.666.658.450**
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	31.399.149						31.399.149								
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	20.755.957.576	140.547.009	1.081.343.998				313.182.615				16.411.586.269				2.809.297.685
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	678.656.216	99.725.466	547.643.329				31.287.421								
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	188.434.578	87.578.900	100.855.678												
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Giao thông vận tải	37.930.707.836		408.036.595				9.034.060				34.729.356.308				2.784.280.873

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Thông tin truyền thông	2.285.626.349		1.140.681.733				22.993.964				1.079.666.667				42.283.985
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Xây dựng	2.487.179.996	1.467.227.535	954.482.716				65.469.745								
-	Kiểm toán hoạt động công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021	4.283.119.048														4.283.119.048
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước	436.755.858								355.021.458						81.734.400
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Ngoại giao	2.393.679.607		728.531.857												1.665.147.750
-	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/8/2022 tại các Nhà khách Quốc hội	114.755.872	114.755.872													
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	794.709														794.709
4.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành III***	***23.854.762.943***	***2.705.647.884***	***14.348.178.844***				***2.497.177.290***			***666.241.821***					**3.637.517.104**
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Ủy ban Dân tộc	222.684.000						222.684.000								

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	999.334.774	111.400.872	416.399.764				99.871.918			28.292.065					343.370.155
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	2.490.775.005	104.961.862	2.385.813.143												
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam	222.148.100	9.000.000	9.000.000												204.148.100
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	3.177.204.308	136.034.272	280.324.244				45.577.579			32.906.964					2.682.361.249
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	3.507.033.300	666.003.097	2.724.848.661				116.181.542								
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	2.718.678.788	134.807.545	2.413.891.143				169.980.100								
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	10.516.904.668	1.543.440.236	6.117.901.889				1.842.882.151			605.042.792					407.637.600
5.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành IV***	***28.486.031.408***	***28.446.476.338***	***23.394.000***				***16.161.070***								
-	Dự án Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT.787B-ĐT.789	21.553.636	21.553.636													

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	1.863.053.756	1.863.053.756													
-	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại tỉnh Quảng Ninh	16.161.070						16.161.070								
-	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại thành phố Hải Phòng	70.807.000	70.807.000													
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn 1	23.258.826.219	23.258.826.219													
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Bến Tre	647.813.000	647.813.000													
-	Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị thành phố Hải Dương	627.628.492	627.628.492													
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	1.734.177.400	1.734.177.400													
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án nâng cấp đô thị Tân An, tỉnh Long An	48.099.000	48.099.000													
-	Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6)	48.020.000	24.626.000	23.394.000												

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Hà Tĩnh	149.891.835	149.891.835													
6.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V***	***7.165.155.188***							***1.547.688.837***	***165.521.225***		**1.355.020.308**		**3.991.553.753**	**105.371.065**	
-	Kiểm toán chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2021	1.106.719.282							597.558.723			509.160.559				
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo	573.725.381												573.725.381		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500kV Sông Hậu - Đức Hòa; đường dây 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa; trạm biến áp 500kV Tân Uyên và đấu nối; trạm biến áp 500kV Đức Hoà và đấu nối; trạm biến áp 500kV Long Thành; đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng; sân phân phối 500kV Trung tâm điện lực Quảng Trạch; đường dây 500kV đấu nối Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia; trạm biến áp 500kV Chơn Thành và đấu nối; trạm biến áp 500kV Việt Trì và đấu nối	1.653.419.928												1.653.419.928		
-	Dự án thủy điện tích năng Bắc Ái	910.165.384							417.602.301	91.229.763				295.962.255	105.371.065	
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai	734.283.032												734.283.032		
-	Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh	980.810.699										845.859.749		134.950.950		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng	958.926.987							532.527.813	74.291.462				352.107.712		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trung tâm giao dịch Than - Khoáng sản Việt Nam	177.747.889												177.747.889		
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016 - 2020	69.356.606												69.356.606		
7.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI***	***1.209.708.503.122***	***35.162.978.062***	***278.338.723.330***			***5.838.234.794***	***8.626.984.946***	***48.997.446.025***		***3.127.216.075***	**24.643.679.521**		**7.915.613.584**		**797.057.626.785**
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	21.450.345.060	1.471.327.030	9.182.999.260				1.114.186.430			528.922.915			2.921.128.539		6.231.780.886
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	21.147.097.731	449.240.056	20.582.857.675							115.000.000					
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	506.393.855.201	6.616.450.162	81.461.801.461				7.196.772.197			2.041.258.484			1.104.731.244		407.972.841.653
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	81.435.873.625	12.794.044.729	39.740.990.541			5.410.951.614					95.358.644		2.868.253.922		20.526.274.175
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	56.274.517.821	10.472.750.973	27.519.979.843							343.983.601			79.641.185		17.858.162.219
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc	25.189.826.572	289.082.522	6.450.524.806			189.908.000									18.260.311.244

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam	21.922.287.938														21.922.287.938
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	6.896.642.548							2.463.863.346			4.432.779.202				
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	229.693.069.032	948.623.004	90.621.895.662				172.366.822						941.858.694		137.008.324.850
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (thí điểm kiểm toán từ xa)	66.135.747.054	2.121.459.586	2.777.674.082				143.659.497			98.051.075					60.994.902.814
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	173.169.240.540					237.375.180		46.533.582.679			20.115.541.675				106.282.741.006
8.	***Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VII***	***288.848.722.834***	***153.217.472.038***	***50.290.407.457***				***1.536.600.563***			***13.074.723.613***					**70.729.519.163**
-	Kiểm toán các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng TMCP Quân đội	89.491.285.387	69.453.812.009	20.037.473.378												
-	Kiểm toán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam năm 2021.	60.305.326.948		16.579.076.338				196.748.923								43.529.501.687
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021	28.166.677.808						966.660.332								27.200.017.476

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam; Kiểm toán việc thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	109.609.894.113	83.763.660.029	12.771.510.471							13.074.723.613					
-	Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.275.538.578		902.347.270				373.191.308								
9.	***Kiểm toán nhà nước khu vực I***	***344.310.489.946***	***48.832.532.890***	***131.338.583.421***				***891.268.713***	***1.031.172.105***	***367.960.042***		**1.593.291.811**	**10.719.759.449**	**120.497.951.659**		**29.037.969.856**
-	Kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	682.812.132	162.555.500							367.960.042						152.296.590
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hòa Bình	418.078.155		418.078.155												
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bắc Ninh	49.082.988.668	3.623.289.612	6.084.882.779				163.388.250				1.017.845	9.402.603.678	29.807.806.504		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Hà Nam; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam	10.423.301.762	1.423.992.788	4.135.381.405				626.290.007					79.361.041	4.158.276.521		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	987.701.071							36.472.105			951.228.966				
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc	35.757.777.869	10.361.799.222	16.562.726.277				87.398.668					559.090.475	8.186.763.227		
-	Kiểm toán BCTC năm 2020 và kiểm toán các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	7.705.814.170	71.692.776	1.309.500.331										22.657.917		6.301.963.146
-	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hà Nội	239.252.016.119	33.189.202.992	102.828.014.474				14.191.788	994.700.000			641.045.000	678.704.255	78.322.447.490		22.583.710.120
10.	***Kiểm toán nhà nước khu vực II***	***41.992.188.466***	***10.047.475.541***	***11.486.996.685***					***490.202.517***	***191.961.672***		**509.047.818**		**19.266.504.233**		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Quảng Trị	3.648.223.130	763.835.793	1.231.193.719										1.653.193.618		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Hà Tĩnh	9.253.795.211	1.184.506.646	2.594.182.364					180.373.212	60.548.436				5.234.184.553		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nghệ An	16.058.880.653	3.592.166.946	4.408.433.130					97.230.525			30.025.078		7.931.024.974		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Bình	8.375.444.931	2.650.511.067	1.748.693.581					197.361.600			479.022.740		3.299.855.943		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế	4.655.844.541	1.856.455.089	1.504.493.891					15.237.180	131.413.236				1.148.245.145		
11.	***Kiểm toán nhà nước khu vực III***	***68.003.070.840***	***1.810.800.794***	***21.954.344.695***					***1.632.315.837***	***645.889.706***				**14.452.742.525**		**27.506.977.283**
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định	7.436.928.184		635.970.542										6.800.957.642		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định	12.299.547.959	774.996.988	11.396.550.971												128.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	4.477.698.660	984.823.243	1.854.238.809										251.636.608		1.387.000.000
-	Kiểm toán công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	28.228.801.522	1.258.882						1.589.675.651	645.889.706						25.991.977.283
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Nam	15.560.094.515	49.721.681	8.067.584.373					42.640.186					7.400.148.275		
12.	***Kiểm toán nhà nước khu vực IV***	***1.119.428.237.951***	***12.569.181.692***	***660.217.002.451***			***32.235.145.145***	***12.259.934.427***	***12.900.415.219***	***24.960.575.086***	***12.857.451.678***		**2.038.013.278**	**37.355.969.441**		**312.034.549.534**
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 Thành phố Hồ Chí Minh	361.056.628.140	4.453.402.869	245.489.505.902			25.439.966.385	8.753.587.078					671.391.099	23.923.535.820		52.325.238.987

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	236.417.057.519	1.210.320.173	66.896.013.958			5.940.171.944	20.873.619			75.950.746		1.366.622.179	95.189.049		160.811.915.851
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Long An; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An	66.844.439.775	3.317.037.486	61.854.192.730			855.006.816	335.473.730			55.435.923			138.792.362		288.500.728
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh	100.962.009.096	1.397.898.650	84.825.792.258					1.011.959.138		915.419.131			12.505.715.169		305.224.750
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Long An	5.193.545.860							2.802.779.501	2.251.020.542						139.745.817
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	17.401.346.622	32.066.911	2.427.113.036					1.920.197.701	12.957.192.480				64.776.494		
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương	16.917.840.943							7.165.478.879	9.752.362.064						
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương	313.075.436.180	2.158.455.603	198.724.384.567				3.150.000.000			11.810.645.878			627.960.547		96.603.989.585

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Tây Ninh	1.559.933.816														1.559.933.816
13.	***Kiểm toán nhà nước khu vực V***	***88.840.461.074***	***21.851.149.691***	***34.880.224.023***			***67.584.673***	***312.675.668***						**799.662.186**		**30.929.164.833**
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố Cần Thơ	25.915.988.589	3.391.699.000	21.866.112.407										658.177.182		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng	35.526.291.919	10.939.317.532	2.429.992.622			67.584.673	5.075.266								22.084.321.826
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bạc Liêu	2.783.562.664	1.929.090.712	794.163.312										60.308.640		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cà Mau	24.614.617.902	5.591.042.447	9.789.955.682				307.600.402						81.176.364		8.844.843.007
14.	***Kiểm toán nhà nước khu vực VI***	***55.894.433.183***	***6.751.963.491***	***15.505.646.484***					***3.277.819.618***	***1.571.006.076***				**28.444.693.606**		**343.303.908**
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	1.173.432.241							919.189.337	254.242.904						
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	4.018.697.361							2.358.630.281	1.316.763.172						343.303.908
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hải Dương	5.243.137.861	2.183.431.343	1.692.764.286										1.366.942.232		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Giang	11.867.502.395	1.545.250.494	960.216.687										9.362.035.214		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 thành phố Hải Phòng	19.912.983.834	1.482.711.026	7.297.757.813										11.132.514.995		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Quảng Ninh	13.678.679.491	1.540.570.628	5.554.907.698										6.583.201.165		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
15.	***Kiểm toán nhà nước khu vực VII***	***16.654.567.992***	***1.391.529.111***	***2.324.315.691***				***14.100.000***	***1.227.044.475***	***70.270.007***		**1.965.014.655**	**5.598.302**	**1.370.945.308**		**8.285.750.443**
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La.	2.519.292.183							600.078.297			651.988.724				1.267.225.162
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	2.769.345.982							154.362.351			1.247.040.931				1.367.942.700
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"	878.749.422	356.755.682	394.944.583				10.100.000				39.785.000		61.197.006		15.967.151
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lào Cai	34.221.734		9.021.734								25.200.000				
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La	2.192.520.081	126.829.966	415.521.397								1.000.000	2.661.938	606.618.009		1.039.888.771
-	Chuyên đề "Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai"	3.625.831.875	2.446.977	40.118.806					472.603.827	70.270.007						3.040.392.258
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Yên Bái; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông của tỉnh Yên Bái"	70.035.400														70.035.400

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Thọ	2.261.118.830	738.908.786	1.137.876.847										384.333.197		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lai Châu; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lai Châu	2.303.452.485	166.587.700	326.832.324				4.000.000					2.936.364	318.797.096		1.484.299.001
16.	***Kiểm toán nhà nước khu vực VIII***	***56.733.815.921***	***5.820.410.958***	***24.184.526.443***				***40.021.581***	***7.554.807.101***			**2.777.787.833**	**19.919.091**	**4.368.852.433**		**11.967.490.481**
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	6.530.746.837							3.968.012.990			2.176.668.016				386.065.831
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	1.535.836.933							1.154.202.111			381.634.822				
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận	4.627.842.965	908.430.586	2.746.153.557										973.258.822		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Yên	1.503.486.837	314.363.089	580.938.572								145.795.426		462.389.750		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Khánh Hòa	28.928.008.260	2.368.874.544	12.484.493.193					2.432.592.000			8.210.973		52.412.900		11.581.424.650

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Lâm Đồng	13.607.894.089	2.228.742.739	8.372.941.121				40.021.581				65.478.596	19.919.091	2.880.790.961		
17.	***Kiểm toán nhà nước khu vực IX***	***58.034.076.862***	***2.322.420.236***	***19.116.420.663***			***2.297.756.077***	***721.068.582***	***1.238.812.596***					**1.395.711.898**		**30.941.886.810**
-	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Đồng Tháp	770.565.286														770.565.286
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh An Giang; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang	4.373.615.804	393.577.243	2.530.678.231				290.995.333	918.751.796					239.613.201		
-	BCKT ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bến Tre; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Bến Tre	6.644.107.916	300.146.131	3.963.017.375			2.272.272.077		75.968.160					32.704.173		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Đồng Tháp; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	8.826.220.900	334.321.261	7.635.924.493				367.356.746						117.708.960		370.909.440
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	8.532.162.883	579.482.402	2.244.228.099				39.425.853						148.028.590		5.520.997.939

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Trà Vinh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	28.887.404.073	714.893.199	2.742.572.465			25.484.000	23.290.650	244.092.640					857.656.974		24.279.414.145
18.	***Kiểm toán nhà nước khu vực X***	***14.202.808.295***	***2.148.143.570***	***7.856.861.225***				***27.040.000***	***83.947.710***	***346.392.334***				**3.499.792.388**		**240.631.068**
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hà Giang	2.592.137.441	533.704.922	1.388.255.539				11.900.000		47.621.356				370.024.556		240.631.068
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lạng Sơn	53.651.632		53.651.632												
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Thái Nguyên	4.650.858.122	578.630.085	2.220.919.014				15.140.000		71.092.434				1.765.076.589		
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bắc Kạn	26.775.690		26.775.690												
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Cao Bằng	6.879.385.410	1.035.808.563	4.167.259.350					83.947.710	227.678.544				1.364.691.243		
19.	***Kiểm toán nhà nước khu vực XI***	***85.348.568.688***	***5.578.428.901***	***11.183.873.793***		***170.181.818***		***58.808.754***					**4.138.606.340**	**62.793.669.082**	**1.425.000.000**	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Ninh Bình	25.584.862.530	623.310.415	2.616.379.363									1.992.111.126	20.353.061.626		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thái Bình	20.320.357.780	925.717.201	1.537.907.390		170.181.818		58.808.754					333.698.617	15.869.044.000	1.425.000.000	

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Nam Định	18.900.972.637	1.586.763.248	2.594.401.678									374.257.127	14.345.550.584		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Thanh Hóa	20.542.375.741	2.442.638.037	4.435.185.362									1.438.539.470	12.226.012.872		
20.	***Kiểm toán nhà nước khu vực XII***	***17.686.217.000***	***4.619.645.000***	***8.387.517.000***					***1.536.399.000***	***495.205.000***				**2.569.933.000**		**77.518.000**
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk	3.076.514.000	1.482.926.000	1.087.374.000										506.214.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Kon Tum	7.301.865.000	1.180.362.000	5.018.833.000					174.911.000	83.568.000				821.449.000		22.742.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Nông	2.203.102.000	524.056.000	914.825.000										709.445.000		54.776.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Gia Lai	3.406.745.000	1.432.301.000	1.366.485.000					26.234.000	48.900.000				532.825.000		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn các tỉnh Đắk Nông	707.275.000							616.718.000	90.557.000						
-	Kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn các tỉnh Kon Tum	244.389.000							192.038.000	52.351.000						
-	Kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn các tỉnh Gia Lai	220.342.000							142.309.000	78.033.000						
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	525.985.000							384.189.000	141.796.000						
21.	***Kiểm toán nhà nước khu vực XIII***	***199.414.997.661***	***6.966.059.900***	***67.507.243.171***			***7.380.370.293***	***652.508.676***	***5.402.940.385***	***553.303.578***				**23.101.606.592**		**87.850.965.066**
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	15.374.342.935	1.225.791.284	3.212.200.552			5.549.534.075		5.236.654.944	129.462.080						20.700.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đồng Nai; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Đồng Nai	41.399.672.955	1.131.054.921	30.600.896.110				87.153.908	16.018.040	343.212.698				9.106.051.043		115.286.235
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	26.361.815.925	3.048.075.443	16.493.175.379			1.830.836.218	314.977.778	66.237.101	68.385.800				4.395.028.206		145.100.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Các khoản thuế									Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN về thuế	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Nhà, đất	TNCN	Tài nguyên	BVMT	Thuế khác					
A	*B*	*1=2+3+…+15*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
-	Kiểm toán chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	86.166.097.774														86.166.097.774
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Phước	18.505.430.264	1.296.320.465	9.135.850.793				181.381.552	2.224.800					7.883.652.654		6.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Thuận	10.248.667.264	257.794.147	8.010.777.184				9.660.000	81.805.500	12.243.000				1.716.874.689		159.512.744
-	Kiểm toán chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Đồng Nai	1.238.268.313														1.238.268.313
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	120.702.231	7.023.640	54.343.153				59.335.438								

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Phụ lục số 04

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
Tổng hợp kiến nghị giảm chi thường xuyên NSNN		**24.066.974.159.263**	**163.118.519.573**	**171.975.123.628**	**9.662.670.383.714**	**4.398.281.777.670**		**9.670.928.354.678**
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ia	115.081.625.752	651.213.000		12.472.688.758			101.957.723.994
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ib	191.766.357.631	7.478.784.894		150.276.496.521	21.947.232.977		12.063.843.239
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán năm 2021 của Thanh tra Chính phủ	4.854.243.334						4.854.243.334
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam	693.869.715	155.175.000		538.694.715			
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Giao thông vận tải	1.500.994.991	367.288.853					1.133.706.138
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Ngoại giao	180.134.722	114.480.000			65.654.722		
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Thông tin truyền thông	452.071.725.517	922.839.123		451.148.886.394			

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Xây dựng	2.972.144.108	265.128.108					2.707.016.000
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25.198.561.684	153.768.765			132.481.866		24.912.311.053
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	737.886.064	57.317.955			184.000.000		496.568.109
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	2.859.349.589	763.969.807		1.960.529.185	60.000.000		74.850.597
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Tư pháp	9.336.696.120						9.336.696.120
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Công Thương	3.547.694.656						3.547.694.656
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	365.730.556	365.730.556					
-	Báo cáo Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	155.800.000						155.800.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	593.741.319	149.867.510			214.627.000		229.246.809
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Ủy ban Dân tộc	853.651.280				446.851.280		406.800.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	26.850.008.632	15.613.522.150		642.067.400	2.384.088.000		8.210.331.082
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	510.707.554	306.911.448			203.796.106		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1.118.367.191				636.770.611		481.596.580
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	6.034.754.529	8.812.100			6.025.942.429		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam	1.210.073.259	27.073.259			795.000.000		388.000.000
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ	15.880.764.878			8.967.972.856	2.078.661.043		4.834.130.979

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam	96.001.900						96.001.900
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	9.271.205.505				9.271.205.505		
-	Kiểm toán hoạt động các Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng Thuỷ điện Hoà Bình, tỉnh Sơn La) tỉnh Sơn La	552.764.000	552.764.000					
-	Kiểm toán chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2021	2.324.448.103			2.324.448.103			
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng Chính sách xã hội	972.300.000						972.300.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bắc Ninh	593.234.132.660			591.870.011.565	249.087.488		1.115.033.607
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc	163.532.990.954			88.539.071.870	48.589.400		74.945.329.684

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Hà Nam; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam	313.137.474.034	107.360.894		306.542.501.952	436.644.462		6.050.966.726
-	Kiểm toán hoạt động về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2021	2.935.469.396	718.836.396			2.216.633.000		
-	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hà Nội	6.471.142.327.167	29.058.800		239.881.598.060	5.546.066.430		6.225.685.603.877
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại thành phố Hà Nội	9.712.008.000		318.750.000	9.393.258.000			
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bắc Ninh	17.225.760.000			505.960.000			16.719.800.000
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hòa Bình	160.883.980.204			154.883.870.706	5.309.848.098		690.261.400
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Vĩnh Phúc	656.273.129	348.543.584					307.729.545
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Bình	115.029.464.810			32.636.701.385	30.376.364.314		52.016.399.111

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nghệ An	313.221.802.625			289.268.543.156	16.511.247.709		7.442.011.760
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế	204.059.929.278			63.666.478.682	134.215.256.383		6.178.194.213
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Quảng Trị	83.978.327.937			37.288.978.465	46.423.550.619		265.798.853
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Hà Tĩnh	116.754.441.568	1.387.719.561		101.221.110.734	646.696.983		13.498.914.290
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác, phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Nghệ An	846.594.250	474.594.250		372.000.000			
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác, phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Hà Tĩnh	16.285.474.500	157.185.500		16.128.289.000			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định	167.805.580.887	37.500.000	650.000.000	60.579.148.256	69.348.617.006		37.190.315.625

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Nam	84.441.743.268	27.000.000		22.137.580.107	105.992.640		62.171.170.521
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	270.293.064.486	178.546.839		244.177.646.000	22.606.715.647		3.330.156.000
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định	704.817.000						704.817.000
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của thành phố Đà Nẵng	12.034.779.666	25.705.000		831.812.637	472.201.141		10.705.060.888
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Quảng Nam	37.007.356.527	266.816.446		512.500.000			36.228.040.081
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại thành phố Đà Nẵng	2.267.192.101	1.687.305.000			579.887.101		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh	120.987.649.674	35.685.000		21.344.797.507	38.851.273.250		60.755.893.917

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Long An; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tại tỉnh Long An	230.292.193.387	317.813.182		9.900.448.610	218.535.195.226		1.538.736.369
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh	2.203.338.072.189			647.230.905.859	834.955.613.746		721.151.552.584
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương	142.966.832.496	23.294.420.212		6.017.087.378	58.376.433.041		55.278.891.865
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bình Dương	377.839.395.490	1.289.740.000		374.764.046.140			1.785.609.350
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Long An	23.932.839.906				23.932.839.906		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Tây Ninh	21.549.904.637			15.262.678.637			6.287.226.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019 - 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh	5.426.133.624	4.997.596.059			428.537.565		
-	Kiểm toán chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh	168.682.707.281						168.682.707.281
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại TP. Hồ Chí Minh	1.401.930.131.265	14.103.051.934		325.473.079.331	1.062.354.000.000		
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại thành phố Cần Thơ, tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang	8.204.741.425						8.204.741.425
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng	184.898.716.101	73.009.696	135.127.451.655	42.140.763.012	924.679.821		6.632.811.917
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bạc Liêu	45.568.142.044	14.523.000		33.654.737.044	268.815.000		11.630.067.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cà Mau	103.719.280.917	2.382.285.100	5.000.000.000	95.089.991.237	128.609.000		1.118.395.580

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố Cần Thơ	35.418.706.076	258.254.163		33.380.481.550	66.303.653		1.713.666.710
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Hậu Giang	24.800.000	24.800.000					
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Kiên Giang	141.388.512.803	13.500.000		141.375.012.803			
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương	108.931.374.809	753.768.300		229.086.150			107.948.520.359
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	2.135.533.450						2.135.533.450
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Giang	18.645.397.571			15.547.228.780	769.384.355		2.328.784.436
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hải Dương	36.674.657.132			6.353.770.207	21.362.256.604		8.958.630.321
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Quảng Ninh	15.132.701.860			11.533.683.010			3.599.018.850

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 thành phố Hải Phòng	21.758.018.054			20.613.416.054	909.801.000		234.801.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Phú Thọ	41.000.000			41.000.000			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"	47.964.372.976	2.015.000		25.272.807.248	22.689.550.728		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lào Cai	102.552.800.000			63.548.800.000	39.004.000.000		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Yên Bái; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông của tỉnh Yên Bái"	24.925.847.800			7.945.492.000	16.980.355.800		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Thọ	212.516.298.750	1.884.888.000		3.815.618.750	206.815.792.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La	167.887.114.715			70.007.904.308	97.879.210.407		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lai Châu; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lai Châu	168.196.555.596	51.591.372		76.805.964.224	91.339.000.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Lâm Đồng	58.325.349.604	614.145.595		7.951.817.151	35.087.381.109		14.672.005.749
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Khánh Hòa	126.601.196.546	900.252.456		106.032.403.576	1.873.175.226		17.795.365.288
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Lâm Đồng	3.807.788.125	695.583.487		3.112.204.638			
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Khánh Hòa	868.667.000	868.667.000					

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Yên	72.921.564.980			55.468.662.630	12.905.000.000		4.547.902.350
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận	878.521.615			878.521.615			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Trà Vinh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	753.666.886.920	3.944.909.051		134.397.586.983	2.045.157.029		613.279.233.857
-	BCKT quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Vĩnh Long	5.839.685.453	237.730.875		1.218.822.472	4.383.132.106		
-	BCKT Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đồng Tháp	8.459.000.000			8.459.000.000			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	92.088.625.669	5.463.561.233	100.000.000	67.586.365.801	5.343.053.790		13.595.644.845
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Đồng Tháp; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	175.662.914.492	2.077.084.612	1.078.921.973	92.602.445.833	19.976.492.873		59.927.969.201
-	BCKT ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bến Tre; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Bến Tre	215.056.156.099	3.486.383.203		198.598.624.166	362.864.388		12.608.284.342

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh An Giang; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang	435.808.427.721	5.060.447.500		105.324.708.374	50.323.777.500		275.099.494.347
-	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Tiền Giang	1.257.664.200				1.257.664.200		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Thái Nguyên	92.785.864.490	252.340.000		45.296.725.325	11.603.002.197		35.633.796.968
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hà Giang	32.966.655.996	28.239.600		14.494.626.561	7.237.646.438		11.206.143.397
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Cao Bằng	53.395.599.089	368.179.166		14.289.886.676	37.936.868.711		800.664.536
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	445.590.000			445.590.000			
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	19.800.000	19.800.000					
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Tuyên Quang	47.528.563.611			47.100.008.283	378.120.164		50.435.164

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bắc Kạn	136.007.551.653			135.983.956.653			23.595.000
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lạng Sơn	103.997.298.486			101.039.921.140	380.276.384		2.577.100.962
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Ninh Bình	76.094.743.442			75.135.242.500	959.500.942		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thái Bình	47.701.420.718	496.009.000		14.076.486.000	7.236.925.718		25.892.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Thanh Hóa	603.693.596.018			157.254.470.500	15.409.855.882		431.029.269.636

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Nam Định	180.871.519.096	201.127.000		177.949.692.096			2.720.700.000
-	Chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tỉnh Ninh Bình	1.268.550.000			1.268.550.000			
-	Chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tỉnh Thanh Hoá	970.356.000			970.356.000			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Gia Lai	148.839.032.000	129.156.000		3.915.083.000	123.686.812.000		21.107.981.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Nông	247.077.578.000	15.074.000		3.864.290.000	237.413.214.000		5.785.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Kon Tum	173.453.401.000	166.876.000		42.336.622.000	125.218.416.000		5.731.487.000
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Gia Lai	983.622.000			71.922.000			911.700.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Đơn vị được kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk	617.903.186.000	97.768.000		71.607.937.000	479.662.861.000		66.534.620.000
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Đắk Lắk	296.000.000						296.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Phước	183.010.511.226	586.001.241		143.328.760.106	18.483.996.177		20.611.753.702
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đồng Nai; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Đồng Nai	1.001.288.525.091	14.210.333.934		962.681.434.940	18.892.532.356		5.504.223.861
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	354.215.101.204	1.087.013.748		202.827.376.002	36.355.184.288		113.945.527.166
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	31.445.820.000	31.445.820.000					
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Thuận	1.801.158.806.655	7.768.257.056	29.700.000.000	1.728.982.639.347	27.757.506.130		6.950.404.122

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Phụ lục số 05

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI ĐẦU TƯ NSNN NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
Tổng hợp kiến nghị giảm chi đầu tư xây dựng NSNN		**5.886.824.203.851**	**181.996.070.671**	**6.246.333.000**	**2.505.854.361.798**	**672.998.835.447**	**19.784.493**	**2.519.708.818.442**
-	Kiểm toán Dự án các công trình hạ tầng được Chính phủ Ai-len tài trợ thuộc Chương trình 135 năm 2019 của 05 tỉnh, gồm: Hà Giang, Hòa Bình, Quảng Trị, Kon Tum và Trà Vinh	170.712.500	119.357.000			51.355.500		
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ia	508.926.406.933	20.848.123.431		18.691.511.537	489.312.000		468.897.459.965
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ib	67.305.415.662	11.268.511.348		4.392.076.324	27.612.345.169		24.032.482.821
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	3.330.702.412	650.852.253					2.679.850.159
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	2.192.900.433	54.102.846			51.279.263		2.087.518.324
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.825.715.646	2.623.735.095			1.213.284.990		8.988.695.561
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	1.121.038.518	869.148.071			251.890.447		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Giao thông vận tải	19.209.960.267				193.817.304		19.016.142.963
-	03 dự án đầu tư tại Văn phòng Chính phủ: (1) Dự án sửa chữa, cải tạo Nhà C tại Trung tâm Hội nghị 37 - Hùng Vương; (2) Dự án sửa chữa, mua sắm thay thế, bổ sung tài sản cho các phòng nghỉ nhà 7 tầng tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế; (3) Dự án cải tạo, sửa chữa một số hệ thống kỹ thuật và xây lắp tòa nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia	5.357.462.989				304.101.963		5.053.361.026
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Thông tin truyền thông	601.091.912	77.689.705					523.402.207
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Xây dựng	10.662.093.709	403.321.225			754.013.957		9.504.758.527
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	11.308.472.051	786.958.032			313.053.071		10.208.460.948
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư các dự án được phân bổ theo Nghị quyết số 797/NQ-UBTVQH ngày 24/10/2019 của UBTVQH về phương án phân bổ 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng Quốc gia của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	21.068.307.708	2.023.486.995			1.003.960.879		18.040.859.834

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	2.237.715.000				2.237.715.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội	4.533.980.000				70.667.000		4.463.313.000
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Ngoại giao	331.370.000	331.370.000					
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Tài chính	88.000.000	88.000.000					
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	10.131.368.441	949.656.645			2.378.760.225		6.802.951.571
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án sửa chữa Trụ sở cơ quan KTNN khu vực XI	144.226.000	144.226.000					
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kiểm toán nhà nước	1.441.416.956				1.441.416.956		
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	833.758.615	16.357.326			306.521.881		510.879.408
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1.558.038.656	805.976.518			668.493.138		83.569.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2.752.341.218	2.752.341.218					
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	1.927.604.361	376.532.000			1.431.042.861		120.029.500
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	8.031.011.423	960.916.194	5.476.422.000		401.412.141		1.192.261.088
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam	1.729.203.585	1.729.203.585					
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc	11.916.148.171				554.568.107		11.361.580.064
-	Dự án Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT.787B-ĐT.789	6.060.337.502				54.024.124		6.006.313.378
-	Dự án Đường 991B từ Quốc lộ 51 đến hạ lưu cảng Cái Mép	678.430.000						678.430.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	16.305.244.836	236.437.000			224.328.916		15.844.478.920
-	Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	6.213.310.000						6.213.310.000
-	Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình	11.716.989.000				27.697.000		11.689.292.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	8.629.612.000	101.126.000			3.723.185.000		4.805.301.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	17.081.735.000	73.031.000			9.761.824.000		7.246.880.000
-	Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp	14.273.793.327	190.596.000			92.608.327		13.990.589.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu qua sông Ông Đốc, tuyến đường trục chính Đông - Tây tỉnh Cà Mau và cầu Gành Hào	7.927.466.000	25.115.000			1.469.641.000		6.432.710.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30- ĐT.845	5.366.898.000	52.181.000			43.416.000		5.271.301.000
-	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại tỉnh Đồng Nai	1.532.789.000						1.532.789.000
-	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại tỉnh Quảng Ninh	3.092.034.000	27.840.000			2.732.327.000		331.867.000
-	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại thành phố Hải Phòng	4.854.641.000				871.541.000		3.983.100.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	5.902.800.203	160.695.000					5.742.105.203
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (Sở Giao Thông vận tải tỉnh Hưng Yên, Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Nam)	27.603.656.000	67.823.000			5.818.428.000		21.717.405.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	2.336.428.932				2.336.428.932		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối Na Hang, Tuyên Quang; Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hình thức BOT	5.551.703.000				126.369.000		5.425.334.000
-	Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ	6.305.815.249	98.814.000			812.437.249		5.394.564.000
-	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	9.090.514.201				1.845.447.201		7.245.067.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn 1	119.633.372.000			1.145.927.000	118.487.445.000		
-	Dự án luồng sông Hậu - giai đoạn 2	3.189.082.000				1.209.384.000		1.979.698.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án thành phần 1A thuộc Dự án đường Tân Vạn - Nhơn Trạch	6.759.371.000				133.236.000		6.626.135.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1.727.782.692				1.672.907.692		54.875.000
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Bến Tre	12.316.813.000				514.605.000		11.802.208.000
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	1.110.926.958	84.900.958			603.902.000		422.124.000
-	Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	55.704.402.000				216.056.000		55.488.346.000
-	Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	2.770.746.000	313.439.000			259.022.000		2.198.285.000
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	4.285.749.000				705.029.000		3.580.720.000
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án nâng cấp đô thị Tân An, tỉnh Long An	547.295.000				218.719.000		328.576.000
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lạng Sơn	246.705.000	15.127.000			231.578.000		
-	Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6)	12.932.976.241	28.796.000			824.705.241		12.079.475.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Quảng Nam	757.267.000				475.566.000		281.701.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn QL45 - Nghi Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	17.973.348.543				2.698.111.000		15.275.237.543
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Hà Tĩnh	20.884.395.400				279.650.000		20.604.745.400
-	Kiểm toán chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2021	30.967.926.397	910.159.460		9.636.146.356	5.045.405.292		15.376.215.289
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng TP Hồ Chí Minh; Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu TP. Hồ Chí Minh	71.631.696.010				71.631.696.010		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu vay vốn ADB	6.804.966.000				313.092.275		6.491.873.725
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP)	7.968.459.653	25.750.064			290.630.129		7.652.079.460
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	2.553.436.334						2.553.436.334
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tối cao số 43 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	2.862.821.476				2.056.821.476		806.000.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và Hoàng Mai nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM.1)	27.756.573.957	271.215.569			221.489.431		27.263.868.957
-	Dự án khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An (JICA2)	3.092.854.187				270.621.299		2.822.232.888
-	BCKT Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	33.574.254.349	162.283.997			7.802.166.464		25.609.803.888
-	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và Sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL)	18.895.634.975	269.372.917			8.987.305.252		9.638.956.806

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)	3.934.669.663				503.828.208		3.430.841.455
-	Chuyên đề Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải và Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	14.210.140.474	986.092.588			2.724.848.266		10.499.199.620
-	Kiểm toán hoạt động các Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng Thuỷ điện Hoà Bình (tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La) tỉnh Hòa Bình	692.114.000	449.824.000			242.290.000		
-	Kiểm toán hoạt động các Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng Thuỷ điện Hoà Bình (tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La) tỉnh Sơn La	85.394.629.200	362.230.000		139.182.200	40.345.000		84.852.872.000
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016 - 2020	29.164.267.592	8.028.053.258		4.370.039.649	1.486.347.544		15.279.827.141
-	Kiểm toán Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2021	8.753.056.251	96.489.300		779.425.700	3.129.001.132		4.748.140.119
-	Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của ngân hàng nhà nước Việt Nam	685.791.707	685.791.707					
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội	89.309.951.424	3.002.644.171			13.356.444.832		72.950.862.421

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bắc Ninh	29.384.919.864	2.695.484.508			5.595.749.962		21.093.685.394
-	Kiểm toán hoạt động đầu tư xây dựng, việc quản lý và thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2021	403.886.440				242.065.000		161.821.440
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Hà Nam; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam	15.842.780.402	414.344.474			13.050.589.180		2.377.846.748
-	Kiểm toán hoạt động về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2021	92.681.986	9.646.000			32.942.000	19.784.493	30.309.493
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc	42.680.388.101	739.384.707			15.552.512.079		26.388.491.315

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng CSHT gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2021	12.330.977.383						12.330.977.383
-	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hà Nội	100.198.342.315	2.865.888.594			39.584.693.969		57.747.759.752
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn); Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	3.891.661.000				3.891.661.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Quảng Trị	77.415.535.656	292.375.000		71.747.166.321	411.742.000		4.964.252.335
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Hà Tĩnh	83.838.100.283	436.317.000		73.557.245.036	3.016.590.493		6.827.947.754
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nghệ An	77.215.341.897	2.003.965.291		54.227.773.816	5.289.130.363		15.694.472.427

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Bình	176.280.365.919	1.032.709.161		167.326.784.315	1.662.868.350		6.258.004.093
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế	18.391.505.314			4.680.118.410	1.041.512.105		12.669.874.799
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án BIIG2, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	6.802.516.570	276.722.107			108.736.092		6.417.058.371
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - tiểu dự án tỉnh Nghệ An	5.294.741.000				331.085.000		4.963.656.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	3.360.092.000				300.360.000		3.059.732.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định	39.216.463.744	876.467.000		5.841.880.744	5.728.539.000		26.769.577.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	62.856.604.000	1.057.274.000		46.884.642.000	5.063.681.000		9.851.007.000
-	Dự án nhà máy nước Hòa Liên, TP. Đà Nẵng và Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)	19.614.851.000				233.306.000		19.381.545.000
-	Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp cải tạo đường ĐT 601	33.605.541.000				7.005.367.000		26.600.174.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Nam	109.586.553.293	69.445.000		94.194.607.293	3.772.128.000		11.550.373.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 Thành phố Hồ Chí Minh	173.562.491.827	13.803.111.040	769.911.000	41.543.000.000	13.607.756.969		103.838.712.818
-	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	500.933.388	500.933.388					
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Long An; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An	67.179.089.124	404.264.801		20.374.626.652	4.816.330.703		41.583.866.968

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh	39.935.189.079	1.086.556.000			2.771.161.392		36.077.471.687
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương	273.233.408.625	3.232.257.604		260.452.974.569	9.217.578.452		330.598.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư: Dự án xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn; Dự án xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi; Dự án xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Thủ Đức và các dự án nhóm B tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	47.616.815.820	389.013.739			2.207.539.666		45.020.262.415
-	Kiểm toán chi phí đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm	20.334.736.568	431.279.000			19.903.457.568		
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Kiên Giang	3.312.419.465			3.312.419.465			

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố Cần Thơ	165.827.105.625	6.358.220.302		152.745.424.602	3.484.211.548		3.239.249.173
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng	34.649.777.424	3.415.009.191		18.222.993.275	6.712.305.514		6.299.469.444
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bạc Liêu	7.248.331.880	808.958.736			786.753.085		5.652.620.059
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cà Mau	42.683.325.982	6.542.148.739		22.712.241.232	7.061.633.358		6.367.302.653
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hải Dương	16.783.355.899	455.442.000		7.973.499.899	3.281.837.000		5.072.577.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Giang	14.275.852.000	85.862.000			3.144.618.000		11.045.372.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 thành phố Hải Phòng	89.058.892.596	744.898.000		37.258.077.449	2.610.821.109		48.445.096.038
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Quảng Ninh	86.149.584.406	207.272.000		56.167.244.606	4.158.718.800		25.616.349.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"	60.001.115.017	610.265.049		54.356.491.106	1.760.289.724		3.274.069.138

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lào Cai	3.603.900.000			3.603.900.000			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La	137.879.270.385	1.619.496.438		123.851.936.338	2.569.066.668		9.838.770.941
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Yên Bái; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông của tỉnh Yên Bái"	53.891.832.636	44.139.832		29.585.523.282	1.194.671.385		23.067.498.137
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Thọ	49.856.146.875	1.012.832.113		17.931.290.036	10.905.738.472		20.006.286.254
-	Chuyên đề "Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2021"	222.284.402.730	9.588.000			2.287.781.000		219.987.033.730
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lai Châu; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lai Châu	96.396.633.125	3.041.356.304		85.153.348.834	4.276.799.842		3.925.128.145

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang	18.865.020.000	387.854.000			90.438.000		18.386.728.000
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận	78.864.365.583			78.864.365.583			
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Yên	43.863.904.497			43.863.904.497			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Khánh Hòa	86.123.653.975	3.100.197.000		67.591.204.975	1.511.475.000		13.920.777.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Lâm Đồng	45.494.230.178	1.519.770.999			1.584.566.377		42.389.892.802

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	40.309.785.205	148.366.000			3.418.620.000		36.742.799.205
-	BCKT quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Vĩnh Long	2.150.799.190			2.150.799.190			
-	BCKT Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 các tỉnh Đồng Tháp	194.722.355			194.722.355			
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp	12.543.095.000	1.299.869.000			140.346.000		11.102.880.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh An Giang; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang	484.470.447.767	4.691.084.000		455.450.867.595	2.183.324.000		22.145.172.172
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	16.412.161.000				3.434.896.000		12.977.265.000
-	BCKT ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bến Tre; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Bến Tre	28.849.337.564	4.514.402.065			1.295.023.690		23.039.911.809

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Đồng Tháp; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	210.767.546.179	6.956.089.000		189.620.561.793	526.577.000		13.664.318.386
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	18.179.064.300	6.353.958.000			1.421.839.300		10.403.267.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Trà Vinh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	17.217.772.894	3.746.050.000		4.154.417.024	1.578.366.000		7.738.939.870
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh	20.731.258.327	5.720.393.139		12.914.164.740	2.096.700.448		
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường Võ Văn Kiệt, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	14.427.695.000				2.763.676.000		11.664.019.000
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ), thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	574.674.000	574.674.000					
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hà Giang	13.857.555.957	3.968.709.661			7.563.101.195		2.325.745.101

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Thái Nguyên	9.423.367.192	1.839.749.317			2.144.981.249		5.438.636.626
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2021	4.339.385.955	733.776.247			3.289.482.083		316.127.625
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Cao Bằng	11.927.516.003	2.926.961.529			3.459.050.788		5.541.503.686
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2021	13.024.057.105	111.184.391			3.546.203.595		9.366.669.119
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Nam Định theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	2.646.968.000				2.646.968.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	9.831.107.000				74.107.000		9.757.000.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Ninh Bình	93.770.116.000	1.214.301.000		71.818.000.000	3.171.960.000		17.565.855.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thái Bình	30.115.700.961			1.903.673.000	5.231.870.263		22.980.157.698
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	168.737.000				168.737.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thanh Hoá theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	2.879.933.000				819.625.000		2.060.308.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	1.538.497.000				1.538.497.000		

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Nam Định	13.460.223.000	7.073.000			912.146.000		12.541.004.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Thanh Hóa	55.978.832.000			3.820.730.000	29.082.776.000		23.075.326.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm công tác chuyển mục đích sử dụng đất, rừng các loại; trồng rừng thay thế); xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 -:- Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng và các chi khác có liên quan	36.977.039.000	51.823.000			18.682.451.000		18.242.765.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk	98.433.560.000	1.256.404.000		49.672.480.000	9.018.934.000		38.485.742.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Kon Tum	26.202.417.000	1.690.740.000		15.560.216.000	1.806.171.000		7.145.290.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Nông	25.640.637.000	543.915.000		11.621.980.000	2.054.964.000		11.419.778.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Gia Lai	14.355.572.000	908.396.000		75.957.000	1.026.713.000		12.344.506.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đồng Nai; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Đồng Nai	42.283.003.160	2.276.799.241			6.453.885.013		33.552.318.906
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	24.307.853.289	374.025.038			6.976.279.238		16.957.549.013

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
A	*B*	*1=2+3+…+7*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Phước	9.103.778.836	2.663.328.532		3.716.800.000	2.723.650.304		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Thuận	1.761.324.689	237.556.918			1.424.206.670		99.561.101
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	8.834.894.148				160.936.242		8.673.957.906

Phụ lục số 06

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
Tổng hợp kiến nghị khác		**37.010.098.904.700**
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ia	2.648.257.865.372
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2022 của KTNN chuyên ngành Ib	72.396.345.273
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	367.873.550
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Thông tin truyền thông	42.356.383.514
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	3.228.934.362
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Xây dựng	8.917.449.395
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Ngoại giao	186.816.628
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Công Thương	1.202.875.519
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Tài nguyên và Môi trường	3.298.474.305
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	25.612.700.918
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 tại Bộ Giao thông vận tải	16.188.402.099
-	03 dự án đầu tư tại Văn phòng Chính phủ: (1) Dự án sửa chữa, cải tạo Nhà C tại Trung tâm Hội nghị 37 - Hùng Vương; (2) Dự án sửa chữa, mua sắm thay thế, bổ sung tài sản cho các phòng nghỉ nhà 7 tầng tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế; (3) Dự án cải tạo, sửa chữa một số hệ thống kỹ thuật và xây lắp tòa nhà Trung tâm Hội nghị Quốc gia	1.423.000.000
-	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/8/2022 tại các Nhà khách Quốc hội	6.921.639.576
-	Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.067.587.600

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	6.845.325.401
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	504.496.604
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam	59.519.727.000
-	Kiểm toán việc quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	32.476.220.097
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam	289.074.951
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	706.582.350.210
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ	14.580.694.217
-	Báo cáo Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	955.416.668
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	5.699.126.900
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kiểm toán nhà nước	1.480.183.782
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	8.072.371.009
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam	5.593.475.336
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	71.145.824.305
-	Báo cáo Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	3.000.000.000
-	Báo cáo Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế	213.943.848.556
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc	93.995.924

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án thành phần 1A thuộc Dự án đường Tân Vạn - Nhơn Trạch	19.046.151.000
-	Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6)	106.975.000
-	Dự án luồng sông Hậu - giai đoạn 2	3.788.472.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30- ĐT.845	3.850.283.000
-	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	11.331.143.639
-	Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ	968.944.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn QL45 - Nghi Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	16.412.687.644
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	3.729.374.999
-	Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp	4.718.704.000
-	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	19.785.412.230
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn 1	19.645.868.000
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án nâng cấp đô thị Tân An, tỉnh Long An	34.605.151.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu qua sông Ông Đốc, tuyến đường trục chính Đông - Tây tỉnh Cà Mau và cầu Gành Hào	109.121.000
-	Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị thành phố Hải Dương	3.834.500.000
-	Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Bến Tre	1.266.561.000

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại tỉnh Đồng Nai	30.900.610.000
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Quảng Nam	271.052.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	27.781.053.000
-	Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	636.000.000
-	Dự án thủy điện tích năng Bắc Ái	4.013.333.204
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng TP Hồ Chí Minh; Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu TP Hồ Chí Minh	19.872.433.595
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trung tâm giao dịch Than - Khoáng sản Việt Nam	141.141.314.693
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo	20.083.342.595
-	Kiểm toán Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2021	19.466.207.855
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)	5.306.541.358
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500kV Sông Hậu - Đức Hòa; đường dây 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa; trạm biến áp 500kV Tân Uyên và đấu nối; trạm biến áp 500kV Đức Hoà và đấu nối; trạm biến áp 500kV Long Thành; đường dây 500kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng; sân phân phối 500kV Trung tâm điện lực Quảng Trạch; đường dây 500kV đấu nối Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia; trạm biến áp 500kV Chơn Thành và đấu nối; trạm biến áp 500kV Việt Trì và đấu nối	279.399.242.296
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng	3.849.516.853
-	Kiểm toán hoạt động các Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà xây dựng Thuỷ điện Hoà Bình (tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La) tỉnh Hòa Bình	50.257.371.565
-	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và Sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL)	4.249.006.418
-	BCKT Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2.320.449.198

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và Hoàng Mai nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải tạo môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM.1)	33.704.646.634
-	Chuyên đề Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải và Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Ninh Thuận	1.431.623.685
-	Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh	2.903.738.238
-	Kiểm toán chương trình Phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2021	35.519.445.943
-	Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu vay vốn ADB	10.832.875.833
-	Kiểm toán Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016 - 2020	30.620.718.682
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	403.457.440.024
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai	42.851.298.499
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	16.251.699.515
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	166.991.909
-	Kiểm toán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam năm 2021.	43.719.422.670
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng Chính sách xã hội	7.081.988.589
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phòng, chống Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại BHXH VN	1.155.643.800.000
-	Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của ngân hàng nhà nước Việt Nam	21.375.970.713
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021	390.416.049.459

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam; Kiểm toán việc thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	8.316.751.768
-	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hà Nội	603.755.952.269
-	Kiểm toán BCTC năm 2020 và kiểm toán các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	943.711.480
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại thành phố Hà Nội	459.184.023.972
-	Báo cáo Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt sông Đuống	206.420.254.280
-	Kiểm toán hoạt động về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2021	10.832.992.581
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Vĩnh Phúc	53.317.000.000
-	Kiểm toán chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	899.999.800
-	Kiểm toán việc giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất của một số dự án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	655.687.000
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội	95.052.429.900
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bắc Ninh	219.638.047.971
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Hà Nam; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Nam	324.051.520.814
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc	565.206.730.806

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bắc Ninh	311.886.922.165
-	Kiểm toán hoạt động đầu tư xây dựng, việc quản lý và thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2021	1.638.634.438
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án BIIG2, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	576.514.755
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	2.581.756.000
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - tiểu dự án tỉnh Nghệ An	328.998.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác, phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Nghệ An	398.473.500
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Bình	80.594.720.188
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Quảng Trị	33.490.894.152
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Hà Tĩnh	136.885.780.035
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng (CSHT) thuộc Trung tâm Điện lực (TTĐL) Quảng Trạch; Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch	10.877.672.397
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế	29.615.640.933

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn); Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	8.456.905.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nghệ An	94.549.004.387
-	Kiểm toán công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	92.668.802
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	165.783.966.293
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định	5.294.128.203
-	Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp cải tạo đường ĐT 601	54.580.563.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại thành phố Đà Nẵng	59.068.711.299
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của thành phố Đà Nẵng	115.149.449.002
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Nam	23.207.120.242
-	Dự án nhà máy nước Hòa Liên TP. Đà Nẵng và Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)	27.184.874.371
-	Kiểm toán hoạt động Chương trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định	26.099.661.218
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bình Dương	29.531.361.638
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Long An	1.796.000.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Tây Ninh	13.615.663.862

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019 - 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh	17.216.772.232
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Dương	172.742.571.913
-	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Long An	2.698.569.910
-	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước	22.155.167.109
-	Kiểm toán chi phí đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm	279.888.818.720
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 Thành phố Hồ Chí Minh	2.294.205.926.651
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tây Ninh	25.985.318.506
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Long An; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Long An	310.325.073.299
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại TP. Hồ Chí Minh	321.193.217.785
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Cà Mau	170.939.809.232
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của thành phố Cần Thơ	324.764.637.418
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bạc Liêu	162.840.241.207
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng	16.570.455.460

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Hậu Giang	19.300.858.626
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hải Dương	25.666.801.876
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 thành phố Hải Phòng	27.086.184.739
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Quảng Ninh	2.204.794.792.482
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bắc Giang	1.985.208.015.591
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	147.416.648.621
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Thọ	8.740.557.202
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái	9.651.518.150
-	Chuyên đề "Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai"	109.687.918.963
-	Chuyên đề "Việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2021"	15.889.846.000
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Phú Thọ	32.798.920.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lai Châu; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lai Châu	96.136.171.643
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La	12.205.498.189
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"	200.409.519.397

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Yên Bái; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông của tỉnh Yên Bái"	1.887.000.000
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận	16.879.636.167
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Khánh Hòa	135.634.704.841
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Lâm Đồng	103.965.506.685
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	332.504.545.218
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Yên	10.647.830.007
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang	4.022.549.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Khánh Hòa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Khánh Hòa	106.393.575.213
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 tại tỉnh Lâm Đồng	403.072.377.278
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Đồng Tháp; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	739.960.059.220
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Trà Vinh; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	1.278.921.705.426
-	BCKT Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 các tỉnh Bến Tre	15.000.000.000
-	BCKT quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Vĩnh Long	362.119.990.300

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp	7.512.365.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh An Giang; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh An Giang	23.890.036.455
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	7.357.762.000
-	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bến Tre	39.289.109.366
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	289.959.704.961
-	BCKT ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Bến Tre; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Bến Tre	1.623.856.139.185
-	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Tiền Giang	72.466.511.136
-	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Đồng Tháp	33.330.131.560
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh	311.457.611.285
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ), thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	443.749.000
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường Võ Văn Kiệt, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	108.719.305.800
-	BCKT Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 các tỉnh Trà Vinh	21.856.474.469
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Tuyên Quang	27.396.584.402
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2021	2.351.253.122
-	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2021	195.540.399

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	63.167.873.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Thái Nguyên	143.825.386.867
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Cao Bằng	18.490.566.262
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Hà Giang	142.994.492.762
-	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	10.978.145.450
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bắc Kạn	1.814.384.669
-	Chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tỉnh Thanh Hoá	99.282.057.501
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Thanh Hóa	38.187.652.088
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	65.210.897.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020	114.304.662.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thái Bình	41.460.154.712
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Ninh Bình	191.543.915.270

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Nam Định; Kiểm toán chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 tại tỉnh Nam Định	9.559.733.675
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	18.659.862.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Ninh Bình theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	3.059.408.000
-	Chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tỉnh Ninh Bình	36.387.952.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Nông	54.012.585.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm công tác chuyển mục đích sử dụng đất, rừng các loại; trồng rừng thay thế); xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 -:- Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng và các chi khác có liên quan	1.666.894.570
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk	23.837.957.000
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Gia Lai	19.315.465.000
-	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Đắk Lắk	26.251.119.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Gia Lai	18.673.095.000
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Kon Tum	4.892.788.000
-	Kiểm toán chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bình Thuận	17.706.186.720
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Phước	466.504.731.239

Đơn vị tính: Đồng

TT	Báo cáo kiểm toán	Kiến nghị khác
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Thuận	2.753.103.619.991
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Đồng Nai; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017 - 2021 của tỉnh Đồng Nai	5.661.759.894.121
-	Kiểm toán chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	132.877.531.874
-	Kiểm toán chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Đồng Nai	101.172.499.649
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	3.433.401.150
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020; Kiểm toán chuyên đề kiểm toán việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	933.858.205.587

Phụ lục số 07

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
1	**Chính phủ**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845	1. Xem xét bãi bỏ quy định mức vốn tạm ứng tính trên cả giá trị dự phòng. 2. Xem xét thống nhất mức vốn tạm ứng tối đa giá trị hợp đồng tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.
2	**Chính phủ**	BKCT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần thuộc Dự án ĐTXD một số đoạn Đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu)	Chỉ đạo các địa phương sớm xây dựng và công bố giá đất tại các mỏ được khai thác theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ.
3	**Thủ tướng Chính phủ**	BCKT việc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. 2. Yêu cầu Bộ Giao thông vận tải báo cáo về việc tăng diện tích sử dụng đất của Dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 52/2017/QH14 để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội; việc quản lý, sử dụng và xác định giá đất đắp khai thác tại các mỏ mà doanh nghiệp tự khai thác theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			3. Chỉ đạo các địa phương sớm xây dựng và công bố giá đất tại các mỏ được khai thác theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ.
4	**Thủ tướng Chính phủ**	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, có ý kiến về việc xác định đơn giá thuê đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01/02/2016) và chỉ đạo Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp thực hiện kê khai, nộp tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về tiền thuê đất.
5	**Bộ Công an**	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	Chỉ đạo các đơn vị công an địa phương phối hợp và hỗ trợ các tổ chức tín dụng, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) trong việc thu giữ tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu.
6	**Bộ Quốc phòng**	Kiểm toán các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng TMCP Quân đội	Chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với Ngân hàng TMCP Quân đội tiếp tục rà soát để sớm có phương án xử lý đối với 04 vị trí đất quốc phòng sử dụng vào mục đích kinh tế mà Ngân hàng TMCP Quân đội đang quản lý, sử dụng, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
7	**Bộ Quốc phòng**	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tỉnh Bắc Giang	Đề nghị Bộ Quốc phòng chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện thanh tra/ kiểm tra Bệnh viện Quân y 110 - Cục Hậu cần - Quân khu 1 trong việc quản lý, sử dụng kinh phí xét nghiệm, điều trị bệnh nhân Covid-19 do Sở Y tế Bắc Giang thanh toán theo các Hợp đồng số 1348/HĐKT ngày 23/5/2021 và Hợp đồng số 1066/HĐKT ngày 10/5/2021 số tiền 26.900192.000đ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
8	**Bộ Công Thương**	BCKT hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh	Chủ trì, phối hợp làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Quảng Ninh, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thời gian khai thác dự án chưa phù hợp với thời gian dự kiến kết thúc khai thác theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.
9	**Bộ Công Thương**	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	1. Hướng dẫn cụ thể theo quy định việc xử lý đối với số lượng thuốc nổ còn tồn tại đơn vị chưa sử dụng của giấy phép kỳ trước trong việc xin cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. 2. Hướng dẫn các địa phương xây dựng mức tiêu hao vật liệu nổ công nghiệp (lượng thuốc nổ cần thiết để khai thác/m^3 khoáng sản), làm cơ sở thẩm định xác định số lượng thuốc nổ được cấp phép, phù hợp với thực tế của từng địa phương.
10	**Bộ Công Thương**	Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Hướng dẫn các địa phương xây dựng mức tiêu hao vật liệu nổ công nghiệp *(lượng thuốc nổ cần thiết để khai thác/m^3 khoáng sản)* trong hoạt động khoáng sản, làm cơ sở thẩm định xác định số lượng thuốc nổ được cấp phép, phù hợp với thực tế của từng địa phương.
11	**Bộ Công Thương**	BCKT Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc ban hành Văn bản số 6948/EVN-KD ngày 19/10/2020 chưa phù hợp trách nhiệm thực hiện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được nêu tại điểm b khoản 3 Hướng dẫn số 7088/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 22/9/2020 dẫn đến việc ký hợp đồng mua bán điện của hệ thống ĐMTMN khi chưa đầy đủ thủ tục pháp lý.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Cần có chính sách dài hạn để phát triển NLTT, trong đó lưu ý đến phát triển các dự án ĐMTMN để có lộ trình phát triển phù hợp, được quản lý đầy đủ bởi các cơ quan có thẩm quyền để góp phần giảm thiểu chi phí xã hội, tạo điều kiện tiếp cận nguồn năng lượng sạch. 3. Phối hợp với các Bộ, ban ngành ban hành văn bản hướng dẫn trong công tác kiểm tra nghiệm thu trước khi đấu nối tránh xảy ra tình trạng một số tồn tại về thủ tục pháp lý, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, chưa kịp thời kiểm tra công tác nghiệm thu của cấp có thẩm quyền. 4. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc ban hành văn bản, hướng dẫn xử lý môi trường đối với các tấm quang điện bị hỏng, hết tuổi thọ hoặc kết thúc vòng đời của dự án. 5. Tổ chức rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan trong việc Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh và bổ sung quy hoạch Dự án Thủy điện Thượng Sông Ông 1 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận nhưng không nêu rõ tiến độ dự kiến đầu tư xây dựng, chưa đúng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư số 43/2012/TT-BCT[1]. 6. Chấp nhận vận hành, nối lưới, mua điện đối với các dự án nhà máy điện mặt trời nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu dự án[2].

[1] BCKT tại tỉnh Ninh Thuận
[2] BCKT tại tỉnh Khánh Hòa

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			7. Tổ chức rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan trong việc thẩm định, phê duyệt bổ sung quy hoạch các dự án thủy điện nhỏ giai đoạn 2015-2021 nhưng không nêu rõ tiến độ dự kiến hoặc thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 3, Điều 8 Thông tư số 43/2012/TT-BCT[3]. 8. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung Dự án nhà máy điện gió và điện mặt trời xanh Sông Cầu vào quy hoạch điện VII điều chỉnh khi ranh giới quy hoạch dự án trùng với dự án Trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015-2020 thuộc Chương trình ứng phó với Biến đổi khí hậu SP-RCC, trong phạm vi dự án còn có diện tích nằm trong ranh giới bảo vệ bờ biển[4].
12	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1. Chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát phương án tuyến của dự án tại vị trí đầu tuyến để đảm bảo các hạng mục đầu tư có thể tận dụng cho dự án khi thực hiện giai đoạn hoàn chỉnh tuyến đường Hồ Chí Minh (cao tốc Bắc - Nam phía Tây); xem xét phạm vi GPMB của dự án phù hợp với hướng dẫn về thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng đường cao tốc để đảm bảo không phát sinh vướng mắc, khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng khi thực hiện đầu tư giai đoạn hoàn chỉnh đường Hồ Chí Minh (cao tốc Bắc - Nam phía Tây). 2. Chỉ đạo các đơn vị liên quan kiểm điểm, rút kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc điều chỉnh vị trí đầu tuyến của Dự án; công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; công tác thẩm định, phê duyệt dự án, phê duyệt điều chỉnh dự án; thẩm định TKBVTC, dự toán

[3] BCKT tại tỉnh Lâm Đồng
[4] BCKT tại tỉnh Phú Yên

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
13	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845	1. Yêu cầu chủ đầu tư báo cáo các nội dung thay đổi, điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công so với Thiết kế cơ sở để xem xét theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. 2. Trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, xem xét phê duyệt bổ sung vào khung tiêu chuẩn của dự án đối với tiêu chuẩn TCVN9355:2013 Gia cố nền đất yếu bằng bấc thấm - thiết kế, thi công và nghiệm thu làm cơ sở thi công, nghiệm thu Dự án 1. 3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân đối với tồn tại trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư (Dự án 1).
14	**Bộ Giao thông vận tải**	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc	1. Chỉ đạo Ban QLDA 2 và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. 2. Tổ chức chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến việc phê duyệt dự án còn một số tồn tại, hạn chế về TKCS và tổng mức đầu tư.
15	**Bộ Giao thông vận tải**	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án luồng sông Hậu - giai đoạn 2	1. Xem xét, điều chỉnh Tổng mức đầu tư của dự án; cân đối, bố trí vốn đầu tư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu của dự án. 2. Chỉ đạo các đơn vị liên quan kiểm điểm, chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án.
16	**Bộ Giao thông vận tải**	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6)	1. Xem xét phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án cho phù hợp với nhu cầu vốn thực tế của dự án; phê duyệt kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm thực hiện dự án theo quy định đối với dự án sử dụng nguồn vốn ODA.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Chỉ đạo các đơn vị liên quan kiểm điểm, chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án; chưa kịp thời lấy ý kiến cấp có thẩm quyền để bố trí bổ sung các nguồn vốn cho dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020; chưa kịp thời lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và PTNT trong công tác lập, thẩm định dự án điều chỉnh.
17	**Bộ Giao thông vận tải**	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	1. Kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân đối với tồn tại trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư. Rút kinh nghiệm trong việc bố trí kế hoạch vốn phải phù hợp với tiến độ thực hiện của dự án. 2. Chỉ đạo Ban QLDA 7 tổ chức kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện Dự án còn để xảy ra tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán như công tác: lập, thẩm định TMĐT, thiết kế, dự toán, chỉ dẫn kỹ thuật, lựa chọn nhà thầu, công tác quản lý chất lượng, nghiệm thu thanh toán một số hạng mục chi phí, tiến độ giải ngân thấp, phải điều chỉnh kế hoạch vốn như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán. 3. Chỉ đạo Ban QLDA 7 phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát, bổ sung, hoàn tất các hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật để đủ điều kiện thanh toán, quyết toán theo quy định đối với phần giá trị 194.307.497.398 đồng chưa đủ điều kiện kiểm toán (trong đó Dự án 1 là 141.724.762.839 đồng, Dự án 2 là 52.582.734.559 đồng). 4. Chỉ đạo Ban QLDA 7 phối hợp với UBND các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau khẩn trương GPMB những vị trí còn vướng mắc, bàn giao cho các Dự án; đôn đốc các nhà thầu thi công đúng tiến độ cam kết của hợp đồng.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
18	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT việc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vấn đề tăng diện tích sử dụng đất của dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 52/2017/QH14. 2. Báo cáo Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và xác định giá đất đắp khai thác tại các mỏ mà doanh nghiệp được cấp quyền khai thác theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. 3. Phối hợp cùng với địa phương xây dựng đơn giá đất đắp đối với đất đắp được khai thác tại các mỏ theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. 4. Tổ chức rà soát tổng thể công tác thiết kế, dự toán đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả, tiết kiệm cho NSNN. 5. Khẩn trương chỉ đạo các bên liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể về việc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ để đảm bảo đồng bộ trong giai đoạn vận hành khai thác đường cao tốc. 6. Tiếp tục tổ chức, rà soát, tham khảo ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện theo đúng quy định đối với chi phí liên quan đến công tác đất chưa đủ điều kiện để kiểm toán xác nhận chi phí. 7. Có giải pháp đẩy nhanh tiến độ dự án, đảm bảo hoàn thành đúng các mốc tiến độ theo yêu cầu tại Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
19	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT việc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về diện tích sử dụng đất cho dự án; những nội dung thay đổi so với Chủ trương đầu tư được Quốc hội thông qua, như: Chiều dài từng dự án thành phần, suất đầu tư, tổng mức đầu tư. 2. Báo cáo Chính phủ về việc: Tỷ lệ vốn Chủ sở hữu tại các dự án thành phần chưa đủ 20% theo quy định tại Nghị quyết số 20/NQ-CP; việc quản lý, sử dụng và xác định giá đất đắp khai thác tại các mỏ doanh nghiệp được quyền khai thác theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. 3. Phối hợp cùng với địa phương xây dựng đơn giá đất đắp đối với đất đắp được khai thác tại các mỏ theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. 4. Tổ chức rà soát tổng thể công tác thiết kế, dự toán đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả, tiết kiệm cho NSNN. 5. Điều chỉnh thiết kế hạng mục trạm thu phí theo đúng quy định; tổ chức thương thảo, đàm phán với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án về giá trị các hạng mục này trong hợp đồng BOT. 6. Khẩn trương chỉ đạo các bên liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể về việc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Trạm dừng nghỉ để đảm bảo đồng bộ trong giai đoạn vận hành khai thác đường cao tốc. 7. Có giải pháp đẩy nhanh tiến độ dự án, đảm bảo hoàn thành đúng các mốc tiến độ theo yêu cầu tại Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			8. Tiếp tục đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc hoàn thuế đối với phần đầu tư của Nhà nước tham gia dự án PPP. 9. Đàm phán, ký kết phụ lục hợp đồng với Nhà đầu tư và Doanh nghiệp dự án đối với các nội dung: phân bổ vốn hỗ trợ một phần chi phí xây dựng công trình (VGF), bổ sung điều khoản quy định trong trường hợp khi có sự thay đổi thiết kế kỹ thuật công trình. 10. Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 giảm 17 tỷ đồng. 11. Khi Bộ Giao thông vận tải quyết toán dự án lưu ý các sai sót đã nêu trong phần vốn góp của nhà nước (VGF) đối với phần vốn Nhà đầu tư huy động (BOT). 12. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải tiếp tục tổ chức rà soát, tham khảo ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện theo đúng quy định đối với phần giá trị chi phí dự phòng trong hợp đồng BOT chưa đủ điều kiện để kiểm toán xác nhận chi phí. 13. Có giải pháp xử lý tận dụng, tái sử dụng đối với đá cấp 1, cấp 2, cấp 3 và rà soát, mở rộng cho các dự án khác (nếu có), điều phối hợp lý giữa các dự án mà Bộ Giao thông vận tải quản lý để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên phù hợp với quy định của pháp luật.
20	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT việc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về diện tích sử dụng đất cho dự án; những nội dung thay đổi so với Chủ trương đầu tư được Quốc hội thông qua, như: Chiều dài từng dự án thành phần, suất đầu tư, tổng mức đầu tư.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Báo cáo Chính phủ về việc: Tỷ lệ vốn Chủ sở hữu tại các dự án thành phần chưa đủ 20% theo quy định tại Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018 của Chính phủ; việc quản lý, sử dụng và xác định giá đất đắp khai thác tại các mỏ doanh nghiệp được quyền khai thác theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. 3. Phối hợp cùng với địa phương xây dựng đơn giá đất đắp đối với đất đắp được khai thác tại các mỏ theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ. 4. Tổ chức rà soát tổng thể công tác thiết kế, dự toán đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả, tiết kiệm cho NSNN. 5. Điều chỉnh thiết kế hạng mục trạm thu phí theo đúng quy định; thương thảo, đàm phán với Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án về giá trị các hạng mục này trong hợp đồng BOT. 6. Khẩn trương chỉ đạo các bên liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể về việc triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Trạm dừng nghỉ để đảm bảo đồng bộ trong giai đoạn vận hành khai thác đường cao tốc. 7. Có giải pháp đẩy nhanh tiến độ dự án, đảm bảo hoàn thành đúng các mốc tiến độ theo yêu cầu tại Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ. 8. Tiếp tục đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc hoàn thuế đối với phần vốn đầu tư của Nhà nước tham gia dự án PPP. 9. Thương thảo đàm phán, ký phụ lục hợp đồng với nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án một số nội dung sau:

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			- Phân bổ vốn hỗ trợ một phần chi phí xây dựng công trình (VGF); bổ sung điều khoản quy định trong trường hợp khi có sự thay đổi thiết kế kỹ thuật công trình; quy định về quy trình vận hành khai thác, bảo trì, sửa chữa thay thế hệ thống ITS và thiết bị thu phí. - Giảm giá trị hợp đồng BOT đối với các hạng mục tính sai khối lượng so với hồ sơ thiết kế làm tăng khối lượng dự toán. 10. Điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 giảm 12 tỷ đồng. 11. Khi Bộ GTVT quyết toán dự án lưu ý các sai sót đã nêu trong phần vốn góp của nhà nước (VGF) đối với phần vốn nhà đầu tư huy động (BOT). 12. Đề nghị Bộ GTVT tiếp tục tổ chức rà soát, tham khảo ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện theo đúng quy định đối với phần giá trị chi phí dự phòng và chi phí liên quan đến công tác đất trong hợp đồng BOT chưa đủ điều kiện để kiểm toán xác nhận chi phí. 13. Khẩn trương xem xét, phê duyệt bổ sung Tiêu chuẩn Thiết kế hầm đường bộ - 2006: Hầm xuyên núi (Hiệp hội kỹ sư dân dụng Nhật Bản) vào Khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án; Phê duyệt bổ sung chỉ dẫn kỹ thuật cho công tác Neo dẫn trước (D = 25mm, L = 5m) hầm Dốc Sạn.
21	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đầu tư xây dựng thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn) và Dự án phân kỳ đầu tư	Chỉ đạo Ban QLDA đường Hồ Chí Minh, Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các kiến nghị của KTNN.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	
22	**Bộ Giao thông vận tải**	Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Chỉ đạo Ban QLDA Thăng Long thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN. 2. Chỉ đạo Ban QLDA Thăng Long trong việc: - Có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công các gói thầu xây lắp đảm bảo tiến độ theo hợp đồng. - Rà soát bãi đổ thải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý phù hợp quy định để có cơ sở thực hiện đổ thải, nghiệm thu thanh toán. - Làm rõ nguyên nhân chủ quan do lỗi nhà thầu đối với các khối lượng hạng mục công việc không đảm bảo đúng theo tiến độ được duyệt để thực hiện bù giá theo quy định hợp đồng. - Rút kinh nghiệm trong việc tổng hợp thiếu nhu cầu kế hoạch vốn năm 2022 của toàn dự án. - Phối hợp địa phương xác định và phân bổ nguồn vốn đầu tư của dự án để thực hiện Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa (giai đoạn 1), nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và xây dựng Dự án Khu tái định cư tại thị trấn Gia Ray theo quy định.
23	**Bộ Giao thông vận tải**	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	1. Chỉ đạo Tổng công ty rà soát tình hình sử dụng đất đai, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để: (i) thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý và nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với diện tích đất chưa ký hợp đồng thuê đất, chưa đủ hồ sơ pháp lý và/hoặc chưa

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			nộp tiền thuê đất hàng năm; (ii) rà soát tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất không thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. 2. Khẩn trương thực hiện kiến nghị liên quan đến hướng dẫn xác định khối lượng sai số trong hồ sơ thiết kế - dự toán nêu tại Công văn số 663/KTNN-TH ngày 07/12/2018 của KTNN.
24	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng phân hiệu Kiên Giang của trường đại học Nha Trang giai đoạn 2008-2015	1. Xem xét việc điều chỉnh bổ sung hợp đồng đối với các gói thầu Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị của các Công trình Nhà học và thí nghiệm chung Khoa Kỹ thuật công nghệ và Khoa Công nghệ thực phẩm, Nhà điều hành trung tâm, Nhà học và thí nghiệm chung Khoa Khoa học cơ bản phần tăng vượt giá hợp đồng để quyết định theo đúng quy định của pháp luật. 2. Có phương án bố trí vốn cho Dự án nhằm tránh nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn thành một số hạng mục công trình thiết yếu chưa triển khai thực hiện theo nội dung Dự án được phê duyệt. 3. Rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt Dự án, phê duyệt thiết kế các công trình chưa đầy đủ nội dung theo quy định.
25	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Kiểm toán hoạt động công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021	1. Khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn, tập huấn về bộ tiêu chí đánh giá chất lượng thống kê để các đơn vị có cơ sở để thực hiện xây dựng bộ tiêu chí phù hợp với công tác thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Chỉ đạo Tổng cục Thống kê khi thực hiện công bố dữ liệu định kỳ hàng tháng cần thực hiện thuyết minh cụ thể giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đã bao gồm kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ đối với loại phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
26	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Hà Nam	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Chính phủ bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước dự toán NSTW nguồn vốn trái phiếu chính phủ 70.000.000.000đ.
27	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La	Bố trí kế hoạch vốn NSTW để thu hồi vốn ứng trước dự toán năm sau cho tỉnh Sơn La 44.774.247.000 đồng.
28	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Phú Thọ	Bố trí kế hoạch vốn NSTW để thu hồi vốn ứng trước dự toán năm sau theo đúng kế hoạch trung hạn 2021-2025 cho tỉnh Phú Thọ số tiền 1.229.881 triệu đồng
29	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận	1. Kiểm tra UBND tỉnh Ninh Thuận trong việc chấp hành quy định pháp luật phê duyệt dự án đầu tư để làm cơ sở phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách trung ương và việc trình kéo dài thời gian thực hiện nguồn vốn trung ương từ năm 2020 trở về trước vượt TMĐT điều chỉnh tại Dự án Hệ thống thủy lâm kết hợp để phòng chống hoang mạc hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công của 02 dự án (Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016-2020 và Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA II)) với số tiền 20.235 triệu đồng.
30	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cao Bằng	Tiếp tục thực hiện triệt để kiến nghị của KTNN: Bố trí vốn thu hồi các khoản ứng trước năm sau của tỉnh Cao Bằng từ các năm 2010 còn tồn dư 35.000 triệu đồng (vốn đầu tư) đúng quy định tại Điều 57, Luật Ngân sách nhà nước.
31	**Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội xem xét quyết định đối với các trường hợp đã tiếp nhận hồ sơ nhưng chưa giải quyết, từ chối giải quyết không đúng, các trường hợp chưa hỗ trợ để thực hiện hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng đợt đại dịch Covid-19 từ Quỹ BHTN đảm bảo nguyên tắc có đóng có hưởng, công bằng và kịp thời đối với người lao động tham gia BHTN theo quan điểm của Đảng, Nhà nước và phù hợp quy định của pháp luật.
32	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ để có giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sớm đưa dự án vào hoạt động thông suốt, đảm bảo hiệu quả đầu tư (Dự án Xây dựng hệ thống trực canh, cảnh báo thiên tai, đa mục tiêu giai đoạn 1).
33	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán hoạt động công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021	1. Báo cáo Chính phủ xem xét có phương án hoàn trả doanh nghiệp số tiền chậm nộp, tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu của các doanh nghiệp loại hình sản xuất xuất khẩu thuê gia công.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng xi măng để có phương án xử lý theo quy định, phù hợp với các chỉ đạo của các cấp về quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản. 3. Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan có giải pháp thực hiện kiểm tra hàng hóa nhập khẩu thuộc diện kiểm tra "giảm" đảm bảo tỷ lệ quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. 4. Thường xuyên rà soát số liệu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu song phương và đa phương để kịp thời chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch đối chiếu dữ liệu thống kê giữa Việt Nam với cơ quan, tổ chức các nước, vùng lãnh thổ theo quy định. 5. Rút kinh nghiệm trong việc ban hành Công văn số 8628/BTC-TCHQ ngày 19/7/2018, Công văn số 1565/BTC-TCHQ ngày 06/8/2018,… chưa phù hợp với quy định Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đối với doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để sản xuất hàng xuất khẩu thuê doanh nghiệp khác gia công; chưa hướng dẫn cụ thể về đối tượng chịu tiêu thụ đặc biệt theo hướng chi tiết theo từng dòng xe, tránh việc khiếu nại, khởi kiện của các doanh nghiệp.
34	**Bộ Tài chính**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải về việc hoàn thuế GTGT đối với phần vốn đầu tư của Nhà nước tham gia dự án PPP. 2. Ban hành văn bản hướng dẫn việc phát hành hóa đơn, kê khai nộp thuế và khấu trừ, hoàn thuế GTGT, phương pháp xây dựng phương án tài chính đối với các dự án BOT có vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình nhằm gia tăng tính hiệu quả về tài chính cho dự án theo Điều 69, Điều 70 của Luật số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 Đầu tư

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			theo phương thức đối tác công tư, trong trường hợp bố trí vào hạng mục cụ thể theo tỷ lệ và giá trị, tiến độ và điều kiện quy định cụ thể tại hợp đồng theo điểm b mục 5 Điều 70 Luật số 64/2020/QH14.
35	**Bộ Tài chính**	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính Phủ	1. Tiếp tục chủ trì, phối hợp với Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí nguồn để tăng vốn điều lệ cho các NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đảm bảo đáp ứng tỷ lệ an toàn theo quy định; 2. Tiếp tục và đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động mua, bán nợ của các doanh nghiệp, về hình thành, phát triển và quản lý thị trường mua bán nợ thúc đẩy thị trường mua bán nợ đặc biệt là nợ xấu nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, thu hồi nợ xấu của các tổ chức tín dụng; 3. Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, xây dựng khuôn khổ pháp lý cho hoạt động chứng khoán hóa các khoản nợ, góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các giao dịch trên thị trường chứng khoán và chuyển đổi các khoản nợ xấu thành chứng khoán để giao dịch công khai, minh bạch; 4. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình cấp thẩm quyền về cơ chế tài chính đối với các tổ chức tín dụng yếu kém; 5. Tiếp tục thực hiện kiến nghị của KTNN tại Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán Chuyên đề việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD được phát hành theo Công văn số 705/KTNN-TH ngày 25/12/2019 của KTNN cụ thể: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ để khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất xử lý về nghĩa vụ thuế phát sinh trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý TSBĐ không đủ thanh toán cho các nghĩa vụ bảo đảm tại các TCTD theo đúng quy định tại Điều 12, Điều 15 NQ42.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
36	**Bộ Tài chính**	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Khi cấp bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để phòng chống dịch, Bộ Tài chính cần thực hiện kiểm tra, rà soát nhu cầu tránh tình trạng như tại Bắc Ninh được cấp bổ sung 90.149 triệu đồng trong khi địa phương có khả năng cân đối được nguồn lực để phòng chống dịch.
37	**Bộ Tài chính**	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Phối hợp với Bộ Y tế để xác định kinh phí địa phương phải nộp trả Trung ương theo tỷ lệ NSĐP tự đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 21/NQ-CP của Chính phủ nhằm tập trung kịp thời nguồn lực cho việc mua Vắc-xin phòng chống dịch Covid-19. Hiện nay, thành phố Đà Nẵng mới nộp 15.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương để ủng hộ Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 Việt Nam.
38	**Bộ Tài chính**	Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Chỉ đạo Tổng cục Thuế hướng dẫn việc xác định sản lượng và giá tính thuế tài nguyên đối với các đơn vị khai thác đá làm vật liệu xây dựng để thống nhất thực hiện.
39	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định	1. Phối hợp Bộ KH&ĐT bố trí dự toán để thu hồi tạm ứng, ứng trước cho tỉnh Bình Định (399.093,2 triệu đồng), gồm: tạm ứng KP thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2010 (1.100 triệu đồng) và ứng trước KHV đầu tư để thực hiện các dự án 397.993,2 triệu đồng. 2. Hướng dẫn về mục lục NSNN đối với khoản thu về giá trị tối thiểu mà nhà đầu tư phải cam kết nộp NSNN không điều kiện (M3) đảm bảo phản ánh đúng nội dung kinh tế của khoản thu M3 để áp dụng thống nhất trên toàn quốc. 3. Khi thẩm định nguồn và nhu cầu CCTL của tỉnh Bình Định xem xét thu hồi kinh phí CCTL TW bổ sung thừa 98.671 triệu đồng.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
40	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	1. Đề nghị Bộ Tài chính khi thẩm định nguồn và nhu cầu CCTL của địa phương lưu ý số KTNN xác định tăng thêm so với báo cáo của địa phương số tiền 79.448 triệu đồng. 2. Bố trí nguồn để thu hồi tạm ứng Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững số tiền 68.616 triệu đồng theo kiến nghị KTNN tại Báo cáo Quyết toán NSĐP năm 2020; thu hồi khoản ứng trước dự toán 49.778,6 triệu đồng của dự án Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (giai đoạn 2).
41	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Nam	1. Phối hợp với Bộ KH&ĐT bố trí dự toán để thu hồi dứt điểm tạm ứng, ứng trước cho tỉnh Quảng Nam 2.849 triệu đồng. 2. Khi thẩm định nguồn và nhu cầu CCTL của tỉnh Quảng Nam xem xét thu hồi kinh phí CCTL TW bổ sung thừa 1.089.738 triệu đồng; Thẩm định quyết toán NSĐP năm 2021 đối với nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu còn thừa do không còn nhu cầu sử dụng yêu cầu nộp trả theo quy định 86.959 triệu đồng. 3. Xem xét để ban hành văn bản hướng dẫn đối với nguồn thu Phí thẩm định đồ án quy hoạch theo thẩm quyền quy định tại Phụ lục 01, Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13.
42	**Bộ Tài chính**	BCKT báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của thành phố Đà Nẵng	Đề nghị Bộ Tài chính khi thực hiện thẩm định nguồn CCTL năm 2021 và nguồn tăng thu năm 2021 để tạo nguồn CCTL năm 2022 lưu ý số liệu do KTNN xác định tăng thêm số tiền 1.085.107 triệu đồng.
43	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cà Mau	1. Bố trí nguồn thu hồi khoản tạm ứng ngân sách Trung ương là 124.874 triệu đồng; trong đó có 22.559 triệu đồng là vốn ứng trước dự toán để thực hiện một số dự án cấp bách phòng, chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát lại văn bản trả lời về chính sách thuế đối Công văn số 827/CT-TTHT ngày 01/6/2020 của Cục Thuế tỉnh Cà Mau về trả lời về thuế GTGT đối với Công ty Cổ phần CAMIMEX và Công văn số 5423/TCT-CS ngày 28/12/2018 của Tổng cục Thuế trả lời liên quan đến thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng tôm luộc theo Văn bản số 02/18/CV-CTY ngày 19/9/2018 của Công ty TNHH Hải sản Ngôi Sao, làm rõ sản phẩm tôm hấp chín có phải là hình thức bảo quản dưới dạng làm chín, thuộc sản phẩm mới qua sơ chế thông thường, không chịu thuế GTGT, hay là dạng đã chế biến thành sản phẩm khác, phải chịu thuế GTGT để có hướng dẫn cụ thể, đồng bộ, thống nhất về chính sách thuế đối với việc kinh doanh, chế biến thủy sản. Trường hợp xác định sản phẩm tôm hấp chín là không phải là sản phẩm mới qua sơ chế thông thường, chỉ đạo truy thu thuế GTGT đối với các trường hợp đã áp dụng các văn bản nêu trên của các cơ quan thuế và xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan.
44	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lào Cai	Khi xác định nguồn CCTL năm 2022 của tỉnh Lào Cai lưu ý số 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2021 thực hiện so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, qua kiểm toán xác định là 545.731,9 triệu đồng.
45	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Yên Bái; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và giao thông của tỉnh Yên Bái	Căn cứ các số liệu được KTNN xác định, khi thẩm tra, quyết toán nguồn CCTL xem xét giảm trừ dự toán năm sau Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương đối với tỉnh Yên Bái 51.746.000.000 đồng, trong đó: UBND tỉnh Yên Bái giảm trừ dự toán năm sau nguồn kinh phí thực hiện chế độ CCTL đối với các đơn vị 16.980.000.000 đồng.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
46	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Phú Thọ	1. Khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội năm 2021 của tỉnh Phú Thọ thì lưu ý nguồn thực hiện CCTL còn thiếu do KTNN xác định 87.886.213.000 đồng *(đã bù trừ số Bộ Tài chính thu hồi nguồn còn dư năm 2020 chuyển sang năm 2021 số tiền 298.196.000.000 đồng),* nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội còn thiếu 93.193.300.000 đồng. 2. Giao dự toán dự phòng ngân sách cho các địa phương đảm bảo tỷ lệ theo quy định khoản 1 Điều 10 của Luật NSNN số 83/2015/QH13.
47	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Đề án 666) tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"	Khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội năm 2021 của tỉnh Điện Biên thì lưu ý nguồn thực hiện CCTL còn thiếu do Kiểm toán nhà nước xác định 13.172.690.100 đồng.
48	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lai Châu; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 666) tại tỉnh Lai Châu	Khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 của tỉnh Lai Châu cần xem xét đến số liệu CCTL Đoàn KTNN đã xác định làm cơ sở để giảm trừ dự toán năm sau 223.574 triệu đồng (nguồn NSNN 176.485 triệu đồng; nguồn thu (35%, 40%) 47.089 triệu đồng).

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
49	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La	Giao dự toán dự phòng ngân sách cho các địa phương đảm bảo tỷ lệ theo quy định khoản 1 Điều 10 của Luật NSNN số 83/2015/QH13.
50	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Ninh Thuận	Chỉ đạo Tổng cục Hải quan kiểm tra rà soát, xử lý dứt điểm các nội dung có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng: Khung giá đỡ tấm pin quang điện (theo Công văn 686/TCHQ-TXNK ngày 05/02/2021) đảm bảo đúng quy định pháp luật.
51	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Lâm Đồng	Khi thẩm định nguồn và nhu cầu CCTL năm 2021 của tỉnh Lâm Đồng cần lưu ý giảm trừ nhu cầu CCTL 253.327 triệu đồng theo kết quả của KTNN.
52	**Bộ Tài chính**	BCKT báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Phú Yên	Chỉ đạo Tổng cục Hải quan kiểm tra rà soát, xử lý dứt điểm các nội dung có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng: Khung giá đỡ tấm pin quang điện (theo Công văn 686/TCHQ-TXNK ngày 05/02/2021) đảm bảo đúng quy định pháp luật

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
53	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Chuyên đề việc đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Trà Vinh	Hướng dẫn địa phương xử lý số dư tạm ứng 1.806 triệu đồng và 73.501 triệu đồng số dư ứng trước dự toán NSTW trên địa bàn theo quy định
54	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang	Xem xét ban hành hướng dẫn xây dựng dự toán phù hợp thời gian lập dự toán NSNN theo quy định của Luật NSNN 2015 và rà soát hướng dẫn thực hiện xây dựng dự toán NSNN với hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm liên quan việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đảm bảo đồng bộ, thống nhất tạo thuận lợi trong thực hiện của các địa phương và phù hợp với quy định quản lý NSNN và thực tế phát sinh.
55	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cao Bằng	Tiếp tục thực hiện triệt để kiến nghị của KTNN: Bố trí vốn thanh toán, thu hồi kinh phí đã tạm ứng (Kinh phí tạm ứng thực hiện Dự án ứng dụng công nghệ thông tin) cho tỉnh 1.100 triệu đồng năm 2009 đúng quy định tại Điều 56, Luật Ngân sách nhà nước.
56	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Thuận	1. Có văn bản hướng dẫn nhất quán trong việc xác định nguồn cải cách tiền lương hàng năm của NSĐP đối với trường hợp giảm thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán của năm hiện hành so với dự toán năm trước được Trung ương giao. 2. Khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện chế độ cải cách tiền lương năm 2022 của tỉnh Bình Thuận lưu ý số dư nguồn CCTL từ nguồn NSNN năm 2021 chuyển sang năm 2022 do KTNN xác định là 3.386.805 triệu đồng (đã trừ số phải hoàn trả lại NSTW số tiền 825.430 triệu đồng.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
57	**Bộ Tài chính**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 tỉnh Đồng Nai	1. Khi quyết toán kinh phí NSTW hỗ trợ chi phòng, chống dịch Covid-19 cho tỉnh Đồng Nai, cần lưu ý kiểm tra, xem xét việc trích Quỹ Dự trữ tài chính chưa đúng quy định của tỉnh. 2. Có văn bản hướng dẫn cụ thể việc chuyển nguồn kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC (nay là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công) để các đơn vị tổ chức thực hiện đúng quy định. 3. Khi bổ sung nguồn kinh phí cho địa phương, trong quyết định phải ghi rõ cấp theo hình thức bổ sung cân đối hoặc bổ sung có mục tiêu, để địa phương biết thực hiện quản lý, điều hành nguồn kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
58	**Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường**	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp rà soát, xem xét việc một số loại khoáng sản (đá vôi, đá sét làm xi măng, cát trắng) có đơn vị tính thuế tài nguyên, đơn vị tính trữ lượng, đơn vị tính sản lượng chưa thống nhất trong các văn bản hướng dẫn tính phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, khung giá tính thuế tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính, Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính, các quyết định phê duyệt trữ lượng của Hội đồng trữ lượng khoáng sản Quốc gia, các giấy phép khai thác khoáng sản; xem xét hướng dẫn xác định lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp có sự thay đổi giá tính thuế tài nguyên giữa thời điểm ban hành quyết định và thời điểm tính toán.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
59	**Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lào Cai	Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản làm việc với tỉnh Lào Cai để xác định tính đúng đắn trong việc xác định hàm lượng quặng sắt của mỏ sắt Kíp Tước và mỏ sắt Làng Cọ - Làng Vinh tại Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico nhằm xác định đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp NSNN theo quy định, xác định rõ trách nhiệm của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản nếu như sai sót thuộc Tổng cục.
60	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước	Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định đối với các bộ, ngành và tỉnh không thực hiện báo cáo tình hình QLNN về khoáng sản; báo cáo thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015, Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 và báo cáo công tác BVMT; các tỉnh chưa thực hiện và chậm thực hiện công tác khoanh định và phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định Luật Khoáng sản năm 2010; các tỉnh, thành phố chưa thực hiện tính tiền hoàn trả chi phí sử dụng kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.
61	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của TCT Xi măng Việt Nam	1. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định đối với việc khai thác vượt công suất được phê duyệt tại các GPKTKS của Vicem Bỉm Sơn, Vicem Hoàng Mai, Vicem Hải Phòng, Vicem Tam Điệp, Vicem Bút Sơn. 2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với các đơn vị có liên quan trong việc có dấu hiệu khai thác khoáng sản ngoài diện tích đất thuê nhưng trong diện tích đã cấp phép cho Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại mỏ đá Hồng Sơn theo Giấy phép khai thác mỏ số 337/QĐ/QLTN ngày 26/4/1995.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			3. Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra thực địa, làm rõ các vấn đề có liên quan đến việc thu hồi khoáng sản đi kèm; từ đó nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản pháp lý hướng dẫn việc thực hiện trách nhiệm báo cáo của chủ GPKTKS, hướng dẫn về phương pháp xác định sản lượng, trữ lượng và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đi kèm.
62	**Bộ Tài nguyên và Môi Trường**	Chuyên đề quản lý nhà nước về Tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	1. Chỉ đạo Tổng cục Địa chất và khoáng sản và các đơn vị chức năng trực thuộc: (i) Kiểm tra, rà soát các đơn vị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có các GPKTKS hết hạn, được gia hạn trong giai đoạn 2017-2021 có sản lượng khai thác thực tế quy đổi ra trữ lượng địa chất lớn hơn trữ lượng đã tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong ranh giới khu vực cấp phép khai thác để rà soát, xác định chính xác của số liệu về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản KTNN đã nêu, thông báo cho các đơn vị nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định. (ii) Thực hiện các thủ tục để thông báo cho các đơn vị nộp bổ sung số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2020 sau khi UBND tỉnh Quảng Ninh thay đổi giá tính thuế năm 2020 theo Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 09/3/2020. 2. Kiểm tra, rà soát và xác định nguyên nhân, xử lý theo thẩm quyền đối với việc có sự khác nhau về vỉa khai thác giữa GPKTKS đã cấp và tại các dự án khai thác các đơn vị lập tương ứng (GPKTKS số 2795/GP-BTNMT tại Công ty Than Khe Chàm TKV và GPKTKS số 2805/GP-BTNMT tại Công ty CP Than Cao Sơn - TKV).

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			3. Chỉ đạo cơ quan có chức năng thuộc Bộ TN&MT phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra thực địa, làm rõ các vấn đề có liên quan đến việc thu hồi đất đá lẫn than, bã xít, bã sàng; từ đó nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản pháp lý hướng dẫn việc thực hiện trách nhiệm báo cáo của chủ GPKTKS, hướng dẫn về phương pháp xác định sản lượng, trữ lượng và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. 4. Xem xét có văn bản hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản đối với những khoáng sản có trữ lượng lớn, thời gian khai thác dài (như than) cụ thể về một số danh mục khoáng sản đi kèm để các đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật. 5. Kiểm tra, chấn chỉnh việc thẩm định Hồ sơ Đề án đóng cửa mỏ đối với GPKTKS số 2795/GP-BTNMT tại Công ty Than Khe Chàm - TKV đảm bảo đúng quy định pháp luật. 6. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định của pháp luật đối với việc thực hiện thăm dò khoáng sản với khối lượng vượt mức theo giấy phép thăm dò được cấp (Công ty Than Quang Hanh - TKV), khai thác vượt công suất được phê duyệt trong GPKTKS, khai thác khi GPKTKS hết hạn, chưa được gia hạn (Công ty Than Uông Bí - TKV), việc thực hiện đóng cửa mỏ (Công ty Than Quang Hanh -TKV), khai thác chưa đúng Thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt (Công ty CP Xi măng La Hiên - TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP) KTNN đã nêu tại Báo cáo kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về Tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
63	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	(i) Khẩn trương nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định Luật Đất đai để tháo gỡ khó khăn vướng mắc về nhận thế chấp là quyền sử dụng đất của các tổ chức không phải là các TCTD; (ii) Đẩy nhanh phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tập trung ưu tiên nguồn lực xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia; (iii) Khẩn trương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản bảo đảm của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 9 và Điều 15 NQ42.
64	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	1. Phối hợp với UBND tỉnh Hòa Bình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý đối với việc cấp các Giấy phép hoạt động khoáng sản chồng lấn vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng tại Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh bổ sung tại quyết định 1065/QĐ-TTg ngày 9/7/2021 đối với mỏ đá vôi Lộc Môn làm nguyên liệu sản xuất xi măng đã được UBND tỉnh Hòa Bình cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản. 2. Hướng dẫn cụ thể đối với quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đi kèm theo Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 để đảm bảo phù hợp theo quy định.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
65	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Kiểm toán việc giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất của một số dự án trên địa bàn tỉnh Hoà Bình	Chấn chỉnh việc ban hành 02 công văn (Công văn số 4389/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 16/10/2015 về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2016 và Công văn số 3221/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 05/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cấp huyện) có nội dung chưa phù hợp nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 3 Điều 40 Luật Đất đai.
66	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND tỉnh Hà Nam xem xét, xử lý đúng quy định của pháp luật đối với việc cấp phép khai thác khoáng sản phần diện tích điều chỉnh mở rộng mỏ cho Công ty Cổ phần khai thác chế biến đá Minh Sơn; Công ty TNHH Thi Sơn chồng lấn diện tích cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 337QĐ/QLTN ngày 26/4/1995 của Bộ Công nghiệp nặng đã cấp cho Nhà máy xi măng Bút Sơn.
67	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	1. Xem xét, làm rõ bất cập về đất san lấp có là khoáng sản hay không để có quy định thống nhất, rõ ràng trong các quy định của Luật. Trường hợp, chưa sửa đổi Luật Khoáng sản thì ban hành quy định cụ thể đối với đất san lấp để đảm bảo tính khả thi, thống nhất trong quá trình thực hiện. 2. Xem xét quy định về thời hạn hiệu lực của hợp đồng thuê đất trong hoạt động khai thác khoáng sản (Khoản 1 Điều 31 Luật Khoáng sản 2010) để đảm bảo thống nhất với quy định về thời gian khai thác khoáng sản, thời gian đóng cửa mỏ; phù hợp thực tiễn và khả thi trong quá trình thực hiện.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			3. Chỉ đạo Tổng cục Địa chất và khai thác khoáng sản rà soát việc hướng dẫn áp dụng hệ số K1 để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với cát san lấp dưới nước chưa thống nhất tại các văn bản số 2369/ĐCKS-KTĐCKS ngày 23/9/2021 (K1=0,9) và số 1369/ĐCKS-KTĐCKS ngày 02/6/2021 (K1= 1); rà soát việc hướng dẫn áp dụng hệ số K2 để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các trường hợp thuộc khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái tại văn bản số 1369/ĐCKS-KTĐCKS ngày 02/6/2021 để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 5 Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ. 4. Quan tâm nghiên cứu, xem xét việc phân cấp, phân quyền cho tỉnh Quảng Ninh giải quyết thu hồi khoáng sản ở khu vực có dự án công trình nhằm giúp tỉnh chủ động công tác quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường.
68	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu	Thông báo cho tỉnh Lai Châu số tiền sử dụng số liệu thông tin về đánh giá tiềm năng thăm dò do nhà nước đầu tư đối với 02 điểm mỏ: (1) Mỏ chì - kẽm Si Phay, xã Mù Sang, huyện phong Thổ Công ty CPĐT khai thác và chế biến khoáng sản Đất Việt; (2). Mỏ đồng Dần Thàng, xã Nậm Cha huyện Sìn Hồ Công ty CP khoáng sản Việt Thái Sơn theo Điều 2 của Quyết định 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 4, Điều 3 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.
69	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	1. Xem xét, khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ tại tỉnh Ninh Thuận để địa phương chủ động trong việc cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản theo quy định.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			2. Chỉ đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: Kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với khai thác khoáng sản đi kèm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Tân Sơn Hoa Cương.
70	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Chỉ đạo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: 1. Rà soát, xử lý theo quy định đối với trường hợp Công ty Cổ phần Việt Phú Nam thu hồi cát trắng thủy tinh trong dự án xây dựng thao trường huấn luyện, Vùng 4 Hải quân theo Công văn số 1028/UBND-KT ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa. 2. Tổ chức kiểm tra, xác định chất lượng nước khoáng khai thác thực tế làm cơ sở để cơ quan Thuế xác định giá tính thuế tài nguyên và số thuế tài nguyên phải nộp năm 2018, 2019, 2020, 2021 đối với Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa.
71	**Bộ Thông tin và Truyền thông**	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (thí điểm kiểm toán từ xa)	Kiểm tra, rà soát lại Quyết định số 163/QĐ-BTTTT ngày 14/02/2019, trong đó công bố rõ các điều khoản đã hết hiệu lực, các điều khoản còn hiệu lực tại Thông tư số 47/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 đã hết hiệu lực, các điều khoản tại Thông tư số 47/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 để các doanh nghiệp viễn thông có căn cứ thực hiện hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động mặt đất đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật hiện hành.
72	**Bộ Tư pháp**	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	Chỉ đạo các cơ quan thi hành án đẩy nhanh tiến độ thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật, tăng cường phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng và VAMC để giải quyết dứt điểm, đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
73	**Bộ Xây dựng**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2)	Xây dựng và ban hành định mức Làm và thả thảm đá trong thi công công trình giao thông thủy, công trình kè bảo vệ bờ, trong đó xác định sử dụng thảm thép sản xuất tại nhà máy và sử dụng nhân công kết hợp cơ giới xếp đá vào rọ, do chưa quy định trong hệ thống định mức xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở cho việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
74	**Bộ Xây dựng**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án thành phần 1A của Dự án đầu tư xây dựng đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng và ban hành quy định số lượng, loại chuyên gia, yêu cầu về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thời gian thực hiện của từng chuyên gia tương ứng với từng loại công việc tư vấn để làm cơ sở lập dự toán và quản lý chi phí tư vấn.
75	**Bộ Xây dựng**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc	Xây dựng và ban hành văn bản qui định số lượng, loại chuyên gia, yêu cầu về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thời gian thực hiện của từng chuyên gia tương ứng với từng loại công việc tư vấn để làm cơ sở lập dự toán và quản lý chi phí tư vấn.
76	**Bộ Xây dựng**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội (đợt 7)	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép tính chi phí trực vận hành công trình từ kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII đến kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV vào chi phí dự án.
77	**Bộ Xây dựng**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh, dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ chức kiểm tra, rà soát về việc ban hành Văn bản số 01/BXD-HĐXD ngày 18/01/2016 về việc cơ chế cho công tác thiết kế - thi công đối với Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
78	**Bộ Xây dựng**	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1. Xem xét phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo quy định. 2. Xem xét phê duyệt phương án điều chỉnh vốn điều lệ của VICEM theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP. 3. Xem xét phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của VICEM theo quy định.
79	**Bộ Y tế**	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	1. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc phân bổ kit test nhanh từ nguồn hỗ trợ của Tập đoàn Vingroup nhưng chưa thử nghiệm chất lượng dẫn đến kit test không có giá trị sử dụng (do độ nhạy bằng 0%) qua kết quả thử nghiệm của Viện Pasteur Nha Trang tại Văn bản số 2973/IPN-VSMD ngày 20/11/2020. 2. Xem xét ban hành hướng dẫn chi tiết liên quan đến các khoản thanh toán chi phí khám, chữa bệnh Covid-19 tại cơ sở y tế tư nhân theo quy định Nghị định số 29/2022/NĐ-CP ngày 29/4/2022 của Chính phủ.
80	**Bộ Y tế**	BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tỉnh Hải Dương	1. Xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương và các tập thể, cá nhân khác có liên quan đến việc phân bổ 24.000 viên Amizon cho Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh để điều trị cho bệnh nhân mắc Covid-19 nhưng không có trong các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc Covid-19 do Bộ Y tế ban hành. 2. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ đạo ngành y tế tỉnh Hải Dương thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
81	**Bộ Y tế**	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái	1. Thông báo giá xe ô tô chuyên dụng đã cấp cho tỉnh Yên Bái để địa phương làm thủ tục xác lập quyền sở hữu theo quy định Điều 110 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và khoản 3, Điều 14 của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ. 2. Thông báo giá thuốc, vật tư y tế đã tài trợ cho tỉnh để địa phương theo dõi, quản lý theo quy định
82	**Bộ Y tế**	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ các tỉnh Tiền Giang	Xem xét có sự hướng dẫn phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" liên quan các hướng dẫn quản lý đã ban hành trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp trước đây, cụ thể như Công văn 5028/BYT-KHTC ngày 23/6/2021 của Bộ Y tế về chi trả chi phí xét nghiệm vi rút SARS-CoV-2 khi tăng cường thực hiện xét nghiệm tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
83	**Bộ Y tế**	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Thanh Hóa	Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Công ty cổ phần ô tô Trường Hải bàn giao đầy đủ hồ sơ cho các đơn vị để hoàn thiện hồ sơ đăng ký lưu hành xe theo Công văn 10407/BYT-KHTC ngày 07/12/2021 của Bộ Y tế.
84	**Bộ Y tế**	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021	1. Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện những quy định bất cập về định mức kinh tế kỹ thuật để kiểm soát chất lượng dịch vụ y tế theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/5/2019 của Chính phủ. 2. Phối hợp Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam rà soát, báo cáo Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ KCB BHYT đảm bảo tính đúng, tính đủ các chi phí theo quy định. 3. Nghiên cứu, rà soát và ban hành văn bản hướng dẫn để tiếp tục triển khai phương thức thanh toán chi phí KCB BHYT theo định suất.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			4. Nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ các giải pháp nhằm bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế để có các giải pháp tổng thể đảm bảo cân đối quỹ một cách chủ động và để thực hiện đúng trách nhiệm của Bộ Y tế theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật Bảo hiểm y tế. 5. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 5/11/2022 của Chính phủ đảm bảo đầy đủ, đúng quy định. 6. Phối hợp với BHXH VN để giải quyết các vướng mắc trong thanh toán chi phí KCB BHXH liên quan đến bệnh nhân Covid-19 tại các cơ sở KCB. 7. Phối hợp với Bộ Tài chính để có hướng dẫn trong việc xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với trang thiết bị y tế được hiến, biếu, tặng, cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ sau khi hết hạn hợp đồng liên doanh liên kết. 8. Chỉ đạo các cơ sở y tế thực hiện khám bệnh, chỉ định đúng quy trình chuyên môn, đúng nguyên tắc hành nghề; thực hiện kiểm định máy móc, thiết bị, xây dựng tiêu chuẩn nhập viện điều trị nội trú đầy đủ; trích chuyển dữ liệu điện tử phục vụ quản lý, giám định và thực hiện thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định. 9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực BHYT, đặc biệt công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về BHYT nhằm phát hiện các tồn tại, bất cập để kịp thời tham mưu sửa đổi chính sách phù hợp, đúng quy định; chỉ ra các thiếu sót, sai phạm của các đơn vị liên quan trong việc thực hiện chính sách BHYT, thực hiện nghiêm việc xử phạt các cơ sở y tế vi phạm các qui định về Luật BHYT.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
85	**Liên minh Hợp tác xã Việt Nam**	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	1. Báo cáo cấp có thẩm quyền có cơ chế hỗ trợ kinh phí cụ thể cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để tạo được sự chủ động trong hoạt động của Liên minh và đảm bảo sự minh bạch trong quản lý và phân bổ các nguồn kinh phí. 2. Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giảm kế hoạch cấp vốn điều lệ cho Quỹ HTPT HTX trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam 53.970 triệu đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. 3. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc chưa thực hiện được lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để tổng hợp báo cáo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Trung ương, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ). 4. Báo cáo các cơ quan chức năng về việc sử dụng phần diện tích 410m^2 (tương đương 223.040 USD) đất theo Điều 1 "Hợp đồng thuê đất số 48-2003/ĐCNĐ-HĐTĐLDNN" ngày 08/05/2003 để xử lý phần vốn góp và nộp tiền thuê đất theo đúng quy định.
86	**Tòa án nhân dân Tối cao**	Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được ban hành theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ	Tiếp tục chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể Tòa án nhân dân các cấp triển khai áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 8 NQ42.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
87	**Tổng Cục Hải quan**	BCKT Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của thành phố Đà Nẵng	1. Chỉ đạo Cục Hải quan TP Đà Nẵng thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị của KTNN. 2. Hướng dẫn Cục Hải quan TP Đà Nẵng trong việc xử lý số liệu chênh lệch giữa sổ kế toán và các biểu của BCTC mà Cục Hải quan TP Đà Nẵng đã Báo cáo tại Công văn số 1510/HQĐNg-TXNK ngày 23/6/2021 và Công văn số 2494/HQĐNg-TXNK ngày 29/10/2021.
88	**Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Xem xét đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 mà Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã báo cáo Ủy ban, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở cho Tổng công ty thực hiện.
89	**Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	1. Đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, phê duyệt kết quả phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2021 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam theo quy định. 2. Rà soát nội dung Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 do Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đề xuất, trong đó lưu ý việc sở hữu chéo tại Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành. 3. Rà soát và chỉ đạo Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nộp vào NSNN số chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ chưa xác định được nhu cầu bổ sung vốn điều lệ tại Kế hoạch SXKD và ĐTPT 5 năm giai đoạn 2021-2015 (Văn bản 380/TLVN-CLKHKD ngày 24/6/2022), số tiền 232.597.175.935 đồng theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Thông tư số 36/2021/TT-BTC. 4. Rà soát tính phù hợp của nhu cầu tăng vốn điều lệ do Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đề xuất tại Kế hoạch SXKD và ĐTPT 05 năm

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			giai đoạn 2021-2015 (Văn bản số 380/TLVN-CLKHKD ngày 24/6/2022) đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành của nhà nước; khẩn trương phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch SXKD và ĐTPT 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. Trường hợp sau khi rà soát và phê duyệt, xác định được nhu cầu bổ sung vốn điều lệ của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam có thay đổi so với đề xuất tại Văn bản số 380/TLVN-CLKHKD thì quyết định và chỉ đạo Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam nộp NSNN chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ theo số liệu đã được rà soát (nếu có) theo đúng quy định hiện hành.
90	**Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1. Phê duyệt Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định. 2. Yêu cầu EVN báo cáo, làm rõ các tồn tại, vướng mắc trong việc quản lý vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ EVN và các công ty con do EVN sở hữu 100% vốn; trên cơ sở đó, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. 3. Rà soát, quyết định và chỉ đạo EVN thực hiện nộp chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ trong trường hợp EVN không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ hoặc không lập phương án xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ và điểm b Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
91	**Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp**	Kiểm toán Quyết toán giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam	1. Đề nghị Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan đại diện chủ sở hữu trước ngày 15/11/2018) thực hiện kiểm tra, rà soát những hạn chế tồn tại, các vấn đề nhấn mạnh, vấn đề khác, ảnh hưởng của phạm vi và giới hạn kiểm toán được nêu tại Báo cáo kiểm toán này và Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán để xem xét khi tổ chức thực hiện kiểm tra, xử lý các tồn tại tài chính của Công ty mẹ - TCT, xem xét khi quyết định phê duyệt quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm Công ty mẹ - TCT chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó chú trọng: - Những hạn chế tồn tại phát hiện qua kiểm toán liên quan đến: ***(i)*** Việc chưa thực hiện nộp NSNN số tiền 21.922.287.938 đồng phải kiến nghị tăng thu qua kiểm toán; ***(ii)*** 26 cơ sở nhà, đất Công ty mẹ - TCT đã có văn bản gửi UBND Tỉnh/TP lấy ý kiến nhưng chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa (25 cơ sở nhà, đất[5] UBND Tỉnh/TP chưa có ý kiến trả lời, 01 cơ sở

[5] **23** cơ sở nhà, đất tại TP. Hồ Chí Minh gồm (1) Số 60-62 Ngô Gia Tự, P 9, Q.10, diện tích: 168,3m^2; (2) Số 256D Bạch Đằng, P 24, Q.Bình Thạnh, diện tích: 190m^2; (3) Số 333 Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho, Q.1, diện tích: 893,69m^2; (4) Số 210 Nguyễn Thị Minh Khai, P 6, Q.3, diện tích: 80,3m^2; (5) số 176 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, diện tích: 80m^2; (6) Số 852 Trần Hưng Đạo, P 7, Q.5, diện tích: 77m^2; (7) Số 159 Bến Chương Dương, P.Cầu Ô Lãnh, Q.1, diện tích: 107,4m^2; (8) Số 224 (2/7) Tô Ký, P Tân Chánh Hiệp, Q 12, diện tích: 14.001m^2; (9) Khu đất phía sau 224 Tô Ký (khu xử lý nước thải của nhà máy), diện tích: 1.320m^2; (10) Số 117 Bà Hom, P 13, Q 6, diện tích: 93m^2; (11) Số 142X Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4, diện tích: 117,3m^2; (12) Số 289 (số cũ 277A) Bến Bình Đông, Q 8, diện tích: 5.497,9m^2; (13) Nhà số 2, đường số 4, phường Thảo Điền, Q 2, diện tích: 1.327m^2; (14) Số 277A, Bến Bình Đông, P. 14, Q.8, diện tích: 51.268,8m^2; (15) Số 277 Bến Bình Đông, P.14, Quận 8; diện tích: 4.062,8m^2; (16) Số 289 Bến Bình Đông, P.14. Quận 8, diện tích: 2.018,4m^2; (17) Số 33 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Q1; (18) Số 42 Chu Mạnh Trinh, phường Bến Nghé, Q1 (19) Số 34-36 Chu Mạnh Trinh, P Bến Nghé, Q 1, tổng diện tích 03 cơ sở số 17,18,19: 6.275m^2; (20) Số 87 đường Tây Lân, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, diện tích: 314m^2; (21) Số 572/18 đường Trần Xuân Soạn, quận 7, diện tích: 293,3m^2; (22) Số 564/18 đường Trần Xuân Soạn, quận 7, diện tích: 189,3m^2; (23) Số 72/2B Võ Văn Ngân (nay là Tô Vĩnh Diện) P Linh Chiểu, Q Thủ Đức, diện tích: 8.539,4m^2. **01** cơ sở nhà, đất tại Phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, diện tích: 8.357m^2. **01** cơ sở nhà, đất tại thị trấn Đạ Mri, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, diện tích: 17.771,5m^2.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			nhà, đất UBND Tỉnh/TP có ý kiến khác với đề xuất của Công ty mẹ - TCT[6]); ***(iii)*** 01 cơ sở nhà, đất và 01 thửa đất tại tỉnh Long An[7], 01 cơ sở nhà, đất tại thành phố Cần Thơ[8] chưa được Công ty mẹ - TCT báo cáo kê khai, lập, trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất, phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; việc chuyển nhượng 01 cơ sở nhà, đất tại thành phố Cần Thơ[9] (tại Công ty Lương thực Đồng Tháp) chưa tuân thủ quy định nhưng đã thực hiện thanh lý hợp đồng, chuyển giao bản chính giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, cho bên ký hợp đồng sử dụng đất, Công ty vẫn thực hiện nộp và hạch toán vào chi phí tiền thuê đất; ***(iv)*** Việc bán cổ phần lần đầu (tiến độ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược chậm; đàm phán, ký kết hợp đồng với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM để bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư thông thường chưa chặt chẽ để kiểm soát đúng đối tượng, điều kiện mua cổ phần), việc thực hiện nộp tiền thu từ cổ phần hóa. - Khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý trên Bảng cân đối kế toán của Công ty Lương thực Trà Vinh (là đơn vị hạch toán phụ thuộc, BCTC được tổng hợp vào BCTC của Công ty mẹ - TCT) với số tiền là 661.975.531.134 đồng" tại thời điểm 08/10/2018 và "Việc góp vốn, chuyển nhượng các cơ sở nhà, đất và tài sản trên đất của

[6] Cơ sở nhà đất tại ấp Thanh Niên, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
[7] Cơ sở nhà, đất thửa số 10 tại vị trí đường tỉnh 825, ấp Sò Đo, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 4.769 m^2 và Thửa đất số 2 địa chỉ tại số 06 đường Cử Luyện, phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, diện tích 3.262 m^2;
[8] Cơ sở nhà, đất tại ấp Thới Khánh, xã Thới Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ), diện tích 3.102m^2;
[9] Cơ sở nhà, đất tại ấp Thới Khánh, xã Thới Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ), diện tích 3.102m^2.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			Công ty mẹ - TCT từ giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" đã được KTNN giới hạn tại *Mục 2.2* của Báo cáo kiểm toán này. - Xử lý theo đúng quy định của pháp luật số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ - TCT phải nộp về Quỹ HTSX&PTDN (nay là nộp về NSNN). - Với trách nhiệm là cơ quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - TCT theo các nội dung quy định của pháp luật về cổ phần hóa; tổ chức kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán này và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm điểm, xử lý. 2. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo Công ty mẹ - TCT và bộ phận chức năng rà soát, làm việc với cơ quan có thẩm quyền để xử lý dứt điểm việc giải quyết thi hành án vụ án Lê Chia Vi và xử lý số tiền còn tiếp tục nhận được (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật. 3. Sau khi thực hiện giải quyết dứt điểm theo đúng quy định của pháp luật đối với những hạn chế tồn tại, các vấn đề nhấn mạnh, vấn đề khác phát hiện qua kiểm toán và ảnh hưởng của phạm vi và giới hạn kiểm toán, dẫn đến phát sinh chênh lệch so với số liệu kết quả kiểm toán được trình bày tại *Điểm 1 Mục I, Điểm 1 Mục II thuộc Phần thứ nhất của Báo cáo kiểm toán này* thì đề nghị Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
92	**Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	1. Tổ chức rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa kiểm tra tính chính xác khoản tiền ký quỹ phục hồi môi trường trước khi cấp giấy chứng nhận đã ký quỹ cho Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận và Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tân Sơn Hoa Cương. 2. Rà soát, kiểm tra chính xác tiền ký quỹ phục hồi môi trường của Công ty TNHH Cô Lô Ninh Thuận và Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tân Sơn Hoa Cương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư 38/2015/TT-BTNMT.
93	**UBND thành phố Hà Nội**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn 1	1. Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng CTGT thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan: (i) Nghiêm túc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; (ii) Giải quyết dứt điểm việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán điều chỉnh chính thức để làm căn cứ bù giá, quyết toán hợp đồng và quyết toán dự án hoàn thành. 2. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật liên quan tới việc điều chỉnh tiến độ dự án không đúng với quy định tại Khoản 4, Điều 28, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ. - Xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật trong việc ban hành các văn bản điều chỉnh tiến độ dự án không đúng với quy định tại Khoản 4, Điều 28, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
94	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh, dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh	1. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với việc chậm phê duyệt Dự toán giai đoạn thiết kế kỹ thuật của dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp - Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán.
95	**UBND thành phố Hải Phòng**	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại thành phố Hải Phòng	1. Chỉ đạo Ban QLDA Phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hải Phòng khẩn trương thực hiện công tác bàn giao công trình để đưa vào sử dụng và quyết toán dự án theo đúng quy định. 2. Tổ chức nghiên cứu và có giải pháp phù hợp để thu gom tách riêng hệ thống nước thải để nhà máy đạt được công suất thiết kế cũng như nước thải về nhà máy không bị pha loãng.
96	**UBND tỉnh Hà Nam**	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	1. Chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD tỉnh Hà Nam và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. 2. Chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, điều chỉnh các điều khoản của Hợp đồng EPC để đảm bảo đúng quy định. 3. Thực hiện các thủ tục bố trí vốn NSĐP để hoàn ứng khoản ứng trước ngân sách cho dự án là 50.306.561.000 đồng. 4. Bố trí vốn NSĐP để hoàn trả nguồn NSTW của dự án đã chi cho các nội dung đền bù GPMB, tư vấn, QLDA, chi khác với tổng số tiền 32.454.420.000 đồng, do các khoản chi này phải giải ngân bằng vốn NSĐP theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh Hà Nam.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			5. Chỉ đạo Chủ đầu tư, tổng thầu EPC và các đơn vị có liên quan có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành các hạng mục công trình, tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo đúng quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án. 6. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, sai sót trong công tác quản lý dự án, bao gồm: Công tác lập dự án, điều chỉnh dự án; phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định 685/QĐ-UBND chưa tuân thủ Chỉ thị 1792/CT-TTg; Không lấy ý kiến tham gia của Bộ Xây dựng về thiết kế cơ sở trước khi trình phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định 508/QĐ-UBND ngày 19/5/2015; Công tác đàm phán và ký kết hợp đồng EPC và Phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ-EPC ngày 08/8/2012, Phụ lục hợp đồng số 06/2016/PLHĐ-EPC ngày 05/7/2016; Công tác quản lý tiến độ; Công tác lập thiết kế BVTC-Dự toán; Công tác nghiệm thu, thanh toán; Chưa thực hiện nghiệm thu hạng mục công trình xã hội hóa; Thiếu hóa đơn GTGT khi thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành.
97	**UBND tỉnh Hải Dương**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của TCT Xi măng Việt Nam	Khẩn trương chỉ đạo các sở, ban, ngành có các biện pháp để giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc chồng lấn quy hoạch Khu dân cư dịch vụ thương mại và Khu dịch vụ sinh thái tổng hợp phía Bắc thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với diện tích khai thác mỏ của Vicem Hoàng Thạch theo Giấy phép số 188/TTg. Nếu vượt thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xem xét, giải quyết.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
98	**UBND tỉnh Quảng Ninh**	Chuyên đề quản lý nhà nước về Tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, làm rõ việc Công ty Tuyển than Hòn Gai đổ thải trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 08/12/2017 không đúng phương án đã được UBND tỉnh Quảng Ninh chấp thuận tại Văn bản số 296/UBND-CN ngày 13/01/2017.
99	**UBND tỉnh Quảng Ninh**	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại tỉnh Quảng Ninh	1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án theo quy định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo đúng quy định. 2. Phối hợp với các cấp có thẩm quyền, đàm phán gia hạn thời hạn giải ngân hiệp định VN14-P5. 3. Chỉ đạo UBND thành phố Hạ Long khẩn trương triển khai thực hiện dự án để đưa dự án vào khai thác sử dụng. 4. Trường hợp dự án tiếp tục chậm trễ, kéo dài hoặc phải dừng dự án gây thiệt hại cho nhà nước (các khoản chi phí đã phát sinh nhưng không đạt được kết quả) phải xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan để xử lý theo quy định.
100	**UBND tỉnh Thanh Hóa**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của TCT Xi măng Việt Nam	Chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát lại các hệ số quy đổi từ tấn sang m3 tại Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân kê khai, nộp thuế tài nguyên trong hoạt động khai thác khoáng sản.
101	**UBND tỉnh Thanh Hóa**	BKCT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần thuộc Dự án ĐTXD một số đoạn Đường bộ cao tốc trong tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu)	Tổ chức xây dựng đơn giá đất đắp đối với đất đắp được khai thác tại các mỏ theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16/6/2021 và Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
102	**UBND tỉnh Nghệ An**	BCKT Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Nghệ An	Chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót trong công tác quản lý dự án; thực hiện đầy đủ các kiến nghị KTNN đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán.
103	**UBND tỉnh Nghệ An**	Báo cáo NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Nghệ An	1. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với KBNN tỉnh và các cơ quan liên quan rà soát, điều chỉnh báo cáo quyết toán NSĐP theo kiến nghị của KTNN. 2. Chỉ đạo các địa phương, Chủ đầu tư và các ngành, huy động các nguồn lực để ưu tiên bố trí đủ vốn thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB. 3. Chỉ đạo ban quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai chấn chỉnh việc tham mưu sử dụng quỹ để cấp công trình xây mới chưa phù hợp với quy định như đã nêu trên. 4. Chỉ đạo Cục thuế và các sở, ban, ngành liên quan rà soát, kiểm tra làm rõ và xử lý theo quy định của 02 dự án "Xây dựng trường mầm non do Công ty cổ phần CNTT- truyền thông Phương Đông" do Công ty cổ phần CNTT - truyền thông Phương Đông làm chủ đầu tư và dự án "Nuôi cá rô phi Isarel công nghệ cao do Công ty cổ phần Synot ASEAN làm chủ đầu tư: chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đang được miễn, giảm tiền thuê đất. 5. Thành lập đoàn kiểm tra, rà soát việc sử dụng, quản lý tài nguyên, khoáng sản của các doanh nghiệp trên địa bàn chưa được cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản để xử lý theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật liên quan.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			6. Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An chỉ đạo UBND các huyện[10] điều chỉnh lại quyết toán NSĐP trình HĐND huyện phê duyệt lại báo cáo quyết toán NSĐP do hạch toán các khoản kinh phí thừa phải nộp trả ngân sách cấp trên, chuyển nguồn chưa phù hợp với quy định vào chi chuyển nguồn như đã nêu trên. 7. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát và thực hiện hạch toán, thanh quyết toán đảm bảo đúng quy định của Pháp luật đối với 02 dự án BT như KTNN đã nêu.
104	**UBND tỉnh Hà Tĩnh**	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Hà Tĩnh	1. Chỉ đạo Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Tĩnh kiểm tra, rà soát để làm thủ tục hoàn trả NSTW theo quy định đối với các khoản kinh phí của Chương trình quá thời hạn sử dụng chưa giải ngân được: 19.994.891.400 đồng. 2. Chỉ đạo UBND thị xã Kỳ Anh, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh và các đơn vị có liên quan phối hợp, giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác GPMB của một số dự án thuộc Chương trình để thực hiện các công trình theo đúng tiến độ thời gian đã được phê duyệt, hoàn thành công trình theo mục tiêu của Chương trình; 3. Ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 cho các dự án thuộc Chương trình theo đúng cam kết để hoàn thành các dự án còn dở dang, hoàn thành mục tiêu cụ thể của Chương trình; Bố trí đầy đủ, kịp thời vốn NSĐP theo cơ cấu nguồn vốn tại các quyết định phê duyệt dự án.

[10] Huyện Tân Kỳ, Đô Lương, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Cửa Lò, Quế Phong, Anh Sơn, Nghi Lộc, Nam Đàn, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Hưng Nguyên, Kỳ Sơn, Tương Dương, Diễn Châu, Thái Hòa, Hoàng Mai…

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			4. Chỉ đạo Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh phối hợp với Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh bàn giao, theo dõi, quản lý, sử dụng dự án hạ tầng kỹ thuật trong khu kinh tế đã được đầu tư bằng vốn NSNN đảm bảo tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả và các quy định khác có liên quan.
105	**UBND tỉnh Hà Tĩnh**	BCKT Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án BIIG2, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót trong công tác quản lý dự án; thực hiện đầy đủ các kiến nghị KTNN đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán.
106	**UBND tỉnh Hà Tĩnh**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Hà Tĩnh	1. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát và xử lý theo quy định đối với một số đơn vị, địa phương còn để phát sinh nợ đọng XDCB trong năm 2021 chưa đúng Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Luật Đầu tư công. 2. Chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ và kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN. 3. Chỉ đạo Sở Tài chính khi có báo cáo quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 chính thức trình HĐND phê chuẩn, gửi KTNN 01 bộ theo quy định hiện hành, trong đó giải thích, thuyết minh số chênh lệch (nếu có) giữa báo cáo quyết toán chính thức và báo cáo do địa phương đã cung cấp cho KTNN khu vực II.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
107	**UBND tỉnh Quảng Bình**	BCKT Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm Điện lực Quảng Trạch; Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch	Chỉ đạo UBND huyện Quảng Trạch, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án đầu tư Trung tâm điện lực Quảng Trạch phối hợp với Chủ đầu tư xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc trong công tác GPMB.
108	**UBND tỉnh Quảng Bình**	BCKT Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót trong công tác quản lý dự án; thực hiện đầy đủ các kiến nghị KTNN đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán.
109	**UBND tỉnh Quảng Bình**	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Bình	1. Chỉ đạo các địa phương, Chủ đầu tư và các ngành, huy động mọi nguồn lực để ưu tiên bố trí đủ vốn thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB. 2. Chỉ đạo ban quản lý Quỹ phát triển đất chấn chỉnh việc tham mưu sử dụng quỹ chưa phù hợp với quy định như đã nêu trên. 3. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình tiếp tục báo cáo Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan, phương án xử lý khoản kinh phí đền bù của Formosa còn thừa hết nhiệm vụ chi sau quyết toán trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. 4. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình tiếp tục báo cáo với Bộ Tài chính về nguồn và nhu cầu tiền lương tăng thêm năm 2021 và thanh quyết

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			toán theo quy định. 5. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính và các sở ngành có liên quan tổ chức rà soát và thực hiện sắp xếp số ô tô dôi dư của các đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh đúng quy định của pháp luật. 6. UBND tỉnh Quảng Bình khi trình HĐND tỉnh phê chuẩn báo cáo quyết toán NSĐP báo cáo rõ các nội dung, số liệu kiến nghị tăng thu giảm chi NSNN của KTNN đã được thực hiện, tổng hợp trong quyết toán NSĐP, các nội dung số liệu sẽ được xử lý các năm sau theo quy định tại Điều 73 Luật NSNN.
110	**UBND tỉnh Quảng Trị**	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Quảng Trị	1. Ban hành danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa của địa phương theo quy định. 2. Ban hành mức miễn, giảm tiền thuê đất theo từng lĩnh vực và khu vực địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương sau khi xin ý kiến của Thường trực HĐND cùng cấp theo quy định. 3. Ban hành quy chế, tiêu chí thực hiện, nhằm khuyến khích, thúc đẩy, mở rộng các hình thức xã hội hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định. 4. Ban hành quy hoạch, kế hoạch mạng lưới phát triển các cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực dạy nghề theo quy định. 5. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh & Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Cục Thuế chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong pham vi chức năng, nhiệm vụ được giao về thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
111	**UBND tỉnh Quảng Nam**	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Quảng Nam	1. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan, giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác GPMB của một số dự án thuộc Chương trình để thực hiện các công trình theo đúng tiến độ thời gian đã được phê duyệt, hoàn thành công trình theo mục tiêu của Chương trình. 2. Ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 cho các dự án thuộc Chương trình theo đúng cam kết để hoàn thành các dự án còn dở dang, hoàn thành mục tiêu cụ thể của Chương trình; Bố trí đầy đủ, kịp thời vốn NSĐP theo cơ cấu nguồn vốn tại các quyết định phê duyệt dự án. 3. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo quy định tại Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 của Bộ Tài chính. 4. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý, phối hợp thực hiện Chương trình, dự án đầu tư thuộc chương trình với một số nội dung: - Bố trí vốn NSĐP không đầy đủ, kịp thời cho các dự án thuộc Chương trình theo cam kết và quy định của Chương trình dẫn đến phải điều chỉnh kéo dài, phân kỳ đầu tư, không hoàn thành mục tiêu cụ thể của dự án, của Chương trình trong giai đoạn 2016-2020 theo kế hoạch. - Phối hợp, thực hiện công tác GPMB cho một số dự án còn chậm, hiệu lực công tác chưa cao, ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
112	**UBND tỉnh Lạng Sơn**	Kiểm toán Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 9/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lạng Sơn	1. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan, giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác GPMB của một số dự án thuộc Chương trình để thực hiện các công trình theo đúng tiến độ thời gian đã được phê duyệt, hoàn thành công trình theo mục tiêu của Chương trình. 2. Ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư công hằng năm đảm bảo kịp thời, đầy đủ theo kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt để hoàn thành đầy đủ các mục tiêu cụ thể của các dự án thuộc Chương trình. 3. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý, phối hợp thực hiện Chương trình, dự án đầu tư thuộc chương trình với một số nội dung: - Bố trí vốn NSĐP không đầy đủ, kịp thời cho các dự án thuộc Chương trình theo cam kết và quy định của Chương trình, một số dự án bị chậm tiến độ, không hoàn thành mục tiêu cụ thể của dự án, của Chương trình trong giai đoạn 2016-2020 theo kế hoạch. - Công tác phối hợp, thực hiện GPMB cho dự án thuộc Chương trình hiệu lực chưa cao, ảnh hưởng đến tiến độ dự án.
113	**UBND tỉnh Tuyên Quang**	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, ban hành kịp thời các chính sách đối với Đề án Làng thanh niên Lập nghiệp Bình An theo quy định tại Điểm d, Khoản 6, Điều 1, Quyết định số 1912/QĐ-CP ngày 20/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tế nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.
114	**UBND tỉnh Tuyên Quang**	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể	1. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		kết nối Na Hang, Tuyên Quang; Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hình thức BOT	2. Phối hợp với UBND tỉnh Phú Thọ và chỉ đạo các đơn vị có liên quan để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc trong công tác GPMB trên địa bàn 2 tỉnh Phú Thọ và Tuyên Quang, đảm bảo thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được phê duyệt. 3. Về việc Kế hoạch vốn trung hạn nguồn vốn NSĐP: UBND tỉnh Tuyên Quang rà soát và có phương án điều chỉnh, bổ sung vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện dự án theo tiến độ được phê duyệt.
115	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	Chuyên đề quản lý nhà nước về Tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra làm rõ việc sử dụng đất của Công ty CP Xi măng La Hiên (TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP) phục vụ hoạt động khai thác tại mỏ đá vôi từ La Hiên từ năm 2010 đến thời điểm kiểm toán nhưng chưa báo cáo cơ quan có thẩm quyền và tính đúng, tính đủ tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.
116	**UBND tỉnh Đồng Tháp**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845	1. Chỉ đạo Sở GTVT tỉnh Đồng Tháp và Ban QLDA thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. 2. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân còn để xảy ra tồn tại, hạn chế trong công tác phê duyệt TMĐT Dự án 2. 3. Xây dựng và ban hành giá cước vận chuyển đường thuỷ đối với vật liệu cát đắp nền phù hợp, khắc phục những bất cập tại Văn bản số 537/UBND-XDCB ngày 31/10/2008 về công bố đơn giá vận chuyển, trung chuyển, bốc dỡ vật liệu xây dựng và Văn bản số 208/UBND-XDCB ngày 22/04/2009 về công bố điều chỉnh đơn giá vận chuyển cát san lấp làm nền đường.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
117	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1. Chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát lại nội dung chi tiền lương của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB theo hướng dẫn tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND để đảm bảo các nội dung chi phù hợp với quy định tại điểm 1 Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/05/2015 của Bộ Tài chính. 2. Chỉ đạo Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng thông báo giá vật liệu đảm bảo đầy đủ kịp thời theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, khoản 1 Điều 19 Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng, khoản b Điều 1 Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23/3/2022 của Bộ Xây dựng. 3. Chỉ đạo Ban QLDA và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành công tác GPMB, tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể trong việc chậm tổ chức, thực hiện đền bù, GPMB làm ảnh hưởng tiến độ chung của dự án. 4. Chỉ đạo Ban QLDA và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN.
118	**UBND tỉnh Đồng Nai**	Kiểm toán đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư các dự án cải thiện môi trường nước, thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn giai đoạn 2018 - 2022 tại tỉnh Đồng Nai	1. Xem xét phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án; kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm thực hiện dự án theo quy định. 2. Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai phân tách nguồn vốn và chi phí đã phát sinh trước thời điểm chia tách cho từng dự án trong đó bao gồm: chi phí bồi thường, GPMB (lưu ý đã chi trả 27.072.359.000 đồng dự án Trạm xử lý nước thải số 1 thành phố Biên Hòa); chi phí tư vấn lập dự án, chi phí QLDA, để quản lý chi phí đầu tư của 2 dự án theo đúng quy định của pháp luật.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			3. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan để hỗ trợ, giải quyết vấn đề quan ngại của nhà tài trợ (JICA) về ô nhiễm Dioxin trong khu vực của dự án; 4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát và sớm báo cáo Thủ tướng Chính phủ các vấn đề như yêu cầu tại Văn bản số 1342/VPCP-QHQT ngày 2/3/2022 của Văn phòng Chính phủ.
119	**UBND tỉnh Đồng Nai**	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	- Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Công ty CP Sonadezi Giang Điền trình UBND tỉnh Đồng Nai phương án xử lý dứt điểm việc hoàn trả kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng UBND Tỉnh đã đề nghị Công ty ứng trước kinh phí để thực hiện đền bù, thu hồi đất thực hiện Dự án Tuyến đường kết nối KCN Giang Điền vào Quốc lộ 1 - Đoạn tránh TP. Biên Hòa (Công văn số 3253/UBND-ĐT ngày 22/04/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai), nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. - Chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu UBND tỉnh xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với khoản chi phí xử lý môi trường tại Bãi rác Trảng Dài theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải rắn mà Công ty cổ phần Môi trường Sonadezi đã chi trả để hoàn thành nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV Môi trường Sonadezi, trong khi BCTC mà DNNN CPH đã bàn giao cho công ty cổ phần không bao gồm nguồn kinh phí để xử lý môi trường theo quy định nêu trên. - Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo Cục Thuế tỉnh Đồng Nai xem xét, xử lý tiền thuê đất của Bãi rác Trảng Dài giai đoạn DNNN (năm 2011 - 2015) của Công ty TNHH MTV Môi trường Sonadezi theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 52 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
			- Chỉ đạo Sở Tài nguyên & Môi trường phối hợp Cục Thuế tỉnh Đồng Nai để thực hiện ký bổ sung Phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất (do đã hết thời gian ổn định 05 năm) đối với các hợp đồng thuê đất đã quá thời hạn điều chỉnh đơn giá tại Công ty CP Môi trường Sonadezi và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai. - Chỉ đạo Sở Tài nguyên & Môi trường thực hiện các thủ tục trình UBND tỉnh thu hồi khu đất 12.958 m^2 tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai theo Điểm i khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013. - Tổ chức kiểm tra Công ty CP Cấp nước Đồng Nai về việc chấp hành pháp luật về giá, việc thực hiện các quy định pháp luật về lập, thẩm định, phê duyệt phương án giá nước sạch và ban hành biểu giá nước sạch tại tỉnh Đồng Nai. - Chỉ đạo nhóm Người đại diện vốn nhà nước tại Tổng công ty về việc xử lý số lợi nhuận sau thuế chưa chia hết cổ tức cho các cổ đông (trong đó tỷ lệ vốn cổ đông thuộc sở hữu Nhà nước chiếm quyền biểu quyết) tại Tổng công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 30/11/2020. - Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, tham mưu UBND Tỉnh tháo gỡ vướng mắc và xử lý kịp thời để Tổng công ty thực hiện thoái vốn theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt. Nếu các thủ tục tiến hành chậm thì kết quả tư vấn thẩm định giá trị doanh nghiệp hết thời hạn (hiệu lực), Tổng công ty phải ứng chi phí thẩm định giá nhiều lần, không hiệu quả.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
120	**UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hải Phòng, Bình Phước, Kiên Giang, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hải Dương, Hà Nam, Ninh Bình)**	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của TCT Xi măng Việt Nam	Đề nghị UBND các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bình Phước, Kiên Giang, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Dương, Hà Nam, Ninh Bình chỉ đạo các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xem xét và sớm ban hành chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp được trừ làm căn cứ xác định giá tính thuế khi xác định thuế tài nguyên đối với tài nguyên để sản xuất xi măng theo quy định tại điểm c2, khoản 5.1, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính.
121	**Tập đoàn Điện lực Việt Nam**	BCKT Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm Điện lực Quảng Trạch; Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch	1. Chỉ đạo Ban QLDA điện 2 và các bộ phận liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các kiến nghị của KTNN. 2. Đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiểm tra, rà soát, xem xét các chi phí đã thực hiện nhưng chưa bổ sung vào Tổng mức đầu tư đảm bảo đúng quy định của pháp luật. 3. Khẩn trương làm việc với Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thế chấp tài sản của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật để không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. 4. Báo cáo Bộ Công Thương đối với việc chậm tiến độ thực hiện dự án, trình Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tiến độ phù hợp.
122	**Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**	BCKT Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm Điện lực Quảng Trạch; Dự	1. Chỉ đạo Ban QLDA điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch và các đơn vị liên quan đôn đốc thu hồi tạm ứng tại gói thầu Tư vấn quản lý Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Hợp đồng số

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch	56/VQPP-PVPE&POYRY/06-2011/QT1) số tiền 1.422.555.557 đồng theo đúng quy định. 2. Chỉ đạo Ban QLDA điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch phối hợp với Ban QLDA điện 2 và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ bàn giao hồ sơ, chi phí của dự án phần Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Công Thương. 3. Rút kinh nghiệm trong việc: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; công tác lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký hợp đồng; tiến độ thực hiện dự án; chậm thu hồi tạm ứng.
123	**Cục Hàng hải Việt Nam**	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	Xem xét lại nội dung hợp đồng đặt hàng với Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam đối với công tác nạo vét luồng, tuyến hàng hải, cho phù hợp với quy định tại Điều 11 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Phụ lục số 08

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC HỦY BỎ VĂN BẢN PHÁP LUẬT TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

Tổng số: 270 văn bản gồm: 10 luật, 14 nghị định; 04 nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 15 Thông tư và 227 văn bản khác. Cụ thể:

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
I	**Luật (10)**		
1	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu, báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về tài nguyên khoáng sản: Tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định để đảm bảo sự phù hợp giữa Luật Khoáng sản 2010 và Luật Đất đai 2013 liên quan trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản).	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước
2	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm bổ sung quy định đối với hình thức tổ chức, kinh phí, phạm vi hoạt động cơ sở thu dung, điều trị trong hoạt động phòng, chống dịch và liên quan đến việc đăng ký lưu hành thuốc điều trị; chứng nhận lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thực hiện mua sắm vắc xin khi có dịch bệnh. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật khám, chữa bệnh bổ sung quy định đối với hình thức tổ chức, kinh phí, phạm vi hoạt động cơ sở thu dung, điều trị trong hoạt động phòng, chống dịch.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
3	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật Dược liên quan đến việc đăng ký lưu hành thuốc điều trị; chứng nhận lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thực hiện mua sắm vắc xin khi có dịch bệnh.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế
4	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật Đấu thầu liên quan đến việc đăng ký lưu hành thuốc điều trị; chứng nhận lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thực hiện mua sắm vắc xin khi có dịch bệnh.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế
5	**Chính phủ**	Nghiên cứu, trình Quốc hội sửa đổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 về chỉ định thầu đối với các gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ theo hướng thực hiện đấu thầu như đối với các gói thầu khác.	09 báo cáo kiểm toán[1]
6	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội xem xét, điều chỉnh bổ sung: 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai 2013, theo hướng quy định rõ: giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải được quyết định trong thời hạn nhất định kể từ khi ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất. 2. Bổ sung tại Mục 2 Chương 8 của Luật Đất đai 2013 điều khoản quy định cụ thể về thẩm quyền và trình tự thực hiện việc điều chỉnh giá đất, tiền sử dụng đất theo các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

[1] 09 BCKT: Dự án Luồng sông Hậu giai đoạn 2; Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6); Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ; Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30-ĐT.845; Dự án tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		3. Xem xét chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường khi tham mưu cho Chính phủ đề xuất với Quốc hội về sửa đổi Luật Đất đai 2013 bổ sung nội dung quy định tại khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2013 trong trường hợp người dân được nhà nước thu hồi đất và tái định cư tại vị trí đất thu hồi, do trong trường hợp này cần có thời gian để hoàn thiện hạ tầng khu đất thu hồi và nếu xác định tiền sử dụng đất tại thời điểm khi giao đất tái định cư cho người dân (sau thời gian xây dựng hạ tầng) sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi người dân dẫn đến việc không đồng thuận trong thực hiện.	
7	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội bổ sung vào Luật Quy hoạch điều khoản quy định rõ thời hạn phải hoàn thành và phê duyệt quy hoạch tỉnh và sử dụng đất cấp huyện để đảm bảo trình tự quy hoạch sử dụng đất từ trên xuống.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh
8	**Bộ Tài chính**	Bộ Tài chính nghiên cứu khi tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật NSNN một số nội dung: (1) các trường hợp chuyển nguồn phát sinh trong thực tiễn nhưng chưa được quy định cụ thể; (2) quy định cụ thể về "cấp có thẩm quyền" tại điểm đ khoản 3 Điều 64 Luật NSNN quy định về các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau (các khoản dự toán được "cấp có thẩm quyền" bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán).	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	**Bộ Tài chính**	Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền về cơ chế sử dụng, quyết toán nguồn dự phòng NSTW bổ sung có mục tiêu cho các địa phương trong khi dự phòng NSĐP cuối năm còn dư và một số địa phương bố trí chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
10	**Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ KH&ĐT nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định để đảm bảo sự thống nhất giữa Luật NSNN (và các văn bản hướng dẫn thi hành) và Luật Đầu tư công (và các văn bản hướng dẫn thi hành) về: (1) Thời điểm phải hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm sau tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật NSNN cho phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật Đầu tư công; (2) Thẩm quyền, thời lượng kiểm tra (rà soát) dự toán chi đầu tư phát triển hay KHV đầu tư công; tránh chồng chéo, trùng lặp, không thống nhất giữa các quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật NSNN năm 2015 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP với khoản 3 Điều 65 Luật Đầu tư công, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
II	**Nghị định (14)**		
1	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về TNKS: Tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ, cụ thể: Bổ sung quy định việc xử lý số tiền cấp quyền KTKS đã phê duyệt đối với những trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép, đã được phê duyệt tiền cấp quyền KTKS, chưa tiến hành khai thác mà giấy phép đã hết hạn hoặc bị thu hồi giấy phép; bổ sung khoản 5 Điều 6 thêm trường hợp "khoáng sản làm VLXD thông thường thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND tỉnh"; bổ sung quy định cụ thể việc xác định hệ số thu hồi khoáng sản (K1) trong trường hợp trữ lượng khai thác được cấp phép bằng trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác và đối với khai thác cát lòng song; Quy định cụ thể việc xác định chỉ tiêu thể trọng tự nhiên của khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được phê duyệt.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
2	**Chính phủ**	Xem xét thống nhất mức vốn tạm ứng tối đa giá trị hợp đồng tại khoản 5 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và tại điểm a, khoản 3, Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.	11 báo cáo kiểm toán[2]
3	**Chính phủ**	Xem xét bãi bỏ quy định mức vốn tạm ứng tính trên cả giá trị dự phòng tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.	05 báo cáo kiểm toán[3]
4	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu và báo cáo Chính phủ sửa đổi Nghị định số 146/2018/NĐ-CP để khắc phục vướng mắc trong việc quy định đối tượng đóng BHYT và việc thanh quyết toán chi phí KCB BHYT.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021.
5	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội bổ sung quy định tại các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai về quyết toán chi phí hạ tầng tính trong chi phí phát triển của phương án giá đất của các dự án.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh
6	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội xem xét điều chỉnh, bổ sung: Rà soát lại các quy định về thủ tục và thẩm quyền cho phép việc phân lô, bán nền giữa Luật Đất đai, Nghị định 148/2020/NĐ-CP, Nghị định 11/2013/NĐ-CP đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng để thực hiện.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

[2] 11 BCKT: Dự án Đường 991B từ Quốc lộ 51 đến hạ lưu cảng Cái Mép; Dự án Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT.787B-ĐT.789; Dự án Luồng sông Hậu - giai đoạn 2; Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6); Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ; Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76.

[3] 05 BCKT: Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ; Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
7	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Xem xét, nghiên cứu để tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 hướng dẫn về thành phần, hình thức văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp GPKT khoáng sản ở khu vực có dự án xây dựng công trình quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản.	Kiểm toán Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
8	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Xem xét, nghiên cứu để tham mưu cho Chính phủ bổ sung, sửa đổi đối với Nghị định 158/2016/NĐ-CP và Nghị định 67/2019/NĐ-CP để thống nhất về thời điểm xác định và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Kiểm toán Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
9	**Chính phủ**	Chính phủ xem xét sửa đổi bổ sung Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản phù hợp với Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội đối với một số nội dung quy định chưa thống nhất, dẫn đến địa phương khó áp dụng để thực hiện, cụ thể: (1) Sửa khoản 2, Điều 17 của Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 38 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; (2) Sửa khoản 1, Điều 18 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật đấu giá tài sản 2016.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Sơn La
10	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Tham mưu trình Chính phủ xem xét, sửa đổi tại mục III - Phần thứ 2 của Mẫu số 07 (Báo cáo kết quả thẩm định) - Phụ lục II của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ: "Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 10 của Nghị định này" thành "Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị định này" cho phù hợp với nội dung quy định trong Nghị định.	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
11	**Chính phủ**	Xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo hướng bổ sung quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng tài sản trên đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (đối với trường hợp không phải thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất) đảm bảo phù hợp với Điều 94 của Luật Đất đai "Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của Chính phủ".	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai
12	**BHXH Việt Nam**	Báo cáo Chính phủ xem xét sự khác nhau giữa Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 và Nghị định 146/2018/NĐ-CP về chính sách BHYT đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thanh Hóa
13	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Bộ KH&ĐT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu bất cập trong quy định kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công hàng năm tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP (thẩm quyền quyết định đối với vốn NSĐP của HĐND cấp tỉnh) để tham mưu cấp có thẩm quyền hướng khắc phục.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
14	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính**	Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến dự án đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, cụ thể: (1) Bộ KH&ĐT nghiên cứu tham mưu chỉnh sửa quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Đầu tư công; (2) Bộ Tài chính nghiên cứu ban hành các quy định về báo cáo tình hình giải ngân, quyết toán theo niên độ của dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn này.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
III	**Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (04)**		
1	**Chính phủ**	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/NQ-CP, Nghị quyết số 145/NQ-CP cho phù hợp với tình hình *"Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19"* theo Nghị quyết số 128/NQ-CP, theo đó: quy định cụ thể chế độ hỗ trợ cho lực lượng y tế lưu động điều trị F0 tại nhà và bổ sung quy định mức phụ cấp đối với Trung tâm chỉ huy phòng chống dịch Covid-19	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
2	**Chính phủ**	Quy định cụ thể khái niệm "đơn vị, địa phương có số nhiễm cao Covid-19" quy định Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 19/11/2021 làm cơ sở cho các địa phương dễ dàng thực hiện	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
3	**Thủ tướng Chính phủ**	Chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí đáp ứng điều kiện ưu đãi xã hội hóa các Trường Đại học cho phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
4	**Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 phù hợp với thực tế triển khai, cụ thể: 1. Tại khoản 3 Điều 27 quy định đối với trường hợp F0 tự đảm bảo xuất ăn của mình thì có được nhận số tiền theo mức quy định và nhận số tiền chênh lệch thiếu so mức ăn đã ăn?; bổ sung thủ tục cần thiết đối với trường hợp F0 bị mất các giấy tờ theo quy định tại khoản này. 2. Tại khoản 4 Điều 27 quy định đối với trường hợp F1 cách ly tập trung tự đảm bảo suất ăn của mình thì có được nhận số tiền theo quy định hoặc được nhận số tiền chênh lệch thiếu so với mức ăn đã ăn?; bổ sung thủ tục cần thiết đối với trường hợp F1 bị mất các giấy tờ theo quy định tại khoản này. 3. Tại Điều 28 bổ sung quy định đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo 100% chi thường xuyên thì không được hưởng chính sách này do các đối tượng này thu nhập không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. 4. Tại Điều 31 đối tượng, điều kiện hỗ trợ quy định: Hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ cần làm các thủ tục gì để được hưởng chính sách trong trường hợp hướng dẫn viên có thẻ hướng dẫn viên du lịch, có làm việc cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhưng không có hợp đồng lao động với đơn vị kinh doanh dịch vụ trong tình hình dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
III	**Thông tư (15)**		
1	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về TNKS: Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016: Ban hành bổ sung quy định về phương pháp, cách tính trữ lượng cát, sỏi bồi lắng gia tăng trong diện tích mỏ hàng năm; chưa có quy định, phương pháp xác định được về bán kính ảnh hưởng có thể dẫn đến sạt lở bờ sông.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước
2	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về TNKS: Sửa đổi Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020: Bổ sung quy định cụ thể việc giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động cao hơn mức giá tối đa của Bộ Tài chính nhưng không vượt 20% thì nên phân cấp cho UBND cấp tỉnh ban hành để chủ động, kịp thời xử lý đối với thị trường luôn biến động.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước
3	**Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính**	Liên bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 9/9/2014 hiện đang quy định "*Đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản, giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 203/2013/NĐ-CP*", vì hiện tại Phụ lục I tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP đã được thay thế.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lào Cai
4	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Xem xét sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo hướng để phù hợp về cùng thời gian niêm yết thông báo mất giấy CNQSDĐ khi làm thủ tục cấp lại giấy CNQSDĐ với khoản 2 Điều 77 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về cấp CNQSDĐ.	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
5	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 theo hướng quy định thời hạn lập và gửi 03 loại hình báo cáo của Bộ NN&PTNT về số liệu thống kê và đánh giá thiệt hại.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	**Bộ Giao thông vận tải**	Nghiên cứu, đề xuất Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BGTVT-BTC do căn cứ các văn bản đã hết hiệu lực.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải
7	**Bộ Tài chính**	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn cụ thể đối với việc kê khai, hoàn thuế GTGT dự án đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư thực hiện trên nhiều địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi đóng trụ sở chính.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020
8	**Bộ Tài chính**	Xem xét sửa đổi khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị
9	**Bộ Tài chính**	Xem xét, nghiên cứu, rà soát để thống nhất giữa Thông tư số 152/2015/TT-BTC và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về cách xác định *"Chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp được trừ khi xác định giá tính thuế"* đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của TCT Xi măng Việt Nam

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
10	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 39/2018/TT-BYT về phương pháp tính giường thực tế sử dụng và ngày giường điều trị nội trú đảm bảo công bằng, phù hợp trong việc sử dụng và thanh toán chi phí giường bệnh của người bệnh.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021
11	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 48/2017/TT-BYT để bổ sung quy định về việc gửi dữ liệu điện tử thay thế phục vụ quản lý, giám định, thanh toán chi phí KCB BHYT.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021
12	**Bộ Y tế**	Tham mưu trình Chính phủ bổ sung một số quy định đối với Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ Y tế bổ sung quy định về định mức chi phí vận chuyển mẫu bệnh phẩm từ cơ sở y tế lấy mẫu đến cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ.
13	**Bộ Xây dựng**	Xem xét về việc ban hành định mức cho công tác đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng tổ hợp thiết bị búa đóng cọc nổi (gồm cả xà lan và máy phụ trợ) vì tổ hợp thiết bị này được sử dụng phổ biến tại Đồng bằng sông Cửu Long nhưng Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ chưa ban hành; đồng thời xem xét bỏ hướng dẫn áp dụng tại Chương III Phần 2 Phụ lục II Công tác thi công cọc Thông tư 12/2021/TT-BXD "định mức đóng cọc bằng máy đóng cọc dưới nước chưa tính đến công tác làm sàn đạo, xà kẹp, phao nổi" do tại Thông tư này không có định mức đóng cọc bằng máy đóng cọc dưới nước.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Cần Thơ

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
14	**Bộ Công Thương**	Đề nghị Bộ Công Thương xem xét sửa đổi Điều 6 của Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 về quy định nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản để phù hợp với Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu
15	**Bộ Tài chính**	Xem xét hướng dẫn cụ thể đối với các địa phương trong việc xác định chỉ tiêu tổng mức vay trong năm khi lập báo cáo quyết toán; đồng thời nghiên cứu, rà soát lại quy định về việc trình bày chỉ tiêu Tổng mức dư nợ cuối năm tại các mẫu biểu theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC (Biểu 60) và Thông tư số 343/2016/TT-BTC (Biểu 62/CK-NSNN) để đảm bảo tính thống nhất.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
IV	**Văn bản khác (227)**		
1	**Tổng cục Khí tượng thủy văn**	Sửa đổi Quy chế kiểm tra, nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Tổng cục phù hợp với Quyết định số 388/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	**Tổng cục Khí tượng thủy văn**	Ban hành mẫu biểu quy định nội dung, hình thức Giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn theo đúng Mẫu quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ KH&CN.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	**Cục Viễn thám**	Lập quy trình vận hành đối với Trạm thu nhận ảnh viễn thám trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	**Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường**	Xây dựng quy chế quản lý hợp đồng, định mức chi phí đối với từng loại hợp đồng để quản lý theo dõi đảm bảo có lãi trong hoạt động dịch vụ.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
5	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo kế hoạch; sửa đổi một số định mức theo kiến nghị của KTNN năm 2018.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Nghiên cứu xây dựng, ban hành văn bản thay thế Thông tư số 70/2015/TT-BTNMT ngày 23/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động do căn cứ trên các nghị định của Chính phủ đã hết hiệu lực.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
7	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Ban hành văn bản thay thế Quyết định số 2538/QĐ-BTNMT ngày 10/8/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường do căn cứ trên các nghị định của Chính phủ đã hết hiệu lực.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
8	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Rà soát, sửa đổi phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, phụ cấp làm đêm trong bộ đơn giá ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2020 đảm bảo đúng quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Bãi bỏ mức hao phí 5% giá trị công cụ dụng cụ, 8% vật liệu có giá trị thấp trong các bộ đơn giá do không có trong quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
10	**Liên minh Hợp tác xã Việt Nam**	Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ hợp tác xã TW, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
11	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	Phối hợp với Bộ Tài chính tiếp tục ban hành định mức sử dụng xe chuyên dùng, xe chức danh theo quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
12	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	Nghiên cứu ban hành Quy trình duy tu bảo dưỡng đê điều từ các tuyến đê cấp 3 đến các tuyến đê cấp đặc biệt để làm cơ sở thực hiện bảo dưỡng đê điều hàng năm từ cấp trung ương đến cấp địa phương.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	Khẩn trương xây dựng sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN các lĩnh vực theo hướng dẫn Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 31/6/2021 của Chính phủ.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	**Bộ Giao thông vận tải**	Xem xét bãi bỏ Quyết định số 52/2007/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2007 của Bộ Giao thông vận tải do căn cứ các văn bản đã hết hiệu lực.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải
15	**Bộ Giao thông vận tải**	Xây dựng Quy trình bảo trì công trình luồng hàng hải để làm căn cứ lập Kế hoạch bảo trì hàng năm theo quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải
16	**Bộ Giao thông vận tải**	Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn cơ sở thi công và nghiệm thu công tác nạo vét thay thế Quy trình số 924-QĐ/KT4 ngày 25/4/1975 để làm căn cứ lập kế hoạch nạo vét, duy tu Công trình hàng hải hàng năm theo quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải
17	**Bộ Giao thông vận tải**	Xây dựng đơn giá ca máy sà lan tự hành, hệ thống nhận diện tàu, giám sát môi trường để làm căn cứ xây dựng kế hoạch lập dự toán.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
18	**Bộ Giao thông vận tải**	Tổ chức nghiên cứu sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 5109/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải đối với chiều rộng dải an toàn lề ngoài để đảm bảo an toàn tốc độ khai thác 80Km/h theo quy định.	BCKT việc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45-Nghi Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020
19	**Bộ Giao thông vận tải**	Kiểm tra, rà soát các quy định tại Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 27/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành để ban hành chính thức làm cơ sở lựa chọn giải pháp công nghệ thiết kế, thi công công trình giao thông.	Báo cáo kiểm toán Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình
20	**Bộ Xây dựng**	Chỉ đạo Cục Quản lý hoạt động xây dựng phối hợp các đơn vị chức năng có liên quan tham mưu cho Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện thu phí thủ tục về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Thiết kế xây dựng kịp thời thu NSNN theo đúng quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Xây dựng
21	**Bộ Xây dựng**	Nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định tại Quyết định số 1198/QĐ-BXD ngày 20/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình, theo hướng quy định rõ trách nhiệm đối với các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thẩm định thiết kế, dự toán, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị và theo các quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Xây dựng
22	**Bộ Xây dựng**	Ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Xây dựng

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
23	**Viện Kiến trúc Quốc gia**	Nghiên cứu, ban hành định mức chi phí lập thiết kế điển hình để có cơ sở áp định mức đúng quy định hiện hành.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Xây dựng
24	**Bộ Thông tin và Truyền thông**	Ban hành theo thẩm quyền của Bộ các văn bản quản lý đối với tài sản là đơn vị sự nghiệp, xe ô tô để khắc phục những hạn chế của Quyết định số 525/QĐ-BTTTT ngày 09/4/2020 và Quyết định số 434/QĐ-BTTTT ngày 27/3/2020 của Bộ TT&TT.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông
25	**Bộ Thông tin và Truyền thông**	Ban hành thay thế Quyết định số 1507/QĐ-BTTTT ngày 30/8/2016 của Bộ TT&TT về định mức chi tạm thời do không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động của Cục Bưu điện Trung ương.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông
26	**Bộ Thông tin và Truyền thông**	Đề xuất sửa đổi, bổ sung mức thu đối với một số trường hợp nằm giữa khoảng: "Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông" và "Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông" trong Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông
27	**Bộ Thông tin và Truyền thông**	Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, nghiên cứu, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể về: (i) Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; (ii) Hướng dẫn hạn mức và phương pháp xác định từng loại chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư, dự toán.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
28	**Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh**	Sửa đổi và ban hành các Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo phù hợp các văn bản hiện hành; hạch toán, theo dõi tài sản, đối chiếu công nợ đúng quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao
29	**Nhà khách Chính phủ**	Sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó cần quy định cụ thể: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với công cụ, dụng cụ văn phòng; đối tượng được khoán tiền cước điện thoại tại nhà riêng và di động; định mức tiêu hao vật tư công cụ dụng cụ; tỷ lệ trích lập nguồn cải cách tiền lương.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao
30	**Học viện Ngoại giao**	Sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó cần quy định cụ thể về việc thực hiện quy đổi thời gian thực hiện các hoạt động chuyên môn khác như coi thi và chấm thi kết thúc học phần ra giờ giảng chuẩn để quy đổi ra giờ dạy chuẩn, trên cơ sở đó tính thanh toán lương vượt giờ với các giảng viên có giờ vượt theo quy định; không quy định cơ chế đóng góp theo tỷ lệ các nguồn thu từ hợp đồng, đề án, dự án không sử dụng Ngân sách Nhà nước giữa các bộ phận chuyên môn của Học viện Ngoại giao do các bộ phận chuyên môn không phải là đơn vị hạch toán độc lập.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao
31	**Học viện Ngoại giao**	Sửa đổi Quyết định số 1302/QĐ-HVNG ngày 11/12/2020 ban hành Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc, chính sách đối với giảng viên theo các văn bản quy định hiện hành do quy định này được căn cứ trên văn bản đã hết hiệu lực từ ngày 12/12/2020.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao
32	**Bộ Ngoại giao**	Xây dựng định mức phân bổ dự toán kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ áp dụng cho từng Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài làm căn cứ phân bổ kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2020/TT-BTC.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
33	**Bộ Ngoại giao**	Sửa đổi một số nội dung chi (Chi khen thưởng, trang phục đối ngoại, phần thưởng, học bổng dành cho sinh viên; khám sức khỏe định kỳ....) ban hành tại Quyết định số 2024/QĐ-BNG ngày 08/9/2020 của Bộ Ngoại giao đảm bảo phù hợp các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03/2/2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; sửa đổi đảm bảo tính đồng nhất quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 với khoản 1 Điều 5 Quyết định số 2024/QĐ-BNG ngày 08/9/2020 của Bộ Ngoại giao.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao
34	**Bộ Ngoại giao**	Ban hành văn bản hướng dẫn các nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở trong phạm vi Bộ Ngoại giao theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao
35	**Bộ Tài chính**	Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn về các khoản thu, chi phí của Quỹ hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều 41, 42 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP; văn bản hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ hợp tác xã; hướng dẫn xử lý các vấn đề về tài chính khi tổ chức lại, chuyển đổi mô hình hoạt động các Quỹ hợp tác xã; hướng dẫn chế độ kế toán đối với Quỹ hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1, Điều 51 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
36	**Bộ Tài chính**	Ban hành văn bản đề nghị các địa phương rà soát, quyết toán kinh phí thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP, Nghị quyết 68/NQ-CP năm 2021 gửi Bộ để xác định kinh phí cấp thừa, thiếu và xử lý theo quy định.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Tài chính

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
37	**Bộ Tài chính**	Phối hợp với Bộ Y tế trong việc ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương bố trí ngân sách để hoàn lại phần kinh phí mua sắm tập trung vật tư trang thiết bị, hóa chất, phương tiện phục vụ phòng, chống dịch do ngân sách địa phương phải bảo đảm theo Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Tài chính
38	**Bộ Tài chính**	Xem xét sửa đổi điểm h khoản 1 điều 2 Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06/9/2016 của Bộ Tài chính để đảm bảo phù hợp với trách nhiệm thống kê nhà nước về hải quan được quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BTC ngày 10/6/2020 và Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính, xem xét sửa đổi để đảm bảo sự phù hợp giữa Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06/9/2016 và Thông tư số 02/2019/TT-BTC	BCKT công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021
39	**Bộ Tài chính**	Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn về các khoản thu, chi phí của Quỹ hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều 41, 42 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP; văn bản hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ hợp tác xã; hướng dẫn xử lý các vấn đề về tài chính khi tổ chức lại, chuyển đổi mô hình hoạt động các Quỹ hợp tác xã; hướng dẫn chế độ kế toán đối với Quỹ hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1, Điều 51 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
40	**Bộ Tài chính**	Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước theo nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 08/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải để các địa phương có cơ sở pháp lý trong quản lý việc sử dụng nguồn thu này.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
41	**Bộ Công Thương**	Nghiên cứu sửa đổi hệ thống văn bản về NLTT trong đó: - Bộ Công Thương cần có chính sách dài hạn để phát triển NLTT, trong đó lưu ý đến phát triển các dự án ĐMTMN để có lộ trình phát triển phù hợp, được quản lý đầy đủ bởi các cơ quan có thẩm quyền để góp phần giảm thiểu chi phí xã hội, tạo điều kiện tiếp cận nguồn năng lượng sạch. - Đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà: Nghiên cứu, ban hành việc quản lý công trình ĐMTMN cần thiết phải xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển điện lực của tỉnh; quy định ngày vận hành thương mại đối với Hệ thống ĐMTMN; quy định tỷ lệ lượng điện sử dụng và lượng điện dư bán cho bên mua điện của hệ thống ĐMTMN. - Phối hợp với các Bộ/Ngành và Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng cơ chế đấu thầu và ban hành các thủ tục liên quan đến công tác đấu thầu đảm bảo khách quan và thu hút nhà đầu tư trong lĩnh vực NLTT.	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
42	**Bộ Công Thương**	Ban hành văn bản hướng dẫn trong công tác kiểm tra nghiệm thu trước khi đấu nối tránh xảy ra tình trạng một số tồn tại về thủ tục pháp lý, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, chưa kịp thời kiểm tra công tác nghiệm thu của cấp có thẩm quyền.	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
43	**Bộ Công Thương**	Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc ban hành văn bản, hướng dẫn xử lý môi trường đối với tấm quang điện bị hỏng, hết tuổi thọ hoặc kết thúc vòng đời của dự án.	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
44	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu, xem xét ban hành tiêu chuẩn, định mức vật tư, hóa chất, trang thiết bị y tế phục vụ cho công tác phòng, chống dịch, bảo đảm đủ dự phòng và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực hiện có theo đúng thẩm quyền.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế
45	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng liên quan để tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ có hướng dẫn cụ thể để áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với mặt hàng trang thiết bị y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời giải quyết các vướng mắc về hồ sơ, tài liệu của các hàng hóa viện trợ, tài trợ trong việc xác lập quyền sở hữu toàn dân cũng như các quy trình, thủ tục đối với trang thiết bị y tế đã qua sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của các hàng hóa được tiếp nhận.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế
46	**Bộ Y tế**	Kịp thời ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định số 29/2022/NĐ-CP ngày 29/4/2022 của Chính phủ.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
47	**Bộ Y tế**	Rà soát và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về BHYT để đảm bảo các quy định được xây dựng đầy đủ, phù hợp, cụ thể: (i) Chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển bảo hiểm y tế theo qui định tại điểm 2 Điều 6 Luật BHYT năm 2008; (ii) Gói dịch vụ y tế cơ bản do quỹ bảo hiểm y tế chi trả theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi BHYT; (iii) Giá DVYT thống nhất theo hạng bệnh viện qui định tại khoản 20, Điều 1 Luật sửa đổi BHYT; (iv) Quy định chuyên môn, kỹ thuật, quy trình KCB và hướng dẫn điều trị theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi BHYT; (v) Phương thức thanh toán chí phí KCB BHYT theo quy định tại Điều 30 Luật BHYT.	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021
48	**Bộ Y tế**	Nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 4210/2017/QĐ-BYT để bổ sung đầy đủ các trường dữ liệu nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám định chi phí KCB BHYT.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021
49	**Bộ Y tế phối hợp với Bộ Nội vụ; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính**	Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể loại công việc được hưởng theo định mức ngày công 24/24h, loại công việc ngày công 8h/ngày đối với các lực lượng tuyến đầu và các lực lượng khác tham gia chống dịch.	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hà Nội
50	**Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính**	Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu trình Chính phủ bổ sung một số quy định cụ thể: Đối với Nghị quyết số 58/2021/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ bổ sung quy định chế độ cụ thể đối với các đối tượng tham gia phục vụ công tác tiêm chủng vắc xin không phải là cán bộ y tế như lực lượng bảo vệ, phân luồng, hậu cần.	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
51	**Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính**	Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu trình Chính phủ bổ sung một số quy định cụ thể đối với Nghị quyết số 16/2021/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19: - Tại Điều 2 bổ sung văn bản hướng dẫn quy định rõ về chế độ phụ cấp chống dịch cho Tổ phòng, chống Covid-19 cộng đồng tại các địa phương; - Tại tiết b khoản 5 Điều 1 bổ sung quy định rõ đối với trường hợp các đối tượng được hỗ trợ tiền ăn nhưng không báo ăn với cơ sở thực hiện cách ly y tế mà tự đảm bảo các bữa ăn cho mình thì có được nhận bằng tiền mặt theo mức quy định hay không. - Tại Điều 2, Nghị quyết số 16/2021/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ: Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu trình Chính phủ bổ sung cách xác định thời giờ làm việc trong ngày, khối lượng công việc trong ngày để xác định chế độ phụ cấp chống dịch phù hợp với khối lượng công việc thực tế đảm bảo hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách nhà nước[4].	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ.
52	**Ủy ban Dân tộc**	Nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 199/QĐ-UBDT ngày 18/4/2017 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí đặc thù phục vụ công tác của Ủy ban Dân tộc quy định rõ các trường hợp rủi ro đột xuất được hỗ trợ.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Ủy ban Dân tộc
53	**Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**	Chỉ đạo các đơn vị rà soát, bổ sung, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định cụ thể các nội dung, định mức chi và đảm bảo tính công khai, thống nhất, phù hợp với các quy định hiện hành; xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu của Quỹ học bổng Vừ A Dính làm căn cứ hoạt động và hàng năm lập BCTC theo quy định.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

[4] Tại BCKT Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
54	**Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**	Quyết định chấm dứt hiệu lực hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế đối với Quyết định số 562-QĐ/TWĐTN ngày 29/5/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về quản lý và tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
55	**Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**	Rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế quản lý khoa học được ban hành kèm theo tại Quyết định số 526/QĐ-KHXH ngày 10/5/2021 đảm bảo đúng quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
56	**Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của các tạp chí được ban hành kèm theo tại Quyết định số 376/QĐ-KHXH ngày 7/4/2020 đảm bảo đúng quy định hiện hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của tạp chí.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
57	**Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**	Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
58	**Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy đinh tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ thay thế cho 02 quyết định đã ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ không còn phù hợp.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
59	**Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**	Rà soát, sửa đổi, ban hành quy định việc xét giao nhiệm vụ đề tài, dự án, quy trình kiểm tra giám sát: Bổ sung tiêu chí về việc chấp hành chế độ báo cáo và hiệu quả ứng dụng thương mại hóa của các tổ chức, cá nhân được giao tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; việc kiểm tra định kỳ, giữa kỳ để có sự điều chỉnh về cơ cấu vốn kịp thời giữa nguồn NSNN với nguồn vốn huy động; quy định điều kiện cụ thể xác định chức danh thực hiện nghiên cứu khoa học (thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học; thành viên); quy định trong việc lưu trữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu thuyết minh để đảm bảo tính minh bạch trong thực hiện công tác xét chọn, tuyển chọn.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
60	**Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**	Ban hành quy định, quy trình công tác mua sắm quản lý, sử dụng vật tư, hóa chất cho nghiên cứu khoa học để quản lý thống nhất theo quy định hiện hành.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
61	**Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**	Ban hành quy định việc sử dụng hình ảnh, tên, logo của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để đảm bảo áp dụng thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
62	**Kiểm toán nhà nước**	Chỉ đạo các đơn vị rà soát, sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm bao quát nguồn thu và các nội dung chi (định mức tin bài đối với báo điện tử, chi quản lý lớp học, báo biếu tặng…).	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kiểm toán nhà nước
63	**Kiểm toán nhà nước**	Xem xét ban hành định mức trang thiết bị đặc thù cho phóng viên, biên tập viên.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kiểm toán nhà nước

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
64	**Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội; Trường Đại học Tây Bắc**	Rà soát việc ban hành các quy chế, quy định của Hội đồng trường để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
65	**Trường Đại học Mỏ - Địa chất**	Bổ sung, sửa đổi Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
66	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Rà soát, tham mưu cho Chính phủ nội dung thu hồi kinh phí đối với sinh viên sư phạm được NSNN hỗ trợ chi phí sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
67	**Bộ Giáo dục và Đào tạo**	Nghiên cứu, xem xét tham mưu cho Chính phủ về lộ trình tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ phù hợp với chủ trương chính sách, quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
68	**Chính phủ**	Xem xét thống nhất mức vốn tạm ứng tối đa giá trị hợp đồng tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30 - ĐT.845
69	**Bảo hiểm xã hội Việt Nam**	Sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách trong công tác phòng, chống dịch Covid.19: Rà soát việc hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành thực hiện giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ-BNN để sửa đổi, hướng dẫn thực hiện giảm đóng đúng quy định.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ Bảo hiểm xã hội Việt Nam

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
70	**Bảo hiểm xã hội Việt Nam**	Rà soát, nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 trong việc quy định in và chuyển phát mẫu C12, C13, C14	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
71	**Bảo hiểm xã hội Việt Nam**	Nghiên cứu sửa đổi Quy trình giám định bảo hiểm y tế để đảm bảo đáp ứng đầy đủ điều kiện thanh toán bảo hiểm y tế, đặc biệt điều kiện về quy trình chuyên môn do cấp có thẩm quyền quy định.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
72	**UBND tỉnh Hà Nam**	Sửa đổi Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam quy định về bố trí đất xây dựng nhà ở xã hội, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 49/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2021
73	**UBND tỉnh Hà Nam**	Sửa đổi quy định về vật liệu đắp san nền tại Điều 8, vật liệu lót móng hè tại Điều 9, Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 của UBND tỉnh Hà Nam đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với điều kiện địa phương và hướng dẫn của Bộ Xây dựng về sử dụng vật liệu.	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2021
74	**UBND tỉnh Hà Nam**	Xem xét điều chỉnh sửa đổi Điều 1, Công văn 1278/UBND-KTTH ngày 01/8/2014 về Phương pháp xác định tiền sử dụng đất đối với các dự án đô thị, khu nhà ở, dự án BT có quy định đối với việc Chi phí đầu tư các dự án BT không tính chi phí lãi vay để đảm bảo đúng quy định pháp luật về chi phí đầu tư của dự án BT	Kiểm toán NSĐP năm 2021, Báo cáo quyết toán NSĐP và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Hà Nam

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
75	**UBND tỉnh Hà Nam**	Rà soát sửa đổi, bổ sung Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hà Nam phù hợp với các văn bản hướng dẫn hiện hành	Kiểm toán NSĐP năm 2021, Báo cáo quyết toán NSĐP và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Hà Nam
76	**HĐND thành phố Hà Nội**	Xem xét sửa đổi, hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét sửa đổi các quy định về chế độ, chính sách cho các lực lượng tham gia phòng, chống dịch, trong đó có lực lượng làm nhiệm vụ tiêm phòng cho phù hợp giữa các đối tượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19.	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hà Nội
77	**UBND tỉnh Vĩnh Phúc**	Đối với UBND tỉnh: Chỉ đạo các Sở, ngành và đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành bổ sung, sửa đổi quy định tại "Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng" của Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cho phù hợp quy định tại Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết đinh số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc
78	**UBND tỉnh Vĩnh Phúc**	Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17, Nghị định 04/2019/NĐ-CP để làm cơ sở sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 và khoản 1 Điều 25 Nghị định 04/2019/NĐ-CP	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
79	**HĐND tỉnh Vĩnh Phúc**	Đề nghị HĐND tỉnh Vĩnh Phúc xem xét sự phù hợp của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định một số chế độ hỗ trợ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn với quy định tại Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Vĩnh Phúc
80	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	UBND tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo Liên ngành Tài chính - Tài nguyên và Môi trường - Cục Thuế - Sở Xây dựng rà soát, điều chỉnh lại hướng dẫn về một số chỉ tiêu trong phương pháp thặng dư, thu nhập làm căn cứ xác định giá đất cụ thể. Trong đó: (i) Quy định cụ thể về cách tính giá doanh thu trường hợp phải xây nhà theo quy hoạch gắn liền với đất; (ii) Hướng dẫn cụ thể cách xác định doanh thu tương lai có tính đến xu hướng và mức độ biến động của giá chuyển nhượng, giá cho thuê đảm bảo nguyên tắc theo yêu cầu tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT, đồng thời với việc thực hiện xây dựng và công bố chỉ số giá bất động sản hàng năm; (iii) Không đưa hướng dẫn cách xác định chi phí kiểm định chất lượng công trình chung cho nhà cao tầng; (iv) Quy định cụ thể về hệ số lợi thế khi tính doanh thu đối với các lô đất tiếp giáp sân chơi, mặt hồ, cây xanh; (v) Quy định việc đưa khoản chi phí bảo vệ đất trồng lúa vào ngay trong giá khởi điểm để đảm bảo việc thu nộp kịp thời và cơ sở pháp lý về nghĩa vụ tài chính của các chủ đầu tư.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh
81	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Báo cáo, xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ TN&MT và Bộ Xây dựng về việc tỉnh Bắc Ninh thực hiện cơ chế quyết toán với ngân sách nhà nước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng được tính là chi phí phát triển trong phương án giá đất xác định theo phương pháp thặng dư. Căn cứ ý kiến của các Bộ, UBND tỉnh thực hiện chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện việc quyết toán chi phí xây dựng hạ tầng theo quy định.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
82	**UBND tỉnh Bắc Ninh**	Ban hành quy định về khu vực giáp ranh để phục vụ việc xây dựng giá đất khu vực giáp ranh với các tỉnh xung quanh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh
83	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh, trong đó: (i) Quy định cụ thể về thời điểm, căn cứ xác định giá đất, trình tự thủ tục phối hợp giữa các đơn vị để đảm bảo phê duyệt tiền sử dụng đất đồng thời với thời điểm phê duyệt giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; (ii) Báo cáo, xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để quy định cụ thể về việc có hay không phải quyết toán và nguyên tắc điều chỉnh giá đất, tiền sử dụng đất khi quyết toán chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tính trong chi phí phát triển của các dự án xác định giá đất theo phương pháp thặng dư, đồng thời lưu ý đến việc xử lý chuyển tiếp đối với những dự án đã phê duyệt giá đất, tiền sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư 36/2014/TT-BTNMT; (iii) Quy định cụ thể việc xác định thống nhất một số chỉ tiêu, thông số trong tính giá đất như định mức lợi nhuận của nhà đầu tư, chi phí dự phòng xây dựng, chi phí bán hàng.	Kiểm toán việc giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất của một số dự án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
84	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Xây dựng rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ công ích đảm bảo theo đúng quy định về phụ cấp độc hại; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về đơn giá dịch vụ công ích áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh tại Văn bản số 1838/UBND-CNXD ngày 08/12/2017 về đơn giá dịch vụ công ích ban hành trên địa bàn tỉnh.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
85	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Xây dựng rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ công ích đảm bảo theo đúng quy định về phụ cấp độc hại; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về đơn giá dịch vụ công ích áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh tại Quyết định 614/QĐ-UBND ngày 27/03/2019 về ban hành đơn giá tạm thời xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt tại dự án khu xử lý, tái chế và thu hồi năng lượng chất thải rắn Hòa Bình của Công ty TNHH Năng lượng môi trường Bắc Việt.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022
86	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Xây dựng rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ công ích đảm bảo theo đúng quy định về phụ cấp độc hại; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về đơn giá dịch vụ công ích áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh tại Quyết định số 1909/QĐ-UBND về đơn giá xử lý rác cho huyện Mai Châu.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022
87	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để đảm bảo phù hợp quy định, cụ thể: Điều chỉnh đúng quy định về phụ cấp độc hại tại Quyết định 2297/QĐ-UBND ngày 15/1/2016 về phê duyệt đơn giá dịch vụ VSMT và đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cao Phong.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022
88	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để đảm bảo phù hợp quy định, cụ thể: Điều chỉnh đúng quy định về phụ cấp độc hại tại Quyết định 83/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 phê duyệt đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nhà máy xử lý rác Lương Sơn của chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư thương mại Hoàng Long; rà soát đơn giá xử lý rác bằng phương pháp đốt của nhà máy xử lý rác Lương Sơn để đảm bảo thống nhất với các đơn vị khác về chi phí ăn ca, lương phụ 16% lương cấp bậc.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
89	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để đảm bảo phù hợp quy định, cụ thể: Điều chỉnh đúng quy định về phụ cấp độc hại tại Quyết định 1043/QĐ-UBND ngày 20/06/2017 về phê duyệt đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn huyện Lương Sơn.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022
90	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để đảm bảo phù hợp quy định, cụ thể: Điều chỉnh đúng quy định về phụ cấp độc hại của tất cả các hạng mục công việc và chi phí quản lý chung của công tác thu gom rác sinh hoạt mã MT.2.01.02 tại Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 29/1/2016 về duyệt đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác thải của huyện Yên Thủy.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022
91	**UBND tỉnh Hòa Bình**	Chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn để đảm bảo phù hợp quy định, cụ thể: Điều chỉnh đúng quy định về phụ cấp độc hại của tất cả các hạng mục công việc và chi phí quản lý chung của công tác vận hành bãi chôn lấp và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (mã MT3.01.00, MT3.02.00, MT3.03.00) tại Quyết định 154/QĐ-UBND ngày 23/1/2018 về duyệt đơn giá dịch vụ công ích của huyện Tân Lạc.	Kiểm toán hoạt động việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2022
92	**Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An**	Xây dựng văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện hỗ trợ cho đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 theo quy định.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Nghệ An
93	**UBND tỉnh Quảng Bình**	Ban hành Quyết định quy định rõ trách nhiệm của các sở, ngành liên quan trong việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT.	Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Bình

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
94	**UBND tỉnh Quảng Ngãi**	Bãi bỏ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 về việc phê duyệt giá khởi điểm để áp dụng cho đấu giá quyền khai thác các mỏ cát vàng làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do không còn phù hợp với quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.	Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
95	**UBND tỉnh Bình Định**	Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan: Rà soát, tham mưu ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo và công trình sự nghiệp khác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định
96	**UBND tỉnh Bình Định**	Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan: Rà soát, trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) và ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN. Trường hợp có khó khăn khách quan, UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định
97	**UBND tỉnh Bình Định**	Đề nghị UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các văn bản quy định các chính sách chi cho con người vượt quy định của TW do UBND tỉnh ban hành không đúng thẩm quyền quy định Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, cụ thể: Tiếp tục thực hiện kiến nghị KTNN năm 2020 liên quan đến việc bãi bỏ Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về việc hỗ trợ phụ cấp (25%) cho giáo viên được điều động về làm công tác quản lý hành chính tại Phòng giáo dục và đào tạo của các huyện, thị trên địa bàn tỉnh không đúng qui định.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định
98	**UBND tỉnh Bình Định**	Hủy bỏ Công văn số 3086/UBND-TH ngày 06/06/2019 của UBND tỉnh về việc chi hỗ trợ công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công theo với mức hỗ trợ 500.000đ/người/tháng.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
99	**UBND tỉnh Bình Định**	Hủy bỏ Công văn số 354/SNV-TCBC ngày 17/03/2020 của Sở Nội vụ về việc chi trả tiền lương đối với lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn nghiệp vụ và nhân viên lái xe theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định
100	**UBND tỉnh Bình Định**	Đề nghị UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định tạm thời chính sách, chế độ ưu đãi đối với các trường THPT chuyên trên địa bàn tỉnh Bình Định. Rà soát, báo cáo cáo HĐND tỉnh ban hành quy định các chính sách, chế độ ưu đãi đối với các trường THPT chuyên trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính pháp lý và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định
101	**UBND tỉnh Quảng Ngãi**	Đề nghị UBND tỉnh rà soát, bãi bỏ các văn bản do ban hành các chính sách chi cho con người nhưng không có trong qui định của Luật NSNN, vượt định mức quy định của Chính phủ đối với Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 04/2/2016 về chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi
102	**UBND tỉnh Quảng Ngãi**	Đề nghị UBND tỉnh rà soát, bãi bỏ các văn bản do ban hành các chính sách chi cho con người nhưng không có trong qui định của Luật NSNN, vượt định mức quy định của Chính phủ đối với Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường THPT Chuyên Lê Khiết.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi
103	**HĐND tỉnh Quảng Ngãi**	Xem xét lại việc ban hành Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh Trường THPT chuyên Lê Khiết phù hợp các văn bản của Trung ương, việc viện dẫn văn bản chưa phù hợp.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
104	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các sở, ngành có liên quan chấm dứt hiệu lực của các Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND, Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND, Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND của UBND Thành phố.	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
105	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan tham mưu xây dựng văn bản quy định và hướng dẫn chủ đầu tư quyết toán đối với các dự án được phê duyệt trước thời điểm Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành.	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
106	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan xây dựng và trình UBND TPHCM ban hành bộ tiêu chí để đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực, kinh tế của nguồn vốn ngân sách tham gia Chương trình; xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể để kiểm soát việc giải ngân, sử dụng vốn vay của CĐT.	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
107	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Thu hồi Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND Thành phố và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
108	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh quy định việc thực hiện các Chính sách kích cầu đầu tư (nếu HĐND ban hành các Nghị quyết tiếp tục thực hiện Chương trình), trong đó lưu ý quy định rõ việc tổ chức triển khai thực hiện quy chế làm việc của Tổ liên ngành và phân công nhiệm vụ của các thành viên Tổ liên ngành; Quy định cụ thể các tiêu chí để thẩm định các dự án trình phê duyệt tham gia Chương trình; các quy định về thủ tục giải ngân lãi vay được hỗ trợ lãi suất để thực hiện giải ngân; trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong xử lý vi phạm của các CĐT.	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
109	**HĐND Thành phố Hồ Chí Minh**	Chấm dứt hiệu lực của Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 8/10/2018 hoặc rà soát và ban hành văn bản bổ sung, chỉnh sửa Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ban hành Quy định về kích cầu đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh nếu tiếp tục kéo dài thời hạn thực hiện Nghị quyết.	Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh
110	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Tổ chức rà soát và sửa đổi Quyết định 53/2017/UBND phù hợp với quy định hiện hành.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
111	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Tổ chức xây dựng và ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ công phù hợp quy định Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
112	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Tổ chức rà soát, sửa đổi và ban hành các bộ định mức, đơn giá, văn bản hướng dẫn thay thế các bộ định mức, đơn giá không còn phù hợp, đồng thời báo cáo Bộ Xây dựng đối với các công tác chưa có quy định tại các bộ định mức do Bộ Xây dựng ban hành.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
113	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Chỉ đạo Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải rà soát tham mưu cho UBND Thành phố có văn bản hướng dẫn thực hiện thống nhất về việc áp dụng tỷ lệ % chi phí chung và lợi nhuận định mức trong các lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ công; ban hành hướng dẫn quy đổi khối lượng bùn vận chuyển thống nhất trên địa bàn.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
114	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Kịp thời ban hành định mức dự toán công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy xử lý nước thải và trạm bơm trên địa bàn TP.HCM.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
115	**Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh**	Tổ chức rà soát, cập nhật Bộ đơn giá được ban hành theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND TP.HCM về ban hành Bộ đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn TP.HCM phù hợp với Quyết định số 511/QĐ-BGTVT ngày 18/4/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn phương pháp xây dựng một số định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đảm bảo việc xác định giá đúng chủng loại, quy cách, thông số kỹ thuật của hàng hóa phù hợp với giá cả thị trường và tuân thủ các quy định có liên quan về lĩnh vực giá, thẩm định giá.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019 - 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
116	**Sở Xây dựng TP Hồ Chí Minh**	Tổ chức rà soát, sửa đổi Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23/12/2019 của Sở Xây dựng phù hợp với Quyết định 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hiện hành của Bộ Xây dựng nhằm đảm bảo tiết kiệm.	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
117	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Xem xét lại giá thuê nhà tại Quyết định số 3346/QĐ-UB-QLĐT ngày 07/10/1994 đã ban hành từ 18 năm trước để đảm bảo giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phù hợp với giá thị trường.	Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
118	**UBND Thành phố Hồ Chí Minh**	Rà soát, sửa đổi quy định tại Điều 11 Quyết định 02/2016/QĐ-UBND về nội dung chi bồi dưỡng tiền ăn trưa của Đoàn kiểm tra công tác hòa giải, phù hợp quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.	Kiểm toán NSĐP 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh
119	**UBND tỉnh Long An**	Chỉ đạo Sở Công Thương rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định về khoản thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, do Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành chưa quy định cụ thể mức thu tiền thuê, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ và mức thu phí chợ (nay là khoản thu giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ theo quy định của Luật Giá) để phục vụ cho công tác quản lý chợ (quy định tại mục I Thông tư số 67/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính).	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Long An
120	**Cục Thuế tỉnh Long An**	Thu hồi hoặc sửa đổi Văn bản số 3212/CTLAN-NVDTPC ngày 04/11/2021 của Cục Thuế tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Quyết định 27/2021/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, do có quy định phân cấp ban hành quyết định giảm tiền thuê đất không đúng quy định của Luật Quản lý thuế. Đồng thời, kiểm tra, rà soát 03 quyết định giảm tiền thuê đất cho tổ chức trên địa bàn thị xã Kiến Tường do Chi cục Thuế khu vực Kiến Tường - Mộc Hóa ban hành để đảm bảo việc miễn giảm đúng quy định.	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Long An
121	**UBND tỉnh Tây Ninh**	Ban hành Quyết định điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh phù hợp theo quy định hiện hành	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
122	**Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh**	Thu hồi Công văn số 3611/STC-QLNS ngày 17/11/2020 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn nội dung chưa phù hợp với cơ cấu giá thành sản phẩm trong đơn giá theo Quyết định 16/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh
123	**UBND tỉnh Bình Dương**	Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đơn giá, giá dịch vụ giáo dục theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Kiểm toán NSĐP, báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Bình Dương
124	**UBND tỉnh Cà Mau**	Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Cà Mau đã quy định UBND huyện, thành phố tổ chức xác định giá đất cụ thể làm căn cứ để tính thu tiền SDĐ, tiền bồi thường GMPB gửi Sở TN&MT kiểm tra, trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 28, 29 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT của Bộ TN&MT (quy định Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan có trách nhiệm lập kế hoạch định giá đất cụ thể và chuẩn bị thực hiện định giá đất cụ thể).	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Cà Mau
125	**Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau**	Tham mưu UBND tỉnh sửa hủy bỏ khoản 7 Điều 7 Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Cà Mau quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau không phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Cà Mau

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
126	**UBND tỉnh Hậu Giang**	UBND tỉnh Hậu Giang ban hành quy định mức thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp.	Kiểm toán Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
127	**UBND thành phố Hải Phòng**	Báo cáo Bộ Tài chính cho ý kiến và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét về việc tổ chức ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước chưa đảm bảo lộ trình theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hải Phòng
128	**UBND thành phố Hải Phòng**	UBND thành phố Hải Phòng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, rà soát việc qui định thời hạn báo cáo về công tác đấu thầu của các chủ đầu tư với đơn vị quản lý về đấu thầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 và thời hạn báo cáo về công tác đấu thầu của UBND cấp tỉnh với Bộ Kế hoạch và Đầu tư qui định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29/7/2019 để thuận lợi trong công tác thực hiện của địa phương.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hải Phòng
129	**Tổng Cục thuế**	Đề nghị Tổng Cục thuế sửa đổi, bổ sung về thời hạn kiểm tra tại trụ sở của Người nộp thuế tại điểm 4.6, mục II, phần II Quy trình kiểm tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế để đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 110 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 tỉnh Bắc Giang
130	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Nghiên cứu xây dựng ban hành quy định về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu lĩnh vực lựa chọn nhà đầu tư cho các tổ chức, cá nhân theo quy định tại mục 1 điều 15 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 và mục 2 điều 16 Luật Đấu thầu năm 2013.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
131	**Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, hướng dẫn rõ khi thực hiện khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 QH14 *(thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là một nội dung trong thẩm định chủ trương đầu tư)* và khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 *(dự án được bố trí vốn trung hạn là dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư)*. Trường hợp có vướng mắc, bất cập thì tham mưu trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 để khắc phục vướng mắc, bất cập.	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 tỉnh Bắc Giang
132	**UBND tỉnh Hải Dương**	Chỉ đạo các cơ quan khác thực hiện: Các đơn vị có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh Hải Dương ban hành quyết định phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đầy đủ các lĩnh vực theo quy định.	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Hải Dương
133	**UBND tỉnh Hải Dương**	Ban hành văn bản thực hiện giảm giá nước sạch sinh hoạt, tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt nhưng nội dung văn bản thể hiện miễn tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt, miễn thuế GTGT, miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt chưa đúng thẩm quyền; rà soát tác động của văn bản đã ban hành (*Công văn số 942/UBND-VP ngày 23/3/2021 và Công văn số 3249/UBND-VP ngày 06/9/2021*) để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các thiệt hại xảy ra (nếu có); huỷ bỏ 02 văn bản trên theo quy định hiện hành.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Hải Dương
134	**UBND tỉnh Bắc Giang**	Thu hồi Văn bản số 6056/UBND-KGXV ngày 15/11/2021 về việc chưa áp dụng đơn giá test nhanh, test PCR theo Thông tư số 16/2021/TT-BTC do không đúng thẩm quyền. Rà soát tác động của việc ban hành văn bản nói trên để xử lý trách nhiệm tương ứng với hậu quả tác động của văn bản.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bắc Giang
135	**Bệnh viện Phổi Bắc Giang**	Bãi bỏ các quyết định ban hành đơn giá không đúng thẩm quyền: Quyết định số 308/QĐ-BVP ngày 23/7/2021, Quyết định số 317/QĐ-BVP ngày 30/7/2021, Quyết định số 316/QĐ-BVP ngày 30/7/2021, Quyết định số 442/QĐ-BVP ngày 28/12/2021.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Bắc Giang

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
136	**Chính phủ**	Xem xét có hướng dẫn bảo đảm thống nhất các trường hợp huỷ đấu giá khi nhà đầu tư không nộp tiền đúng phương án đấu giá giữa thực hiện Luật Đấu giá và Luật Đất đai để tránh gây khó khăn vướng mắc.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai
137	**UBND tỉnh Lào Cai**	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định tại khoản 3 Điều 3, khoản 3 Điều 9 và Điều 11 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai theo hướng đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai
138	**UBND tỉnh Lào Cai**	Xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4, Điều 1, điểm g, khoản 1, Điều 22 của Quyết định 502/QĐ-UBND ngày 26/2/2014 của UBND tỉnh về khoanh định vùng không đấu giá khoáng sản, cho phù hợp với quy định với Nghị định số 158/2016/NĐ-CP do hiện tại quy định tại các điểm, khoản, điều trên chưa thống nhất với quy định của Nghị định.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lào Cai
139	**UBND tỉnh Lào Cai**	Xem xét sửa đổi quy định về giá tính thuế tài nguyên đối với tinh quặng đồng có hàm lượng Cu ≥ 20% của Mỏ đồng Sin Quyền và Mỏ đồng Vi Kẽm, huyện Bát Xát (bao gồm cả phần bạc) tại các quy định ban hành giá tính thuế tài nguyên của Tỉnh (Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 29/9/2017, Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 31/12/2017, Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 4/8/2020, Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020) do giá tính thuế các mỏ đồng cùng hàm lượng khác không có bạc cũng có giá tính thuế bằng với mỏ đồng cùng hàm lượng có thêm bạc.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lào Cai
140	**UBND tỉnh Lào Cai**	Xem xét ban hành giá tính thuế tài nguyên đối với "Oxit Vonfram thương phẩm (W3>= 50%)", theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 do hiện tỉnh chưa quy định giá tính thuế đối với khoáng sản này.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lào Cai

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
141	**UBND tỉnh Lai Châu**	Xem xét sửa đổi bổ sung Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 về quy định tỷ lệ quy đổi khoáng sản làm vật liệu xây dựng từ số lượng thành phẩm ra số lượng nguyên khai; tỷ lệ quy đổi từ m^3 sang tấn trên địa bản tỉnh Lai Châu. Bổ sung các sản phẩm theo khai thác, chế biến thực tế của địa phương *(như: đá xô bồ, đá mi, đá mi bụi, cát xay...)* tạo điều kiện cho trong việc kê khai thuế và Phí bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trên địa bàn.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu
142	**UBND tỉnh Lai Châu**	Sửa đổi điểm d, khoản 5, Điều 2 của Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 về Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Lai Châu ngày 18/5/2016 để phù hợp với quy định của Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28/01/2022 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu
143	**UBND tỉnh Lai Châu**	Sửa đổi điểm a, khoản 11, Điều 2 của Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu để phù hợp với Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5//2019 Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Quy hoạch.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu
144	**UBND tỉnh Lai Châu**	Sửa đổi khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu và điểm c, khoản 3, Điều 9 của Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 về Quy định quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu để phù hợp với quy định của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
145	**UBND tỉnh Yên Bái**	UBND tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 25 của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái
146	**UBND tỉnh Yên Bái**	Nghiên cứu ban hành chính sách để hỗ trợ đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động *(lao động tự do)* và một số đối tượng đặc thù khác theo quy định tại điểm 12 Mục II, điểm 8 Mục III của Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ; quy định rõ tiêu chí xác định đối tượng theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ để hỗ trợ cho các đối tượng đang hoạt động trên địa bàn địa phương quản lý.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái
147	**UBND tỉnh Lào Cai**	Đề nghị UBND tỉnh xem xét bãi bỏ quy định tại khoản 2, Điều 4 Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 do không còn phù hợp với quy định của pháp luật như kết quả kiểm toán đã trình bày tại điểm h, khoản 2.2.4, mục 2.2 của BCKT.	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lào Cai
148	**HĐND tỉnh Điện Biên**	Xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND về phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi theo hướng: 1. Bổ sung quy định về việc phân chia các khoản thu Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. 2. Rà soát chỉnh sửa khoản 8 Điều 4 để đảm bảo tính thống nhất với phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi đã được giao dự toán cho các huyện năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên giao dự toán thu chi năm 2022 cho các huyện.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán Chuyên đề "Việc quản lý sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
149	**HĐND tỉnh Lai Châu**	Xem xét chỉnh sửa Điều 31 của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/12/2021 của HĐND chưa đúng với quy định của khoản 1 Điều 10 của Luật Ngân sách nhà nước (Văn bản khác 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021).	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lai Châu; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 666) tại tỉnh Lai Châu
150	**UBND tỉnh Phú Thọ**	Sửa đổi Văn bản số 113/2015/UBND-TH2 *"Về việc khấu trừ và nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 2% trên số tiền thanh toán KLHT các công trình, hạng mục công trình XDCB bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh"* để phù hợp với tiết a khoản 5 Điều 13 của Thông tư số 80/2021/TT-BTC.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Phú Thọ
151	**UBND tỉnh Phú Thọ**	Sửa đổi, điều chỉnh Điều 15 của Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành; sửa đổi khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 17/2012/QĐ-HĐQL về mức ứng vốn cho các dự án cho phù hợp.	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Phú Thọ
152	**UBND tỉnh Phú Thọ**	UBND tỉnh ban hành quy định hướng dẫn tiêu chí cụ thể theo quy định tại khoản 21, Điều 1 của Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 6/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Phú Thọ
153	**UBND tỉnh Sơn La**	Sửa đổi, điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 1389/QĐ-UBND cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 08/2017/TT-BTC và khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính (tồn tại nêu tại điểm c mục 2.4.2 phần II Mục A, phần thứ nhất).	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
154	**UBND tỉnh Sơn La**	Đề nghị UBND tỉnh Sơn La: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát để ban hành quy định giá dịch vụ thoát nước và quản lý, sử dụng nguồn thu dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh Sơn La cho phù hợp với hướng dẫn của Thông tư mới (tồn tại nêu tại mục 2.2.2 phần II Mục A, phần thứ nhất).	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La
155	**UBND tỉnh Ninh Thuận**	Sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.
156	**UBND tỉnh Ninh Thuận**	Điều chỉnh Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận cho phù hợp với các văn bản mới ban hành.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
157	**UBND tỉnh Ninh Thuận**	Tham mưu điều chỉnh Quyết định số 108/2017/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 Quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai của một số loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh phù hợp với các loại khoáng sản thành phẩm của Bảng giá tính thuế tài nguyên.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
158	**UBND tỉnh Ninh Thuận**	Điều chỉnh tăng khu vực cấm hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh về quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi song.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
159	**UBND tỉnh Ninh Thuận**	Chỉ đạo Sở Công Thương tham mưu điều chỉnh Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 về Quy chế quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để phù hợp với các văn bản mới ban hành.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
160	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	UBND chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quyết định tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa.
161	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 về phê duyệt đơn giá để giao kế hoạch thực hiện dịch vụ quản lý, bảo vệ rừng năm 2021 đối với 2 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm hương và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Khánh Hòa phù hợp với quy định.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa.
162	**UBND tỉnh Khánh Hòa**	Ban hành Quyết định quy định về việc lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng. Đồng thời giao cơ quan chức năng kiểm tra rà soát chi phí quản lý chung trong công tác lập dự toán chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn theo Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng và xử lý theo quy định của pháp luật (trừ các đơn vị được kiểm toán tại thành phố Nha Trang, Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa giai đoạn năm 2019-2021).	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
163	**HĐND tỉnh Khánh Hòa**	Ban hành Nghị quyết quyết định tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa
164	**UBND tỉnh Lâm Đồng**	UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định điều chỉnh đơn giá tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 về đơn giá xây dựng công trình - Phần dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Lâm Đồng
165	**UBND tỉnh Đồng Tháp**	UBND tỉnh ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh; đồng thời, có văn bản trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về định mức chi thù lao cho người về hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại hội đặc thù theo định mức quy định tại Điều 1 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Đồng Tháp
166	**Cục thuế tỉnh Đồng Tháp**	Cục thuế tỉnh Đồng Tháp hủy bỏ Công văn số 2375/CT-TTr ngày 09/10/2017 của Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp trả lời chính sách ưu đãi về thuế đối với Công ty TNHH Gạo Tân Hiệp Thành chưa đúng quy định điểm b khoản 5, khoản 8 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Đồng Tháp

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
167	**Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang**	Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 về quy chế tài trợ, cho vay và hỗ trợ của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang với mức lãi suất cho vay đối với các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao phù hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
168	**Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang**	Sở Tài chính hủy bỏ hoặc điều chỉnh Văn bản số 374/STC-QLNS ngày 09/02/2021 về việc hướng dẫn công tác quyết toán ngân sách nhà nước, trong đó hướng dẫn ngân sách cấp huyện, cấp xã chi chuyển nguồn kinh phí BSCMT từ ngân sách cấp trên còn chưa sử dụng hết sang năm sau, chưa phù hợp theo quy định khoản 3 Điều 64 Luật NSNN 2015.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
169	**UBND thành phố Mỹ Tho**	UBND thành phố Mỹ Tho hủy bỏ Công văn số 6616/UBND-VP ngày 12/11/2018 quy định về chi phí quản lý chung trong dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị, lợi nhuận định mức trên chi phí trực tiếp do ban hành chưa đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị; hủy bỏ Văn bản số 1562/UBND-VP ngày 25/3/2020 về đơn giá xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Mỹ Tho do ban hành chưa đúng thẩm quyền theo Mục 4, Phần I Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng và quy định tại khoản h Điều 6 Quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
170	**UBND tỉnh An Giang**	UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh định mức, đơn giá dịch vụ công ích phù hợp quy định hiện hành và phù hợp thực tiễn Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc Công bố định mức dịch vụ công ích đô thị tỉnh An Giang.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang
171	**UBND tỉnh An Giang**	UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh định mức, đơn giá dịch vụ công ích phù hợp quy định hiện hành và phù hợp thực tiễn Quyết định số 94/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh An Giang quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang
172	**UBND tỉnh An Giang**	UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh định mức, đơn giá dịch vụ công ích phù hợp quy định hiện hành và phù hợp thực tiễn Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của UBND tỉnh An Giang về việc giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh An Giang.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang
173	**UBND tỉnh An Giang**	UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh định mức, đơn giá dịch vụ công ích phù hợp quy định hiện hành và phù hợp thực tiễn Văn bản số 1320/UBND-KTTH ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh An Giang về việc áp dụng điều chỉnh hệ số nhân công, chi phí chung và lợi nhuận định mức công tác dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang
174	**UBND tỉnh An Giang**	UBND tỉnh ban hành đơn giá một số dịch vụ theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (Dịch vụ vận tải công cộng tại các đô thị, quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ công/công ích, quy trình quản lý giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đối với các dịch vụ công ích quản lý công viên, trồng và chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng; Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và Dịch vụ vận tải công cộng tại các đô thị).	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
175	**UBND tỉnh An Giang**	UBND tỉnh ban hành quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh An Giang
176	**UBND tỉnh Trà Vinh**	Ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế làm cơ sở cho việc đầu tư, mua sắm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế tại các cơ sở y tế do địa phương quản lý theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18, Điều 27 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.	Báo cáo kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh
177	**UBND tỉnh Đồng Tháp**	Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố trên địa bàn theo quy định.	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ các tỉnh Đồng Tháp
178	**UBND tỉnh Tiền Giang**	1. Kịp thời hoàn thiện các văn bản hướng dẫn theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền về giá thu dịch vụ xét nghiệm. 2. Trình HĐND xem xét điều chỉnh, bổ sung điều khoản về tổ chức thực hiện quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 liên quan nội dung quy định tại Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 về giá dịch vụ xét nghiệm (đã được hướng dẫn áp dụng trong thực hiện dịch vụ xét nghiệm Covid-19 từ năm 2020 nhưng đến hiện tại chưa có quy định điều chỉnh) hoặc có hướng dẫn thực hiện phù hợp tránh trường hợp liên quan một nội dung phát sinh có nhiều nội dung hướng dẫn thực hiện khác nhau thuộc nhiều văn bản khác nhau.	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ các tỉnh Tiền Giang

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
179	**UBND tỉnh Trà Vinh**	Rà soát Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 để điều chỉnh giá đất ở tại các vùng giáp ranh giữa xã, phường, thị trấn cho phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai và giá thị trường nhằm tạo nguồn thu vào NSNN. Rà soát để trình HĐND xem xét điều chỉnh các quy định liên quan nội dung và tỷ lệ điều tiết các khoản thu điều tiết giữa ngân sách tỉnh, huyện, xã phù hợp hơn với nguyên tắc phân cấp nguồn thu và thực tế quản lý thu trên địa bàn theo quy định của Luật NSNN.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
180	**UBND tỉnh Trà Vinh**	Xem xét ban hành văn bản, sửa đổi và bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng chống thiên tai phù hợp quy định và thực tế quản lý địa phương.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
181	**UBND tỉnh Trà Vinh**	UBND tỉnh ban hành quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
182	**UBND tỉnh Trà Vinh**	Rà soát, điều chỉnh giá bán nước sạch phù hợp từng đối tượng theo quy định tại Bảng giá tiêu thụ nước sạch được ban hành kèm theo Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh; điều chỉnh định mức tiêu hao nguyên vật liệu phù hợp các quy định hiện hành và tình hình sản xuất thực tế; thực hiện các thủ tục pháp lý đối với các thửa đất đang sử dụng sau khi thực hiện cổ phần hóa DNNN theo quy định; chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xác lập hồ sơ pháp lý đối với các thửa đất nhận chuyển nhượng từ người dân phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
183	**HĐND thành phố Hồng Ngự, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp**	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở cho việc phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, thành phố theo đúng quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
184	**UBND tỉnh Cao Bằng**	Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh ban hành quy định về mức thù lao cho từng thành viên Ban biên tập theo sự đóng góp, duyệt tin, bài được đăng trên Cổng thông tin điện tử quy định tại khoản 1, Điều 7 Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cao Bằng
185	**UBND tỉnh Cao Bằng**	Các cơ quan chức năng tham mưu UBND tỉnh Cao Bằng ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 9652/VPCP-KTTH ngày 18/11/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cao Bằng
186	**UBND tỉnh Hà Giang**	UBND tỉnh ban hành bộ đơn giá sản phẩm lĩnh vực tài nguyên môi trường theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT thay thế cho các bộ đơn giá sản phẩm ban hành tại các Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 14/12/2018, Quyết định số 2767/QĐ-UBND, Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 14/12/2018.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Hà Giang
187	**UBND tỉnh Hà Giang**	UBND tỉnh Hà Giang ban hành văn bản quy định đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công làm cơ sở để thực hiện theo phương thức đặt hàng phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Hà Giang
188	**UBND tỉnh Hà Giang**	UBND tỉnh Hà Giang ban hành quy định mức giá cụ thể đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Thông tư 73/2018/TT-BTC.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Hà Giang

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
189	**HĐND tỉnh Lạng Sơn**	Xem xét, sửa đổi quy định (khoản 2.1, mục III, phần I, phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Lạng Sơn) ngân sách cấp xã được hưởng 100% nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực công, thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do các xã, thị trấn nộp là chưa phù hợp với thực tế cấp xã không được phân cấp quản lý doanh nghiệp.	Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 tỉnh Lạng Sơn
190	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn phối hợp với UBND tỉnh, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 của tỉnh**	Ban hành văn bản quy định trong việc thực hiện quản lý, phân phối tiền, hàng cứu trợ, quyết định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phương thức vận động, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế trên địa bàn, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 64/2008/NĐ-CP ngày 14/05/2008 và Khoản 4, Điều 10 Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
191	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành kế hoạch (5 năm và hàng năm) theo quy định tại khoản 2, Mục VI, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên
192	**HĐND tỉnh Thái Nguyên**	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương đối với các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế - dân số, bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 và quy định tại khoản 1 Điều 37, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
193	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại khoản 3 Điều 37 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên
194	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	Chỉ đạo Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành khai thác sử dụng phần mềm "Số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên" theo quy định.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên
195	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	Chỉ đạo Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành khai thác sử dụng phần mềm "Hệ thống đấu giá công trực tuyến" theo quy định.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên
196	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	Ban hành văn bản quy định mức giá đặt hàng từ ngân sách nhà nước đối với giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 2, Nghị quyết 118/NQ-CP ngày 10/8/2020 của Chính phủ.	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
197	**UBND tỉnh Thái Nguyên**	Ban hành văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện thống nhất các chế độ, chính sách cho những người làm việc tại các Điểm hỗ trợ nhân dân phòng, chống dịch Covid-19.	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
198	**UBND tỉnh Thái Nguyên phối hợp với UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên**	Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố trên địa bàn theo quy định.	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
199	**HĐND tỉnh Bắc Kạn**	Nghiên cứu xem xét sửa đổi việc phân cấp nguồn thu đối với khoản thuế thu nhập cá nhân tại điểm d, khoản 1, Điều 5 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Kạn theo hướng một khoản thu thuế thu nhập cá nhân không phân cấp cho cả ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã hưởng 100%.	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bắc Kạn
200	**Sở Tài chính tỉnh Thái Bình**	Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét điều chỉnh Văn bản số 281/UBND-TM ngày 23/02/2012 của UBND tỉnh Thái Bình phù hợp với Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và các Chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thái Bình

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
201	**UBND tỉnh Thái Bình**	Chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và ban hành quy định về yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý việc thu gom vận chuyển rác thải trên địa bàn để làm cơ sở thực hiện theo khoản a điểm 1 Điều 3 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình; ban hành hướng dẫn phương pháp xác định tỷ lệ xử lý rác thải bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% theo khoản a điểm 2 Điều 3 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Bình.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thái Bình
202	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	1. Chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát lại nội dung chi tiền lương của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB theo hướng dẫn tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND để đảm bảo các nội dung chi phù hợp với quy định tại điểm 1 Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/05/2015 của Bộ Tài chính. 2. Chỉ đạo Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị liên quan thực hiện xây dựng thông báo giá vật liệu đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, khoản 1 Điều 19 Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng, khoản b Điều 1 Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23/3/2022 của Bộ Xây dựng.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
203	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	Sửa đổi quy định về thu hồi kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ không hoàn thành tại điểm d khoản 2 Điều 17 Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh cho phù hợp với quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
204	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	Hủy bỏ Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 của UBND tỉnh về việc quy định mức phụ cấp cho Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký Ủy ban Đoàn kết Công giáo tỉnh và các công văn của UBND tỉnh về việc giao định suất lao động cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không đúng quy định của pháp luật có liên quan.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk
205	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	Thu hồi Công văn số 1931/STC-QLNS ngày 30/8/2018 trả lời UBND huyện Ea H'leo về việc chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk
206	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	Chỉ đạo UBND thành phố Buôn Ma Thuột: Hủy bỏ Công văn số 35/UBND-NV ngày 12/01/2012 và Công văn số 483/UBND-NV ngày 03/4/2014 của UBND thành phố về việc giải quyết chế độ tiền lương và hỗ trợ thêm cho nhân viên Tổ Quản lý đô thị xã, phường chưa đúng thẩm quyền.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk
207	**Tổng cục Thuế**	Sửa đổi quy định thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế tại Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục Thuế từ không quá 05 ngày làm việc thành không quá 10 ngày làm việc cho phù hợp với quy định tại điểm c khoản 4 Điều 110 Luật Quản lý thuế 2019.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk
208	**UBND tỉnh Đắk Lắk**	Tham mưu HĐND tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 17/07/2014 Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đối với các mỏ đất san lấp và quy hoạch khoáng sản tại thành phố Buôn Ma Thuột.	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
209	**UBND tỉnh Kon Tum**	Thu hồi Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 do ủy quyền cho Cục trưởng Cục Thuế ban hành Quyết định miễn, giảm tiền thuê đất chưa phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật số 47/2019/QH14.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Kon Tum
210	**Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai**	Sửa đổi Quyết định số 253/QĐ-SGDĐT ngày 14/4/2021 về việc quy định các đơn vị sự nghiệp công lập mức tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Gia Lai

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
211	**UBND huyện Chư Pưh- Gia Lai**	UBND huyện Chư Pưh: Xây dựng giá nước sạch trên địa bàn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Gia Lai
212	**HĐND tỉnh Gia Lai**	Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai: Rà soát, xem xét lại quy định người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh (Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận) được hưởng phụ cấp hằng tháng từ nguồn NSNN tại Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 để phù hợp với khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Gia Lai
213	**UBND tỉnh Gia Lai**	Ban hành tỷ lệ quy đổi từ khoáng sản thành phẩm sang khoáng sản nguyên khai đối với khoáng sản chì, kẽm để người nộp thuế có cơ sở kê khai phí Bảo vệ môi trường.	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
214	**UBND tỉnh Gia Lai**	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên cho năm tiếp theo liền kề theo quy định	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
215	**Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông**	Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu UBND tỉnh sửa đổi quy định tại khoản 28, Mục I của Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-UBND đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013.	Kiểm toán NSĐP, báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Nông
216	**Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông**	Đối với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng tại đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc theo quy định	Kiểm toán NSĐP, báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Nông
217	**Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông**	Trung tâm Hành chính công tỉnh: Thu hồi Văn bản số 67/HCC-HCTH ngày 15/12/2017 quy định việc khai, nộp phí, lệ phí thay cho Sở Giao thông vận tải (và các sở, ngành khác) không đúng quy định về kê khai phí, lệ phí.	Kiểm toán NSĐP, báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Nông

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
218	**UBND tỉnh Đắk Nông**	Ban hành định mức phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp làm căn cứ tính thuế tài nguyên theo quy định tại điểm c2 Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
219	**UBND tỉnh Đắk Nông**	Ban hành tỷ lệ quy đổi đối với đá granite ốp lát để làm căn cứ xác định thuế tài nguyên, phí BVMT phải nộp theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
220	**Bộ Giao thông vận tải**	Sớm ban hành đơn giá ca máy, thiết bị thi công phù hợp trong bộ định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 44/2018/BGTVT ngày 03/8/2018 của Bộ Giao thông Vận tải và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác phun hút chất nạo vét từ âu chứa tạm lên bãi chứa chi tiết theo các cự ly phun hút phù hợp với đặc tính thiết bị để các đơn vị làm cơ sở trong việc lập, thẩm định và phê duyệt dự toán, quyết toán và quản lý chi phí nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải mà KTNN đã kiến nghị tại Thông báo số 152/TB-KTNN ngày 27/7/2020 và Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam phát hành kèm theo Công văn số 663/KTNN-TH ngày 07/12/2018.	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam
221	**UBND tỉnh Đồng Nai**	Xem xét, quyết định điều chỉnh Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 do chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 13 và khoản 3 Điều 52 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ (đối với tiền thuê đất giai đoạn DNNN, trước khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần) và chưa phù hợp với Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Sonadezi	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp
222	**UBND tỉnh Bình Thuận**	Chỉ đạo Sở Nội vụ, rà soát sửa đổi bổ sung Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong đơn vị SNCL, theo hướng phải nêu rõ đối tượng đơn vị SNCL được áp dụng định mức biên chế theo quyết định này cho phù hợp với quy định hiện hành.	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Thuận

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
223	**UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**	Rà soát để hủy bỏ hoặc điều chỉnh nội dung Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 ban hành Quy chế phối hợp luân chuyển hồ sơ để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không bao quát trường hợp luân chuyển hồ sơ để thu tiền sử dụng đất của người sử dụng đất được giao (cho thuê) đất thông qua hình thức đấu giá đất theo điều 118 Luật Đất đai 2013.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021; Chuyên đề việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
224	**UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**	Chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu UBND Tỉnh: Xây dựng, ban hành định mức, đơn giá của một số công tác dịch vụ công cần thiết theo thực tế như: Công tác tưới thảm cỏ, bồn hoa, cây cảnh bằng hệ thống tự động; công tác duy trì vệ sinh bãi biển; công tác vận chuyển rác sinh hoạt bằng xe ép rác kín cho quy trình vận hành thùng ép rác; công tác nạo vét cống ngầm bằng thiết bị cụm tời để áp dụng khi lập, giao dự toán, quyết toán kinh phí đảm bảo tính chính xác.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021; Chuyên đề việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
225	**UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**	Chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quy định về: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước theo Khoản 8, Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; về quản lý, bảo vệ môi trường phù hợp Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trong đó quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021; Chuyên đề việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
226	**UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**	Chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu UBND tỉnh tham mưu ban hành quy chế phối hợp và quy định thực hiện thu nộp tiền trúng đấu giá đất theo quy định của pháp luật; ban hành các mẫu Quy chế đấu giá, Phương án đấu giá và Quyết định công nhận kết quả đấu giá có các nội dung phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành để áp dụng nhất quán trên toàn Tỉnh.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021; Chuyên đề việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
227	**UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**	Đối với Công ty CP Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu: Đề nghị UBND Tỉnh sớm ban hành quyết định đánh giá, phân loại người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 159/2020/NĐ-CP.	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021; Chuyên đề việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Phụ lục số 08a

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC HỦY BỎ VĂN BẢN PHÁP LUẬT TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
I	**Luật (10)**			
1	**Luật Khoáng sản 2010** **Luật Đất đai 2013** **Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Theo Quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định, các dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: "Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản". Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản năm 2010 quy định "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản". Do vậy, các dự án, giấy phép KTKS làm VLXD thông thường, than bùn… do UBND tỉnh cấp phép không thuộc trường hợp được nhà nước thu hồi đất. Dẫn đến khi UBND tỉnh thực hiện đấu giá quyền KTKS là VLXD thông thường, sau khi đấu giá thành công, đơn vị trúng đấu giá để tiến hành KTKS phải tự thỏa thuận bồi thường với người dân để nhận chuyển nhượng hoặc thuê lại đất KTKS, thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 (sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất).	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về tài nguyên khoáng sản: Tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định để đảm bảo sự phù hợp giữa Luật Khoáng sản 2010 và Luật Đất đai 2013 liên quan trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản).	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
2	**Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm** **Luật Khám, chữa bệnh** **Bộ Y tế**	Về hoạt động khám, chữa bệnh đối với các cơ sở điều trị: Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 30/2021/QH15 và Nghị quyết 86/NQ-CP, trong đó quy định thành lập tổ chức của các cơ sở thu dung, điều trị Covid-19 (Trung tâm hồi sức tích cực, Bệnh viện dã chiến, Cơ sở thu dung, điều trị; Bệnh viện đa tầng,…). Tuy nhiên các cơ sở thu dung, điều trị Covid-19 chưa được quy định trong pháp luật hiện hành; mặt khác do tính cấp bách công tác phòng, chống dịch việc xây dựng các cơ sở điều trị Covid-19 còn gặp khó khăn khi thực hiện các quy trình thủ tục đầu tư (phê duyệt chủ trương đầu tư, hoặc quyết định đầu tư, đấu thầu thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư công). Việc mua vắc xin phòng Covid-19 qua thực tế cho thấy phải thực hiện theo cơ chế mua hàng hoá đặc biệt và do đây là vắc xin được nghiên cứu, sản xuất trong tình trạng khẩn cấp nên hầu hết các nhà sản xuất đều yêu cầu phải ký hợp đồng với Chính phủ theo mẫu của nhà sản xuất mà không được sửa đổi, trong đó bao gồm các thoả thuận mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam (Như: (i) Miễn trừ trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm pháp lý và các trách nhiệm khác có liên quan đến vắc xin cho nhà sản xuất và các bên có liên quan; (ii) Vắc xin có thể cung cấp không đúng tiến độ, số lượng như đã cam kết; (iii) Phải trả tiền mua đầy đủ theo cam kết mà không được thay đổi, kể cả trong trường hợp giá vắc xin tại thời điểm giao hàng thấp hơn giá đã thoả thuận; (iv) Không phải bảo lãnh tạm ứng, bảo đảm thực hiện hợp đồng..). Tuy nhiên, tại các văn bản pháp lý hiện tại như Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm (sửa đổi), Luật Dược	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, bổ sung quy định đối với hình thức tổ chức, kinh phí, phạm vi hoạt động cơ sở thu dung, điều trị trong hoạt động phòng, chống dịch và liên quan đến việc đăng ký lưu hành thuốc điều trị; chứng nhận lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thực hiện mua sắm vắc xin khi có dịch bệnh. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật khám, chữa bệnh bổ sung quy định đối với hình thức tổ chức, kinh phí, phạm vi hoạt động cơ sở thu dung, điều trị trong hoạt động phòng, chống dịch.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		(sửa đổi), Luật Đấu thầu (sửa đổi) chưa có các quy định hướng dẫn cho trường hợp nêu trên. Về hoạt động khám, chữa bệnh đối với các cơ sở điều trị: Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 30/2021/QH15 và Nghị quyết 86/NQ-CP, trong đó quy định thành lập tổ chức của các cơ sở thu dung, điều trị Covid-19 (Trung tâm hồi sức tích cực, Bệnh viện dã chiến, Cơ sở thu dung, điều trị; Bệnh viện đa tầng…). Tuy nhiên các cơ sở thu dung, điều trị Covid-19 chưa được quy định trong pháp luật hiện hành; mặt khác do tính cấp bách công tác phòng, chống dịch việc xây dựng các cơ sở điều trị Covid-19 còn gặp khó khăn khi thực hiện các quy trình thủ tục đầu tư (phê duyệt chủ trương đầu tư, hoặc quyết định đầu tư, đấu thầu thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư công).		
3	**Luật Dược** **Bộ Y tế**	Khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nguồn cung nguyên liệu để sản xuất thuốc phòng, chống Covid-19 bị gián đoạn, khan hiếm, tuy nhiên các nguyên liệu làm thuốc nhập về chỉ được sử dụng đúng mục đích nhập khẩu ban đầu, không được chuyển đổi mục đích sử dụng (theo tại Khoản 3, điều 6, Luật Dược và điều 82, 84, Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược) không đáp ứng được yêu cầu cấp bách trong chống dịch. - Luật Dược chưa có quy định cho phép việc thừa nhận kết quả cấp đăng ký lưu hành thuốc của các nước SRA để cấp giấy đăng ký lưu hành cho thuốc nhập khẩu, cũng như cho phép sử dụng kết quả nghiên cứu lâm sàng của các thuốc này để sản xuất và cấp giấy đăng ký lưu hành cho thuốc sản xuất trong nước.	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật Dược liên quan đến việc đăng ký lưu hành thuốc điều trị; chứng nhận lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thực hiện mua sắm vắc xin khi có dịch bệnh.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		- Luật Dược hiện hành không có quy định về vấn đề kéo dài hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc (giấy đăng ký lưu hành thuốc có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp, khi hết hạn doanh nghiệp phải thực hiện việc gia hạn giấy phép đăng ký lưu hành), trong bối cảnh dịch Covid-19 nhiều nhà máy sản xuất dược phẩm tại các nước (trong đó có Việt Nam) phải ngừng sản xuất do phong toả, làm gián đoạn nguồn cung ứng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, gây khó khăn cho công tác phòng, điều trị bệnh. Ngoài ra, trong thời gian dịch bệnh kéo dài, việc chuẩn bị hồ sơ để xin gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc cũng bị kéo dài do hồ sơ hành chính nhiều thủ tục và các cơ quan nhà nước phải làm việc trong thời gian giãn cách. - Theo quy định để được cấp phép lưu hành thì nhà máy phải sản xuất tối thiểu 03 lô thuốc thử nghiệm với cỡ trung bình mỗi lô là khoảng 100.000 viên/1 lô và chỉ sử dụng 01 lượng rất nhỏ trong số này để thực hiện kiểm nghiệm chất lượng. Trong trường hợp thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành thì toàn bộ số thuốc này phải huỷ vì theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 59 Luật Dược thì thuốc chỉ được lưu hành sau khi được Bộ Y tế cấp giấy đăng ký lưu hành. Trong khi qua thực tế dịch Covid-19 diễn ra cho thấy thuốc phục vụ công tác điều trị Covid-19 khá khan hiếm. - Việc mua vắc xin phòng Covid-19 qua thực tế cho thấy phải thực hiện theo cơ chế mua hàng hoá đặc biệt và do đây là vắc xin được nghiên cứu, sản xuất trong tình trạng khẩn cấp nên hầu hết các nhà sản xuất đều yêu cầu phải ký hợp đồng với Chính phủ theo mẫu của nhà sản xuất mà không được sửa đổi, trong đó bao gồm các thoả thuận mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định hoặc trái với quy		

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		định hiện hành của pháp luật Việt Nam (Như: (i) Miễn trừ trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm pháp lý và các trách nhiệm khác có liên quan đến vắc xin cho nhà sản xuất và các bên có liên quan; (ii) Vắc xin có thể cung cấp không đúng tiến độ, số lượng như đã cam kết; (iii) Phải trả tiền mua đầy đủ theo cam kết mà không được thay đổi, kể cả trong trường hợp giá vắc xin tại thời điểm giao hàng thấp hơn giá đã thoả thuận; (iv) Không phải bảo lãnh tạm ứng, bảo đảm thực hiện hợp đồng..). Tuy nhiên, tại các văn bản pháp lý hiện tại như Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm (sửa đổi), Luật Dược (sửa đổi), Luật Đấu thầu (sửa đổi) chưa có các quy định hướng dẫn cho trường hợp nêu trên.		
4	**Luật Đấu thầu** **Bộ Y tế**	Việc mua vắc xin phòng Covid-19 qua thực tế cho thấy phải thực hiện theo cơ chế mua hàng hoá đặc biệt và do đây là vắc xin được nghiên cứu, sản xuất trong tình trạng khẩn cấp nên hầu hết các nhà sản xuất đều yêu cầu phải ký hợp đồng với Chính phủ theo mẫu của nhà sản xuất mà không được sửa đổi, trong đó bao gồm các thoả thuận mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định hoặc trái với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam (Như: (i) Miễn trừ trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm pháp lý và các trách nhiệm khác có liên quan đến vắc xin cho nhà sản xuất và các bên có liên quan; (ii) Vắc xin có thể cung cấp không đúng tiến độ, số lượng như đã cam kết; (iii) Phải trả tiền mua đầy đủ theo cam kết mà không được thay đổi, kể cả trong trường hợp giá vắc xin tại thời điểm giao hàng thấp hơn giá đã thoả thuận; (iv) Không phải bảo lãnh tạm ứng, bảo đảm thực hiện hợp đồng..). Tuy nhiên, tại các văn bản pháp lý hiện tại như Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm (sửa đổi), Luật Dược (sửa đổi), Luật Đấu thầu (sửa đổi) chưa có các quy định hướng dẫn cho trường hợp nêu trên.	Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội sửa đổi Luật Đấu thầu liên quan đến việc đăng ký lưu hành thuốc điều trị; chứng nhận lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thực hiện mua sắm vắc xin khi có dịch bệnh.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
5	**Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13** **Chính phủ**	Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 quy định cho phép chỉ định thầu các gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình. Thực tế, việc rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình đều do các công ty trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện và có nhiều công ty thuộc Bộ Quốc phòng có chức năng này. Mặt khác, dự toán, giá gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ được lập đầy đủ các chi phí trên cơ sở định mức do Bộ Quốc phòng ban hành và giá cả thị trường theo quy định về quản lý chi phí đầu tư. Do đó, để đảm bảo minh bạch, cạnh tranh và tiết kiệm chi phí, các gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình cần phải được đấu thầu như các gói thầu khác.	Nghiên cứu, trình Quốc hội sửa đổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 về chỉ định thầu đối với các gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ theo hướng thực hiện đấu thầu như đối với các gói thầu khác.	09 báo cáo kiểm toán[1]
6	**Luật Đất đai 2013** **UBND tỉnh Bắc Ninh**	1. Về thời điểm xác định giá đất: do Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn chưa quy định cụ thể thời điểm bắt đầu tiến hành công tác định giá đất và thời điểm bắt buộc phải ban hành quyết định phê duyệt giá đất khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, vì vậy trong quy định trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể trên địa bàn theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND của UBND Tỉnh cũng chưa có nội dung quy định về thời điểm thực hiện công tác xác định giá đất để đảm bảo giá đất được phê duyệt	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội xem xét, điều chỉnh bổ sung: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai 2013,	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

[1] 09 BCKT: Dự án Luồng sông Hậu giai đoạn 2; Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6); Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ; Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30- ĐT.845; Dự án tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		thống nhất về thời điểm ngay sau khi giao đất (Về thời điểm xác định giá đất, Khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai 2013 quy định: "3. Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất". Các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn của địa phương cũng không có nội dung nào quy định rõ về thời điểm bắt đầu các thủ tục xác định giá đất, tiền sử dụng đất để đảm bảo phê duyệt giá đất, tiền sử dụng đất cùng thời điểm phê duyệt giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, loại bỏ tình trạng việc phê duyệt giá đất, tiền sử dụng đất kéo dài, ảnh hưởng đến việc thu ngân sách nhà nước về tiền sử dụng đất). 2. Về một số nội dung cụ thể trong các hướng dẫn xác định giá đất: Từ năm 2017-2021, hàng năm, Liên ngành Sở TN&MT- Sở Tài chính - Sở Xây dựng - Sở KH&ĐT - Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh đều ban hành Hướng dẫn liên ngành về một số chỉ tiêu trong phương pháp thặng dư, thu nhập làm căn cứ xác định giá đất cụ thể; đơn giá một số dụng cụ, thiết bị, vật liệu làm căn cứ lập dự toán kinh phí cho công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên còn tồn tại sau: Hiện nay, Luật Đất đai 2013 chưa có các quy định cụ thể về thẩm quyền và trình tự thực hiện việc điều chỉnh giá đất, tiền sử dụng đất theo các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Trong các hướng dẫn liên ngành của tỉnh Bắc Ninh hiện cũng không có quy định cụ thể về vấn đề này.	theo hướng quy định rõ: giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải được quyết định trong thời hạn nhất định kể từ khi ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất. 2. Bổ sung tại mục 2 Chương 8 của Luật Đất đai 2013 điều khoản quy định cụ thể về thẩm quyền và trình tự thực hiện việc điều chỉnh giá đất, tiền sử dụng đất theo các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.	

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		Xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp giao đất tái định cư: Tại 8 dự án thu hồi đất theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai số 45/2013/QH2013 ngày 29/11/2013 thì phải quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày, tuy nhiên do thời điểm thu hồi đất tỉnh chưa bố trí được đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, dẫn đến việc xác định giá đất có bất cập, cụ thể: Tại khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai 2013 quy định: "Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất", tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất quy định: "Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá thì tiền sử dụng đất phải nộp được xác định bằng giá đất tính thu tiền sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất nhân (x) với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất" như vậy thời điểm xác định tiền sử dụng đất là thời điểm giao đất. Thực tế tại địa phương khi triển khai thực hiện một số dự án bồi thường GPMB do người dân có nhu cầu bố trí sắp xếp tái định cư tại chỗ thì phải thu hồi đất và di chuyển các hộ dân để có mặt bằng xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sau khi hoàn thành đầy đủ cơ sở hạ tầng vị trí tái định cư thì mới thực hiện việc giao đất (các dự án này thường kéo dài 02 đến 03 năm,	3. Xem xét chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường khi tham mưu cho Chính phủ đề xuất với Quốc hội về sửa đổi Luật Đất đai 2013 bổ sung nội dung quy định tại khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2013 trong trường hợp người dân được nhà nước thu hồi đất và tái định cư tại vị trí đất thu hồi, do trong trường hợp này cần có thời gian để hoàn thiện hạ tầng khu đất thu hồi và nếu xác định tiền sử dụng đất tại thời điểm khi giao đất tái định cư cho người dân (sau thời gian xây dựng hạ tầng) sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi người dân dẫn đến việc không đồng thuận trong thực hiện.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		cá biệt có những dự án kéo dài trên 05 năm). Vì vậy, về bản chất việc ban hành quyết định giao đất cho người dân sau thời điểm hoàn thiện cơ sở hạ tầng là việc nhà nước trả nợ suất đất tái định cư đã được phê duyệt và được thông báo tại thời điểm thu hồi đất. Nếu xác định giá đất tại thời điểm ban hành quyết định giao đất tái định cư cho các hộ dân phải di chuyển chỗ ở sẽ không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất, không được sự đồng thuận của người dân khi thu hồi đất. Ngoài ra, theo Quy định tại khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai số 45/2013/QH2013 thì "Trường hợp người có đất thu hồi được bố trí tái định cư mà tiền bồi thường, hỗ trợ không đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu thì được nhà nước hỗ trợ tiền đủ mua một suất tái định cư tối thiểu".		
7	**Luật Quy hoạch** **UBND tỉnh Bắc Ninh**	Công tác lập Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tích hợp trong quy hoạch tỉnh cho giai đoạn 2021-2030 đến thời điểm kiểm toán (tháng 3/2022) mới hoàn thành lập và đang thực hiện xin ý kiến của Bộ TN&MT - chậm so với quy định tại Chỉ thị 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 (thời hạn trước 01/12/2021). Nguyên nhân chủ yếu do việc tỉnh Bắc Ninh chậm triển khai lập quy hoạch tỉnh (ngày 21/5/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư mới thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn), đồng thời do quy hoạch sử dụng đất quốc gia chậm được duyệt, chưa có cơ sở căn cứ để phê duyệt Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất tích hợp trong quy hoạch tỉnh. Việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trước khi	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội bổ sung vào Luật Quy hoạch điều khoản quy định rõ thời hạn phải hoàn thành và phê duyệt quy hoạch tỉnh và sử dụng đất cấp huyện để đảm bảo trình tự quy hoạch sử dụng đất từ trên xuống.	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		quy hoạch tỉnh được duyệt, theo đơn vị báo cáo, được thực hiện căn cứ theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 và Nghị định 148/2020/NĐ-CP2. Cũng do chậm phê duyệt quy hoạch Tỉnh, nên dẫn tới Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2021 của 8 huyện, thành phố được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại thời điểm tháng 8/2021 chưa đảm bảo thời hạn theo quy định.		
8	**Luật NSNN** **Bộ Tài chính**	Khoản 3, khoản 4 Điều 64 Luật NSNN quy định về các khoản chi được chuyển nguồn. Tuy nhiên thực tế tại một số địa phương xác định chuyển nguồn đối với một số khoản kinh phí như kinh phí nộp trả cấp trên nhưng chưa nộp, kinh phí tạm cấp chưa thu hồi quyết toán (như đã nêu tại mục 2.2.8),…, những khoản kinh phí này chưa được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 64 Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Thông tư số 342/2016/TT-BTC. Điểm c khoản 3 Điều 64 quy định các khoản kinh phí được chuyển nguồn năm sau "Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán" nhưng chưa có quy định cụ thể "cấp có thẩm quyền" trong khi cấp có thẩm quyền gắn với mỗi cấp ngân sách, dẫn đến vướng mắc khi xác định "cấp có thẩm quyền" trong trường hợp dự toán bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, phân bổ cho các đơn vị sử dụng dự toán thực hiện.	Bộ Tài chính nghiên cứu khi tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật NSNN một số nội dung: (1) các trường hợp chuyển nguồn phát sinh trong thực tiễn nhưng chưa được quy định cụ thể; (2) quy định cụ thể về "cấp có thẩm quyền" tại điểm đ khoản 3 Điều 64 Luật NSNN quy định về các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau (các khoản dự toán được "cấp có thẩm quyền" bổ sung sau ngày 30/9 năm thực hiện dự toán).	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư

[2] Theo Nghị định 148/2020/NĐ-CP tại Khoản 9, Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định: *"Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp."*

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		Thực tế, có nguồn kinh phí NSTW bổ sung cho địa phương trước ngày 30/9[3], UBND tỉnh ban hành Quyết định phân bổ cho các đơn vị sử dụng sau ngày 30/9 do đó cơ quan tài chính, Kho bạc thực hiện hạch toán, theo dõi trên mã nguồn 15. Nguồn không tự chủ sau 30/9 và cuối năm chuyển nguồn phần kinh phí chưa sử dụng.		
9	**Luật NSNN** **Luật Đầu tư công** **Bộ Tài chính**	Theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật Phòng chống thiên tai năm 2013, các địa phương phải sử dụng dự phòng NSĐP để phòng chống thiên tai, dịch bệnh tại địa phương; trường hợp dự phòng NSĐP không đáp ứng được yêu cầu thì địa phương mới đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ. Thực tế cho thấy, một số địa phương được NSTW bổ sung có mục tiêu từ nguồn dự phòng NSTW nhưng cuối năm vẫn còn dư nguồn dự phòng NSĐP; trong đó số các địa phương này, một số địa phương còn bố trí dự phòng ngân sách cấp tỉnh hoặc cấp huyện chưa đảm bảo tỷ lệ quy định.	Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền về cơ chế sử dụng, quyết toán nguồn dự phòng NSTW bổ sung có mục tiêu cho các địa phương trong khi dự phòng NSĐP cuối năm còn dư và một số địa phương bố trí chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
10	**Bộ Tài chính** **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Quy định về thời điểm muộn nhất Bộ KH&ĐT phải ban hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm sau (bao gồm cả kế hoạch đầu tư công năm sau) tại khoản 2 Điều 56 Luật Đầu tư công (trước 15/6 hàng năm) và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trước 01/6 hàng năm) còn không thống nhất. Quy định về thẩm quyền, thời gian kiểm tra phân bổ KHV hàng	Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ KH&ĐT nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi các quy định để đảm bảo sự thống nhất giữa Luật NSNN (và các văn bản hướng dẫn thi hành)	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư

[3] Tỉnh Đắk Nông được NSTW bổ sung có mục tiêu từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường 27.000 triệu đồng tại Công văn số 10042/BTC-HCSN ngày 01/9/2021; ngày 27/10/2021, UBND tỉnh Đắk Nông mới ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND phân bổ nguồn kinh phí này; Sở Tài chính thực hiện hạch toán trên mã nguồn 15; Kho bạc nhà nước căn cứ Công văn 1904/STC-QLNS ngày 30/9/2022 đã chuyển nguồn từ năm 2021 sang năm 2022 số tiền 27.000 triệu đồng.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		năm giữa quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP còn có sự chồng chéo, không thống nhất, cụ thể: (i) Việc kiểm tra phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công hay dự toán chi đầu tư phát triển theo Luật Đầu tư công thuộc trách nhiệm của Bộ KH&ĐT, nhưng theo Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan lại thuộc Bộ Tài chính; (ii) Thời gian thực hiện kiểm tra phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công là 15 ngày trong khi theo quy định khoản 4 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP là 10 ngày.	và Luật Đầu tư công (và các văn bản hướng dẫn thi hành) về: (1) Thời điểm phải hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm sau tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật NSNN cho phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật Đầu tư công; (2) Thẩm quyền, thời lượng kiểm tra (rà soát) dự toán chi đầu tư phát triển hay KHV đầu tư công; tránh chồng chéo, trùng lặp, không thống nhất giữa các quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật NSNN năm 2015 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP với khoản 3 Điều 65 Luật Đầu tư công, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP.	

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
II	**Nghị định (14)**			
1	**Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019** **Bộ Tài nguyên và Môi trường**	- Chưa quy định việc xử lý số tiền cấp quyền KTKS đã phê duyệt đối với những trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép, đã được phê duyệt tiền cấp quyền KTKS, chưa tiến hành khai thác mà giấy phép đã hết hạn hoặc bị thu hồi giấy phép. - Khoản 5 Điều 6 chưa điều chỉnh đối với khoáng sản làm VLXD thông thường (thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND tỉnh): Một số mỏ đá vôi, đá cát làm VLXD thông thường được cấp trước Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, có diện tích và trữ lượng rất lớn (đến trên chục triệu m^3) trong khi trữ lượng được phép khai thác khai thác chỉ chiếm từ 10% đến 30% trữ lượng của mỏ. Theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền KTKS, trữ lượng tính tiền cấp quyền KTKS là "trữ lượng địa chất" của mỏ, do vậy các doanh nghiệp phải nộp tiền cấp quyền KTKS cho một lượng rất lớn khoáng sản mà doanh nghiệp không được phép khai thác. Một số doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép KTKS làm cơ sở xác định, điều chỉnh tiền cấp quyền KTKS, tuy nhiên việc điều chỉnh gặp khó khăn trong việc xác định "trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác không được nhỏ hơn 50% tổng trữ lượng đã phê duyệt" theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, tuy nhiên khoản 5 Điều 6 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP chỉ thực hiện điều chỉnh khoáng sản làm	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về TNKS: Tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ, cụ thể: Bổ sung quy định việc xử lý số tiền cấp quyền KTKS đã phê duyệt đối với những trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép, đã được phê duyệt tiền cấp quyền KTKS, chưa tiến hành khai thác mà giấy phép đã hết hạn hoặc bị thu hồi giấy phép; bổ sung khoản 5 Điều 6 thêm trường hợp "khoáng sản làm VLXD thông thường thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND tỉnh"; bổ sung quy định cụ thể việc xác định hệ số thu hồi khoáng sản (K1) trong trường	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		nguyên liệu xi măng, đá ốp lát (thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của Bộ TN&MT) chưa điều chỉnh đối với khoáng sản làm VLXD thông thường (thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND tỉnh), do vậy chưa tháo gỡ được vấn đề tính tiền cấp quyền KTKS của các tỉnh. - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K1) (Điều 5): + Nghị định chưa quy định trường hợp trữ lượng khai thác được cấp phép bằng trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác thì xác định hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K) là bao nhiêu; + Theo quy định Nghị định số 67/2019/NĐ-CP, hệ số K1 áp dụng để tính tiền cấp quyền KTKS đối với khai thác lộ thiên là 0,9. Do vậy một số UBND tỉnh đang áp dụng hệ số K1 là 0,9 cho phương pháp khai thác lộ thiên khi xác định tiền cấp quyền đối với các giấy phép khai thác cát lòng sông. Tuy nhiên, công trình khai thác mỏ cát, sỏi lòng sông có những điều kiện khai thác khác biệt so với mỏ lộ thiên về điều kiện khai thác cũng như các tác động của điều kiện thủy văn đến quá trình khai thác. Ngoài ra, Hướng dẫn tại Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 04:2009/BCT) về phương pháp khai thác lộ thiên không rõ ràng, không phù hợp áp dụng cho trường hợp khai thác cát lòng sông. - Theo quy định tiểu mục 7 mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 67/2019/NĐ-CP có nêu "D là thể trọng tự nhiên của khoáng sản (khối lượng khoáng sản ở trạng thái tự nhiên trên một	hợp trữ lượng khai thác được cấp phép bằng trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác và đối với khai thác cát lòng sông; Quy định cụ thể việc xác định chỉ tiêu thể trọng tự nhiên của khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được phê duyệt.	

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		đơn vị thể tích) được xác định trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được phê duyệt". Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể, đồng nhất D là Khối lượng riêng hay Khối lượng thể tích tự nhiên dẫn đến tại các Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản xác định nhiều thuật ngữ khác nhau như khối lượng riêng, khối lượng thể tích tự nhiên (Hai chỉ tiêu này có sự chênh lệch về khối lượng). Dẫn đến việc khi xác định hệ số D để quy đổi tính tiền cấp quyền KTKS chưa có sự đồng nhất.		
2	**Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015** **Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021** **Chính phủ**	Qua xem xét các văn bản quy định tại thời điểm dự án triển khai thực hiện cho thấy quy định về tạm ứng còn có sự chưa thống nhất giữa các nghị định của Chính phủ. Cụ thể: theo quy định về tạm ứng hợp đồng tại khoản 5 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì "mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 50% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có)"; tuy nhiên, theo quy định về tạm ứng vốn tại điểm a, khoản 3, Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thì quy định "tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có)".	Xem xét thống nhất mức vốn tạm ứng tối đa giá trị hợp đồng tại khoản 5 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và tại điểm a, khoản 3, Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.	11 báo cáo kiểm toán[4]

[4] 11 BCKT: Dự án Đường 991B từ Quốc lộ 51 đến hạ lưu cảng Cái Mép; Dự án Đường liên tuyến kết nối vùng N8-ĐT.787B-ĐT.789; Dự án Luồng sông Hậu - giai đoạn 2; Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6); Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ; Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
3	**Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021** **Chính phủ**	Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công thì tổng mức vốn tạm ứng trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư đảm bảo không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Mặt khác, theo quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, quy định đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh phải dự tính trước khoản chi phí dự phòng cho các yếu tố trượt giá và khối lượng. Như vậy, dự phòng là một khoản dự tính trước, được sử dụng khi phát sinh trượt giá và khối lượng được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Việc tạm ứng 30% cho cả phần dự phòng nghĩa là cho cả chi phí dự tính, chưa xác định cho công việc cụ thể nào (tại thời điểm ký kết hợp đồng) và khoản chi phí này có thể không thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần. Đối với những hợp đồng xây dựng có giá trị lớn thì giá trị tạm ứng cho giá trị dự phòng là rất lớn. Ví dụ: hợp đồng xây dựng có giá trị 1000 tỷ đồng cho giá trị xây lắp, chi phí dự phòng là 10% giá trị xây lắp thì giá trị dự phòng là 100 tỷ đồng, khi đó giá trị tạm ứng cho giá trị dự phòng là 30 tỷ đồng. Từ thực tế trên cho thấy, quy định tạm ứng trên cả giá trị dự phòng là không phù hợp, gây áp lực trong bố trí vốn, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước.	Xem xét bãi bỏ quy định mức vốn tạm ứng tính trên cả giá trị dự phòng tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.	05 báo cáo kiểm toán[5]

[5] 05 BCKT: Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ; Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị; Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
4	**Nghị định số 146/2018/NĐ-CP** **Bộ Y tế**	- Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT năm 2014 quy định tổ chức bảo hiểm xã hội đóng BHYT cho người đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, song khoản 17 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định đối tượng đóng là ngân sách nhà nước. - Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định "Thanh toán theo giá dịch vụ là phương thức thanh toán chi phí KCB trên cơ sở giá dịch vụ KCB do cấp có thẩm quyền quy định và chi phí về thuốc, hóa chất, vật tư y tế, máu, chế phẩm máu chưa được tính vào giá dịch vụ được sử dụng cho người bệnh tại cơ sở KCB". Song một số chi phí KCB BHYT nằm trong phạm vi được hưởng, mức hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế đã hoàn thành và đã được cơ quan BHXH VN tổ chức giám định theo quy định song vượt tổng mức thanh toán thì sẽ không được thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP "Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí KCB theo báo cáo quyết toán năm của cơ sở KCB đã được thẩm định nhưng không vượt tổng mức thanh toán chi phí KCB bảo hiểm y tế".	Nghiên cứu và báo cáo Chính phủ sửa đổi Nghị định số 146/2018/NĐ-CP để khắc phục vướng mắc trong việc quy định đối tượng đóng BHYT và việc thanh quyết toán chi phí KCB BHYT.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021
5	**Các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai** **UBND tỉnh Bắc Ninh**	Trong giai đoạn 2017-2021, có 204 dự án có sử dụng đất trong đó chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tạm tính theo suất đầu tư trong chi phí phát triển để xác định giá đất. Đến thời điểm kiểm toán, đã có 10 dự án được Sở Tài chính thẩm tra quyết toán chi phí (05 dự án BT, 05 dự án đấu giá quyền sử dụng đất), hầu hết các dự án được giao đất, trúng đấu giá đất giai đoạn 2017-2021 chưa được thẩm tra quyết toán để xác định nghĩa vụ tiếp theo với NSNN. Kết quả quyết toán 10 dự án đã xác	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội bổ sung quy định tại các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai về quyết toán chi phí hạ tầng tính	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		định tăng số tiền nộp bổ sung vào NSNN 34.728,5 triệu đồng, số tiền đã nộp hoặc ghi thu, ghi chi NSNN 33.455,2 triệu đồng, số tiền đất phải nộp bổ sung, chưa ra thông báo nộp tiền 1.273,2 triệu đồng. Qua xem xét tổng hợp việc quyết toán và qua chọn mẫu kiểm tra trình tự, thủ tục công tác thẩm tra quyết toán cho thấy: Về cơ bản, trình tự, thủ tục công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên công tác quyết toán chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật còn một số hạn chế như sau: Số lượng các dự án được thẩm tra quyết toán để xác định nghĩa vụ bổ sung NSNN còn thấp (10/204 dự án phải thẩm tra quyết toán). Sở Tài chính đã có các văn bản đôn đốc việc quyết toán đối với các dự án hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất, đối ứng dự án BT và dự án dân cư dịch vụ[6], tuy nhiên chưa có biện pháp hữu hiệu trong việc đôn đốc các nhà đầu tư nộp hồ sơ quyết toán để thẩm tra, xác định nghĩa vụ tài chính bổ sung.	trong chi phí phát triển của phương án giá đất của các dự án.	
6	**Nghị định 148/2020/NĐ-CP, Nghị định 11/2013/NĐ-CP** **UBND tỉnh Bắc Ninh**	Về quản lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền tại các dự án: Ngày 26/8/2021, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, trong Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND chưa quy định trách nhiệm và trình tự thủ tục để thực hiện nội dung tại	Có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng tham mưu cho Chính phủ để báo cáo Quốc hội xem xét điều chỉnh, bổ sung: Rà soát lại các quy định về thủ tục và thẩm quyền cho phép việc phân lô, bán nền giữa Luật Đất	Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh

[6] VB số 405/STC-ĐT ngày 23/4/2021; VB số 1022/STC-ĐT ngày 27/8/2021; VB số 234/STC-TCĐT ngày 02/3/2022.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP (Sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) trong đó, có quy định: "3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức công bố công khai các khu vực được thực hiện dự án xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trước khi tổ chức thực hiện các dự án đầu tư.". Trong khi đó, về vấn đề này, tại điểm a khoản 1 Điều 194 Luật Đất đai quy định: "a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định của Chính phủ về điều kiện loại đô thị để cho phép chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và nghĩa vụ tài chính về đất đai". Theo báo cáo của địa phương, việc quản lý phân lô, bán nền của Tỉnh trong giai đoạn 2017-2021 vẫn được thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị[7]. Như vậy, các quy định về quản lý phân lô, bán nền tại Luật Đất đai, Nghị định 148/2020/NĐ-CP, Nghị định 11/2013/NĐ-CP như trên là chưa đảm bảo tính thống nhất về thẩm quyền (Luật Đất đai	đai, Nghị định 148/2020/NĐ-CP, Nghị định 11/2013/NĐ-CP đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng để thực hiện.	

[7] Khoản 7 Điều 4 Nghị định 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị quy định: *"7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể những khu vực được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng."*

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		giao quyền cho UBND Tỉnh, nhưng Nghị định 11/2013/NĐ-CP lại yêu cầu có sự thống nhất với Bộ Xây dựng) và thời điểm và thủ tục cho phép (Luật Đất đai quy định việc cho phép sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với từng dự án, trong khi đó Nghị định số 148/2020/NĐ-CP lại quy định UBND cấp tỉnh công bố theo khu vực và trước khi thực hiện dự án). Mặt khác, thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định 11/2013/NĐ-CP (cho phép sau khi dự án hoàn thành hạ tầng và nghĩa vụ tài chính) cũng làm cho việc thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư và định giá đất chưa có cơ sở chính xác từ đầu (do chưa rõ nhà đầu tư có phải thực hiện xây nhà trên đất hay không).		
7	**Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016** **Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Tại Điều 54 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về thành phần, hình thức văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp GPKT khoáng sản đối với dự án xây dựng công trình quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Khoáng sản (dự án do Quốc hội hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư); nhưng chưa hướng dẫn đối với trường hợp KTKS ở khu vực có dự án, công trình quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản (dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư). Do đó, trong quá trình triển khai thực hiện địa phương gặp vướng mắc khi tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GPKT khoáng sản trong khu vực dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Xem xét, nghiên cứu để tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 hướng dẫn về thành phần, hình thức văn bản trong hồ sơ đề nghị cấp GPKT khoáng sản ở khu vực có dự án xây dựng công trình quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản.	Kiểm toán Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
8	**Nghị định 158/2016/NĐ-CP và Nghị định 67/2019/NĐ-CP** **Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Điểm b khoản 2 Điều 62 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định việc xác định nghĩa vụ và nộp tiền cấp quyền đối với trường hợp KTKS làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện cùng với việc phê duyệt hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch KTKS "Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc KTKS và xác định tiền cấp quyền KTKS". Song, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP hướng dẫn "Thời điểm nộp tiền cấp quyền KTKS đối với các trường hợp thu hồi khoáng sản không phải thăm dò ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc thu hồi cát, sỏi từ các dự án nạo vét lòng sông, cát nhiễm mặn từ các dự án nạo vét đường thủy nội địa, vùng nước cảng được thu hàng năm theo tờ khai quyết toán thuế tài nguyên cuối năm". Thực tế qua hoạt động kiểm toán cho thấy, các trường hợp được UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch KTKS trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình có thực hiện việc khai quyết toán thuế tài nguyên cho cơ quan thuế nhưng chậm trễ hoặc không thực hiện kê khai tiền cấp quyền KTKS cho cơ quan tài nguyên; đồng thời, cơ quan tài nguyên chưa có cơ chế và biện pháp quản lý thu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây thất thoát, lãng phí về tiền cấp quyền KTKS.	Xem xét, nghiên cứu để tham mưu cho Chính phủ bổ sung, sửa đổi đối với Nghị định 158/2016/NĐ-CP và Nghị định 67/2019/NĐ-CP để thống nhất về thời điểm xác định và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Kiểm toán Chuyên đề Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
9	**Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012** **Chính phủ**	Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2014 của Quốc hội và Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, có một số nội dung quy định chưa thống nhất: Về quy định bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tài sản; Về hướng dẫn đối với công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, việc quy định số lần và số ngày thông báo công khai về thông tin đấu giá; dẫn đến địa phương trong quá trình thực hiện còn lúng túng, khó áp dụng, không biết phải thực hiện theo quy định nào. Nguyên nhân do: Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ (đến nay còn hiệu lực thi hành) không căn cứ trên cơ sở của Luật đấu giá tài sản 2016 (do Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, được ban hành sau), mà được căn cứ trên cơ sở khoản 2, Điều 79 của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc hội; Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (đã hết hiệu lực).	Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản phù hợp với Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội đối với một số nội dung quy định chưa thống nhất, dẫn đến địa phương khó áp dụng để thực hiện, cụ thể: (1) Sửa khoản 2, Điều 17 của Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 38 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; (2) Sửa khoản 1, Điều 18 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật đấu giá tài sản 2016.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Sơn La
10	**Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020**	Qua kiểm tra chọn mẫu 05 dự án (không kiểm toán chi tiết) cho thấy cả 05/5 báo cáo thẩm định tại mục III - ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định đã thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, nhưng quy định tại Mẫu số 07 (Báo cáo kết quả thẩm	Tham mưu trình Chính phủ xem xét, sửa đổi tại mục III - Phần thứ 2 của Mẫu số 07 (Báo cáo kết quả thẩm định) - Phụ lục II của Nghị định số 40/2020/NĐ-	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	định) - Phụ lục II của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP còn có bất cập: Đang hướng dẫn tham chiếu "Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 10 của Nghị định này", trong khi Điều 9 mới quy định về "Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C", còn Điều 10 thì chỉ quy định "Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C".	CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ: "Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 10 của Nghị định này" thành "Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị định này" cho phù hợp với nội dung quy định trong Nghị định.	ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Sơn La
11	**Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014** **Chính phủ**	Một số nội dung trong Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất còn chưa đầy đủ, chặt chẽ như: (i) Khoản 3 Điều 3 chưa quy định về đơn vị thẩm định phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp cấp có thẩm quyền thu hồi đất là UBND tỉnh; (ii) Khoản 3, Điều 9[8] quy định chưa phù hợp đối với các trường hợp bồi thường trên giá trị còn lại của nhà, công trình xây dựng; (iii) Điều 11 chưa quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng tài sản trên đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ. Theo giải trình của đơn vị việc Tỉnh chưa quy định là do Nghị	Xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 10 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo hướng bổ sung quy định về bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng tài sản trên đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai

[8] 3. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm *(%)* theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng: a) Đối với nhà, công trình xây dựng mà mức bồi thường giá trị hiện có của nhà, công trình đó nhỏ hơn 50% giá trị xây dựng mới thì được cộng thêm 30% giá trị xây mới của nhà, công trình xây dựng đó; b) Đối với nhà, công trình xây dựng mà mức bồi thường giá trị hiện có của nhà, công trình đó lớn hơn hoặc bằng (≥) 50% giá trị xây dựng mới thì được cộng thêm 20% giá trị xây mới của nhà, công trình xây dựng đó.
Tổng mức bồi thường *(giá trị hiện có và phần trăm cộng thêm)* không quá 100% giá trị xây mới của nhà, công trình.
Quy định như trên sẽ dẫn đến trường hợp cùng loại nhà như nhau tổ chức sử dụng đất mà giá trị nhà, công trình xây dựng hiện có là 51% giá trị xây dựng mới lại được bồi thường ít hơn tổ chức sử dụng đất mà giá trị nhà, công trình xây dựng hiện có là 49% giá trị xây dựng mới (49+30>51+20).
Việc tỉnh ban hành quy định cộng thêm các tỷ lệ giá trị xây mới của nhà, công trình XD là đúng quy định và thẩm quyền được giao tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 47/2014/NĐ-CP.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất chưa quy định đối với trường hợp bồi thường tài sản trên đất (nhưng đất không bị thu hồi) thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn[9], trong khi Điều 94 Luật Đất đai số 45/2014/QH13 quy định: "Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của Chính phủ".	bảo vệ (đối với trường hợp không phải thu hồi đất và giải tỏa tài sản trên đất) đảm bảo phù hợp với Điều 94 của Luật Đất đai "Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của Chính phủ".	
12	**Nghị định 146/2018/NĐ-CP** **BHXH Việt Nam**	Tổng kinh phí cơ quan tài chính phê duyệt quyết toán và NSNN đã chi trả BHYT cho người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng từ năm 2019 đến nay là 18.539 tr.đồng, gồm: Năm 2019 là 5.349 tr.đồng, năm 2020 là 5.532 tr.đồng, năm 2021 là 5.522 tr.đồng; 05 tháng đầu năm 2022 là 2.136 tr.đồng (chưa quyết toán). Tuy nhiên ngày 31/5/2022, Sở Tài chính có Công văn số 2859/STC-QLNS.HX về việc truy thu phần kinh phí NSNN đã sử dụng để thực hiện mua thẻ BHYT cho các đối tượng nêu trên từ năm 2019 đến nay với lý do: Đối tượng là người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất do tổ chức BHXH đóng (Quy định tại điểm	Báo cáo Chính phủ xem xét sự khác nhau giữa Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 và Nghị định 146/2018/NĐ-CP về chính sách BHYT đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và các chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh

[9] Điều 10, Nghị định 47/2014/NĐ-CP chưa quy định cho trường hợp đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn không bị thu hồi nhưng tài sản trên đất bị hạn chế sử dụng.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		2 khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế). Qua kiểm toán cho thấy có sự không thống nhất giữa Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật BHYT năm 2014 và Nghị định 146/2018/NĐ-CP, cụ thể: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 và điểm d khoản 1 Điều 13 Luật BHYT năm 2014 thì người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng do tổ chức BHXH đóng, nhưng theo quy định tại khoản 17 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT thì người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng theo quy định của pháp luật về BHXH thuộc nhóm do NSNN đóng. Ngày 20/6/2022, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa có văn bản số 827/BHXH-QLT, gửi BHXH Việt Nam báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo về nguồn kinh phí đóng quỹ BHYT cho người từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.		vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Thanh Hóa
13	**Nghị định số 40/2020/NĐ-CP** **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	Về bất cập trong quy định kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công hàng năm: Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định "1. ... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn NSĐP cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn Kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau trong các trường hợp sau…". Quy định này bất cập trong trường hợp HĐND cấp huyện, xã đến thời điểm thông qua báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình nhưng các dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân chưa được HĐND cấp tỉnh phê duyệt.	Bộ KH&ĐT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu bất cập trong quy định kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công hàng năm tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP (thẩm quyền quyết định đối với vốn NSĐP của HĐND cấp tỉnh) để tham mưu cấp có thẩm quyền hướng khắc phục.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
14	**Nghị định số 40/2020/NĐ-CP** **Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính**	- Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 59, Luật Đầu tư công. - Một số nội dung yêu cầu quản lý như báo cáo tình hình giải ngân; quyết toán theo niên độ của các dự án sử dụng nguồn vốn này còn chưa có quy định để tổ chức triển khai thực hiện.	Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến dự án đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, cụ thể: (1) Bộ KH&ĐT nghiên cứu tham mưu chỉnh sửa quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Đầu tư công; (2) Bộ Tài chính nghiên cứu ban hành các quy định về báo cáo tình hình giải ngân, quyết toán theo niên độ của dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn này.	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
III	**Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (04)**			
1	**Nghị quyết số 16/NQ-CP, Nghị quyết số 145/NQ-CP** **Chính phủ**	- Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19", số ca mắc Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nói chung tăng cao. Ngày 11/11/2021, tỉnh Quảng Nam đã ban hành phương án triển khai mô hình Trạm y tế lưu động để hỗ trợ khám, tư vấn, điều trị bệnh nhân Covid-19 tại nhà. Tuy nhiên, hiện nay Nghị quyết số 16/NQ-CP vẫn chưa thay đổi để phù	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/NQ-CP, Nghị quyết số 145/NQ-CP cho phù hợp với tình hình "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" theo Nghị quyết số 128/NQ-CP, theo đó: quy định	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		hợp với Nghị quyết số 128/NQ-CP do đó chưa có hướng dẫn, quy định mức chi hỗ trợ cụ thể cho lực lượng y tế lưu động điều trị F0 tại nhà; Nghị quyết số 145/NQ-CP có quy định mức phụ cấp 300.000đ/người/ngày đối với chế độ phụ cấp chống dịch mức 300.000 đồng/người/ngày được áp dụng đối với người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế, theo dõi điều trị người nhiễm Covid-19 tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn (bao gồm cả các trạm, tổ y tế lưu động) nhưng chỉ áp dụng đối với đơn vị, địa phương có số lượng nhiễm Covid-19 cao. - Căn cứ Thông báo 226/TB-BCĐ ngày 30/8/2021 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19; UBND tỉnh Quảng Nam và các huyện đã thành lập Trung tâm chỉ huy phòng chống dịch Covid-19 để trực tiếp chỉ đạo công tác phòng chống dịch Covid-19, nhưng hiện nay Nghị quyết số 16/NQ-CP chỉ mới có quy định phụ cấp cho Ban chỉ đạo phòng chống dịch (đơn vị định hướng), chưa có hỗ trợ phụ cấp cho Trung tâm chỉ huy, đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống dịch Covid-19.	cụ thể chế độ hỗ trợ cho lực lượng y tế lưu động điều trị F0 tại nhà và bổ sung quy định mức phụ cấp đối với Trung tâm chỉ huy phòng chống dịch Covid-19	
2	**Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 19/11/2021** **Chính phủ**	Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 19/11/2021 về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số chế độ phòng, chống (PCD): tại Điều 1 Nghị quyết này quy định: Điều chỉnh chế độ đối với người tham gia PCD tại các đơn vị, địa phương có số nhiễm cao Covid-19 nhưng chưa làm rõ khái niệm "đơn vị, địa phương có số nhiễm cao Covid-19". Hiện nay hầu hết các tỉnh đều có số ca nhiễm cao, do đó địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng Nghị quyết số 145/NQ-CP, chưa thực hiện chi phụ cấp theo Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 19/11/2021.	Quy định cụ thể khái niệm "đơn vị, địa phương có số nhiễm cao Covid-19" quy định Nghị quyết số 145/NQ-CP ngày 19/11/2021 làm cơ sở cho các địa phương dễ dàng thực hiện	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
3	**Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013** **Thủ tướng Chính phủ**	Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ có một số nội dung bất cập, cụ thể: (1) Quy định về tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện XHH được nêu chi tiết tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đối với cơ sở đào tạo là Trường đại học phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Trường Đại học tại Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg đã hết hiệu lực từ ngày 30/01/2015 và đã được thay thế bởi Quyết định 70/2014/QĐ-TTg về Điều lệ Trường Đại học. (2) Một trong các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn tương ứng với danh mục loại hình của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg là "tỷ lệ tối đa sinh viên/ giảng viên cơ hữu", mà không phân biệt giảng viên cơ hữu theo trình độ (đại học, thạc sỹ, tiến sĩ), chức danh (hàm giáo sư, phó giáo sư). Trong khi, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sỹ, tiến sỹ "Giảng viên toàn thời gian trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh bao gồm	Chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí đáp ứng điều kiện ưu đãi xã hội hóa các Trường Đại học cho phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo"; Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT quy định hệ số quy đổi giảng viên toàn thời gian để xác định chỉ tiêu tuyển sinh (Giảng viên có trình độ đại học có hệ số quy đổi là 0,3; giảng viên trình độ thạc sỹ có hệ số quy đổi là 1,0; giảng viên có trình độ tiến sỹ có hệ số quy đổi là 2,0; giảng viên có chức danh phó giáo sư có hệ số quy đổi 3,0; giảng viên có chức danh phó giáo sư có hệ số quy đổi 5,0). Như vậy, quy định về chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của các trường đại học căn cứ vào giảng viên toàn thời gian và hệ số quy đổi giảng viên toàn thời gian theo trình độ (đại học, thạc sỹ, tiến sỹ) và có chức danh (hàm giáo sư, phó giáo sư). Kết quả kiểm toán nhận thấy, các Trường đại học ngoài công lập tuyển sinh và đào tạo số lượng sinh viên hàng năm theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 và các văn bản hướng dẫn (trong đó có Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT), đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê chuẩn. Tuy nhiên, đối chiếu quy định tiêu chuẩn số lượng sinh viên tối đa/1 giảng viên cơ hữu quy định tại Quyết định 693/QĐ-TTg (không quy đổi giảng viên toàn thời gian tương tự như quy định tại Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT) thì một số Trường đại học ngoài công lập có thể không đáp ứng tiêu chí tiêu chuẩn và có rủi ro không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục.		

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
4	**Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021** **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**	I. Vướng mắc trong triển khai thực hiện về Chi thanh toán khám, điều trị bệnh nhân Covid-19 cách ly (F0, F1): - Khoản 3 Điều 27 quy định "Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F0 đã kết thúc điều trị tại cơ sở y tế trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, gồm: a) Giấy ra viện. b) Biên nhận thu tiền ăn tại cơ sở y tế đã điều trị. c) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế" nhưng chưa quy định đối với trường hợp: F0 tự đảm bảo xuất ăn của mình có được nhận số tiền theo quy định không? Ăn hàng ngày dưới mức được hỗ trợ thì có được nhận số tiền chênh lệch thiếu so mức ăn đã ăn không? Trường hợp F0 bị mất các giấy tờ trên thì cần làm thủ tục gì để xác nhận?. - Khoản 4 Điều 27 quy định "Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà" nhưng chưa quy định đối với trường hợp F1: cách ly tập trung tự đảm bảo xuất ăn của mình có được nhận số tiền theo quy định không? Ăn hàng ngày dưới mức được hỗ trợ thì có được nhận số tiền chênh lệch thiếu so với mức ăn đã ăn không? Trường hợp F1 bị mất các giấy tờ trên thì cần làm thủ tục gì để xác nhận? II. Vướng mắc trong triển khai thực hiện về Chi hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động: - Điều 28 quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ đối với viên chức hoạt động nghệ thuật được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện nhưng chưa quy định đối với các đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo 100% chi thường xuyên thì không được hưởng chính sách này do các đối tượng này thu nhập không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (các đối tượng này hàng tháng được hưởng đủ lương, phụ cấp theo	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 phù hợp với thực tế triển khai, cụ thể: 1. Tại khoản 3 Điều 27 quy định đối với trường hợp F0 tự đảm bảo xuất ăn của mình thì có được nhận số tiền theo mức quy định và nhận số tiền chênh lệch thiếu so mức ăn đã ăn?; bổ sung thủ tục cần thiết đối với trường hợp F0 bị mất các giấy tờ theo quy định tại khoản này. 2. Tại khoản 4 Điều 27 quy định đối với trường hợp F1 cách ly tập trung tự đảm bảo suất ăn của mình thì có được nhận số tiền theo quy định hoặc được nhận số tiền chênh lệch thiếu so với mức ăn đã ăn? bổ sung thủ tục cần thiết đối với	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		quy định). Thực tế tại địa phương qua rà soát còn vướng mắc đối với đối tượng viên chức hoạt động nghệ thuật giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV đang công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (BCKT Yên Bái: 37 diễn viên, đạo diễn của Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh; BCKT Phú Thọ: Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh) những đơn vị sự nghiệp công lập này được NSNN đảm bảo 100% chi phí hoạt động (bao gồm cả kinh phí chi trả lương cho viên chức), cho nên viên chức đang công tác tại đơn vị này không bị ảnh hưởng đến thu nhập, hiện tại địa phương tạm thời chưa hỗ trợ cho các đối tượng này. - Điều 31 quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ quy định Hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện nhưng chưa quy định đối với trường hợp hướng dẫn viên có thẻ hướng dẫn viên du lịch, có làm việc cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhưng không có hợp đồng lao động với đơn vị kinh doanh dịch vụ thì cần làm thủ tục gì để được hưởng hỗ trợ trong tình hình dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch, trong khi điểm 9 Mục II của Nghị quyết 68/2021/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ quy định "Hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người đối với hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ hành nghề hướng dẫn du lịch bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021" (BKCT Yên Bái: Thực tế có 18 trường hợp thuộc đối tượng như này đã được địa phương hỗ trợ do thu nhập bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động du lịch tại địa phương thời gian qua; BCKT Phú Thọ: Thực tế có một trường hợp thuộc đối tượng như này đã được địa phương hỗ trợ do thu nhập bị ảnh hưởng do dịch Covid ảnh hưởng đến hoạt động du lịch tại địa phương thời gian qua).	trường hợp F1 bị mất các giấy tờ theo quy định tại khoản này. 3. Tại Điều 28 bổ sung quy định đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo 100% chi thường xuyên thì không được hưởng chính sách này do các đối tượng này thu nhập không bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. 4. Tại Điều 31, đối tượng, điều kiện hỗ trợ quy định: Hướng dẫn viên du lịch được hỗ trợ cần làm các thủ tục gì để được hưởng chính sách trong trường hợp hướng dẫn viên có thẻ hướng dẫn viên du lịch, có làm việc cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhưng không có hợp đồng lao động với đơn vị kinh doanh dịch vụ trong tình hình dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch.	

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
IV	**Thông tư (15)**			
1	**Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016** **Bộ Tài nguyên và Môi trường**	Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản, Quy định về công tác thăm dò và báo cáo thống kê cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp còn chưa quy định về phương pháp, cách tính trữ lượng cát, sỏi bồi lắng gia tăng trong diện tích mỏ hàng năm (do vật liệu cát bồi lắng hàng năm) do vậy khó khăn trong việc xác định chính xác trữ lượng thăm dò; chưa có quy định, phương pháp xác định được về bán kính ảnh hưởng có thể dẫn đến sạt lở bờ sông.	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong công tác QLNN về TNKS: Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016: Ban hành bổ sung quy định về phương pháp, cách tính trữ lượng cát, sỏi bồi lắng gia tăng trong diện tích mỏ hàng năm; chưa có quy định, phương pháp xác định được về bán kính ảnh hưởng có thể dẫn đến sạt lở bờ sông.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước
2	**Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020**	Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 quy định Thông tư số 44/2017/TT-BTC "Giá tính thuế tài nguyên tại Bảng giá tính thuế tài nguyên phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên và lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại Khung giá tính thuế tài nguyên"; tại điểm a khoản 1 Điều 6 quy định "Giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến	Thực hiện phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, tham mưu báo cáo Chính phủ sửa đổi hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các nội dung còn bất cập trong	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	động lớn: tăng từ 20% trở lên so với mức giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành". Do đó UBND cấp tỉnh được phép ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên từ mức tối thiểu đến mức không cao hơn 20% mức giá tối đa. Theo khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2020/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 05/3/2020) quy định "Giá tính thuế tài nguyên tại Bảng giá tính thuế tài nguyên phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên (lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu và nhỏ hơn hoặc bằng mức giá tối đa) của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại khung giá tính thuế tài nguyên, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này". Như vậy sau khi Thông tư 05/2020/TT-BTC có hiệu lực UBND cấp tỉnh chỉ được phép ban hành giá tính thuế tài nguyên trong khung giá từ mức tối thiểu đến mức tối đa của khung giá do Bộ Tài chính ban hành. Trong khi đó khoản 2, Điều 6 Thông tư số 44/2017/TT-BTC chỉ quy định đối với trường hợp giá tài nguyên biến động lớn (tăng từ 20% trở lên so với mức giá tối đa hoặc giảm từ 20% trở lên so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trao đổi với Bộ Tài chính trước khi quyết định ban hành văn bản điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên. Do đó trường hợp, giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động tăng nhỏ hơn 20% so với mức giá tối đa hoặc giảm nhỏ hơn 20% mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành thì chưa rõ việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có được ban hành hay không.	công tác QLNN về TNKS: Sửa đổi Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020: Bổ sung quy định cụ thể việc giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động cao hơn mức giá tối đa của Bộ Tài chính nhưng không vượt 20% thì nên phân cấp cho UBND cấp tỉnh ban hành để chủ động, kịp thời xử lý đối với thị trường luôn biến động.	tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
3	**Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 9/9/2014** **Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính**	Kiểm toán công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho thấy giữa các văn bản quy định về vấn đề này còn bất cập trong việc xác định giá, quy trình thủ tục thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 9/9/2014 đang quy định "Đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản, giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 203/2013/NĐ-CP". Tuy nhiên, Phụ lục I Nghị định 203/2013/NĐ-CP đã được thay thế bởi phụ lục II Nghị định số 158/2016/NĐ-CP từ ngày 29/11/2016 và phụ lục I Nghị định số 67/2019/NĐ-CP từ ngày 31/7/2019. Do đó, từ năm 2017 trở về sau, khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 9/9/2014 không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 và Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Tuy nhiên, quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 9/9/2014, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được điều chỉnh.	Liên bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BTNMT-BTC ngày 9/9/2014 hiện đang quy định "Đối với khu vực chưa thăm dò khoáng sản, giá khởi điểm phiên đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) quy định tại Phụ lục I Nghị định số 203/2013/NĐ-CP", vì hiện tại Phụ lục I tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP đã được thay thế.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai
4	**Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014**	Về việc cấp lại giấy CNQSDĐ: Tại khoản 2 Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định: "Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc kể từ ngày đăng tin lần đầu trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp của tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người bị mất Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị	Xem xét sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo hướng để phù hợp về cùng thời gian niêm yết thông báo mất giấy CNQSDĐ khi làm thủ tục cấp lại giấy CNQSDĐ với khoản 2 Điều 77 của Nghị định số	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
	Bộ Tài nguyên và Môi trường	cấp lại Giấy chứng nhận"; trong khi đó, tại điểm b khoản 2, Điều 10, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ phải nộp để đề nghị cấp lại giấy CNQSDĐ là: "Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất gồm có: a)….; b) Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy trong thời gian 15 ngày đối với hộ gia đình và cá nhân;…". Như vậy, cùng một nội dung nhưng Thông tư của Bộ TN&MT hướng dẫn khác với Nghị định nên khó khăn cho người dân trong thủ tục hành chính này (theo mục 2.1.II Báo cáo số 186/BC-UBND ngày 26/04/2021 của UBND thành phố Lào Cai báo cáo tình hình tổng kết thi hành Luật Đất đai và xây dựng dự án Luật Đất đai).	43/2014/NĐ-CP quy định về cấp CNQSDĐ.	
5	**Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015** **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**	Chưa có quy định về việc tổng hợp số liệu và thời hạn nộp báo cáo (Báo cáo nhanh, Báo cáo tổng hợp đợt thiên tai, Báo cáo định kỳ công tác phòng chống thiên tai sơ kết 6 tháng và tổng kết năm) của Bộ NN&PTNT mà việc tổng hợp số liệu là một trong những cơ sở để Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai trên phạm vi toàn quốc theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015.	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 theo hướng quy định thời hạn lập và gửi 03 loại hình báo cáo của Bộ NN&PTNT về số liệu thống kê và đánh giá thiệt hại.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
6	**Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BGTVT-BTC** **Bộ Giao thông vận tải**	Năm 2021, ký hợp đồng đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải theo Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BGTVT-BTC ngày 24/09/2015 của Bộ GTVT và Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng hải để đặt hàng dịch vụ công ích thông tin duyên hải, tuy nhiên Thông tư này căn cứ một số văn bản đã hết hiệu lực (Như: Luật NSNN ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003; Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT; Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BTC; Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Từ năm ngân sách 2019, việc đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP).	Nghiên cứu, đề xuất Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BGTVT-BTC do căn cứ các văn bản đã hết hiệu lực.	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải
7	**Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021** **Bộ Tài chính**	Theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn về việc kê khai thuế đối với trường hợp dự án đầu tư thực hiện trên nhiều địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi đóng trụ sở chính dẫn đến khó khăn trong việc kê khai, hoàn thuế	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn cụ thể đối với việc kê khai, hoàn thuế GTGT dự án đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư thực hiện trên nhiều địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi đóng trụ sở chính.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
8	**Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018** **Bộ Tài chính**	Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính có nội dung (khoản 5 Điều 1) chưa thống nhất với Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (khoản 6 Điều 10): - Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC: "Sau thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước (trừ trường hợp nguyên nhân chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong, thì số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được tiếp tục gửi tại tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước; sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất)". - Theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP: "Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại cơ quan kiểm soát, thanh toán mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước (trừ trường hợp người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp lại ngân sách nhà nước, thì cơ quan kiểm soát, thanh toán được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư".	Xem xét sửa đổi khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		Như vậy, Thông tư số 52/2018/TT-BTC quy định không phải hoàn trả vốn đã tạm ứng cho NSNN đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ cho "diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp"; trong khi đó Nghị định số 99/2021/NĐ-CP lại quy định không phải hoàn trả vốn đã tạm ứng trong trường hợp "người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt"; lý do không nhận tiền bồi thường hỗ trợ có thể bao gồm nhiều nguyên nhân (không đồng ý với đơn giá bồi thường; không chấp nhận diện tích đất bị thu hồi; không chấp nhận số tiền hỗ trợ; người dân chưa đến nhận vì các lý do khác nhau...) mà không chỉ trong trường hợp đang tranh chấp diện tích đất bị thu hồi. Bất cập này có thể gây ra cách hiểu khác nhau dẫn đến lúng túng trong quá trình thực hiện.		
9	**Thông tư số 152/2015/TT-BTC** **Bộ Tài chính**	Việc hướng dẫn về chi phí được trừ khi xác định giá tính thuế tài nguyên đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính còn chưa thống nhất so với quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, cụ thể: Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP quy định chi phí được trừ là "các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước" nhưng điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn chi phí được trừ là "chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp..."	Xem xét, nghiên cứu, rà soát để thống nhất giữa Thông tư số 152/2015/TT-BTC và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về cách xác định "Chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp được trừ khi xác định giá tính thuế" đối với trường hợp tài nguyên khai thác được đưa vào sản xuất, chế biến thành sản phẩm công nghiệp mới bán ra.	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của TCT Xi măng Việt Nam

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
10	**Thông tư số 39/2018/TT-BYT** **Bộ Y tế**	Thanh toán tiền ngày giường giữa cơ quan BHXH và cơ sở y tế được quy định tại Điều 6 Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 còn nội dung chưa phù hợp trong việc quy định thời gian điều trị trên dưới 4 giờ và xác định số giường thực tế trên toàn cơ sở KCB để xác định số ngày giường và thanh toán tiền ngày giường.	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 39/2018/TT-BYT về phương pháp tính giường thực tế sử dụng và ngày giường điều trị nội trú đảm bảo công bằng, phù hợp trong việc sử dụng và thanh toán chi phí giường bệnh của người bệnh.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021
11	**Thông tư số 48/2017/TT-BYT** **Bộ Y tế**	Thông tư số 48/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 chưa quy định thời hạn gửi dữ liệu thay thế nên có nhiều cơ sở y tế đề nghị thay thế dữ liệu do lỗi dữ liệu XML sau nhiều ngày, nhiều tháng gửi dữ liệu ban đầu đã ảnh hưởng đến hoạt động giám định, thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT.	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 48/2017/TT-BYT để bổ sung quy định về việc gửi dữ liệu điện tử thay thế phục vụ quản lý, giám định, thanh toán chi phí KCB BHYT.	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo hiểm Y tế năm 2021

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
12	**Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022** **Bộ Y tế**	Tại các cơ sở y tế chưa đủ điều kiện để thực hiện xét nghiệm (PCR) phải tự đảm bảo chi phí vận chuyển mẫu bệnh phẩm từ cơ sở lấy mẫu đến cơ sở y tế đủ điều kiện xét nghiệm để thực hiện xét nghiệm do văn bản của Bộ Y tế chưa quy định định mức chi phí này trong kết cấu giá dịch vụ xét nghiệm Covid-19, cụ thể: Khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 (hiệu lực đến ngày 20/02/2022) hiện nay là tiết b khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 (hiệu lực từ ngày 21/02/2022)[10] chưa có quy định kết cấu trong giá dịch vụ về chi phí vận chuyển mẫu bệnh phẩm từ cơ sở y tế lấy mẫu đến cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm.	Tham mưu trình Chính phủ bổ sung một số quy định đối với Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ Y tế bổ sung quy định về định mức chi phí vận chuyển mẫu bệnh phẩm từ cơ sở y tế lấy mẫu đến cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm.	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ.
13	**Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021** **Bộ Xây dựng**	Qua kiểm toán 05 dự án tại Chi cục Thủy lợi thành phố Cần Thơ(11) và 01 dự án tại Ban QLDA và phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh(12) cho thấy: Bản vẽ thiết kế thi công thể hiện đóng cọc bê tông cốt thép (BTCT) trên mặt nước bằng thiết bị không phải là tàu đóng cọc, nhưng do Bộ Xây dựng chỉ ban hành định mức cho công tác đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng tàu đóng cọc (định mức công tác mã hiệu AC.18000) và Sở Xây dựng có ban hành đơn giá đóng cọc cho công tác này (mã hiệu AC.18000) tại Quyết định số	Xem xét về việc ban hành định mức cho công tác đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng tổ hợp thiết bị búa đóng cọc nổi (gồm cả xà lan và máy phụ trợ) vì tổ hợp thiết bị này được sử dụng phổ biến tại Đồng bằng sông Cửu Long nhưng Thông tư	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Cần Thơ

[10] tiết b khoản 1 Điều 4 Thông tư 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 quy định trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm thanh toán theo mức giá dịch vụ xét nghiệm Sars-CoV-2 của đơn vị thực hiện xét nghiệm theo quy định của Thông tư này và chi phí mua sinh phẩm xét nghiệm của đơn vị thực hiện xét nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu

[11] Kè chống sạt lở, chống xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu khu vực rạch Cái Sơn; Kè chống sạt lở tại vị trí có nguy cơ sạt lở nguy hiểm tại khu vực ngã ba sông Ô Môn và Rạch Tra, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ cầu Ô Môn đến vàm Ba Rích), phường Thới Hòa, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu), quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ; Khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở sông Bến Bạ, khu vực Phú Thuận A, phường Tân Phú, quận Cái Răng.

[12] Dự án Kè bờ Bắc Cái Sắn xã Vĩnh Trinh (đoạn từ T3 đến bến đò số 2).

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
		94/QĐ-SXD ngày 21/4/2014 nên các chủ đầu tư đã sử dụng đơn giá công tác mã hiệu AC.18000 do Sở Xây dựng ban hành để lập dự toán. Qua xem xét đơn giá công tác mã hiệu AC.18000 do Sở Xây dựng ban hành cho thấy: Tên công tác của đơn giá là "đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng tàu đóng cọc", xây dựng theo định mức hao phí (nhân công, máy thi công) của công tác mã hiệu AC.18000 (tàu đóng cọc) do Bộ Xây dựng ban hành tại Công văn số 1776/BXD-VP ngày 16/08/2007, nhưng thiết bị đóng cọc trên mặt nước dùng để xây dựng đơn giá này là "búa đóng cọc nổi (gồm cả xà lan + máy phụ trợ)". Như vậy, khi các chủ đầu tư áp dụng đơn giá công tác mã hiệu AC.18000 do Sở Xây dựng ban hành thì thiết bị đóng cọc để tính đơn giá là phù hợp với Bản vẽ thiết kế thi công, nhưng định mức hao phí nhân công, máy thi công để tính đơn giá là của tàu đóng cọc (mã hiệu AC.18000) nên không phù hợp với thiết bị sử dụng đóng cọc theo Bản vẽ thiết kế thi công (không phải tàu đóng cọc). Quyết định số 94/QĐ-SXD ngày 21/4/2014 hết hiệu lực khi UBND TP. Cần Thơ ban hành bộ đơn giá xây dựng công trình tại Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 24/11/2021(13) theo định mức của Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng [14].	12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ chưa ban hành; đồng thời xem xét bỏ hướng dẫn áp dụng tại Chương III Phần 2 Phụ lục II Công tác thi công cọc Thông tư 12/2021/TT-BXD "định mức đóng cọc bằng máy đóng cọc dưới nước chưa tính đến công tác làm sàn đạo, xà kẹp, phao nổi" do tại Thông tư này không có định mức đóng cọc bằng máy đóng cọc dưới nước.	

[13] Theo báo cáo, địa phương thuê Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng tiến hành xây dựng các bộ đơn giá nêu trên.

[14] Ngoài ra, từ năm 2019 đến nay, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 10/2019/TT-BXD và Thông tư 12/2021/TT-BXD (thay thế Thông tư số 10/2019/TT-BXD) đều ban hành định mức đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng tàu đóng cọc (không có định mức đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng máy đóng coc) nhưng tại mục Hướng dẫn áp dụng tại Chương III Phần 2 Phụ lục II Công tác thi công cọc vẫn sử dụng khái niệm "máy đóng cọc dưới nước" là chưa thống nhất tên thiết bị đóng cọc giữa hướng dẫn với định mức (tàu đóng cọc hay máy đóng cọc dưới nước). Bên cạnh đó, hướng dẫn cũng nêu rõ "máy đóng cọc dưới nước" chưa tính đến công tác làm sàn đạo, xà kẹp, phao nổi.

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
14	**Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016** **Bộ Công Thương**	Luật Xây dựng năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ đã được thay thế bằng Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021. Tuy nhiên, Bộ Công Thương chưa sửa đổi Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 về quy định nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản cho phù hợp với Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, cụ thể: Tại điều 6 Thông tư số 26/2016/TT-BCT quy định: "Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng… căn cứ vào các yêu cầu quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 80, Điều 83 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và các Điều 12, Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ". Tuy nhiêu, Điều 83 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ đã được thay thế bằng Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.	Đề nghị Bộ Công Thương xem xét sửa đổi Điều 6 của Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 về quy định nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản để phù hợp với Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017- 2021 của tỉnh Lai Châu
15	**Thông tư số 342/2016/TT-BTC**	Hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về việc quyết toán chỉ tiêu tổng mức vay trong năm theo số thực tế rút vốn trong năm hay theo số liệu ghi thu - ghi chi ngân sách trong năm. Ngoài ra, quy định về mẫu biểu Cân đối quyết toán ngân sách địa phương tại Thông tư số	Xem xét hướng dẫn cụ thể đối với các địa phương trong việc xác định chỉ tiêu tổng mức vay trong năm khi lập báo cáo quyết toán;	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN và Báo cáo nợ công năm 2021 tại Bộ

TT	Loại văn bản/ Đơn vị được kiến nghị	Phát hiện kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán
	Thông tư số 343/2016/TT-BTC **Bộ Tài chính**	342/2016/TT-BTC (Biểu 60) không có chỉ tiêu Tổng mức dư nợ vay cuối năm, tuy nhiên mẫu biểu công khai Cân đối ngân sách địa phương (Biểu 62/CK-NSNN - "đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn") theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC lại bao gồm chỉ tiêu tổng mức dư nợ vay cuối năm. Thực tế cho thấy việc lập báo cáo quyết toán ngân sách của các địa phương còn chưa thống nhất: Một số địa phương có phê duyệt chỉ tiêu Tổng mức dư nợ vay cuối năm, một số địa phương không phê duyệt.	đồng thời nghiên cứu, rà soát lại quy định về việc trình bày chỉ tiêu Tổng mức dư nợ cuối năm tại các mẫu biểu theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC (Biểu 60) và Thông tư số 343/2016/TT-BTC (Biểu 62/CK-NSNN) để đảm bảo tính thống nhất.	Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục số 09

KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ KIỂM ĐIỂM, XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC SAI PHẠM ĐƯỢC PHÁT HIỆN TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2022

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
1	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Ban quản lý dự án làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân dẫn đến việc làm chậm tiến độ của 03 dự án chưa hoàn thành nhưng đã hết thời gian thực hiện dự án (Dự án Đầu tư trung tâm dữ liệu vùng Đồng bằng sông Cửu Long tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường của khu vực phục vụ phân tích, đánh giá hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu; dự án Nâng cấp xây dựng mạng quan trắc nước dưới đất Đồng bằng sông Cửu Long; dự án Xây dựng Hệ thống giám sát biến động bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bằng Công nghệ viễn thám) để xử lý theo quy định hiện hành và báo cáo cấp có thẩm quyền gia hạn thời gian thực hiện dự án để dự án tiếp tục triển khai đạt hiệu quả.
2	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Đề nghị Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chỉ đạo: 1. Kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm của Lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các tập thể và cá nhân có liên quan trong việc: - Chưa kịp thời chỉ đạo rà soát, đối chiếu dẫn đến việc có sự chênh lệch giữa Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH đầu tư thương mại và du lịch Thắng Lợi và Văn phòng liên minh đối với khoản 02 công nợ 25.413.156.261 đồng và 12.255.311.173 đồng. - Sử dụng quyền sử dụng đất phần diện tích đất 410m^2 được Nhà nước cho thuê hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm để góp vốn liên doanh không đúng quy định tại khoản 1, Điều 111, Luật Đất đai 2003 và khoản 1 Điều 175 Luật Đất đai 2013, chưa kê khai nộp tiền thuê đất hàng năm. - Không theo dõi, phản ánh đầy đủ trên hệ thống báo cáo tài chính nhiều năm đối với khoản đầu tư và nguồn thu từ khoản đầu tư vào các doanh nghiệp (nếu có), chưa thực hiện đúng quy định về yêu cầu kế toán tại khoản 1, Điều 5, Luật kế toán số 88/2015/QH13.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Chưa nộp tiền thuê đất còn nợ Nhà nước đến hết 30/04/2022, số tiền 56.933.618.337 đồng theo Thông báo số 152943 TB-CCTNTL ngày 16/05/2022 Chi cục Thuế Quận Nam Từ Liêm) của Dự án "Trung tâm giới thiệu sản phẩm ngành nghề truyền thống và dịch vụ kinh tế hợp tác" - Số 9 Phạm Hùng. 2. Kiểm điểm trách nhiệm của Thường trực Liên minh trong việc ban hành Nghị quyết số 270/NQ-LMHTXVN ngày 28/6/2019 giao cho Trung tâm Công nghệ sinh học sử dụng trụ sở Cơ quan Thường trực khu vực miền Trung - Tây Nguyên để đầu tư thí điểm nuôi chim yến không đúng mục tiêu và chức năng của Trung tâm công nghệ sinh học, sử dụng tài sản trên đất không đúng mục đích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. 3. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan của các đơn vị trực thuộc: - Ban quản lý các dự án đầu tư (Chủ đầu tư dự án Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ Hợp tác xã Miền Nam giai đoạn 1) trong việc không kịp thời phát hiện để sửa lỗi khác biệt giữa đề xuất tài chính và đề xuất kỹ thuật tại các gói thầu; không kịp thời phát hiện, loại trừ các khối lượng tính trùng, tính thừa làm tăng giá trị quyết toán số tiền 1.121 triệu đồng tại Dự án Trường Trung cấp nghề và Đào tạo cán bộ Hợp tác xã Miền Nam giai đoạn 1. - Văn phòng Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong việc chưa kịp thời thực hiện đăng ký thuế, kê khai nghĩa vụ thuế với NSNN đối với các hoạt động kinh tế ngành thuộc đối tượng áp dụng của Luật quản lý Thuế số 38/2019/QH14, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 (tiền thu từ các Hợp đồng ủy quyền sử dụng lợi thế cơ sở vật chất, chuyển nhượng chứng khoán, thu khác...), chưa đúng với quy định tại Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính.
3	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Ngoại giao	Đề nghị Bộ Ngoại giao tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan sau: 1. Chủ đầu tư dự án "*Đầu tư xây mới công trình trụ sở Phái đoàn Việt Nam tại Giơ-ne-vơ*" (để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản kéo dài từ năm 2016) do không hoàn thiện (lập hồ sơ chưa đầy đủ) các hồ sơ quyết toán dự án để sử dụng vốn cấp bổ sung năm 2021 dẫn đến phải hủy dự toán vốn năm 2021 và đến nay chưa được bố trí vốn. 2. Chủ đầu tư dự án "*Mua trụ sở, nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia*" do dự án đã hoàn thành từ năm 2018 đến nay chưa thực hiện lập hồ sơ quyết toán, không phát sinh số liệu giải ngân từ năm 2019 đến nay.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
4	Kiểm toán chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017 - 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh: Yên Bái, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Phú Thọ, Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng, Bình Phước	Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc: 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Xác định tiền cấp quyền KTKS, rà soát ra thông báo hàng năm giai đoạn 2018-2022 đối với 02 mỏ (Đồng Sin Quyền và Đồng Vi Kẽm) chưa theo quy định khoản 1 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường khi xác định lần đầu và các lần tiếp theo quy định Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ. 2. UBND tỉnh Hà Giang: Chỉ đạo Cục Thuế kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc: Chi cục Thuế huyện Vị Xuyên không phát hiện ra sai sót của Hợp tác xã Sơn Hải khai thác khi chưa được cấp phép từ năm 2017 với sản lượng kê khai theo quyết toán Phí BVMT là 5.722m^3 cát. 3. UBND tỉnh Phú Thọ: Chỉ đạo Sở TN&MT kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền KTKS không phù hợp với quy định. 4. UBND tỉnh Bình Định: Chỉ đạo Sở Xây dựng kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc: (i) Ban hành kế hoạch kiểm tra và thực hiện kế hoạch kiểm tra số 08/KH-SXD ngày 19/6/2018 không phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao; (ii) Chưa kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo đơn vị có thẩm quyền xử lý kịp thời các sai sót, tồn tại của các doanh nghiệp KTKS được phát hiện qua kiểm tra tại Kết luận số 04/KL-SXD. 5. UBND tỉnh Bình Phước: Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc tính và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền KTKS không tính đúng, đủ theo quy định. 6. UBND tỉnh Thái Bình: Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc: (i) Để xảy ra nhiều sai sót khi cấp phép gia hạn và chuyển nhượng mỏ cát Hà Lão giữa Công ty Cổ phần ĐT&XD Hà Thành - UDIC và Công ty TNHH Đông A; (ii) Giám sát việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường để xảy ra nhiều sai sót; (iii) Không thực hiện hết trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra để xảy ra rất nhiều sai sót trong thực thi nhiệm vụ được giao. 7. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế: Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo Cục Thuế tỉnh kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc chưa kiểm tra, phát hiện kịp thời dẫn đến các doanh nghiệp khi tính phí BVMT không nhân hệ số K=1,1 đối với các mỏ khai thác lộ thiên theo quy định, do đó đã tính và nộp phí BVMT thiếu theo quy định.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
5	Kiểm toán hoạt động Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: 1. Xác định nhu cầu đầu tư với nhu cầu nguồn lực lớn nhưng chưa thuyết minh phương án huy động và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công dẫn đến chưa cân đối nguồn vốn để thực hiện nội dung "Hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp" và chỉ bố trí được 713/7.331 tỷ đồng để thực hiện nội dung "thực hiện các dự án đầu tư theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg". 2. Lập BCNCKT chưa đề xuất cụ thể một số nội dung như: Thứ tự ưu tiên và thời gian thực hiện các dự án thành phần; chưa đề xuất khả năng lồng ghép, phối hợp với các chương trình khác. Nội dung phần vốn sự nghiệp chưa sơ bộ được những nội dung, nhiệm vụ chi làm căn cứ lập, giao dự toán. 3. Chưa thực hiện việc lập báo cáo tổng kết việc thực hiện toàn Chương trình theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 923/QĐ-TTg. Chưa chủ trì, phối hợp với Bộ KHĐT, Bộ Tài chính: (i) tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; (ii) tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung, phạm vi tại các quyết định phê duyệt Chương trình theo Văn bản số 6727/BKHĐT-KTNN ngày 18/9/2019 của Bộ KHĐT. 4. Đề nghị các Chủ đầu tư Phối hợp với các nhà thầu và các đơn vị có liên quan xác định rõ trách nhiệm của các bên trong việc chậm tiến độ thực hiện để xử lý theo quy định của hợp đồng và pháp luật hiện hành. 5. Đề nghị Sở NN&PTNT tỉnh Kiên Giang: Đối với gói thầu số 07 dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Bãi Cây Mến xã An Sơn, huyện Kiến Hải, tỉnh Kiên Giang xác định rõ trách nhiệm của từng bên có liên quan đến việc thi công không đáp ứng được tiến độ theo cam kết hợp đồng. 6. Đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang: Chỉ đạo các đơn vị có liên quan làm rõ trách nhiệm các bên trong việc chậm tiến độ gói thầu số 07 dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Bãi Cây Mến xã An Sơn, huyện Kiến Hải, tỉnh Kiên Giang.
6	Kiểm toán Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho	1. Đối với Bộ Công Thương: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với hạn chế tồn tại trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về năng lượng tái tạo: (i) Bổ sung Nhà máy ĐMT Bình Hòa - An Giang và Nhà máy ĐMT Tuy Phong Bình Thuận vào quy hoạch phát triển điện lực tinh giai đoạn 2011 -2015 trong khi chưa có quy hoạch phát triển cho các dự án NLTT và bổ sung quy hoạch riêng lẻ dự án điện gió tại tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk không

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	thuộc vị trí nhà máy điện gió đã xác định vị trí tiềm năng được phê duyệt trong đề án quy hoạch điện gió của tỉnh; (ii) Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Nhà máy điện gió Nhơn Hội tỉnh Bình Định vượt công suất được phê duyệt theo thẩm quyền; (iii) Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc Tổng Công ty điện lực miền Trung mua điện, ghi nhận sản lượng điện từ 02 nhà máy tại tỉnh Đắk Lắk gồm: NMTĐ 715, NMTĐ Hòa Phú khi dự án chưa được cấp phép hoạt động điện lực. 2. Đề nghị UBND tỉnh Bình Định thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện: Kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm trong việc: (i) Các dự án NLTT triển khai xây dựng, sản xuất kinh doanh và đấu nối vào điện lưới Quốc gia trong khu vực dự trữ khoáng sản khi chưa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, để có biện pháp xử lý theo quy định; (ii) Chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án đầu tư khi chưa có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền; công tác quản lý đất đai, rừng phòng hộ để tình trạng nhà đầu tư giải phóng mặt bằng vượt mốc giới, chặt phá 5,26ha rừng phòng hộ (dự án ĐMT tại xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ); (iii) Giao đất, cho thuê đất của các dự án vượt diện tích, đồng thời xử lý theo theo quy định của pháp luật; (iv) 02 dự án thực hiện thi công trên thực địa nhưng chưa hoàn tất các thủ tục về giao đất, cho thuê đất. 3. Đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận: - Thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm trong việc: (i) Các dự án NLTT triển khai xây dựng, sản xuất kinh doanh và đấu nối vào điện lưới Quốc gia trong khu vực dự trữ khoáng sản khi chưa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, để có biện pháp xử lý theo quy định; (ii) Giao đất, cho thuê đất của các dự án vượt diện tích, đồng thời xử lý theo quy định của pháp luật; (iii) 04 dự án thực hiện thi công trên thực địa nhưng chưa hoàn tất các thủ tục về giao đất, cho thuê đất. - Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: 04 dự án NLTT vận hành, nối lưới nhung đến thời điểm kiểm toán chưa được cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu dự án. 4. Đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm trong việc: 02 dự án thực hiện thi công trên thực địa nhưng chưa hoàn tất các thủ tục về giao đất, cho thuê đất.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: 01 dự án NLTT vận hành, nối lưới nhưng đến thời điểm kiểm toán chưa được cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu dự án. 5. Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm trong việc: (i) Giao đất, cho thuê đất của các dự án vượt diện tích, đồng thời có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật; (ii) 03 dự án thực hiện thi công trên thực địa nhưng chưa hoàn tất các thủ tục về giao đất, cho thuê đất. 6. Đề nghị UBND tỉnh Long An thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm trong việc: (i) Giao đất, cho thuê đất của các dự án vượt diện tích theo quy định, đồng thời xử lý theo quy định của pháp luật; (ii) 04 dự án thực hiện thi công trên thực địa nhưng chưa hoàn tất các thủ tục về giao đất, cho thuê đất. 7. Đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: 01 dự án NLTT vận hành, nối lưới nhưng đến thời điểm kiểm toán chưa được cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu dự án.
7	Kiểm toán công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và các đơn vị trực thuộc năm 2021	Đề nghị Chi cục Hải quan khu vực 3 - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh: Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc thực hiện kiểm tra sau thông quan: Phạm vi kiểm tra ngoài phạm vi được phê duyệt, thời gian kiểm tra kéo dài; thực hiện chậm, không thực hiện đầy đủ các bước quy trình nghiệp vụ đưa hàng về bảo quản theo đúng quy định (Chi CHQ KV3-CHQ TP Hồ Chí Minh).
8	Báo cáo kiểm toán Dự án thành phần Đầu tư xây dựng đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	Đề nghị Ban QLDA 7: Làm rõ trách nhiệm của nhà thầu tư vấn và các đơn vị có liên quan đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác khảo sát, thiết kế.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
9	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra rà soát, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các sai phạm, tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, trong đó lưu ý một số nội dung sau: 1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc: - Kiểm tra, giám sát việc quản lý nguồn viện trợ chưa chặt chẽ dẫn đến đề xuất Bộ Tài chính cho thực hiện ghi chi hoàn tạm ứng khi chưa đủ hồ sơ, hoàn tạm ứng trùng. - Việc cấp bù và quyết toán học phí vượt chỉ tiêu được giao; việc cấp bù và quyết toán học phí khi chưa được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp. - Việc trình, phê duyệt chủ trương, giao dự toán thực hiện dự án "*Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Lao động và Xã hội*" nhưng không khả thi, dẫn đến không thực hiện phải hủy dự toán 2 năm liền. 2. Văn phòng Bộ đề nghị hoàn tạm ứng các dự án viện trợ không có hồ sơ của BQL dự án đối với các dự án có BQL dự án hạch toán, quyết toán riêng; đề nghị hoàn tạm ứng đối với một số dự án nhỏ lẻ còn tồn kinh phí, chưa chi, chưa có hồ sơ. 3. Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định và Ban quản lý dự án liên quan đến việc: (i) Công trình hoàn thành từ năm 2015 đến nay chưa thực hiện thủ tục nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định; (ii) Nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành chi phí Kiểm toán độc lập từ tháng 12/2015 khi đơn vị tư vấn kiểm toán độc lập chưa thực hiện, hoàn thành công việc theo hợp đồng (đến nay chưa cung cấp được Báo cáo kiểm toán độc lập).
10	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở cơ quan đại diện phía Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Đề nghị Chủ đầu tư: kiểm điểm làm rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân liên quan đến các sai sót, tồn tại và hạn chế đã nêu trong BCKT này, đặc biệt là: 1. Trong công tác phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán chưa áp dụng hết các tiêu chuẩn kỹ thuật gây lãng phí chi phí thực hiện các hạng mục là 842,4 triệu đồng (Công tác bố trí Cọc tường vây D400 lãng phí 399,1 triệu đồng và dự toán máy móc thiết bị 443,3 triệu đồng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Trong công tác lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký kết hợp đồng chưa căn cứ vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi lựa chọn nhà thầu dẫn đến nhiều nhà thầu chưa đủ năng lực nhưng vẫn được lựa chọn trúng thầu. 3. Không thực hiện kiểm kê, đánh giá, thu hồi, để giảm trừ chi phí đầu tư theo Công văn số 5856/SXD-KTXD ngày 16/5/29019 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. 4. Trong công tác quản lý chi phí đầu tư, nghiệm thu, thanh toán (sai khối lượng 1.729,2 triệu đồng, sai khác 5.593,4 triệu đồng).
11	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Đề nghị Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh kiểm tra, rà soát, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công đã nêu tại Báo cáo kiểm toán này và xử lý theo quy định, trong đó lưu ý: Việc Công ty Cổ phần Vạn Xuân cho thuê văn phòng từ năm 2010 chưa đúng quy định.
12	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Đề nghị Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam kiểm tra, rà soát để làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định của pháp luật một số tồn tại và hạn chế trong các công tác sau: 1. Trong việc thực hiện chức năng quản lý trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học; công tác đào tạo đã nêu trong báo cáo kiểm toán, trong đó chú trọng các nội dung sau: - Việc xây dựng và ban hành Quy chế quản lý khoa học; - Phê duyệt, tuyển chọn, xét chọn, thẩm định thuyết minh của các đề tài, chương trình cấp Bộ; - Xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. 2. Trong công tác: Lập, phân bổ và thực hiện dự toán; Công tác quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản công; Đề nghị Chủ tịch Viện HKKHXH thực hiện rà soát, tiến hành các bước để làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan theo đúng pháp luật hiện hành.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
13	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Đề nghị Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo kiểm tra rà soát, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định đối với các tồn tại, hạn chế được nêu trong Báo cáo kiểm toán, trong đó lưu ý một số nội dung sau: 1. Chưa phản ánh số tiền phải thu của doanh nghiệp về cổ phần hoá trong hệ thống báo cáo Tài chính của TW Hội LHPNVN và thu hồi kịp thời số tiền 266.877 triệu đồng. 2. Các Quỹ ngoài ngân sách: Quỹ Bảo hiểm Vi mô không tuân thủ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Công văn số 10252/TC-QLBH ngày 7/9/2021 của Bộ Tài chính về dừng hoạt động từ ngày 15/7 đến ngày 1/4/2022 và không thực hiện đăng ký, kê khai nộp thuế theo luật Thuế GTGT; thuế TNDN; Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nghèo cho vay không đúng đối tượng, cho vay lãi suất cao hơn ngân hàng thương mại không đúng tôn chỉ mục đích khi thành lập. 3. Các nội dung tồn tại đến công tác đầu tư XDCB: Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; tổ chức thi công và nghiệm thu chưa tuân thủ đầy đủ chủ trương đầu tư, thiết kế cơ sở được phê duyệt; sai sót trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu thiết bị cung cấp, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, thông gió.
14	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Đề nghị Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kiểm tra, rà soát để làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và xử lý theo quy định của pháp luật đối với nội dung đã nêu trong Báo cáo kiểm toán, trong đó lưu ý một số nội dung sau: 1. Phê duyệt Dự án ứng dụng công nghệ xanh vào công trình phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học khi dự án chưa được thẩm định bởi cơ quan chuyên môn về xây dựng. 2. Công tác quản lý, sử dụng vật tư, hóa chất phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học.
15	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Kiểm tra, rà soát, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công đã nêu tại Báo cáo kiểm toán này và xử lý theo quy định, trong đó lưu ý xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc thu học phí vượt quy định; quản lý, theo dõi, kê khai, báo cáo không đầy đủ diện tích nhà, đất; cho thuê, liên doanh, liên kết cơ sở nhà đất không đúng quy định; trong việc chưa thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kết luận, kiến nghị kiểm toán.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
16	BCKT việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các sai phạm, tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, cụ thể: 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc kiểm tra, giám sát và các trường ĐH trong việc chưa thực hiện thu học phí theo đúng quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP; cấp và quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm tại các trường tuyển sinh vượt chỉ tiêu (Trường ĐH sư phạm Hà Nội 2, Trường ĐH Vinh). 2. Trường ĐH Nha Trang trong việc sử dụng đất tại số 2 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa để hợp tác đầu tư và đào tạo với Công ty cổ phần Cà phê Mê Trang và Công ty TNHH Du lịch và Ẩm thực Nha Trang không đúng mục đích, không đúng chủ trương xây dựng Cơ sở thực hành du lịch tại Quyết định số 5983/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/11/2011 của Bộ GD&ĐT. 3. Trách nhiệm của Bộ GD&ĐT có liên quan đến sai sót trong phê duyệt TMĐT của Dự án ĐTXD Nhà làm việc và nhà thư viện các Trường thuộc Đại học Huế thiếu chính xác, không phù hợp thực tế và chưa đúng quy định; còn tính trùng chi phí GPMB đã được phê duyệt ở dự án khác; lập, thẩm định và phê duyệt HSMT, tiến hành lựa chọn nhà thầu khi chưa đủ điều kiện về mặt bằng thi công, đồng thời tạm ứng cho nhà thầu trúng thầu 22 tỷ đồng (50% giá trị hợp đồng) từ 07/12/2021 đến nay, đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa thể tiến hành thi công do các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng không đồng ý di dời. 4. Trách nhiệm của Trường dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Nha Trang và bộ phận phụ trách kế toán dự án liên quan đến việc tạm ứng vốn sai quy định và không thu hồi tạm ứng quá hạn tại Gói thầu số 5 (Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ ngoài nhà). 5. Trách nhiệm của Trường Đại học Đà Nẵng đối với các việc: (i) Lập thiết kế cơ sở (TKCS), báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án khi quy hoạch điều chỉnh cục bộ 1/500 chưa được lập, trình phê duyệt và phương án kiến trúc chưa được thông qua; thuyết minh TKCS, thuyết minh dự án đầu tư được phê duyệt trước khi Bộ GD&ĐT phê duyệt chủ trương đầu tư; lập thiết kế cơ sở, báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án khi chưa có kết quả khảo sát địa chất (KSĐC) công trình, chưa có ý kiến thẩm định, chấp thuận về phương án phòng cháy, chữa cháy của cơ quan có chức năng; (ii) Không lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; chưa tuân thủ đầy đủ quy định quản lý chất lượng gói thầu thiết bị.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
17	Kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Hải Dương	UBND tỉnh Hải Dương chỉ đạo các Khu công nghiệp: Kiểm điểm rút kinh nghiệm và khắc phục kịp thời đối với việc thiết kế, thi công hệ thống xử lý nước thải không đúng theo giấy phép xây dựng.
18	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Bộ Y tế	Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các nội dung hạn chế, tồn tại sau: Hạn chế, tồn tại trong công tác tham mưu, phối hợp, chưa kịp thời ban hành văn bản, hướng dẫn định mức kinh tế, kỹ thuật và thực hiện đơn giá thu xét nghiệm; thiếu đôn đốc, kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình để kịp thời giải quyết các khó khăn, hướng dẫn, chấn chỉnh các đơn vị thực hiện. Để xảy ra tình trạng thu sai đối tượng, giá dịch vụ xét nghiệm cao hơn quy định, thu dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả chi phí test, vật tư, sinh phẩm y tế của hàng tài trợ, viện trợ hoặc được Bộ Y tế phân bổ (Bộ Y tế, các đơn vị liên quan và các đơn vị thực hiện chưa bảo đảm quy định).
19	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các nội dung tồn tại, hạn chế sau: 1. Chi không đúng đối tượng tại Công đoàn Công thương Việt Nam, Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh và Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Ninh. 2. Chi tiền hỗ trợ nhưng không có danh sách ký nhận của đối tượng thụ hưởng tại Công đoàn Công thương Việt Nam và Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương.
20	Kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp làng nghề và làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2019-2021	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh thực hiện rà soát, tiến hành các bước để làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại đã nêu đảm bảo thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
21	Kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp làng nghề và làng nghề trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Kiến nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan: Đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội thực hiện rà soát, tiến hành các bước để làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại đã nêu đảm bảo thực hiện theo đúng pháp luật hiện hành.
22	Kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 của thành phố Hà Nội	1. Đề nghị UBND thành phố Hà Nội chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động quản lý môi trường tại các KCN: Tổ chức kiểm tra làm rõ các tồn tại, hạn chế trong công tác quy hoạch tại KCN Phú Nghĩa như đã nêu tại Báo cáo kiểm toán để có cơ sở xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định pháp luật; trường hợp việc điều chỉnh quy hoạch KCN vượt thẩm quyền, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. 2. Đề nghị Sở Quy hoạch - Kiến trúc: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại trong công tác quản lý quy hoạch tại 04 KCN: Thạch Thất - Quốc Oai, Quang Minh I, Thăng Long và Nội Bài, đặc biệt là công tác tham mưu điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cần xác định rõ cơ cấu sử dụng đất (diện tích đất và tỷ lệ diện tích đất) trước và sau điều chỉnh cục bộ quy hoạch của từng phân khu.
23	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội	1. Xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan của các Ban quản lý dự án, Chủ đầu tư trong việc chậm thu hồi tạm ứng vốn đầu tư đã quá hạn từ nhiều năm bằng nguồn NSNN giao. 2. Về hoạt động khoa học và công nghệ: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc gia hạn, quyết định phê duyệt nhiệm vụ thành phần thực hiện đến năm 2024 vượt thời gian theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2079/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 "Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt cấp quốc gia Xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam", thời gian thực hiện từ năm 2018 đến năm 2022. Trường hợp vướng mắc báo cáo Thủ tướng Chính phủ để thực hiện theo quy định của pháp luật. 3. Kiến nghị về công tác lập, phân bổ kế hoạch vốn và công tác xét duyệt, thẩm định, tổng hợp Báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2021: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác phân bổ vốn và điều chỉnh vốn đầu tư chưa theo quy định tại Điều 51, 53 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Chỉ đạo các chủ đầu chấn chỉnh, rút kinh nghiệm về các tồn tại, hạn chế trong lập kế hoạch vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
24	Kiểm toán Chương trình mục tiêu theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Hà Tĩnh	1. Đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với các tồn tại, hạn chế: Công tác phối hợp, thực hiện GPMB cho một số dự án chưa hiệu quả, kéo dài làm chậm tiến độ dự án; Tỷ lệ giải ngân một số năm chưa cao, chưa đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Chính phủ; Chưa kịp thời làm thủ tục hoàn trả kinh phí hỗ trợ từ NSTW hết thời gian giải ngân theo quy định; Lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt TMĐT dự án bao gồm hạng mục Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 8A đoạn km84 - Km 85+200 khi chưa được sự đồng ý của Bộ Giao thông vận tải. 2. Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh: Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh trong việc lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt TMĐT dự án bao gồm hạng mục Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 8A đoạn km84 - Km 85+200 khi chưa được sự đồng ý của Bộ Giao thông vận tải.
25	Kiểm toán Chương trình mục tiêu theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Lạng Sơn	1. Đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với tồn tại, hạn chế trong công tác GPMB các dự án; quản lý tiến độ dự án. 2. Đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chi Lăng: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với công tác quản lý tiến độ dự án.
26	Kiểm toán Chương trình mục tiêu theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh Quảng Nam	1. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với tồn tại, hạn chế trong công tác GPMB các dự án; quản lý tiến độ dự án. 2. Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với công tác quản lý tiến độ dự án.
27	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	1. Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Vị Thanh: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn để xử lý theo quy định. 2. Đề nghị UBND thành phố Vị Thanh: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn để xử lý theo quy định. 3. Đề nghị UBND tỉnh Hậu Giang: Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với tồn tại, hạn chế trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
28	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	1 Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Bạc Liêu: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn. 2. Đề nghị UBND thành phố Bạc Liêu: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn để xử lý theo quy định. 3. Đề nghị UBND tỉnh Bạc Liêu: Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với tồn tại, hạn chế trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn.
29	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1. Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Bến Tre: Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế như công tác: lựa chọn nhà thầu; nghiệm thu, thanh toán; điều chỉnh thiết kế; quản lý tiến độ; phối hợp tổ chức GPMB thi công các gói thầu. 2. Đề nghị UBND thành phố Bến Tre kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế như công tác: Lập báo cáo theo dõi, kiểm tra quá trình lập báo cáo Đề xuất chủ trương; phê duyệt thiết kế, dự toán; lựa chọn nhà thầu; quản lý tiến độ; phối hợp tổ chức GPMB thi công các gói thầu. 3. Đề nghị UBND tỉnh Bến Tre: Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với những tồn tại, hạn chế trong công tác: lập, điều chỉnh dự án đầu tư; lập, thẩm định phê duyệt thiết kế, phối hợp tổ chức GPMB thi công các gói thầu.
30	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	1. Đề nghị Ban QLDA xây dựng thị xã Kỳ Anh: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân trong việc giải ngân vốn đạt tỷ lệ thấp phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn. 2. Đề nghị UBND thị xã Kỳ Anh: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn. 3. Đề nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh: - Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tồn tại trong phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, trong phê duyệt dự toán xây dựng công trình và trong phê duyệt Chiến lược đấu thầu đối với gói thầu TVGS, bố trí thiếu vốn đối ứng đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho dự án. - Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
31	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực Tiểu dự án thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	1. Đề nghị Ban QLDA phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Hải Dương: Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn. 2. Đề nghị UBND thành phố Hải Dương: - Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn. - Tổ chức chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác: khảo sát, thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư; lập, thẩm định và phê duyệt dự toán các gói thầu; Triển khai thực hiện dự án chậm 3. Đề nghị UBND tỉnh Hải Dương: - Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tồn tại trong việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt Chiến lược đấu thầu đối với gói thầu TVGS, bố trí thiếu vốn đối ứng đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho dự án. - Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định trong việc giải ngân vốn thấp, phải điều chỉnh giảm, kéo dài hoặc hủy kế hoạch vốn.
32	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Tân An, tỉnh Long An	1. Đề nghị Ban QLDA án nâng cấp đô thị thành phố Tân An: Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện Dự án còn để xảy ra tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán như công tác: lập hồ sơ mời thầu, chấm xét thầu; ký kết hợp đồng; quản lý tiến độ thi công gói thầu, dự án; lập và lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng dự án. Kiểm tra, rà soát hồ sơ nghiệm thu chất lượng, hồ sơ nghiệm thu khối lượng và thực tế thi công để hoàn công, thanh quyết toán theo quy định. 2. Đề nghị UBND thành phố Tân An: Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán như công tác: lập báo cáo theo dõi, kiểm tra quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh dự án; phê duyệt thiết kế, dự toán; quản lý tiến độ; tổ chức GPMB thi công các gói thầu. 3. Đề nghị UBND tỉnh Long An: Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác: lập báo cáo theo dõi, kiểm tra quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập dự án đầu tư; điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh dự án; lập, thẩm định phê duyệt thiết kế, dự toán lập hồ sơ mời thầu, chấm xét thầu; ký kết hợp đồng; lập và lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng dự án; quản lý tiến độ; tổ chức GPMB thi công các gói thầu.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
33	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp nông thôn tỉnh Đắk Lắk: Kiểm điểm trách nhiệm đối với các tập thể và cá nhân có liên quan đến các tồn tại trong công tác quản lý tiến độ đối với việc thực hiện đền bù GPMB; công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán (trong đó xác định trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế đối với tồn tại liên quan đến công tác thiết kế, lập dự toán).
34	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam: Xác định trách nhiệm để xử lý theo quy định đối với tồn tại trong công tác trình, duyệt chủ trương và phê duyệt kế hoạch đấu thầu cho phép chỉ định thầu không thuộc trường hợp được chỉ định thầu theo quy định (gói thầu tư vấn giám sát số 04).
35	BCKT việc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; Đoạn Nha Trang - Cam Lâm; Đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	1. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải: Xác định rõ trách nhiệm cá nhân và tập thể có liên quan để xử lý theo quy định đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt TKKT, dự toán và khắc phục những tồn tại, hạn chế. 2. Đối với Ban QLDA dự án 2, Ban QLDA 85, Ban QLDA đường Hồ Chí Minh: - Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại trong công tác quản lý đầu tư xây dựng: Công tác lập, trình thẩm định Tổng mức đầu tư điều chỉnh; Công tác mời thầu, thương thảo ký kết hợp đồng, quản lý hợp đồng; công tác quản lý tiến độ, công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và các nội dung tồn tại khác được nêu trong BCKT này. - Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác lập, trình thẩm định TKKT, dự toán.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
36	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng, đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp	Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh An Giang: Tổ chức kiểm điểm làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan đến tồn tại: Phê duyệt dự toán gói thầu số 17, số 27 còn một số tồn tại, sai sót dẫn đến giá trị hợp đồng đã ký cao hơn dự toán gói thầu sau khi điều chỉnh giảm theo kết quả kiểm toán.
37	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông Tây và cầu Gành Hào	Đề nghị Ban QLDA xây dựng công trình giao thông Cà Mau tổ chức kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại sai sót để xử lý theo quy định, bao gồm: 1. Phê duyệt thiết kế cọc bê tông cốt thép dự ứng lực D300 cho tường chắn có diện tích mặt cắt ngang nhỏ hơn quy định (DATP1); thiết kế một số kết cấu móng mố, trụ của 14 cầu trên tuyến - DATP2 trong khi chưa có đầy đủ thông tin và số liệu khảo sát địa chất làm căn cứ tính toán. 2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu số 74 - DATP2 còn một số tồn tại, sai sót dẫn đến giá trị hợp đồng cao hơn dự toán sau điều chỉnh theo kết quả kiểm toán. 3. Các sai sót liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình (tại các gói thầu số: 29, 31, 35, 39, 40 - DATP2).
38	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ (WB6).	Đề nghị Ban quản lý các dự án đường thuỷ kiểm điểm, chấn chỉnh đối với những tồn tại trong công tác quản lý đầu tư xây dựng: 1. Công tác tổ chức lập điều chỉnh dự án đầu tư; lập thiết kế, dự toán công trình (trong đó xác định trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế đối với tồn tại liên quan đến công tác thiết kế, lập dự toán). 2. Việc thanh toán khối lượng hoàn thành chưa đúng quy định trong điều khoản của hợp đồng tại một số gói thầu: Gói thầu CS-C3iiii - Giám sát độc lập về thực hiện kế hoạch Tái định cư và an toàn lao động hạng mục kênh nối Đáy - Ninh Cơ; gói thầu CV-A2.9-NDTDP; gói thầu CV-A2.6-NDTDP. 3. Công tác quản lý tiến độ thực hiện của các gói thầu; công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành, công tác lập kế hoạch giải ngân và giải ngân vốn đầu tư, công tác hạch toán ghi thu, ghi chi và các nội dung tồn tại khác đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
39	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án thành phần 1A của Dự án đầu tư xây dựng đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xác định trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định đối với tồn tại: Chưa cập nhật điều chỉnh giảm TMĐT của Dự án khi trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư và ban hành Quyết định phê duyệt dự án tại Dự án 2.
40	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc	Đề nghị Ban QLDA 2 - Bộ Giao thông vận tải xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân liên quan đến những hạn chế, tồn tại để xử lý theo quy định đối với công tác chậm triển khai, thực hiện dự án.
41	BCKT đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn đối ứng trong đầu tư Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long	1. Đề nghị UBND thành phố Hạ Long: Xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan tới tiến độ triển khai, thực hiện dự án bị chậm trễ, kéo dài làm giảm hiệu quả, hiệu lực đầu tư để xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh: Xem xét, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật về việc: chưa phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để kịp thời báo cáo và trình Thủ tướng Chính phủ dẫn đến việc đàm phán ký kết Hiệp định vay lần 2 bị kéo dài qua nhiều năm; Tiến độ triển khai, thực hiện dự án bị chậm trễ, kéo dài làm giảm hiệu quả, hiệu lực đầu tư.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
42	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn I (lần 9)	1. Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng CTGT thành phố Hà Nội: Xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan tới các tồn tại, hạn chế, vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật: hợp đồng kinh tế gói thầu số 21, 23 không quy định cụ thể về mức độ xử phạt đối với từng trường hợp vi phạm trong khi gói thầu bị chậm tiến độ; việc chưa xác định các nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc chậm tiến độ làm cơ sở điều chỉnh giá của các gói thầu xây lắp; việc chậm tiến độ dự án dẫn đến tăng chi phí khoảng 155.217 triệu đồng; chậm trễ trong việc trình UBND thành phố điều chỉnh tiến độ theo quy định Khoản 4, Điều 28, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ; công tác quyết toán hợp đồng, quyết toán dự án hoàn thành; công tác xuất hóa đơn thuế GTGT. 2. Đề nghị UBND thành phố Hà Nội: Xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật trong việc ban hành các văn bản điều chỉnh tiến độ dự án không đúng với quy định tại Khoản 4, Điều 28, Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.
43	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu TP Cần Thơ	1. Đối với Ban Quản lý dự án QLDA đầu tư Xây dựng (thành phố Cần Thơ): Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến những hạn chế, tồn tại đã nêu tại báo cáo kiểm toán về công tác thiết kế tính toán sai khối lượng; công tác dự toán áp dụng một số định mức chưa phù hợp; chậm tiến độ; nghiệm thu thanh toán còn sai sót; tỷ lệ giải ngân thấp. 2. Đối với UBND thành phố Cần Thơ: - Chỉ đạo Ban Quản lý dự án QLDA đầu tư Xây dựng (thành phố Cần Thơ) và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. - Tổ chức kiểm điểm và làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm các tập thể, cá nhân có liên quan chậm GPMB dẫn đến làm chậm tiến độ dự án, để có biện pháp xử lý kịp thời, theo quy định.
44	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	1. Đối với Ban QLDA ODA thành phố Cần Thơ: Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế về thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh toán; chậm tiến độ thi công, tỷ lệ giải ngân thấp. 2. Đối với UBND TP Cần Thơ: - Chỉ đạo Ban QLDA ODA thành phố Cần Thơ và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan việc giải phóng mặt bằng chậm dẫn tới chậm tiến độ dự án để có biện pháp xử lý kịp thời, theo quy định. - Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tập thể, cá nhân liên quan đến tồn tại trong công tác thẩm định, phê duyệt dự toán, kế hoạch vốn còn chưa phù hợp, giải ngân vốn của dự án bị chậm.
45	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Dự án xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30- ĐT.845	1. Đề nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện Dự án còn để xảy ra tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán như công tác: Tổ chức lập và trình chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán (Dự án 1); công tác lựa chọn nhà thầu, tiến độ giải ngân thấp. 2. Đề nghị Sở Giao thông vận tải Đồng Tháp: Kiểm điểm, chấn chỉnh đối với tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện Dự án còn để xảy ra tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán như công tác: Tổ chức lập và trình thẩm định, phê duyệt TMĐT; thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán; công tác lựa chọn nhà thầu; tiến độ giải ngân thấp (cả 2 Dự án); điều chỉnh kế hoạch vốn, Chỉ dẫn kỹ thuật (Dự án 1); công tác nghiệm thu thanh toán một số hạng mục chi phí (Dự án 2).
46	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án luồng sông Hậu - giai đoạn 2	Đề nghị Ban quản lý dự án Hàng hải tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh đối với những tồn tại trong công tác quản lý đầu tư xây dựng: 1. Công tác tổ chức lập dự án đầu tư điều chỉnh, lập thiết kế, dự toán và xác định giá gói thầu (trong đó xác định trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế đối với tồn tại liên quan đến công tác thiết kế, lập dự toán). 2. Công tác quản lý tiến độ thực hiện các gói thầu; công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và các nội dung tồn tại khác đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán.
47	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;	Đề nghị Ban QLDA 7: 1. Tổ chức kiểm điểm làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán còn một số tồn tại, sai sót dẫn đến giá trị hợp đồng đã ký cao hơn dự toán gói thầu sau khi điều chỉnh giảm theo kết quả kiểm toán. 2. Kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân trong quá trình thực hiện Dự án còn để xảy ra tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán như công tác: lập, thẩm định, phê duyệt TMĐT, thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, lựa chọn nhà thầu,

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	công tác quản lý chất lượng, nghiệm thu thanh toán một số hạng mục chi phí, tiến độ giải ngân thấp, phải điều chỉnh kế hoạch vốn như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán
48	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng phân hiệu Kiên Giang của trường đại học Nha Trang giai đoạn 2008-2015	Đề nghị Trường đại học Kiên Giang kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, sai sót trong việc thực hiện lựa chọn nhà thầu khi chưa trình và được phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, còn nêu nhãn hiệu hàng hoá trong Hồ sơ mời thầu; công tác quản lý thực hiện hợp đồng, bổ sung hợp đồng phần khối lượng phát sinh vượt giá gói thầu khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận, công tác nghiệm thu và việc nợ đọng xây dựng cơ bản.
49	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh, dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp - Thành phố Hồ Chí Minh: Rà soát, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế sau: 1. Thi công căn cứ hồ sơ thiết kế đang trình thẩm tra, thẩm định tại Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố. 2. Việc chậm tiến độ các dự án theo tiến độ đã được duyệt tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư.
50	BCKT kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP. Hồ Chí Minh có xét đến	UBND Thành phố Hồ Chí Minh rà soát, xác định trách nhiệm tập thể cá nhân có tồn tại để xử lý đối với những tồn tại, sai sót sau: 1. Việc lập, trình, tham mưu, ký ban hành Văn bản số 2475/UBND-DA ngày 24/6/2019 trong đó có nội dung việc xác nhận giá trị hoàn thành không phải là thủ tục nghiệm thu chất lượng, khối lượng phục vụ thanh quyết toán dự án và thanh toán cho hợp đồng dự án không phù hợp với khoản 1 Điều 19 Hợp đồng BT, biên bản thỏa thuận

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1)	ngày 22/8/2016 giữa UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà đầu tư và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Điều 2.06 Hợp đồng tín dụng. 2. Công tác giám sát chất lượng công trình, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của Nhà đầu tư của các đơn vị liên quan dẫn đến việc thi công, chế tạo khi thiết kế bản vẽ thi công chưa được thẩm định, phê duyệt là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. 3. Chậm bố trí các nguồn lực để thanh toán cho nhà đầu tư dẫn đến phát sinh chi phí đầu tư và việc chậm tiến độ kéo dài ảnh hưởng lớn đến việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.
51	BCKT hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật trong việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin với thời gian khai thác chưa phù hợp với thời gian dự kiến kết thúc khai thác theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
52	BCKT hoạt động xây dựng và việc sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan: 1. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ban QLDA PMU, Ban QLDA UIU và các đơn vị có liên quan chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong các công tác: Lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án; phê duyệt thiết kế BVTC hạng mục san nền khi chưa điều chỉnh thiết kế cơ sở; công tác lập và phê duyệt dự toán gói thầu; công tác thiết kế và điều chỉnh thiết kế; chưa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cơ cấu kinh phí mua sắm thiết bị học tập, nghiên cứu, phòng thí nghiệm; công tác đấu thầu và ký kết hợp đồng. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (giai đoạn 2011-2016) tổ chức, chỉ đạo các đơn vị có liên quan xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định trong việc: Lập, thẩm định và phê duyệt Văn kiện dự án; công tác ký kết hợp đồng đối với các chuyên gia cá nhân quốc tế, chuyên gia trong nước có các tồn tại như ký kết mức lương khi chưa có hồ sơ chứng minh năng lực kinh nghiệm, không có bằng cấp, chứng chỉ để kiểm tra đối chiếu...; tổ chức đi công tác nước ngoài; công tác nghiệm thu thanh toán; công tác ký kết hợp đồng đối với phần chi phí bổ sung gói thầu GDS006; công tác quản lý tiến độ; Công tác giải ngân kế hoạch vốn. 3. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức, chỉ đạo các đơn vị có liên quan xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định trong việc: Công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng gói thầu "Thiết kế cơ sở"; công tác lập, phê duyệt dự toán và ký kết hợp đồng gói thầu CW02 có các tồn tại như kết luận của KTNN; công tác quản lý tiến độ; công tác nghiệm thu thanh toán; công tác giải ngân kế hoạch vốn.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
53	BCKT hoạt động xây dựng và việc sử dụng vốn đầu tư Dự án Trung tâm giao dịch Than - Khoáng sản Việt Nam	Kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan: 1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Ban QLDA và các đơn vị có liên quan, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong các công tác: Lập dự toán; Công tác quản lý chất lượng chưa thí nghiệm độ cách âm của kính hộp, chưa có hoàn công bê tông lót móng giáo thi công, chưa có bản vẽ hoàn công triển khai tấm bảo ôn; Công tác nghiệm thu thanh quyết toán còn sai sót phải giảm trừ; Công tác quản lý tiến độ; Công tác lưu trữ hồ sơ. 2. Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam tổ chức, chỉ đạo các đơn vị có liên quan xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định đối với các tồn tại: Chưa phê duyệt thiết kế điều chỉnh độ cứng nhôm nguyên liệu, chưa phê duyệt dự toán điều chỉnh mặt dựng kính C1, C2, E3, W1, hệ thống tầng AOC...; Công tác chỉ định thầu đối với gói thầu có thời gian thực hiện trên 18 tháng, thời gian lựa chọn nhà thầu còn chậm so với quy định; Công tác thương thảo, ký kết hợp đồng, ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉnh chưa đúng quy định.
54	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo	1. Đề nghị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) tổ chức rà soát, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với một số tồn tại, hạn chế: -. Hội đồng thành viên Tập đoàn TKV thông qua dự án đầu tư khai thác mỏ hầm lò Núi Béo tại Văn bản số 594/TKV-HĐTV ngày 18/02/2011 khi dự án chưa có trong quy hoạch ngành Than được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; - Tập đoàn TKV có Văn bản số 4512/TKV-TC ngày 18/9/2015 đề nghị Công ty cổ phần Than Núi Béo xem xét miễn cho các nhà thầu trong ngành không phải thực hiện các hình thức bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng chưa đúng quy định của pháp luật; - Tổ chức kiểm tra, làm rõ việc Công ty cổ phần Than Núi Béo ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu thực hiện gói thầu số 13 không thuộc một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu để xử lý theo quy định. 2. Đối với UBND tỉnh Quảng Ninh: Tổ chức kiểm tra, xác định trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với tập thể, cá nhân để xảy ra tồn tại trong việc cấp giấy phép xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thực hiện gói thầu số 19 thuộc Dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo chưa đúng thẩm quyền quy định.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. Đề nghị Công ty cổ phần Than Núi Béo tổ chức rà soát, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với một số tồn tại, hạn chế: - Tổ chức thẩm định, phê duyệt đầu tư dự án khi dự án không có trong quy hoạch ngành Than được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng mặt bằng sân công nghiệp; - Ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu thực hiện gói thầu số 13 không thuộc một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu khi không báo cáo xin chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ; - Ký hợp đồng trong đó không yêu cầu nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu (các gói thầu số 13, 14A, 19, 19p, 23, 28, 29, 80); phê duyệt hồ sơ mời thầu không yêu cầu nhà thầu phải thực hiện bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định của Chính phủ (các gói thầu 14A, 23, 80); - Triển khai thi công khi chưa ký hợp đồng xây dựng, chưa có thiết kế thi công được duyệt (đoạn cổ giếng tạm thời, đoạn độ mở công nghệ của hạng mục giếng đứng); quá trình thực hiện dự án không mua bảo hiểm công trình theo quy định (đối với các gói thầu xây lắp).
55	Kiểm toán Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2021	Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đối với Ban QLDA Chương trình đô thị miền núi phía Bắc TP. Điện Biên Phủ: Kiểm điểm trong công tác ký kết hợp đồng nhưng không tiến hành công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định.
56	Kiểm toán Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016-2020	Đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân của UBND tỉnh, Sở Công Thương (năm 2014) của tỉnh Đắk Nông có liên quan đến việc phân chia 03 gói thầu Tư vấn khảo sát và 01 gói thầu lập dự án đầu tư để chỉ định thầu.
57	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Tập đoàn Công	1. Đối với Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các đơn vị thành viên được kiểm toán: Đề nghị các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; tổ chức kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó chú trọng các nội dung:

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	- Việc TKV và các đơn vị được kiểm toán khai thác, sử dụng đất đá lẫn than, bã xít, bã sàng nhưng không báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Việc sử dụng 20.861 m^2 đất từ năm 2010-2021 phục vụ hoạt động khai thác đá vôi nhưng chưa báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được cho phép sử dụng tại Công ty CP Xi măng La Hiên (TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP); - Việc đổ thải không đúng phương án được phê duyệt; không ghi chép các thời điểm lấy mẫu trong từng ca để có đủ cơ sở so sánh thời điểm xe vào và thời điểm lấy mẫu để xác nhận thành phần trên ô tô có đảm bảo không lẫn than (độ Ak > 78%); kiểm kê phát hiện thừa 21.725 tấn than so với sổ sách kế toán trong quý 3/2021; - Việc khai thác vượt công suất tại Công ty Than Hòn Gai - TKV, Công ty CP Than Mông Dương- Vinacomin, Công ty Than Quang Hanh - TKV, Công ty CP Than Cao Sơn - TKV; - Việc khai thác khi GPKTKS hết hạn, chưa được gia hạn tại Công ty Than Uông Bí - TKV; - Việc thực hiện thăm dò khoáng sản vượt giấy phép thăm dò được cấp tại Công ty Than Quang Hanh - TKV. 2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đề nghị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; tổ chức kiểm điểm xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với tập thể, cá nhân liên quan đến không điều chỉnh, thông báo kịp thời tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2020 đến các đơn vị khi UBND tỉnh Quảng Ninh thay đổi giá tính thuế tài nguyên năm 2020 tại Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2020.
58	BCKT Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Đề nghị Hội đồng thành viên TCT Xi măng Việt Nam chỉ đạo người đại diện phần vốn của TCT tại các đơn vị được kiểm toán tổ chức đánh giá nguyên nhân khách quan, chủ quan, kiểm điểm, xác định trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán; trong đó chú trọng một số nội dung: 1. Việc tổ chức thăm dò khi chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép (Vicem Hoàng Mai). 2. Việc sử dụng đất khi chưa được ký hợp đồng thuê đất hoặc chưa được gia hạn hợp đồng thuê đất tại Mỏ sét Cổ Đam (Vicem Bỉm Sơn). 3. Việc khai thác khoáng sản vượt công suất trong GPKTKS (Vicem Bỉm Sơn, Vicem Hoàng Mai, Vicem Hải Phòng, Vicem Tam Điệp, Vicem Bút Sơn).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
59	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Đề nghị Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chỉ đạo BĐ Thành phố Hồ Chí Minh xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc phát sinh khoản phí chi phí tư vấn khảo sát địa chất 107 triệu đồng của Dự án Trung tâm kinh doanh Dịch vụ Bưu điện Tân Phú (hiện đã bị hủy). Trường hợp do nguyên nhân chủ quan, thực hiện kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định.
60	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Đề nghị Hội đồng thành viên Tổng công ty Xi măng Việt Nam chỉ đạo người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị được kiểm toán tổ chức xem xét, rà soát, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại trong việc để phát sinh nợ phải thu khó đòi, hàng tồn kho lâu năm chậm luân chuyển, đầu tư vốn vào các đơn vị thua lỗ, không hiệu quả, các tồn tại trong công tác quản lý đất đai, mua sắm hàng hóa, dịch vụ.
61	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (thí điểm kiểm toán từ xa)	Kiến nghị xem xét, kiểm điểm tập thể, cá nhân liên quan: các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, đặc biệt là việc đầu tư vào Công ty CP Địa ốc Dầu khí Viễn thông (quá trình đàm phán giá mua cổ phần, ký kết hợp đồng, thực hiện góp vốn...) và việc để phát sinh các khoản chi phí dở dang lâu ngày, công nợ phải thu khó đòi của VNPT Land.
62	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Đề nghị các đơn vị kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó tập trung vào các nội dung sau: 1. Việc để phát sinh các tồn tại về hạch toán vốn chủ sở hữu, bổ sung vốn điều lệ của Công ty mẹ EVN. 2. Việc phê duyệt, giao vốn điều lệ của Công ty mẹ EVN cho các công ty con do EVN sở hữu 100% vốn; việc hạch toán các khoản bồi thường, hỗ trợ di dời các công trình lưới điện vào nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đúng quy định tại EVNHCMC. 3. Việc để phát sinh các tồn tại, hạn chế trong công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa tài sản cố định tại tất cả các đơn vị được kiểm toán. 4. Việc để mất an toàn tài chính tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
63	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Đề nghị các đơn vị kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó tập trung vào các nội dung sau: Việc đầu tư bổ sung vốn năm 2021 vào SP-PSA của Cảng Sài Gòn và Công ty mẹ VIMC nhưng chưa đánh giá đầy đủ các yếu tố chủ quan, khách quan; Việc xóa nợ không đủ điều kiện tại Công ty mẹ VIMC; việc Cảng Sài Gòn chưa kịp thời phản ánh doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng đối với liên doanh CMIT và SSIT.
64	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Đề nghị các đơn vị kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó tập trung vào các nội dung sau: 1. Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình sử dụng cụm kho phân bón để chứa Amon Nitrat khi chưa có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo qui định; cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải Phú Xuân sử dụng đất của Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình chưa đúng quy định Luật Đất đai; thuê chuyên gia nhưng không thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa hiệu quả, tiềm ẩn rủi ro tài chính (Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP). 3. Cụm máy tuyển đa trọng lực, cụm máy tuyển nổi-tuyển tách lưu huỳnh tại Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai - Vimico; "Dây chuyền sàng tuyển than bằng công nghệ huyền phù tự sinh" nhận bàn giao từ Công ty Than Hạ Long - TKV tại Công ty Than Hòn Gai chưa được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. 4. Việc để phát sinh các hạn chế, tồn tại trong việc tuân thủ pháp luật, các quy định của doanh nghiệp trong công tác đầu tư, mua sắm tài sản, hàng hóa, sửa chữa TSCĐ, thuê ngoài cung cấp dịch vụ tại tất cả các đơn vị được kiểm toán. 5. Đối với 06 dự án đầu tư XDCB được kiểm toán: - Quản lý, thực hiện đầu tư dự án còn một số tồn tại trong: (i) công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư (Dự án Trung tâm chế biến, Dự án Vận chuyển xít ngược và Dự án Băng tải than Khe Chàm); (ii) lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán (Dự án Suối Lại và Dự án Vi Kẽm); (iii) quản lý tiến độ, chất lượng công trình (Dự án

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		Trung tâm chế biến); (iv) quản lý chi phí đầu tư thực hiện (Dự án Suối Lại, Dự án Vi Kẽm, Dự án Trung tâm chế biến, Dự án Vận chuyển xít ngược và Dự án Băng tải than Khe Chàm); - Đầu tư, mua sắm máy khoan đào lò (Gói thầu số 15) nhưng sau hơn 3 năm chưa được sử dụng cho công tác đào lò xây dựng cơ bản tại Dự án Vi Kẽm; - Hồ sơ mời thầu còn đưa ra các điều kiện có thể làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu (các Gói thầu số 26,48,49,51 và 73 của Dự án Suối Lại và Gói thầu số 03 của Dự án Đèo Nai).
65	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	Đề nghị các đơn vị được kiểm toán xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó tập trung vào nội dung quản lý hàng tồn kho.
66	BCKT Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc	Đề nghị Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc chỉ đạo người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị được kiểm toán tổ chức xem xét, rà soát, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại trong việc để phát sinh nợ phải thu khó đòi (Công ty mẹ - TCT LT miền Bắc; Công ty CP lương thực Đông Bắc), đầu tư vốn vào các đơn vị thua lỗ, không hiệu quả (Công ty mẹ - TCT LT miền Bắc), các tồn tại trong công tác quản lý đất đai (Công ty CP XD & CB LT Vĩnh Hà) theo đúng quy định của pháp luật.
67	Kiểm toán Quyết toán giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty	Đề nghị Công ty mẹ - TCT chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến những hạn chế tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán này và Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán. Trong đó lưu ý:

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam	1. Việc chưa thực hiện nộp NSNN số tiền 21.922.287.938 đồng phải kiến nghị tăng thu qua kiểm toán. 2. 01 cơ sở nhà, đất và 01 thửa đất tại tỉnh Long An[1], 01 cơ sở nhà, đất tại thành phố Cần Thơ[2] chưa được Công ty mẹ - TCT báo cáo kê khai, lập, trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất, phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa; việc chuyển nhượng 01 cơ sở nhà, đất tại thành phố Cần Thơ[3] (tại Công ty Lương thực Đồng Tháp) chưa tuân thủ quy định nhưng đã thực hiện thanh lý hợp đồng, chuyển giao bản chính giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, cho bên ký hợp đồng sử dụng đất, Công ty vẫn thực hiện nộp và hạch toán vào chi phí tiền thuê đất. 3. Việc bán cổ phần lần đầu (tiến độ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược chậm; đàm phán, ký kết hợp đồng với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM để bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư thông thường chưa chặt chẽ để kiểm soát đúng đối tượng (điều kiện mua cổ phần), việc thực hiện nộp tiền thu từ cổ phần hóa.
68	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	Đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan: 1. Xác định rõ các nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến nợ xấu và trách nhiệm của các cá nhân, tập thể tại Chi nhánh Sóc Trăng liên quan đến việc sai sót về cấp tín dụng cho Công ty TNHH Mỹ Hưng để xử lý theo quy định. 2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá lại tình hình tài chính, TSBĐ, khả năng trả nợ của khách hàng tại thời điểm hiện tại để có biệp pháp xử lý phù hợp, đồng thời làm rõ nguyên nhân dẫn đến các tồn tại trong việc cấp tín dụng đối với Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Đại Việt - CN Hà Thành, Công ty CP Diệp Linh - CN Đông Anh, Công ty CP Giải trí Quốc tế Lợi Lai - CN Đông Quảng Ninh để xử lý theo quy định.

[1] Cơ sở nhà, đất thửa số 10 tại vị trí đường tỉnh 825, ấp Sò Đo, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích 4.769 m^2 và Thửa đất số 2 địa chỉ tại số 06 đường Cử Luyện, phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, diện tích 3.262 m^2;

[2] Cơ sở nhà, đất tại ấp Thới Khánh, xã Thới Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ), diện tích 3.102m^2;

[3] Cơ sở nhà, đất tại ấp Thới Khánh, xã Thới Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (nay là ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ), diện tích 3.102m^2.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
69	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định khoản hỗ trợ với số tiền 409,8 triệu đồng đối với 175 người.
70	Kiểm toán các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 của Ngân hàng TMCP Quân đội	Đề nghị Ngân hàng TMCP Quân đội tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan: 1. Hoạt động tín dụng: Việc thẩm định, quyết định cho vay, giải ngân và kiểm soát vốn vay đối với các khoản vay mà KTNN kiến nghị thu hồi nợ trước hạn. 2. Đối với các hồ sơ xử lý rủi ro tín dụng: Việc cấp tín dụng dẫn tới nợ xấu, nợ khó thu hồi phải xử lý rủi ro theo quy định. 3. Sử dụng hóa đơn chứng từ không hợp lý, hợp pháp đối với một số khoản chi tiếp khách.
71	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với việc giao đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2021	Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam tổ chức kiểm điểm và xử lý theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán và Biên bản kiểm toán.
72	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các công trình giao thông, dân dụng giai đoạn 2018-2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội	Đề nghị UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục, xử lý theo quy định đối với tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán và các Biên bản kiểm toán, trong đó tập trung nội dung: Công tác thẩm định, phê duyệt dự toán công trình giao thông, dân dụng còn tồn tại các sai sót về khối lượng, định mức; một số dự án hạ tầng giao thông thời gian thực hiện kéo dài, chậm hoàn thành đưa vào sử dụng, giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
73	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hoá theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị UBND tỉnh tổ chức kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc: 1. Giai đoạn 2015-2016, tỉnh Bắc Ninh chưa có Quy hoạch phát triển, giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Ninh, chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 mục VI Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 11/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020. 2. Giai đoạn 2015-2021, UBND tỉnh cấp phép thành lập Trường Trung cấp đa ngành Thăng Long khi chưa có Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Bắc Ninh, chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 chương II Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
74	Kiểm toán NSĐP năm 2021 thành phố Hà Nội	Đề nghị UBND thành phố Hà Nội tổ chức kiểm điểm, xem xét trách nhiệm và xử lý theo quy định của pháp luật các tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán. Trong đó tập trung vào các nội dung: 1. Tại Sở Khoa học và Công nghệ, tài sản của dự án "Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ" không được khai thác, sử dụng đã tiềm ẩn nguy cơ gây lãng phí tài chính, tài sản công. 2. Việc quản lý, sử dụng đất công ích chưa đảm bảo theo quy của Luật Đất đai và các quy định có liên quan tại các quận, huyện. 3. Việc cho thuê tài sản khi chưa có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội và Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội.
75	Kiểm toán NSĐP, Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Vĩnh Phúc; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tại tỉnh Vĩnh Phúc	Đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện và chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện kiểm điểm và xử lý theo quy định đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán, trong đó tập trung các nội dung sau: 1. Các trường hợp thuê đất nhưng chưa có hợp đồng thuê đất. 2. Việc ban hành các quyết định điều chỉnh vốn sau ngày 15/11/2021, chưa phù hợp với khoản 3, Điều 46, Nghị định 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ. 3. Việc để tạm ứng quá hạn nhưng chưa thu hồi được tại 71 dự án với tổng số tiền 387.119 triệu đồng. 4. Việc lập quyết toán dự án hoàn thành chậm và một số tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý vốn đầu tư tại các BQLDA.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
76	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh xem xét tổ chức kiểm điểm đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán; trong đó xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các khoản chi không đúng quy định liên quan đến khoản chi dịch vụ đặt hàng xét nghiệm tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh.
77	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hà Nội	Đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét kiểm điểm đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, trong đó xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hạn chế và tồn tại sau: Các khoản chi không đúng quy định, sai chế độ; Các khoản thu giá dịch vụ xét nghiệm cao hơn quy định; khoản thu dịch vụ xét nghiệm sàng lọc SARV-CoV-2 nhưng các yếu tố chi phí đã được đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức để thực hiện.
78	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Phúc xem xét kiểm điểm tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán; trong đó xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hạn chế và tồn tại sau: 1. Các khoản chi không đúng quy định, sai chế độ tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Phúc Yên. 2. Việc quản lý nhập xuất tồn kho và sử dụng các loại kít test xét nghiệm Covid-19 năm 2020, 2021 tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc.
79	Chuyên đề "Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình"	Đề nghị UBND tỉnh Hòa Bình chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và xử lý theo quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán, trong đó tập trung vào các vấn đề sau: 1. Việc cấp các Giấy phép hoạt động khoáng sản chồng lấn vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng tại Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh bổ sung tại quyết định 1065/QĐ-TTg ngày 9/7/2021 đối với mỏ đá vôi Lộc Môn làm nguyên liệu sản xuất xi măng. 2. Việc các đơn vị khai thác khoáng sản nhưng chưa có quyết định cho thuê đất và hợp đồng thuê đất.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. Việc chậm ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên làm giảm thu ngân sách 16.578 triệu đồng (gồm cả kết quả kiểm toán của KTNN khu vực I và KTNN khu vực VI)
80	Chuyên đề "Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và xử lý theo quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán, trong đó tập trung vào các vấn đề sau: - Đối với việc các ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng chưa được thể hiện đầy đủ tại văn bản của UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư xây dựng mới 02 dây chuyền xi măng đặc chủng công suất 4,6 triệu tấn/năm của Công ty CP xi măng Thành Thắng. - Đối với việc cấp phép khai thác khoáng sản phần diện tích điều chỉnh mở rộng mỏ cho Công ty Cổ phần khai thác chế biến đá Minh Sơn; Công ty TNHH Thi Sơn có chồng lấn diện tích cấp phép khai thác của Nhà máy xi măng Bút Sơn nay là Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn.
81	Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2021	Đề nghị UBND tỉnh Hòa Bình thực hiện và chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán trong đó tập trung một số nội dung sau: 1. Đối với Sở Tài chính trong việc thẩm định trình UBND tỉnh ban hành các đơn giá chưa phù hợp và thống nhất giữa các đơn vị làm ảnh hưởng tới tính kinh tế và hiệu quả trong sử dụng kinh phí, cụ thể: (i) đơn giá thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các Huyện còn chưa đúng quy định và chưa thống nhất về chi phí chung và lợi nhuận định mức; (ii) Đơn giá xử lý rác bằng phương pháp đốt của nhà máy xử lý rác Lương Sơn chưa thống nhất với các đơn vị khác về chi phí ăn ca, lương phụ 16% lương cấp bậc. 2. Sở Xây dựng: trong việc thẩm định trình UBND Tỉnh ban hành đơn giá còn chưa phù hợp quy định về chi phí độc hại trong chi phí nhân công trực tiếp. 3. UBND huyện Yên Thủy trong việc xây dựng dự án, Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành liên quan trong việc thẩm định, tham mưu trình UBND Tỉnh phê duyệt dự án; phê duyệt thiết kế cơ sở để triển khai thực hiện Dự án Mô hình khu xử lý chất thải rắn quy mô liên xã, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình chưa đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Đề án.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
82	Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và kiểm toán các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần	Đề nghị Tổng công ty kiểm tra, rà soát và tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định đối với các tồn tại, hạn chế đã nêu trong Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán của các Tổ kiểm toán, các thông báo kết quả kiểm toán (chú ý các tồn tại, hạn chế của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai), tùy theo mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.
83	Kiểm toán việc giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất của một số dự án trên địa bàn tỉnh Hoà Bình	Đề nghị UBND tỉnh Hòa Bình tổ chức kiểm tra rà soát, kiểm điểm và xử lý trách nhiệm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các sai sót, tồn tại, hạn chế trong việc giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất tại các dự án như kết quả kiểm toán đã chỉ ra, trong đó tập trung vào các đơn vị và các vấn đề sau: 1. Kiểm tra, rà soát và kiểm điểm trách nhiệm, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, cấp có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định của pháp luật đối với các sai sót, tồn tại, hạn chế, trong việc: (i) Thu hồi đất và giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Lâm Sơn chưa đảm bảo căn cứ quy hoạch; (ii) Để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong việc xây dựng phương án giá đất trình Hội đồng thẩm định giá đất của Tỉnh như kết quả kiểm toán đã chỉ ra; (iii) Tại Dự án mở rộng khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo (Đợt 1, 2), giao chủ đầu tư thực hiện dự án không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, mà thực hiện giao chủ đầu tư thực hiện dự án theo Nghị quyết 33/2008/NQ-CP nhưng lại chưa đảm bảo điều kiện, căn cứ để áp dụng theo Nghị quyết 33/2008/NQ-CP; (iv) Tại dự án Khu dân cư thương mại và chợ trung tâm huyện Lương Sơn giao chủ đầu tư thực hiện dự án không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, mà áp dụng Nghị quyết 33/2008/NQ-CP để giao dự án cho nhà đầu tư, nhưng chưa đảm bảo trình tự phê duyệt chủ trương đầu tư trước khi giao cho nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết 1/500. 2. Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc: Để xảy ra các sai sót, tồn tại về giá trị cũng như trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể tại các dự án như kết quả kiểm toán đã chỉ ra. 3. Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Hòa Bình trong việc: Trong công tác thẩm định giá đất cụ thể tại các dự án còn để xảy ra các sai sót, tồn tại về giá trị cũng như trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể tại các dự án như kết quả kiểm toán đã chỉ ra.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình trong việc: (i) Thẩm định tổng mức đầu tư và năng lực của Nhà đầu tư không đảm bảo chính xác và phù hợp tại các dự án như kết quả kiểm toán đã nêu; (ii) Không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án theo quy định; (iii) Tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi dự án đã được phê duyệt và giảm mức bảo đảm thực hiện hợp đồng của chủ đầu tư tại Dự án Mở rộng khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo… 5. Xác định và xử lý trách nhiệm của Chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan trong việc để xảy ra tình trạng các hộ dân, các nhà đầu tư thứ cấp tự ý xây dựng các công trình nhà ở trên đất không tuân thủ thiết kế và giấy phép xây dựng được duyệt làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc khu vực trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá thực trạng của Sở Xây dựng.
84	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức kiểm điểm đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, trong đó tập trung đối với các nội dung sau: 1. Việc chưa kịp thời thực hiện các thủ tục thu hồi đất đối với các dự án đã giao đất nhưng chậm tiến độ đưa đất vào sử dụng, hoặc sử dụng đất sai mục đích kéo dài, đã thực hiện thanh tra, xử lý vi phạm nhưng đến thời điểm kiểm toán chưa đưa đất vào sử dụng. 2. Việc chưa kịp thời thực hiện hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đối với các dự án đấu giá đất trong giai đoạn 2017-2021.
85	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Hòa Bình	Đề nghị UBND tỉnh Hòa Bình chỉ đạo các đơn vị có liên quan khắc phục, xử lý theo quy định đối với tồn tại, hạn chế tại Báo cáo kiểm toán và các biên bản kiểm toán, trong đó tập trung nội dung: 1. Việc chưa bố trí đủ vốn để hoàn thành công trình, dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện dự án, chưa phù hợp theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 12 của Luật Đầu tư công năm 2019. Bố trí vốn còn dàn trải, kế hoạch vốn NS tỉnh giao lần 3 tại QĐ 2219/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh bố trí vốn cho 42/43 dự án khởi công mới với tổng số vốn là 439.500 triệu đồng (không thuộc dự án cấp bách), trong khi chưa giải quyết dứt điểm vốn ứng trước và nợ xây dựng cơ bản theo lộ trình, dẫn đến một số dự án phải kéo dài thời gian thực hiện, không hoàn thành đúng kế hoạch để phát huy hiệu quả vốn đầu tư...

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Việc quản lý, theo dõi xử lý nợ ở một số chủ đầu tư chưa chặt chẽ, việc báo cáo tình hình nợ đọng cuối năm chưa đầy đủ dẫn đến công tác bố trí vốn kế hoạch đầu năm để xử lý nợ chưa triệt để, còn để xảy ra tình trạng chưa bố trí kế hoạch vốn cho các dự án đã quyết toán theo quy định… 3. Việc các chủ đầu tư cho nhà thầu tạm ứng quá hạn hợp đồng và chuyển nguồn nhiều năm chưa thu hồi tạm ứng các dự án đầu tư, số tiền: 22.999.994.014đ...
86	Kiểm toán hoạt động đầu tư xây dựng, việc quản lý và thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2021	UBND tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức kiểm tra rà soát, xác định trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các sai sót, tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển các KCN trên địa bàn giai đoạn 2015 - 2021 như kết quả kiểm toán đã chỉ ra tại Báo cáo kiểm toán. Trong đó tập trung vào làm rõ việc ước tính chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các KCN theo suất đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành, nếu phát hiện sai phạm thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật.
87	BCKT chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Đối với Ban Quản lý Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình: Đề nghị Giám đốc Ban QLDA chỉ đạo các bộ phận có liên quan tổ chức họp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm, đồng thời xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan về những tồn tại KTNN đã nêu.
88	BCKT Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm Điện	1. Đối với Ban QLDA điện 2: Tổ chức họp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân còn để xảy ra sai sót trong công tác lập dự án đầu tư và tổng mức đầu tư; công tác lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký hợp đồng; hạch toán, thanh toán một số chi phí đầu tư không có trong tổng mức đầu tư được duyệt và một số tồn tại trong công tác quản lý chi phí, tiến độ thi công công trình, công tác tài chính kế toán.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	lực Quảng Trạch; Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ Trung tâm nhiệt điện Quảng Trạch	2. Đối với Ban QLDA ODA Quảng Trạch: Tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân còn để xảy ra tồn tại, hạn chế trong công tác thiết kế, dự toán, quản lý chi phí đầu tư, tiến độ thi công công trình. 3. Đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức họp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân còn để xảy ra sai sót trong việc: thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và tổng mức đầu tư.
89	BCKT Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Nghệ An	Đối với Ban quản lý dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Nghệ An: Đề nghị Giám đốc Ban QLDA chỉ đạo các bộ phận có liên quan tổ chức họp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm, đồng thời xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan về những tồn tại KTNN đã nêu.
90	BCKT Chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị - Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án BIIG2, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh: Tổ chức họp chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và xác định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể có liên quan về những tồn tại KTNN đã nêu.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
91	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế	Chỉ đạo các chủ đầu tư, ban quản lý dự án kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với việc còn để phát sinh nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản.
92	Kiểm toán NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Nghệ An	Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An chỉ đạo kiểm điểm, chấn chỉnh, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân, cụ thể như sau: 1. Kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân tại các đơn vị được kiểm toán do để phát sinh nợ XDCB không đúng quy định của Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 07/CT-Ttg của Thủ tướng Chính phủ. 2. Chấn chỉnh xác định trách nhiệm của tập thể cá nhân đối với các sai sót, tồn tại do KTNN đã nêu
93	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Bình	Chỉ đạo UBND tỉnh Quảng Bình tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc để phát sinh nợ XDCB chưa tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công và Chỉ thị số 07/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Trong năm còn để phát sinh nợ đọng XDCB 63.562,6 triệu đồng tại: Ban QLDA đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 16.842 triệu đồng; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch 328,41 triệu đồng; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông 2.693,2 triệu đồng; Ban QLDA ĐTXD và phát triển quỹ đất huyện Tuyên Hóa 1.823,0 triệu đồng; huyện Quảng Trạch 16.643 triệu đồng; huyện Bố Trạch 25.233 triệu đồng.
94	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Nghệ An	Đề nghị UBND tỉnh Nghệ An chỉ đạo các đơn vị xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định pháp luật đối với các tồn tại trong việc thu, chi không đúng quy định, cụ thể: 1. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An và Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh: Thu tiền xét nghiệm của các đối tượng sai quy định hiện hành. 2. UBND thành phố Vinh: Thanh, quyết toán từ nguồn phòng, chống dịch một số nội dung chi (chi tiền họp; tiền tiếp khách; tiền văn phòng phẩm) không có trong chế độ, định mức quy định tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/2/2021 của Chính phủ.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. Chỉ đạo các đơn vị xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc chi trùng kinh phí hỗ trợ các đối tượng theo Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021; áp dụng sai đơn giá test Trueline số tiền 354.812.250 đồng
95	BCKT Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án thành phần đầu tư xây dựng thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn) và Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 - Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan, tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	Đề nghị Bộ Giao thông vận tải chấn chỉnh, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân còn để xảy ra sai sót trong công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
96	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bình Định	Đề nghị UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan: 1. Làm rõ trách nhiệm và tổ chức kiểm tập thể, cá nhân có liên quan tại Cục Thuế trong việc đã để xảy ra các tồn tại sau: - Chậm giải quyết hoàn thuế GTGT đối với những trường hợp đã được kiểm toán xác định (Công ty CP Phong Điện Phương Mai vượt 33 ngày; Công ty cổ phần thương mại sản xuất Khải Vy Quy Nhơn, vượt 56 ngày; Công ty TNHH cơ khí Hợp Thành, vượt 45 ngày, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Việt Mỹ Bình Định, vượt 39 ngày; Công ty TNHH xuất nhập khẩu Phát Trường An vượt 232 ngày; Công ty CP Năng lượng tái tạo Việt

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		Nam Việt vượt 17 ngày), không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 75 Luật Quản lý Thuế; tạo rủi ro cho cơ quan Thuế do tiềm ẩn nguy cơ người nộp thuế yêu cầu áp dụng khoản 3 Điều 75 Luật Quản lý thuế; - Giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT của Công ty TNHH Minh Đức Sofa còn nhiều tồn tại như: Tiếp nhận, xử lý, phân tích hồ sơ hoàn thuế không đúng Quy trình hoàn thuế; Yêu cầu bổ sung, hồ sơ các nội dung không phù hợp với việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT của kỳ đề nghị hoàn; chưa làm rõ hoặc yêu cầu NNT bổ sung hồ sơ tài liệu liên quan đến các yếu tố có rủi ro về khấu trừ thuế GTGT đầu vào, ảnh hưởng đến số thuế GTGT được hoàn thuế; - Trong việc điều chỉnh giảm kế hoạch thanh kiểm tra đã được Tổng cục Thuế phê duyệt (Giảm 879/940 DN) nhưng chưa đánh giá lựa chọn bổ sung để đưa vào kế hoạch kiểm tra tại Trụ sở cơ quan thuế theo tinh thần Công văn số 3325/TCT-TTKT; và chưa tổ chức thực hiện kiểm tra tại trụ sở NNT đối với 30 DN theo kế hoạch được Tổng cục Thuế phê duyệt; - Tham mưu và ban hành quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT đối với 03 DN nằm ngoài được kế hoạch được Tổng cục Thuế phê duyệt (Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa; Công ty TNHH Đinh Phát; Công ty TNHH Nam Phát Bình Định). 2. Làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và có biện pháp xử lý phù hợp đối với Chi cục Thuế TP Quy Nhơn trong việc để xảy ra những tồn tại sau trong công tác quản lý thu NS: (i) Thực hiện điều chỉnh bộ thuế khoán năm 2021 thuộc phạm vi trách nhiệm của Chi cục Thuế TP chỉ tăng được 11% so với bộ thuế khoán năm 2020 là không đảm bảo theo chỉ đạo của Cục Thuế tỉnh Bình Định (yêu cầu 15%); (ii) Chưa kiểm tra tình hình sử dụng hóa đơn và hồ sơ khai thuế phát sinh theo hóa đơn đã sử dụng để kiểm soát việc thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế TNCN của các hộ kinh doanh đã chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động; (iii) Tiếp nhận, kiểm tra trình Cục Thuế hồ sơ giải quyết miễn tiền thuê đất của NNT chậm dẫn đến việc giải quyết miễn tiền thuê đất chậm quy định (Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Quảng Ngãi - Bình Định; Bệnh viện Mắt Bình Định; Công ty CP Thị Nại Eco Bay; Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Thanh); (iv) Chưa tổ chức thực hiện kiểm tra tại trụ sở NNT đối với 33 DN theo kế hoạch được phê duyệt. 3. Đối với Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn; Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn: Để phát sinh nợ XDCB mới trong năm 2021.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
97	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan: 1. Đối với Cục Thuế trong việc chấp nhận cho Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Quảng Ngãi khai thuế TNDN theo phương pháp trực tiếp. 2. Sở Tài chính: (i) Trong điều kiện nguồn CCTL của địa phương thâm hụt, nhưng không tham mưu cho UBND xác định 50% từ việc giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ và các đơn vị sự nghiệp công lập do thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII để bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương theo qui định của Bộ Tài chính. Kết quả kiểm toán xác định 50% bổ sung vào CCTL năm 2021 theo qui định là 56.407 triệu đồng; (ii) Chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với khoản thoái vốn của Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Ngãi 37.459 triệu đồng tại BCKT NSĐP năm 2019. 3. UBND thị xã Đức Phổ: (i) Trong điều kiện hụt thu cân đối ngân sách nhưng không kịp thời báo cáo và trình HĐND thị xã điều chỉnh giảm dự toán chi đối với một số nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp thiết, cấp bách để đảm bảo nguyên tắc cân đối thu, chi ngân sách thị xã năm 2021; (ii) Giao kinh phí sự nghiệp giáo dục không tự chủ kéo dài nhiều năm không có biện pháp triển khai thực hiện. 4. UBND huyện Nghĩa Hành trong việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cầu Hành Phước - Hành Thịnh vượt thẩm quyền; phê duyệt chủ trương đầu tư xác định nguồn vốn đầu tư dự án từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ trong khi không có Văn bản chấp thuận về nguồn vốn đầu tư của cơ quan quản lý cấp tỉnh về xác định nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án được sử dụng. 5. UBND các xã Phổ Châu, Phổ Thạnh, Phổ Hòa, Phổ Vinh, Phổ Phong, Phổ Thuận (thuộc thị xã Đức Phổ) trong việc không lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 55 Luật đầu tư công 2019. 6. Đối với 08 đơn vị làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản 125.812 triệu đồng trái quy định (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 4.477 triệu đồng; UBND huyện Bình Sơn 11.100 triệu đồng; UBND huyện Sơn Tịnh 14.902 triệu đồng; UBND huyện Mộ Đức 34.117 triệu đồng; UBND thị xã Đức Phổ 29.898 triệu đồng; UBND huyện Nghĩa Hành 16.449 triệu đồng; UBND huyện Sơn Hà 14.489 triệu đồng; UBND huyện Trà Bồng 378 triệu đồng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		7. Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tự xác định tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa phải nộp của Trung tâm Phát triển quỹ đất đối với dự án Khu dân cư phía Bắc đường Huỳnh Thúc Kháng, đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh cho phép nợ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa không đúng thẩm quyền, sai quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, dẫn đến chưa huy động nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa kịp thời vào NSNN số tiền là 1.387 triệu đồng. 8. Trong việc bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để đo đạc địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đúng quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2019 và tại điểm đ khoản 2 Mục II Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung kế hoạch vốn để bù hụt thu của năm 2020 là 1.250.000 triệu đồng chưa đúng quy định tại Điều 5 và Điều 51 Luật Đầu tư công năm 2019. 9. Đối với Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi: Tổ chức kiểm điểm tổ chức, cá nhân trong việc tham mưu các văn bản về các chế độ khen thưởng cho học sinh đạt điểm cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT không đúng chế độ.
98	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế để xử lý theo quy định của pháp luật: 1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam trong việc thu phí xét nghiệm của bệnh nhân nội trú không đúng đối tượng theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 5028/BYT-KHTC ngày 23/6/2021, tăng gánh nặng cho người bệnh. 2. Sở Y tế trong việc: (i) Quản lý trang thiết bị y tế thiếu chặt chẽ dẫn đến có 02 máy thở không xác định được đơn vị đang quản lý và sử dụng; (ii) Thiếu sự kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng và quyết toán lại nguồn Kít test Sở Y tế phân bổ cho các đơn vị. 3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội không theo dõi, đôn đốc, tổng hợp nhu cầu thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 gửi Sở Tài chính để cân đối nguồn lực trình UBND tỉnh phân bổ NS theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh, dẫn đến không chi trả kịp thời, đến 15/02/2022 vẫn còn 61.951 đối tượng đã được phê duyệt với số tiền được hỗ trợ 76.174 triệu đồng nhưng chưa chi trả cho các đối tượng. 4. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Tam Kỳ không cung cấp đầy đủ hồ sơ cho Đoàn kiểm toán làm cơ sở rà soát các đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP, vi phạm điểm 3 Điều 57 Luật KTNN.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		5. Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (UBTW MTTQ Việt Nam) tỉnh Quảng Nam tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc sử dụng kinh phí huy động phân bổ cho các đơn vị thiếu cơ sở, chưa đảm bảo tính chặt chẽ, chưa tuân thủ các nguyên tắc theo hướng dẫn của Ban Thường trực UBTW MTTQ Việt Nam và Quy chế phối hợp của UBND tỉnh và UBTW MTTQ Việt Nam tỉnh dẫn đến phân bổ không thuộc nội dung và đối tượng được hỗ trợ, không đảm bảo công bằng giữa các đơn vị.
99	Kiểm toán hoạt động Chương trình nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định	Đề nghị UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo Sở Xây dựng kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan trong việc: 1. Chưa thực hiện kiểm tra, rà soát đầy đủ; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong việc phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường để xác minh thông tin đã có nhà ở, đất ở trên địa bàn; có phát sinh nộp thuế TNCN tại địa phương; có hồ sơ, thủ tục làm cơ sở xét duyệt đối tượng mua, thuê trình nhà ở xã hội không đảm bảo quy định; không đủ cơ sở xác định đảm bảo điều kiện quy định về thu nhập và về nhà ở; là hộ độc thân, không đảm bảo điều kiện được mua trình nhà ở xã hội nhưng vẫn được xét duyệt và ký hợp đồng mua nhà ở xã hội. 2. Tham mưu phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các dự án nhà ở xã hội trong đó đã bố trí diện tích đất dành cho đầu tư xây dựng công trình kinh doanh thương mại vượt mức 20% trên diện tích đất để xây dựng nhà ở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.
100	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1. Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc: - Phê duyệt chủ trương lập hồ sơ để cấp giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông không qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định tại Điều 78 Luật Khoáng sản; - Trong việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản nhưng không cấp Giấy phép thăm dò không đúng quy định của Điều 36 Luật Khoáng sản và Điều 25, Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Ban hành Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 dẫn đến việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản; - Ban hành Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 dẫn đến không tổ chức khoanh định và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với cát, sỏi lòng sông trái quy định tại Điều 78 Luật Khoáng sản.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân: - Tham mưu cho UBND tỉnh khoanh định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản chưa đảm bảo quy định Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, dẫn đến đã cấp 45 Giấy phép khai thác trái quy định khoản 1 Điều 78 Luật Khoáng sản; - Xác định thiếu trữ lượng, chưa nhân hệ số quy đổi và cho phép khấu trừ vào tiền cấp quyền phải nộp trái quy định, làm thất thu NSNN về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, số tiền 25.641 triệu đồng; - Không tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đưa vào thiết kế khai thác đối với đất tầng phủ dùng làm vật liệu san lấp trái quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ; dẫn đến không xác định trữ lượng tính tiền cấp quyền và tiền cấp quyền phải nộp, làm giảm thu NSNN; - Không tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông, làm giảm thu NSNN; - Không tham mưu cấp 66 Giấy phép thăm dò khoáng sản theo qui định tại Điều 36 Luật Khoáng sản và Điều 25, Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Chưa tổ chức thẩm định Đề án đóng cửa mỏ theo đúng thời gian theo quy định Điều 45 Nghị định 158/2016/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT và Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; chưa tham mưu UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã chấm dứt hiệu lực nhưng không lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, không nộp hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP và Điều 49 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 dẫn đến tình trạng 71 mỏ chưa thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản kéo dài qua nhiều năm. Trong đó tại Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hân Nga, Giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hiệu lực, đơn vị chưa lập Đề án đóng cửa mỏ nhưng vẫn được UBND tỉnh cấp mới Giấy phép khai thác khoáng sản, cho phép đơn vị được tiếp tục khai thác khoáng sản tại mỏ cũ (trùng vị trí, diện tích); - Tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá các khu vực khoáng sản không có trong Quy hoạch được phê duyệt; các khu vực khoáng sản đã được cấp Giấy phép thăm dò và cấp Giấy phép khai thác (khu vực không

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		đấu giá quyền khai thác khoáng sản) không đúng quy định của Luật Khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP và Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; Tổ chức đấu giá, tham mưu phê duyệt kết quả trúng đấu giá các khu vực khoáng sản khi chưa phê duyệt kế hoạch đấu giá, trái quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ; - Tham mưu, quyết định xử phạt không đúng, không đầy đủ hành vi vi phạm qua công tác thanh kiểm tra theo quy định của Pháp luật. - Tham mưu UBND tỉnh cấp phép và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đá bazan làm phụ gia xi măng không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. 3. Đề nghị Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân: - Không phát hiện hết các sai phạm khi thực hiện thanh kiểm tra mà KTNN xác định số thuế phải nộp NSNN tăng thêm 497 triệu đồng (Công ty TNHH Lý Tuấn 480 triệu đồng; Công ty Xây dựng và Thương mại Lê Nguyên 17 triệu đồng). - Không kịp thời chuyển thông tin, phối hợp với các đơn vị có liên quan để kịp thời đề xuất cấp thẩm quyền xem xét thu hồi giấy phép khai thác theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ "về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản" và khoản 1 Điều 58 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 của Quốc hội đối với 13 trường hợp với tổng số tiền nợ tiền cấp quyền 5.249 triệu đồng.
101	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Cải tạo cụm nút giao thông phía Tây cầu Trần Thị Lý; Dự án Cải thiện môi trường nước phía Đông quận Sơn Trà; Dự án Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601	Đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Đà Nẵng trong việc: 1. Sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đã tách đơn giá và nội dung công việc khoan kích ống ngầm BTCT (với đơn giá mời thầu, dự thầu theo mét dài) thành 02 nội dung (Sản xuất ống cống BTCT và thi công khoan kích ngầm ống BTCT) để ký kết hợp đồng kinh tế không có cơ sở, chưa phù hợp với giải pháp công nghệ thi công được duyệt, hồ sơ dự toán, hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu (khoan kích ống ngầm BTCT theo mét dài) tại Dự án Đông Sơn Trà. 2. Nghiệm thu không đúng thiết kế BVTC được UBND thành phố phê duyệt đối với các thiết bị gia công, chế tạo Van cửa phai hỗn hợp tự động (06 cửa từ Cx22 đến Cx27) với giá trị 9.834 triệu đồng tại Dự án Đông Sơn Trà.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
102	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nhà máy nước Hòa Liên thành phố Đà Nẵng và Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1)	1. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và các cá nhân Sở Xây dựng, Sở Thông tin truyền thông có liên quan trong việc tham mưu cho UBND Thành phố trình HĐND phê duyệt chủ trương điều chỉnh dự án Khu CVPM số 2 với việc bổ sung công năng sử dụng cho các đơn vị sự nghiệp nhưng không xác định cơ cấu, tổ chức biên chế của các đơn vị này (không đảm bảo điều kiện thành lập), mà chỉ làm cơ sở xác định điều chỉnh chủ trương đầu tư nhằm tăng thêm quy mô đầu tư của dự án. 2. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân Sở Xây dựng: Trong việc thẩm định thiết kế BVTC-dự toán Dự án Khu Công viên phần mềm số 02 thiếu đồng bộ, không đúng, đủ chi phí đầu tư dẫn đến phân loại Dự án Khu công viên phần mềm số 2 (giai đoạn 1) thực tế thuộc loại dự án nhóm A, nhưng lại phê duyệt thành dự án nhóm B sai quy định, cụ thể: (i) Còn một số nội dung công việc có giá trị tạm tính, chưa thể hiện đầy đủ công việc và đúng giá trị dự toán của công trình, dẫn đến trình UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt (Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 03/09/2020) vượt so với tổng mức đầu tư được duyệt (Quyết định 1565/QĐ-UBND ngày 04/05/2020), đó là nguyên nhân chủ yếu phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư và điều chỉnh dự toán bổ sung của Dự án 186.714 triệu đồng (QĐ 3850/QĐ-UBND ngày 30/11/2021); (ii) Nếu hoàn thành dự án với tổng mức đầu tư với 2 lần đã phê duyệt 986,2 tỷ đồng (lần đầu và điều chỉnh) thì cũng không thể đưa vào vận hành khai thác 02 tòa nhà (ITC 20 tầng và ITC2 8 tầng) do vẫn còn thiếu phần giá trị thiết bị thang máy, điều hòa không khí.
103	BCKT Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của Thành phố Đà Nẵng	1. Đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 14/1/2016 chưa đảm bảo quy định của Luật Thuế GTGT. 2. Đề nghị Cục Thuế TP Đà Nẵng: Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc: - Điều chỉnh hạch toán và quyết toán thu NSNN niên độ 2021 đối với khoản thu tiền nộp chậm tiền sử dụng đất sang tiền sử dụng đất dẫn đến BCQT NSĐP năm 2021 của TP phản ánh không đúng cơ cấu nguồn thu NS. - Hạch toán và quyết toán khoản thu tiền thuê đất (122.507 triệu đồng) trong năm 2021 khi chưa đủ điều kiện để ghi nhận nguồn thu NS năm 2021 dẫn đến số liệu BCQT NSĐP của TP năm 2021 chưa đảm bảo tính trung thực, hợp lý và chính xác. 3. Đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có biện pháp xử lý đối với tập thể, cá nhân trong việc:

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Không phối hợp, chuyển thông tin địa chính đối với trường hợp cho Công ty Cổ phần dịch vụ cáp treo Bà Nà theo chỉ đạo của UBND thành phố Đà Nẵng. - Không chuyển thông tin cho Cục Thuế đối với 20 trường hợp hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất trong năm 2021, dẫn đến cơ quan thuế xác định không đầy đủ và không chính xác nghĩa vụ của NNT đối với NSNN về tiền thuê đất. 4. Đề nghị Cục Hải quan TP Đà Nẵng tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có biện pháp xử lý đối với tập thể, cá nhân trong việc: Đề nghị KBNN điều chỉnh hạch toán giảm thu NSNN niên độ năm 2021 sang hạch toán thu NSNN niên độ 2022 trái quy định của Luật NSNN; Điều 32 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và điểm 1 Điều 12 Thông tư số 328/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, số tiền 192.947 triệu đồng.
104	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của thành phố Đà Nẵng	Đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng xác định trách nhiệm của tập thể, các nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế để xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể: 1. Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tại các đơn vị: (i) CDC Đà Nẵng; Trung tâm y tế Sơn Trà; Trung tâm y tế Cẩm Lệ; Trung tâm y tế huyện Hòa Vang; Bệnh viện Đà Nẵng; Bệnh viện Phổi trong việc tổ chức thu xét nghiệm Covid-19 vượt qui định của HĐND thành phố, Bộ Y tế số tiền 1.548,8 triệu đồng; (ii) Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có liên quan đến việc lập hồ sơ thanh toán trùng lắp nhiều chế độ cho cùng một đối tượng trong một ngày chưa đúng với quy định tại Khoản 4, Điều 4 Nghị quyết 16/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND của HĐND thành phố làm tăng số tiền chi trả từ ngân sách 1.440,8 triệu đồng (trong đó đơn vị trực tiếp thanh toán 1.167,9 triệu đồng; lập hồ sơ đề nghị CDC Đà Nẵng thanh toán 272,9 triệu đồng). 2. Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Đà Nẵng: (i) Với trách nhiệm được Sở Y tế giao nhiệm vụ hướng dẫn thanh toán chế độ cho đối tượng tham gia phòng chống dịch Covid-19; CDC Đà Nẵng đã ban hành Công văn số 1247/TTKSBT-TCKT ngày 08/9/2021 hướng dẫn cho các cơ sở y tế thực hiện, tuy nhiên vẫn thanh toán trùng lắp, vượt chế độ theo đề xuất của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà số tiền 272,9 triệu đồng; (ii) Tự ban hành văn bản qui định mức chi (tiền công giám sát kỹ thuật phun; công người tổ chức dẫn đường; hỗ trợ tiền xăng xe) nhưng không có trong chế độ định mức chi của cơ quan có thẩm quyền, chưa báo cáo Sở Y tế để tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố thông qua trước khi thực hiện.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. Sở Y tế với trách nhiệm thường trực Ban chỉ đạo thành phố Đà Nẵng nhưng thiếu hướng dẫn, kiểm tra, giám sát dẫn đến trường hợp: (i) Một số đơn vị tổ chức thu xét nghiệm Covid-19 vượt qui định; (ii) Trung tâm Y tế quận Sơn Trà chi thanh toán trùng lắp vượt chế độ, không đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho lực lượng tuyến đầu chống dịch giữa các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; (iii) Trung tâm Kiểm tra soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng tự ban hành văn bản qui định mức chi (tiền công giám sát kỹ thuật phun; công người tổ chức dẫn đường; hỗ trợ tiền xăng xe) không có trong chế độ định mức chi nhưng Sở Y tế chưa yêu cầu đơn vị báo cáo để có cơ sở tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố thông qua trước khi thực hiện. 4. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân của UBTW MTTQ Việt Nam thành phố Đà Nẵng trong việc triển khai mua 840 tấn gạo, số tiền 12.600 triệu đồng phân bổ cho các quận, huyện thực hiện hỗ trợ cho người dân khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 theo hình thức chỉ định thầu trong thời gian trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã thực hiện nới lỏng giãn cách xã hội. Việc không tổ chức thực hiện mua gạo theo hình thức đấu thầu là không đúng theo quy định Điều 74, Điều 75 Luật Đấu thầu năm 2013.
105	Kiểm toán NSĐP và Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Quảng Nam	Đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan: 1. Chỉ đạo Cục Thuế tổ chức kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc cho nộp dần tiền nợ thuế không đúng quy định Luật Quản lý thuế. 2. Chỉ đạo Cục Hải quan tổ chức kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa phối hợp trong việc không đối chiếu kịp thời khoản thu từ hoạt động XNK đã đủ điều kiện hạch toán thu NSNN theo quy định. 3. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức kiểm điểm trách nhiệm, tập thể cá nhân có liên quan trong việc thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự án không cân đối đủ nguồn vốn đầu tư là chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư công 2014, dẫn đến dự án tạm dừng 25 tháng khi triển khai thực hiện tại dự án Khu dân cư cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam. 4. Chỉ đạo KBNN Quảng Nam tổ chức kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân: (i) KBNN Thăng Bình kiểm soát thanh toán chi đầu tư XCDB đối với các dự án chưa được xác định trong KHTH giai đoạn 2021-2025 và

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		Kế hoạch đầu tư công năm 2021; (ii) KBNN huyện Núi Thành, thị xã Điện Bàn trong việc không hạch toán kịp thời khoản thu từ hoạt động XNK đã đủ điều kiện theo quy định của Luật NSNN. 5. Chỉ đạo các chủ đầu tư và các huyện tổ chức kiểm điểm trách nhiệm, tập thể cá nhân có liên quan trong việc thiếu kiên quyết trong việc đôn đốc, thu hồi tạm ứng để tạm ứng kéo dài qua nhiều năm số tiền 151.934 triệu đồng. 6. Chỉ đạo UBND 10 huyện, thành phố (Thăng Bình, Tiên Phước, Đại Lộc, Tây Giang, Hội An, Tam Kỳ, Nam Giang, Hiệp Đức, Nam Trà My, Nông Sơn): Làm rõ trách nhiệm và tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc để phát sinh nợ đọng XDCB lớn (đến cuối năm 2021 và phát sinh mới trong năm 2021). 7. Chỉ đạo UBND huyện Thăng Bình kiểm điểm xác định trách nhiệm của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các đơn vị có liên quan trong việc thanh toán chi đầu tư XCDB đối với các dự án chưa được xác định trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021.
106	Báo cáo kiểm toán chi phí đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm	Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức chỉ đạo các đơn vị có liên quan xác định trách nhiệm các tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế về: thi công các hạng mục thay đổi thiết kế, thay đổi vật liệu khi chưa có TKBVTC - DT điều chỉnh được cơ quan thẩm quyền chấp thuận; thanh toán chi phí mua nhà, đất tái định cư; công tác quản lý tiến độ dự án; quản lý thực hiện hợp đồng; quản lý chi phí đầu tư; quyết toán các dự án.
107	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Sở Công Thương, Bệnh viện Nguyễn Trãi tổ chức xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan để kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định (nếu có) đối với việc phê duyệt dự án, thiết kế cơ sở, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu, nghiệm thu khối lượng tại dự án Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện Bệnh viện Nguyễn Trãi.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
108	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Long An	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Ban QLDA Nông nghiệp, Ban QLDA đầu tư xây dựng các Công trình dân dụng và công nghiệp, Ban QLDA Công trình giao thông, Ban QLDA đầu tư xây dựng các huyện, thị xã được kiểm toán (Cần Đước, Đức Hòa, Tân Hưng, Thủ Thừa, Kiến Tường) và các đơn vị có liên quan tổ chức xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan để kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định (nếu có) đối với các hạn chế, tồn tại trong quản lý dự án dẫn đến sai sót về đơn giá, khối lượng của một số dự án và phải thu hồi nộp ngân sách, giảm thanh toán.
109	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 tỉnh Tây Ninh	Đề nghị UBND tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan: UBND tỉnh chỉ đạo Ban QLDA ngành giao thông, Ban QLDA ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, Ban QLDA ĐTXD các huyện, thị xã được kiểm toán (Thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh, huyện Tân Châu, huyện Gò Dầu, huyện Tân Biên) tổ chức xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan để kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo quy định (nếu có) đối với các hạn chế, tồn tại trong quản lý các dự án dẫn đến sai sót về đơn giá, khối lượng của một số dự án phải thu hồi nộp ngân sách, điều chỉnh giảm dự toán.
110	Kiểm toán NSĐP, báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021 của tỉnh Bình Dương	Đề nghị UBND tỉnh Bình Dương chỉ đạo: 1. Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của tập thể và cá nhân (nếu có) do thu học phí của hệ đại học chính quy, hệ đại học theo phương pháp giáo dục thường xuyên, hệ đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ trong năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 cao hơn mức trần theo quy định. 2. UBND thành phố Thuận An tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của tập thể và cá nhân (nếu có) trong việc lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, ký hợp đồng thi công một số thiết bị có khối lượng, số lượng, chủng loại, công suất không thuộc danh mục thiết bị của dự án được phê duyệt tại dự án Cải tạo, xây dựng bổ sung Trường THPT Trịnh Hoài Đức.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
111	Kiểm toán Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Đề nghị UBND tỉnh Bình Dương xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định (nếu có) đối với hạn chế, tồn tại sau: UBND thành phố Dĩ An không mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để tiếp nhận các khoản đóng góp bằng tiền; sử dụng nguồn đóng góp cho hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 để chi một số nội dung không đúng mục đích, chứng từ không đảm bảo theo quy định.
112	Kiểm toán Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An	Đề nghị UBND tỉnh Long An chỉ đạo các đơn vị xác định trách nhiệm của tổ chức và cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật (nếu có) đối với các hạn chế, tồn tại sau: 1. Hỗ trợ các đồn biên phòng không có văn bản chủ trương chỉ đạo của cấp trên ((Ủy ban Mặt trận Trung ương Tổ quốc Việt Nam tỉnh Long An); 2. Xét nghiệm PCR không đúng theo Kế hoạch số 2688/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Kế hoạch sàng lọc người nhiễm Covid-19 trên địa bàn tỉnh (Sở Y tế tỉnh Long An).
113	Kiểm toán Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	1. Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh kiểm tra, xác định trách nhiệm trong việc chậm tổ chức thu dịch vụ xét nghiệm đối với đối tượng phải thu theo quy định trong khi đã thanh quyết toán chi phí xét nghiệm với NSNN. 2. Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh đề nghị chỉ đạo sở, ngành, địa phương có liên quan kiểm tra, xác định trách nhiệm tổ chức, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với sai sót trong việc thanh, quyết toán, chuyển nguồn các nhiệm vụ đã thực hiện nhưng không có chứng từ, hoặc chứng từ không đầy đủ, các khoản thu dịch vụ xét nghiệm không đúng quy định các khoản chi phụ cấp cho lực lượng tuyến đầu chống dịch không đầy đủ hồ sơ chứng từ, các khoản chi vượt định mức, chi không đúng quy định.
114	Kiểm toán Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố: Xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật: - Đối với việc sử dụng kinh phí ngân sách cấp cho công tác phòng, chống dịch để chi trả một số khoản chi phí thuộc hoạt động dịch vụ tại Bệnh viện huyện Bình Chánh; - Đối với việc thu giá dịch vụ xét nghiệm cao hơn quy định (Bệnh viện Dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 Nguyễn Trãi; Bệnh viện Dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 Phạm Ngọc Thạch; Bệnh viện Bình Dân; Bệnh viện Dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 huyện Bình Chánh; Bệnh viện Nhân dân Gia Định).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
115	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Long An	Đề nghị UBND tỉnh Long An xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với việc để xảy ra trường hợp khai thác tài nguyên khoáng sản không phép tại Công ty CP Đầu tư Quốc tế C.S.Q.
116	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Đề nghị UBND tỉnh Bình Dương xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế sau: 1. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các Quyết định số 3054/QĐ-UBND và 3415/QĐ-UBND chưa đúng quy định (Sở Tài nguyên và Môi trường). 2. Việc không có các văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu khi cấp phép thăm dò, khai thác, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản (Sở Tài nguyên và môi trường). 3. Cục Thuế chưa chuyển thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN cho Sở Tài nguyên và Môi trường và báo cáo với UBND tỉnh để xử lý theo quy định tại Điều 58 Luật Khoáng sản đối với các trường hợp nợ đọng kéo dài, đã có văn bản thông báo nợ nhưng chưa khắc phục trong thời hạn 90 ngày (Công ty cổ phần Trung Thành, Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico).
117	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh chỉ đạo các đơn vị có liên quan xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân: 1. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường - Việc chậm tổ chức đấu giá quyền khai thác tài nguyên khoáng sản theo quy định tại Điều 78, điểm đ, khoản 1, Điều 81 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 và khoản 2, Điều 27, Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Việc Sở TN&MT chưa phối hợp chặt chẽ với Cục Thuế rà soát sản lượng kê khai nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường để xác định số thuế tài nguyên và phí BVMT của các mỏ đã có quyết định đóng cửa mở theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC về thuế tài nguyên và tại Khoản 3, Điều 14 Quy chế phối hợp trong công tác cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản và công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của ỦBND tỉnh Tây Ninh;

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Việc tham mưu cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong giai đoạn chuyển tiếp chưa xây dựng mới quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh; - Trong công tác thanh tra, kiểm tra không xử phạt các đơn vị thăm dò không nộp hồ sơ lưu trữ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại Trung tâm Thông tin Lưu trữ và Tạp chí địa chất, theo quy định tại Khoản 5 Điều 30 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; - Việc chậm tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy định Hệ số quy đổi từ thành phẩm sang nguyên khai theo quy định tại khoản 4, Điều 5, khoản 1, Điều 9 và khoản 1, Điều 10 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2017 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; - Việc để một số dự án đã hết thời hạn sử dụng đất nhưng chưa thực hiện kiểm tra và xử lý theo quy định. - Việc chưa tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học tại lòng hồ Dầu Tiếng theo quy định tại điểm b khoản 6 mục IV Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. 2. Tại Sở Xây dựng - Chưa xây dựng xong các giải pháp cải tạo các mỏ khoáng sản phân bố manh mún, nhỏ lẻ thành khu vực khai thác tập trung nhằm đảm bảo an toàn, cảnh quan môi trường sau khai thác, theo sự phân công nhiệm vụ tại Kế hoạch số 1648/KH-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh và Công văn số 2731/UBND-KTN ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh; - Việc tham mưu cho UBND ban hành Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 (ban hành theo Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh) chưa thể hiện rõ yêu cầu về công nghệ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương (đối với cát xây dựng, đất san lấp, cuội sỏi xây dựng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. Tại Cục Thuế Việc chưa thường xuyên cung cấp thông tin đầy đủ, chi tiết về sản lượng khai thác tài nguyên trong năm theo từng mỏ của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản cho Sở TN&MT biết, theo dõi theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC về thuế tài nguyên và tại Khoản 3, Điều 14, Quy chế phối hợp trong công tác cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản và công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, ban hành kèm theo Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 16/9/2020 của ỦBND tỉnh Tây Ninh.
118	Kiểm toán hoạt động Chương trình kích cầu thông qua đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh	1. Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân: - Trong việc tham mưu xây dựng văn bản, triển khai thực hiện Chương trình; - Trong công tác thẩm định, trình phê duyệt, phê duyệt các dự án tham gia Chương trình (đặc biệt có việc tham mưu, ban hành Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 căn cứ vào 02 quyết định đã hết hiệu lực pháp lý); - Trong công tác kiểm soát giải ngân hỗ trợ lãi suất cho dự án không đúng các quy định pháp luật. 2. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với các sai sót trong công tác tham mưu ban hành văn bản; công tác thẩm định, xem xét, trình phê duyệt dự án tham gia Chương trình (đặc biệt có việc tham mưu UBND Thành phố ban hành Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 căn cứ vào 02 quyết định đã hết hiệu lực pháp lý). 3. Đề nghị Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với các sai sót trong công tác tham mưu ban hành văn bản; công tác thẩm định, xem xét, trình phê duyệt dự án tham gia Chương trình kích cầu đầu tư. 4. Đề nghị Kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với các sai sót trong công tác kiểm soát giải ngân hỗ trợ lãi suất cho dự án.
119		1. Đề nghị UBND TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Sở ngành chức năng Thành phố và các đơn vị được kiểm toán tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm và xử lý theo quy định đối với tập thể cá nhân có liên quan đến việc: - Đối với HFIC: các khoản đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp không hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ mất vốn Nhà nước;

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh	- Đối với Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn: Các khu đất (31 khu đất) do Công ty mẹ, các đơn vị thành viên Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV đang quản lý và sử dụng (đã lập thủ tục về thuê đất) nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường chưa ký hợp đồng thuê đất; 03 khu đất chưa có đầy đủ các thủ tục để nộp tiền thuê đất, điều này ảnh hưởng đến nguồn thu của NSNN; việc chậm trễ phê duyệt quỹ lương hàng năm cho Tổng công ty. - Đối với Tổng công ty Bến Thành: (i) Chậm thẩm định báo cáo đánh giá hiệu quả và phê duyệt xếp loại doanh nghiệp năm 2020, 2021; (ii) Các vấn đề liên quan đến việc liên doanh giữa Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Norfolk và Tổng công ty đã hết thời hạn từ ngày 28/10/2021; (iii) Việc thuê đất tại ấp 4 phường Tân Thới Hiệp, Quận 12; (iv) Công tác xây dựng, thẩm định, phê duyệt và thực hiện đề án tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ. - Đối với Tổng Công ty Liksin: (i) Hoạt động đầu tư góp vốn kém hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ mất vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; (ii) Cử người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có góp vốn đầu tư liên doanh, liên kết không đúng với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty; (iii) Việc thuê đất tại địa chỉ Lô 17, đường số 1, KCN Tân Đức, Long An đến nay chưa đưa vào sử dụng; (iv) Việc chưa có hợp đồng thuê đất đối với 02 cơ sở nhà đất tại 66 và 76 Tôn Thất Tùng, phường Bến Thành, Quận 1; (v) Chậm trễ trong công tác thẩm định, phê duyệt, thực hiện đề án tái cơ cấu, cổ phần hóa doanh nghiệp giai đoạn 2018-2020 tại Tổng Công ty. - Đối với Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn: (i) Chậm phê duyệt và chỉ đạo thực hiện công tác cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn thực hiện Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố giai đoạn 2018-2020); (ii) Chưa chỉ đạo các Sở, ngành có biện pháp xử lý dứt điểm, đúng quy định của pháp luật liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất đai, tài sản trên đất của Tổng công ty, như: chưa cấp quyền sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất; chưa ký hợp đồng thuê đất và ra thông báo cho Tổng Công ty nộp tiền thuê đất; thu hồi các diện tích đất mà Tổng công ty không còn nhu cầu sử dụng… - Đối với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn: khoản đầu tư góp vốn vào 02 doanh nghiệp không hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ mất vốn Nhà nước.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Các đơn vị được kiểm toán tổ chức xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan để kiểm điểm, xác định trách nhiệm và xử lý theo quy định (nếu có) đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với việc: - Đối với HFIC: Người đại diện vốn tại các công ty liên kết, các khoản đầu tư khác để xảy ra tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, có nguy cơ tiềm ẩn mất vốn Nhà nước; chưa phê duyệt BCTC từ năm 2017-2021 của Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh nhà TP.HCM; chưa thực hiện kiểm tra, kiểm soát hoạt động SXKD của công ty con để xảy ra tồn tại như chưa kết chuyển giá trị còn lại của TSCĐ hình thành từ Quỹ KHCN khi chuyển sang sử dụng cho hoạt động SXKD từ năm 2019 tại Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP.HCM; một số khoản công nợ ứng trước cho người bán trên 3 năm nhưng không tổ chức đối chiếu xác nhận công nợ và có biện pháp thu hồi nợ. - Đối với Tổng công ty Thương mại Sài Gòn: (i) Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có vốn góp tại các doanh nghiệp chưa có biện pháp quản lý và xử lý kịp thời để tránh thua lỗ, đã và có nguy cơ thất thoát vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết có kết quả kinh doanh lỗ (gồm: 03 công ty con; 07 công ty liên doanh, liên kết, 05 công ty đầu tư dài hạn khác); (ii) Người đại diện vốn của Công ty mẹ tại các doanh nghiệp có vốn góp chưa có báo cáo kịp thời và đầy đủ về Tổng công ty để có các giải pháp khắc phục theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 47, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ (Ông Đào Công Tiến - Đại diện vốn tại Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn, ông Lê Bá Phát - Đại diện vốn tại Công ty CP Đầu tư Satra Thái Sơn, ông Nguyễn Đức Bình - Đại diện vốn tại Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng); (iii) Việc để xảy ra các khoản công nợ phải thu khó đòi có nguy cơ không thu hồi được, tiềm ẩn nguy cơ mất vốn của Nhà nước, của Tổng công ty; (iv) Việc Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, ban liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2021 của Công ty mẹ không hiệu quả. - Đối với Tổng công ty Bến Thành: (i) Người đại diện vốn tại các Công ty liên kết để xảy ra tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, thua lỗ có nguy cơ tiềm ẩn mất vốn đối với khoản vốn đầu tư (nếu có); (ii) Việc quyết định đầu tư bổ sung vốn trong năm 2021 đối với Công ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước trong khi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp này bị lỗ từ năm 2019. - Đối với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn: khoản đầu tư góp vốn vào 02 doanh nghiệp không hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ mất vốn Nhà nước.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Đối với Tổng công ty Liksin: (i) Người đại diện vốn tại các công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư khác để xảy ra tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, thua lỗ, có nguy cơ mất vốn Nhà nước đối với các khoản vốn đầu tư; (ii) Việc cử người đại diện vốn không phù hợp quy định theo Điều lệ của Tổng Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 21/9/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; (iii) Đối với việc Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp khác không đúng quy định tại Mục b Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP; (iv) Việc thuê đất tại địa chỉ Lô 17, đường số 1, KCN Tân Đức, Long An (diện tích 4.942,3 m^2) đến nay chưa đưa vào sử dụng (thuê từ tháng 12/2010); - Đối với Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn: (i) Để phát sinh nợ phải thu khó đòi chiếm tỷ trọng cao trong nợ phải thu, phải trích lập dự phòng, dẫn đến khả năng có nguy cơ mất vốn; (ii) Để xảy ra một số khoản đầu tư, liên doanh, liên kết có nguy cơ tiềm ẩn mất vốn của Nhà nước; (iii) Người đại diện chủ sở hữu và người đại diện vốn Nhà nước tại các công ty liên kết được kiểm toán chưa thực hiện đầy đủ quy định về quyền và trách nhiệm theo quy định.
120	Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế chi cho hoạt động kiến thiết thị chính, giao thông, thoát nước đô thị giai đoạn 2019-2021 của Thành phố Hồ Chí Minh	UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát và xác định trách nhiệm (nếu có) của các đơn vị liên quan trong việc thực hiện nguồn kinh phí duy tu bảo quản công viên dạ cầu Sài Gòn và duy tu phà Cát Lái, phà Bình Khánh chưa đúng theo quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và Luật Ngân sách nhà nước.
121	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư một số dự án tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án: Việc phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác bàn giao mặt bằng thi công xây dựng công trình; Thuyết minh thiết kế cơ sở trích dẫn quy chế không còn hiệu lực; phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình chưa phù hợp với chủ trương đầu tư; sai sót trong lập và phê duyệt tổng mức đầu tư dự án, lập và phê duyệt dự toán; công tác nghiệm thu, thanh toán.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
122	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bạc Liêu	Đề nghị UBND tỉnh Bạc Liêu: 1. Chỉ đạo UBND huyện Đông Hải: Xem xét xử lý trách nhiệm của Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hải trong việc ký kết hợp đồng với nhà thầu thi công gói thầu xây lắp số 05 Dự án đầu tư Xây dựng Trụ sở làm việc HĐND - UBND và các cơ quan huyện Đông Hải với hình thức hợp đồng trọn gói chưa thống nhất trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu và Quyết định trúng thầu (Hợp đồng theo đơn giá cố định); xác định giá gói thầu chưa cập nhật lại giá hạng mục: cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa theo quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng. 2. Tổ chức xem xét xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân tại các chủ đầu tư, Ban QLDA về việc lập dự toán sai quy định, sai thiết kế (tính trùng, tính thừa, không phù hợp so thiết kế, tính sai khối lượng, áp sai định mức)... dẫn đến xử lý tài chính đối với các Dự án: (i) Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu; (ii) Dự án sửa chữa mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp 7 km đê cấp bách trên địa bàn thành phố Bạc Liêu; (iii) Dự án Đầu tư xây dựng vùng sản xuất lúa - tôm ổn định thị xã Giá Rai; (iv) Dự án đầu tư Trụ sở làm việc HĐND-UBND và các cơ quan trực thuộc huyện Đông Hải; (v) Dự án đầu tư xây dựng Trường tiểu học Tôn Đức Thắng; (vi) Dự án đầu tư Xây dựng cầu Xẻo Vẹt và đường nối vào cầu Xẻo Vẹt và (vii) Dự án đầu tư Xây dựng, nâng cấp tuyến đường Ninh Quới - Ngan Dừa, huyện Hồng Dân.
123	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Sóc Trăng	Đề nghị UBND tỉnh Sóc Trăng tổ chức xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo quy định pháp luật đối với: 1. Sở Xây dựng trong công tác thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán còn sai sót về khối lượng, định mức đơn giá không hợp lý của Dự án Trung tâm Văn hoá - Thể thao tỉnh Sóc Trăng giá trị 7.887 triệu đồng (tương ứng tỉ lệ 6,67% giá trị dự toán phê duyệt). 2. Ban Quản lý dự án 1 trong công tác tổ chức lập thiết kế - dự toán, công tác nghiệm thu, thanh toán giai đoạn còn sai sót về khối lượng, định mức đơn giá không hợp lý giá trị 7.887 triệu đồng (tương ứng tỉ lệ 6,67% giá trị dự toán phê duyệt) (trong đó đã nghiệm thu thanh toán giai đoạn giá trị 3.496 triệu đồng); công tác đánh giá HSDT chưa căn cứ vào tiêu chí của HSMT được duyệt (Dự án Trung tâm Văn hoá - Thể thao tỉnh Sóc Trăng); phân chia, phê duyệt dự toán gói thầu chưa phù hợp với Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được UBND tỉnh phê duyệt nhưng chưa trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Dự án Cải tạo, nâng cấp Trụ sở

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		làm việc Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng). 3. Ban Quản lý dự án 2 trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, còn sai sót về khối lượng, định mức đơn giá; công tác nghiệm thu, thanh toán giai đoạn còn sai sót giá trị 3.439 triệu đồng tại 03 dự án được kiểm toán chi tiết (Xây dựng hệ thống thủy lợi tạo nguồn, trữ ngọt khắc phục phòng chống hạn mặn liên huyện (thị xã Ngã Năm, huyện Thạnh Trị, huyện Mỹ Tú, huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng; Cầu Mạc Đỉnh Chi, tỉnh Sóc Trăng; Nâng cấp hệ thống đê bao các cù lao thuộc huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng). 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ đầu tư (Sở Giáo dục và Đào tạo) trong việc lập, thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu từ đấu thầu rộng rãi qua mạng thành đấu thầu rộng rãi không qua mạng của Gói thầu số 01: Hạng mục 04 phòng học và 01 phòng bộ môn công trình Trường THCS Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chưa phù hợp với yêu cầu của nhà tài trợ (Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB) tại Văn bản ngày 18/11/2020 về việc mặc định sử dụng Hệ thống mua sắm điện tử quốc gia của Việt Nam trong các Dự án do ADB tài trợ. 5. UBND huyện Trần Đề trong việc: - Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và trình phê duyệt dự toán còn sai sót khối lượng, định mức đơn giá làm tăng giá trị dự toán 889,3 triệu đồng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán A-B còn sai sót khối lượng tại 02 dự án được kiểm toán chi tiết (Đường từ kênh Tư đến cống Bãi Giá, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; Trường Tiểu học Trung Bình B, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng). - Đối với Dự án Đường từ kênh Tư đến cống Bãi Giá: Không thực hiện lựa chọn nhà thầu (gói thầu rà phá bom mìn) theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 7/3/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là chưa phù hợp quy định tại Điều 56 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ; 6. UBND huyện Mỹ Xuyên trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và trình phê duyệt dự toán còn sai sót khối lượng, định mức đơn giá làm tăng giá trị dự toán 1.231,2 triệu đồng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán A-B còn sai sót khối lượng của 02 dự án được kiểm toán chi tiết (Đường liên xã Ngọc Tố - Ngọc Đông (Đường huyện 51,55), huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
124	Hoạt động quản lý môi trường đối với các cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2020 - 2021	1. Đề nghị Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ thực hiện kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc còn tình trạng chỉ tiêu nước thải tại 8 vị trí thu mẫu tại một số cửa xả của hệ thống thoát nước mưa vượt QCVN 40:2011/BTNMT (theo báo cáo kết quả quan trắc KCN Trà Nóc 1 và 2 năm 2020, 2021) do một số cơ sở SXKD xả nước thải trực tiếp trái phép vào hệ thống thoát nước mưa. Trong đó, Công ty có phát hiện chỉ lập biên bản vi phạm (*chi tiết Phụ lục số 06/BCKT-CĐMT*) nhưng không tiến hành thu mẫu nước thải làm cơ sở báo cáo cơ quan chức năng xử lý vi phạm và có biện pháp khắc phục. 2. Đề nghị UBND thành phố Cần Thơ tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân và xem xét xử lý theo quy định về việc: - UBND huyện Cờ Đỏ trong việc không thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, không đảm bảo về môi trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt dự án Mở rộng Khu xử lý chất thải rắn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ; để phát sinh ô nhiễm môi trường do nước rỉ rác tại Khu xử lý chất thải rắn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. - Trung tâm Xây dựng hạ tầng KCN Thốt Nốt ban hành quyết định đầu tư Nhà máy xử lý nước thải tập trung trong Khu công nghiệp Thốt Nốt trong khi Nhà máy chưa có trong quy hoạch 1/500 được duyệt tại Quyết định số 3641/QĐ-UBND ngày 26/10/2005 của UBND thành phố Cần Thơ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết - tỷ lệ 1/500 Trung tâm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện Thốt Nốt giai đoạn 1 và 2.
125	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của thành phố Cần Thơ	Đề nghị UBND Thành phố Cần Thơ xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đối với: 1. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã để xảy ra sai sót trong việc thu, nộp Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt không đúng theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ. 2. Ban QLDA ĐTXD thành phố Cần Thơ, Chi cục Thủy lợi thành phố Cần Thơ, UBND huyện Phong Điền, UBND quận Cái Răng đối với các sai sót trong công tác tổ chức lập thiết kế BVTC - dự toán làm tăng giá gói thầu, cụ thể: Ban QLDA ĐTXD thành phố Cần Thơ 01 dự án sai 3.627 triệu đồng, Chi cục Thủy lợi thành phố Cần Thơ 05 dự án sai 5.718 triệu đồng, UBND huyện Phong Điền 02 dự án sai 885 triệu đồng (Khu tái định cư Phong Điền 700 triệu đồng và Trường Trung học cơ sở thị trấn Phong Điền 185 triệu đồng), UBND quận Cái Răng 02 dự án sai 2.049 triệu đồng (Khu tái định cư Cái Răng 1.492 triệu đồng; dự án Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường lộ hậu Tân Thạnh Tây 561 triệu đồng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
126	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cà Mau	1. Đề nghị UBND tỉnh Cà Mau tổ chức xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo quy định pháp luật đối với: - Ban QLDA xây dựng công trình giao thông Cà Mau trong việc: chưa cập nhật lại cao độ để tính toán khối lượng san nền theo mốc điều chỉnh để tính toán giảm trừ khối lượng cát số tiền 2.251 triệu đồng (Gói thầu số 17 Dự án ĐTXD khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau); thiết kế đắp bờ bao xung quanh diện tích cần san lấp dẫn đến tăng khối lượng cát san lấp 4.642m3 tương đương số tiền khoảng 1.268 triệu đồng; phân chia giai đoạn thiết kế và triển khai thi công chưa đồng bộ dẫn đến việc trùng lặp, thừa khối lượng sau khi đào nền đường và đắp lại nền đường 29.621m^3 tương đương số tiền khoảng 8.699 triệu đồng (dự án ĐTXD khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thi cửa ngõ Đông Bắc) và phê duyệt hồ sơ mời thầu với tiêu chí bổ sung đối với hợp đồng tương tự không đúng quy định Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp (Gói thầu số 27 và gói thầu số 28 của dự án đường Phan Ngọc Hiển). - Tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan trong việc tham mưu cho UBND tỉnh: + Công tác thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 38 thuộc dự án thành phần 3 (Dự án đầu tư xây dựng cầu Gành Hào) tính thừa 1 lần giá trị xây lắp của đoạn tuyến từ Km1+000 đến Km1+500 làm tăng giá trị gói thầu 4.400 triệu đồng/46.148 triệu đồng, tỷ lệ tăng 9,5%; Tham mưu UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt KH vốn đầu tư công năm 2021 đối với Dự án XD tuyến tránh Chợ Thị trấn U Minh theo Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 là 14.000 triệu đồng, trong khi dự án chưa giải phóng mặt bằng, không kịp thời điều chỉnh nguồn vốn dẫn tới tỷ lệ giải ngân 0%, xác định tổng mức đầu tư của dự án không chính xác, sau 2 năm tăng 2,94 lần (từ 14.273 triệu đồng lên 42.039 triệu đồng). + Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu kênh 3 Thước bắc qua sông Biện Nhị, xã Khánh Hội; Dự án đầu tư Cầu ngọn Tiểu Dừa, xã Khánh Tiến và Dự án đầu tư cầu bắc ngang sông cái Tàu xã Khánh Thuận khi chưa được bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải của huyện giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện U Minh.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Tại UBND huyện Đầm Dơi và các đơn vị tham mưu về việc: chưa tuân thủ nguyên tắc bố trí vốn được quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 51 Luật Đầu tư công (cắt giảm 06 công trình do không có nguồn để bố trí vốn để điều chỉnh tăng 11 công trình cấp bách khác); Đưa 96/231 dự án vào danh mục đầu tư công trung hạn không có cơ sở xác định kế hoạch vốn, chưa phê duyệt chủ trương đầu tư là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công; Chỉ định thầu cho Công ty TNHH xây dựng Thiên Phát thực hiện thu gom rác từ năm 2020 đến nay không đúng qui định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. 2. Đề nghị UBND huyện U Minh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong tham mưu sử dụng ngân sách để cho các đơn vị tạm ứng ngoài phạm vi dự toán được giao 3.199 triệu đồng không đúng quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật NSNN. 3. Đề nghị Cục Thuế tỉnh Cà Mau: Xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan trong việc không kiểm tra, theo dõi để xử lý trên hệ thống 06 trường hợp chưa nộp tiền thuê đất không được miễn trong thời gian chậm nộp hồ sơ miễn với tổng số tiền nợp là 4.849 triệu đồng tương ứng với số tiền chậm nộp tính đến ngày 31/5/2022 là 2.345 triệu đồng; chưa thực hiện đầy đủ theo Văn bản 12997/BTC-TTr ngày 19/10/2020 của Bộ Tài chính về định hướng chung trong thanh tra, kiểm tra tài chính năm 2021.
127	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại TP. Cần Thơ	Trung tâm kiểm soát bệnh tật trong việc sử dụng vật tư do Sở Y tế cấp và nguồn vật tư được tài trợ để xét nghiệm dịch vụ có thu tiền.
128	Chuyên đề về huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại Hậu Giang	Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh trong việc thu tiền xét nghiệm Covid-19 của người bệnh nội trú không đúng theo quy định tại Mục 3 Công văn số 5028/BYT-KHTC ngày 23/06/2021 của Bộ Y tế với số tiền là 3.137 triệu đồng.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
129	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn năm 2017-2021 của tỉnh Cà Mau	UBND tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan theo quy định đối với các trường hợp sau: 1. Hội đồng thẩm định KHSDĐ (trong đó Sở TN&MT là cơ quan thường trực của Hội đồng) không có ý kiến đối với việc bản đồ KHSDĐ chưa phù hợp với bản đồ Quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) tại một số vị trí, tuyến đường theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 (bản đồ KHSDĐ huyện Năm Căn và Trần Văn Thời, chi tiết sai sót tại mục II.1a Phụ lục số 07/BCKT-QL.SDĐ). 2. Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tham mưu trình UBND tỉnh: - Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định trường hợp "Tách thửa đất do nhà đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư" tại khoản 7 Điều 5 Quyết 59/2018/QĐ-UBND (nay là khoản 7 Điều 7 Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30/11/2021) không phù hợp với quy định tại Điều 29 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; - Xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất đối với Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam tại Khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh theo giá đất được ban hành năm 2015 (giá 324.000 đồng/m^2, chưa tính chi phí đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về việc Phê duyệt giá đất cụ thể thu tiền thuê đất Khu Công nghiệp Khánh An) là chưa đúng với thời điểm tính tiền cho thuê đất (năm 2020) theo quy định tại khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013; - Bổ sung dự án vào KHSDĐ không đúng quy định tại Điều 46 Luật Đất đai năm 2013 (Bổ sung Dự án ĐTXD cửa hàng xăng dầu Tố Nga vào KHSDĐ năm 2016 thành phố Cà Mau; - Cho phép chuyển đổi mục đích SDĐ căn cứ theo Giấy phép quy hoạch thực hiện dự án để đánh giá sự phù hợp với QHSDĐ là không đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Điều 14 và khoản 1, Điều 52 Luật Đất đai năm 2013 (Công ty CP Chế biến và Dịch vụ thủy sản Cà Mau); - Cho chuyển mục đích SDĐ, cho thuê đất không phù hợp với QHSDĐ, KHSDĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 6; Điều 14 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013; chưa phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật Lâm nghiệp (Công ty TNHH Xăng dầu Tố Nga; Công ty CP Chế biến và Dịch vụ thủy sản Cà Mau; Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trung Nhân; Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại xuất khẩu Đại Phát; Công ty TNHH MTV An Khương Nguyễn Huân; Công ty TNHH TMDV Trường Khánh; Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp và Thủy sản AGRITECH; Công ty Cổ phần Đầu tư thủy

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		điện Sông Lam; Công ty TNHH MTV chăn nuôi Hải Hòa; Công ty TNHH Á Châu Hòa Thành; Công ty Cổ phần Khang Minh Cà Mau; Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau (Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau). 3. Sở Xây dựng trong việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Khóm 5, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỷ lệ 1/500: bố trí diện tích đất xây dựng nhà ở xã hội 16.9% (diện tích 1,7968 ha), chưa đảm bảo diện tích tối thiểu 20% (diện tích 2,1221 ha) theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015. 4. UBND thành phố Cà Mau trong việc: - Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 đồ án Khu dân cư khóm 4, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau - Khu vực xây dựng Bệnh viện Hoàn Mỹ Minh Hải, chuyển các thửa đất ở sang đất công cộng (đất bệnh viện) chưa phù hợp với Quy hoạch phân khu 1/2000 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định 37/2010/NĐ-CP; - Cho chuyển mục đích sử dụng đất chưa phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất (hồ sơ Trần Thu Thủy, hồ sơ Nguyễn Văn Lép), Kế hoạch sử dụng đất (hồ sơ Hoàng Ngọc Thủy, hồ sơ Tiết Thoại) theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 14 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013. 5. UBND huyện Trần Văn Thời trong việc cho chuyển mục đích sử dụng đất chưa phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 14 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013 (Hộ Nguyễn Mỹ Linh và Huỳnh Minh Hạnh; Nguyễn Trường Sang; Phan Ngọc Hiển; Lê Văn Tổng; Lê Thanh Duyệt; Võ Quốc Ái; Nguyễn Thị Triều; Nguyễn Thị Vol Ga). 6. UBND huyện Năm Căn trong việc: giao đất 02 trường hợp giao đất chưa phù hợp với Luật Đất đai năm 2013 (ông Trần Văn Minh; bà Cam Thị Thanh); chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với KHSDĐ hàng năm nhưng không phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh (hộ ông Võ Hoàng Lắm và bà Nguyễn Thị Phương, hộ ông Văn Hải và bà Lâm Thị Xiếu); Cho chuyển mục đích ngoài phạm vi đất ở so với KHSDĐ năm 2021 (ông Trương Văn Mừng); cho chuyển mục đích ngoài phạm vi đất ở cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (ông Trần Văn Vũ; Hộ ông Lê Việt Hùng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
130	Kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2021 tỉnh Quảng Ninh và Kiểm toán hoạt động việc thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư giai đoạn 2018-2021 tại Khu kinh tế Vân Đồn	Chủ đầu tư và Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp: Kiểm điểm làm rõ lý do và xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với việc tạm ứng các gói thầu xây lắp nhưng không có thỏa thuận kế hoạch giải phóng mặt bằng theo quy định.
131	Kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	1. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện và chỉ đạo các các cơ quan chức năng kiểm tra làm rõ và xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và xử lý theo đúng qui định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế được Đoàn kiểm toán nêu cụ thể tại Phần kết quả kiểm toán của Báo cáo kiểm toán, trong đó: - Việc ban hành đơn giá xét nghiệm Covid-19 không đúng thẩm quyền; việc thu giá dịch vụ xét nghiệm cao hơn mức quy định; chưa ban hành đơn giá xét nghiệm tại một số thời điểm theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Sở Y tế giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc chưa đúng thẩm quyền. - Việc Sở Y tế ký và thanh toán điều trị bệnh nhân, xét nghiệm PCR Covid-19 cho Bệnh viện Quân y 110-Cục Hậu cần-Quân khu 1 đối với Hợp đồng số 1348/HĐKT ngày 23/5/2021 và Hợp đồng số 1066/HĐKT ngày 10/5/2021 khi chưa được UBND tỉnh giao nhiệm vụ ký hợp đồng đặt hàng, hợp đồng chưa thể hiện giá trị, đơn giá chưa được UBND tỉnh phê duyệt. - Sở Y tế tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản về việc chưa áp dụng Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 về quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 chưa đúng thẩm quyền; tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành giá dịch vụ test nhanh, giá dịch vụ test PCR Covid-19 chưa kịp thời; tham mưu cho UBND tỉnh về định mức xăng dầu để xây dựng đơn giá lấy mẫu chưa thống nhất giữa các quyết định. - Một số đơn vị tiếp nhận hàng viện trợ bằng hiện vật, sử dụng trực tiếp tại đơn vị chưa thông qua Ủy ban MTTQ cùng cấp; không có biên bản họp Ban tiếp nhận để phân phối hàng hóa (Sở Y tế, 02 bệnh viện, Trung tâm y tế huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang); cấp phát hiện vật chỉ do 01 cá nhân phòng, ban đứng ra ký nhận, không có danh sách ký nhận của người được hưởng, định kỳ đơn vị chưa có báo cáo theo quy định (Trung tâm Y tế huyện Việt Yên).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang rà soát, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý theo đúng qui định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế được Đoàn kiểm toán nêu cụ thể tại phần kết quả kiểm toán của Báo cáo kiểm toán, trong đó: - Chậm triển khai và báo cáo các khó khăn vướng mắc khi thực hiện các nội dung theo Văn bản số 2523/MTTW-BTT ngày 16/6/2021 của Ban Thường trực Uỷ ban TWMTTQ Việt Nam, đã được Văn phòng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 4691/VPCP-TTTH ngày 13/7/2021 về việc phân bổ 80% kinh phí đóng góp tự nguyện chuyển vào quỹ Vắc xin phòng, chống dịch Covid-19 của Chính phủ do Bộ Tài chính quản lý. - Hồ sơ tài liệu chưa thể hiện việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiếp nhận tại Sở Y tế; Hàng hóa, hiện vật tiếp nhận được tổng hợp theo biểu thống kê "Biểu chi tiết huy động đóng góp tại Ủy ban MTTQ tỉnh chỉ điền tên (nhiều dòng chưa có tên) đơn vị được phân bổ. - Các "Giấy giao nhận hiện vật" nhiều bản giao nhận không có đầy đủ chữ ký các bên giao nhận (hiện vật không được đơn vị theo dõi chi tiết theo chủng loại, số lượng hiện vật đã được tiếp nhận và phân bổ, do đó chưa xác định được đơn vị đã có đủ giấy giao nhận). - Hồ sơ, tài liệu không đầy đủ căn cứ để xác định việc tiếp nhận và phân bổ hiện vật tại đơn vị đảm chính xác, đúng mục đích và đúng đối tượng.
132	Ngân sách địa phương năm 2021 thành phố Hải Phòng	Chủ đầu tư UBND quận Kiến An: Chỉ đạo xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, xử lý theo đúng quy định của pháp luật và thu hồi nộp NSNN số tiền 1.620.000.000 triệu đồng chi trùng bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng nút giao thông ngã 5 Kiến An, tránh thất thoát NSNN.
133	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Hải Dương	Đề nghị UBND tỉnh Hải Dương: Xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế sau để xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị UBND tỉnh Hải Dương chỉ đạo các các cơ quan chức năng kiểm tra làm rõ và xử lý theo đúng qui định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế được Đoàn kiểm toán nêu cụ thể tại Phần kết quả kiểm toán của Báo cáo kiểm toán, trong đó: 1. Đối với Sở Y tế tỉnh Hải Dương: Chưa thực hiện kiểm tra, rà soát thuốc Amizon khi phân bổ cho các cơ sở y tế trực thuộc (Bệnh viện Bệnh nhiệt đới 10.200 viên; TTYT Gia Lộc 1.000 viên; TTYT Tứ Kỳ 500 viên; TTYT Kim Thành 300 viên), do thuốc Amizon không nằm trong danh mục thuốc kháng virus theo các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19 do Bộ Y tế ban hành.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Đối với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương: Phân bổ vắc xin cho các cơ sở y tế tư nhân không có trong quyết định của Ban chỉ đạo PCD Covid-19 tỉnh Hải Dương. 3 Đối với Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh: Đề nghị Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương cấp 24.000 viên thuốc Amizon để điều trị cho bệnh nhân Covid-19, nhưng khi được cấp không sử dụng phải điều chuyển cho các cơ sở y tế khác, trong đó 6.270 viên hết hạn sử dụng. 4. Đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương: Đề nghị cấp kinh phí và quyết toán với NSNN chi phí xét nghiệm Covid-19 năm 2021 bằng phương pháp RT-PCR đối với 193 bệnh nhân gửi mẫu cho CDC tỉnh Hải Dương xét nghiệm. 5. Đối với Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương: Đề nghị cấp kinh phí và quyết toán với NSNN chi phí ngày giường điều trị cho bệnh nhân mắc Covid-19 vượt 68.212.300đ.
134	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Đề án 666) tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán chuyên đề "Việc quản lý sử dụng đất rừng; kinh phí bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên”	Đề nghị UBND tỉnh Điện Biên chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc: 1. Để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong năm 2021, việc tổng hợp, phân loại, theo dõi chưa chính xác nợ đọng xây dựng cơ bản theo mục đ khoản 2 Điều 69 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 *(UBND huyện Điện Biên Đông và Mường Chà).* 2. Để sảy ra sai sót trong công tác tính tiền thuê đất, miễn tiền thuê đất cho thời gian chậm làm thủ tục thuê đất của Công ty TNHH XNK TM & ĐT Phú Thịnh.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
135	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Lai Châu; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 666) tại tỉnh Lai Châu	Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong năm 2021
136	Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Sơn La	Đề nghị UBND tỉnh Sơn La xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân: 1. Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc còn để 03 điểm mỏ đá xây dựng (Tại bản Cút 1, 2, bản Phiêng Bay, xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai) đã bị khai thác trái phép *(không có giấy phép khai thác)* bởi HTX Lò Mạnh Sáng, HTX Hợp Thành từ trước thời điểm lập quy hoạch. 2. Kiểm điểm xử lý trách nhiệm đối với UBND các huyện để xảy ra 27 trường hợp thác khoáng sản trong khi cơ quan thuế đã theo dõi việc kê khai, thu nộp thuế tài nguyên (khai thác chưa có giấy phép và có giấy phép hết hạn).
137	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Phú Thọ.	Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ kiểm tra và làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ có liên quan đến việc: Chưa lập Báo cáo quyết toán riêng nguồn kinh phí hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
138	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Yên Bái	1. Đề nghị UBND tỉnh Yên Bái xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với tồn tại: Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn, Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Yên Bái, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái thu giá dịch vụ xét nghiệm cao hơn quy định. 2. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái kiểm tra và làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Yên Bái có liên quan đến việc: - Mở thiếu một số sổ kế toán *(sổ chi tiết các tài khoản, bảng cân đối số phát sinh,...)* để ghi chép, theo dõi việc tiếp nhận, phân phối tiền đóng góp và không phản ánh việc tiếp nhận, phân phối vào Báo cáo tài chính; - Chưa kịp thời công khai phân phối tiền đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.
139	Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 của tỉnh Lào Cai	Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai xem xét: Kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý để xảy ra các trường hợp hộ gia đình, cá nhân vi phạm làm nhà trên đất nông nghiệp tại thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng.
140	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	1. Đề nghị UBND tỉnh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thực hiện kiểm điểm tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định trong việc giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án điện mặt trời Long Sơn và dự án điện mặt trời Trung Sơn chồng lấn quy hoạch rừng sản xuất. 2. Đối với Bộ Công Thương: Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định trong việc: (i) Phê duyệt quy hoạch dự án nhà máy điện mặt trời Long Sơn và dự án điện mặt trời Trung Sơn có một phần diện tích sử dụng đất chồng lấn quy hoạch rừng sản xuất; (ii) Ban hành văn bản số 7088/BCT-ĐL ngày 22/9/2020 không phù hợp với Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Bổ sung nhà máy điện mặt trời Điện lực Miền Trung vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020 đã hết chu kỳ thực hiện.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
141	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	1. Đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định trong việc giao đất, cho thuê đất thực hiện các dự án chồng lấn một phần diện tích với quy hoạch 3 loại rừng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Thuỷ điện Đạ Br'len, Thủy điện Đa Nhim Thượng 2, Thủy điện Đa Nhim Thượng 3, Thuỷ điện Sar Deung 2). 2. Đề nghị Bộ Công Thương kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định trong việc ban hành Văn bản số 7088/BCT-ĐL ngày 22/9/2020 không phù hợp với Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
142	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Đề nghị Bộ Công Thương tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và xử lý theo quy định trong việc ban hành văn bản số 7088/BCT-ĐL ngày 22/9/2020 không phù hợp với Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
143	Chuyên đề đánh giá hiệu quả của chính sách ưu đãi và hỗ trợ về thuế, đất đai, bảo vệ môi trường cho phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo (NLTT) của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	1. Đề nghị Bộ Công Thương tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân trong việc: - Phê duyệt quy mô công suất của Dự án nhà máy điện mặt trời Thuận Nam 19 (Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng) là 49 MW, cao hơn quy mô công suất của dự án do UBND tỉnh Ninh Thuận đề xuất là 49 MWp, làm tăng quy mô công suất của dự án lên 25% so với đề xuất; - Phê duyệt quy hoạch 04 dự án tại tỉnh Ninh Thuận có ranh giới trùng với một số quy hoạch khác trên địa bàn tỉnh; - Ban hành văn bản số 7088/BCT-ĐL ngày 22/9/2020 không phù hợp với Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; - Phê duyệt bổ sung quy hoạch, theo đó xác định diện tích đất thực hiện Dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Ninh (Công ty Cổ phần Công nghiệp năng lượng Ninh Thuận) là 68,5 ha, công suất 45MWp, vượt 14,5 ha theo quy định. 2. Đề nghị UBND tỉnh Ninh Thuận tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân trong việc: - Sở Công Thương thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình thủy điện Thượng Sông Ông 1 tại Văn bản số 1780/SCT-CN ngày 01/11/2018, thẩm định thiết kế điều chỉnh tuyến công trình đầu mối dự án thủy điện Thượng Sông Ông 1, tỉnh Ninh Thuận tại Văn bản số 1232/SCT-CN ngày 07/8/2019, theo đó đồng ý cho nhà đầu tư xây dựng dự án không đúng ranh giới được Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 125/QĐ-BCT ngày 12/01/2018, không đúng ranh giới được UBND Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; - UBND tỉnh không lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp của Dự án Thủy điện Thượng Sông Ông 1 với quy hoạch và việc đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư theo quy định; - UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhà máy điện gió Lợi Hải 2 (Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình) khi dự án chưa được bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực, không đúng quy định.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
144	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015 - 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019 - 2021 của tỉnh Lâm Đồng	1. Xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến tồn tại, hạn chế của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng trong quá trình kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định, dẫn đến chưa có đầy đủ cơ sở để miễn tiền thuê đất cho các cơ sở xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề. 2. Xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến tồn tại, hạn chế của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc: thẩm định, trình cấp phép thành lập 02 Trung tâm GDNN chưa đúng quy định; tham mưu cấp phép thành lập, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN cho một số cơ sở GDNN không đúng mục đích sử dụng đất xác định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đối với một số trung tâm GDNN chưa có cơ sở; không đánh giá về đội ngũ giáo viên giảng dạy của 03 Trung tâm có đáp ứng đủ điều kiện về đội ngũ giáo viên theo quy định; chưa tham gia công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa lĩnh vực dạy nghề theo điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2015-2021.
145	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đối với các hạn chế tồn tại sau: 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án làm thay đổi quy mô dự án không đúng với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 (Ban quản lý Dự án Các công trình Giao thông; Sở KH&ĐT và UBND tỉnh Khánh Hòa); phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu khi cơ quan chuyên môn chưa thực hiện thẩm định đầy đủ các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 dẫn đến phải điều chỉnh dự án nhiều lần (UBND tỉnh Khánh Hòa). 2. Thẩm định và phê duyệt dự toán để xảy ra sai sót tại gói thầu số 9 thuộc dự án Kè, đập ngăn mặn sông Đá Hàn thị xã Ninh Hòa (Sở NN&PTNT, UBND thị xã Ninh Hòa); Quyết định chỉ định thầu các gói thầu không đúng hạn mức tại Dự án Đê kè chống xói lở hai bờ sông Dinh, thị xã Ninh Hòa. 3. Chưa bố trí đủ vốn từ nguồn ngân sách để trả nợ cho các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng (huyện Cam Lâm, thị xã Ninh Hòa).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		4. Chưa nghiêm túc trong việc cắt giảm các khoản chi theo quy định tại Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ. Còn thanh toán hạng mục bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm đổ tại chỗ tại gói thầu xây dựng thuộc dự án Gia cố, sửa chữa bờ kè đường Nguyễn Văn Linh, khu dân cư Hòn Rớ 1 khi chưa phê duyệt đơn giá (thành phố Nha Trang). 5. UBND thành phố Nha Trang chỉ đạo Ban Quản lý dịch vụ công ích kiểm điểm trách nhiệm trong việc: Không thực hiện đấu thầu mà chỉ định thầu gói thầu trồng cây xanh có giá trị gói thầu trên 500 triệu đồng, việc thương thảo, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được UBND thành phố Nha Trang phân bổ dự toán để thực hiện gói thầu; việc phê duyệt, nghiệm thu, thanh quyết toán chưa đúng quy định số tiền 827 triệu đồng.
146	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Phú Yên	Đề nghị Cục Hải quan tỉnh Bình Định thực hiện kiểm điểm trách nhiệm đối với các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc chưa tuân thủ quy trình thông quan hàng hóa, chưa thực hiện đúng quy trình xử phạt vi phạm đối với hành vi khai sai số lượng hàng nhập khẩu theo danh mục hàng hóa miễn thuế số 37/TC-2019-0004.
147	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Đề nghị UBND tỉnh Ninh Thuận xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế: 1. UBND tỉnh, Sở Xây dựng: - Tham mưu, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định tại tại điểm b, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ; nội dung Quy hoạch chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 24a/2016/NĐ-CP; chưa đảm bảo sự đồng bộ các quy hoạch khác có liên quan như: Quy hoạch một số điểm mỏ chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, thiếu quy hoạch khu vực chế biến, sân công nghiệp, đường vận chuyển... dẫn đến còn nhiều vướng mắc về thủ tục thuê đất; quy hoạch vật liệu xây dựng chồng lấn quy hoạch công trình thuỷ lợi. - Quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt chưa chặt chẽ dẫn đến một phần diện tích Dự án nhà máy điện gió Mũi Dinh nằm trong diện tích điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Thẩm định thiết kế một số dự án có vị trí dự án chưa phù hợp với các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch công trình thủy lợi.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. UBND tỉnh, Sở Công Thương: Quản lý quy hoạch sau khi được phê duyệt chưa chặt chẽ dẫn đến một phần diện tích Dự án nhà máy điện gió Mũi Dinh nằm trong quy hoạch phân vùng, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhưng chưa có biện pháp xử lý. 3. UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư: - Thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện gió Mũi Dinh một phần diện tích nằm trong quy hoạch phân vùng, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; một phần diện tích nằm trong diện tích điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Chấp thuận vị trí Dự án khai thác mỏ đá xây dựng Núi Tiêng 2, huyện Ninh Sơn chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.
148	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Khánh Hòa.	Đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hạn chế và tồn tại sau: 1. Việc ban hành Văn bản số 3118/SYT-KHTC ngày 20/7/2021 của Sở Y tế quy định mức giá dịch vụ test nhanh chưa phù hợp với quy định tại Văn bản số 5378/BYT-KHTC ngày 07/7/2021 của Bộ Y tế. 2. Chi trùng, chi vượt định mức cho đối tượng thụ hưởng tại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND thành phố Nha Trang, thị xã Ninh Hòa, UBND huyện Vạn Ninh.
149	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tồn tại, hạn chế: 1. Đối với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường: - Nhiều trường hợp chưa thực hiện đầy đủ thủ tục thuê đất theo quy định, chưa được giải quyết dứt điểm; chưa kịp thời xử lý các đơn vị chưa được cho thuê đất nhưng đã tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản; - Tham mưu, Quyết định ban hành tiêu chí quy định các điều kiện lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản không phù hợp với các điều kiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016;

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Tham mưu, phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi chưa xác định được nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng thông thường để làm cơ sở; Xác định các khu vực không đấu giá không đúng theo các tiêu chí quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP; Xác định toàn bộ khu vực quy hoạch khoáng sản là khu vực không đấu giá theo tiêu chí khu vực đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, trong khi diện tích khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp chỉ chiếm một phần diện tích khu vực khoanh định; - Tham mưu, cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản chưa đảm bảo về thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện thẩm định theo quy định của Nghị định 158/2016/NĐ-CP; Cấp phép khai thác với thời gian và trữ lượng huy động vào khai thác chưa phù hợp với hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt; Cấp phép diện tích khu vực khai thác chưa phù hợp với diện tích khu vực đã được phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong khi có cùng tọa độ các điểm khép góc; - Chưa rà soát để quản lý các trường hợp đăng ký thu hồi khoáng sản dẫn đến trường hợp thu hồi khoáng sản vượt sản lượng đăng ký được cho phép; chưa tham mưu UBND tỉnh xử lý hành vi khai thác và xuất khẩu khoáng sản cát trắng thủy tinh khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; - Thẩm định Thiết kế kỹ thuật thi công - TDT của 02 mỏ Núi Sầm và mỏ Nam Hòn Ngang của Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và Xây dựng giao thông Khánh Hoà không đúng quy định khi chấp thuận cho phép công ty khai thác vượt trữ lượng, vượt công suất khai thác quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản do UBND tỉnh cấp, không trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Thiết kế mỏ theo quy định; - Trong việc để xảy ra sai sót có 04 dự án nhà máy khai thác, chế biến đá granite có vị trí thực hiện dự án không phù hợp với các quy hoạch có liên quan. Đến thời điểm kiểm toán, có 02 dự án không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. 2. Đối với UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tham mưu, phê duyệt chủ trương đầu tư cho 04 nhà máy khai thác, chế biến đá granite có vị trí thực hiện dự án không phù hợp với các quy hoạch có liên quan, (Gồm: dự án Nhà máy chế biến đá ốp lát Diên Tân - Khánh Hòa - Công ty cổ phần - Tổng công ty Phú Tài; dự án Nhà máy chế biến đá Granite Suối Tiên - Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hòa; dự án Nhà máy chế biến đá granite Công Bình - Công suất 120.000m^3/năm

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Công ty TNHH Công Bình Nha Trang và dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác đá granite làm ốp lát tại khu vực thôn Đảnh Thạnh, xã Diên Lộc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa - Công ty TNHH Xây dựng Thương mại bất động sản Minh Nhật Phát); - Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện dự án Nhà máy chế biến cát xuất khẩu Viglacera ở khu vực đất quốc phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera không đúng đối tượng được phép sử dụng đất quốc phòng vào mục đích kinh tế.
150	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	Đề nghị Ban Quản lý dự án Thăng Long kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc để xảy ra các tồn tại sau: Chỉ đạo chưa hiệu quả trong việc tiến độ thực hiện các gói thầu xây lắp của Dự án còn chậm so với hợp đồng ban đầu và chậm so với tiến độ thi công điều chỉnh; Nghiệm thu, thanh toán khi chưa hoàn thành hạng mục công việc đối với khối lượng rãnh thoát nước siêu cao tại gói thầu 02-XL; nghiệm thu, thanh toán hạng mục đào đất khi chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý bãi đổ thải theo Chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án tại gói thầu số 04-XL và chưa chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện hoàn thành đổ thải theo Chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án tại các gói thầu 02-XL, 03-XL và 04-XL.
151	Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ tại tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hạn chế và tồn tại sau: 1. Các khoản chi không đúng quy định, sai chế độ: - Thành phố Bảo Lộc và huyện Đức Trọng sử dụng từ nguồn NSNN để chi phụ cấp tiền ăn cho các lực lượng tham gia chốt kiểm soát phòng, chống dịch, Thành phố Bảo Lộc sử dụng từ nguồn NSNN để chi tiền ăn cho lực lượng được phân công trực tại điểm tập kết giao nhận hàng hóa tập trung - điểm lưu trú cho lái xe vận chuyển hàng hóa (dân quân tự vệ) không đúng quy định theo Nghị quyết số 16/NQ-CP. - Liên đoàn Lao động tỉnh Lâm Đồng chi cho các chốt kiểm soát trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng không đúng quy định tại Mục 1 Điều 1 Quyết định số 2606/QĐ-TLĐ ngày 19/5/2021 của Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn. - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng sử dụng quỹ để chi cho các nhiệm vụ chi và hỗ trợ các đối tượng không đúng nội dung chi của Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (sử dụng nguồn kinh phí

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh Lâm Đồng chuyển ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác và hỗ trợ Ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng thực hiện chương trình "Sóng và máy tính cho em" không đúng quy định). - Huyện Đức Trọng lắp đặt "nhà container" để trang bị cho các chốt kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh Covid-19 bị trùng lắp giữa nguồn huy động cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện. 2. Hỗ trợ người dân có hộ khẩu tại Lâm Đồng đang sinh sống, học tập và làm việc tại các tỉnh, thành phố đang thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh COVID- 19 theo Chỉ thị 16/CT-TTg không đúng quy định.
152	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo: 1. Đối với UBND tỉnh Trà Vinh: - Chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan trong việc tham mưu, phê duyệt cho phép cập nhật thiết kế cơ sở trước thời hạn dự án kết thúc chưa phù hợp trình tự thực hiện các bước thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ; thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công không có thiết kế cơ sở được duyệt để làm căn cứ so sánh sự phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; đến thời điểm kiểm toán (dự án đã kết thúc) thiết kế cơ sở của các hạng mục, gói thầu phát sinh vẫn chưa được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: tham mưu, phê duyệt thực hiện các gói thầu từ nguồn vốn kết dư (vốn vay ODA) khi chưa có ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tham mưu, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án nhưng không có chủ trương đấu nối toàn bộ nguồn xả thải của dự án vào hệ thống xử lý nước thải của thành phố Trà Vinh dẫn đến còn 17/23 khu Lia's chưa được đấu nối. 2. Đối với Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc chậm lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; thực hiện chỉ định thầu chưa đầy đủ các nội dung yêu cầu về thời gian, địa điểm thực hiện theo quy định; thiếu thí nghiệm độ nhám và độ bằng phẳng mặt đường bê tông xi măng; công tác nghiệm thu thanh toán khối lượng, đơn giá còn sai sót qua phát hiện kiểm toán của KTNN. 3. Đối với UBND thành phố Trà Vinh: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: Thực hiện các gói thầu tư vấn nhưng không triển khai được các gói thầu xây lắp tương ứng và chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định; để phát sinh nợ XDCB các gói thầu trong thời gian dài và không xin ý kiến UBND tỉnh bố trí vốn để thực hiện.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
153	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	Đối với Sở Y tế tỉnh Trà Vinh: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan đối với các hạn chế, tồn tại trong công tác lập hồ sơ thiết kế - dự toán, thẩm định giá tại dự án.
154	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Trà Vinh	Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo: 1. UBND thành phố Trà Vinh kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác tổ chức quản lý xây dựng, lập dự toán thu phí rác thải sinh hoạt trích 15% giá trước thuế để chi trả trả cho người đi thu tiền rác không đúng quy định; thanh toán đốt rác với đơn giá theo hợp đồng ban đầu chưa tương ứng với quy mô đã điều chỉnh giảm so với quy mô ban đầu đối với việc đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh. 2. Đối với UBND tỉnh Trà Vinh: Xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc buông lỏng quản lý thu tiền thuê đất có mặt nước chuyên dùng đối với hoạt động khai thác cát sông, biển dẫn đến không huy động nguồn thu vào NSNN trong thời gian dài. 3. Đối với Cục Thuế tỉnh Trà Vinh - Kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc xác định thu tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ không đúng quy định dẫn đến lạm thu, ảnh hưởng đến quyền lợi của người nộp thuế; - Kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc không tham mưu lãnh đạo Cục Thuế báo cáo UBND tỉnh quản lý thu tiền thuê đất có mặt nước chuyên dùng đối với hoạt động khai thác cát sông, biển trên địa bàn tỉnh; không phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kịp thời đưa vào quản lý thuế đối với các trường hợp được cấp phép khai thác tài nguyên nước; - Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chuyển từ hành vi trốn thuế sang hành vi khai sai chưa đúng quy định đối với hồ sơ kiểm tra thuế Công ty TNHH MTV XD-TM-SX Dân Tiến. 4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc không chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai sang cơ quan thuế để thông báo thu tiền thuê đất có mặt nước chuyên dùng đối với hoạt động khai thác cát sông, biển dẫn đến không huy động nguồn thu vào NSNN trong thời gian dài.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
155	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Bến Tre	Đề nghị UBND tỉnh Bến Tre chỉ đạo: 1. Đối với UBND tỉnh Bến Tre: - Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong các việc: (1) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Văn phòng Đại diện tại số 508 đường Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích sử dụng làm văn phòng cho thuê không thuộc hoạt động kinh doanh xổ số, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014, điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Điều 3 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ; (2) Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Chợ Lách, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp trong việc không thu hồi khoản nợ phải thu kéo dài nhiều năm làm tiềm ẩn nguy cơ gây thất thoát NSNN; (3) UBND huyện Giồng Trôm: quyết định bán tài sản chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 167/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm 5 khoản 11 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP; điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và khoản 1, khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh Bến Tre. - Chỉ đạo Cục Thuế kiểm điểm trách nhiệm Lãnh đạo Chi cục Thuế trực tiếp phụ trách, Trưởng đoàn kiểm tra và các cá nhân có liên quan đến việc kiến nghị xử lý hồ sơ kiểm tra thuế xác định ưu đãi sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp vào NSNN của Quỹ tín dụng nhân dân Tân Thành Bình. - Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc trình HĐND tỉnh bố trí sử dụng số tạm ứng ngân quỹ nhà nước để chi ĐTXD cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2000/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính và chưa đúng mục đích tạm ứng ngân quỹ nhà nước đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 1041/QĐ-BTC ngày 20/5/2021, số tiền đã tạm ứng và chi đầu tư 137.000 triệu đồng; việc ứng trước và thu hồi ứng trước kế hoạch vốn chưa đúng quy định của Luật NSNN số 83/2015/QH13 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQHNQ14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Đối với Sở Tài chính tỉnh Bến Tre: - Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa thực hiện kiến nghị của KTNN tại các Báo cáo kiểm toán năm trước về có biện pháp xử lý thu hồi dứt điểm các khoản tạm ứng, ứng trước từ ngân sách tỉnh đã quá hạn thu hồi từ nhiều năm trước. - Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa kịp thời rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán NSĐP và báo cáo HĐNT tỉnh điều chỉnh giảm một số khoản chi khi số thu xổ số kiến thiết, thu sử dụng đất trong năm 2021 không đạt dự toán được HĐND tỉnh quyết định theo Luật NSNN dẫn đến giá trị giải ngân kế hoạch vốn từ nguồn thu thu xổ số kiến thiết trong năm vượt số thu thu xổ số kiến thiết trong năm. 3. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc để phát sinh nợ đọng XDCB. 4. Đối với Kho bạc nhà nước Bến Tre: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc cho phép kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch vốn ngân sách xã từ năm 2021 sang năm 2022 nhưng chưa được HĐND tỉnh cho phép theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2029/QH14. 5. Đối với UBND huyện Thạnh Phú: Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan của Phòng Kinh tế và Hạ tầng trong công tác nghiệm thu thanh toán 100% giá trị hợp đồng xử lý rác năm 2020, năm 2021 cho Công ty TNHH TM-DV Môi trường Rồng Xanh chưa phù hợp quy định về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng, Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Bến Tre và Điều 24, Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. 6. Đối với UBND huyện Giồng Trôm: Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong việc tham mưu lập hồ sơ bán tài sản công thiếu các văn bản (gồm: Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công; danh mục tài sản đề nghị bán; quyết định bán tài sản công của Chủ tịch UBND tỉnh).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
156	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị UBND tỉnh Đồng Tháp tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan: 1. UBND tỉnh Đồng Tháp - Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với các hạn chế, thiếu sót: (i) Tham mưu ban hành Quyết định số 165/QĐ-XPVPHC ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp xử phạt hành vi vận chuyển hàng hóa nhập lậu chưa đúng quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính; (ii) Quản lý và thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 đạt tỷ lệ thấp hơn 95% theo quy định tại khoản 4 Mục II, điểm đ khoản 5 Mục 3 Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư; (iii) Chưa tham mưu thực hiện cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất, thu tiền thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên; (iv) Tham mưu ban hành định mức chi thù lao cho đối tượng không giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội không đúng quy định tại Điều 1 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ; (v) UBND các huyện Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Tân Hồng và Cao Lãnh không thực hiện cắt giảm 50% dự toán chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước, đoàn ra, đoàn vào của năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ, không báo cáo số liệu chưa cắt giảm tiết kiệm 50% chi hội nghị, công tác phí theo đề nghị phối hợp cung cấp thông tin, số liệu của Tổ kiểm toán và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp (theo Công văn số 2376/STC-QLNS ngày 12/8/2022). - Chỉ đạo Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan của Phòng Kế toán trong việc chưa nghiêm túc chấp hành kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến nội dung *"Chưa xuất hóa đơn kê khai thuế GTGT đầu ra đối với quà tặng khách hàng theo quy định tại điểm a khoản 7 và khoản 9 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015"* đã có kết luận, kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp. 2. Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp: - Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với hạn chế, thiếu sót trong việc: (i) Tham mưu, đề xuất kiến nghị xử lý hồ sơ thanh tra, kiểm tra truy thu thiếu thuế phải nộp hoặc kiến nghị giảm lỗ thiếu đối với các Đoàn thanh tra, kiểm tra thuế tại: Công ty Cổ phần Lương thực Phương Thanh; Công ty TNHH XNK Phương Thanh; Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Cửu Long; Công ty CP Phát triển Hùng Cá 2; Công ty CP

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		TMDV&XNK Lương thực Rồng Việt; CN Công ty Dược Tây Ninh; Công ty TNHH MTV Thiên Phú Điền; (ii) Tham mưu ban hành Công văn số 2375/CT-TTr ngày 09/10/2017 của Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn Công ty TNHH Gạo Tân Hiệp Thành xác định ưu đãi thuế chưa đúng quy định khoản 5, khoản 8 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC và khoản 2 Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. - Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa thực hiện kiểm tra, phân tích, xử lý các DN có chênh lệch sản lượng tài nguyên nước trên Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên thấp hơn sản lượng khai thác do Sở TN&MT đang theo dõi (Công ty TNHH TV-TK Thành Đạt; DNTN Văn Hồ Trung; DNTN Thanh Hồng Cao Lãnh; Công ty TNHH Cấp nước Long Hậu). 3. Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp - Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với các hạn chế, thiếu sót: (i) Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 377/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 nhưng chưa nêu rõ nguồn để Tỉnh bố trí tăng dự toán chi cân đối NSĐP năm 2021 so dự toán chi được Trung ương giao, dẫn đến việc dự toán do HĐND tỉnh quyết định thể hiện dự toán chi các chương trình từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW (kinh phí sự nghiệp) thấp hơn số TW giao 309.482 triệu đồng là chưa đúng quy định điểm đ khoản 1 Điều 50 Luật NSNN; (ii) Tham mưu UBND tỉnh giao dự toán chi các sự nghiệp của ngân sách cấp tỉnh cao hơn dự toán HĐND tỉnh quyết định, chưa đúng quy định tiết a khoản 1 Điều 50 Luật NSNN; (iii) Chưa rà soát, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán NSĐP và báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh giảm một số khoản chi khi số thu xổ số kiến thiết trong năm 2021 không đạt dự toán được HĐND tỉnh quyết định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52 Luật NSNN, dẫn đến tổng giá trị giải ngân năm 2021 và số đã chuyển kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2022 vượt số thực thu năm 2021 là 192.411 triệu đồng; (iv) Ban hành Công văn số 3702/STC-QLNS ngày 29/12/2021 hướng dẫn hạch toán tiền thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê vào mục 1400 - "Thu tiền sử dụng đất" là chưa đúng quy định Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính. - Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với các hạn chế, thiếu sót: (i) Chưa theo dõi và trình phân bổ sử dụng đối với số thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa hàng năm theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ; (ii) Chậm tham mưu UBND tỉnh và UBND tỉnh

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		chưa trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét xử lý số hụt thu cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2021 theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52 Luật NSNN. 4. UBND thành phố Sa Đéc: Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan Ban quản lý công trình đô thị thành phố Sa Đéc và xử lý theo quy định của Pháp luật đối với các hạn chế, thiếu sót: (i) Ký hợp đồng thực hiện vệ sinh đô thị thành phố Sa Đéc năm 2019, 2020, 2021 không có điều khoản quy định nghiệm thu thanh toán theo khối lượng thực tế trái với Báo cáo thẩm định số 06/KQTĐ-QLĐT ngày 01/3/2019 của Phòng Quản lý đô thị; (ii) Không tổ chức nghiệm thu khối lượng vệ sinh đô thị thành phố Sa Đéc năm 2019, 2020, 2021 theo thực tế dẫn đến thanh toán chưa đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, không chấp hành ý kiến của cơ quan thẩm định dự toán. 5. UBND các huyện Tân Hồng và Tháp Mười: Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc phân bổ vốn đầu tư không đúng nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định tại khoản 7 Điều 48 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. 6. Chi cục Thuế khu vực 2 (huyện Châu Thành): Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tham mưu lập Giấy điều chỉnh thu ngân sách số 1911 ngày 02/12/2021 đề nghị KBNN huyện Châu Thành điều chỉnh nguồn thu ngân sách huyện từ nguồn thu tiền thuê đất của Công ty TNHH Ricefarm sang nguồn thu tiền sử dụng đất, số tiền 5.839 triệu đồng chưa đúng quy định Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính.
157	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích (DVCI) giai đoạn 2019-2021 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo các đơn vị: 1. Đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang - Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc không thực hiện các kiến nghị kiểm toán của KTNN, đặc biệt đối với kiến nghị liên quan đến việc tổ chức kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của Nhà nước đối với dự án Cảng du thuyền tại BCKT NSĐP năm 2019 của tỉnh Tiền Giang. - Kiểm điểm trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tạm ứng cho Công ty Điện lực Tiền Giang để đầu tư lưới điện tại các xã thực hiện nông thôn mới không thuộc nhiệm vụ chi của NSĐP, không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 57 Luật NSNN; Điều 10, Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tổ chức, cá nhân liên quan việc tham mưu phương án xử lý hụt thu làm phát sinh nợ đọng XDCB 249.281 triệu đồng của 16 dự án thuộc nguồn vốn XSKT năm 2021; - Chỉ đạo Sở GTVT làm rõ và kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc Bến xe Tiền Giang sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi thu nhập tăng thêm, phúc lợi, khen thưởng cho người lao động nhưng không bố trí được nguồn để hoàn trả; chậm nộp tiền thuê đất và phạt chậm nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế (từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2019). - Chỉ đạo Sở NN&PTNT làm rõ và kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc Ban quản lý Cảng cá Tiền Giang chậm nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế (năm 2019, 2020); - Chỉ đạo Sở TN&MT làm rõ và kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chưa kịp thời chuyển thông tin liên quan vị trí, diện tích, loại đất cho cơ quan Thuế để làm cơ sở xác định lại đơn giá thuê đất đối với 46 hợp đồng thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê. 2. Đối với Cục Thuế tỉnh Tiền Giang: Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan qua kết quả thanh tra, kiểm tra thuế truy thu thiếu số thiếu phải nộp vào ngân sách nhà nước: (i) Đoàn kiểm tra thuế tại Quyết định số 144/QĐ-CTTGI ngày 05/3/2021, kiểm tra thuế niên độ 2019- 2020 của Công ty TNHH SD; (ii) Đoàn thanh tra thuế tại Quyết định số 802/QĐ-CT ngày 11/5/2020, thanh tra niên độ 2018-2019 của Công ty Đại Hưng; (iii) Đoàn thanh tra thuế tại Quyết định số 960/QĐ-CT ngày 26/5/2020, thanh tra niên độ 2018-2019 của Công ty TNHH Phước Đạt; (iv) Đoàn kiểm tra thuế tại Quyết định số 3005/QĐ-CCT ngày 07/8/2020; kiểm tra thuế niên độ 2018-2019 của Công ty TNHH Sản xuất TM Anh Giáp; (v) Đoàn thanh tra thuế xác định chỉ tiêu "vốn vay chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay" để kết luận DN có liên kết với ngân hàng chưa đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/NĐ-CP ngày 05/11/20211 (Công ty TNHH Xây lắp điện Xuân Phát); Và Đoàn thanh tra xử lý truy thu thuế từ việc phân bổ lại chi phí công cụ dụng cụ để xử lý truy thu thuế đối với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Phát NHT. 3. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong công tác tham mưu phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 không phù hợp với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo từng nguồn vốn, không đúng nguyên tắc lập KH ĐTC theo quy định tại khoản 7 Điều 48 Luật ĐTC số 39/2019/QH14 của 27 danh mục công trình, với kế hoạch vốn 132.653 triệu đồng; phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho 10 danh mục dự án, với kế hoạch vốn 124.000 triệu đồng không đúng mục đích sử dụng nguồn vốn "đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội".

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		4. Đối với UBND thị xã Gò Công: - Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong công tác tổ chức quản lý thu, tổ chức thu phí, giá DVCI dẫn đến công tác quản lý, tổng hợp số thu còn chưa đầy đủ, kịp thời; số tiền thu được từ các hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã Gò Công các năm 2019, 2020, 2021 chưa được Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gò Công rà soát để khấu trừ vào chi phí thu gom rác hàng năm và chưa nộp đầy đủ vào NSNN. - Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong việc phòng Quản lý đô thị thị xã Gò Công không lập các Báo cáo quyết toán năm 2019, 2020 gửi Phòng Tài chính Kế hoạch thực hiện xét duyệt và thông báo quyết toán năm theo Điều 3 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 1457/UBND-TC ngày 17/4/2018 của UBND tỉnh Tiền Giang.
158	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ các tỉnh Bến Tre	UBND tỉnh Bến Tre xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế để xử lý theo quy định của pháp luật cụ thể: 1. UBND tỉnh: Việc chưa trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành các quy định chi có tính chất đặc thù của địa phương về chi bồi dưỡng trực chốt kiểm soát theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật NSNN, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/20216/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ. 2. Sở Tài chính: Việc chưa tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành quy định chi có tính chất đặc thù của địa phương về chi phụ cấp cho nhân viên làm sạch của các Công ty vệ sinh tại các cơ sở y tế theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật NSNN, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/20216/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ. 3. Sở Y tế: Việc chưa có ý kiến thẩm định điều chỉnh giảm một số khoản chi chưa hợp lý trong bảng tính chi phí cấu thành giá xét nghiệm virut test nhanh do bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu lập và trình ban hành mức giá dịch vụ test nhanh. 4. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh: Việc theo dõi, tổng hợp việc tiêu hủy vắc xin phòng Covid-19 theo số liệu thực tế phát sinh tại các điểm tiêm phòng. 5. UBND huyện Châu Thành: Việc tham mưu và rà soát các đối tượng nhận hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 còn trường hợp bị trùng; việc chi hỗ trợ lực lượng tham gia phòng, chống dịch chưa đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/03/2020 và Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ; thu giá dịch vụ thu giá dịch vụ test nhanh Covid-19 cao hơn quy định.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
159	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ các tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị tỉnh Đồng Tháp xác định trách nhiệm của tập thể, các nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế để xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể: 1. Sở Tài chính, Sở Y tế chưa tham mưu ban hành kịp thời Nghị quyết quy định đơn giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08/11/2021 của Bộ Y tế. 2. Sở Tài chính tham mưu ban hành các văn bản, quy định chế độ, định mức, thời gian hỗ trợ đối với người làm nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp chưa phù hợp Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 3. Phòng TC-KH huyện Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc; phòng LĐ-TB&XH huyện Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc trong việc tham mưu danh sách xét duyệt và cấp kinh phí chi hỗ trợ cho đối tượng người dân lao động tự do tại huyện Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc bị trùng. 5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp: (i) Chuyển tiền ủng hộ quỹ phòng, chống Covid-19 cho Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp để chi tiền Tết Nguyên đán cho 2.416 viên chức, người lao động tại 25 đơn vị trực thuộc chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Mục I Hướng dẫn số 65/HD-MTTW-BTT ngày 27/5/2021 của MTTQ TW; Mục 5 Công văn số 2738/MTTW-BTT ngày 02/8/2021 của MTTQ TW; (ii) Chi hỗ trợ văn nghệ sĩ có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo và chi hỗ trợ người dân của tỉnh Đồng Tháp đang sinh sống làm việc tại các tỉnh, thành phố đang thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (TP.HCM, Bình Dương) khi bị nhiễm Covid-19 chưa phù hợp quy định; (iii) hỗ trợ người Khơmer gốc Việt đang sống tại thủ đô Phnôm Pênh, chi trả tiền vận chuyển hàng hóa không có hợp đồng vận chuyển và hỗ trợ tiền xăng cho Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh. - Ủy ban MTTQ huyện Cao Lãnh: Chi mua điện thoại hỗ trợ học sinh nghèo học online; chi cho Liên đoàn lao động huyện hỗ trợ công nhân. - Ủy ban MTTQ thành phố Sa Đéc: Chi khen thưởng Tổ nhân dân tự quản, chi hỗ trợ bác sĩ, điều dưỡng trực tiếp điều trị cho bệnh nhân nhiễm Covid-19, chi tiền xăng, tiền điện thoại cho lực lượng quân sự, công an, dân quân, bảo vệ dân phòng, bác sỹ các khu cách ly.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		- TTYT thành phố Sa Đéc chi hỗ trợ nhân viên y tế lấy mẫu test dịch vụ, chi hỗ trợ nhân viên lập kế hoạch, thống kê, báo cáo, nhập liệu. - TTYT huyện Cao Lãnh chi phụ cấp lực lượng tham gia phòng, chống dịch (lực lượng bảo vệ khu điều trị cách ly).
160	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ các tỉnh Tiền Giang	Đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xác định trách nhiệm của tập thể, các nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế để xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể: Chậm đưa vào sử dụng 2 hệ thống máy ECMO tại Bệnh viện Đa khoa trung tâm; việc thu giá xét nghiệm Covid-19 chưa đúng theo quy định; chi hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động (chi hỗ trợ gạo theo Công văn số 5644/VPCP-KTTH ngày 16/8/2021 của Văn phòng Chính phủ; chi hỗ trợ lao động tự do theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ tại thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành) không kịp thời, chưa bảo đảm quy định.
161	Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Long thực hiện kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức cá nhân liên quan việc thực hiện hỗ trợ đầu tư cho Công ty TNHH Đông Phát Food chưa phù hợp theo khoản 2 Điều 4 Nguyên tắc thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư của Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Vĩnh Long.
162	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường trục chính thị xã Bình Minh (đoạn từ đường Phan Văn Năm đến đường dẫn cầu Cần Thơ) thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án khi nguồn vốn chưa được đảm bảo dẫn đến chưa triển khai được giai đoạn 2 của dự án; chưa thực hiện các quy định về thẩm định an toàn giao thông đối với dự án theo quy định của Chính phủ và của Bộ Giao thông vận tải.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
163	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	1. UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án khi nguồn vốn chưa được đảm bảo dẫn đến chưa triển khai được các tuyến còn lại của dự án; chưa thực hiện các quy định về thẩm định an toàn giao thông đối với dự án theo quy định của Chính phủ và của Bộ Giao thông vận tải. 2. Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc quản lý thi công gói thầu xây lắp 02 còn chậm tiến độ; còn sai sót trong công tác quản lý xác định khối lượng nghiệm thu, thanh toán tại các gói thầu xây lắp; chưa báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến đối với các công tác sử dụng định mức điều chỉnh để lập dự toán tại gói thầu xây lắp số 02; chưa thực hiện các thủ tục thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán đối với các công tác có thay đổi biện pháp thi công đã được UBND tỉnh cho chủ trương thay đổi; chưa thu hồi nguồn vốn tạm ứng quá hạn theo quy định của hợp đồng và quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.
164	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp	1. Đề nghị Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp tổ chức: - Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác: lập thiết kế - dự toán và dự toán phát sinh gói thầu xây lắp, dự toán thiết bị; công tác thương thảo, ký kết hợp đồng thi công xây dựng gói thầu số 29; lựa chọn đơn vị thẩm định giá; công tác kiểm tra, giám sát quy trình thẩm định giá đối với đơn vị thẩm định giá; công tác quản lý khối lượng thi công, nghiệm thu một số thiết bị nhưng thiếu các tờ khai hải quan hoặc tờ khai hải quan đã bị tẩy xóa giá chưa đúng quy định của hợp đồng; công tác quản lý đơn giá và giá thanh toán; quản lý tiến độ thi công; quản lý chất lượng công trình; việc chưa dự kiến và chậm báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về khối lượng hoàn thành và dự kiến nhu cầu vốn năm 2021 dẫn đến phát sinh nợ đọng XDCB. - Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác lắp đặt, nghiệm thu các thiết bị nhưng chậm bàn giao, đưa vào sử dụng. 2. Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác: công tác quản lý khối lượng thi công, nghiệm thu một số thiết bị nhưng thiếu các tờ khai hải quan hoặc tờ khai hải quan đã bị tẩy xóa giá chưa đúng quy định của hợp đồng; công tác quản lý đơn giá và giá thanh toán; quản lý tiến độ thi công; quản lý chất lượng công trình và việc phát sinh nợ đọng XDCB.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
165	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đồng Tháp	Đề nghị tỉnh Đồng Tháp kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan: 1. UBND tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với việc giao dự toán cho đơn vị sử dụng từ nguồn dự kiến chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 trước khi trình Thường trực HĐND Tỉnh xem xét, bố trí nhiệm vụ chi từ nguồn tiết kiệm chi năm 2021 theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật NSNN chưa đúng quy định về chi chuyển nguồn ngân sách tại Điều 64 Luật NSNN, chưa đủ điều kiện chi NSĐP năm 2021 theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 8 Luật NSNN; công tác theo dõi quản lý số dư nguồn kinh phí của Sở Tài chính chưa chặt chẽ, cụ thể nên thời điểm giao dự toán bổ sung chưa biết rõ số dư thực của từng nguồn kinh phí dẫn đến, một số nhiệm vụ chi năm 2022 đã được thực hiện (tính đến 30/9/2022) số tiền 231.400 triệu đồng nhưng chưa có nguồn dự toán đảm bảo là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật NSNN. 2. Sở Tài chính: Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đối với công tác theo dõi quản lý số dư nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh của Sở Tài chính chưa chặt chẽ, cụ thể, dẫn đến một số nguồn kinh phí còn số dư đến cuối năm 2021 trên báo cáo tổng hợp theo dõi các nguồn kinh phí nhưng thực tế không còn nguồn tại tồn quỹ ngân sách, số tiền 1.137.622 triệu đồng.
166	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Cao Bằng	Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong việc tham mưu, quyết định phân bổ vốn dự phòng ngân sách trung ương số tiền 106,7 tỷ đồng chưa đảm bảo mục tiêu và nguyên tắc quy định tại mục 2, Quyết định số 1509/BTC-NSNN.
167	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Hà Giang	UBND tỉnh Hà Giang chỉ đạo các đơn vị: UBND huyện Yên Minh kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc ký hợp đồng "chuyển nhượng quyền sử dụng đất" sai thẩm quyền; báo cáo UBND tỉnh Hà Giang tình hình thực hiện Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất của Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện Yên Minh (trụ sở làm việc cũ), giao UBND huyện Yên Minh để bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xử lý theo quy định.
168	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Tuyên Quang	Kiểm điểm trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong việc chưa bố trí đủ nguồn vốn địa phương để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2021 đối với các dự án được bố trí vốn từ nguồn dự phòng NSTW tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ (đến thời điểm kiểm toán mới chỉ có hạng mục chính của dự án được hoàn thành và nghiệm thu, đưa vào sử dụng).

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
169	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Bắc Kạn	Đề nghị UBND tỉnh Bắc Kạn kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan; thực hiện và xử lý theo đúng quy định pháp luật việc chuyển nguồn kinh phí tạm ứng của 16 đề tài không được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài.
170	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên giải trình làm rõ, đồng thời xác định trách nhiệm cá nhân, tập thể theo quy định pháp luật trong việc không có hồ sơ tài liệu liên quan đến việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, dự án.
171	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hạn chế và tồn tại sau: 1. Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình thu giá dịch vụ test nhanh cao hơn quy định (thu vượt 78,9 triệu đồng). 2. Các khoản chi không đúng quy định, chi sai chế độ: (1) Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình chi sai quy định số tiền 7,8 triệu đồng; (2) Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc huyện Văn Lãng chi sai hỗ trợ sai quy định số tiền 12 triệu đồng. 3. Sở Lao động, Thương binh - Xã hội tỉnh Lạng Sơn thẩm định, ký Tờ trình để trình UBND tỉnh ra quyết định hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động không đúng điều kiện được hỗ trợ dẫn đến cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn căn cứ để chi hỗ trợ 405 triệu đồng sai quy định cho 02 doanh nghiệp.
172	Kiểm toán Chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	1. Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với hạn chế và tồn tại sau: Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên thực hiện thu giá dịch vụ xét nghiệm test nhanh kháng nguyên SARS-CoV2 cao hơn quy định (thu vượt 143 triệu đồng). 2. Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh Thái Nguyên: Giao UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 184/NQ-HĐND ngày 01/12/2021 chưa đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chưa kịp thời dẫn đến còn có khoảng trống pháp lý.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
173	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và các Chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Ninh Bình	Đề nghị UBDN tỉnh Ninh Bình xem xét, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định pháp luật trong việc tham mưu, quyết định phê duyệt Dự án Xây dựng Cơ sở hạ tầng thiết yếu trung tâm giống cây trồng, vật nuôi, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 1 khi không đảm bảo nguồn vốn thực hiện dẫn đến dự án phải dừng triển khai gây lãng phí NSNN đối với các khoản chi phí chuẩn bị đầu tư.
174	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và các Chuyên đề: "Việc thực hiện chính sách xã hội hóa theo Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề giai đoạn 2015-2021" và "Việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021" tại tỉnh Nam Định	Đề nghị UBND tỉnh Nam Định chỉ đạo làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định trong việc: 1. Các huyện (Ý Yên, Mỹ Lộc, Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy) còn tình trạng phát sinh nợ XDCB sau ngày 31/12/2014. Tổng số nợ xây dựng cơ bản tại 05 huyện đến hết niên độ 2020 là 725.633 triệu đồng; số nợ đến hết niên độ 2021 là 830.194 triệu đồng, tăng so với năm 2020 là 104.561 triệu đồng. 2. Trường mầm non Hạnh phúc sử dụng đất cơ sở sản xuất kinh doanh để thực hiện xây dựng cơ sở giáo dục là không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
175	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm công tác chuyển mục đích sử dụng đất, rừng các loại; trồng rừng thay thế); xây dựng kênh chính Bắc từ K10+760 ÷ Kc, hệ thống kênh cấp 1 trở xuống hồ Krông Pách Thượng và các chi khác có liên quan	Đối với UBND tỉnh Đắk Lắk xem xét Kiểm điểm trách nhiệm tổ chức, cá nhân và xử lý theo quy định đối với việc: 1. Trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tại khu tái định cư số 2 với diện tích 49,09ha trong tổng diện tích 432,11 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. 2. Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn sai sót tại BQLDA tỉnh, TTPTQĐ M'Drăk, TTPTQĐ Krông Bông với số tiền 247 triệu đồng (Chi tiết tại phụ lục số 11a/BCKT-DADT).
176	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Lắk	1. Đối với Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk: Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các sai sót trong việc lập, thẩm tra hồ sơ khảo sát thiết kế dự án Đê bao ngăn lũ phía Nam sông Krông Ana chưa đúng quy định. 2. UBND thành phố Buôn Ma Thuột: Phối hợp với Sở Xây dựng nghiêm túc kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm các đơn vị, cá nhân có liên quan để dẫn đến phát sinh khó khăn cho công tác triển khai thi công dự án đường Hùng Vương (đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Nguyễn Văn Cừ), TP Buôn Ma Thuột (Giai đoạn 1) theo Văn bản số 762/UBND-CN ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh.
177	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và căn cứ nguyên nhân, mức độ để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc: 1. Không xử phạt, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản không đúng quy định tại Nghị định số 33/2017/NĐ-CP và Nghị định số 36/2020/NĐ-CP; Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá không có trong quy hoạch, vượt diện tích quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; cấp phép khai thác khoáng sản không thông qua đấu giá đối với các mỏ không đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		2. Cấp giấy phép, cho phép khai thác khoáng sản đối với 02 doanh nghiệp trên diện tích đất rừng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định. 3. Cho phép ông Tô Văn Phước (chủ DNTM Minh Lợi) chuyển mục đích sử dụng rừng không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28 Luật bảo vệ phát triển rừng số 29/2004/QH11; Chưa kịp thời trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản theo quy định tại Điều 52 Luật Quy hoạch; chậm ban hành quyết định điều chỉnh danh mục các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản dẫn đến việc UBND tỉnh cấp 02 Giấy phép thăm dò, khai thác cát không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng không đáp ứng được tiêu chí khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.
178	Kiểm toán NSĐP, báo cáo quyết toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Đắk Nông	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và tùy theo nguyên nhân, mức độ sai phạm để xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các khuyết điểm, tồn tại, cụ thể như sau: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông trong việc: (i) Đề xuất, tham mưu UBND tỉnh cho phép tạm ứng vượt quá 50% giá trị hợp đồng các gói thầu của dự án Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô (Giai đoạn I) chưa đủ cơ sở và chưa phù hợp nguyên tắc tạm ứng vốn quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC (ii) Tổ chức triển khai thực hiện dự án chậm so với tiến độ của dự án, chậm thu hồi tạm ứng đối với dự án Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô (Giai đoạn I); (iii) Không thực hiện các cam kết theo Tờ trình số 296/BQL-KHTH ngày 16/10/2020 và yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 5438/UBND-KTTH ngày 21/10/2020.
179	Kiểm toán Chuyên đề quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và căn cứ nguyên nhân, mức độ để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc: 1. Không xử phạt, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 33/2017/NĐ-CP và Nghị định số 36/2020/NĐ-CP. 2. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản không đúng quy định; gia hạn Giấy phép khai thác cát cho DNTN Quỳnh Mai tại khu vực khai thác liền kề điểm sạt lở; cấp Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản cho doanh nghiệp khai thác cát không ghi cụ thể tọa độ các điểm khép góc; xác nhận khu vực, công suất, khối lượng,

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản cho DNTN Xây dựng và Dịch vụ Phát Hải Nam không đủ căn cứ; phê duyệt trữ lượng, cấp phép khai thác khoáng sản đối với mỏ đá Gabro không thuộc thẩm quyền. 3. Chậm phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. 4. Để Công ty TNHH MTV sản xuất gạch Hương Giang khai thác đất sét làm gạch, ngói trong một thời gian dài nhưng không có giấy phép khai thác. 5. Chậm ban hành Quyết định thay đổi về giá tính thuế tài nguyên theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 44/2017/TT-BTC dẫn đến làm thất thu thuế.
180	Kiểm toán NSĐP năm 2021 của tỉnh Kon Tum	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kiểm kiểm và tùy theo nguyên nhân, mức độ sai phạm để xử lý theo quy định đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các khuyết điểm, tồn tại, cụ thể như sau: 1. Các Sở, ngành trong việc tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí cho Hội Luật gia để chi trả tiền lương đối với công chức biệt phái chưa đúng quy định. 2. Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc yêu cầu về năng lực thực hiện hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu cao hơn mức yêu cầu của gói thầu, chưa phù hợp quy định tại điểm a khoản 5 Mục I Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. 3. Trường Trung học phổ thông DTNT tỉnh trong việc thực hiện tách nhỏ gói thầu để chỉ định thầu mua sắm, hồ sơ yêu cầu chưa tuân thủ quy định. 4. UBND huyện Đắk Hà trong việc ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên chưa đảm bảo theo quy định.
181	BCKT Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	Đề nghị UBND tỉnh Đồng Nai xem xét xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến các việc: 1. UBND tỉnh chưa có văn bản kiến nghị các Bộ, Ngành trung ương xem xét điều chỉnh, bổ sung Khung chính sách theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; 2. Chưa tổ chức thẩm định và phê duyệt lại giá đất cụ thể để bồi thường khi thu hồi đất theo kiến nghị của KTNN dẫn đến tình trạng giá đền bù quyền sử dụng đất khi thu hồi đất chưa đảm bảo cơ sở pháp lý.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. Tham mưu, ban hành Khung chính sách đền bù hỗ trợ và tái định cư, nhưng vẫn còn nội dung tại khoản 5 Điều 25, trong khi tại mục 3.20 của Tờ trình số 8910/TTr-UBND ngày 06/9/2017 UBND Tỉnh đã báo cáo bỏ nội dung này của Khung chính sách. 4. Bồi thường cho Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai đối với số lượng cây trồng sau thời điểm ngày 23/01/2013 là thời điểm UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 288/QĐ-UBND về kế hoạch sử dụng đất cấp huyện là chưa phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 92 và Khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai 2013. Số tiền đã bồi thường cho số lượng cây sau thời điểm này là 31.417 triệu đồng. 5. Chi hỗ trợ 100% tiền xây dựng nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp, có dấu hiệu không đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Khung chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành. 6. Chưa thực hiện việc quy hoạch hành lang an toàn giao thông đường bộ, hành lang an toàn nguồn nước đối với các sông, suối, hồ,... từ đó làm tăng chi phí bồi thường cho ngân sách nhà nước khi thu hồi các diện tích đất chưa có Giấy CNQSD đất, nhưng có đủ điều kiện hợp thức hóa và cấp GCNQSD đất. 7. Đối với UBND cấp xã, phường trong việc xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp bao gồm cả các hộ có các thành viên trong hộ là người đang có thu nhập thường xuyên từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, không phải hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TN&MT. 8. Đối với UBND cấp xã, phường trong việc xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp bao gồm cả các hộ mà người đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ đã ủy quyền công chứng cho người khác toàn quyền quản lý, sử dụng, mua bán, thế chấp, cầm cố… trước thời điểm thu hồi đất, do đó, người này sẽ không phải là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT. 9. Đối với cá nhân, tập thể liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng trên diện tích đất lấn chiếm suối cho ông Nguyễn Đức Hữu trái quy định pháp luật.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
182	Kiểm toán NSĐP năm 2021 và chuyên đề công tác quản lý nhà nước về đất đai giai đoạn 2017-2021 tỉnh Đồng Nai	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị kiểm điểm, xác định trách nhiệm của các tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định liên quan đến các tồn tại, hạn chế, vi phạm phát hiện qua kiểm toán, cụ thể như sau: 1. Sở Tài chính liên quan đến các việc: - Không tham mưu UBND tỉnh trích lập quỹ dự trữ tài chính hàng năm theo kiến nghị của KTNN, dẫn đến khi xảy ra dịch bệnh không có đủ nguồn dự trữ tài chính để sử dụng; - Hạch toán Tabmis dự toán chi thường xuyên không tự chủ vào nguồn 13 - Kinh phí tự chủ cho Văn phòng Tỉnh ủy không đúng quy định. 2. Cục Thuế tỉnh Đồng Nai liên quan đến các việc: - Thanh tra Thuế tại Công ty TNHH Chăn nuôi Quang Minh Phát, nhưng không làm rõ và kết luận về các dấu hiệu nghi vấn hoàn thuế GTGT (giá trị trang trại nuôi heo trên các hồ sơ, chứng từ hoàn thuế có thể cao hơn giá trị đầu tư xây dựng trang trại nuôi heo trên thực tế); - Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn nhưng không phát hiện các doanh nghiệp kê khai thuế tài nguyên sai đơn giá và thuế suất; không kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định; kê khai phí bảo vệ môi trường không đúng quy định; - Ban hành Quyết định số 18/QĐ-CT ngày 17/02/2016 về việc miễn giảm theo chính sách ưu đãi đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Gò Dầu tỉnh Đồng Nai, trong đó vẫn cho miễn tiền thuê đất cho thời gian chưa nộp đủ hồ sơ theo quy định, chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Mục 3 Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 25/06/2018 của Bộ Tài chính; - Ban hành Quyết định số 82/QĐ-CT ngày 01/11/2015 về việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản vượt thời gian, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành; - Chưa có các giải pháp hữu hiệu về việc chống thất thu thuế TNCN và lệ phí trước bạ của hoạt động kinh doanh bất động sản trên địa bàn Tỉnh theo sự chỉ đạo của Tổng cục Thuế và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị
		3. UBND huyện Xuân Lộc: Kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân trong việc lựa chọn nhà thầu xử lý rác chưa đủ năng lực xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp chế biến phân hữu cơ (compost) đảm bảo tỷ lệ chôn lấp dưới 15% hoặc bằng phương pháp đốt (không phải phương pháp đốt phát điện) đảm bảo tỷ lệ chôn lấp dưới 15% làm tồn đọng rác thải, gây ô nhiễm môi trường.
183	Kiểm toán NSĐP năm 2021; Chuyên đề việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công ích giai đoạn 2019-2021; Chuyên đề việc thực hiện công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất công và các cơ sở nhà đất thuộc quản lý của nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đề nghị UBND Tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân liên quan đến các việc: (i) Trình UBND Tỉnh phê duyệt Phương án đấu giá và công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất không phù hợp quy định tại Điều 14 Nghị định 45/2014/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP và Điều 9 Thông tư 48/2017/TT-BTC; (ii) Trình UBND Tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 05 khu đất mà KTNN đã nêu trong phần Kết quả kiểm toán dựa trên các Chứng thư thẩm định giá còn nhiều tồn tại, hạn chế, bất cập, chưa tuân thủ Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.